

ABRIDGE TOO FAR

Cornelius Ryan

Tiểu Thuyết



MỘT CÂY CẦU QUÁ XA

CORNELIUS RYAN

Người dịch: seahawk1.

"Dọc theo hành lang hẹp cho phép chiến xa cơ động, có năm cây cầu chiến lược cần phải chiếm. Chúng cần phải được chiếm nguyên vẹn bằng tấn công đổ bộ đường không. Trong đó cây cầu thứ năm, cây cầu sinh tử bắc qua hạ lưu sông Rhin tại một nơi có tên Arnhem, làm tướng Frederick Browning, phó tư lệnh đạo quân đổ bộ đường không số 1 của Đồng Minh, lo lắng. Chỉ vào cây cầu Arnhem trên bản đồ, ông ta hỏi, "Lực lượng thiết giáp sẽ cần bao lâu để đến được chỗ chúng tôi?" Thống chế Montgomery trả lời ngắn gọn, "Hai ngày". Vẫn nhìn vào bản đồ, Browning nói, "Chúng tôi có thể giữ được bốn ngày." Rồi sau đó ông nói thêm, "Nhưng, thưa ngài, tôi nghĩ rất có thể chúng ta sắp chọn một cây cầu quá xa."

(Cuộc họp cuối cùng tại sở chỉ huy của Montgomery về chiến dịch Market Garden, tháng Chín năm 1944, theo như thiếu tướng Roy E. Ughart thuật lại trong hồi ký "Arnhem")

LỜI GIỚI THIỆU VỀ CHIẾN DỊCH MARKET GARDEN (17 - 24/9/1944)

Ngay sau 10 giờ sáng ngày chủ nhật 17/9/1944, từ các sân bay nằm ở khắp miền nam nước Anh, đội quân máy bay vận tải chở lính lớn nhất đã từng được tập trung cho một chiến dịch duy nhất bắt đầu cất cánh. Cùng với chúng, vào tuần thứ 263 của Thế chiến thứ hai, Tổng tư lệnh lực lượng Đồng Minh, tướng Dwight David Eisenhower, bật đèn xanh cho chiến dịch Market Garden, một trong những chiến dịch táo bạo và giàu sáng tạo nhất của cuộc chiến. Cũng thật ngạc nhiên, Market Garden, một chiến dịch phối hợp giữa đổ bộ đường không với tấn công mặt đất, lại được vạch ra bởi một trong những tư lệnh thận trọng nhất của Đồng Minh, thống chế Bernard Law Montgomery.

Market, lực lượng đổ bộ đường không trong kế hoạch, là một đạo quân khổng lồ, bao gồm gần năm ngàn máy bay tiêm kích, ném bom, vận tải và hơn 2500 tàu lượn. Chiều ngày chủ nhật đó, vào đúng 1 giờ 30, trong một cuộc tấn công ban ngày chưa từng có tiền lệ, toàn bộ lực lượng quân dù của Đồng Minh, cùng với xe cộ trang bị, bắt đầu được thả xuống sau chiến tuyến của quân Đức. Mục tiêu của cuộc đổ bộ táo bạo và lịch sử này: nước Hà Lan đang bị quân đội nazi chiếm đóng.

Trên mặt đất, triển khai dọc biên giới Bỉ - Hà Lan, là lực lượng Garden, gồm

những đoàn tăng hùng hậu của đạo quân Anh số 2. Vào 2 giờ 35 chiều, sau đợt pháo bắn mở đường và được máy bay phóng pháo yểm trợ, đoàn xe tăng bắt đầu tiến qua lãnh thổ Hà Lan theo tuyến đường chiến lược mà lực lượng dù đang đánh chiếm và giữ thông.

Kế hoạch đầy tham vọng của Montgomery được xây dựng để đưa quân và chiến xa xuyên qua Hà Lan, vượt sông Rhine tiến thẳng vào chính nước Đức. Chiến dịch Market Garden, Montgomery lý luận, sẽ là đòn sét đánh để hạ gục Đế chế thứ ba và chấm dứt chiến tranh trong năm 1944.

PHẦN I - CUỘC RÚT LUI

Ở ngôi làng Hà Lan Driel có cả ngàn năm tuổi, dân làng chăm chú lắng nghe. Ngay cả trước lúc rạng đông, những người bồn chồn không ngủ được đã thức giấc, ánh đèn bắt đầu le lói sau những khung cửa sổ đóng kín. Đầu tiên họ chỉ cảm thấy có chuyện gì đang diễn ra đâu đó rất gần. Dần dần cảm giác mơ hồ định hình rõ hơn. Từ phía xa những tiếng động rì rầm không dứt vọng lại.

Hầu như không thể nghe rõ, nhưng tiếng động vẫn từng đợt vọng tới ngôi làng. Không thể nào nhận ra được nguồn gốc những tiếng động mơ hồ, nhiều người lại nghe thấy rõ ràng có gì đó thay đổi trên dòng sông Rhine Hạ gần đó. Ở Hà Lan, một nửa lãnh thổ nằm dưới mực nước biển, thủy tai luôn là kẻ thù thường trực, đe dọa là vũ khí chủ yếu trong cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ đã bắt đầu từ trước thế kỷ 11. Driel, nằm ở khúc quanh lớn của sông Rhine Hạ, ở tây nam Arhem, thủ phủ của vùng Gelderland, đã luôn là nhân chứng cho cuộc đấu tranh đó. Chỉ cách làng vài trăm mét về phía bắc, một con đê khổng lồ, có chỗ vươn cao lên đến hơn 20 bộ, trên đỉnh là đường, bảo vệ ngôi làng và cả vùng khỏi con sông rộng hơn 400 mét luôn trái tính trái nết. Nhưng vào buổi sáng ngày hôm đó không có gì đáng báo động về con sông. Sông Rhine chảy hiền hoà lên biển Bắc theo tốc độ thông thường hai dặm một giờ của nó. Tiếng động không dứt vang lên từ nền đá của con đê chắn là do một kẻ thù khác, còn tàn bạo hơn nhiều, gây ra.

Khi bầu trời rạng dần, mặt trời bắt đầu xoá tan màn sương mù, tiếng động mỗi lúc một rõ hơn. Từ những con đường đi từ phía đông tới dân làng Driel có thể nghe tiếng xe cộ di chuyển - tiếng di chuyển mỗi lúc một âm hơn. Tới lúc đó sự bất an của họ đã trở thành hốt hoảng, vì giờ thì chẳng còn gì để nghi ngờ về nguồn gốc của những tiếng động đó: lúc này đã là năm thứ năm của Thế chiến thứ hai, và vào tháng thứ năm mươi một dưới ách chiếm đóng Nazi, tất cả mọi người đều nhận ra đó là tiếng động do các đoàn quân Đức di chuyển gây ra.

Còn đáng lo ngại hơn nữa là quy mô của cuộc di chuyển này. Sau này nhiều người đã nhớ lại rằng, trước đó mới chỉ một lần họ nghe thấy những tiếng động như vậy - vào tháng Năm 1940, khi quân Đức xâm lược Hà Lan. Vào lúc ấy, tràn qua biên giới của Đế chế Đức nằm cách Driel chừng mười đến mười lăm dặm, đội quân cơ giới hoá của Hitler đã tiến tới đường xa lộ chính và nhanh chóng tràn qua vùng này. Lúc này đây, cũng trên chính những con đường đó, một lần nữa những đoàn quân có vẻ lại hồi hải tiến đi không ngừng nghỉ.

Những tiếng động lạ lùng vẳng lại từ con đường lộ gần nhất - một xa lộ hai làn xe chạy nối Arhem, trên bờ bắc của sông Rhine hạ, với thành phố Nijmegen cổ kính thành lập từ thế kỷ thứ tám, nằm bên bờ con sông lớn Waal, cách nơi này mười một dặm về hướng nam. Trên nền tiếng động trầm trầm của động cơ, dân làng có thể phân biệt rõ những âm thanh riêng biệt có vẻ thật lạ lùng với một đoàn quân xa - tiếng bánh xe ngựa, tiếng động do vô số xe đạp gây ra, và tiếng bước chân chậm chạp, hỗn độn.

Đây là đoàn quân xa kiểu gì vậy? Và, quan trọng hơn nữa, nó đi về hướng nào? Vào thời điểm này của cuộc chiến tương lai của Hà Lan

có thể sẽ phụ thuộc vào câu trả lời. Hầu hết mọi người đều tin rằng những đoàn quân xa này chở lực lượng tăng viện - có thể để tăng cường cho các trại lính tại Hà Lan hay tiến về phía nam để ngăn chặn bước tiến của Đồng Minh. Quân Đồng Minh đã giải phóng bắc Pháp với tốc độ ngoạn mục. Lúc này họ đang giao chiến ở Bỉ, và người ta nói họ đã tiến sát thủ đô Brussels, nằm cách đó chưa đầy trăm dặm. Tin đồn cũng đoán chắc rằng những đơn vị thiết giáp hùng mạnh của Đồng Minh đang hướng tới biên giới Hà Lan. Nhưng không ai ở Driel có thể nói chắc chắn được các đoàn quân xa Đức đang đi về hướng nào. Khoảng cách và sự hỗn loạn của tiếng động vọng lại khiến mọi dự đoán là không thể. Và do lệnh giới nghiêm ban đêm dân cư trong làng không thể ra khỏi nhà để đi xem tận mắt được.

Bị ám ảnh bởi cảm giác không chắc chắn, họ cũng chỉ đành biết đợi. Họ không thể ngờ rằng chỉ ít lâu trước khi trời sáng ba gã tân binh - toàn bộ lực lượng Đức đóng trong làng - đã bỏ chạy trên những chiếc xe đạp đánh cắp và biến mất trong màn sương mù. Thế là chẳng còn ai để kiểm soát lệnh giới nghiêm trong làng nữa.

Không hề hay biết, dân cư trong làng tiếp tục ở lại trong nhà. Nhưng những người tò mò nhất trong số họ quá sốt ruột không thể chờ lâu hơn và quyết định đánh liều sử dụng điện thoại. Từ nhà mình tại số 12 Honingveldstraat, nằm bên cạnh xưởng làm mứt của gia đình, cô gái trẻ Cora Baltussen gọi điện cho các bạn cô sống ở Arnhem. Cô gái không thể tin nổi những gì họ đã tận mắt chứng kiến. Các đoàn quân xa không hề hướng về phía nam tới mặt trận phía tây. Vào buổi sáng mù sương đó, ngày 4/9/1944, quân Đức và tất cả những kẻ ủng hộ chúng có vẻ đều hồi hả tháo chạy khỏi Hà Lan, sử dụng tất cả những phương tiện có thể.

Xa hơn năm mươi dặm về phía nam, tại các làng mạc và thành phố nằm sát biên giới Bỉ, người Hà Lan ngổ ngàng. Họ nhìn mà không dám tin vào mắt mình trong khi đám tàn quân tan nát của Hitler từ bắc Pháp và Bỉ đổ về lũ lượt kéo qua đồng ng弃疾 trước cửa sổ nhà họ. Sự suy sụp xem ra lan rất nhanh, bên cạnh đám nhà binh, hàng ngàn thường dân Đức và Nazi Hà Lan cũng rút chạy. Và với đám đông đang tìm cách tháo thân này có vẻ mọi con đường đều dẫn về biên giới Đức.

Bởi vì cuộc rút lui đã bắt đầu một cách rất chậm rãi - với một vài đoàn xe con và xe tải vượt qua biên giới Bỉ- không mấy ai ở Hà Lan có thể nói chính xác nó đã bắt đầu lúc nào. Có người tin rằng cuộc tháo lui bắt đầu ngày 2/9, một số khác lại cho là ngày 3. Nhưng đến ngày 4, sự di chuyển của quân Đức và đồng minh của chúng đã đạt tới mức điển hình của một cuộc bỏ chạy, một cuộc tháo thân kinh hoàng mà đỉnh cao là vào ngày mùng 5, một ngày sau này được biết tới trong lịch sử Hà Lan như là Dolle Dinsdag, "Ngày thứ ba điên khùng".

Sự hoảng loạn và vô tổ chức có lẽ là những từ đặc trưng nhất cho cuộc bỏ chạy này của người Đức. Tất cả các loại phương tiện di chuyển đều được tận dụng. Ních đầy những con đường từ biên giới Bỉ ngược lên phía Bắc tới Arhem là xe tải, xe buýt, xe con, xe half-track, xe bọc thép, xe ngựa kéo của các nông trại và các xe hơi dân sự chạy bằng than hay củi. Đâu đâu dọc theo đoàn lũ hành hỗn độn này cũng có từng đám lính bê Bett bụi, mệt mỏi hối hả đạp xe đạp lao đi.

Thậm chí còn có những phương tiện di chuyển lạ đời hơn nữa. Ở thị trấn Valkenswaard, chỉ cách biên giới Bỉ vài dặm về phía Bắc, người ta thấy lính Đức mang vác nặng nề gò lưng ra đi trên những chiếc xe đạp dành cho trẻ con. Cách đó sáu chục dặm, ở Arhem, đám đông

túm tụm lại ở Amsterdamseweg để theo dõi khi một cỗ xe tang lừng lừng màu đen thép bạc được kéo bằng một đôi ngựa cày đứng đĩnh diễu qua trước mặt. Ngồi đông nghịt trên cái giá dành để quan tài là cỡ hai chục lính Đức nhếch nhác, kiệt sức.

Chen lẫn lẫn nhau trong đám loạn quân tháo chạy này là binh lính Đức thuộc vô số đơn vị. Người ta có thể bắt gặp lính Panzer trong bộ chiến phục màu đen; binh lính của Luftwaffe, chắc hẳn là tất cả những gì còn lại của các đơn vị không lực Đức đã bị tan tác ở Pháp hay Bỉ; lính lục quân thuộc chừng hai chục sư đoàn khác nhau; và lính Waffen SS, không thể lẫn vào đâu được với phù hiệu hình đầu lâu và hai khúc xương bắt chéo. Nhìn đám lính toi tả, có vẻ không có chỉ huy này thất thủ diễu qua vô tổ chức trước mặt, cô gái trẻ Wilhelmina Coppens ở St.Oedenrode nghĩ rằng "phần lớn chúng chẳng biết mình đang ở đâu hay thậm chí đang đi về đâu." Một số binh lính, trước sự thú vị đầy căm ghét của những người Hà Lan bên đường, đã hoàn toàn lạc hướng đến mức phải hỏi thăm dân chúng đường về phía biên giới Đức.

Tại thành phố công nghiệp Eindhoven, quê hương của người khổng lồ đồ điện Philips, dân cư đã nghe thấy tiếng đại bác ầm ầm vọng lại từ phía Bỉ nhiều ngày nay. Đến lúc này, nhìn thấy phần sót lại của đạo quân Đức bại trận hồi hải tháo lui, người ta chờ đợi quân Đồng Minh xuất hiện từng giờ từng phút. Cả quân Đức cũng vậy. Frans Kortie, một nhân viên hai mươi tư tuổi làm tại văn phòng tài chính thành phố, nhận ra đám quân rút lui không hề có ý định dừng lại. Từ những sân bay gần đấy vẳng lại những tiếng nổ lớn trong khi bọn

công binh phá huỷ đường băng, kho vũ khí, kho xăng và các nhà để máy bay; và qua làn khói đang bay dọc thành phố, Kortie nhìn thấy từng đám lính đang hồi hả tháo dỡ những khẩu pháo phòng không nặng nề khỏi nóc các toà nhà của hãng Philips.

Trong khắp vùng, từ Eindhoven ngược lên phía bắc tới Nijmegen, công binh Đức làm việc không ngơi nghỉ. Trên kênh đào Zuid Willemsvaart nằm cạnh thị trấn Veghel, Cornelis de Visser, một giáo viên tiểu học, nhìn thấy một chiếc sà lan chất nặng nổ tung, hất văng ra xung quanh một trận mưa các mảnh động cơ máy bay, không khác gì một trận mưa đạn ghém chết người. Cách đó không xa, ở làng Uden, Johanne de Groot, một người đóng thùng xe bốn mươi lăm tuổi, đang cùng gia đình theo dõi cuộc rút lui của quân Đức khi chúng đốt một trại lính Hà Lan cũ chỉ cách nhà ông chừng 300 mét. Vài phút sau những quả bom hạng nặng cất trong toà nhà nổ tung, giết chết bốn trong số những người con của Groot, từ năm đến mười tám tuổi.

Tại những nơi như Eindhoven, nơi các trường học bị đốt, lính cứu hoả đã bị cấm không được can thiệp và các toà nhà bị cháy trụi, đổ sụp. Ngược lại với đám tàn quân hỗn độn đang rút chạy trên đường, đám công binh có vẻ vẫn hành động theo những kế hoạch được vạch sẵn.

Trong đám người chạy trốn, hỗn độn và hoảng hốt nhất là đám thường dân, người Đức và bọn Nazi Hà Lan, Bỉ và Pháp. Đám này cũng chẳng được người Hà Lan dành cho chút thiện cảm nào. Theo

người nông dân Johannes Hulsen ở St Oedenrode, đám này" co rúm lại vì sợ"; và chúng có lý do để lo sợ, anh này hài lòng nghĩ, với quân Đồng Minh đang đuổi theo bén gót, đám phản bội này biết rõ ngày đèn tội đã đến gần.

Con hoảng loạn tháo chạy của đám Nazi Hà Lan và người Đức đã được châm ngòi bởi viên bác sĩ nổi danh Arthur Seys-Inquart, cao ủy của Đế chế tại Hà Lan và tên thủ lĩnh tàn bạo và đầy tham vọng của đảng Nazi Hà Lan, Anton Mussert. Lo lắng quan sát số phận của quân Đức ở Pháp và Bỉ, Seys-Inquart vào ngày 1/9 đã ra lệnh sơ tán toàn bộ thường dân Đức về phía đông Hà Lan, gần biên giới đế chế. Còn gã Mussert năm mươi tuổi thì báo động cho đồng đảng của y. Seys-Inquart và Mussert cũng nằm trong số những kẻ bỏ chạy đầu tiên: cả hai đã rời khỏi Hague chạy về phía đông tới Apeldoorn, cách Arnhem mười lăm dặm về phía bắc. Mussert còn đưa gia đình hân tới gần lãnh thổ đế chế hơn, tới tận vùng giáp biên Twente, tại tỉnh Overijssel. Lúc đầu đám thường dân Đức và Hà Lan di tản khá từ tốn. Rồi sau đó một chuỗi sự kiện làm bùng lên sự hỗn loạn. Ngày 3/9, quân Anh chiếm Brussels. Đến hôm sau Antwerpt thất thủ. Lúc này, binh lính và xe tăng Anh chỉ còn cách biên giới Hà Lan vài dặm. Seys-Inquart phát hoảng. Tại Apeldoorn, y chạy tới tổng hành dinh ngầm dưới đất của mình - một bunker khổng lồ bằng bê tông và gạch được xây với giá trên 250 000 đô la - bao gồm phòng họp, phương tiện liên lạc và các khu phòng nghỉ cá nhân. Tất cả hiện vẫn còn tồn tại.. Phía bên ngoài, ngay sát cửa vào, con số "6 1/4", biệt danh của gã cao ủy bị căm ghét, được vạch trên bê tông. Người Hà Lan không thể dừng được sự so sánh; trong tiếng Hà Lan, Seyss-Inquart và "6 1/4" (zes en

een kwart) phát âm gần giống nhau.

Trước những thắng lợi chóng vánh, vị nữ hoàng già nua của Hà Lan, Wilhemina, phát biểu với đồng bào của mình từ đài London rằng ngày giải phóng đã gần kề. Bà cũng tuyên bố rằng con rể bà, hoàng thân Bernhard, đã được bổ nhiệm làm tổng tư lệnh lực lượng Hà Lan và cũng đảm nhiệm luôn nhiệm vụ chỉ huy lực lượng kháng chiến ngầm. Những nhóm này, bao gồm ba tổ chức riêng rẽ theo khuynh hướng chính trị từ tả đến cực hữu, sẽ được thống nhất lại và chính thức được biết đến dưới tên Lực lượng nội địa. Hoàng thân 33 tuổi Bernhard, chồng của công chúa Juliana, người thừa kế ngai vàng, cũng phát biểu sau nữ hoàng. Ông yêu cầu lực lượng kháng chiến ngầm chuẩn bị sẵn sàng bằng tay có ghi rõ chữ Orange, nhưng không được sử dụng đến "khi chưa có lệnh". Ông cảnh báo họ "kiềm chế không hành động thiếu suy xét và bột phát trong lúc hăng hái, vì như vậy sẽ làm hại bản thân các bạn cũng như các chiến dịch quân sự sắp tới."

Sau đó, đài phát thanh phát đi thông điệp của tướng Dwight D.Eisenhower, tổng tư lệnh lực lượng Đồng Minh, xác nhận rằng tự do đã gần kề. "Giờ phút được giải phóng mà nhân dân Hà Lan mong đợi bấy lâu nay đã rất gần," ông cam đoan. Và trong một vài giờ sau buổi phát thanh này, đến lượt thông điệp lạc quan nhất từ thủ tướng chính phủ lưu vong Hà Lan, Pieter S.Gerbrandy. Ông nói với thánh giá của mình, "Lúc này, lực lượng Đồng Minh, với sức tiến công không gì cản nổi, đã vượt qua biên giới Hà Lan... Tôi kêu gọi tất cả quý vị hãy dành cho đồng minh của chúng ta sự đón tiếp nồng hậu

trên đất nước ta."..

Dân chúng Hà Lan hân hoan mừng rỡ, còn đám Nazi Hà Lan gấp gáp bỏ chạy tháo thân. Anton Mussert từ lâu vẫn huênh hoang đảng của y có tới hơn 50000 tên Nazi. Nếu đúng thế, người dân Hà Lan có cảm giác tất cả bọn chúng đều cùng đổ xô ra đường một lúc. Tại hàng chục làng và thành phố trên khắp Hà Lan, các thị trưởng và quan chức do bọn Nazi dựng lên đều đồng loạt từ nhiệm - nhưng không sớm hơn sau khi đã đề nghị truy lĩnh tiền lương. Thị trưởng Eindhoven và một số công chức của y khẳng khái đòi truy lĩnh tiền lương. Người phụ trách kho bạc thành phố, Gerardus Legius, mặc dù thấy yêu sách của đám này có vẻ lỗ bịch, nhưng cũng chẳng cảm thấy bực khi phải trả tiền cho chúng. Nhìn đám người này hấp tấp chạy khỏi thành phố "trên bất cứ thứ gì có bánh" ông tự hỏi: "Liệu bọn chúng bỏ chạy được bao xa? Và chạy đi đâu?" Cả các ngân hàng cũng đầy ắp người. Khi Nicolaas van de Weerd, một thủ quỹ hai tư tuổi đến nơi làm việc ở thị trấn Wageningen vào ngày thứ hai, 4/9, anh thấy một hàng dài Nazi Hà Lan đứng chầu chực bên ngoài nhà băng. Cửa vừa mở là cả đám ào ào xông vào và khoắng sạch số tiền có trong két.

Các ga đường sắt cũng bị tràn ngập bởi đám thường dân hoảng loạn. Các chuyến tàu đi tới Đức đều chật ních. Xuống tàu tại ga Arnhem, cậu thanh niên Frans Wiessing bị xô dạt ra bởi một biển người chen lấn dẫm đạp nhau để tranh chỗ lên tàu. Cuộc loạn đả hỗn độn lớn đến mức khi tàu chuyển bánh, Wiessing nhìn thấy hàng núi hành lý bị vút lại chổng cho trên sân ga. Ở làng Zetten, phía tây Nijmegen, anh sinh

viên Paul van Wely quan sát đám Nazi Hà Lan đứng chen lấn trên sân ga suốt cả ngày để chờ một chuyến tàu tới Đức, nhưng chẳng có chuyến tàu nào tới.

Ở tất cả các thành phố những sự kiện tương tự cũng xảy ra. Những người Hà Lan cộng tác với quân Đức bỏ trốn trên tất cả những gì có thể di chuyển được. Kiến trúc sư trưởng Willem Tiersmans, từ trên cửa sổ văn phòng của ông ở gần cây cầu lớn Arnhem, theo dõi cảnh đám Nazi Hà Lan " chen lấn như những gã điên " để len lén được một chiếc phà ngược sông Rhine về hướng Đức.

Dòng người rút chạy đông lên từng giờ, và thậm chí không hề ngưng nghỉ trong suốt buổi đêm. Đám người Đức quá hốt hoảng tìm cách tháo thân đến mức vào tối 3 và 4/9, làm ngơ nguy cơ bị không quân Đồng Minh tấn công, binh lính thấp đèn sáng trưng ở nhiều ngã ba ngã tư, hàng đoàn xe chất quá tải ì ạch nhích lên phía trước, đèn bật sáng choang. Các sĩ quan Đức có vẻ đã không còn kiểm soát được tình hình. Bác sĩ Anton Laterveer, một bác sĩ đa khoa ở Arnhem, nhìn thấy nhiều binh sĩ vứt cả súng đi, một số thậm chí còn tìm cách bán súng cho người Hà Lan. Joop Muselaar, một cậu thanh niên trẻ, nhìn thấy một viên trung úy định vẫy một chiếc xe quân sự có vẻ vẫn còn trống, nhưng tay lái xe, phớt lờ mệnh lệnh, vẫn tiếp tục đông thẳng. Bực tức, tay trung úy lên con khùng rút súng bắn trút giận xuống mấy viên đá lát đường.

Khắp nơi binh lính tìm cách đào ngũ. Tại làng Eerde, Adrianus Marinus, một cậu thư ký mười tám tuổi, thấy một gã lính nhảy từ

trên xe tải xuống. Hắn ta chạy vào một trang trại và biến mất. Sau đó Marinus được biết đó là một tù binh Nga đã bị ép đầu quân cho quân đội Đức. Cách Nijmegen hai dặm, tại làng Lent trên bờ bắc sông Waal, bác sĩ Frans Huygen, trong khi đi thăm bệnh trong làng, nhìn thấy bốn lính xin quần áo dân sự, nhưng dân làng từ chối. Ở Nijmegen đám lính đào ngũ không hiền lành như vậy. Trong nhiều trường hợp chúng chìa súng vào dân cư để đòi đồ dân sự. Mục sư Wilhemus Peterse, một tu sĩ Carmelite bốn mươi tuổi, nhìn thấy lính Đức hối hả trút bỏ quân phục, thay đồ thường dân rồi cuốc bộ về phía Đức. "Bọn Đức đã ngăn chiến tranh đến tận cổ", Garrit Memelink, viên trưởng thanh tra kiểm lâm ở Arnhem nhớ lại. "Chúng sẵn sàng làm tất cả những việc đáng hổ thẹn nhất để thoát khỏi đám quân cảnh."

Khi các sĩ quan đã mất khả năng kiểm soát, kỷ luật cũng không tồn tại nữa. Những đám tàn quân không chỉ huy cướp ngựa, xe ngựa, xe hơi, xe đạp. Một số chìa súng vào những người nông dân để bắt họ chở chúng tới Đức. Khắp nơi dọc đoàn quân tháo chạy người Hà Lan trông thấy xe tải, xe ngựa, xe kéo - thậm chí cả xe cút kít do đám tàn binh đẩy đi - chất đầy có ngọn đủ thứ đồ ăn cướp được ở Pháp, Bỉ và Luxemburg. Những chiến lợi phẩm thượng vàng hạ cám này bao gồm đủ thể loại từ tượng, đồ gỗ cho đến đồ lót phụ nữ. Ở Nijmegen đám lính cố bán đi nào máy khâu, máy chữ, nào vải vóc, tranh ảnh - có một gã thậm chí còn rao bán một con vẹt nhốt trong một chiếc lồng to.

Trong đám tàn quân Đức đang tháo chạy cũng chẳng thiếu gì rượu.

Chỉ cách biên giới Đức năm dặm, ở thị trấn Groesbeek, cha Herman Hoek trông thấy những chiếc xe ngựa chất đầy ắp vang và rượu nặng. Tại Arnhem, mục sư Reinhold Dijker cũng thấy một đám lính lục quân trên xe tải đang ngắt ngư uống lấy uống để từ một thùng rượu vang to mà chúng chắc đã khuân đi từ Pháp. Cô bé mười sáu tuổi Agatha Schulte, con gái người dược sĩ trưởng tại bệnh viện Arnhem, tin rằng hầu hết bọn lính cô nhìn thấy đều say khướt. Chúng vung từng nắm tiền xu Pháp và Bì cho đám trẻ con và tìm cách bán những chai vang, champagne và cognac cho người lớn. Mẹ cô bé, bà Hendrina Schulte, vẫn nhớ như in đã nhìn thấy một chiếc xe tải Đức chở một thứ chiến lợi phẩm khác. Đó là một chiếc giường đôi to kênh - trên giường có một người đàn bà nằm. "Người ta đã được chứng kiến những cảnh mà không ai cho là có thể xảy ra với quân đội Đức," Walter Goerlitz, một sử gia Đức, đã viết như vậy trong cuốn "Lịch sử Bộ tổng tham mưu Đức" của ông ta. "Lính hải quân đi ngược lên phía bắc, không vũ khí, bán sạch quân phục dự trữ... Họ nói với dân chúng chiến tranh đã kết thúc và họ đang trở về nhà. Từng đoàn xe tải chất đầy sĩ quan, đám tình nhân của họ, cùng với một lượng lớn champagne và brandi đã chuồn xa tới tận Rhineland, và đã phải thiết lập toà án binh để xử những trường hợp như vậy."

Bên cạnh những đoàn người lũ lượt kéo từ phía nam lên, binh lính và thường dân Đức cũng ùn ùn bỏ chạy từ phía tây Hà Lan và vùng ven biển. Tại vùng ngoại ô trù phú Oosterbeek của Arnhem, Jan Voskuil, một kỹ sư cơ khí 39 tuổi, đang trốn trong nhà bố vợ. Biết được mình có tên trong một danh sách con tin Hà Lan sẽ bị quân Đức bắt, anh này đã chạy khỏi nhà ở thị trấn Geldermalsen, cách đó hai mươi dặm,

mang theo người vợ Bertha và đưa con trai lên chín. Anh ta đến Oosterbeek vừa đúng lúc để chứng kiến cuộc tháo chạy. Bố vợ của Jan nói với anh "không phải lo gì về bọn Đức nữa; bây giờ anh sẽ không cần phải "lặn"". Nhìn xuống con đường chính của Oosterbeek, Voskuil trông thấy "sự hỗn loạn hoàn toàn". Hàng tá xe tải đầy ắp lính Đức, đi nối đuôi nhau, "tất cả đều chất quá tải đến mức nguy hiểm." Anh trông thấy bọn lính "trên xe đạp, đạp xe đi như quá đại, với vali và balô đặt trên tay lái". Volkuil tin chắc chiến tranh sẽ kết thúc chỉ sau vài ngày nữa.

Tại chính Arnhem, Jan Mijnhart, người gác cửa Groten Kerk - ngôi nhà thờ đồ sộ xây từ thế kỷ 15 của thánh Eusebius với ngọn tháp nổi tiếng cao 305 bộ - nhìn thấy "đám Moffen" (tên mỉa mai người Hà Lan đặt cho lính Đức, tương đương với "Jerry" trong tiếng Anh) rờn rợn đi qua thành phố "theo hàng tư về hướng nước Đức". Một số trông già sọm, ốm yếu. Bên cạnh ngôi làng Ede một lính Đức già van xin cậu thanh niên Rudolph van der Aa hãy báo với gia đình ông ta ở Đức là họ đã gặp nhau. "Tôi bị bệnh tim," tên lính nói thêm, "và chắc sẽ không sống được bao lâu nữa." Lucianus Vroemen, một cậu bé vị thành niên ở Arnhem, nhận thấy lính Đức đều kiệt sức và "không còn chút tin thần chiến đấu hay danh dự nào". Cậu đã trông thấy đám sĩ quan, cố gắng thiết lập trật tự trong đám lính rã hàng, nhưng hầu như vô hiệu. Thậm chí đám lính còn chẳng buồn phản ứng lại dân Hà Lan, những người đang hô lớn, "Cút về nhà đi! Người Mỹ và người Anh sẽ đến đây trong vài giờ nữa."

Theo dõi quân Đức rút qua Arnheim về phía đông, bác sĩ ngoại khoa Pieter de Graaff 44 tuổi, tin chắc rằng lúc đó ông đang theo dõi " ngày tận thế, sự suy sụp hoàn toàn của quân đội Đức." Và Suze van Zweden, giáo viên toán trung học, có một lý do đặc biệt để nhớ đến ngày hôm đó. Chồng cô, Johan, một nhà điêu khắc có tên tuổi và đáng kính, đã bị bắt đến trại tập trung Dachau từ năm 1942 do che giấu người Do Thái. Lúc này ông có lẽ sẽ sớm được tự do, vì chiến tranh đã gần kết thúc. Suze quyết định phải tận mắt chứng kiến khoảnh khắc lịch sử này - sự bỏ chạy của quân Đức và sự xuất hiện của quân giải phóng Đồng Minh. Đứa con trai Robert của cô còn quá nhỏ để hiểu những gì đang xảy ra nhưng cô đã quyết định mang theo đứa con gái Sonja chín tuổi vào thành phố. Trong khi mặc quần áo cho Sonja, Suze nói, "Đây là một thứ con cần phải chứng kiến. Mẹ muốn con cố gắng và nhớ nó suốt đời."

Khắp nơi người Hà Lan hân hoan. Quốc kỳ Hà Lan xuất hiện. Các cửa hàng bán cúc áo màu da cam và ruy băng cho đám đông hồ hởi. Tại làng Renkum xưởng may của làng chạy hết công suất, người chủ xưởng Johannes Snoek bán những dải ruy băng da cam cũng nhanh như xưởng của ông có khả năng sản xuất kịp. Trước sự kinh ngạc của ông này, dân làng kết chúng thành những chiếc nơ rồi hào hứng đính khắp nơi. Johannes, một thành viên của lực lượng kháng chiến, nghĩ " mọi việc có vẻ đi hơi quá xa". Để bảo vệ dân chúng khỏi chính cơn bùng nổ của họ, ông ngừng việc bán ruy băng lại. Maria, em gái ông, bị cuốn vào cơn cuồng nhiệt chung, vui vẻ ghi vào nhật ký của mình rằng "không khí trên đường phố không khác gì ngày sinh nhật nữ hoàng." Đám đông hào hứng đứng trên hè đường hô lớn, " Nữ hoàng

muôn năm!". Mọi người hát vang bài "Wilhemus" (Quốc ca Hà Lan) và "Oranje boven!" (Orange trên hết). Áo choàng bay tung, các xơ Antonia Stranzky và Christine van Dijk từ bệnh viện St Elizabeth tại Arnhem đạp xe xuống quảng trường chính Velperplein, ra nhập vào đám đông tại các quán cà phê đang uống cà phê, ăn bánh khoai tây, trong lúc bọn Đức và đám Nazi Hà Lan chạy qua.

Tại bệnh viện St Canisius ở Nijmegen, xơ M.Dosithee Symons trông thấy các y tá nhảy múa vì mừng rỡ trong các hành lang. Mọi người lấy những chiếc radio vắn cất dấu lâu nay ra, và trong lúc xem dòng người tháo chạy, công khai nghe bản tin Hà Lan đặc biệt, Radio Orange, từ đài BBC London lần đầu tiên sau nhiều tháng dài. Johannes Hurkx, một người trồng cây ăn quả ở St Oedenrode, đã mãi nghe các bản tin đến mức không nhận ra có một đám người Đức lẫn vào sau nhà ăn cắp những chiếc xe đạp của gia đình ông.

Tại hàng chục địa điểm trường học đóng cửa và mọi công việc đều ngừng trệ. Công nhân các xưởng thuốc lá ở Valkenswaard đồng loạt bỏ máy lao ra đầy đường. Tại Hague, nơi chính phủ đóng, xe cộ trên đường ngừng chạy. Tại thủ đô Amsterdam, không khí thật sôi động và không thể tưởng tượng nổi. Công sở đóng cửa, giao dịch trên thị trường chứng khoán đình trệ. Các toán lính tuần tra biến mất, còn nhà ga trung tâm chật ních bọn Đức và Nazi Hà Lan. Tại ngoại ô Amsterdam, Rotterdam và Hague, đám đông vây cò và hoa đứng dọc các con đường chính dẫn về các thành phố - hy vọng được là những người đầu tiên được trông thấy xe tăng Anh từ phía Nam tiến lại.

Tin đồn rộ lên từng giờ. Nhiều người ở Amsterdam tin rằng quân Anh đã giải phóng Hague, nằm sát bờ biển cách đó chừng ba mươi dặm về phía tây nam. Tại Hague dân chúng lại tin rằng cảng lớn Rotterdam, nằm cách nơi này mười lăm dặm, đã được giải phóng. Những người di chuyển trên tàu hoả cứ mỗi lần tàu dừng lại được nghe kể một câu chuyện khác nhau. Một trong số họ, Henri Penijenburg, một chỉ huy kháng chiến hai mươi lăm tuổi, đi từ Hague về nhà mình ở Nijmegen, cách nhau chưa đến tám mươi dặm, đã được nghe vào đầu buổi sáng rằng người Anh đã tiến vào thành phố cổ Maastricht ở biên giới. Tại Utrecht người ta cam đoan với anh là quân Anh đã chiếm Venlo, chỉ cách biên giới Đức vài dặm. "Khi cuối cùng tôi về tới nhà," anh nhớ lại, "tôi đã hy vọng nhìn thấy quân Đồng Minh trên đường phố, nhưng tất cả những gì tôi nhìn thấy chỉ là bọn Đức đang tháo chạy." Peijnenburg cảm thấy bất an và bối rối.

Nhiều người khác cũng chia sẻ sự băn khoăn của anh - nhất là bộ chỉ huy lực lượng kháng chiến đang bí mật họp ở Hague. Với họ, theo biến chuyển hiện tại, Hà Lan có vẻ sắp được giải phóng. Xe tăng Đồng Minh có thể dễ dàng thọc sâu xuyên qua nước này từ biên giới Bỉ tới Zuider Zee. Những người kháng chiến chắc chắn rằng "cửa mở" - qua Hà Lan, vượt qua sông Rhine vào nước Đức - đã mở toang.

Các chỉ huy kháng chiến biết quân Đức không còn lực lượng chiến đấu nào có khả năng chặn đứng một cuộc tấn công kiên quyết của Đồng Minh. Họ gần như coi khinh cái sư đoàn yếu đuối thiếu hụt quân số tập hợp toàn người già đang làm nhiệm vụ bảo vệ bờ biển (

đám này đã ngồi trong bunker bê tông suốt từ năm 1940 mà chưa bắn lấy một phát súng), và vài đơn vị ô hợp khác mà khả năng chiến đấu cũng rất đáng ngờ vực, gồm đám SS Hà Lan, các trại lính đồn trú lẻ, đám thương binh đang hồi phục và những người về mặt y tế không đủ khả năng chiến đấu - đám này được gom vào các đơn vị được gọi một cách rất địch đáng là các tiểu đoàn "dạ dày" và "tai", bởi hầu hết đám lính này không bị loét dạ dày thì cũng nặng tai.

Với người Hà Lan việc quân Đồng Minh sắp hành động ra sao là hoàn toàn hiển nhiên, cuộc tấn công đã gần kề. Nhưng thành công của nó sẽ phụ thuộc vào tốc độ tấn công của lực lượng Anh từ phía nam, mà về điểm này tất cả chỉ huy lực lượng kháng chiến ngầm đều mơ hồ: họ không thể ước lượng chính xác lực lượng Đồng Minh đã tiến tới đâu.

Kiểm tra tính xác thực của lời tuyên bố của thủ tướng Gerbrandy rằng quân Đồng Minh đã vượt qua biên giới chẳng phải là chuyện dễ dàng. Hà Lan là một quốc gia nhỏ - chỉ lớn bằng khoảng hai phần ba Ireland - nhưng có mật độ dân cư cao với hơn chín triệu người, và kết quả là bọn Đức không thể kiểm soát được hoạt động chống đối ngầm. Tất cả các thị trấn và làng đều có các tổ kháng chiến. Tuy thế, truyền tin đi vẫn là chuyện nguy hiểm. Cách chủ yếu, và nguy hiểm nhất, là điện thoại. Trong những trường hợp khẩn cấp, bằng những biện pháp phức tạp, các đường dây mật, các thông tin mã hoá, các chỉ huy kháng chiến có thể gọi điện thoại đến mọi nơi trong nước. Cũng như vậy, trong trường hợp này, những người chỉ huy lực lượng ngầm được biết sau vài phút rằng tuyên bố của Gerbrandy quá nóng vội:

quân Anh vẫn chưa vượt qua biên giới.

Những bản tin khác của Radio Orange càng làm sự bối rối tăng lên. Hai lần trong vòng hơn mười hai giờ đồng hồ (vào lúc 11 giờ 45 ngày 4/9 và một lần nữa vào sáng mùng 5) bản tin Hà Lan của BBC tuyên bố rằng thành phố Breda, cách biên giới Bỉ - Hà Lan bảy dặm đã được giải phóng. Tin tức lan rộng nhanh chóng. Các bản tin bất hợp pháp in bí mật đồng loạt chuẩn bị ra số mới loan tin "Breda thất thủ". Nhưng Pieter Kruyff, 38 tuổi, chỉ huy lực lượng kháng chiến ở vùng Arnhem, một trong những nhóm có kỷ luật và khả năng chiến đấu cao nhất, thực sự nghi ngờ bản tin của Radio Orange. Ông ra lệnh cho chuyên gia phụ trách liên lạc của nhóm, Johannes Steinfeld, một người sản xuất thiết bị điện thoại trộm, kiểm tra lại bản tin này. Nhanh chóng liên lạc bằng đường dây bí mật với nhóm kháng chiến ngầm ở Breda, Steinfeld là người đầu tiên biết được sự thật cay đắng: thành phố vẫn nằm trong tay quân Đức. Chưa ai thấy quân Đồng Minh, cho dù là Anh hay Mỹ.

Vì những tin đồn mâu thuẫn, nhiều nhóm kháng chiến đã gấp rút gặp nhau để thảo luận cách hành động. Cho dù hoàng thân Bernard và SHAEF (Tổng hành dinh lực lượng của Đồng Minh ở lục địa) đã khuyến cáo chống lại một cuộc tổng khởi nghĩa, nhiều nhóm hoạt động ngầm đã mất hết kiên nhẫn. Họ tin rằng đã đến lúc công khai chống lại kẻ thù và bằng cách đó giúp đỡ cuộc tấn công của Đồng Minh. Có vẻ hiển nhiên là bọn Đức e sợ một cuộc tổng khởi nghĩa. Nhiều thành viên kháng chiến ngầm nhận thấy, trong các đội quân đang rút chạy, lính cảnh vệ được bố trí trên các xe, súng trường và

súng máy sẵn sàng nhả đạn. Không hề dao động, nhiều kháng chiến quân vẫn sẵn sàng chiến đấu.

Tại làng Ede, nằm cách Oosterbeek vài dặm về phía bắc, anh thanh niên 25 tuổi Menno "Tony" de Nooy cố gắng thuyết phục chỉ huy nhóm của anh, Bill Wildeboer, ra lệnh tấn công. Tony lập luận rằng theo kế hoạch đã vạch ra từ lâu, nhóm của họ cần chiếm Ede khi quân Đồng Minh tấn công. Trại lính ở Ede, trước đây được dùng huấn luyện lính thuỷ Đức, lúc này hoàn toàn bị bỏ trống. De Nooy muốn chiếm lĩnh các toà nhà. Wildeboer, cựu thượng sĩ trong quân đội Hà Lan, một người lớn tuổi hơn, không tán thành. "Tôi không tin vào tình hình hiện nay," ông nói với đồng đội. "Thời điểm hành động vẫn chưa tới. Chúng ta cần đợi."

Nhưng không phải tất cả hành động của lực lượng kháng chiến đều được hãm lại. Ở Rotterdam, lực lượng ngầm chiếm trụ sở một công ty cấp nước. Tại làng Axel ngay cạnh biên giới Bỉ - Hà Lan, toà thị chính bao quanh bởi một bức tường thành cổ bị đánh chiếm, và hàng trăm lính Đức đầu hàng các thương dân vũ trang. Ở nhiều thành phố, đám quan chức Nazi Hà Lan bị bắt giữ trong khi tìm cách bỏ chạy. Tại phía tây Arnhem, ở làng Wolfheze, được biết đến chủ yếu do có bệnh viện tâm thần đặt tại đây, viên chánh cảnh sát địa phương bị bắt giữ ngay trong xe của y. Tay này bị nhốt tạm ở ngôi nhà gần nhất, nhà thương điên, để trao lại cho người Anh "khi họ tới".

Trên đây chỉ là vài ngoại lệ. Nhìn chung, các nhóm kháng chiến ngầm vẫn nằm im. Tuy vậy, ở khắp nơi, họ tận dụng tình hình hỗn loạn để

chuẩn bị đón quân Đồng Minh tới. Ở Arnhem, Charles Labouchere, 42 tuổi, hậu duệ của một gia đình Pháp lâu đời và hoạt động trong một nhóm tình báo, đang quá bận rộn để có thời gian để ý đến các tin đồn. Ông ngồi hết giờ này đến giờ khác bên cửa sổ một văn phòng nằm gần cầu Arnhem, cùng với một số trợ thủ, quan sát các đơn vị Đức hướng về phía đông và đông bắc dọc theo các con đường Zevenaar và Zutphen đi về phía Đức. Labouchere có nhiệm vụ ước lượng quân số và, nếu có thể, xác định phiên hiệu các đơn vị. Những thông tin quan trọng được ông ghi lại và gửi tới Amsterdam theo đường bưu điện rồi được chuyển về London theo đường dây mật.

Ở ngoại ô Oosterbeek, cậu thanh niên Jan Eijkelhoff, kín đáo lách qua đám đông, đạp xe khắp vùng, trao những phiếu lương thực giả mạo cho những người Hà Lan phải ẩn trốn bọn Đức. Và người chỉ huy một nhóm ở Arnhem, Johannus Penseel, 57 tuổi, thường được gọi là "Ông Già", phản ứng trước tình thế một cách khéo léo, một tính cách khiến ông trở thành huyền thoại trong những người đồng đội. Ông quyết định rằng đã đến lúc di chuyển kho vũ khí của mình. Một cách công khai, giữa lúc lính Đức lúc nhúc khắp nơi, ông cùng vài người phụ tá bình thản lái một chiếc xe tải nhỏ tới bệnh viện thành phố, nơi vũ khí được cất dấu. Nhanh chóng gói gém súng đạn vào giấy dầu, họ chuyển toàn bộ số vũ khí về nhà Penseel, có cửa sổ tầng trệt nhìn ra quảng trường trung tâm. Penseel và người đồng chỉ huy của nhóm, Toon van Daalen, tin rằng đây là một vị trí lý tưởng để bắn vào bọn Đức khi thời cơ đến.

Khắp nơi đàn ông và phụ nữ trong đội quân ngầm rộng lớn sẵn sàng

xung trận; ở các thành phố và các làng phía nam, dân chúng tin rằng một phần Hà Lan đã tự do đã đổ ra đường để chờ đón những người giải phóng. Không khí cuồng nhiệt gần như điên rồ, mục sư Carmelite Tiburtius Noordermeer trầm nghĩ khi ông quan sát đám đông đang hồ hởi tại làng Oss, đông nam Nijmegen. Ông thấy dân chúng vỗ vào lưng nhau chúc mừng. So sánh đám người Đức rệu rã trên đường với đám khán giả Hà Lan đang mở hội, ông nhận thấy "sự kinh hoàng ở một phía và sự vui sướng không bờ bến ở phía kia." "Không ai," ông mục sư nhớ lại, "hành động một cách bình thường".

Thời gian trôi qua, nhiều người trở nên lo lắng. Tại hiệu thuốc trên con phố chính của Oosterbeek, Karel de Wit bồn chồn không yên. Ông nói với vợ mình và cũng là dược sĩ chính, Johanna, rằng ông không hiểu được tại sao máy bay Đồng Minh không tấn công các đoàn quân Đức. Frans Schulte, một thiếu tá Hà Lan về hưu, nghĩ rằng sự vui mừng của đám đông là quá sớm. Cho dù em trai và em dâu ông đang hồ hởi trước cảnh tượng có vẻ là sự cuốn gói của bọn Đức, Schulte vẫn không bị thuyết phục. "Tình hình có thể xấu đi," ông cảnh cáo. "Bọn Đức còn xa mới bị đánh bại. Nếu quân Đồng Minh định vượt sông Rhine, tin tôi đi, chúng ta rất có thể sẽ thấy một trận đánh lớn."

Những biện pháp khẩn cấp của Hitler đã bắt đầu được thực hiện. Vào ngày 4/9, tại bản doanh của Fuhrer nằm sâu trong rừng ở Gorlitz, Rastenburg ở Đông Phổ, viên thống chế 69 tuổi Gerd von Runstedt chuẩn bị lên đường tới mặt trận phía tây. Ông ta không trông đợi sẽ nhận một chức chỉ huy mới.

Được triệu tập gấp gáp từ cảnh hưu trí bắt buộc, von Runstedt đã được lệnh tới Rastenburg bốn ngày trước đó. Vào ngày 2/7, hai tháng trước, Hitler đã cách chức ông khỏi vị trí Tổng chỉ huy phía Tây (hay, gọi theo thuật ngữ quân sự Đức, OB West - Oberbefehlshaber West) trong khi von Runstedt, người chưa bao giờ bại trận, đang cố gắng đối phó với hậu quả của tai họa lớn nhất với người Đức trong chiến tranh, cuộc đổ bộ của Đồng Minh lên Normandy.

Fuhrer và người lính danh tiếng nhất của nước Đức chưa bao giờ đồng ý với nhau về cách thức đối phó với mối đe dọa này. Trước cuộc đổ bộ, trong khi yêu cầu tiếp viện, von Runstedt đã thẳng thắn thông báo với tổng hành dinh của Hitler (OKW - Oberkommando der Wehrmacht) rằng lực lượng Đồng Minh, áp đảo về quân số, trang bị và không quân, có thể "đổ bộ ở bất cứ đâu họ muốn". Không phải vậy, Hitler tuyên bố. Bức tường Đại Tây Dương, tuyến phòng thủ bờ biển kiên cố vẫn chưa hoàn tất mà, như Hitler huyênh hoang, chạy dài gần ba ngàn dặm từ Kirkenes (trên biên giới Na Uy - Phần Lan) tới Pyrenees (trên biên giới Pháp - Tây Ban Nha) sẽ khiến "mặt trận này trở nên bất khả xâm phạm trước bất cứ kẻ thù nào." Von Runstedt thừa biết rằng những pháo đài này chỉ nhằm mục đích tuyên truyền hơn là thực tiễn. Ông ta đánh giá bức tường Đại Tây Dương bằng một từ ngắn gọn: "bịp bợm".

Viên thống chế huyền thoại Erwin Rommel, nổi tiếng vì những chiến thắng trên sa mạc Bắc Phi trong những năm đầu cuộc chiến và được Hitler điều tới chỉ huy cụm quân B dưới quyền von Runstedt, cũng

ngán ngẩm trước sự tự tin của Fuhrer. Với Rommel, dải phòng thủ bờ biển chỉ là một giấc mộng hảo huyền của Hitler. Có lẽ đây là lần đầu tiên von Runstedt, một quý tộc cổ điển, và Rommel, một người trẻ hơn và đầy tham vọng, đồng ý với nhau. Thế nhưng hai viên thống chế lại mâu thuẫn ở một điểm khác. Luôn nhớ trong đầu thất bại thảm hại của Afrikan Korps do ông ta chỉ huy trước quân Anh của Montgomery tại El Alamein năm 1942, và hoàn toàn ý thức được cuộc đổ bộ của Đồng Minh sẽ diễn ra như thế nào, Rommel tin rằng những kẻ đổ bộ cần bị chặn đứng ngay trên các bãi biển. Von Runstedt lạnh lùng bất đồng với cấp dưới của mình - người mà ông ta thường mỉa mai gọi là "Marschall Bubi" ("Thống chế trẻ ranh"); quân Đồng Minh cần bị quét sạch sau khi chúng đã đặt chân lên đất liền, ông lý luận. Hitler ủng hộ Rommel. Vào D Day, bất chấp sự trù liệu sáng suốt của Rommel, quân Đồng Minh phá tan hoang bức tường "bất khả xâm phạm" trong vài giờ.

Trong những ngày khủng khiếp tiếp sau đó, bị quân Đồng Minh, với ưu thế không quân hầu như hoàn toàn trên chiến trường Normandy, chiếm thế áp đảo, và bị bó chân bó tay bởi mệnh lệnh "Không rút lui" của Hitler ("Tất cả mọi người sẽ chiến đấu và ngã xuống ở vị trí của mình"), chiến tuyến bị căng ra của von Runstedt đổ vỡ khắp nơi. Viên thống chế cố gắng một cách tuyệt vọng để lấp kín các chỗ hổng, nhưng bất chấp việc binh lính của ông ta chiến đấu và phản kích ngoan cường, kết quả cuối cùng không làm ai nghi ngờ. Von Runstedt đã không thể "hất quân xâm lược xuống biển" cũng chẳng thể "huỷ diệt chúng" (theo lời Hitler).

Vào đêm 1/7, trong lúc trận Normandy lên đến đỉnh điểm, tham mưu trưởng của Hitler, thống chế Wilhem Keitel, triệu von Runstedt tới và hỏi, "Chúng ta sẽ làm gì đây?" Thẳng tính, von Runstedt vặc lại, "Chấm dứt chiến tranh, đồ ngốc. Chúng ta còn có thể làm gì khác đây?" Nhận xét của Hitler khi nghe nói tới câu này khá bình thản. "Ông già này đã mất hết ý chí và không thể khống chế được tình hình nữa. Ông ta cần phải ra đi." Hai mươi tư giờ sau, với một lá thư viết tay lịch sự, Hitler thông báo cho von Runstedt rằng, "cân nhắc tình hình sức khoẻ của ngài và sự leo thang chiến sự dự kiến trong tương lại gần," ông ta bị thải hồi khỏi chức chỉ huy.

Von Runstedt, viên thống chế cao niên và đáng tin cậy nhất của Wehrmacht, sững sờ. Trong năm năm chiến tranh tài năng quân sự của ông ta đã phục vụ đắc lực cho đế chế. Năm 1939, khi Hitler lạnh lùng tấn công Ba Lan, châm ngòi cho cuộc chiến sau đó đã bao trùm cả thế giới, von Runstedt đã chỉ ra rõ ràng công thức thắng trận của người Đức - Blitzkrieg ("chiến tranh chớp nhoáng")- khi các đơn vị Panzer mũi nhọn của ông tiến tới ngoại ô Warsaw sau chưa tới một tuần lễ. Một năm sau, khi Hitler quay về phía tây và nhận chìm phần lớn tây Âu với tốc độ chóng mặt, von Runstedt đã chỉ huy cả một đạo quân Panzer. Và năm 1941, ông ta lại có mặt ở tuyến đầu khi Hitler tấn công nước Nga. Lúc này, phần nộ trước mối đe dọa cho sự nghiệp và danh tiếng của mình, von Runstedt đã nói với tham mưu trưởng của ông, thiếu tướng Gunther Blumentritt, rằng ông ta đã bị "cách chức một cách nhục nhã bởi một chiến lược gia nghiệp dư." Rằng "cái gã cai người Bohem đó," ông ta bức tức, đã "dùng tuổi tác và sức khỏe xấu của tôi như cái cớ để cách chức tôi hòng có một kẻ giơ đầu chịu

báng." Nếu được toàn quyền hành động, von Runstedt đã trù tính một cuộc rút lui từ từ về phía biên giới Đức, trong đó, như ông phác hoạ kế hoạch của mình với Blumetritt, ông đã có thể "khiến đổi phương trả giá đất cho từng tấc đất chiếm được." Nhưng, như ông ta đã nói nhiều lần với ban tham mưu của mình, vì "những lời giáo huấn liên tu bất tận từ trên xuống", quyền duy nhất mà ông có ở OB West là quyền" thay lính gác ở cổng". "Von Runstedt đã bị tổn thương bởi sự ám chỉ trong lá thư của Hitler rằng ông đã "yêu cầu" được giải nhiệm," tướng Blumetritt đã quá cố kể lại với tôi (tác giả) trong một cuộc phỏng vấn. "Vài người trong chúng tôi ở ban tham mưu đã thực sự cho rằng ông đã làm thế, nhưng thực ra không phải vậy. Von Runstedt phủ nhận rằng ông đã từng xin được từ chức - hay ông đã từng nghĩ đến chuyện này. Ông ấy đã rất tức giận - đến mức ông đã thề sẽ không bao giờ nhận một chức chỉ huy từ Hitler. Tôi biết ông không hề nghĩ như vậy vì với von Runstedt, tuân lệnh trong quân sự là hoàn toàn và vô điều kiện."

Từ thời điểm ông được triệu tập và có mặt tại Rastenburg Wolfsschanze ("Ổ sói"), như Hitler đặt tên, vào cuối tháng Tám, von Runstedt, theo lời mời của Fuhrer, tham gia vào các cuộc giao ban hàng ngày. Hitler, theo tướng Walter Warlimont, Phó phòng tác chiến, đã chào đón viên thống chế già một cách hồ hởi, cư xử với ông với "sự tôn trọng và nể vì không thường gặp." Warlimont cũng nhận xét rằng trong suốt những cuộc họp dài von Runstedt chỉ "ngồi yên bất động và ít nói".

Báo cáo tình hình chỉ ra rõ ràng rằng ở phía đông Hồng quân lúc này

đã chiếm lĩnh một mặt trận dài hơn 1400 dặm, từ Phần Lan ở phía bắc xuống sông Vistula ở Ba Lan, và từ đây tới dãy Carpathe ở Rumania và Nam Tư. Trên thực tế, lực lượng thiết giáp Nga đã tiến tới biên giới Đông Phổ, chỉ cách tổng hành dinh của Fuhrer chừng một trăm dặm.

Ở phía tây, von Runstedt nhận thấy những dự cảm xấu nhất của ông đã trở thành hiện thực. Hết sư đoàn này đến sư đoàn khác bị tiêu diệt, toàn bộ chiến tuyến Đức bị đẩy lùi không sao cưỡng lại được. Các đơn vị hậu quân, cho dù bị bao vây và chia cắt, vẫn cố bám trụ lấy các cảng quan trọng như Dunkirk, Calais, Boulogne, Le Havre, Brest, Lorient và St Nazaire, buộc quân Đồng Minh phải tiếp tục tiếp tế nhờ vào những bãi đổ bộ ở xa mặt trận. Thế nhưng lúc này, với việc Antwerp, một trong những cảng nước sâu lớn nhất châu Âu, bị đánh chiếm một cách thần tốc và bất ngờ, rất có thể Đồng Minh đã giải quyết được khó khăn về hậu cần của họ. Von Runstedt cũng nhận thấy rằng chiến thuật Blitzkrieg, được ông ta và những người khác hoàn thiện, giờ đây đang được các đội quân của Eisenhower áp dụng với hiệu quả khủng khiếp. Và viên thống chế 54 tuổi Walter Model, tân tổng tư lệnh phía Tây (ông ta nhậm chức hôm 17/8), rõ ràng là không thể ổn định được tình hình hỗn loạn. Chiến tuyến của ông ta đã bị phá vỡ từng mảng, bị tan rã ở phía bắc trước xe tăng của đạo quân Anh thứ hai và đạo quân Mỹ thứ nhất đang tiến qua Bỉ về phía Hà Lan; và ở phía nam Ardennes, các đơn vị thiết giáp của đạo quân Mỹ số ba dưới quyền tướng George S. Patton đang tiến về phía Metz và Saar. Với von Runstedt tình hình không còn là đáng lo ngại nữa mà đã trở thành thảm họa.

Ông ta có thời gian để nghiền ngẫm kết cục tất yếu. Gần bốn ngày trôi qua trước khi Hitler cho phép von Runstedt hội kiến riêng. Trong khi chờ đợi viên thống chế ở trong một quán trọ cũ dành cho sĩ quan cao cấp nằm ở giữa khu bán doanh rộng lớn- một khu vực có rào thép gai bao quanh, gồm nhiều ngôi nhà bằng gỗ và bunker bê tông xây trên một mạng lưới hầm ngầm chằng chịt. Von Runstedt bày tỏ sự sốt ruột của mình với Keitel, tổng tham mưu trưởng. “Tôi được triệu tới đây làm gì?” ông ta hỏi. “Trò chơi gì đang diễn ra vậy?” Keitel cũng không thể trả lời ông. Hitler đã không cho Keitel biết lý do cụ thể nào, ngoài một ám chỉ tới sức khỏe viên thống chế. Hitler xem ra đã tự thuyết phục mình về màn kịch xin từ chức của von Runstedt vì “lý do sức khỏe” do chính ông ta dàn dựng hồi tháng Bảy. Với Keitel, Hitler chỉ nói, “tôi muốn biết liệu sức khỏe của ông ta đã khá lên chưa.”

Hai lần Keitel nhắc nhở Fuhrer rằng viên thống chế đang đợi. Cuối cùng, vào chiều ngày 4/9, von Runstedt được triệu tới gặp Hitler, và, trái với lệ thường, Fuhrer đi thẳng vào việc. “Tôi muốn uỷ thác cho ngài lần nữa mặt trận phía tây.”

Đứng nghiêm cứng người, cả hai tay cầm chiếc gậy thống chế, von Runstedt chỉ khẽ gật đầu. Bất chấp kinh nghiệm và hiểu biết của bản thân, bất chấp sự khó chịu dành cho Hitler và đám Nazi, von Runstedt, một người mà truyền thống quân sự Phổ về sự toàn tâm toàn ý cho trách nhiệm đã ngấm vào máu, đã không từ chối sự bổ nhiệm. Như sau này ông nhớ lại, “hơn nữa có chối từ cũng chẳng được.”

Gần như tới từng chi tiết, Hitler phác hoạ nhiệm vụ của von Runstedt. Thêm một lần nữa Hitler lại tỏ ra bông bột. Trước D Day ông ta đã từng khẳng định rằng bức tường Đại Tây Dương là bất khả xâm phạm. Lúc này, trong sự lo ngại của von Runstedt, Fuhrer lại nhấn mạnh đến sự bất khả xâm phạm của “bức tường phía tây” - tuyến phòng thủ biên giới kiên cố đã từ lâu bị bỏ trống không phòng thủ nhưng vẫn khá đáng gờm mà Đồng Minh thường biết tới dưới tên phòng tuyến Siegfried.

Von Runstedt, Hitler ra lệnh, không những phải chặn đứng quân Đồng Minh càng xa càng tốt về phía tây, mà cần phải phản công vì, như quan sát của Fuhrer, mối đe dọa nguy hiểm nhất của Đồng Minh chỉ là những “mũi đột kích thiết giáp”. Tuy vậy, hiển nhiên là Hitler bị chấn động trước việc Antwerp thất thủ. Cần ngăn chặn Đồng Minh sử dụng bến cảng sống còn này bằng mọi giá. Như vậy, vì những cảng khác vẫn nằm trong tay quân Đức, Hitler nói, ông ta trông đợi cuộc tấn công của Đồng Minh bị dừng lại do các tuyến vận tải kéo quá dài. Ông ta tin tưởng rằng mặt trận phía tây có thể được ổn định, và cùng với việc mùa đông tới, thế chủ động có thể được dành lại. Hitler cam đoan với von Runstedt rằng ông ta “không quá lo ngại về tình hình ở phía tây.”

Đó chỉ là một bản mới của bài ca cũ mà von Runstedt đã nghe không biết bao nhiêu lần trong quá khứ. Bức tường phía tây, theo Hitler, giờ đây đã trở thành một ý tưởng bất di bất dịch, và một lần nữa von Runstedt lại được lệnh “không lùi một tấc”, và “chống giữ dưới mọi

điều kiện.”

Bằng việc lệnh cho von Runstedt thay thế thống chế Model, Hitler đã bổ nhiệm viên tư lệnh thứ ba của OB West trong vòng hai tháng - từ von Runstedt qua thống chế Gunther von Kluge, tới Model, và bây giờ lại là von Runstedt. Model, giữ chức trong có đúng 18 ngày, sẽ chỉ huy cụm quân B dưới quyền von Runstedt, Hitler thông báo. Von Runstedt đã từ lâu nhìn nhận Model với ít thiện cảm. Ông ta cảm thấy Model đã không đạt được cấp bậc của mình một cách khó khăn vất vả; anh chàng này đã được Hitler cất nhắc lên hàng thống chế một cách quá chóng vánh. Von Runstedt cho rằng anh ta thích hợp hơn với công việc của một viên thượng sĩ mẫn cán. Tuy vậy, viên thống chế cảm thấy vị trí của Model cũng không gây ra thay đổi gì lớn. Tình hình có thể nói là tuyệt vọng, thất bại là không thể tránh khỏi. Vào chiều ngày 4/9, khi ông lên đường tới sở chỉ huy của mình ở gần Koblenz, von Runstedt thấy không gì có thể ngăn cản được Đồng Minh tấn công nước Đức, vượt qua sông Rhine và chấm dứt chiến tranh chỉ trong vài tuần.

Cũng vào ngày hôm đó ở Wannsee, Berlin, đại tướng Kurt Student, 54 tuổi, cha đẻ của lực lượng đổ bộ đường không Đức, xuất hiện trở lại sau khi đã lui vào hậu trường trong ba năm dài. Với ông ta, chiến tranh đã bắt đầu với nhiều hứa hẹn. Lực lượng dù của ông ta, Student nghĩ, đã góp công chính vào việc chiếm Hà Lan năm 1940, khi khoảng 4000 lính dù được thả xuống các cầu ở Rotterdam, Dordrecht, và Moerdijk, giữ các trục giao thông suốt cho lực lượng xâm lược chính của Đức. Tổn thất của Student thấp đến khó tin - chỉ 180 người.

Nhưng tình hình hoàn toàn khác hẳn trong cuộc tấn công đổ bộ đường không ở Crete năm 1941. Lần này, tổn thất quá lớn – hơn một phần ba của lực lượng gồm 22000 người - khiến Hitler cấm chỉ mọi cuộc tấn công đổ bộ đường không từ đó trở đi. “Thời của lính dù đã qua rồi,” Fuhrer nói, và tương lai trở nên mờ mịt với Student. Từ dạo đó, viên sĩ quan đầy tham vọng đã bị trói chặt vào công việc bàn giấy với chức chỉ huy một trung tâm huấn luyện lính dù, trong lúc đám lính tinh nhuệ của ông ta bị sử dụng hoàn toàn như bộ binh thường. Cũng đột ngột như vậy, vào đúng 3 giờ chiều ngày 4/9 đáng nhớ này, Student lại xuất hiện trở lại trên sân khấu một lần nữa. Một cú điện thoại ngắn, đại tướng Alfred Jodl, phụ trách tác chiến của Hitler, ra lệnh cho ông ta lập tức tổ chức một đạo quân, mà Fuhrer đã đặt tên là “Đạo quân dù thứ nhất”. Trong lúc Student đang ngõ ngàng lắng nghe, ông ta chợt nghĩ “đó là một cái tên quá kêu cho một lực lượng thậm chí còn chưa tồn tại.”

Đám lính của Student được nhặt nhạnh từ khắp nước Đức, và trừ một vài đơn vị đúng quy cách được trang bị đầy đủ, hầu hết họ là tân binh chỉ được vũ trang bằng vũ khí cũ kỹ dùng huấn luyện. Đội quân của ông ta gồm chừng mười ngàn người, hầu như không có phương tiện vận chuyển, thiết giáp hay pháo binh. Student thậm chí còn không có cả ban tham mưu.

Tuy vậy, lực lượng của Student, Jodl giải thích, đang được cần đến một cách khẩn cấp ở phía tây. Họ cần “lấp đầy một chỗ hổng khổng lồ” giữa Arnhem và khu vực Liege – Maastricht bằng việc “chiếm lĩnh một tuyến dọc theo kênh Albert.”

Với tốc độ nhanh nhất có thể, Student được lệnh đưa lực lượng của mình tới Bỉ và Hà Lan. Vũ khí quân trang sẽ được cung cấp tại điểm đến. Bên cạnh đám lính dù cũ, hai sư đoàn đã được bổ sung cho “đạo quân” mới của ông ta. Student nhanh chóng nhận ra rằng một trong hai sư đoàn này, sư 719, “gồm toàn người già đóng dọc bờ biển Hà Lan và chưa từng bao giờ bắn lấy một phát súng.” Sư đoàn thứ hai, sư 176, thậm chí còn tệ hơn. Nó được tổ chức từ “những người bán thương tật và những thương binh đang phục hồi, mà để dễ quản lý, đã được gom lại thành các tiểu đoàn riêng rẽ tùy theo nhóm thương tật.” Đám này thậm chí còn có cả những nhà bếp “kiêng” dành riêng cho những người đau dạ dày. Bên cạnh các đơn vị này, ông ta còn được chia phần thêm một đám lính hồ lớn tập hợp lại từ các quân chủng khác từ khắp Hà Lan và Bỉ - lính không quân, thủy thủ, lính phòng không – và 25 xe tăng. Với Student, một chuyên gia về tác chiến nhảy dù và chỉ huy các đơn vị đổ bộ đường không huấn luyện kỹ càng dành cho tấn công chớp nhoáng, đạo quân chấp vá của ông ta quả là một “sự xoay xở được chăng hay chớ ở quy mô lớn.” Dù sao đi nữa, ông ta cũng quay trở lại với cuộc chiến.

Suốt buổi chiều, bằng điện thoại và điện tín, Student ra lệnh hành quân tới các đơn vị. Ông ta dự tính sẽ mất chừng ít nhất bốn ngày để đưa người của mình tới mặt trận. Nhưng những đơn vị thiện chiến nhất của ông, được đưa lên những chuyến tàu đặc biệt hướng tới Hà Lan, sẽ có mặt ở vị trí bên kênh đào Albert, như một phần cụm quân B của Model, trong vòng 24 giờ.

Cú điện thoại của Jodl và những thông tin mà chính ông ta thu lượm được tới lúc đó khiến Student phát hoảng. Xem ra rõ ràng rằng lực lượng tốt nhất của ông – trung đoàn dù số 6 cùng với một tiểu đoàn nữa, tổng cộng chừng ba ngàn người – có vẻ là lực lượng dự trữ duy nhất trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu của cả quân đội Đức. Ông thấy tình hình thật nguy ngập.

Một cách luống cuống, thống chế Walter Model, tư lệnh lực lượng phía tây, cố bịt lại lỗ hổng đang há hoác ra ở phía đông Antwerp và chặn lại cuộc rút lui hỗn độn từ Bỉ về Hà Lan. Lúc này vẫn chưa có tin gì về việc bổ nhiệm von Runstedt thay thế ông ta. Lực lượng của viên thống chế đã bị phân tán, trở nên vô tổ chức đến mức Model đã gần như mất hoàn toàn khả năng kiểm soát tình hình. Ông ta không còn liên lạc được với nửa thứ hai của lực lượng dưới quyền, cụm quân G ở phía nam. Liệu tướng Johannes Blaskowitz, chỉ huy của nó, có kịp rút lui khỏi Pháp không?

Model không rõ. Và để làm khổ viên thống chế số phận của cụm quân G chỉ là thứ yếu. Tai hoạ rõ ràng đang diễn ra ở phía bắc.

Một cách dữ dội, các cụm quân thiết giáp Anh và Mỹ đã chặt cụm quân B ra làm đôi. Trong số hai đạo quân cấu thành cụm quân B, đạo quân số 15 bị vây tròn, lưng quay ra biển Bắc trong một dải nằm giữa Calais tới một điểm ở tây bắc Antwerp. Đạo quân số 7 gần như bị huỷ diệt, và bị đánh bật về phía Maastricht và Aachen. Giữa hai đạo quân này là một khoảng trống rộng 75 dặm và người Anh đã tiến thẳng

qua đó vào Antwerp. Cũng chạy dọc theo con đường đó là chính lực lượng của Model đang tháo lui, tinh thần rệu rã.

Trong một nỗ lực tuyệt vọng nhằm chặn cuộc tháo chạy, Model đã ra một lời kêu gọi khá cảm động tới binh lính của mình "...Với sự tấn công của quân thù và sự rút lui của chiến tuyến ta, hàng trăm ngàn binh lính đã quay lui - bộ binh, không quân, và các đơn vị thiết giáp - những binh lính cần được tổ chức lại theo kế hoạch và chiếm giữ những điểm hay tuyến trọng yếu mới.

Trong dòng người này có lực lượng còn lại của những đơn vị đã tan vỡ mà, trong lúc này không có mục tiêu cụ thể nào và thậm chí không ở vào vị trí để có thể nhận được mệnh lệnh rõ ràng. Trong khi những đơn vị có tổ chức đã dừng lại để củng cố, dòng người vô tổ chức vẫn tiếp tục tháo chạy. Cùng với đoàn xe của họ là những lời xì xào, tin đồn, hỗn độn, vô tổ chức không ngừng và sự ích kỷ nhỏ nhen. Bầu không khí này đang bị đưa về tuyến sau, làm ảnh hưởng tới các đơn vị và trong thời điểm cực kỳ căng thẳng hiện nay nó cần được ngăn ngừa bằng những biện pháp kiên quyết nhất."

Tôi kêu gọi tới danh dự của các bạn với tư cách là những người lính. Chúng ta đã thua một trận đánh, nhưng tôi cam đoan với các bạn điều này: chúng ta sẽ thắng cuộc chiến này! Tôi không thể nói nhiều hơn với các bạn vào lúc này, cho dù tôi biết các bạn có những câu hỏi đang nóng bỏng trên môi. Cho dù điều gì đã xảy ra, đừng bao giờ để mất niềm tin của các bạn vào tương lai của nước Đức. Đồng thời các bạn cần phải ý thức được mức độ nghiêm trọng của tình hình. Thời

điểm hiện nay cần phải và sẽ cách ly con người với sự yếu đuối. Lúc này mọi người lính đều có chung trách nhiệm. Khi người chỉ huy của mình ngã xuống, anh ta cần sẵn sàng nhận lấy trách nhiệm và tiếp tục chiến đấu...”

Theo sau là một loạt dài các chỉ thị trong đó Model yêu cầu một cách bắt buộc rằng binh lính đang rút lui cần lập tức “thông báo tới sở chỉ huy gần nhất,” lập lại trong những người khác “sự tự tin, kiểm chế, độc lập, lạc quan”, và xua đuổi “những tin đồn ngu ngốc, những thông báo vô trách nhiệm.” Kẻ thù, ông ta nói, “không thể cùng lúc có mặt ở khắp mọi nơi” và, quả thực, “nếu tất cả số xe tăng được những kẻ phao tin đồn nhảm nói tới đều được đếm lại, thì có thể có tới một trăm ngàn chiếc.” Viên thống chế kêu gọi binh lính dưới quyền không từ bỏ các vị trí quan trọng hay phá huỷ quân trang, vũ khí hay các cơ sở hạ tầng “trước khi cần thiết”. Tài liệu đáng kinh ngạc này chấm dứt bằng việc nhấn mạnh rằng mọi việc sẽ phụ thuộc vào “tranh thủ thời gian, mà Fuhrer cần để đưa vũ khí và lực lượng mới vào trận.”

Hoàn toàn không có liên lạc trực tiếp, phụ thuộc phần lớn vào radio, Model chỉ có thể hy vọng rằng bản nhật lệnh của ông ta tới được binh lính thuộc hạ. Trong lúc hỗn loạn ông ta thậm chí còn không chắc chắn về vị trí mới nhất của các đơn vị đã toi tả và tan rã của mình; và cũng không thể biết chính xác xe tăng và quân lính Đồng Minh đã tiến xa tới đâu. Và cuộc đột kích chính của Đồng Minh diễn ra tại đâu - với lực lượng Anh -Mỹ ở phía bắc hướng tới phòng tuyến Siegfried và sau đó vượt sông Rhine tiến vào vùng Ruhr? Hay là với đạo quân Mỹ số 3 hùng hậu của Patton đang tiến tới Saar, phòng tuyến

Siegfried và qua sông Rhine vào Frankfurt?

Con ác mộng của Model là hậu quả của tình hình xảy ra gần hai tháng trước, vào thời điểm von Runstedt bị cách chức, và Hitler vội vã bổ nhiệm von Kluge làm người kế nhiệm viên thống chế già. Đang nghỉ phép để dưỡng bệnh từ nhiều tháng trước đó sau khi rời khỏi chức chỉ huy ở Nga, von Kluge tình cờ lại gọi điện thăm hỏi xã giao Fuhrer đúng vào lúc Hitler quyết định cách chức von Runstedt. Chẳng hề có dự tính cụ thể nào, và cũng có thể vì von Kluge tình cờ lại là sĩ quan cao cấp duy nhất sẵn có, Hitler đã bổ nhiệm von Kluge đang bàng hoàng làm tổng chỉ huy mặt trận phía tây.

Von Kluge, một chỉ huy mặt trận kỳ cựu, nhậm chức hôm 4/7. Ông ta tại nhiệm 44 ngày. Đúng như von Runstedt đã tiên đoán, cuộc đột phá của Đồng minh diễn ra. “Toàn bộ mặt trận phía tây bị chọc thủng,” von Kluge thông báo cho Hitler. Bị áp đảo bởi lực lượng Đồng minh tràn qua nước Pháp, von Kluge, cũng giống như von Runstedt trước đây, nhận ra mình bị trói chân trói tay hoàn toàn bởi những mệnh lệnh khẳng khẳng “không rút lui” của Hitler. Các đạo quân Đức ở Pháp bị bao vây và gần như bị huỷ diệt. Đúng vào thời kỳ này một đòn nặng nữa giáng vào Đế chế thứ ba - một vụ ám sát Hitler không thành.

Tại một trong những cuộc họp liên miên tại tổng hành dinh của Fuhrer, một quả bom hẹn giờ giấu trong một cặp tài liệu do đại tá Claus Graf von Stauffenberg đặt dưới gầm một chiếc bàn gần Hitler, phát nổ, giết chết và làm bị thương nhiều người trong phòng. Fuhrer

thoát hiểm với vài vết thương nhẹ. Mặc dù chỉ có một nhóm sĩ quan cao cấp dính dáng vào vụ mưu sát, sự trả thù của Hitler thật tàn bạo. Bất cứ ai liên hệ với những kẻ dự mưu, hay với gia đình họ, đều bị bắt; rất nhiều người, bất chấp có tội hay không, đã bị hành quyết. Chừng năm ngàn người bỏ mạng. Von Kluge gián tiếp có liên quan, và Hitler cũng nghi ngờ ông này định thương lượng đầu hàng kẻ thù. Von Kluge bị thay thế bằng Model và được lệnh lập tức đến trình diện Führer. Trước khi rời sở chỉ huy, von Kluge đã viết cho Hitler một lá thư tuyệt mệnh*.

“Khi ngài nhận được những dòng này, tôi sẽ không còn nữa (ông ta viết cho Führer)...Tôi đã làm tất cả trong khả năng của mình để đối phó với tình hình ... Cả Rommel và tôi, và có lẽ tất cả các chỉ huy khác ở phía tây với kinh nghiệm chiến đấu chống lại quân Anh - Mỹ, với sự dồi dào về trang bị của chúng, đều đã lừng trước những diễn biến hiện tại. Chúng tôi đã không được nghe theo. Kiến nghị của chúng tôi không được thảo ra do bi quan, mà từ hiểu biết tinh táo về thực tiễn. Tôi không rõ liệu thống chế Model, người đã được chứng minh về mọi khía cạnh, có thể làm chủ được tình hình hay không. Từ trái tim mình tôi hy vọng là vậy. Tuy nhiên, nếu điều này không xảy ra, và các vũ khí mới của ngài ... không thành công, trong trường hợp đó, thưa Führer, hãy quyết định chấm dứt chiến tranh. Đã đến lúc đặt dấu chấm hết cho sự kinh hoàng này. Tôi luôn ngưỡng mộ sự vĩ đại của ngài ... và ý chí gang thép của ngài... Giờ đây hãy chứng tỏ ngài cũng đủ vĩ đại để chấm dứt cuộc chiến vô vọng này....”

Sau đó, trên đường về Đức, ông ta uống thuốc độc tự sát. Hitler lại

một lần nữa tận dụng viên chỉ huy cao niên nhất của mình, von Runstedt, bằng cách chỉ định ông làm chánh án Tòa án danh dự xét xử các sĩ quan bị nghi vấn. Von Runstedt lặng lẽ làm theo mệnh lệnh của Fuhrer. “Nếu tôi không làm,” sau này ông ta giải thích, “rất có thể cả tôi cũng đã bị coi là kẻ phản bội.” Lời giải thích của von Runstedt không bao giờ thoả mãn nhiều sĩ quan đồng ngũ, những người này kín đáo chỉ trích ông ta vì đã làm theo yêu cầu của Hitler.

Hitler không hề có ý định nhường chiến thắng cho Đồng minh, cho dù Đế chế thứ ba mà ông ta tuyên bố sẽ tồn tại một ngàn năm lúc này đã kiệt quệ và suy sụp. Trên tất cả các mặt trận ông ta đều cố cứu vãn thất bại. Thế nhưng những quyết định của Fuhrer có vẻ ngày càng tuyệt vọng hơn.

Việc chỉ định Model ở OB West đã chẳng giúp được gì. Không giống như von Runstedt hay, như von Kluge trong thời gian ngắn, Model đã không được một chiến tướng tài năng như Rommel hỗ trợ. Sau khi Rommel bị trọng thương do máy bay Đồng minh hôm 17/7, không ai được cử tới để thay thế ông.*

*Rommel, người cũng bị Hitler nghi ngờ dính dáng tới vụ mưu sát, đã chết ba tháng sau đó. Trong khi dưỡng bệnh tại nhà, Hitler đã cho ông ta lựa chọn: hoặc ra toà vì phản bội hoặc tự sát. Ngày 14/10, Rommel uống cyanua, và Hitler tuyên bố rằng viên thống chế nổi tiếng nhất của Đế chế đã “hy sinh vì những vết thương gây ra trên chiến trường”.

Lúc đầu Model có vẻ không cảm thấy sự cần thiết. Tự tin rằng mình có thể xoay chuyển được tình thế, ông ta tự nắm lấy chức chỉ huy trước đây của Rommel, và trở thành không chỉ OB West mà cả tư lệnh cụm quân B. Bất chấp năng lực của Model, tình hình đã trở nên quá tệ hại cho bất cứ viên tư lệnh nào.

Lúc này cụm quân B đang chiến đấu vì sự sống còn của mình trên một chiến tuyến nằm giữa bờ biển Bỉ và biên giới Pháp – Luxemburg. Từ đây, về phía nam tới Thụy Sĩ, lực lượng còn lại dưới quyền Model - cụm quân G của tướng Blaskowitz – đã bị quét sạch. Theo sau cuộc đổ bộ thứ hai của Đồng minh ngày 15/8 bởi lực lượng Pháp và Mỹ lên vùng Marseille, cụm quân của Blaskowitz đã vội vã cuốn gói khỏi miền nam Pháp. Dưới sức ép liên tục, họ đang trong lúc này rút lui hỗn loạn về biên giới Đức.

Dọc chiến tuyến đứt đoạn của Model ở phía bắc, nơi thiết giáp đồng minh đã phá thủng một khoảng dài 75 dặm, con đường từ Bỉ tới Hà Lan và từ đây vượt qua biên giới phía tây bắc nước Đức hoàn toàn rộng mở không ai bảo vệ. Lực lượng Đồng minh tiến vào Hà Lan có thể đánh tạt sườn phòng tuyến Siegfried nơi một vành đai dày đặc công sự kiên cố chạy dọc biên giới Đức từ Thụy Sĩ kết thúc ở Kleve trên biên giới Hà Lan - Đức. Bằng cách vòng qua mép phía bắc của bức tường phía tây của Hitler, quân Đồng minh có thể tràn vào vùng Ruhr, trái tim công nghiệp của Đế chế. Một động thái như vậy có thể dẫn tới sự suy sụp hoàn toàn của nước Đức.

Hai lần trong 72 giờ Model tuyệt vọng gọi điện cho Hitler xin tăng

viện. Tình hình lực lượng của ông ta trong khoảng trống không được phòng vệ này thật hỗn loạn. Trật tự cần được lập lại và khoảng vô được trám kín. Báo cáo cuối cùng của Model, được ông ta gửi Hitler sáng sớm ngày 4/9, cảnh báo rằng sự khủng hoảng đang tới gần, và trừ khi ông ta nhận được ít nhất “hai mươi lăm sư đoàn sung sức và một lực lượng thiết giáp dự trữ gồm năm đến sáu sư đoàn Panzer,” toàn bộ mặt trận có thể sụp đổ, và như thế sẽ để ngỏ “cửa ngõ vào tây bắc nước Đức.”

Mối lo ngại lớn nhất của Model là việc người Anh tiến vào Antwerp. Ông ta không rõ liệu bến cảng khổng lồ này, lớn thứ hai châu Âu, đã bị chiếm nguyên vẹn hay đã bị lực lượng Đức đồn trú phá huỷ. Bản thân thành phố Antwerp, nằm sâu trong đất liền, không phải là điểm quan trọng. Để sử dụng cảng, quân Đồng minh cần kiểm soát lối ra biển, một cửa biển dài 54 dặm, rộng 3 dặm ở chỗ đổ ra biển, chảy vào Hà Lan từ biển Bắc qua đảo Walcheren và vòng qua bán đảo Nam Beveland. Chừng nào súng lớn của quân Đức còn kiểm soát cửa Schelde, quân Đồng minh vẫn không thể sử dụng được cảng Antwerp.

Thật không may cho Model, ngoài các khẩu đội phòng không và pháo hạng nặng bảo vệ bờ biển đặt trên đảo Walcheren, ông ta hầu như không có lực lượng nào bên bờ bắc. Nhưng phía bên kia cửa Schelde, gần như bị cô lập ở Pas de Calais là đạo quân 15 của tướng Gustav von Zangen - một đội quân chừng 80000 người. Cho dù bị nhốt chặt trong một cái túi - biển chặn sau lưng họ về phía bắc và phía tây, lính Canada và Anh đang ép lại từ phía nam và phía đông - lực lượng này

tuy thế vẫn kiểm soát hầu hết bờ nam cửa biển.

Tới lúc này, Model tin rằng xe tăng Anh, tận dụng tình hình, chắc chắn sẽ tiến dọc bờ bắc và quét sạch khu vực này. Chẳng bao lâu nữa toàn bộ bán đảo Nam Beveland sẽ nằm trong tay họ và bị cắt đứt khỏi lãnh thổ Hà Lan ở đoạn hẹp nằm về phía bắc biên giới Bỉ, chỉ cách Antwerp 18 dặm. Sau đó, để khai thông cảng, người Anh hẳn sẽ quay sang tấn công đạo quân thứ 15 và quét sạch bờ nam. Lực lượng của von Zangen cần được triệt thoái.

Cuối buổi chiều ngày 4/9 tại sở chỉ huy cụm quân B đóng tại làng La Chaude Fontaine ở đông nam Liege, Model ra một loạt mệnh lệnh. Qua radio ông ta lệnh cho von Zangen giữ vững bờ nam cửa Schelde và tăng cường phòng thủ các cảng nhỏ Dunkirk, Boulogne và Calais, mà Hitler trước đó đã ra lệnh cần được phòng thủ « với quyết tâm cầm tử như những pháo đài ». Với lực lượng còn lại của mình, viên tư lệnh khốn khổ von Zangen cần phản công về hướng đông bắc vào lực lượng thiết giáp Anh. Đây là một giải pháp tuyệt vọng, nhưng Model không thấy có cách nào khác. Nếu cuộc phản kích của Von Zangen thành công, nó sẽ cô lập được lực lượng Anh ở Antwerp và cắt rời lực lượng thiết giáp mũi nhọn của Montgomery đang tiến lên phía bắc. Ngay cả nếu thất bại, nỗ lực của von Zangen vẫn có thể kéo dài được thời gian, làm chậm bước tiến Đồng minh đủ lâu để viện binh kịp tới nơi và thiết lập một chiến tuyến mới dọc kênh đào Albert.

Chính xác là lực lượng tăng viện nào đang tới, Model không rõ. Đến tối ông ta cuối cùng cũng nhận được câu trả lời của Hitler cho sự cầu

khẩn của ông xin thêm các sư đoàn mới để ổn định mặt trận. Đó là tin ông ta bị thay thế bởi thống chế von Runstedt ở chức tư lệnh mặt trận phía tây. Von Kluge đã tại nhiệm được 44 ngày ở cương vị OB West, Model chỉ vền vẹn 18 ngày.

Thường ngày khá nóng nảy và đầy tham vọng, lần này Model phản ứng khá bình thản. Ông ta ý thức được hạn chế về khả năng quản lý của mình hơn là những người chỉ trích tin. **« Chúng tôi hiếm khi thấy ông ta, » tham mưu trưởng OB West Blumetritt nhớ lại. « Model ghét những công việc giấy tờ và dành phần lớn thời gian trên thực địa. » Trung tướng Bodo Zimmermann, chỉ huy tác chiến của OB West, đã viết sau chiến tranh rằng cho dù Model là « một người lính rất có năng lực, » ông ta thường « yêu cầu quá nhiều và quá gấp, » từ đó thiếu « khả năng nhận định cái gì thực sự khả thi. » Ông ta thường có xu hướng « phân tán năng lực của mình, » Zimmermann viết thêm, và « công việc tham mưu bị ảnh hưởng rất nhiều bởi sự vắng mặt quá thường xuyên và những mệnh lệnh thiếu nhất quán của ông. »

Giờ đây ông ta có thể tập trung cho công việc ông ta có năng lực hơn cả : làm một chỉ huy chiến trường, chỉ thuần túy chỉ huy cụm quân B. Nhưng, trong số hàng loạt mệnh lệnh hấp tấp của Model trong ngày cuối cùng làm tư lệnh miền tây, một mệnh lệnh sau này sẽ trở nên cực kỳ quan trọng. Nó liên quan đến việc di chuyển quân đoàn Panzer SS số 2 của ông ta.

Viên tư lệnh quân đoàn, trung tướng 54 tuổi Wilhem Bittrich, đã mất

liên lạc với Model từ hơn 72 giờ. Lực lượng của ông này, gần như phải chiến đấu liên tục kể từ Normandy, đã tổn thất nặng nề. Thiệt hại về xe tăng của Bittrich rất lớn, các đơn vị cạn kiệt đạn và xăng. Thêm nữa, do liên lạc bị gián đoạn, số ít mệnh lệnh nhận được qua radio đều không còn phù hợp với tình hình khi đến tay ông ta. Không biết gì về di chuyển của quân địch và cần gấp chỉ đạo, Bittrich đã lên đường đi tìm Model. Cuối cùng ông ta cũng tìm được viên thống chế tại sở chỉ huy cụm quân B ở gần Liege. « Tôi đã không gặp lại ông kể từ mặt trận Nga năm 1941, » Bittrich sau này nhớ lại. « Kính không gọng đeo trên mắt, mặc chiếc áo khoác da ngắn quen thuộc, Model đang đứng quan sát bản đồ và sẵn giọng ra hết lệnh này đến lệnh khác. Hầu như không có thời gian trao đổi nhiều. Yêu cầu mệnh lệnh chính thức tiếp theo, tôi được lệnh dời sở chỉ huy của mình về phía bắc tới Hà Lan. » Nhanh nhất có thể được, Bittrich được lệnh « giám sát việc củng cố và bổ sung của các sư đoàn Panzer SS số 9 và 10. » Những đơn vị đã toi tả này, Model nói với ông ta, cần được « từ từ rút khỏi vòng chiến và di chuyển ngay lên phía bắc. »

Vẫn tồn tại nhiều mâu thuẫn về mệnh lệnh của Model. Theo nhật ký chiến tranh của cụm quân B, lệnh di chuyển các sư đoàn Panzer SS số 9 và 10 được đưa ra vào tối ngày 3/9. Nếu vậy, chúng đã không bao giờ tới đích. Thêm nữa, có tài liệu cho thấy Bittrich nhận được chỉ thị dành cho ông ta 48 giờ sau đó, lệnh cho ông ta giám sát việc tập hợp và củng cố không chỉ sư đoàn 9 mà cả sư đoàn Panzer số 2 và 116. Thật lạ, sư đoàn 10 không được nhắc đến. Tôi không tìm thấy bằng chứng nào cho thấy sư đoàn 2 hay sư đoàn 116 từng tới được Arnhem (có vẻ là các đơn vị này vẫn tiếp tục giao chiến ở mặt trận). Theo giấy

tờ và nhật ký cá nhân của Bittrich, ông ta nhận được lệnh miệng từ Model hôm 4/9 và theo đó chỉ huy các sư đoàn 9 và 10 hướng lên phía bắc. Cả hai đơn vị này, theo các tư lệnh của chúng, bắt đầu từ từ rút lui vào ngày 5 – 6/9.

Viên tướng ít ai biết đến Bittrich khó có thể đoán trước được vai trò quyết định mà các sư đoàn Panzer SS số 9 và 10 của ông ta sẽ thể hiện trong hai tuần sau đó. Địa điểm Model chọn cho Bittrich là một vùng yên tĩnh, lúc đó nằm cách mặt trận khoảng 75 dặm. Một ngẫu nhiên lịch sử đã quyết định rằng khu vực này bao gồm cả thành phố Arnhem.

Cuộc tháo chạy vất chân lên cổ của người Đức qua Hà Lan đang chậm dần lại, cho dù chỉ một số ít trong những người Hà Lan đang hân hoan nhận ra. Từ biên giới Bỉ tới Arnhem, đường xá vẫn đông nghịt, nhưng sự di chuyển đã khác đi. Từ vị trí quan sát của mình tại ngôi nhà nhìn xuống cầu Arnhem, Charles Labouchere thấy không có gì thay đổi trong dòng thác xe cộ, lính, và những kẻ thân Nazi đang không ngừng tuôn qua cầu. Nhưng chỉ cách chỗ Labouchere vài khối nhà về phía bắc, Gerhadus Gysbers, một người bán sách cổ, thấy có một sự thay đổi xảy ra. Lính Đức tiến vào Arnhem từ phía tây không tiếp tục đi xa hơn. Khu trại lính Willems ngay cạnh nhà Gysbers và những khu phố lân cận chật cứng xe ngựa và tàn quân. Gysbers trông thấy các tiểu đoàn Luftwaffe, lính phòng không, SS Hà Lan và đám người già của sư đoàn bảo vệ bờ biển 719. Với viên chỉ huy kháng chiến ở Arnhem, Pieter Kruyff, đây không phải là sự dừng lại tạm thời. Đám lính này không đi về phía Đức. Chúng đang từ từ tập hợp

lại, một số đơn vị đi trên xe ngựa của sư đoàn 719 bắt đầu quay trở lại phía nam. Chỉ huy quân báo của Kruffyff tại vùng Arnhem, anh Henri Knap 33 tuổi, kín đáo đạp xe đi khắp quanh vùng, cũng nhận ra sự thay đổi này. Anh cảm thấy bối rối, tự hỏi không lẽ những bản tin lạc quan phát đi từ London lại sai. Nếu thế, sự thất vọng thật tàn nhẫn. Khắp nơi anh nhìn thấy người Hà Lan hân hoan. Ai cũng biết rằng quân của Montgomery đã chiếm Antwerp. Hiển nhiên Hà Lan sẽ được giải phóng trong vài giờ tới. Knap có thể nhận ra quân Đức đang chỉnh đốn lại lực lượng. Cho dù lúc này sức mạnh của chúng vẫn chưa đáng kể, nhưng anh biết rõ nếu người Anh không tới nhanh lực lượng này sẽ mạnh lên nhiều.

Tại Nijmegen, cách đó 11 dặm về phía nam, quân cảnh Đức chặn mọi con đường dẫn tới biên giới Đức.

Elias Broekkamp, một người nhập khẩu rượu vang, thấy một số đơn vị tiến về phía bắc tới Arnhem, nhưng phần lớn đã bị hãm lại. Như tại Arnhem, đám khán giả có vẻ không hề nhận ra sự khác biệt. Broekkamp thấy nhiều thường dân Hà Lan cười cợt chế nhạo trước cái mà họ coi là sự hỗn loạn của người Đức.

Trên thực tế, sự hỗn loạn đã giảm dần cường độ. Nijmegen trở thành điểm tập kết quân, một lần nữa lại nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của quân cảnh Đức. Xa hơn về phía nam, tại Eindhoven, chỉ cách biên giới Bỉ có mười dặm, cuộc rút lui đã gần như ngừng hẳn. Trong những đoàn xe hỗn độn chạy lên phía bắc có nhiều thường dân Nazi hơn là binh lính. Frans Kortie, người đã thấy quân Đức tháo súng

khỏi nóc nhà máy Philips, nhận ra một thay đổi khác. Tại một tuyến đường ray nằm sát nhà ga, ông nhìn thấy một đầu máy đẩy các toa sàn phẳng vào vị trí. Trên các toa có đặt súng phòng không. Kortie cảm thấy thất vọng.

Còn thất vọng hơn, ông này phát hiện ra viện binh đang từ Đức tới. Tại Tilburg, Eindhoven, Helmond, và Weert, dân chúng nhìn thấy các đơn vị còn nguyên vẹn được chuyển tới bằng tàu hoả. Được nhanh chóng đưa xuống tàu và tập hợp lại, các đơn vị này hành quân về phía biên giới Bỉ - Hà lan. Chúng không phải là lính bộ binh Wehmacht thường. Binh lính của đơn vị này được trang bị chu đáo, có kỷ luật, và kiểu mũ sắt và binh phục nguy trang đặc trưng cho thấy đây là những lính dù kỳ cựu của Đức.

Vào cuối buổi chiều ngày 5/9, những đơn vị dù đầu tiên của đại tướng Kurt Student đã bắt đầu đào công sự tại nhiều điểm dọc bờ bắc kênh đào Albert. Sự khẩn trương của chúng gần như điên cuồng. Student, khi tới nơi vào lúc trưa, đã phát hiện ra rằng « ranh giới mới của nước Đức » của Model chỉ đơn giản là dải chướng ngại bằng nước rộng 80 bộ này. Chưa có vị trí phòng thủ nào được chuẩn bị. Không có công sự kiên cố, chiến hào hay pháo đài. Và, để làm cho sự tình tệ thêm cho những người phòng thủ, Student nhận xét, « hầu như ở khắp mọi nơi bờ nam con kênh cao hơn bờ bắc ». Ngay cả những cây cầu bắc qua con kênh cũng còn nguyên vẹn. Chỉ đến lúc này đám công binh mới đang bắt đầu đặt bộc phá. Có vẻ trong cơn hỗn loạn đã chẳng có ai ra lệnh phá cầu.

Tuy vậy, thời gian biểu của Student đã được tính toán hoàn hảo. Chuyển « di chuyển chớp nhoáng » của lực lượng đổ bộ đường không của ông ta là một thành công ngoạn mục. « Nếu tính đến việc lực lượng dù đã được tập hợp lại từ khắp nước Đức, từ Gustrow ở Mecklenburg tới tận Bitsch ở Lothringen, » sau này ông nhớ lại, « và vũ khí quân bị, được chuyển tới từ những vùng khác của nước Đức để đội binh lính ở ga tập kết, tốc độ hành quân quả là đáng ghi nhận. » Student chỉ có thể thán phục « sự chính xác đáng kinh ngạc của bộ tổng tham mưu và toàn bộ tổ chức của Đức. » Sư đoàn phòng thủ bờ biển 719 của trung tướng Karl Sievers cũng đã hành quân rất khẩn trương. Student cảm thấy phấn chấn hơn khi thấy đội hình của đơn vị này hướng tới vị trí ở phía bắc Arnhem « rải dọc những con đường dẫn ra mặt trận, đồ hậu cần và pháo binh được kéo bằng ngựa. » Từng giờ trôi qua, đạo quân dù thứ nhất vừa được vội vã thành lập dần dần tới nơi. Cùng lúc, nhờ một vận may hiếm có, sự giúp đỡ cũng tới từ một nguồn ít được trông đợi nhất.

Cuộc cầm đầu cầm cổ chạy dài từ Bỉ tới Hà Lan đã được làm chậm lại và sau đó chặn đứng hẳn nhờ sự cương quyết và năng lực của một người : trung tướng Kurt Chill. Vì sư đoàn bộ binh 85 của ông ta đã gần như bị tiêu diệt hoàn toàn, Chill được lệnh cứu tất cả những gì còn có thể cứu được và di chuyển về Đức. Nhưng viên tướng giàu nghị lực, quan sát thấy cảnh tượng gần như hoảng loạn trên các tuyến đường và dựa theo bản nhật lệnh của Model, đã quyết định không làm theo mệnh lệnh nhận được. Chill kết luận rằng cách duy nhất để ngăn chặn thảm họa là tổ chức một tuyến dọc kênh đào Albert. Ông sát nhập lực lượng còn lại của sư đoàn 85 vào đám tàn quân của hai

sư đoàn khác, và nhanh chóng phân bổ những đơn vị này tới những điểm trọng yếu ở bờ bắc con kênh. Sau đó, ông quan tâm đến các cây cầu và thiết lập những « trạm tiếp đón » ở các đầu cầu phía bắc. Trong vòng 24 giờ, Chill đã thành công trong việc tập hợp lại hàng ngàn quân nhân thuộc đủ binh chủng của quân đội Đức. Đó là một đám hỗn tạp bao gồm lính cơ khí của Luftwaffe, các nhân viên hành chính, các đơn vị hải quân bảo vệ bờ biển và lính của chừng 12 sư đoàn khác nhau, nhưng đám tàn quân tội tã này, khá lắm cũng chỉ được trang bị súng trường, ít nhất cũng đã có mặt sẵn sàng ở kênh đào khi Student tới nơi.

Student đã gọi hành động của Chill trong việc chặn đứng một sự tan rã hoàn toàn là một « phép màu nhiệm ». Với một sự khẩn trương đáng nể, ông này đã thiết lập một tuyến phòng thủ lâm thời, giúp có thêm thời gian để toàn bộ lực lượng của Student kịp tới nơi. Chuyện này có thể cần thiết đến vài ngày. Ngay cả với sự giúp đỡ của Chill, lực lượng của đạo quân dù thứ 1 của Student tối đa cũng chỉ có 18000 đến 20000 người, cùng một ít pháo binh, súng phòng không và 25 xe tăng - một lực lượng thậm chí còn chưa tương đương với một sư đoàn Mỹ. Và hướng tới lực lượng ít ỏi này - mỏng đến mức Student thậm chí không có đủ người cho dù chỉ để rải dọc khoảng hỏ dài 75 dặm giữa Antwerp và Maastricht – là đạo quân Anh thứ hai và một phần đạo quân Mỹ thứ nhất. Student bị áp đảo cả về hỏa lực lẫn quân số ; đứng giữa ông ta và thảm họa chỉ còn lại duy nhất con kênh đào Albert.

Đối phương sẽ tấn công tại điểm nào ? Phòng tuyến của Student

yếu ở mọi nơi, nhưng có một số địa điểm nguy hiểm hơn những nơi khác. Ông ta đặc biệt quan ngại khu vực bắc Antwerpt, nơi sư đoàn 719 yếu ớt chỉ vừa chiếm lĩnh vị trí. Liệu vẫn còn thời gian tận dụng lợi thế của dải chướng ngại rộng 80 bộ do nước tạo ra để biến nó thành một phòng tuyến chủ lực có thể kìm chân Đồng minh đủ lâu tới khi lực lượng tăng viện kịp tới nơi ? Đây là hy vọng lớn nhất của Student.

Ông ta chờ đợi bị tấn công bất cứ lúc nào, thế nhưng vẫn chẳng có thông báo nào về sự xuất hiện của thiết giáp Đồng minh. Student đặc biệt ngạc nhiên khi thấy hầu như không có giao chiến với quân địch ở phía bắc Antwerpt. Ông ta cho tới lúc này vẫn tin rằng xe tăng Anh, sau khi chiếm thành phố, hẳn sẽ tấn công về phía bắc ; cô lập bán đảo Beveland và tiến sâu vào Hà Lan. Nhưng Student nhận thấy có vẻ người Anh đã giảm tốc độ tấn công. Tại sao ?

Bốn lần trong 18 ngày tổng hành dinh của lực lượng Đức ở phía Tây đã phải di chuyển. Bị oanh kích, pháo kích, suýt nữa bị thiết giáp Đồng minh tập kích, cuối cùng OB West đã dừng lại thiết lập vị trí của mình ở phía sau biên giới để chế. Và vào hơn 2 giờ chiều ngày 5/9, viên tổng tư lệnh mới tìm thấy sở chỉ huy của mình ở thành phố nhỏ Aremberg gần Koblenz.

Mệt mỏi và căng thẳng sau chuyến đi dài, thống chế Gerd von Runstedt dẹp sang một bên các nghi lễ quân sự và các màn chào đón trống rỗng cò mở thường đi theo việc thay đổi tư lệnh trong quân đội Đức. Ngay lập tức, ông lao vào một loạt cuộc họp với ban tham mưu

kéo dài cho đến đêm. Các sĩ quan chưa trực tiếp biết ông ngỗ ngược với tốc độ nắm bắt tình hình của thống chế. Với những người cũ, mọi việc diễn ra như thể ông chưa từng vắng mặt. Với tất cả mọi người, chỉ sự có mặt của von Runstedt thôi cũng đã đem lại cảm giác nhẹ nhõm và nhen nhóm trở lại sự tự tin.

Trách nhiệm đặt ra cho von Runstedt thực sự nặng nề, khó khăn phải đương đầu là khổng lồ. Ông cần càng nhanh càng tốt vạch ra một kế hoạch chiến lược mới cho mặt trận phía tây chạy dài 400 dặm từ biển bắc tới biên giới Thụy Sĩ - một kế hoạch mà thống chế Model đã thẳng thắn thừa nhận vượt quá khả năng của mình. Với những lực lượng toi tả mà von Runstedt có trong tay - cụm quân B ở phía bắc và cụm quân G ở phía nam – viên thống chế được trông đợi giữ vững mọi nơi và thậm chí phản công, như Hitler đã chỉ đạo. Đồng thời, để ngăn chặn một cuộc tấn công vào chính đế chế, ông còn phải biến thành thực tế phòng tuyến Siegfried « bất khả xâm phạm » của Hitler - một tuyến phòng thủ kiên cố chưa hoàn tất đã lỗi thời, bị bỏ bằng không phòng thủ, bị gỡ bỏ hết vũ khí từ năm 1940. Vẫn còn nhiều nữa, nhưng vào buổi chiều này von Runstedt dành ưu tiên cho những nguy cơ trước mắt. Thực tế còn xấu hơn nhiều những gì ông đã dự cảm.

Bức tranh toàn cục thật ảm đạm. Trước khi bị Hitler cách chức vào tháng 7, von Runstedt có trong tay 62 sư đoàn. Lúc này phụ trách tác chiến của ông, trung tướng Bodo Zimmermann, đưa ra một bản tổng kết tồi tệ. Trong hai cụm quân, ông này báo cáo với thống chế, có « 48 sư đoàn trên giấy, 15 sư đoàn Panzer và 4 lữ đoàn hầu như không có

chiếc tăng nào. » 48 sư đoàn này, quá yếu về nhân lực, trang bị và pháo binh, Zimmermann nói, nên theo nhận định của ông ta chúng chỉ có « năng lực tác chiến tương đương với 27 sư đoàn. » Lực lượng này chỉ chưa bằng một nửa lực lượng Đồng minh. Von Runstedt được biết bộ tham mưu của ông tin rằng Eisenhower có ít nhất 60 sư đoàn, hoàn toàn cơ giới hoá và đạt sức mạnh tối đa (ước tính này sai. Vào thời điểm này, Eisenhower có 49 sư đoàn trên lục địa)

Còn về lực lượng Panzer của Đức, chúng hầu như không còn tồn tại. Trên toàn mặt trận, chống lại sức mạnh của Đồng minh với ước chừng hơn hai ngàn xe tăng, chỉ còn lại 100 xe thiết giáp. Luftwaffe đã hoàn toàn bị tiêu diệt ; trên chiến trường, quân Đồng minh có ưu thế hoàn toàn về không quân. Bản tổng kết u ám của von Runstedt cho thấy về quân số, phần lớn đã kiệt sức và không còn tinh thần chiến đấu, ông ta bị áp đảo 2 chống 1 ; về pháo binh 2,5 khẩu chống 1 ; về xe tăng 20 chống 1 ; và về máy bay 25 chống 1*. Bên cạnh đó là sự thiếu thốn trầm trọng về xăng, phương tiện vận tải và đạn. Tham mưu trưởng mới của von Runstedt, tướng Siegfried Westphal, sau này nhớ lại, « Tình hình thật sự tuyệt vọng. Một thất bại quan trọng ở bất kỳ điểm nào trên chiến tuyến - với nhiều khoảng trống đến mức có lẽ cũng không xứng đáng tên gọi này – cũng sẽ dẫn tới tai hoạ nếu đối phương tận dụng triệt để các cơ hội. »

**Chú thích : tổn thất về nhân lực và khí tài của quân Đức là hết sức nặng nề. Trong 92 ngày kể từ sau cuộc đổ bộ lên Normandy, 300.000 lính Đức bị giết, bị thương hoặc mất tích ; 200.000 bị bao vây, đang tiếp tục giữ lấy các « pháo đài » như các cảng hoặc các đảo trên biển Manche. Khoảng 53 sư*

đoàn Đức bị tiêu diệt, và bị thiệt hại rải khắp Pháp và Bỉ là một lượng lớn phương tiện chiến tranh bao gồm ít nhất 1700 xe tăng, 3500 pháo, hàng ngàn xe bọc thép, xe tải, xe ngựa kéo, cùng một lượng khổng lồ vũ khí, từ súng bộ binh cho đến những kho đạn lớn. Trong số tổn thất nhân lực có 2 thống chế và hơn 20 tướng.

Tướng Blumentritt*, hoàn toàn nhất trí với nhận định của Westphal, còn cụ thể hơn. Theo quan điểm của ông này, nếu Đồng minh tổ chức « một mũi đột kích mạnh tạo ra một đột phá khẩu ở bất cứ nơi nào », sự sụp đổ sẽ kéo theo sau. Những lực lượng có khả năng chiến đấu duy nhất von Runstedt có trong tay đang trong lúc này đối đầu với đạo quân Mỹ thứ ba của tướng George S. Patton, lực lượng đang tiến tới Metz hướng về vùng công nghiệp Saar. Những đơn vị đó có thể làm chậm bước tiến của Patton, nhưng không đủ mạnh để chặn đứng ông ta. Thay vì để phí thời gian quý báu, theo Blumentritt có lẽ Đồng minh sẽ tấn công vào điểm yếu nhất của quân Đức - bằng cách tung một mũi đột kích mạnh vượt qua sông Rhine đánh vào vùng Ruhr. Mũi đột kích này, ông ta tin tưởng, sẽ là ưu tiên của quân Anh Mỹ, vì như ông sau này có nói, « Ai chiếm được bắc Đức chiếm được cả nước Đức. »

**Chú thích : Trước sự bực bội của von Runstedt, tướng Blumentritt, người đã từ lâu làm tham mưu trưởng của ông và được ông tin cậy nhất, bị thay thế bằng tướng Westphal hôm 5/9 và nhận được lệnh phải quay về Đức. Von Runstedt phản đối sự thay thế nhưng vô ích. Tuy vậy, Blumentritt vẫn có mặt trong những cuộc họp đầu tiên ở Aremberg và chỉ rời sở chỉ huy hôm 8/9.*

Von Runstedt cũng đã đi tới cùng kết luận. Chiếm vùng Ruhr hiển nhiên sẽ là mục tiêu chính của Đồng minh. Quân Anh Mỹ ở phía bắc đang tiến theo hướng này, về phía biên giới tại Aachen. Hầu như không có hy vọng ngăn chặn được họ chọc thủng phòng tuyến lỗi thời Siegfried không ai phòng thủ, sau đó vượt qua sông Rhine, chướng ngại thiên nhiên cuối cùng che chở nước Đức và đánh thẳng vào trái tim công nghiệp của đế chế.

Đầu óc phân tích của von Runstedt cũng đã phát hiện ra một sự kiện khác. Lực lượng đổ bộ đường không tinh nhuệ được huấn luyện kỹ càng của Eisenhower, được sử dụng rất thành công trong cuộc tấn công Normandy, đã biến mất khỏi bản đồ chiến sự của Đức. Những lực lượng này đã không được sử dụng như bộ binh thường. Hiển nhiên chúng đã được rút về hậu cứ, chuẩn bị cho một chiến dịch đổ bộ đường không khác. Nhưng khi nào và ở đâu ? Hiển nhiên một cuộc đổ bộ đường không sẽ trùng hợp với mũi đột kích vào Ruhr. Theo nhận định của von Runstedt, một cuộc đổ bộ như vậy có thể diễn ra tại một trong hai vùng trọng yếu : hoặc vào phía sau các pháo đài của « bức tường phía tây », hoặc về phía đông sông Rhine để chiếm lấy các cầu. Trên thực tế, vài ngày trước đó, thống chế Model cũng đã bày tỏ mối lo ngại tương tự trong điện gửi cho Hitler, nhấn mạnh khả năng này như một mối đe dọa nghiêm trọng. Mặt khác, von Runstedt không thể bỏ qua khả năng toàn bộ trận tuyến Đồng minh cùng đồng loạt tấn công vào Ruhr và vùng Saar với lực lượng đổ bộ đường không được sử dụng ở cả hai nơi. Viên thống chế không nhận ra có giải pháp nào để đối phó với những mối đe dọa này. Đồng

minh có quá nhiều cơ hội để chọn và ở quá nhiều nơi. Sự lựa chọn duy nhất cho ông là cố gắng chấn chỉnh lại kỷ luật và tranh thủ thời gian để phán đoán trước dự định của Đồng minh nếu có thể được.

Von Runstedt không hề xem thường thông tin tình báo Eisenhower có được về thực lực quân Đức. Nhưng, ông tự hỏi, liệu viên tư lệnh Đồng minh có thực sự biết tình hình của họ đã tuyệt vọng tới mức nào không ? Sự thật, như ông nói với Blumetritt, là ông đang phải chiến đấu « với những người già sắp kề miệng lỗ » và đám công sự của « bức tường phía tây » sẽ « hoàn toàn vô dụng trước một cuộc tấn công của Đồng minh ». Sẽ là « điên rồ », ông nói, « khi khẳng khẳng chống giữ những cái lỗ chuột đào đó chỉ để giữ thể diện. » Dù sao đi nữa, phòng tuyến Siegfried cũng cần được tái trang bị, các vị trí phòng thủ củng cố sẵn sàng và bổ sung quân đồn trú. Von Runstedt khô khan nói với ban tham mưu của mình : « Chúng ta cần bằng cách nào đó giữ vững ít nhất 6 tuần. »

Nghiên cứu mọi mặt tình huống phải đối đầu, hoạch định các di chuyển có thể của lực lượng Đồng minh và cân nhắc các khả năng, ông nhận thấy những cuộc tấn công ác liệt nhất vẫn là từ Patton, đang hướng tới Saar. Ở phía bắc áp lực của quân Anh Mỹ nhẹ hơn rất nhiều. Von Runstedt cho rằng ông đã nhận thấy sự vắng mặt của mọi di chuyển, gần như một sự dừng lại, tại khu vực này. Chuyển sự chú ý của mình vào chiến tuyến của Montgomery, như Blumetritt sau này nhớ lại, von Runstedt tập trung sự chú ý vào tình hình tại Antwerp. Ông hơi ngạc nhiên trước báo cáo rằng, từ 36 giờ qua, quân Anh đã không tiến lên phía bắc từ phía thành phố, cũng chưa hề cắt đứt bán

đảo Nam Beveland. Hiển nhiên, bến cảng lớn của Antwerp sẽ giúp giải quyết vấn đề hậu cần của Đồng minh. Nhưng họ không thể sử dụng được cảng nếu cả hai bờ đoạn cửa vào dài 54 dặm vẫn nằm trong tay quân Đức. Với viên thống chế, xem ra hiện tượng ông nhận thấy là có thật, quân Đồng minh đã hoàn toàn dừng lại trong khu vực của Montgomery.

Trong suốt sự nghiệp của mình, von Runstedt đã nghiên cứu kỹ lưỡng chiến thuật quân sự của người Anh ; ông cũng đã có cơ hội, một cơ hội chẳng may mắn gì cho bản thân ông, được tự mình quan sát cách tiến hành chiến tranh của người Mỹ. Ông phát hiện ra rằng người Mỹ sáng tạo và táo bạo hơn trong sử dụng thiết giáp, người Anh tuyệt vời trong sử dụng bộ binh. Tuy vậy, trong mỗi trường hợp, những người chỉ huy đã tạo ra sự khác biệt. Thế nhưng, von Runstedt coi Patton là một đối thủ đáng gờm hơn nhiều so với Montgomery. Theo lời Blumetritt, von Runstedt nhận thấy thống chế Montgomery là một người « quá thận trọng, hành động theo thói quen và quá nguyên tắc. » Lúc này, viên thống chế cố lý giải nguyên do của sự chậm trễ của Montgomery. Với các cảng bên bờ biển Manche vẫn nằm trong tay quân Đức, von Runstedt thấy rõ Antwerp là tối cần thiết cho tiến công của Eisenhower - vậy tại sao Montgomery án binh bất động trong 36 giờ và hiển nhiên là bỏ lỡ cơ hội giải toả cảng biển lớn thứ hai châu Âu ? Chỉ có một nguyên nhân duy nhất : Montgomery chưa sẵn sàng để tiếp tục tấn công. Von Runstedt tin chắc rằng ông này sẽ không từ bỏ thói quen của mình. Người Anh sẽ không bao giờ tấn công cho tới khi ông thống chế cẩn trọng chỉ li Montgomery đã được chuẩn bị và cung cấp hậu cần đầy đủ. Vậy câu

trả lời, Von Runstedt đoán, là người Anh đã bị căng ra quá xa. Đây không phải là sự tạm dừng, von Runstedt nói với ban tham mưu. Cuộc truy kích của Montgomery, ông hoàn toàn cảm thấy được thuyết phục, đã chấm dứt.

Von Runstedt khẩn trương quay sang xem xét những mệnh lệnh của Model trong 24 giờ trước đó. Bởi vì lúc này, nếu giả thuyết của ông là chính xác, von Runstedt nhìn ra cơ hội không những ngăn cản Đồng minh sử dụng cảng Antwerp, mà, quan trọng không kém, còn có thể cứu được đạo quân số 15 đang bị bao vây của tướng von Zangen, một lực lượng gồm hơn 80000 quân - số quân mà von Runstedt cần đến mức tuyệt vọng.

Từ các lệnh của Model, ông nhận thấy, trong khi von Zangen đã được lệnh giữ vững bờ nam Schelde và tăng cường các cảng ở bờ biển Manche, ông này cũng được lệnh dùng lực lượng còn lại tấn công về phía đông bắc vào sườn của mũi đột kích Anh - cuộc tấn công được dự kiến tiến hành vào sáng 6/9. Không chần chừ, von Runstedt đình chỉ cuộc tấn công. Trong hoàn cảnh hiện tại, ông thấy nó không cần thiết. Hơn nữa, ông có một kế hoạch táo bạo hơn. Phần đầu mệnh lệnh của Model cần tiếp tục được thực hiện, vì giữ vững các cảng ở biển Manche lúc này càng quan trọng hơn bao giờ hết. Nhưng thay vì tấn công về hướng đông bắc, von Zangen được lệnh rút toàn bộ lực lượng còn lại của mình bằng đường biển, qua cửa Schelde tới đảo Walcheren. Sau khi tới bờ bắc của lối vào cảng, lực lượng của von Zangen sẽ hành quân về hướng đông tới một con đường chạy từ đảo Walcheren, đi dọc bán đảo Nam Beveland cho tới khi đến đất liền Hà

Lan ở phía bắc Antwerp. Để tránh không quân Đồng minh, việc chuyển quân bằng phà qua cửa Schelde rộng 3 dặm , giữa các cảng Bresken và Flushing, phải thực hiện ban đêm. Tuy thế, nếu may mắn, một phần lớn đạo quân số 15 có thể rút an toàn trong vòng 2 tuần. Von Runstedt biết kế hoạch này mạo hiểm, nhưng ông không thấy có cách nào khác, vì, nếu thành công, ông sẽ có trong tay gần như một đạo quân Đức nữa, cho dù nó cũng đã tổn thất khá nặng. Hơn thế nữa, ông vẫn có thể - một cách khó tin - kiểm soát cảng yết hầu Antwerp. Nhưng thành công của kế hoạch phụ thuộc hoàn toàn vào phán đoán của von Runstedt rằng cuộc đột kích của Montgomery đã dừng hẳn.

Von Runstedt hoàn toàn chắc chắn về việc này. Hơn nữa, ông còn tin rằng sự giảm tốc của Montgomery có một ý nghĩa khác nữa. Vì các tuyến vận tải và liên lạc đã kéo quá dài, ông hoàn toàn chắc chắn rằng cuộc tấn công nhanh chóng mặt của Đồng minh đã đạt tới giới hạn. Và để kết thúc cuộc họp, như Blumetritt sau này nhớ lại, « von Runstedt nhìn chúng tôi và nhắc đến khả năng khó tin rằng, ít nhất lần này, Hitler có thể có lý. »

Đánh giá tình hình của Hitler và von Runstedt, cho dù chỉ chính xác một phần, còn sát sự thật hơn họ có thể ngờ tới. Thời gian quý báu mà von Runstedt cần để ổn định chiến tuyến của mình đã được chính Đồng minh cung cấp. Sự thật là người Đức đã thua nhanh hơn Đồng minh có thể thắng.

Trong lúc von Runstedt đang đánh một canh bạc liều để cứu đạo

quân số 15 bị hợp vây, thiếu tướng George Philip Roberts, tư lệnh sư đoàn thiết giáp số 11 của Anh, đang ở cách đó 150 dặm tại Antwerp, hân hoan thông báo với cấp trên của mình một biến cố bất ngờ. Sư đoàn của ông ta đã chiếm được không chỉ thành phố mà cả bến cảng lớn.

Cùng với sư đoàn thiết giáp cận vệ, xe tăng của Roberts đã thực hiện một cuộc thọc sâu ngoạn mục hơn 250 dặm chỉ trong có 5 ngày. Mũi nhọn của đạo quân Anh thứ hai hùng hậu của trung tướng Miles C. Dempsey đã được trung tướng Brian Horrock, tư lệnh quân đoàn 30, ra lệnh « tiến nhanh như ma đuổi ». Để lực lượng cận vệ chiếm Brussels, sư đoàn của Robert bỏ qua thành phố và vào rạng sáng ngày 4/9, được sự trợ giúp quả cảm của lực lượng kháng chiến Bỉ, tiến vào Antwerp. Lúc này, khoảng 36 giờ sau, sau khi đã quét sạch kẻ thù đang choáng váng và hoảng loạn khỏi khu cảng liên hợp nước sâu, Robert báo cáo rằng quân của ông đã chiếm được nguyên vẹn khu bến cảng Antwerp rộng hơn 1000 mẫu. Nhà kho, cần cầu, cầu, bến, cầu tàu – và, thật khó tin, ngay cả những cánh cửa vào cảng đóng mở bằng điện ở trạng thái sẵn sàng hoạt động - đều được kiểm soát.

Kế hoạch phá cảng của quân Đức đã thất bại. Thuốc nổ đã được cài lên các cầu chính và các khu cơ sở hạ tầng quan trọng, nhưng bị áp đảo trước sức tấn công ngoạn mục của người Anh và các nhóm kháng chiến (trong số họ có các kỹ sư Bỉ biết rõ bộc phá được đặt ở đâu), trại lính vô tổ chức của người Đức đã không hề có cơ hội phá huỷ khu cảng khổng lồ.

Viên tướng 37 tuổi Robert đã thực hiện mệnh lệnh một cách xuất sắc. Nhưng thật không may, trong một trong những tính toán sai lầm lớn nhất trong cuộc chiến ở châu Âu, không ai ra lệnh cho ông tận dụng lợi thế - có nghĩa là tấn công lên phía bắc, chiếm lấy đầu cầu qua kênh đào Albert ở vùng ngoại ô phía bắc thành phố, sau đó đột kích thẳng vào căn cứ ở bán đảo Nam Beveland chỉ cách đó có 18 dặm. Bằng cách chặn lấy đoạn cổ chai dài 2 dặm này, Roberts đã có thể nhốt chặt quân Đức trong rọ, sẵn sàng cho việc quét sạch đoạn bờ bắc quan trọng. Đó là một sai lầm lớn. Cảng Antwerp, một trong những mục tiêu chiến lược, đã được kiểm soát ; thế nhưng lối vào cảng, vẫn bị quân Đức chiếm, thì chưa. Khu cảng lớn này, đáng ra đã có thể rút ngắn đường tiếp vận và cung cấp hậu cần cho cả mặt trận của Đồng minh, vẫn vô dụng. Thế nhưng không ai, trong không khí hưng khởi của thời điểm đó, nhận định sự sai lầm này hơn là một hoàn cảnh tạm thời. Quả thật, xem ra chẳng có lý do gì để vội vã. Với sự tháo chạy của quân Đức, việc khai thông cảng có thể thực hiện bất cứ lúc nào. Sư đoàn thiết giáp 11, nhiệm vụ đã hoàn thành, bèn án binh bất động chờ mệnh lệnh mới.

Cú đột kích ngoạn mục của lực lượng thiết giáp của Dempsey ở phía bắc, tương đương với bước tiến của Patton ở phía nam Ardenne, đã đến hồi kết, cho dù vào lúc đó rất ít người nhận ra. Người của Roberts đã kiệt sức, cạn nhiên liệu và hậu cần. Tình hình cũng tương tự với phần còn lại của quân đoàn 30 của tướng Brian Horrock. Như vậy, cùng vào buổi chiều hôm đó, áp lực liên tục đã đẩy bật quân Đức ở phía bắc, khiến lực lượng này suy sụp và tan rã, bất ngờ giảm hẳn. Chiến thắng ngoạn mục ở Antwerp đến đúng lúc lực lượng Anh bắt

đều dừng lại để « nghỉ ngơi, chỉnh đốn lực lượng, và tiếp liệu. »

Tướng Horrock, viên tư lệnh rất có năng lực và linh hoạt của quân đoàn 30, đã không hề nghĩ tới Āntwerp. (Giống như thống chế Montgomery, tư lệnh đạo quân 21 của Anh, ông ta chú ý tới một mục tiêu khác : vượt sông Rhine và kết thúc nhanh chóng cuộc chiến. Chỉ vài giờ trước đó, khoan khoái trước bước tiến như vũ bão của đạo quân của mình, Montgomery gửi điện cho tổng tư lệnh, tướng D.D. Eisenhower : « Lúc này chúng ta đã đạt tới thời điểm một mũi đột kích tổng lực mãnh liệt về hướng Berlin có thể tiến được tới đó và như vậy chấm dứt chiến tranh »). Horrock, trong hồi ký của mình, đã giải thích khá thẳng thắn. « Lý do để biện hộ cho tôi là tôi hoàn toàn tập trung sự chú ý về hướng sông Rhine và mọi thứ khác đều có vẻ chỉ là thứ yếu. Chưa bao giờ tôi nghĩ tới việc cửa Schelde có thể bị rải mìn và chúng tôi sẽ không thể sử dụng Āntwerp cho tới khi toàn bộ con kênh đã được quét sạch và quân Đức bị đánh bật khỏi hai bên bờ. Napoleon hẳn đã nhận ra điều này nhưng Horrock thì không. » Ông cũng thừa nhận không gặp phải nhiều chống cự và « chúng tôi vẫn còn đủ nhiên liệu cho 100 dặm nữa trên mỗi xe và có dự trữ đủ cho một ngày nữa. ». Rất có thể « sự mạo hiểm là đáng kể, » nhưng « tôi tin rằng nếu chúng tôi nắm lấy cơ hội và tiếp tục tiến thẳng thay vì dừng lại ở Brussels, diễn biến của cuộc chiến ở châu Âu có thể đã thay đổi hoàn toàn. »

Tại London, hoàng thân Hà Lan hội kiến nữ hoàng Wilhemina và sau đó điện thoại cho vợ, công chúa Juliana, lúc đó đang ở Canada. Hoàng thân thúc giục vợ bay ngay tới Anh, sẵn sàng cho chuyến trở

về Hà Lan vào thời điểm quốc gia này được giải phóng. Cuộc lưu đầy dài đằng đẳng của họ sắp đến hồi kết. Cuộc giải phóng, khi tới, sẽ xảy ra rất nhanh. Họ cần sẵn sàng. Thế nhưng Bernhard vẫn thấy bất an.

Trong 72 giờ trước đó tin tức gửi tới ông từ lực lượng kháng chiến Hà Lan không ngừng nhắc tới sự hoảng loạn của quân Đức tại Hà Lan, và lặp đi lặp lại rằng cuộc tháo chạy, bắt đầu hôm 2/9, vẫn đang tiếp tục. Đến lúc này, vào mùng 5, chỉ huy lực lượng kháng chiến ngầm thông báo rằng cho dù quân Đức vẫn còn hỗn loạn, nhưng cuộc tháo chạy có vẻ đã lắng xuống. Bernhard cũng gặp viên thủ tướng lưu vong của Hà Lan. Thủ tướng Gerbrandy có vẻ bối rối. Rõ ràng là bản thông báo ngày 3/9 của ông đã quá lạc quan ; lực lượng đồng minh chắc chắn chưa vượt qua biên giới Hà Lan. Hoàng thân và thủ tướng cân nhắc tình hình. Tại sao người Anh không tấn công ? Hiển nhiên, tình hình Hà Lan là hoàn toàn rõ ràng với những thông báo nhận được từ lực lượng ngầm.

Bernhard không có nhiều kiến thức quân sự và phụ thuộc vào các cố vấn của mình, tuy thế ông vẫn ngõ ngàng. Nếu quân Đức vẫn còn hỗn loạn và, như các chỉ huy lực lượng kháng chiến của ông tin tưởng, một « cuộc đột kích với một ít xe tăng » có thể giải phóng nước này trong « vài giờ »- vậy, tại sao người Anh không tiến quân ? Có lẽ Montgomery không tin vào thông báo của lực lượng kháng chiến Hà Lan vì ông coi họ chỉ là những tay nghiệp dư hoặc không đáng tin cậy. Bernhard không tìm ra lời giải thích nào khác. Nếu không thì vì sao người Anh chần chừ, thay vì lập tức vượt qua biên giới ? Cho dù ông thường xuyên liên lạc với các bộ trưởng của mình, với đại sứ

Mỹ, Anthony Biddle và tham mưu trưởng của Eisenhower, Bedell Smith, và vì thế biết rõ rằng vào thời điểm đó, cuộc tiến công thuận lợi đến mức tình hình thay đổi hầu như từng giờ, nhưng dù thế Bernhard nghĩ ông cần biết thông tin trực tiếp hơn. Ông quyết định : cần yêu cầu SHAEF chấp nhận cho mình bay tới Bỉ và trực tiếp gặp thống chế Montgomery càng sớm càng tốt. Hoàng thân hoàn toàn tin tưởng vào bộ tư lệnh đồng minh, và đặc biệt là Montgomery. Tuy thế, nếu có gì không ổn, Bernhard muốn được biết.

Trong khu lều của sở chỉ huy của mình đóng tại Laeken, cách trung tâm Brussels vài dặm, thống chế B.L.Montgomery sốt ruột chờ đợi câu trả lời cho bức điện mật « Chỉ dành riêng cho cá nhân Eisenhower đọc » của mình. Yêu cầu tiến hành khẩn cấp một mũi đột kích tổng lực tới Berlin được gửi đi tối 4/9. Lúc này, vào trưa ngày 5/9, vị anh hùng 58 tuổi của El Alamein chờ đợi một câu trả lời và sốt ruột nghĩ tới cục diện sắp tới của cuộc chiến. Hai tháng trước cuộc đổ bộ lên Normandy ông đã nói, « Nếu chúng ta thực hiện đâu ra đấy công việc của mình và không phạm sai lầm, thì tôi tin rằng nước Đức sẽ bị loại khỏi vòng chiến trong năm nay. » Theo quan điểm bất di bất dịch của Montgomery, một sai lầm chiến lược lớn đã xảy ra ngay trước khi lực lượng đồng minh chiếm Paris và vượt sông Seine. « Chiến lược mặt trận rộng » của Eisenhower – đưa các đạo quân của ông đồng loạt tiến tới biên giới Đức, sau đó vượt qua sông Rhine- có thể là đúng đắn khi nó được hoạch định trước cuộc đổ bộ, nhưng với sự sụp đổ tan rã bất ngờ của quân Đức, viên tướng người Anh tin tưởng, chiến lược này đã trở nên lỗi thời. Như Montgomery nói, chiến lược đó đã trở nên « thiếu linh hoạt ». Và tất cả kiến thức quân sự của ông đã cho

ông thấy « chúng ta sẽ không thể thành công với nó ... và có thể sẽ phải tính đến một chiến dịch mùa đông kéo dài cùng tất cả những khó khăn người dân Anh sẽ phải chịu đựng. »

Vào ngày 17/8, ông đã đề nghị với tướng Omar N. Bradley, tư lệnh cụm quân Mỹ số 12, một kế hoạch với một mũi đột kích. Đạo quân của ông và đạo quân của Bradley sẽ hợp lại thành một khối mạnh gồm 40 sư đoàn, một lực lượng đủ mạnh để không phải e ngại bất cứ nguy cơ nào. Quả đấm này sẽ tiến lên phía bắc. » Cụm quân số 21 sẽ quét sạch bờ biển, chiếm Antwerp và nam Hà Lan. Cụm quân số 12 của Bradley, với cánh phải ở Ardenne, sẽ tiến tới Aachen và Cologne. Mục tiêu chính của cuộc đột kích do Montgomery đề nghị sẽ là « chiếm lĩnh các đầu cầu qua sông Rhine trước khi mùa đông tới và chiếm lấy vùng Ruhr một cách thần tốc. » Theo suy luận của ông, nó sẽ chấm dứt cuộc chiến một cách chắc chắn. Kế hoạch của Montgomery sử dụng 3 trong số 4 đạo quân của Eisenhower - đạo quân Anh số 2, đạo quân Mỹ số 1 và đạo quân Canada số 1. Đạo quân thứ tư, đạo quân Mỹ số 3 của Patton, trong lúc này đang xuất hiện trên trang nhất của các báo khắp thế giới vì bước tiến ngoạn mục của mình, Montgomery không dấn động đến. Ông chỉ bình thản gợi ý là lực lượng này cần dừng lại.

Chỉ 48 giờ sau Montgomery được tin là Bradley, người mà ông tin sẽ ủng hộ ý kiến của ông, lại đang nghiêng về một mũi đột kích của lực lượng Mỹ, một cuộc tấn công do Patton chỉ huy hướng tới Rhine và Frankfurt. Eisenhower bác bỏ cả hai kế hoạch ; ông không định thay đổi chiến lược của mình. Vị tổng tư lệnh muốn duy trì sự

linh hoạt để có thể đột kích cả ở sông Rhine lẫn Saar khi có cơ hội. Với Montgomery, đây không còn là « chiến lược chính diện rộng » nữa mà là một kế hoạch hai mũi đột kích. Ông cảm thấy rằng lúc đó mọi người « mạnh ai nấy đánh »- đặc biệt là Patton, người có vẻ tự cho mình quyền tự quyết rất lớn. Quyết định của Eisenhower giữ nguyên nguyên tắc chiến lược ban đầu của mình đã cho thấy rất rõ ràng, theo quan điểm của Montgomery, rằng tổng tư lệnh « trên thực tế đã hoàn toàn không kiểm soát được diễn biến thực địa chiến trường nữa. »

Suy nghĩ của Montgomery dựa trên một sự kiện mới diễn ra đã làm ông bức mình và cảm thấy vai trò của mình bị hạ thấp. Ông ta không còn là người nắm toàn quyền chỉ huy quân đội trên lục địa. Hôm 1/9, Eisenhower đã đích thân nắm lấy quyền chỉ huy. Bởi vì viên tổng tư lệnh tin rằng « Montgomery là một bậc thầy trong việc chỉ huy chiến dịch », ông ta đã để viên tướng người Anh giám sát cuộc đổ bộ vào D-Day cũng như giai đoạn đầu chiến dịch sau đó.

Như vậy, đạo quân số 12 của tướng Omar N. Bradley lại nằm dưới quyền chỉ huy của Montgomery. Tới cuối tháng 8, việc báo chí tiết lộ chuyện này đã làm công chúng bức tức đến mức Eisenhower đã được tướng Marshall, tổng tham mưu trưởng quân đội Mỹ, ra lệnh « phải lập tức nắm lấy quyền chỉ huy trực tiếp » của toàn bộ lực lượng trên lục địa. Các đạo quân Mỹ lại được chuyển về dưới quyền chỉ huy của người Mỹ. Động thái này khiến Montgomery sững sốt. Như tổng tham mưu trưởng của ông, tướng Francis de Guigard, sau này nhớ lại : « Tôi tin rằng Montgomery không bao giờ ngờ ngày đó lại tới sớm đến thế. Có thể ông hy vọng rằng chức chỉ huy được thiết lập ban đầu

sẽ tiếp tục được duy trì một thời gian dài nữa. Tôi cho rằng ông ta có thói quen hơi quá coi nhẹ lòng tự tôn dân tộc và hãnh diện, cũng như sự đóng góp ngày càng tăng của người Mỹ cả về quân số và trang bị...tuy thế, với phần lớn chúng tôi, thật hiển nhiên là không thể có chuyện một viên tướng Anh và một bộ tư lệnh Anh nắm mãi quyền chỉ huy các đạo quân Mỹ vốn đông đảo hơn. » Điều đó có thể là hiển nhiên với bộ tham mưu của Montgomery, nhưng không phải với bản thân ông. Ông cảm thấy bị làm bẽ mặt trước công chúng. Dù sao thì Montgomery cùng dư luận Anh, cũng cảm thấy phần nộ không kém ông, đã phần nào được an ủi khi vua George VI, trước sự hối thúc của Churchill, đã phong chức thống chế lục quân cho Montgomery hôm 1/9.

Hầu như ai cũng biết Monty và cấp trên của mình, Sir Alan Brooke, tổng tham mưu trưởng quân đội của đế quốc, đều rất không hài lòng về Eisenhower. Cả hai đều cho ông là thiếu thẳng thắn và thiếu quyết đoán. Trong một lá thư gửi cho Montgomery hôm 28/7, Brooke bình luận rằng Eisenhower thậm chí chỉ có « vài khái niệm mơ hồ nhất về chiến tranh ! ». Vào một dịp khác, ông này nhận xét rằng vị tổng tư lệnh là người « có tính cách rất hấp dẫn », nhưng « với một bộ óc vô cùng hạn chế nhìn từ quan điểm chiến lược ». Montgomery, chẳng bao giờ là người biết kiềm chế lời lẽ của mình, đã « nhìn thấy ngay từ đầu rằng Ike chỉ đơn giản là chẳng có chút kinh nghiệm nào cho cương vị của mình », và ông cảm thấy rằng trong khi lịch sử sẽ rất có thể ghi lại « Eisenhower như là một tổng tư lệnh tốt, ông này chỉ là một tư lệnh chiến trường rất, rất xoàng ». Bực mình, Montgomery bắt đầu cổ động cho ý tưởng của một « tổng tư lệnh lực lượng mặt đất »,

một vị trí trung gian giữa các cụm quân và Eisenhower. Ông này cũng biết rõ ai sẽ là người cần thiết cho vị trí này – chính bản thân mình. Eisenhower biết rất rõ về chiến dịch ngầm này. Ông ta vẫn giữ vẻ bình thản. Theo cách của mình, vị tổng tư lệnh cũng cứng đầu chẳng kém Montgomery. Lệnh ông nhận được từ tướng Marshall là hoàn toàn rõ ràng và ông không hề có ý định chấp nhận ý tưởng về một viên chỉ huy lực lượng mặt đất nào khác ngoài mình.

Montgomery đã không có cơ hội nào để trình bày kế hoạch một mũi đột kích cũng như ý tưởng về chức tư lệnh lực lượng mặt đất của mình trực tiếp với Eisenhower cho đến tận ngày 23/8, khi vị tổng tư lệnh tới ăn trưa tại bộ tư lệnh cụm quân 21.

Montgomery, thiếu tế nhị đến mức khó tin, khẳng khái muốn hội kiến riêng với tổng tư lệnh. Ông yêu cầu tham mưu trưởng của Eisenhower, tướng Bedell Smith, không được có mặt trong cuộc hội kiến. Smith rời khỏi căn lều, và trong suốt một giờ liền Eisenhower, làm lý cổ kiểm chế, được cấp phó của mình lên lớp về sự cần thiết « của một kế hoạch đúng đắn và chắc chắn ». Montgomery yêu cầu Eisenhower « quyết định nơi tiến hành mũi đột kích quyết định » để « chúng ta có thể sớm chắc chắn có được kết quả quyết định ». Ông không ngớt nhấn mạnh về « một mũi đột kích », cảnh cáo rằng nếu tổng tư lệnh cứ tiếp tục « chiến lược mặt trận rộng với toàn chiến tuyến cùng tiến và tấn công tại tất cả mọi nơi cùng một lúc, bước tiến sẽ không khỏi bị chậm lại ». Nếu điều đó xảy ra, Montgomery cảnh cáo, « quân Đức sẽ có thời gian để hồi phục, và chiến tranh sẽ tiếp tục trong suốt mùa đông và có thể sang tới năm 1945. Nếu chúng ta chia

sẽ dự trữ hậu cần, » Montgomery nói, « và tiến lên trên một chiến tuyến rộng, chúng ta sẽ quá yếu ở mọi điểm đến mức chúng ta sẽ không có cơ hội thành công. » Trong đầu ông chỉ có một quyết sách : « dừng cánh phải lại và tấn công bằng cánh trái, hay làm ngược lại ». Sẽ chỉ có thể có một mũi đột kích và cần phải dồn hết sức hỗ trợ cho nó.

Eisenhower nhận thấy đề nghị của Montgomery là một canh bạc khổng lồ. Nó có thể dẫn tới chiến thắng nhanh chóng và quyết định. Ngược lại nó cũng rất có thể kết thúc trong thảm họa. Ông không được chuẩn bị để chấp nhận nguy cơ này. Tuy thế ông thấy mình bị mắc kẹt giữa một bên là Montgomery, bên kia là Bradley và Patton, phía nào cũng nghiêng về « mũi đột kích chủ yếu », và ai cũng muốn được trao quyền thực hiện nó.

Về điểm này, Montgomery, nổi tiếng về sự thận trọng chậm rãi của mình, cho dù là người thành công về chiến thuật, vẫn chưa chứng minh được rằng ông có thể khai thác được một tình thế thuận lợi với tốc độ như của Patton ; và trong lúc này, đạo quân của Patton, tiến xa hơn hẳn những người khác, đã vượt sông Seine và đang tiến như vũ bão tới nước Đức. Một cách ngoại giao, Eisenhower giải thích với Montgomery rằng, cho dù ý tưởng về một mũi đột kích có lý đến đâu chăng nữa, ông khó lòng có thể dừng chân Patton lại và đành chỉ bước tiến của đạo quân Mỹ số ba. « Dân chúng Mỹ, » vị tổng tư lệnh nói, « sẽ không bao giờ ủng hộ việc đó, và dư luận giúp thắng các cuộc chiến ». Montgomery không đồng ý. « Các chiến thắng giúp thắng các cuộc chiến », ông nói. « Hãy cho dân chúng chiến thắng và họ sẽ

chẳng quan tâm ai là người đem lại chúng ».

Eisenhower không bị thuyết phục. Tuy rằng ông không nói ra lời như vậy vào lúc đó, ông nghĩ rằng tầm nhìn của Montgomery « quá nhỏ hẹp », và rằng viên thống chế « không hiểu tình hình toàn cục ». Eisenhower giải thích cho Montgomery rằng ông muốn Patton tiếp tục tiến về phía đông để tiến hành hội quân với lực lượng Mỹ và Pháp đang từ phía nam đánh lên. Tóm lại, ông đã cho thấy rõ ràng rằng « chiến lược chính diện rộng » của ông sẽ vẫn tiếp tục.

Montgomery xoay cuộc nói chuyện sang chủ đề về một tư lệnh mặt đất. « Cần có ai đó chỉ huy chiến trường trên lục địa cho ngài ». Eisenhower, Montgomery tuyên bố, cần « ngồi ở một vị trí cao hơn để có được một tầm nhìn bao quát về những vấn đề toàn cục, bao gồm tình hình trên bộ, trên biển, trên không, v.v và v.v. » Ông này rút lui từ thái độ ngạo mạn về nhún nhường. Nếu « cần cân nhắc đến thái độ của dư luận Mỹ, » Montgomery tuyên bố, ông sẵn sàng « để Bradley kiểm soát chiến trường và phục vụ dưới quyền ông. »

Eisenhower lập tức bác bỏ đề nghị này. Đặt Bradley lên trên Montgomery sẽ là chuyện không thể chấp nhận được với dư luận Anh cũng như chuyện ngược lại với dư luận Mỹ. Còn về vai trò của bản thân mình ông không thể, vị tổng tư lệnh giải thích, thay đổi kế hoạch để tự mình kiểm soát diễn biến chiến trường. Tuy nhiên, để tìm ra giải pháp cho một số khó khăn trước mắt, ông sẵn sàng thực hiện một số nhượng bộ với Montgomery. Ông cần các cảng ven biển Manche và Antwerpt. Chúng có vai trò sống còn với tình hình hậu

cần của lực lượng Đồng minh. Vì thế, trong lúc này, ưu tiên sẽ được dành cho mũi đột kích của cụm quân 21 ở phía Bắc. Montgomery có thể sử dụng đạo quân đổ bộ đường không thứ nhất của Đồng minh hiện đóng ở Anh – lúc đó là lực lượng dự trữ duy nhất của SHAEF. Thêm vào đó, ông này sẽ có được sự hỗ trợ của đạo quân Mỹ thứ nhất đang ở bên sườn phải của mình.

Montgomery, theo như đúng lời của tướng Bradley, « đã thắng hiệp thứ nhất », nhưng viên thống chế Anh còn xa mới hài lòng. Ông đoán chắc rằng Eisenhower đã bỏ lỡ « cơ hội lớn ». Patton chia sẻ ý kiến này - với các lý do khác hẳn – khi tin này tới tai ông. Không những Eisenhower đã ưu tiên hậu cần cho Montgomery thay vì đạo quân số 3, mà ông còn bác bỏ luôn đề nghị tấn công vào Saar của Patton. Với Patton, đây là « sai lầm tệ hại nhất của cuộc chiến ».

Trong hai tuần lễ kể từ khi cuộc va chạm giữa các tính cách và triết lý quân sự này diễn ra, tình hình đã thay đổi nhiều. Cụm quân 21 của Montgomery lúc này tiến nhanh chẳng kém gì Patton. Tới ngày 5/9, với các đơn vị mũi nhọn đã tiến vào Ăntwerpt, Montgomery càng được thuyết phục hơn bao giờ hết rằng quan điểm một mũi đột kích của ông là đúng. Ông quyết định sẽ buộc tổng tư lệnh phải thay đổi quyết định. Cuộc chiến đã đến bước ngoặt quyết định.

Montgomery tin tưởng rằng quân Đức đã bị đẩy đến bờ vực của sự sụp đổ hoàn toàn. Viên thống chế không phải là người duy nhất nghĩ như vậy. Gần như ở tất cả các cấp chỉ huy, các sĩ quan tình báo đều nói đến kết thúc đã gần kề của cuộc chiến. Đánh giá lạc quan

nhất tới từ Ủy ban tình báo Đồng minh tại London. Tình hình Đức đã xấu đi đến mức ủy ban này tin rằng đối phương không còn khả năng hồi phục. Có đầy đủ các bằng chứng, đánh giá của họ viết, rằng « sự kháng cự có tổ chức dưới sự chỉ huy của bộ tư lệnh tối cao Đức khó có thể tiếp diễn quá ngày 1/12/1944, và ... rất có thể sẽ chấm dứt còn sớm hơn. » Tổng hành dinh cũng chia sẻ sự lạc quan này. Vào cuối tháng 8, tổng kết tình báo của SHAEF tuyên bố rằng « các trận đánh trong tháng 8 đã đạt mục tiêu và kẻ địch ở mặt trận phía tây đã tổn thất nặng. Hai tháng ruổi ác chiến đã đưa kết cục của cuộc chiến ở châu Âu tới gần, gần như trong tầm tay. » Lúc này, một tuần sau đó, họ coi lực lượng Đức « không còn là một lực lượng có tổ chức mà chỉ là những nhóm tàn quân tháo chạy, vô tổ chức và không còn tinh thần chiến đấu, thiếu thốn quân trang và vũ khí ». Ngay cả viên phụ trách tác chiến đây bảo thủ của Bộ Chiến tranh Anh, thiếu tướng John Kennedy, cũng ghi ngày 6/9 rằng « Nếu chúng ta cứ tiếp tục tiến với tốc độ vừa qua, chúng ta sẽ tới Berlin ngày 28... »

Trong bản hoà tấu của những lời dự đoán lạc quan này dường như chỉ có một giọng nói lạc điệu. Phụ trách tình báo của đạo quân Mỹ số 3, đại tá Oscar W.Koch, tin rằng kẻ thù vẫn còn khả năng tổ chức kháng cự tới cùng và cảnh báo rằng « các đạo quân Đức sẽ tiếp tục chiến đấu cho tới khi bị tiêu diệt hay bắt giữ. »

Thế nhưng những cảnh báo thận trọng do chính phụ trách tình báo của mình đưa ra chẳng làm bận tâm nhiều viên tư lệnh nóng như lửa của đạo quân thứ ba, trung tướng George S.Patton. Cũng như Montgomery ở phía bắc, Patton ở phía nam lúc này cũng chỉ còn cách

sông Rhine có một trăm dặm. Ông cũng tin rằng thời cơ đã tới, như Montgomery đã nói, để « chúng ta thò cổ ra húc một cú duy nhất thật sâu vào lãnh thổ kẻ thù », và kết thúc chiến tranh. Sự khác biệt duy nhất nằm ở nhận định của mỗi người rằng ai sẽ thò cổ ra. Cả hai viên tư lệnh, kiêu hãnh với những chiến thắng và luôn cố dành thêm nhiều ánh hào quang hơn nữa, lúc này kèn cựa nhau để dành lấy cơ hội. Trong sự hiếu thắng của mình, Montgomery đã dồn cả sự đổ kỵ vào một mình Patton : một thống chế lục quân Anh quốc có dưới tay cả một cụm quân lúc này đang cố gắng triệt hạ một viên trung tướng Mỹ với chỉ một đạo quân trong tay.

Nhưng trên toàn mặt trận, cơn sốt thành công đã bám lấy các tư lệnh chiến trường. Sau cuộc đột kích ngoạn mục qua Pháp và Bỉ, thêm vào đó là bằng chứng về thất bại toàn diện của Đức trên khắp các mặt trận, mọi người giờ đây đều tin rằng không gì có thể ngăn cản cơn thủy triều chiến thắng tiếp tục tràn qua phòng tuyến Siegfried và xa hơn nữa, tới tận trái tim của nước Đức. Tuy thế, muốn làm cho kẻ thù luôn bị động và rối loạn đòi hỏi một sức ép liên tục không giảm nhẹ từ phía Đồng minh. Duy trì sức ép đó đã làm nảy sinh một cuộc khủng hoảng mà có vẻ chưa mấy người nhận ra. Sự lạc quan quá độ đã đi gần tới chỗ trở thành tự lừa dối mình vì vào lúc này, các đạo quân khổng lồ của Eisenhower, sau cuộc đột kích thần tốc hơn hai trăm dặm kể từ sông Seine, lúc này đang bị kìm chân bởi nhu cầu khổng lồ về hậu cần và tiếp liệu. Sau sáu tuần hành tiến hầu như liên tục mà không vấp phải kháng cự đáng kể, ít người nhận ra sự mất đà đột ngột của cuộc truy kích. Nhưng khi những chiếc xe tăng đầu tiên áp sát cửa ngõ nước Đức và những cú điểm ngoại vi của bức tường

phía tây, tốc độ tấn công bắt đầu chậm lại. Cuộc đột kích của Đồng minh đã chấm dứt, bị ngáng lại bởi chính thành công của nó.

Trở ngại chính làm chậm trễ cuộc tấn công là việc thiếu cảng. Tiếp tế hậu cần không hề thiếu, nhưng chúng bị chất đống lại ở Normandy, và vẫn phải được chuyên chở qua các bãi biển hay qua cảng duy nhất sử dụng được, Cherbourg - nằm cách các đơn vị tiền tiêu tới 450 dặm. Đảm bảo hậu cần cho bốn đạo quân lớn đang hành tiến hết tốc độ quả là một cơn ác mộng. Thiếu phương tiện chuyên chở càng làm tình hình tệ thêm. Mạng lưới đường sắt, bị oanh tạc trước cuộc đổ bộ hay bị phá hoại bởi lực lượng kháng chiến Pháp, không thể hồi phục nhanh như yêu cầu. Đường ống dẫn xăng dầu cũng mới chỉ đang được lắp đặt. Kết quả là mọi thứ, từ xăng cho tới khẩu phần ăn đều phải vận chuyển bằng đường bộ, mà xe tải thì thiếu trầm trọng.

Để theo kịp tốc độ truy kích, ngày một xa hơn về phía đông, tất cả các loại phương tiện vận tải đều được huy động. Pháo, súng phòng không, xe tăng dự trữ đã bị đưa khỏi xe chở bỏ lại sau để các xe này có thể dùng chở đồ tiếp tế. Rất nhiều sư đoàn đã bị trưng dụng toàn bộ các đại đội vận tải của mình. Người Anh đã để lại phía tây sông Seine cả một quân đoàn để lực lượng vận tải của họ có thể phục vụ được phần còn lại của quân đội đang tiến như vũ bão. Khó khăn của Montgomery còn trầm trọng hơn khi người ta phát hiện ra rằng 1400 xe tải 3 tấn của Anh không sử dụng được vì hỏng pit tông.

Lúc này, trong một nỗ lực khổng lồ nhằm duy trì cuộc tấn công được liên tục, một vành đai không ngừng nghỉ xe vận tải – « Red Bull

Express »- chuyển động về phía đông, giao hàng rồi lại quanh về phía tây nhận hàng, một số đoàn xe đã tạo thành một vòng tròn khổng lồ dài chừng sáu đến tám trăm dặm. Nhưng ngay cả khi tất cả xe vận tải có thể huy động được đều đã hồi hải di chuyển theo chiều kim đồng hồ, còn các chỉ huy chiến trường đã áp dụng những biện pháp tiết kiệm ngặt nghèo nhất, nhu cầu hậu cần của các đạo quân vẫn không thể được đáp ứng đủ. Bị sử dụng quá cường độ và khả năng, hệ thống hậu cần tạm thời đã gần như bị quá tải.

Bên cạnh khó khăn về vận tải, binh lính cũng đã kiệt sức, trang bị hao mòn hỏng hóc sau cuộc tiến quân thần tốc từ Normandy. Xe tăng, xe half track cũng như mọi phương tiện cơ giới khác đều đã trải qua một quãng đường quá dài mà không được bảo trì chu đáo, giờ đây thi nhau hỏng. Nhưng đáng quan ngại hơn cả là nguy cơ thiếu xăng. Các đạo quân của Eisenhower, cần tới 1 triệu gallon mỗi ngày, chỉ nhận được một phần nhu cầu của mình.

Kết quả thật nghiêm trọng. Tại Bỉ, trong khi quân địch tháo chạy ngay trước mặt họ, cả một quân đoàn của đạo quân Mỹ thứ nhất phải án binh bất động suốt 4 ngày, tất cả xe tăng của họ cạn khô không còn một giọt xăng. Đạo quân Mỹ thứ ba của Patton, tiến xa hơn những người khác đến hơn một trăm dặm, và gặp rất ít kháng cự, bị buộc phải dừng lại 5 ngày bên sông Meuse, vì các đơn vị thiết giáp đã hết nhiên liệu. Patton phát khùng khi ông phát hiện ra rằng ông chỉ nhận được 32000 gallon thay vì 400000 như ông đã yêu cầu do bị cắt giảm cho các ưu tiên khác. Ông lập tức ra lệnh cho viên tư lệnh quân đoàn mũi nhọn của mình : « Vứt hết đồ đạc của các vị càng nhanh càng tốt

và tiến lên cho đến khi động cơ đã khô cháy, sau đó xuống xe mà cuốc bộ tiếp, trời đánh thánh vật ! » Với bộ tham mưu của mình, Patton gầm lên rằng ông phải « chiến đấu với hai kẻ thù- bọn Đức và bộ tư lệnh của chúng ta. Tôi có thể xử lý được bọn Đức, nhưng tôi không rõ có thắng được Montgomery và Eisenhower. » Ông đã thử. Tin chắc rằng mình có thể chọc thẳng vào Đức chỉ trong vài ngày, Patton lớn tiếng kêu gọi Bradley và Eisenhower. « Lính của tôi có thể ăn thất lưng cũng được, » ông bức tức, « nhưng xe tăng của tôi cần có xăng. »

Thất bại thảm hại của quân Đức tại Normandy và sự sụp đổ nhanh chóng một cách hệ thống của chúng sau khi phòng tuyến bị chọc thủng đã gây ra cuộc khủng hoảng về hậu cần. Với giả thiết rằng đối phương sẽ chống giữ và đánh trả theo các con sông, những người hoạch định kế hoạch tấn công lục địa đã dự tính một phương thức tấn công thận trọng hơn. Kế hoạch này dự trù rằng một thời gian ngừng lại để củng cố đội hình và tập trung hậu cần sẽ được thực hiện sau khi các đầu cầu ở Normandy đã được củng cố và các cảng ở biển Manche đã được đánh chiếm. Khu vực tập kết dự định nằm ở phía tây sông Seine theo thời gian biểu của kế hoạch sẽ không thể được đánh chiếm trước ngày 4/9 (90 ngày sau D day). Sự tan rã bất ngờ của kẻ địch cùng cuộc tháo chạy cuống cuồng của chúng về phía đông đã làm thời gian biểu của Đồng minh trở nên vô dụng. Ai có thể dự liệu trước được rằng vào ngày 4/9 xe tăng Đồng minh đã cách xa sông Seine đến hai trăm dặm về phía đông và đã tiến vào Antwerp ? Bộ tham mưu của Eisenhower đã ước tính rằng sẽ cần tới khoảng 11 tháng để tiến tới biên giới Đức tại Aachen. Giờ đây, khi các đơn vị

thiết giáp áp sát Đế chế, Đồng minh đã đi trước kế hoạch gần 7 tháng. Việc hệ thống vận tải và hậu cần, được dự bị cho một tốc độ tiến quân chậm hơn nhiều, đã có thể giữ vững được vai trò trong suốt cuộc truy đuổi chóng mặt đó đã gần như là một điều kỳ diệu.

Thế nhưng, bất chấp tình hình hậu cần hết sức khó khăn, không ai muốn thừa nhận rằng các đạo quân sẽ cần phải sớm dừng lại và cuộc truy kích đã chấm dứt. « Tất cả các cấp chỉ huy từ sư đoàn trở lên, » Eisenhower sau này đã viết, đều « bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng chỉ cần thêm vài tấn quân nhu nữa thôi, anh ta có thể tiếp tục xông lên và thắng cuộc chiến... Mỗi chỉ huy, vì thế, đều lý luận và yêu cầu được ưu tiên hơn những người khác, và quả thực khó có thể phủ nhận được rằng phía trước mặt họ đều là những tình huống hết sức thuận lợi cần được tận dụng triệt để khiến yêu cầu của họ hoàn toàn chính đáng. » Tuy thế, sự lạc quan vẫn ảnh hưởng ngay cả đến vị tổng tư lệnh. Rõ ràng ông tin rằng đà tiến công có thể tiếp tục được duy trì đủ lâu để các đạo quân Đồng minh có thể vượt qua phòng tuyến Siegfried trước khi quân Đức kịp phòng thủ nó, vì ông nhìn thấy những dấu hiệu « tan rã » trên « toàn mặt trận ». Vào ngày 4/9, ông lệnh cho cụm quân số 12 của Bradley đánh chiếm Saar và vùng Frankfurt. Cụm quân số 21 của Montgomery sẽ đánh chiếm vùng Ruhr và Antwerp.

Patton có vẻ bất bình trước lệnh này. Lúc này ông tin chắc rằng, chỉ cần được cung cấp hậu cần đầy đủ, đạo quân số 3 hùng mạnh của ông có thể một mình tiến tới vùng công nghiệp Saar rồi sau đó chọc thẳng tới sông Rhine.*

*Những cuộc họp báo hàng tuần của Patton luôn luôn đầy thông tin quan trọng, nhưng đặc biệt đáng nhớ là những nhận xét ngoài thông báo chính thức của viên tướng này, những nhận xét đó, vì ngôn ngữ đầy màu sắc của ông, chẳng bao giờ có thể đưa lên mặt báo. Vào tuần đầu tiên của tháng Chín đó, với tư cách là phóng viên chiến tranh của London Daily Telegraph, tôi đã có mặt khi, với phong cách quen thuộc của mình, ông diễn giải kế hoạch tấn công quân Đức của mình. Với giọng nói oang oang và vung tay chỉ lên bản đồ, Patton tuyên bố rằng « Có thể có năm ngàn hay mười ngàn gã con hoang Nazi đang rúc trong những hang cáo bằng bê tông của chúng trước mặt đạo quân số 3. Bây giờ, nếu Ike đừng có tiếp tay cho Monty nữa mà cho tôi tiếp tế, tôi sẽ lao vọt qua vòng tuyến Siegfried như phân phọt khỏi một con ngỗng vậy ».

Trong bầu không khí chưa từng có tiền lệ với những chiến thắng liên tiếp, Montgomery, với bức điện mật hôm 4/9, lại một lần nữa bước bình nhấn mạnh quan điểm của mình. Lần này ông còn đi xa hơn đề nghị hôm 17/8 cũng như cuộc hội kiến với Eisenhower hôm 23/8. Tin tưởng rằng quân Đức đã suy sụp, viên tư lệnh cụm quân Anh số 21 cho rằng ông không chỉ có thể tiến được tới Ruhr mà còn có thể thẳng tiến tới chính Berlin.

Trong bức điện mật dài tới chín đoạn gửi cho Eisenhower, Montgomery lại một lần nữa đưa ra những lý do đã khiến ông tin tưởng rằng đã tới thời điểm cho « một mũi đột kích toàn lực thực sự mạnh ». Có hai cơ hội chiến lược đang mở ra cho Đồng minh, « một

qua vùng Ruhr và một qua Metz và Saar. » Nhưng, ông lý luận, vì « chúng ta không có đủ nguồn lực, hai mũi đột kích như vậy không thể được duy trì ». Vậy chỉ có cơ hội cho một mũi đột kích – mũi đột kích mà ông đề nghị. Mũi đột kích này, theo hướng bắc « qua vùng Ruhr », theo Montgomery, « có cơ hội mang lại kết quả nhanh nhất và tốt nhất ». Để đảm bảo cho thành công của nó, mũi đột kích duy nhất của Monty sẽ cần đến « toàn bộ nguồn hậu cần... một cách vô điều kiện ». Lúc này ông đã có vẻ sốt ruột không muốn cân nhắc tới bất cứ điều gì khác. Ông nhấn mạnh đến giá trị của kế hoạch của chính mình và năng lực của bản thân cũng như niềm tin vào chính mình như là người duy nhất có thể thực hiện nó. Các kế hoạch khác sẽ tiếp tục với lượng hậu cần còn dư lại. Sẽ không có bất cứ thoả hiệp nào, ông cảnh cáo vị tổng tư lệnh. Ông bác bỏ khả năng của hai mũi đột kích, vì « chúng sẽ làm chia sẻ nguồn lực của chúng ta và không mũi đột kích nào được toàn lực » và kết quả là « chiến tranh sẽ kéo dài ». Theo quan điểm của Montgomery, vấn đề này « đã rõ ràng và không cần bàn cãi nữa ». Nhưng thời gian « là yếu tố quan trọng cốt tử ... và cần có một quyết định ngay lập tức ».

Khô khan và quan cách, viên tướng Anh được nể vì nhất kể từ Wellington bị ám ảnh bởi niềm tin của chính mình. Cân nhắc đến tình hình khó khăn về hậu cần, ông lý luận rằng quan điểm một mũi đột kích của ông lúc này còn đúng đắn hơn so với hai tuần trước. Với cách thức bất di bất dịch của mình – hoàn toàn dừng dừng không quan tâm đến việc liệu giọng điệu ông sử dụng để chuyển tải thông điệp của mình sẽ được đón nhận ra sao – Montgomery không chỉ gợi ý phương thức hành động cho Tổng tư lệnh ; vị thống chế đang áp

đặt một chiến lược. Eisenhower cần đình chỉ mọi đạo quân khác trên đà tiến của họ - đặc biệt là đạo quân của Patton - để mọi nguồn lực được tập trung cho cuộc đột kích của ông. Và bức điện số M-160 của là một ví dụ điển hình cho sự cao ngạo của Montgomery. « Nếu ngài tới đây có lẽ ngài sẽ muốn xem qua và bàn về nó, » ông ta gợi ý. « Nếu vậy, rất vui được đón ngài vào bữa trưa ngày mai. Đừng nghĩ rằng tôi có thể rời khỏi chiến trường vào thời điểm như hiện nay. » Ngay cả chuyện những lời kết của ông đã gần như đạt đến mức kên kiệu cũng không làm Montgomery bận tâm đến trong nỗi lo lắng sẽ để mất cơ hội cuối cùng để kết thúc sớm với bọn Đức. Dai như đĩa, ông này bám khư khư lấy kế hoạch một mũi đột kích của mình. Vì lúc này ông tin chắc ngay cả Eisenhower cũng phải nhận ra đã đến thời điểm ra đòn quyết định cuối cùng.

Trong phòng ngủ tại ngôi biệt thự của mình tại Granville bên bờ tây của bán đảo Cherbourg, vị Tổng tư lệnh bực tức không tin nổi vào mắt mình khi đọc bức điện M-160. Viên tướng 55 tuổi Eisenhower cho rằng đề nghị của Montgomery là « phi thực tế » và « hoang tưởng ». Ba lần Montgomery đã giục ông đưa ra ý kiến về kịch bản của một mũi đột kích duy nhất. Eisenhower nghĩ rằng ông đã đặt dấu chấm hết cho những cuộc đôi co về chiến thuật từ hôm 23/8. Thế nhưng lúc này không những Montgomery lại biện hộ cho chiến lược của mình một lần nữa mà ông này còn đang đề nghị đánh thẳng đến Berlin. Bình thường vốn điềm tĩnh, lần này Eisenhower đã mất tự chủ. « Chẳng có ma nào tin rằng việc này có thể thực hiện được, trừ Montgomery », ông ta bực tức bùng nổ trước ban tham mưu của mình. Tại thời điểm đó, trong đầu Eisenhower, vấn đề khẩn cấp nhất

là khai thông các cảng bờ biển, đặc biệt là Antwerp. Tại sao Montgomery lại không chịu hiểu điều đó ? Tổng tư lệnh chẳng phải không nhận ra cơ hội ngon ăn đang hiển hiện trước mắt. Nhưng, như ông đã nói với Phó Tổng tư lệnh, thống chế của không quân hoàng gia Sir Arthur Tedder, cũng như trung tướng Frederick Morgan, trợ lý tham mưu trưởng của SHAEF, việc « Montgomery nói tới chuyện tiến về Berlin với một đạo quân đang phải khó nhọc nhận toàn bộ tiếp tế từ các bãi đổ bộ thật hoang tưởng ».

Thông điệp của viên thống chế không thể tới nơi vào một thời điểm tệ hơn. Tổng tư lệnh lúc này đang bị dính chặt vào giường, đầu gối phải bị đau, hậu quả của một vết thương mà Montgomery vẫn chưa biết. Tuy vậy, Eisenhower còn có nhiều lý do hơn thế để phát bẳn. Để lại phần lớn SHAEF ở London, ông đã tới lục địa để đích thân nắm tình hình hôm 1/9, trước đó 4 ngày. Bộ chỉ huy tiền phương nhỏ của ông đóng bản doanh ở Jullouville gần Granville hoàn toàn không đủ người. Vì tốc độ tiến công kinh ngạc của các đạo quân, Eisenhower bị bỏ xa sau mặt trận tới 400 dặm – và tệ hơn là vẫn chưa có điện thoại hay bất cứ phương tiện điện tín nào.

Trừ radio và liên lạc chạy chân, ông không thể nào liên hệ trực tiếp được với các tư lệnh ngoài tiền tuyến. Vết thương đã làm tệ thêm những khó khăn gặp phải đã xảy ra sau một chuyến bay thường lệ của ông tới thăm một trong các tư lệnh của mình. Vào ngày 2/9, khi trở về từ một cuộc họp với các tướng lĩnh cao cấp của Mỹ tại Chartres, máy bay của Eisenhower, vì gió mạnh và tầm nhìn hạn chế, đã không thể hạ cánh xuống sân bay tại tổng hành dinh. Thay vào đó,

nó đã hạ cánh xuống bãi biển gần biệt thự của ông. Nhưng sau đó, khi cố giúp viên phi công đưa máy bay ra khỏi bờ nước, Eisenhower đã làm trật khớp đầu gối phải của mình. Kết quả là, tại thời điểm bước ngoặt quan trọng này của cuộc chiến, trong vị tổng tư lệnh cố gắng kiểm soát diễn biến chiến sự trên lục địa trong bối cảnh tình hình diễn biến rất nhanh và các quyết định tức thời là rất cần thiết, Eisenhower lại phải nằm bất động.

Cho dù Montgomery – và về quan điểm này, cả Bradley và Patton – có thể cảm thất Eisenhower « không còn nắm bắt được tình hình chiến sự trên lục địa », cảm giác này chỉ đúng về mặt khoảng cách. Bộ tham mưu hỗn hợp Anh -Mỹ rất có năng lực của ông nắm chắc diễn biến chiến trường hàng ngày hơn các tướng lĩnh của ông nghĩ nhiều. Và trong lúc trông đợi sự chủ động và táo bạo từ các tư lệnh chiến trường, chỉ có Tổng tư lệnh và bộ tham mưu của ông có thể quan sát được tình hình toàn cục và đưa ra những quyết định phù hợp. Nhưng cũng đúng là trong giai đoạn chuyển tiếp này, khi Eisenhower đang dần trực tiếp nắm lại quyền chỉ huy, có vẻ đang thiếu một sự chỉ đạo rành mạch, một phần cũng do vai trò phức tạp của chức Tổng tư lệnh. Điều kiện chỉ huy khó có thể nói là dễ dàng. Thế nhưng, Eisenhower, trong lúc cố gắng duy trì một sự cân bằng dù rất khó khăn, và thực hiện chính xác các kế hoạch của Bộ tham mưu liên quân, đã giúp hệ thống hoạt động. Vì lợi ích toàn cục của Đồng minh, ông có thể điều chỉnh chiến lược, nhưng Eisenhower không hề có ý định dẹp mọi sự thận trọng sang bên và cho phép Montgomery, như sau này vị Tổng tư lệnh có nói, thực hiện một « mũi đột kích duy nhất như một nhát dao thẳng tới Berlin »*

* Để công bằng với Montgomery, cần nói rõ rằng bản thân ông chưa bao giờ nói câu này. Ý tưởng của ông là tập trung 40 sư đoàn lại với nhau và tiến về Berlin - hiển nhiên là không phải một « nhát dao » - nhưng câu nói này đã bị gán cho ông và theo tôi nghĩ đã ảnh hưởng bất lợi rất nhiều cho ông tại SHAEF trong nhiều cuộc họp bàn về chiến lược tại đó.

Tổng tư lệnh đã tỏ ra nhún nhường với Montgomery, nhượng bộ ông này hết lần này tới lần khác, một điều thường làm các tướng lĩnh Mỹ dưới quyền ông bức bối. Thế nhưng, xem ra « Montgomery luôn muốn có tất cả mọi thứ và ông ta chẳng làm điều gì một cách chóng vánh trong đời mình ». Eisenhower có nói rằng ông hiểu rõ về Montgomery hơn là viên thống chế người Anh có thể ngờ. « Hãy nhìn xem, người ta đã nói với tôi về thời trai trẻ của ông ta, » Eisenhower nhớ lại, « và khi bạn có một cuộc ganh đua giữa Eton và Harrow ở một bên, và một số trường ít danh giá hơn ở bên kia, một số thanh niên loại này khi vào quân đội cảm thấy thấp kém hơn. Anh chàng này, trong suốt đời mình, đã luôn cố để chứng minh anh ta là một ai đó. » Tuy vậy, rõ ràng quan điểm của viên thống chế phản ánh niềm tin của các thượng cấp người Anh của ông về việc quân Đồng minh cần hành động ra sao.

Cho dù có thể hiểu được, sự cao ngạo của Montgomery khi luôn ương ngạnh cứng nhắc về quan điểm như vậy đã làm các viên tư lệnh người Mỹ rất khó chịu. Với tư cách Tổng tư lệnh, được Bộ tổng tham mưu liên quân trao cho quyền lực tuyệt đối, Eisenhower chỉ có một lo

lắng thường trực : làm sao để lực lượng Đồng minh hợp tác với nhau và thắng cuộc chiến một cách nhanh chóng. Cho dù một số thành viên của SHAEF, bao gồm cả rất nhiều người Anh, coi Montgomery là kẻ không thể chịu nổi và nói ra lời như vậy, Eisenhower không bao giờ bình phẩm về ông này trừ lúc chỉ có một mình với Tham mưu trưởng của ông, Bedell Smith. Nhưng, trên thực tế, ác cảm của Tổng tư lệnh với Montgomery còn sâu sắc hơn nhiều những gì người ta biết. Eisenhower cảm thấy viên thống chế là « một gã tâm thần...một kẻ tự mãn » luôn cho rằng tất cả những gì hắn ta từng làm « đều hoàn hảo ...một kẻ không bao giờ nhàm lẫn trong đời mình ». Eisenhower sẽ không cho phép ông ta phạm một sai lầm vào lúc này. « Tước lấy khẩu phần của anh chàng người Mỹ Peter đang được tiếp vận từ Cherbourg, » ông nói với Tedder, « sẽ chẳng thể giúp gã người Anh Paul đến được Berlin ».

Tuy nhiên, Eisenhower rất băn khoăn về sự rạn nứt đang rộng dần ra giữa mình và viên tướng con cưng của người Anh. Trong vòng mấy ngày sau đó, Tổng tư lệnh quyết định, ông cần gặp Montgomery để cố gắng làm rõ điều mà ông coi là một sự hiểu nhầm. Thêm một lần nữa ông lại cố gắng bảo vệ chiến lược của mình và hy vọng có được sự đồng thuận, cho dù có khó khăn đến đâu. Trong lúc chờ đợi cuộc gặp, ông đã làm rõ một điều. Ông kiên quyết bác bỏ kế hoạch một mũi đột kích của Montgomery cũng như canh bạc liều chiếm Berlin của ông này. Vào tối ngày 5/9, trong một bức điện mật cho viên thống chế, ông nói, « Trong khi tán thành với quan điểm của ngài về một mũi tấn công tổng lực mạnh mẽ tới Berlin, tôi không đồng ý rằng cần thực hiện nó trong lúc này và bỏ qua mọi động thái tấn công khác. »

Theo như quan sát của Tổng tư lệnh, « phần chủ lực của quân đội Đức ở phía tây đã bị tiêu diệt, » và thành công có thể được khai thác « bằng cách nhanh chóng phá vỡ phòng tuyến Siegfried, vượt sông Rhine trên một chính diện rộng và chiếm lấy Saar cũng như Ruhr. Đó là điều tôi định thực hiện với tốc độ nhanh nhất có thể. »

Những động thái này, Eisenhower tin tưởng, sẽ « giáng một đòn chí tử vào những vùng công nghiệp chủ đạo của Đức và tiêu diệt phần lớn khả năng duy trì chiến tranh của đối phương... » Khai thông các cảng Le Havre và Antwerp là nhiệm vụ sống còn, Eisenhower tiếp tục, trước khi bất cứ « mũi đột kích tổng lực » vào nước Đức có thể được tung ra. Nhưng, vào lúc này, Eisenhower nhấn mạnh, « không sự tái phân bố dự trữ hậu cần nào có thể đủ cung cấp cho một mũi đột kích tới Berlin. ... »

Quyết định của Eisenhower đã cần tới 36 giờ để đến tay Montgomery, và ngay cả lúc đó cũng chỉ có nửa cuối bức điện tới nơi. Montgomery nhận được hai đoạn kết bức điện vào 9 giờ sáng ngày 7/9. Phần đầu chỉ tới nơi vào ngày 9/9, chậm hơn tới 48 giờ. Và Montgomery nhận xét rằng cách thức liên lạc của Eisenhower chỉ là một minh chứng nữa cho thấy Tổng tư lệnh đã « tụt lại sau chiến tuyến quá xa ».

Từ phần bức điện tới tay Montgomery trước tiên cũng đã quá rõ rằng Eisenhower bác bỏ kế hoạch của ông, vì nó có câu, « không sự tái phân bố dự trữ hậu cần nào có thể đủ cung cấp cho một mũi đột kích tới Berlin. » Montgomery lập tức gửi đi một bức điện kịch liệt phản

đối.

Với đà truy kích bị chậm lại, điều mà Montgomery e ngại nhất đã trở thành hiện thực. Sự kháng cự của quân Đức quyết liệt dần lên. Trong bức điện của mình, tập trung chủ yếu vào tình trạng thiếu hụt hậu cần, Montgomery tuyên bố rằng ông chỉ nhận được có một nửa yêu cầu của mình, và « tôi không thể tiếp tục lâu hơn trong điều kiện như hiện tại ». Ông từ chối thay đổi kế hoạch tấn công Berlin của mình. Sự cấp bách quá hiển nhiên của việc khai thông lập tức cảng Antwerp thậm chí còn không được nhắc đến trong bức điện của ông, tuy nhiên ông vẫn nhấn mạnh « ngay khi cảng Pas de Calais có thể sử dụng được, tôi muốn yêu cầu chừng 2500 xe tải ba tấn bổ sung nữa, thêm vào đó là một cầu vận chuyển hàng không chừng 1000 tấn mỗi ngày để tôi có thể tiến tới Ruhr và cuối cùng là Berlin. » Vì « rất khó diễn tả tình hình », viên thống chế « tự hỏi liệu Eisenhower có thể » tới gặp ông. Tin chắc như đinh đóng cột rằng quyết định của Tổng tư lệnh là một sai lầm nghiêm trọng và tin tưởng rằng kế hoạch của mình sẽ thành công, Montgomery từ chối chấp nhận sự bác bỏ của Eisenhower như là quyết định cuối cùng. Thế nhưng ông cũng không hề có ý định bay tới Jullouville để cố gắng thuyết phục Eisenhower thay đổi quan điểm. Một động thái ngoại giao như thế không phải là một phần tính cách của ông, cho dù ông hoàn toàn ý thức được hy vọng duy nhất để đề nghị của mình được phê chuẩn là qua một cuộc gặp trực tiếp với Tổng tư lệnh. Nóng nảy và bồn chồn, Montgomery đợi câu trả lời của Eisenhower. Viên thống chế người Anh đang ở trong tâm trạng cáu gắt suốt ruột, gần như không muốn gặp ai, vào thời điểm hoàng thân Bernhard tới sở chỉ huy để thăm xã giao ông.

Bernhard đã tới Pháp tối ngày 6. Với một đoàn tùy tùng nhỏ, 3 chiếc xe jeep, chú chó Martin của ông ta và một chiếc cặp dày cộp đựng các báo cáo của lực lượng kháng chiến ngầm tại Hà Lan, hoàng thân cùng các trợ lý của mình đã bay tới lục địa, được bảo vệ bởi hai máy bay tiêm kích, trong ba chiếc Dakota, trong đó một chiếc do Bernhard điều khiển. Từ sân bay Amiens họ đi xe tới Douai, 50 dặm về phía bắc, và sáng sớm ngày 7 lên đường đi Bỉ và Brussels. Tại sở chỉ huy ở Laeken, hoàng thân được đón bởi tướng Horrock, được giới thiệu với bộ tham mưu của Montgomery và đưa vào gặp thống chế. « Thống chế đang ở trong tâm trạng không vui và rõ ràng là không thích thú gì khi phải gặp tôi, » Bernhard nhớ lại. « Ông ta đã có quá nhiều thứ phải quan tâm, và sự có mặt của một ông hoàng ở chỗ ông ta hiển nhiên là một trách nhiệm mà ông ta sẽ thấy dễ dàng hơn nhiều nếu không phải gánh lấy. »

Tiếng tăm của thống chế như là người lính Anh vĩ đại nhất của cuộc chiến đã khiến ông, theo như lời của Bernhard, « trở thành thần tượng của hàng triệu người Anh ». Và ông hoàng 33 tuổi cũng rất e ngại Montgomery. Không như phong cách thoải mái gần như dễ dãi của Eisenhower, thái độ của Montgomery khiến Bernhard khó có thể trao đổi thoải mái với ông. Khô khan và khó chịu ngay từ đầu, Montgomery nói thẳng ra rằng sự có mặt tại đó của Bernhard làm ông « e ngại ». Với một lời giải thích thẳng tuột chẳng chút khéo léo xã giao, Montgomery nói với hoàng thân rằng sẽ rất thiếu khôn ngoan nếu ông này định đến thăm sở chỉ huy của đơn vị Hà Lan - lữ đoàn công chúa Irene – đang phối thuộc đạo quân Anh số 2, lúc bấy

giờ đang đóng ở Diest, chỉ cách chiến tuyến vùn vụt mười dặm. Bernhard, với tư cách Tổng tư lệnh lực lượng vũ trang Hà Lan, hiển nhiên có ý định đến thăm Diest, đã không trả lời ngay. Thay vào đó, ông bắt đầu nói tới các thông báo của lực lượng kháng chiến Hà Lan. Montgomery đã ngắt lời hoàng thân. Quay trở lại vấn đề ban đầu, ông nói với hoàng thân, « Ngài không được tới Diest. Tôi không thể chấp nhận chuyện này ». Mếch lòng, Bernhard cảm thấy bị buộc phải làm rõ rằng ông « phục vụ trực tiếp dưới quyền Eisenhower và không dưới quyền chỉ huy của ngài thống chế. » Như vậy, ngay từ đầu, như Bernhard hồi tưởng lại cuộc gặp, «đúng hay sai, chúng tôi đã bắt đầu không hợp nhau ». (sau đó, Eisenhower đã ủng hộ Montgomery về chuyện Diest, nhưng ông cũng nói rằng Bernhard có thể ở lại Brussels « gần sở chỉ huy cụm quân 21, nơi có thể cần tới sự có mặt của ngài »)

Bernhard tiếp tục điểm lại tình hình Hà Lan theo báo cáo của các nhóm kháng chiến ngầm. Montgomery được thông báo về cuộc tháo chạy và sự tan rã vô tổ chức của quân Đức, tình hình này đã diễn ra liên tục từ ngày 2/9, và sự nổi dậy của các nhóm kháng chiến. Theo những gì chắc chắn nhất mà ông được biết, Bernhard nói, những thông báo này chính xác. Montgomery, theo lời kể của hoàng thân, đã gạt đi, « tôi không nghĩ rằng lực lượng kháng chiến của ngài có gì hữu ích cho chúng tôi. Vì thế, tôi tin rằng tất cả những chuyện này đều không cần thiết ». Sững sờ trước sự thẳng thừng của viên thống chế, Bernhard « bắt đầu hiểu ra rằng Montgomery dường như không tin vào bất cứ thông báo nào tới từ các điệp viên của tôi ở Hà Lan. Một mặt, tôi khó có thể trách ông. Tôi được biết ông phần nào cũng đã quá chán ngán những tin tức sai lệch nhận được từ lực lượng

kháng chiến Pháp và Bỉ trong quá trình tiến quân của mình. Nhưng, trong trường hợp này, tôi biết rõ những nhóm kháng chiến tham dự, những người chỉ huy chúng và tôi biết thông tin thực sự chính xác. » Hoàng thân tiếp tục thuyết phục. Đưa cho thống chế các tập báo cáo và trích dẫn hết báo cáo này đến báo cáo khác, Bernhard đặt ra một câu hỏi : « Trước bối cảnh này, tại sao ngài không tấn công ngay ? »

"Chúng tôi không thể dựa vào những thông báo đó," Montgomery nói với ông ta. "Vì việc lực lượng kháng chiến Hà Lan tuyên bố rằng bọn Đức đã rút lui từ hôm 2/9 không có nghĩa là chúng vẫn đang tiếp tục rút lui." Bernhard đã phải thừa nhận rằng cuộc tháo lui "đang chậm lại", và đã có "dấu hiệu tái tổ chức". Tuy nhiên, theo quan điểm của hoàng thân, có lý do xác đáng cho một cuộc tấn công ngay lập tức.

Montgomery vẫn không bị lay chuyển. "Dù sao đi nữa," ông nói, "mặc dù tôi rất muốn tấn công và giải phóng Hà Lan, tôi không thể thực hiện được vì thiếu hậu cần. Chúng tôi đã gần cạn đạn. Chúng tôi không còn đủ nhiên liệu cho xe tăng và nếu cứ cố tiến hành một cuộc tấn công, chắc chắn nó sẽ bị chặn đứng".

Bernhard sống sờ. Những thông tin hoàng thân nhận được khi còn ở Anh từ cả SHAEF và các cố vấn của ông đã thuyết phục ông rằng việc giải phóng Hà Lan sẽ hoàn tất chỉ trong vài ngày. "Hiển nhiên là tôi nghĩ rằng Montgomery, người chỉ huy chiến trường trực tiếp, nắm tình hình rõ hơn ai hết," Bernhard nhớ lại sau này. " Thế nhưng chúng tôi đã có tất cả những thông tin chi tiết về quân Đức-

quân số, số lượng xe tăng và xe thiết giáp, vị trí đặt súng phòng không - và tôi biết rõ, ngoài lực lượng triển khai trực tiếp trên chiến tuyến, kẻ thù không còn nhiều lực lượng phía sau. Tôi cảm thấy thật nặng nề, vì tôi biết sức mạnh của bọn Đức sẽ tăng lên từng ngày. Tôi không thể thuyết phục được Montgomery. Trên thực tế, chẳng lời nào tôi nói tỏ ra có trọng lượng".

Sau đó Montgomery tiết lộ một cách thật đáng kinh ngạc. "Tôi cũng nóng lòng muốn giải phóng Hà Lan như ngài vậy," ông nói, "nhưng chúng tôi dự định thực hiện nó bằng một cách khác, thậm chí tốt hơn." Thống chế dừng lời, suy nghĩ giây lát, sau đó nói gần như miễn cưỡng, "Tôi đang xây dựng một kế hoạch đổ bộ đường không ngay phía trước lực lượng của tôi." Bernhard ngỡ ngàng. Lập tức trong đầu hoàng thân nảy ra hàng loạt câu hỏi. Các bãi thả dù sẽ được lựa chọn ở đâu? Khi nào kế hoạch đó sẽ được tiến hành? Và ra sao? Thế nhưng ông kìm mình không hỏi. Thái độ của Montgomery có thấy viên thống chế sẽ không tiết lộ thêm. Cuộc tấn công hiển nhiên vẫn còn trong giai đoạn thành hình và hoàng thân có cảm tưởng chỉ thống chế và vài người trong ban tham mưu của ông biết về kế hoạch. Tuy viên thống chế không đưa ra thêm chi tiết nào, giờ đây Bernhard lại thầm hy vọng rằng việc giải phóng Hà Lan, bất chấp việc thiếu hụt về hậu cần mà Montgomery đã nói trước đó, đã gần kề. Ông cần kiên nhẫn và chờ đợi. Danh tiếng của ngài thống chế không ai không biết. Bernhard tin vào nó và bản thân viên thống chế. Hoàng thân cảm thấy hy vọng một lần nữa quay trở lại, vì "bất cứ điều gì Montgomery làm, ông sẽ làm đến nơi đến chốn."

Eisenhower, nhượng bộ yêu cầu của Montgomery, ấn định cuộc gặp giữa hai người vào chủ nhật 10/9. Ông không thích thú gì vào cuộc gặp với Montgomery cũng như những lời lẽ thái độ mà ông đã quen chờ đợi từ phía ngài thống chế. Tuy thế, ông cũng quan tâm muốn biết những tiến bộ nào đã đạt được trong một khía cạnh tác chiến của Montgomery. Cho dù tổng tư lệnh cần phê duyệt mọi kế hoạch tấn công đổ bộ đường không, ông đã trao cho Montgomery quyền sử dụng đạo quân đổ bộ đường không số 1 của Đồng minh cũng như quyền xây dựng các kế hoạch có tính đến việc sử dụng lực lượng này. Tổng tư lệnh biết Montgomery, ít nhất kể từ ngày 4, đã lặng lẽ nghiên cứu khả năng dùng một cuộc tấn công đổ bộ đường không để chiếm lấy một đầu cầu qua sông Rhine.

Kể từ khi đạo quân đổ bộ đường không số 1 của đồng minh được thành lập 6 tuần trước dưới quyền một tư lệnh người Mỹ, trung tướng Lewis Hyde Brereton, Eisenhower đã tìm kiếm cả một mục tiêu và một cơ hội phù hợp để sử dụng lực lượng này. Vì mục đích đó ông đã thúc giục Brereton và nhiều tư lệnh các đạo quân khác xây dựng những kế hoạch đổ bộ đường không sáng tạo và táo bạo nhằm tấn công quy mô lớn vào sâu trong hậu phương kẻ thù. Nhiều nhiệm vụ đã được đưa ra và phê chuẩn, nhưng tất cả đều bị đình chỉ. Gần như trong tất cả các trường hợp, bước tiến nhanh chóng của lực quân khiến lực lượng này đã tới các mục tiêu vốn chỉ định cho quân dù.

Kế hoạch táo bạo do Montgomery đưa ra dự định dùng các đơn vị của Brereton để mở một đột phá khẩu ở phía tây thành phố Wesel ngay trên biên giới Hà Lan - Đức. Tuy nhiên, hỏa lực phòng không

quá dày đặc tại đây đã buộc viên thống chế phải thay đổi kế hoạch. Lần này, địa điểm ông lựa chọn nằm xa hơn về phía tây trong lãnh thổ Hà Lan: cây cầu qua sông Rhine Hạ tại Arnhem - một nơi nằm phía sau chiến tuyến Đức 75 dặm.

Vào ngày 7/9, chiến dịch Cornet, như kế hoạch này được đặt tên, đã sẵn sàng; sau đó thời tiết xấu, cộng với sự lo ngại của Montgomery trước sức kháng cự ngày càng tăng của quân Đức mà binh lính của ông gặp phải, đã khiến chiến dịch bị bãi bỏ. Những gì có vẻ sẽ thành công vào ngày 6 hay ngày 7 xem ra quá mạo hiểm vào ngày 10. Eisenhower cũng lo ngại; một mặt ông cảm thấy tung ra một cuộc tấn công đổ bộ đường không vào mục tiêu này sẽ làm chậm việc giải tỏa cảng Antwerp. Thế nhưng vị tổng tư lệnh vẫn bị thu hút bởi khả năng của một cuộc tấn công đổ bộ đường không.

Những cuộc tấn công bị bãi bỏ, có lần gần như vào phút cuối cùng, đã gây ra một vấn đề đau đầu cho Eisenhower. Mỗi lần kế hoạch đến bước chuẩn bị cuối cùng, máy bay vận tải, vốn đang tiếp tế nhiên liệu cho tiền tuyến, phải được tập trung lại dưới mặt đất ở trạng thái sẵn sàng. Thiếu hụt gây ra khi thiếu nguồn tiếp tế đường không quý giá này đã khiến Bradley và Patton kịch liệt phản đối. Trong bối cảnh truy kích không ngừng nghỉ như hiện tại, việc vận chuyển nhiên liệu bằng đường không, họ tuyên bố, quan trọng hơn nhiều so với những kế hoạch đổ bộ đường không. Eisenhower, nóng lòng muốn sử dụng lực lượng dù và bị Washington hối thúc làm vậy - cả tướng Marshall lẫn tướng Henry H. Arnold, chỉ huy không lực của quân đội Mỹ, đều muốn xem đạo quân mới toanh của Brereton có thể làm được gì -

không hề có ý để các sư đoàn dù tinh nhuệ của ông ngồi dài dưới đất. Ngược lại, ông nhấn mạnh rằng các đơn vị này cần được sử dụng ngay khi có cơ hội. Quả thực, đây có thể là một cách để giúp đưa quân vượt sông Rhine trong bối cảnh đà tấn công đang chững lại. Nhưng vào buổi sáng ngày 10/9 này, trong khi bay tới Brussels, mọi thứ khác đều trở thành thứ yếu trong đầu ông so với việc khai thông cảng chiến lược Antwerp.

Montgomery thì không. Nóng ruột và kiên quyết, ông chờ sẵn ở sân bay Brussels khi máy bay của Eisenhower hạ cánh. Với sự chính xác đặc trưng của mình, ông đã trau chuốt lại các lý lẽ chuẩn bị cho cuộc hội kiến. Ông đã trao đổi với tướng Miles C. Dempsey của đạo quân Anh số 2, và trung tướng Frederick Browning, tư lệnh quân đoàn đổ bộ đường không số 1 của Anh, đồng thời là tư lệnh phó đạo quân đổ bộ đường không số 1 của Đồng minh. Browning đợi bên ngoài cho đến khi cuộc gặp kết thúc. Dempsey, lo ngại trước sức kháng cự mỗi lúc một quyết liệt của kẻ thù phía trước mình và biết rõ từ các báo cáo tình báo cho biết các đơn vị mới của kẻ thù đang xuất hiện, đã yêu cầu Montgomery hủy bỏ kế hoạch tấn công đổ bộ đường không vào cây cầu tại Arnhem. Thay vào đó, ông này đề nghị tập trung vào chiếm đầu cầu vượt sông Rhine tại Wesel. Ngay cả khi phối hợp với lực lượng đổ bộ đường không, Dempsey e ngại, đạo quân Anh số 2 có thể vẫn không đủ mạnh để một mình tiến tới bắc Arnhem. Ông tin tưởng rằng tốt hơn nên tiến lên hội quân với đạo quân Mỹ số 1 về hướng đông bắc tới Wesel.

Dù thế nào đi nữa, bằng mọi giá lúc này cần mở một mũi tấn công

vào Hà Lan. Bộ chiến tranh Anh đã cho Montgomery biết rằng V2-loại tên lửa đầu tiên của Đức - đã rơi xuống London hôm 8/9. Các bãi phóng được cho là nằm đâu đó ở phía tây Hà Lan. Montgomery đã thay đổi kế hoạch của mình, có thể trước hay sau khi nhận được tin này. Kế hoạch Comet, như trong dự kiến ban đầu, chỉ sử dụng một sư đoàn ruồi - sư đoàn dù Anh số 1 và lữ đoàn dù Ba Lan số 1; lúc này ông tin rằng lực lượng này không đủ mạnh để thành công. Kết quả là ông bãi bỏ Comet. Tuy vậy, chỉ có một số ít sĩ quan cao cấp dưới quyền viên thống chế biết về nó và, biết quá rõ ảnh hưởng của tướng Bradley với Eisenhower, họ đã cẩn thận giữ gìn để không một tin phong thanh nào về kế hoạch này lọt tới tai các sĩ quan liên hợp Mỹ có mặt tại các sở chỉ huy Anh. Cũng như Eisenhower, trung tướng Browning và bộ tư lệnh đạo quân đổ bộ đường không số 1 của Đồng minh tại Anh vào lúc này vẫn chưa biết gì về kế hoạch đổ bộ đường không mới của Montgomery.

Vì đầu gối bị thương, Eisenhower không thể rời khỏi máy bay và cuộc họp diễn ra ngay trên máy bay. Montgomery, giống như ngày 23/8, quyết định ai được có mặt trong buổi hội kiến. Tổng tư lệnh đã mang theo người phó của mình, Thống chế tư lệnh không quân Sir Arthur Tedder, và một trợ lý tham mưu, trung tướng Sir Humphrey Gale, phụ trách tổ chức. Cụt lún, Montgomery yêu cầu Eisenhower loại Gale khỏi cuộc họp, đồng thời khẳng khẳng đề nghị người phụ trách tổ chức và hậu cần của chính mình, trung tướng Miles Graham, được ở lại. Một tổng tư lệnh ít nhún nhường hơn rất có thể đã phản pháo lại thái độ của Montgomery. Eisenhower kiên nhẫn chấp nhận đề nghị của viên thống chế. Tướng Gale rời nơi họp.

Gần như ngay lập tức Montgomery chỉ trích chiến lược chính diện rộng của tổng tư lệnh. Liên tục trích dẫn các thông điệp liên lạc của Eisenhower đã tới trong tuần trước đó, ông cảnh cáo tổng tư lệnh về sự thiếu nhất quán của mình khi không định nghĩa rõ "ưu tiên" có nghĩa là gì. Ông phàn nàn rằng cụm quân 21 của ông đã không nhận được "ưu tiên" về hậu cần mà Eisenhower đã hứa; rằng cuộc tấn công của Patton vào Saar vẫn được chấp nhận cho tiếp tục thay vì sự trợ giúp cho lực lượng của Montgomery. Eisenhower bình thản trả lời rằng ông không bao giờ có ý cho Montgomery "ưu tiên tuyệt đối" và gạt sang bên tất cả những người khác. Chiến lược của Eisenhower, Montgomery lặp lại, là sai lầm và sẽ có "hậu quả nghiêm trọng". Chừng nào hai mũi đột kích "đơn độc và thiếu lực vẫn tiếp tục", với tiếp tế bị chia sẻ giữa ông và Patton, "không ai có thể thành công". Eisenhower cần quyết định lựa chọn giữa ông hoặc Patton. Ngôn từ của Montgomery gay gắt và thiếu kiềm chế đến mức Eisenhower bất thần cúi người về phía trước, đập tay vào đầu gối Montgomery và nói.

"Hãy chừng mực, Monty! Ông không được nói bằng giọng đó với tôi. Tôi là sếp của ông". Con bực tức của Montgomery hạ hỏa. "Tôi xin lỗi, Ike", ông khẽ nói. Lời xin lỗi không hay gặp nhưng có vẻ thành thật này vẫn chưa phải là câu kết. Kiên quyết, cho dù ít gay gắt hơn, Montgomery tiếp tục biện minh cho "mũi đột kích duy nhất" của mình. Eisenhower lắng nghe một cách chăm chú và thiện chí, nhưng quan điểm của ông vẫn không thay đổi. Cuộc tấn công trên chính diện rộng sẽ vẫn tiếp tục. Tổng tư lệnh giải thích rõ với Montgomery

tại sao. Như Eisenhower sau này hồi tưởng lại (với tác giả), ông nói "Điều mà ngài đề nghị với tôi là như sau - nếu tôi cho ngài toàn bộ lượng tiếp tế cần thiết, ngài có thể tiến thẳng tới Berlin - tới tận Berlin? Monty, ngài thật là khủng. Ngài không thể làm được điều đó. Chết tiệt! Nếu ngài thử một mũi đột kích dài như thế, ngài sẽ phải ném hết sư đoàn này đến sư đoàn khác vào để bảo vệ hai bên sườn mình khỏi bị đột kích. Bây giờ hãy giả sử rằng ngài chiếm được một đầu cầu qua sông Rhine thật. Ngài sẽ không thể phụ thuộc lâu vào chỉ một cây cầu để tiếp tế cho mũi tấn công của mình. Monty, ngài không thể làm được điều đó."

Montgomery, theo lời Eisenhower, đã trả lời, "Tôi sẽ tiếp tế được ổn thỏa. Chỉ cần cho tôi những gì tôi cần và tôi sẽ tiến tới Berlin và chấm dứt chiến tranh."

Eisenhower vẫn kiên quyết bác bỏ. Ông nhấn mạnh rằng Antwerp cần được giải tỏa trước khi cân nhắc tới bất cứ cuộc tấn công quan trọng nào vào Đức. Montgomery liền giở bài cuối cùng của mình ra. Những diễn biến gần đây nhất - cuộc tấn công bằng tên lửa vào London từ các bãi phóng ở Hà Lan - đòi hỏi cần tiến công lập tức vào Hà Lan. Thống chế biết chính xác cần bắt đầu tấn công từ đâu. Để đánh vào nước Đức, Montgomery đề nghị sử dụng hầu như toàn bộ đạo quân đổ bộ đường không số 1 của Đồng minh trong một cuộc tấn công chớp nhoáng quy mô lớn.

Kế hoạch của ông là một phiên bản mở rộng của chiến dịch Comet. Montgomery giờ đây muốn sử dụng 3 sư đoàn rưỡi - các sư đoàn 82

và 101 của Mỹ, sư đoàn dù Anh số 1 và lữ đoàn dù Ba Lan số 1. Lực lượng đổ bộ đường không sẽ chiếm một loạt điểm vượt sông tại Hà Lan phía trước lực lượng của ông, với mục tiêu chính là cây cầu qua sông Rhine Hạ tại Arnhem. Thấy trước quân Đức sẽ chờ đợi ông sử dụng con đường ngắn nhất và tiến về phía đông bắc tới sông Rhine và vùng Ruhr, Montgomery đã cố ý chọn một "cánh cửa sau" phía bắc hướng tới để chế. Cuộc tấn công đổ bộ đường không bất ngờ sẽ tạo ra một hành lang cho xe tăng của đạo quân Anh số 2 thuộc quyền ông, lực lượng này sẽ nhanh chóng vượt qua các cây cầu đã được chiếm giữ tới Arnhem, vượt qua sông Rhine và xa hơn nữa. Một khi mục tiêu này đạt được, Montgomery có thể quay sang phía đông, đánh thọc sườn phòng tuyến Siegfried và tiến thẳng vào vùng Ruhr.

Eisenhower đã bị ấn tượng và thu hút bởi ý tưởng này. Đó là một kế hoạch táo bạo và đầy sáng tạo, đúng là mô hình tấn công quy mô lớn mà tổng tư lệnh đang tìm kiếm cho các sư đoàn dù đã ăn không ngồi rồi quá lâu của mình. Nhưng lúc này ông đang lâm vào thế trên đe dưới búa: nếu chấp nhận kế hoạch này, việc giải tỏa cảng Antwerp sẽ bị trì hoãn và sẽ phải lấy bớt phần tiếp tế dành cho Patton. Tuy thế, đề nghị của Montgomery có thể làm hồi sinh đà tấn công đang đuối dần và rất có thể sẽ giúp đẩy ra cuộc truy kích qua sông Rhine vào vùng Ruhr. Eisenhower, thực sự bị thu hút trước sự táo bạo của kế hoạch, không những phê chuẩn, mà còn yêu cầu tiến hành chiến dịch ngay khi có thể.

Thế nhưng tổng tư lệnh cũng nhấn mạnh rằng cuộc tấn công là "có giới hạn". Và ông cũng nói rõ với Montgomery rằng ông coi cuộc tấn

công phối hợp mặt đất - đổ bộ đường không "chỉ là sự kéo dài mũi tiến công phía bắc tới sông Rhine và vùng Ruhr." Như Eisenhower hồi tưởng lại cuộc nói chuyện, ông đã nói với Montgomery, " Tôi sẽ cho ngài hay tôi sẽ làm gì, Monty. Tôi sẽ cho ngài tất cả những gì ngài yêu cầu để ngài vượt qua được sông Rhine vì tôi muốn có một đầu cầu... Nhưng trước hết hãy qua sông Rhine đã, sau đó chúng ta sẽ thảo luận những chuyện khác." Montgomery tiếp tục tranh luận, nhưng Eisenhower không thay đổi. Thất vọng, viên thống chế đành phải chấp nhận cái mà ông gọi là "một biện pháp nửa vời", và tới đây cuộc hội kiến chấm dứt.

Sau khi Eisenhower rời khỏi, Montgomery phác họa kế hoạch của chiến dịch dự kiến trên một tấm bản đồ cho trung tướng Browning. Viên tướng hào hoa Browning, một trong những tướng lĩnh Anh đi tiên phong trong việc ủng hộ lực lượng đổ bộ đường không, nhận thấy lực lượng nhảy dù và lực lượng đổ bộ bằng tàu lượn sẽ được yêu cầu chiếm giữ một loạt điểm vượt sông - 5 trong số chúng là những cây cầu huyết mạch bao gồm cả cầu qua các sông rộng: Maas, Waal, và sông Rhine Hạ - trải dài chừng 64 dặm giữa biên giới Hà Lan và Arnhem. Thêm vào đó, họ có nhiệm vụ giữ cho thông suốt dải hành lang - tại phần lớn chiều dài chỉ là một con đường xa lộ duy nhất chạy lên phía bắc- qua đó lực lượng thiết giáp Anh sẽ tiến quân. Tất cả các cầu cần được chiếm nguyên vẹn nếu muốn cuộc đột kích của xe tăng thành công. Nguy hiểm là hiển nhiên, nhưng đây đúng là kiểu tấn công bất ngờ mà lực lượng đổ bộ đường không được huấn luyện để thực hiện. Tuy thế, Browning vẫn thấy áy náy. Chỉ vào cây cầu xa nhất về phía bắc qua sông Rhine Hạ tại Arnhem, ông hỏi, "Lực

lượng thiết giáp sẽ mất bao lâu để tới chỗ chúng tôi?" Montgomery đáp ngắn gọn, "Hai ngày". Vẫn nhìn vào bản đồ, Browning nói, "Chúng tôi có thể giữ nó trong 4 ngày". Sau đó ông nói thêm, "Nhưng thừa thống chế, tôi nghĩ có lẽ chúng ta đã chọn một cây cầu quá xa."

Những điểm cơ bản (sau đó sẽ mang mật danh "Chiến dịch Market Garden" - Market là lực lượng đổ bộ đường không và Garden cho lực lượng thiết giáp) cần được gấp rút vạch ra, Montgomery hạ lệnh. Ông nhấn mạnh rằng cuộc tấn công cần bắt đầu trong vài ngày nữa. Nếu không, ông nói với Browning, sẽ là quá muộn. Montgomery hỏi: "Ngài có thể sẵn sàng sau bao lâu?" Browning, vào lúc đó, chỉ dám ước đoán. "Thời điểm sớm nhất cho chiến dịch có thể vào ngày 15 hay 16," ông trả lời thống chế.

Mang theo phác thảo kế hoạch của Montgomery cùng gánh nặng phải tổ chức khẩn cấp một cuộc tấn công khổng lồ như vậy chỉ trong có vài ngày, Browning quay về Anh ngay lập tức. Sau khi hạ cánh xuống căn cứ của mình ở Moor Park Golf Course gần Rickmansworth ở ngoại ô London, ông điện thoại cho sở chỉ huy đạo quân đổ bộ đường không số 1 của Đồng Minh, nằm cách đó 20 dặm, báo tin cho viên tư lệnh, trung tướng Brereton, và tham mưu trưởng, thiếu tướng Floyd L.Park. Lúc đó là 2 giờ 30 chiều, và Parks nhớ lại rằng cú điện thoại của Browning đã "lần đầu tiên nhắc tới Market tại sở chỉ huy".

Các tư lệnh chỉ huy lực lượng đổ bộ đường không không phải là những người duy nhất bị bất ngờ. Kế hoạch táo bạo của Montgomery đã gây ấn tượng mạnh và làm ngạc nhiên người chỉ trích viên thống

chế kích liệt nhất, tướng Omar N. Bradley, đến mức ông này sau đó đã hồi tưởng lại, "Nếu quý ông Montgomery sùng đạo và kiêng rượu có lẽ đã bước vào SHAEF sặc sụa hơi men, tôi cũng không thể ngạc nhiên hơn thế... Cho dù tôi chưa bao giờ nhất trí với kế hoạch phiêu lưu này, tôi vẫn phải thừa nhận rằng đó là một trong những kế hoạch giàu tưởng tượng nhất của cuộc chiến." Bradley còn nói thêm, "Tôi không được tham gia vào kế hoạch. Trên thực tế, Montgomery đã soạn thảo và gửi nó cho Ike vài ngày trước khi tôi được nghe nói về nó qua sĩ quan liên lạc của chúng tôi tại cụm quân số 21."

Đúng thế, nhưng Montgomery vẫn không hài lòng. Lúc này ông còn thúc ép tổng tư lệnh xa hơn nữa, quay ngược lại hoàn toàn với những cân nhắc cần trọng cầu toàn vốn đặc trưng cho sự nghiệp cầm quân của ông. Trừ khi cụm quân số 21 nhận được thêm tiếp tế và phương tiện vận tải cho "mũi đột kích đã được lựa chọn", Montgomery cảnh cáo Eisenhower, Market Garden sẽ không thể khởi sự sớm hơn ngày 23/9, thậm chí có thể bị trì hoãn tới ngày 26/9. Browning đã ước tính rằng Market có thể sẵn sàng vào ngày 15 hoặc 16, nhưng Montgomery lo lắng về Garden, lực lượng mặt đất. Một lần nữa ông lại yêu cầu thứ ông luôn mong đợi: ưu tiên tuyệt đối, điều theo quan điểm của ông sẽ đảm bảo chiến thắng. Eisenhower ghi vào nhật ký làm việc của mình hôm 12/9: "Đề nghị của Monty thật đơn giản- "đưa cho ông ta mọi thứ"". Sợ rằng bất cứ trì hoãn nào có thể ảnh hưởng xấu tới Market Garden, Eisenhower nhượng bộ. Tổng tư lệnh lập tức cử tham mưu trưởng của mình, tướng Bedell Smith, tới gặp Montgomery; Smith cam đoan với viên thống chế về 1000 tấn tiếp tế đường không mỗi ngày kèm theo phương tiện vận tải. Thêm vào đó,

Montgomery nhận được lời hứa rằng mũi tấn công của Patton vào Saar sẽ được dừng lại. Khoan khoái trước câu trả lời "chớp nhoáng" này- như viên thống chế gọi - Montgomery tin rằng cuối cùng ông cũng đã buộc được tổng tư lệnh chia sẻ quan điểm của mình.

Cho dù sức kháng cự đã tăng lên phía trước lực lượng của Montgomery, ông tin rằng quân Đức tại Hà Lan, phía sau tấm vỏ cứng ở tiền tuyến, không có nhiều lực lượng. Tình báo Đồng minh cũng xác nhận ước đoán của thống chế. Sở chỉ huy của Eisenhower thông báo về "một lượng nhỏ bộ binh dự bị" tại Hà Lan, và ngay cả số này cũng bị coi là "lính kém chất lượng". Người ta cho rằng đối phương vẫn còn "hỗn loạn sau cuộc tháo chạy dài và vội vã...và cho dù có thể có một số đơn vị nhỏ của Đức trong vùng," chúng khó có thể thực hiện kháng cự có tổ chức. Montgomery lúc này tin rằng ông có thể nhanh chóng nghiền nát sự kháng cự của quân Đức. Sau đó, một khi ông đã vượt qua sông Rhine và hướng tới Ruhr, ông không thấy Eisenhower có thể làm gì để buộc ông ngừng lại. Lúc đó tổng tư lệnh sẽ chẳng có nhiều để lựa chọn, ông suy luận, ngoài việc để ông tiếp tục tiến thẳng tới Berlin- và như thế chấm dứt chiến tranh, như Montgomery tin tưởng, "một cách tương đối nhanh chóng". Một cách tự tin, Montgomery ấn định ngày chủ nhật 17/9 làm ngày N cho chiến dịch Market Garden. Kế hoạch sáng tạo ông đã vạch ra sẽ là chiến dịch đổ bộ đường không lớn nhất của toàn cuộc chiến.

Không phải ai cũng chia sẻ sự tin tưởng của Montgomery vào Market Garden. Ít nhất một trong số các sĩ quan cao cấp của ông có lý do để lo ngại. Tướng Miles Dempsey, tư lệnh đạo quân Anh số 2, không

như thống chế, không nghi ngờ tính xác thực của các báo cáo của lực lượng kháng chiến Hà Lan. Từ những báo cáo này, bộ phận tình báo của Dempsey đã phác thảo ra một cục diện cho thấy sức mạnh tăng lên nhanh chóng của quân Đức giữa Eindhoven và Arnhem, đúng khu vực được lựa chọn để đổ bộ. Thậm chí còn có một thông báo từ Hà Lan cho biết "các đơn vị Panzer đã bị tổn thất đã được đưa tới Hà Lan để tổ chức lại," và cũng ở khu vực sẽ diễn ra Market Garden. Dempsey đã chuyển tin này tới quân đoàn đổ bộ đường không Anh số 1 của Browning, nhưng những thông tin này đã không được Montgomery và bộ tham mưu của ông lưu tâm. Thậm chí nó còn không xuất hiện trong tổng kết tình báo. Trên thực tế, trong bầu không khí lạc quan tràn ngập sở chỉ huy cụm quân số 21, thông báo nọ hoàn toàn không được đếm xỉa tới.

Canh bạc liều của thống chế Gerd von Runstedt nhằm cứu những lực lượng còn lại của đạo quân số 15 của tướng Von Zangen đang bị bao vây ở Pas de Calais cuối cùng cũng được trả giá thích đáng. Dưới sự che chở của màn đêm, ngay từ hôm 6/9, một giang đoàn được gấp gáp tập hợp lại bao gồm hai tàu vận tải cũ của Hà Lan, vài chiếc phà dùng để qua lại sông Rhine cũng như một số thuyền nhỏ và bè đã liên tục qua lại cửa Schelde rộng ba dặm để chuyên chở quân, pháo binh, xe cộ và thậm chí cả ngựa. Cho dù được những khẩu pháo bảo vệ bờ biển hùng mạnh trên đảo Walcheren che chở khỏi nguy cơ bị tấn công từ phía biển, người Đức rất ngạc nhiên khi thấy hải quân đồng minh đã không làm gì để can thiệp. Thiếu tướng Walter Poppe đã chờ đợi việc đoàn tàu chở sư đoàn bộ binh 59 đã tơi tả của mình "bị thổi bay xuống nước". Với ông ta cuộc hành trình dài một giờ

đồng hồ giữa Breskens và Flushing "trên những chiếc tàu hoàn toàn tối đen, lộ liễu và không có khả năng tự vệ, là kinh nghiệm tệ nhất ông đã trải qua." Người Đức cho rằng Đồng minh đã đánh giá thấp quy mô của cuộc di tản. Hẳn là họ biết về nó. Vì cả Von Runstedt và tư lệnh cụm quân B, thống chế Walter Model, cần tăng viện đến tuyệt vọng, đã ra lệnh rút gấp, và một số đoàn tàu đã di tản vào ban ngày. Lập tức, máy bay ủa tới những đoàn tàu nhỏ. Bóng tối, cho dù khó chịu đến đâu đi nữa, ít nhất cũng an toàn hơn.

Phần nguy hiểm nhất của cuộc hành trình nằm ở bờ bắc cửa Schelde. Tại đây, dưới nguy cơ thường trực bị không quân Đồng minh tấn công, luck lượng của Von Zangen buộc phải đi theo một đường duy nhất, chạy từ đảo Walcheren ở phía đông, đi dọc bán đảo Beveland vào Hà Lan. Một phần của con đường đào thoát, tại điểm thắt nút nổi vào đất liền, chỉ cách Antwerp và tiền tuyến của quân Anh tại kênh Albert có vài dặm. Thật khó hiểu, ngay cả lúc này người Anh cũng không tấn công lên phía bắc nhằm đóng chặt chiếc bẫy lại. Đường thoát hiểm vẫn rộng mở. Do dù bị quấy rầy bởi những đợt oanh kích của không quân Đồng minh, đạo quân số 15 của Von Zangen cuối cùng cũng tới được Hà Lan - vào đúng thời điểm quyết định nhất cho chiến dịch Market Garden của Montgomery.

Trong khi đạo quân số 15 đã được rút đi nhờ vào tính toán chu đáo hơn là vận may, lúc này điều ngược lại xảy ra: số phận, một điều không thể tiên đoán trước, lại góp một tay. Cách đó chừng 80 dặm các đơn vị thiết giáp đã toi tả của quân đoàn Panzer SS số 2 kỳ cựu của trung tướng Wilhem Bittrich cũng về tới nơi trú quân ở ngoại vi

Arnhem. Như đã được thống chế Model chỉ đạo hôm 4/9, Bittrich đã từ từ rút các sư đoàn Panzer SS số 9 và 10 khỏi vòng chiến để "củng cố và tái tổ chức". Hai sư đoàn đã hao hụt, nhưng vẫn còn khá mạnh, được phân tán ra phía bắc, đông, và nam của thành phố. Bittrich đã chỉ định cho sư đoàn SS số 9 một khu vực rộng hình chữ nhật ở phía bắc và đông bắc Arnhem, nơi phần lớn binh lính và xe cộ của sư đoàn được đóng ở nơi đất cao và được che dấu kín đáo trong một khu rừng cấm quốc gia khá rậm rạp. Sư đoàn 10 đóng thành một vòng bán nguyệt về phía đông bắc, đông và đông nam. Như vậy, được nguy trang và che dấu trong các khu rừng lân cận, các làng và thị trấn nhỏ - Beekbergen, Apeldoorn, Zutphen, Ruurlo, và Doetinchem - cả hai sư đoàn đều nằm rất gần Arnhem; một số đơn vị chỉ cách ngoại ô thành phố 1 hay 2 dặm. Như Bittrich sau này hồi tưởng lại, "việc lựa chọn khu vực lân cận Arnhem với Model cũng không có ý nghĩa gì đặc biệt - ngoại trừ đây là một khu vực khá yên tĩnh nơi không có gì xảy ra."

Khả năng khu vực nằm xa mặt trận này có thể có ý nghĩa chiến lược nào đó với Đồng minh hoàn toàn không được tính đến. Vào buổi sáng ngày 11/9, một nhóm nhỏ sĩ quan tham mưu của Model được cử đi tìm một địa điểm mới cho sở chỉ huy cụm quân B - tại chính Arnhem.

Một trong các sĩ quan cần vụ của Model, người phụ trách tổ chức và vận tải, viên trung úy 35 tuổi Gustav Sedelhauer, sau đó có nhớ lại rằng " chúng tôi đã tới thăm bộ tư lệnh các sư đoàn SS 9 và 10 tại Beekbergen và Ruurlo cũng như sở chỉ huy của tướng Bittrich tại Doetinchem. Sau đó chúng tôi xem xét chính Arnhem. Ở đây có tất cả

những gì chúng tôi tìm: hệ thống đường xá và liên lạc hoàn hảo. Nhưng chỉ tới khi chúng tôi quay về hướng tây tới khu ngoại ô Oosterbeek chúng tôi mới tìm được cái chúng tôi muốn tìm". Tại ngôi làng giàu có này, chỉ cách trung tâm Arnhem 2 dặm rưỡi có một nhóm biệt thự, trong đó có khách sạn Hartenstein kiểu cách màu trắng, với bãi cỏ rộng hình lưỡi liềm trải dài tới những khu công viên xung quanh nơi hươu đứng đỉnh đi dạo không bị quấy rầy. Bên cạnh còn có khách sạn Tafelberg hai tầng với hàng hiên lấp lánh. Bị ấn tượng bởi sự sang trọng, và , như Sedelhauer nhớ lại, "đặc biệt là sự tiện nghi", nhóm này đã đề nghị chọn Oosterbeek với tham mưu trưởng, trung tướng Hans Krebs, như là "lý tưởng cho sở chỉ huy cụm quân B". Model chấp nhận quyết định này. Ông ta cũng quyết định rằng một phần bộ tham mưu sẽ ở tại Hartenstein, trong khi bản thân mình sẽ ở tại Tafelberg. Trung úy Sedelhauer cảm thấy nhẹ nhõm. Kể từ khi anh ta đảm nhiệm chức vụ hiện tại sở chỉ huy chưa bao giờ đóng một chỗ quá vài ngày, và lần này Sedelhauer "trông đợi sẽ được yên và có cơ hội tắm rửa giặt giũ". Tới ngày 15/9, Model ra lệnh, sở chỉ huy cụm quân B phải sẵn sàng hoạt động tại Oosterbeek - cách chừng ba dặm khoảng đất trống và đồng cỏ rộng nơi sư đoàn đổ bộ đường không số 1 của Anh sẽ phải đáp xuống ngày 17/9.

PHẦN II - KẾ HOẠCH

Sẩm tối ngày 10/9, chỉ vài giờ sau cuộc gặp giữa tướng Browning và thống chế Montgomery, trung tướng Lewis H.Brereton chủ trì cuộc họp bàn kế hoạch đầu tiên cho chiến dịch Market. Tại sở chỉ huy của ông tại Sunninghill Park gần trường đua Ascot cách London 35 dặm, 27 sĩ quan cao cấp đứng chật phòng họp treo đầy bản đồ của Brereton. Sau khi tướng Browning phổ biến cho mọi người kế hoạch của Montgomery, Brereton nói với họ rằng, vì có quá ít thời gian, "các quyết định chính đưa ra tại đây không thể thay đổi - và phải được đưa ra lập tức."

Trách nhiệm thật khổng lồ, những chỉ dẫn ban đầu thật ít ỏi. Trước đó, chưa bao giờ người ta thử tung ra một lực lượng đổ bộ đường không khổng lồ như vậy, bao gồm đầy đủ xe cộ, pháo binh và trang bị, có khả năng tự chiến đấu sâu sau lưng kẻ thù. So với Market, những cuộc đổ bộ đường không trước đó đều nhỏ hơn; thế nhưng cũng đã cần tới hàng tháng trời để chuẩn bị chúng. Lúc này, để chuẩn bị cho cuộc nhảy dù và đổ bộ bằng tàu lượn lớn nhất từ trước tới nay, Brereton và bộ tham mưu của ông chỉ có vắn vện 7 ngày.

Nỗi lo ngại lớn nhất của Brereton không phải là kỳ hạn, mà là khả năng chiến dịch này, cũng như những chiến dịch trước đó, có thể bị

đình chỉ. Lực lượng đổ bộ đường không đã ngồi rồi quá lâu lúc này đang nóng lòng được xung trận, hậu quả là một vấn đề nghiêm trọng về tinh thần binh lính. Đã hàng tuần các sư đoàn tinh nhuệ được huấn luyện kỹ càng của ông chôn chân dưới mặt đất trong khi các đơn vị lục quân trên lục địa thừa thắng tiến như vũ bão qua Pháp và Bỉ. Mọi người đều có cảm giác chiến thắng đã gần kề và chiến tranh có thể sẽ kết thúc trước khi đạo quân đổ bộ đường không số 1 của Đồng minh kịp xung trận.

Viên tư lệnh không nghi ngờ việc bộ tham mưu của ông có thể đáp ứng kịp tiến trình một tuần gấp gáp của Market. Đã có quá nhiều đợt "tập dượt" từ việc chuẩn bị các kế hoạch đổ bộ trước khiến sở chỉ huy của ông cùng bộ tham mưu các sư đoàn trở nên hết sức thành thục. Hơn nữa, một phần lớn phương án tác chiến xây dựng cho Comet và các chiến dịch bị đình chỉ khác có thể được áp dụng luôn cho Market. Ví dụ, khi chuẩn bị cho chiến dịch Comet sau đó đã bị bãi bỏ, sư đoàn đổ bộ đường không số 1 của Anh và lữ đoàn Ba Lan, được giao nhiệm vụ thực hiện chiến dịch nói trên, đã nghiên cứu kỹ lưỡng khu vực Arnhem. Tuy thế, phần lớn quy mô của Market đều mở rộng hơn rất nhiều - và tất cả đều rất tốn thời gian để hoàn tất.

Bề ngoài, tướng Brereton có vẻ bình thản và tự tin, nhưng các thành viên ban tham mưu nhận thấy tư lệnh đốt hết điều thuốc này đến điều thuốc khác. Trên bàn làm việc của ông là một câu trích dẫn được đóng khung mà tư lệnh thường chỉ cho ban tham mưu xem. Câu đó viết: "Liệu có một ông hoàng nào có thể đủ sức bao phủ toàn bộ vương quốc của mình bằng binh lính, để 10000 người từ trên trời lao xuống không thể, tại nhiều nơi, gây ra những tổn thất nghiêm trọng trước khi một đạo quân có thể được tập hợp lại để đẩy lùi họ?" Câu này đã được Benjamin Franklin viết ra năm 1784.

Brereton bị ấn tượng bởi nhãn quan của vị chính khách và cũng là nhà khoa học của thế kỷ 18. "Ngay cả 160 năm sau," ông đã từng nói với ban tham mưu của mình, "ý tưởng này vẫn có cùng giá trị." Nhưng hẳn là Franklin sẽ phải choáng váng trước quy mô và sự phức tạp của chiến dịch Market. Để tấn công Hà Lan từ trên không, Brereton đã lên kế hoạch đổ bộ gần 35000 quân - gần gấp đôi số lính dù và lính đổ bộ bằng tàu lượn dùng trong cuộc tấn công tại Normandy.

Để "chộp lấy những cây cầu một cách chớp nhoáng," như Brereton nói, và giữ thông hành lang hẹp một chiều cho lực lượng mặt đất Garden của Anh- từ chính diện tấn công của họ ở gần biên giới Bỉ - Hà Lan cho tới Arnhem cách đó 64 dặm về phía bắc - ba sư đoàn rưỡi sẽ được sử dụng. Hai trong số này là của Mỹ. Gần như ngay trước mặt quân đoàn 30 của tướng Horrock, sư đoàn 101 của thiếu tướng Maxwell D.Taylor sẽ phải chiếm lại các điểm vượt sông và kênh đào trên một dải dài 15 dặm giữa Eindhoven và Veghel. Phía bắc họ, sư đoàn kỵ cự số 82 của chuẩn tướng James M.Gavin phụ trách khu vực giữa Grave và thành phố Nijmegen, một dải dài chừng 10 dặm. Họ cần chiếm lấy cầu bắc qua hai sông lớn Maas và Waal, đặc biệt là chiếc cầu lớn nhiều làn xe tại Nijmegen dài gần nửa dặm, kể cả các đường dẫn hai đầu. Mục tiêu quan trọng nhất của chiến dịch Market Garden là Arnhem và cây cầu quan trọng bắc qua sông Rhine Hạ rộng 400 yard. Chiếc cầu bằng bê tông và sắt dài ba nhịp dành cho xe dài gần 2000 bộ. Việc đánh chiếm lấy nó được chỉ định cho người Anh và người Ba Lan - sư đoàn đổ bộ đường không số 1 của thiếu tướng Robert "Roy" Ughart và, dưới quyền chỉ huy chung của ông, lữ đoàn dù Ba Lan số 1 của thiếu tướng Stanislaw Sosabowski. Arnhem,

nằm xa lực lượng Garden nhất, là đích đến. Không có cây cầu qua sông Rhine, cú đột kích táo bạo của Montgomery nhằm giải phóng Hà Lan, tạt sườn phòng tuyến Siegfried và tiến vào vùng công nghiệp Ruhr của Đức sẽ thất bại.

Để đưa lực lượng khổng lồ này tới đích tấn công cách xa nơi xuất phát 300 dặm, một kế hoạch đường không chi tiết cần được thiết lập. Cần có 3 kế hoạch riêng biệt: chuyên chở, hộ tống, và tiếp tế. Để lực lượng máy bay cất cánh cần sử dụng không dưới 24 sân bay. Brereton dự tính sử dụng toàn bộ số tàu lượn ông có trong tay- một phi đoàn khổng lồ gồm hơn 2500 chiếc. Bên cạnh việc chuyên chở các khí tài nặng như xe jeep hay pháo binh, các tàu lượn dự kiến sẽ chuyên chở hơn một phần ba số quân của lực lượng 35000 người; số còn lại sẽ nhảy dù. Tất cả tàu lượn đều cần được kiểm tra, khoang chở hàng được chuẩn bị, vũ khí nặng được chất lên khoang, việc bổ sung quân số được tiến hành.

Các tàu lượn chỉ đặt ra một vấn đề cho kế hoạch đường không. Các máy bay chuyên chở lính dù và kéo tàu lượn sẽ bị trung dụng khỏi nhiệm vụ thường nhật tiếp tế cho các đạo quân ngoài mặt trận và tập trung lại trên mặt đất sẵn sàng cho Market. Phi hành đoàn của các phi đội máy bay ném bom đã được báo động và phổ biến về các phi vụ trên khu vực của Market Garden trước, và trong quá trình tấn công. Một lượng lớn máy bay tiêm kích từ khắp nước Anh - hơn 1500 chiếc - cần được huy động để hộ tống lực lượng đổ bộ. Kế hoạch không lưu chu đáo là yếu tố quan trọng hàng đầu. Hành trình từ Anh tới Hà Lan cần được vạch ra để tránh những vùng hỏa lực phòng không mạnh

của kẻ địch cũng như nguy cơ đâm phải nhau trên không. Kế hoạch cứu hộ trên biển, kế hoạch tiếp tế, thậm chí cả kế hoạch thả dù hình nhân xuống một vùng khác của Hà Lan để đánh lạc hướng quân địch, cũng được xây dựng. Tổng cộng, người ta ước tính có gần 5000 máy bay đủ loại sẽ tham gia vào Market. Để xây dựng kế hoạch và chuẩn bị sẵn sàng cho không đoàn khổng lồ này sẽ cần ít nhất 72 giờ.

Câu hỏi cấp bách nhất trong cuộc họp, theo ý Brereton, là cuộc đổ bộ cần được tiến hành vào ban ngày hay ban đêm. Các chiến dịch đổ bộ trước đó đều thực hiện vào những đêm có trăng. Nhưng bóng tối đã dẫn tới nhầm lẫn trong việc xác định khu đổ bộ, binh lực bị phân tán và gây ra tổn thất không đáng có. Viên tư lệnh đã quyết định rằng cuộc đổ bộ sẽ diễn ra vào ban ngày. Đây là một quyết định chưa từng có tiền lệ. Trong lịch sử của các chiến dịch đổ bộ đường không, một cuộc đổ bộ ban ngày ở quy mô như vậy chưa bao giờ được thực hiện.

Brereton còn có những lý do khác ngoài việc muốn tránh nhầm lẫn. Tuần lễ dự kiến cho chiến dịch Market là thời kỳ không có trăng và kết quả là đổ bộ ban đêm ở quy mô lớn là không khả thi. Ngoài ra, Brereton chọn tấn công ban ngày vì, lần đầu tiên trong chiến tranh, điều này có thể thực hiện được. Tiềm kích đồng minh đã nắm ưu thế trên chiến trường đến mức vào lúc này nguy cơ can thiệp từ Luftwaffe trên thực tế không còn tồn tại. Nhưng quân Đức vẫn còn tiềm kích đêm. Trong một cuộc đổ bộ ban đêm, khi chống lại những đội hình máy bay vận tải và kéo tàu lượn bay chậm, chúng có thể tỏ ra cực kỳ nguy hiểm. Lực lượng phòng không của Đức cũng là một nguy cơ cần tính đến: bản đồ đường bay tới các bãi đổ bộ của Market đều có

đánh dấu các vị trí súng phòng không. Các bản đồ này, dựa trên các tấm ảnh từ các chuyến bay trinh sát cũng như từ kinh nghiệm của các tổ lái máy bay ném bom hoạt động đã bay qua Hà Lan trên đường tới Đức, trông thật đáng e ngại - nhất là khi các tàu lượn đều không có vỏ giáp bảo vệ, trừ buồng lái, và các máy bay C47 chở lính và kéo tàu lượn không có thùng dầu tự hàn kín. Tuy vậy, Brereton tin rằng các vị trí súng phòng không của kẻ địch có thể bị vô hiệu hóa bằng ném bom cường độ cao cùng tấn công của máy bay khu trục trực tiếp và trong cuộc đổ bộ. Dù sao đi nữa, phần lớn súng phòng không đều ngắm bắn bằng radar, nên cho dù vào ban ngày hay ban đêm đều hữu hiệu như nhau. Và lại thế nào cũng phải dự kiến trước tổn thất. Bù lại, trừ trường hợp thời tiết xấu và gió mạnh can thiệp, lực lượng đổ bộ, nhờ tấn công ban ngày, có thể được thả gần như chính xác tuyệt đối xuống các khu đổ bộ, và như thế bảo đảm việc nhanh chóng tập trung binh lực dọc theo hành lang. "Các lợi thế," Brereton nói với các chỉ huy dưới quyền, "lớn hơn nhiều so với nguy cơ."

Brereton đưa ra quyết định cuối cùng. Để chỉ huy chiến dịch khổng lồ, ông chỉ định người phó của mình, viên trung tướng lịch lãm 47 tuổi Frederick "Boy" Browning, tư lệnh quân đoàn đổ bộ đường không số 1 của Anh. Đây là một lựa chọn hoàn hảo, cho dù làm thất vọng trung tướng Matthew B. Ridgway, chỉ huy quân đoàn còn lại của đạo quân - quân đoàn đổ bộ đường không số 18. Cũng cần nói thêm rằng Browning đã được chọn chỉ huy chiến dịch Comet đã bị bãi bỏ trước đó, một chiến dịch cho dù nhỏ hơn và chỉ sử dụng lính dù Anh và Ba Lan, nhưng cũng cùng kiểu với Market Garden. Giờ đây, theo kế hoạch được cải tiến và mở rộng do Montgomery vạch ra, lính dù

Mỹ sẽ chiến đấu lần đầu tiên dưới sự chỉ huy của người Anh.

Trước các chỉ huy được tập hợp lại, Browning đưa ra một bản tóm tắt đầy lạc quan. Ông kết thúc bài nói của mình bằng một vẻ tự tin hùng hồn đã luôn khiến tư lệnh trở thành vị anh hùng trong mắt thuộc cấp. Như tham mưu trưởng của ông, chuẩn tướng Gordon Walch, nhớ lại, "Tướng Browning rất hào hứng, vui vẻ rằng cuối cùng chúng tôi cũng lên đường. "Mục tiêu," ông nói với chúng tôi, " là trải một tấm thảm lính dù để giúp lực lượng mặt đất của chúng ta tiến qua." Ông tin rằng chiến dịch này là chìa khóa cho toàn cuộc chiến."

Sự lạc quan của Browning có thể dễ dàng nhận ra. Khi cuộc họp lớn đã chấm dứt, nhường chỗ cho những cuộc họp quy mô nhỏ hơn của các nhóm tham mưu sẽ kéo dài suốt đêm, chỉ vài sĩ quan nhận ra mâu thuẫn ngầm ngấm giữa Brereton và Browning. Thoạt đầu, khi đạo quân đổ bộ đường không số 1 được thành lập, người Anh đã rất kỳ vọng rằng Browning, sĩ quan hàng đầu của Anh về đổ bộ đường không và là một trong những người đi tiên phong trong sử dụng lính dù, sẽ được chỉ định làm tư lệnh. Vì ưu thế về quân số và trang bị của người Mỹ trong đạo quân mới này, vị trí đáng thèm muốn đã thuộc về một người Mỹ, tướng Brereton.

Về cấp bậc, Browning còn lên cấp trước Brereton 6 tháng, và cho dù viên tướng Mỹ là một sĩ quan nổi bật về chiến thuật không lực, ông chưa bao giờ chỉ huy lực lượng đổ bộ đường không. Thêm vào đó, tính cách của hai người cũng khác xa nhau. Brereton đã từng là phi công trong thế chiến thứ nhất và phục vụ nổi bật trong thế chiến

thứ hai, đầu tiên ở Trung Đông và Viễn Đông, sau đó trên cương vị tư lệnh tập đoàn không quân số 9 của Mỹ tại Anh. Ông là một người giản dị và kiên trì, nhưng sự đam mê thành công của ông được giấu kín dưới một phong cách điềm đạm, lặng lẽ ít nói. Lúc này ông thực hiện bốn phận quan trọng được giao phó với sự kiên quyết và độc đoán vốn đặc trưng cho nhiều sĩ quan chuyên nghiệp đồng hương của ông.

Browning, một sĩ quan pháo thủ cận vệ, cũng là một người cầu toàn, kiên quyết không kém trong việc chứng minh giá trị của quân dù. Nhưng ông chưa bao giờ chỉ huy một đơn vị đổ bộ đường không. Trái với Brereton, "Boy" Browning có thể nói là một nhân vật rất cuốn hút, hào hoa tề chỉnh đến không chê vào đâu được, với vẻ tự tin thường hay bị hiểu lầm là kiêu ngạo, không chỉ bởi người Mỹ mà cả một vài chỉ huy dưới quyền.

Cho dù ông là người hay thay đổi quan điểm và đôi khi quá nóng vội, danh tiếng của ông với tư cách một lý thuyết gia về đổ bộ đường không đã trở thành huyền thoại trong những người ngưỡng mộ. Tuy thế, ông thiếu kinh nghiệm chiến trường so với một số sĩ quan khác, như tướng Richard Gale của sư đoàn đổ bộ đường không số 6 của Anh, và các tư lệnh kỳ cựu của Mỹ, các tướng Gavin và Taylor. Và, Browning còn cần chứng tỏ rằng ông sở hữu tài năng tổ chức tương đương với người giàu kinh nghiệm nhất trong các tư lệnh đổ bộ đường không, tướng Ridgway.

Chỉ vài ngày trước đó, một sự việc đã làm bộc lộ sự khác biệt giữa

Brereton và Browning. Hôm 3/9, Browning đã phản đối Brereton về sự nguy hiểm khi cố gắng tổ chức một cuộc tấn công đổ bộ đường không chỉ sau 35 giờ chuẩn bị. Kể từ ngày 6/6, 17 kế hoạch đổ bộ đường không đã được chuẩn bị và bãi bỏ. Trong 33 ngày dưới sự chỉ huy của Brereton, trong sự nóng lòng muốn nhập cuộc của viên tư lệnh, các kế hoạch đã được xây dựng với tốc độ gần như mỗi bản một tuần. Không bản nào đi tới trạng thái sẵn sàng bắt đầu. Browning, quan sát việc xây dựng ồ ạt kế hoạch tấn công như vậy, rất e ngại về sự vội vã này cũng như những nguy cơ có thể gặp phải. Khi chiến dịch Linnet 1- một cuộc đổ bộ trước mặt quân Anh tại Bỉ - bị bãi bỏ hôm 2/9, Brereton lập tức tìm ra một cái đích mới phía trước các đạo quân mặt đất đang tiến nhanh và đưa ra chiến dịch Linnet 2, như là một cuộc tấn công thay thế dự kiến diễn ra hôm 4/9.

Như Brereton sau này nhớ lại sự kiện đó, "Browning có vẻ rất bồn chồn về kế hoạch Linnet 2 vì thiếu trầm trọng thông tin, ảnh trinh sát, và nhất là bản đồ. Kết quả, "Boy" tuyên bố là binh lính của ông ta sẽ không thể được phổ biến nhiệm vụ một cách chu đáo." Browning nói, "không nên toan tính thực hiện các chiến dịch đổ bộ đường không một cách cấp rập như vậy". Về nguyên tắc Brereton đồng ý, nhưng viên tư lệnh đã nói với cấp phó của mình rằng "sự tan rã vô tổ chức của kẻ địch đòi hỏi phải nắm ngay lấy cơ hội". Sự bất đồng giữa hai người kết thúc với việc Browning kiên quyết tuyên bố ông dự định sẽ viết đơn phản đối bằng giấy trắng mực đen. Lá đơn tới vài giờ sau. Vì "sự khác biệt sâu sắc về quan điểm giữa chúng ta," Browning viết, ông ta không thể "tiếp tục đảm nhiệm vị trí phó tư lệnh đạo quân đổ bộ đường không số 1 của Đồng minh". Brereton,

không hề bị dao động, đã bắt đầu nghĩ đến chuyện thay thế Browning. Ông này báo cho tướng Ridgway "sẵn sàng để thay thế". Vấn đề tế nhị này được giải quyết khi chiến dịch Linnet 2 bị bãi bỏ; ngày hôm sau Brereton đã thuyết phục được Browning rút đơn xin từ chức.

Lúc này, dẹp bỏ khác biệt sang bên, cả hai cùng đối mặt với nhiệm vụ khổng lồ và phức tạp cho việc chuẩn bị Market. Dù Browning còn gì không vừa ý, giờ đây những điều đó cũng chỉ là thứ yếu so với công việc trước mắt.

Có một quyết định mà Brereton đã không thể đưa ra được trong cuộc họp đầu tiên: lực lượng đổ bộ đường không tạo nên tám trăm lốt đường sẽ được đưa tới mục tiêu một cách cụ thể ra sao. Chỉ huy các đơn vị không thể lên được kế hoạch chi tiết khi vấn đề hóc búa nhất này chưa được giải quyết.

Trên thực tế các đạo quân đổ bộ đường không chỉ có thể có mức cơ động tương đương như các phương tiện chuyên chở chúng. Ngoài các tàu lượn có trong tay, Brereton không có máy bay vận tải của riêng mình. Để đạt được yếu tố bất ngờ hoàn toàn, kế hoạch lý tưởng nhất dự kiến đưa 3 sư đoàn rượt tham gia chiến dịch tới các khu đổ bộ trong cùng ngày cùng giờ. Nhưng quy mô khổng lồ của chiến dịch đã loại bỏ khả năng này. Máy bay vận tải và tàu lượn thiếu trầm trọng; các máy bay sẽ phải bay thành nhiều chuyến. Nhiều yếu tố khác cũng khiến những người lập kế hoạch phải thay đổi cách tiếp cận. Mỗi sư đoàn có yêu cầu tác chiến khác nhau. Ví dụ, lực lượng

vận chuyển sư đoàn 101 của tướng Taylor dứt khoát phải chuyên chở nhiều người hơn trang bị tiếp tế khi bắt đầu chiến dịch để sư đoàn này có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao là thực hiện hội quân với lực lượng Garden trong vòng vài giờ đầu của chiến dịch. Hơn nữa lực lượng của Taylor cũng phải nhanh chóng hội quân với sư đoàn số 82 trên hành lang phía bắc họ. Tại đó, đơn vị của tướng Gavin không những cần làm chủ những cây cầu lớn qua sông Maas và sông Waal mà còn phải giữ dải núi Groesbeek ở phía đông nam, một khu vực phải không cho quân Đức chiếm bằng mọi giá vì nó khống chế cả vùng xung quanh. Nhiệm vụ cụ thể giao cho Gavin cũng đòi hỏi những trang bị đặc biệt. Vì sư đoàn 82 sẽ phải chiến đấu lâu hơn sư đoàn 101 trước khi hội quân được, Gavin cần không chỉ lính mà cả pháo binh.

Xa hơn nữa về phía bắc, những vấn đề đặt ra cho sư đoàn đổ bộ đường không số 1 của Anh dưới quyền tướng Uqhart còn khác hẳn. Sư đoàn này cần chiếm cây cầu tại Arnhem và giữ vững tới khi được giải tỏa. Nếu may mắn, phản ứng của quân Đức sẽ đủ chậm để lực lượng mặt đất hội quân kịp với lực lượng dù trang bị nhẹ trước khi sức mạnh của kẻ thù tăng lên. Nhưng cho tới khi xe tăng của Horrock tới nơi, người của Uqhart cần giữ vững. Uqhart không thể dàn mỏng lực lượng của mình bằng cách cử các đơn vị đánh xuống phía nam hội quân với Gavin. Nằm ở đầu xa nhất của hành lang, sư đoàn 1 của Anh sẽ phải chống giữ lâu nhất. Vì lý do này, lực lượng của Uqhart cũng là lớn nhất, sư đoàn của ông được tăng cường với lính dù Ba Lan, cùng sư đoàn Lowland số 52, đơn vị này sẽ được đổ xuống khi chuẩn bị được sân bay ở khu vực Arnhem.

Sáng ngày 11, sau một đêm bận rộn phân tích và tập hợp thông tin về lực lượng máy bay sẵn có cho cuộc tấn công, thiếu tướng Paul L. William, tư lệnh không đoàn vận tải số 9 của Mỹ, đã trình những ước tính của mình lên Brereton. Theo ông thông báo, máy bay vận tải và tàu lượn thiếu đến mức cho dù có huy động toàn lực, trong trường hợp khả quan nhất cũng chỉ có thể hy vọng đổ bộ được một nửa lực lượng của Browning vào ngày N. Những khí tài thiết yếu như pháo binh, xe jeep và các trang bị nặng khác được dự tính vận chuyển bằng tàu lượn sẽ chỉ có thể mang theo được ở mức tối thiểu cần thiết. Brereton đã yêu cầu viên chỉ huy vận tải đường không của ông nghiên cứu khả năng tiến hành hai đợt đổ quân vào ngày N, nhưng đề xuất này không khả thi. "Tính đến khoảng cách cũng như thời gian ngày ngắn, không thể tiến hành hơn một đợt đổ quân mỗi ngày," tướng William nói. "Làm vậy sẽ quá mạo hiểm. Nếu thế sẽ không có thời gian cho việc bảo trì hay sửa chữa những hư hại trong chiến đấu, ông chỉ rõ, và hầu như chắc chắn " việc phi công và phi hành đoàn bị kiệt sức sẽ gây ra tổn thất."

Bị trói tay bởi sự thiếu hụt phương tiện vận chuyển và thời gian, Brereton đã thực hiện một số điều chỉnh quan trọng. Sẽ cần một ngày trọn để chụp ảnh không thám các cây cầu và địa hình ở Hà Lan; hai ngày nữa cần thiết cho việc chuẩn bị và phân phát bản đồ các khu tác chiến, thu thập và phân tích tin tình báo, chuẩn bị kế hoạch tác chiến chi tiết. Quyết định quan trọng nhất: Brereton bị buộc phải điều chỉnh lại kế hoạch Market cho phù hợp với số lượng phương tiện chuyên chở sẵn có. Ông đành phải vận chuyển dần các đơn vị, đổ bộ ba sư

đoàn ruồi tới đích tấn công trong vòng 3 ngày. Nguy cơ là rất lớn: viện binh Đức có thể sẽ tới khu quyết chiến của Market Garden sớm hơn dự kiến; hỏa lực phòng không có thể quá mạnh; và luôn phải tính đến khả năng thời tiết xấu. Sương mù, gió mạnh, một cơn bão bất ngờ - tất cả đều có thể xảy ra vào thời gian này trong năm - đều có thể gây ra tai họa.

Tệ hơn nữa, một khi đã đổ bộ, lực lượng dù và đổ bộ bằng tàu lượn, tới nơi không có pháo binh nặng hay xe tăng, sẽ rất dễ bị tiêu diệt. Đoàn xe tăng của quân đoàn 30 của tướng Horrock, tiến thành một cột theo một con đường hẹp duy nhất, sẽ không thể thực hiện cú đột kích 64 dặm tới Arnhem và xa hơn trừ khi quân của Brereton chiếm các cầu và giữ thông suốt đường tiến. Mặt khác, lực lượng đổ bộ cũng cần được tiếp ứng càng nhanh càng tốt. Bị cô lập sâu phía sau chiến tuyến địch và phải phụ thuộc vào tiếp tế đường không, lực lượng đổ bộ sẽ phải với đôi đầu với lực lượng địch mỗi lúc một mạnh hơn theo từng ngày. Tối đa các lực lượng bị cô lập này cũng chỉ có thể giữ được những 'đầu cầu' của mình trong vài ngày. Nếu lực lượng thiết giáp Anh bị cầm chân hoặc tiến không đủ nhanh, lực lượng đổ bộ sẽ không tránh khỏi bị áp đảo và tiêu diệt.

Còn nhiều thứ nữa có thể xảy ra không theo dự kiến. Nếu những chú "chim ưng gầm thét" của tướng Taylor không kiểm soát được đầu cầu phía trước lực lượng thiết giáp mũi nhọn của đạo quân Anh số 2, cho dù người của tướng Gavin hay tướng Uqhart có chiếm được mục tiêu của họ ở Nijmegen và Arnhem hay không cũng không có ý nghĩa gì nữa. Họ kiêu gì cũng sẽ bị cô lập.

Cần chấp nhận một số rủi ro truyền thống trong đổ bộ đường không : các sư đoàn có thể nhảy dù hay đáp nhằm khu vực; cầu có thể bị đối phương phá hủy ngay khi cuộc tấn công bắt đầu; thời tiết xấu có thể ngăn cản việc tiếp tế bằng đường không; và thậm chí nếu tất cả các cầu đều được chiếm nguyên vẹn, hành lang tiến quân vẫn có thể bị cắt đứt tại bất kỳ điểm nào. Đây chỉ là một vài trong số những yếu tố không thể lường trước. Những người lập kế hoạch đã đặt cược vào tốc độ, sự bất ngờ, táo bạo và chuẩn xác - tất cả dựa trên một kế hoạch phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng đổ bộ và lực lượng mặt đất, kế hoạch này, đến lượt mình, lại trông đợi vào sự hỗn loạn và yếu kém của quân Đức. Mỗi mắt xích trong Market Garden phải ăn khớp với nhau. Nếu một mắt xích không khớp, rất có thể sẽ là tai họa cho tất cả các đơn vị.

Theo quan điểm của Brereton, cần chấp nhận những nguy cơ này. Rất có thể không bao giờ có một cơ hội thứ hai. Hơn nữa, dựa trên những thông tin mới nhất về lực lượng của kẻ thù nhận được từ cụm quân số 21 của Montgomery, sở chỉ huy lực lượng đổ bộ đường không của đồng minh vẫn tin lực lượng của Brereton sẽ “chạm trán một kẻ địch vô tổ chức với khả năng tác chiến không đồng đều”. Người ta không tin rằng “bất cứ lực lượng nào lớn hơn cỡ lữ đoàn (chừng 3000 người) cùng một số rất ít xe tăng và pháo có thể được tập trung để chống lại lực lượng đổ bộ trước khi lực lượng này được lực lượng mặt đất giải toả”. Người ta chờ đợi “rằng chuyển bay tới đích cùng quá trình đổ bộ sẽ có thể gặp trở ngại, và việc chiếm nguyên vẹn các cầu mục tiêu sẽ dựa chủ yếu vào yếu tố bất ngờ và hỗn loạn phía kẻ thù hơn là vào

chiến đấu ác liệt”. Không có gì mà những người xây dựng kế hoạch không cân nhắc tới. Những tổng kết tình báo cuối cùng có vẻ gần như chắc chắn “bước tiến của lực lượng mặt đất sẽ rất nhanh nếu chiến dịch đổ bộ thành công”.

Thiếu tá Brian Uqhart rất bất an trước không khí lạc quan tràn ngập sở chỉ huy các đơn vị thuộc quân đoàn đổ bộ đường không số 1 của tướng Browning. Viên sĩ quan phụ trách tình báo 25 tuổi cảm thấy mình có lẽ là người duy nhất trong ban tham mưu có chút nghi ngờ về Market Garden. Uqhart (không có họ hàng gì với tư lệnh sư đoàn đổ bộ đường không số 1 của Anh, thiếu tướng Robert Uqhart) không tin vào những ước tính lạc quan về lực lượng đối phương tới gần như hằng ngày từ Bộ tư lệnh cụm quân số 21 của Montgomery. Vào sáng thứ ba 12/9, chỉ còn cách ngày N năm hôm, sự nghi ngờ của anh này về Market Garden đã gần như trở thành kinh hoàng.

Dự cảm của anh đã bị đánh thức bởi một bức điện thận trọng gửi tới từ Sở chỉ huy đạo quân Anh số 2 của tướng Dempsey. Dẫn ra một thông báo từ phía Hà Lan, ban tình báo của Dempsey cảnh báo về sự tăng cường lực lượng quân Đức trong khu vực sẽ diễn ra Market Garden và nói tới sự có mặt của “các đơn vị Panzer đã tổn thất được cho là đóng tại Hà Lan để củng cố lại.” Cũng cần thừa nhận rằng thông tin này khá mơ hồ. Thiếu bất cứ sự khẳng định nào, thông báo của Dempsey không được đưa vào bản tổng kết tình báo trong các Bộ tư lệnh của cả Montgomery lẫn Eisenhower. Uqhart không hiểu tại sao. Anh này cũng đã nhận được những tin tức đáng lo ngại tương tự từ phía sĩ quan liên lạc Hà Lan tại sở chỉ huy quân đoàn. Và, cũng

như ban tham mưu của Dempsey, anh tin vào tin này. Thêm thông tin tự mình tìm hiểu được vào thông tin do Dempsey gửi tới, thiếu tá Uqhart tin rằng các đơn vị thuộc ít nhất hai sư đoàn Panzer đang đóng đầu đó quanh Arnhem. Bằng chứng khá mong manh. Các đơn vị này chưa được nhận diện, lực lượng không rõ bao nhiêu, và anh cũng không thể đoán chắc được chúng hiện đang được củng cố lại hay chỉ đơn giản là tình cờ hành quân qua Arnhem. Dù thế nào đi nữa, Uqhart, như anh nhớ lại sau này, “đã bị chấn động mạnh”.

Ngay từ khi hình thành ý tưởng về chiến dịch Comet, rồi đến sự biến đổi nó thành Market Garden, nỗi lo ngại của thiếu tá Uqhart cứ tăng dần. Hết lần này đến lần khác, anh đã lên tiếng phản đối kế hoạch này với “bất cứ ai muốn nghe tại ban tham mưu”. Anh “thực sự phát hoảng về Market Garden, vì điểm yếu của nó là giả thiết rằng quân Đức sẽ không gây ra kháng cự nào đáng kể”. Bản thân Uqhart tin rằng quân Đức đang hồi phục nhanh chóng và có thể đã có nhiều lính và khí tài tại Hà Lan hơn bất cứ ai có thể ngờ. Thế nhưng, toàn bộ cốt lõi của kế hoạch, theo như quan điểm của viên thiếu tá, “dựa trên kịch bản không thể tin nổi là một khi các cầu được chiếm, xe tăng của quân đoàn 30 có thể tiến dọc theo hành lang rất hẹp này - gần như một con đường độc đạo, không cho phép có một khả năng cơ động nào - rồi sau đó thủng thẳng tiến vào nước Đức như thể người ta bước qua cửa nhà thờ. Tôi chỉ đơn giản là không tin rằng quân Đức sẽ tiếp tục cầm đầu cầm cổ chạy và đầu hàng.”

Tại cuộc họp xây dựng kế hoạch, thiếu tá Uqhart càng phát hoảng hơn nữa khi anh này thấy “tất cả mọi người đều thêm muốn bằng

mọi giá đưa lực lượng đổ bộ đường không vào cuộc”. Người ta liên tục so sánh tình hình hiện tại với sự suy sụp của nước Đức năm 1918. Uqhart nhớ rằng tướng Browning, có lẽ phản ánh quan điểm chung của Montgomery và “một số tướng lĩnh Anh khác, lúc đó đang nghĩ tới một cuộc đột kích quy mô nữa”. Viên sĩ quan tình báo có vẻ lo ngại khi mọi người quanh anh đều nghĩ chiến tranh có lẽ sẽ kết thúc trước mùa đông và “cuộc tấn công Arnhem rất có thể là cơ hội cuối cùng để lực lượng đổ bộ được tham chiến”.

Uqhart kinh ngạc trước cách gọi đầy chủ quan – “nó được miêu tả như một cuộc đi dạo chơi vậy”-dành cho Market Garden. Và anh đặc biệt bất bình trước cách mô tả của tướng Browning rằng mục đích của cuộc tấn công là nhằm “trải một tấm thảm lính đổ bộ đường không để lực lượng mặt đất của chúng ta bước lên trên vượt qua.” Anh này tin rằng chỉ riêng cách nói ví von này cũng có hậu quả tâm lý bởi nó ru ngủ các chỉ huy tới một trạng thái bị động và hoàn toàn tượng tượng không hề dự kiến trước bất cứ phương án phản ứng nào trước sự kháng cự của quân Đức.” Viên sĩ quan tình báo coi bầu không khí tại sở chỉ huy quá xa rời thực tế đến mức, tại một trong những cuộc họp bàn kế hoạch, anh này đã hỏi “liệu “tấm thảm” nọ sẽ bao gồm lính dù còn sống hay đã chết”.

“Hoàn toàn không thể,” sau này anh nhớ lại, “khiến họ đổi mặt với tình hình thực tế; sự mong muốn được tham chiến trước khi chiến tranh kết thúc đã bịt mắt họ”. Nhưng anh chàng Uqhart trẻ tuổi tin chắc rằng những cảnh báo của tướng Dempsey là chính xác. Anh tin rằng có lực lượng thiết giáp Đức đóng ở lân cận Arnhem, nhưng anh

cần khẳng định thông báo này với nhiều bằng chứng hơn. Uqhart biết có một phi đội Spitfire trang bị camera đặc biệt để chụp ảnh không thám đóng gần Benson ở Oxfordshire. Phi đội này hiện đang tìm kiếm các bộ phóng tên lửa dọc bờ biển Hà Lan.

Vào chiều ngày 12/9, thiếu tá Uqhart đề nghị tiến hành một cuộc trinh sát ở độ cao thấp trên không phận vùng Arnhem. Để tránh bị phát hiện, xe tăng đối phương hẳn sẽ được giấu trong rừng hoặc dưới lưới ngụy trang và có thể không bị phát hiện bởi không thám từ độ cao lớn. Yêu cầu của Uqhart được chấp nhận; các máy bay trinh sát ở độ cao thấp sẽ bay trên khu vực Arnhem, và viên sĩ quan sẽ có được kết quả sớm nhất có thể. Nếu thu được ảnh chụp xe tăng, bằng chứng này có thể minh chứng cho sự e ngại của thiếu tá Uqhart.

Lúc này chẳng còn đủ thời gian để tư lệnh các sư đoàn đổ bộ tự mình xem xét thông tin tình báo. Họ hoàn toàn phụ thuộc vào sở chỉ huy của quân đoàn mình và của đạo quân đổ bộ đường không số 1 về những ước đoán mới nhất. Theo kinh nghiệm, mỗi tư lệnh đều hiểu rằng những thông tin đó đã lỗi thời vài ngày khi tới được tay họ. Tuy thế, theo quan điểm chung, không có lý do gì để e ngại một sự kháng cự mạnh của kẻ thù. Kết quả là những nguy cơ của chiến dịch Market Garden được coi là có thể chấp nhận được.

Sau khi các tướng Brereton và Browning đã vạch ra những nét lớn của kế hoạch, xác định mục tiêu và nhận định khả năng chuyên chở, mỗi sư đoàn trưởng sẽ tự xây dựng kế hoạch tác chiến cho mình. Từ các chiến dịch trước, các tư lệnh đổ bộ đường không kỳ cựu hiểu rằng

cơ hội thành công trước hết phụ thuộc vào việc lính của họ có thể được đổ xuống gần mục tiêu tới đâu. Lý tưởng nhất, họ cần được thả xuống đúng mục tiêu hay chỉ cách mục tiêu một đoạn đi bộ ngắn, đặc biệt khi họ cần phải chiếm một cây cầu. Với số lượng phương tiện cơ giới mặt đất mang theo rất hạn chế, việc lựa chọn chính xác các điểm đổ bộ là quan trọng sống còn.

Thiếu tướng Maxwell D. Taylor hiểu quá rõ rằng các điểm đổ quân của ông cần được chọn sao cho đạt hiệu quả tối đa. Trong khi Taylor có thể có trong tay phần lớn lính dù “Chim ưng gầm thét” của mình ngay trong ngày N, các đơn vị công binh, pháo binh, và phần lớn phương tiện cơ giới của sư đoàn 101 sẽ chỉ tới vào ngày N+1 hay N+2. Nghiên cứu đoạn nằm xa nhất về phía nam của hành lang chiến dịch, nơi sư 101 phải chiếm giữ giữa Eindhoven và Veghel, Taylor nhanh chóng nhận ra trên dải dài 15 dặm này, lực lượng của ông cần phải chiếm hai cầu lớn vượt kênh đào cùng 9 cầu đường bộ và đường sắt. Tại Veghel, có 4 cây cầu và một điểm vượt kênh đào qua sông Aa và kênh đào Willems. Nằm cách đó 5 dặm về phía nam tại St Oedenrode, cần chiếm một cây cầu qua sông Dommel hạ; cách đó 4 dặm là điểm vượt kênh đào lớn thứ hai, bắc qua kênh Wilhelmina gần làng Son, và về phía tây là một chiếc cầu gần Best. Xa hơn nữa 5 dặm về phía nam tại Eindhoven, cần chiếm 4 cây cầu qua sông Dommel thượng.

Sau khi xem xét dải đất bằng giữa Eindhoven và Veghel, cùng mạng lưới kênh rạch, kè, đập và đường bộ, Taylor quyết định chọn các khu đổ bộ chính gần như chính giữa khu vực tác chiến của mình, ở rìa

một khu rừng chỉ cách Son có một dặm rưỡi và gần như nằm giữa Eindhoven và Veghel. Ông có thể cho đổ bộ hai trung đoàn của mình, số 502 và 506, tại khu này. Trung đoàn 502 sẽ phụ trách các mục tiêu tại St Oedenrode và Best, trung đoàn 506 tại Son và Eindhoven. Trung đoàn thứ ba, trung đoàn 501, sẽ đổ bộ xuống khu vực phía bắc và phía tây Veghel, chỉ cách 4 cây cầu huyết mạch vài trăm mét. Đây là một trách nhiệm nặng nề mà người của ông sẽ phải hoàn tất vào ngày N mà không có các đơn vị hỗ trợ, nhưng Taylor tin rằng “nếu gặp may, chúng ta có thể thành công.”

Trách nhiệm của sư đoàn 82 còn phức tạp hơn. Khu tác chiến dài 10 dặm của họ rộng hơn khu vực của sư đoàn 101. Ở khu vực trung tâm của hành lang này, cần chiếm cây cầu lớn dài 1500 bộ qua sông Maas tại Grave và ít nhất 4 cây cầu đường sắt và đường bộ nhỏ hơn khác bắc qua kênh Maas-Waal. Một mục tiêu sống còn khác là cây cầu lớn qua sông Waal tại Nijmegen, nằm gần như giữa trung tâm thành phố có 90000 dân này. Và không mục tiêu nào trong số này được coi là “đã được kiểm soát” trừ khi cao điểm Groesbeek nằm cách Nijmegen 2 dặm về phía nam, khống chế toàn bộ khu vực, được chiếm giữ. Đồng thời, về phía đông là vành đai rừng lớn nằm dọc biên giới Đức-Reichswald – nơi quân Đức có thể tập hợp để phản công. Khi tướng Gavin giải thích cho các sĩ quan trong bộ tư lệnh của mình những gì đang được trông đợi ở họ, tham mưu trưởng của ông, đại tá Robert H. Wienecke phản đối, “chúng ta cần hai sư đoàn để làm tất cả chuyện này”. Gavin kiên quyết. “Đúng thế, và chúng ta sẽ làm chúng với một sư đoàn”.

Nhớ lại cuộc tấn công của sư đoàn 82 tại Sicily và ở Ý, nơi binh lính của ông ta có khi bị thả xuống cách khu đổ bộ tới 35 dặm (câu đùa truyền thống trong sư đoàn là “chúng ta toàn dùng phi công mù”), Gavin quyết tâm lần này sẽ đổ bộ người của mình gần như xuống đúng mục tiêu. Theo thứ tự ưu tiên, ông quyết định các mục tiêu của mình: đầu tiên, cao điểm Groesbeek; thứ hai, cây cầu tại Grave; thứ ba, các cầu vượt qua kênh Maas-Waal; và thứ tư, cây cầu qua sông Waal tại Nijmegen. “Vì khả năng quân địch sẽ phản ứng nhanh,” sau này Gavin nhớ lại, “tôi đã quyết định đổ bộ phần lớn quân dù của mình giữa Groesbeek và Reichswald”. Ông chọn hai khu đổ bộ gần Groesbeek chỉ cách cao điểm này gần một dặm rưỡi và cách Nijmegen ba hay bốn dặm về phía nam. Tại đó, các trung đoàn 505 và 508, sau đó thêm cả sở chỉ huy sư đoàn, sẽ đổ bộ. Trung đoàn thứ ba, trung đoàn 504, sẽ đổ xuống sườn tây cao điểm Groesbeek trong khu tam giác giữa sông Maas và kênh đào Maas-Waal, cách đầu phía đông của cây cầu tại Grave 1 dặm và cách các cây cầu qua kênh 2 dặm về phía tây. Để đảm bảo việc chiếm giữ cây cầu quan trọng tại Grave, rất có thể đã bị chuẩn bị sẵn để phá khi cần, một giai đoạn bổ sung của kế hoạch được phát triển trong đó 1 đại đội của trung đoàn 504 sẽ được thả xuống cách đầu phía tây cầu nửa dặm. Trước khi kẻ thù kịp hoàn hồn, trung đoàn 504 cần chiếm lấy cầu từ cả hai đầu.

Hiển nhiên là cây cầu lớn tại Nijmegen là quan trọng nhất trong các mục tiêu của Gavin và là sống còn cho toàn chiến dịch Market Garden. Thế nhưng ông hiểu quá rõ rằng, nếu không chiếm được các mục tiêu khác, bản thân cây cầu vượt sông Waal này sẽ trở nên vô dụng. Tướng Browning cũng đồng ý với ông. Nếu không chiếm được

cây cầu đầu tiên hay nếu kẻ thù chiếm mất cao điểm Groesbeek, hành lang cho lực lượng Garden sẽ không bao giờ có thể khai thông được.

Cho dù lo lắng trước việc lực lượng của mình bị phân tán trên một không gian rộng, Gavin vẫn hài lòng với bản kế hoạch. Có một điều khiến ông áy náy, cũng như nó đã từng làm Taylor bận tâm. Sư đoàn của ông sẽ chỉ thực sự hoàn chỉnh khi các đơn vị trợ chiến tới nơi vào ngày N+1 và N+2, và ông tự hỏi không biết người của ông - vẫn chưa biết gì về Market Garden - sẽ phản ứng ra sao. Tuy thế, trong sư đoàn 82 kỳ cựu, tinh thần vẫn luôn rất cao; rất nhiều binh lính của ông đã nhảy tác chiến tới ba lần. “Jumping Jim” Gavin, 37 tuổi, là chuẩn tướng trẻ nhất của quân đội Mỹ, không hề nghi ngờ rằng binh lính của ông sẽ hoàn thành nhiệm vụ.

Phần việc khó khăn và nguy hiểm nhất của chiến dịch đã được trao cho một viên tướng có sự nghiệp còn khá khiêm tốn, thiếu tướng Robert “Roy” Urquhart, viên sư trưởng 42 tuổi của sư đoàn đổ bộ đường không Anh số 1 cùng lữ đoàn dù Ba Lan phối thuộc.

Không giống như tướng Browning hay các đồng cấp Mỹ của mình, Urquhart, một người lính chuyên nghiệp đã chiến đấu nổi bật tại Bắc Phi, Sicily và Italy, không có kinh nghiệm gì về tác chiến đổ bộ đường không. Đây sẽ là lần đầu tiên ông chỉ huy một sư đoàn đổ bộ trong tác chiến thực sự. Browning đã chọn viên tướng này vì ông “vẫn còn nóng hổi hơi chiến trường”, nhưng Urquhart đã rất ngạc nhiên về sự bổ nhiệm. Ông vẫn nghĩ các đơn vị đổ bộ “được tổ chức riêng rẽ như kiểu các doanh nghiệp gia đình và biệt lập với bên ngoài”. Thế nhưng

Urquhart vẫn tự tin vào khả năng chỉ huy đơn vị tinh nhuệ này của mình. Một khi đã chạm đất thì những nguyên tắc tác chiến cơ bản vẫn không có gì thay đổi, và ông nhìn nhận sự đoàn đồng bộ của mình như “một đơn vị bộ binh được huấn luyện rất chu đáo”.

Bất chấp kinh nghiệm chiến đấu lâu năm, Urquhart vẫn băn khoăn về một việc: ông chưa bao giờ nhảy dù hay ngồi trên một chiếc tàu lượn. “Thậm chí tôi còn có xu hướng say máy bay”, sau này ông nhớ lại. Khi nhậm chức vào tháng 1/1944, chín tháng trước đó, Urquhart đã gợi ý với Browning rằng có lẽ với tư cách là sư trưởng mới, ông cần học qua một khoá huấn luyện nhảy dù. Browning, ấn tượng với vẻ bề ngoài của Urquhart, đã trả lời rằng công việc của Urquhart là chuẩn bị sẵn sàng sự đoàn của mình cho cuộc đổ bộ lên lục địa. Nhìn viên tướng người Scotland cao sáu bộ nặng 200 cân Anh này, Browning nói thêm, “Để việc nhảy dù cho đám thanh niên.”

Trong suốt những tháng dài huấn luyện, Urquhart “thường cảm thấy như một kẻ lạc lõng”. Ông biết mình “bị quan sát chặt chẽ; không phải với sự thù địch, cho dù một số sĩ quan nhảy dù vẫn giữ thái độ hoài nghi và nhiều người còn chẳng buồn dấu điểm ý nghĩ của mình. Tôi đang bị thử thách; mọi hành động của tôi đều bị đánh giá. Đó là một vị thế chẳng dễ chịu gì, nhưng tôi chấp nhận nó”. Dần dần, sự tự tin và chắc chắn của Urquhart trong việc chỉ huy sự đoàn đã lấy được niềm tin của các sĩ quan. Và trong binh lính, Urquhart còn được vì nề hơn ông ngờ tới. Binh nhì James W. Smith, thuộc lữ đoàn nhảy dù số 1, nhớ lại “sự tự tin và bình tĩnh của sư trưởng”. Thượng sĩ John Rate, ở sở chỉ huy sự đoàn, có cảm giác “Urquhart không nề hà làm bất cứ

việc gì. Ông ta không bắt ai làm thay mình. Tư lệnh không hề tỏ ra quan cách". Hiệu thính viên John Pearce gọi tư lệnh của mình "là một gã to vâm thật cừ. Ông ta gọi chúng tôi là "con trai" hay dùng tên riêng nếu ông biết". Và từ thượng sĩ Roy Ernest Hatch, thuộc trung đoàn lái tàu lượn, Urquhart nhận được lời tán dương nhiệt tình nhất. "Ông ấy," Hatch nhận xét, "là một ông tướng bình dân sẵn sàng làm những việc của một anh chàng thượng sĩ".

Trước sự thất vọng của Urquhart, sư đoàn của ông không được chọn cho chiến dịch Normandy, và "mùa hè trôi qua thật nặng nề, hết kế hoạch này đến kế hoạch khác được chuẩn bị chỉ để rồi bị bãi bỏ." Lúc này, đám "Quý đỏ" của ông "đang nóng lòng muốn được xung trận". Họ gần như đã tuyệt vọng. "Chúng tôi tự gọi mình là "sư đoàn chết lưu", thiếu ta George S.Powell của lữ đoàn dù số 4 nhớ lại. "Chúng tôi bảo nhau có lẽ chúng tôi bị giữ lại dùng cho lễ duyệt binh mừng chiến thắng". Như Urquhart nhận định, "có một tâm trạng rất nguy hiểm pha trộn cả chán chường lẫn bức bối thâm nhập vào cuộc sống của chúng tôi. Chúng tôi đã được huấn luyện đến mức hoàn thiện nhất và tôi biết nếu không nhập cuộc nhanh, chúng tôi sẽ mất nó. Chúng tôi đã sẵn sàng và chấp nhận bất cứ nhiệm vụ nào, với tất cả những từ "nếu"".

Mục tiêu chính của Urquhart- tâm điểm của chiến dịch Market Garden – là cây cầu bằng sắt và bê tông bắc qua sông Rhine hạ tại Arnhem. Thêm vào đó, người của Urquhart còn có thêm hai mục tiêu thứ yếu nữa: một cây cầu phao gần đó và một cây cầu xe lửa hai làn nằm ở phía thượng lưu, cách thành phố hai dặm rưỡi về phía tây.

Nhiệm vụ của Urquhart đặt ra một loạt khó khăn. Hai trong số đó đặc biệt đau đầu. Những thông báo về mật độ hỏa lực phòng không dày đặc trong khu vực cho thấy nhiều đơn vị địch đang tập trung ở lân cận cầu Arnhem. Và Urquhart cảm thấy lo lắng về thời gian 3 ngày cần thiết để đưa toàn bộ lực lượng Anh và Ba Lan tới mục tiêu. Cả hai khó khăn này đều có ảnh hưởng trực tiếp tới sự lựa chọn khu đổ quân của Urquhart. Không giống như các sư đoàn 82 và 101, ông không thể chọn được khu đổ quân ở đúng địa điểm hay gần mục tiêu chính. Lý tưởng ra, ông cần đổ bộ lực lượng của mình gần cầu Arnhem ở cả hai bên bờ sông, nhưng địa hình ở đây lại không hề lý tưởng cho việc này.

Ở ngay đầu cầu phía bắc là khu trung tâm đông dân cư của Arnhem. Gần đầu cầu phía nam, các bãi đất thấp, theo những thông tin có được, đều quá lầy cho đổ quân hay đáp tàu lượn.

« Một số sĩ quan dưới quyền tôi, » Urquhart nhớ lại, « sẵn sàng đổ bộ xuống đầu cầu phía nam, cho dù đó là vùng đầm lầy. Thậm chí, một số còn chấp nhận mạo hiểm nhảy dù xuống đầu cầu phía bắc – vào chính thành phố. »

Vào tuần trước đó, các phi hành đoàn máy bay ném bom khi trở về đã báo cáo rằng mật độ hỏa lực phòng không đã tăng 30% ở gần cầu Arnhem và từ sân bay Deelen nằm cách đó 7 dặm về phía bắc. Kết quả là các chỉ huy của RAF theo kế hoạch sẽ kéo các tàu lượn chở lính của Urquhart đã kịch liệt phản đối lại việc đổ bộ xuống các vùng gần

cầu Arnhem. Nếu bãi đổ bộ được chọn ở đầu cầu phía nam, máy bay kéo tàu lượn ngoặt lên phía bắc sau khi thả tàu lượn sẽ rơi vào khu vực hoả lực phòng không dày đặc trên không phận sân bay. Ngoặt xuống phía nam cũng tệ chẳng kém ; các máy bay này có nguy cơ sẽ đâm phải máy bay thả sư đoàn 82 xuống gần Nijmegen, cách đó 11 dặm. Urquhart phải đối mặt với một lựa chọn : hoặc kiên quyết yêu cầu RAF thả quân của ông xuống gần cầu, hoặc chọn bãi đổ bộ xa hơn, ở phía ngoài Arnhem, cùng với tất cả những nguy cơ đi cùng sự lựa chọn này - chậm trễ, mất yếu tố bất ngờ, khả năng bị quân Đức kháng cự mạnh. Nguy hiểm càng lớn hơn vì vào ngày N, Urquhart sẽ chỉ có một phần sư đoàn của mình trong tay. « Khó khăn của tôi là làm sao mang được đủ người trong đợt đổ bộ đầu tiên », Urquhart nhớ lại, « không chỉ để chiếm cây cầu chính trong thành phố, mà còn để kiểm soát và bảo vệ các bãi đổ bộ và bãi nhảy dù cho các đợt đổ quân tiếp theo. Để chiếm cây cầu chính trong ngày đầu, lực lượng tôi có bị rút xuống chỉ còn vền vền một lữ đoàn dù ».

Đối mặt với những hạn chế này, Urquhart yêu cầu Browning cho thêm máy bay. Theo viên sư đoàn trưởng, ông đã nói với tư lệnh quân đoàn, « rằng người Mỹ có tất cả những gì họ cần ». Browning không đồng ý. Sự phân phối máy bay, ông cam đoan với Urquhart, « hoàn toàn dựa trên mức độ ưu tiên của nhiệm vụ và không phải do bất cứ sức ép nào từ phía Mỹ ». Ông này giải thích, toàn bộ chiến dịch được thực hiện từ nam lên bắc, « từ đáy lên đến đỉnh » ; các mục tiêu tại khu vực phía nam và trung tâm hành lang cần « được chiếm trước tiên để có đường tiến cho lực lượng mặt đất. Nếu không, sư đoàn 1 sẽ bị xoá sổ ».

Trong xe chỉ huy của quân đoàn trưởng được Browning dùng làm sở chỉ huy tại sân golf Moor Park, Urquhart cúi người xuống nhìn những tấm bản đồ và cân nhắc tình hình. Có một số khu vực trống trải ở phía bắc Arnhem trong một khu vườn quốc gia, nhưng những khu này quá nhỏ và địa thế lại không phù hợp. Cố lắm, những địa điểm này có thể dùng cho một lực lượng dù nhỏ đổ quân, nhưng không thể tiếp nhận tàu lượn được. Khả năng thay thế duy nhất là đổ quân xuống vùng đồng cỏ nằm bên rìa rừng thông và những dải đất trống rộng nằm cao hơn mực nước biển 250 bộ, nằm ở phía tây và tây bắc Arnhem. Các dải đất trống này phẳng và không lầy lún, lý tưởng cho quân nhảy dù và tàu lượn. Các khu này hoàn hảo về mọi mặt trừ một điều : chúng nằm cách cầu Arnhem từ 6 đến 8 dặm. Vấp phải sự phản đối liên tục từ phía RAF không chấp nhận thực hiện đổ quân xuống gần cầu, Urquhart miễn cưỡng quyết định chọn các bãi đổ bộ ở xa. « Chẳng thể làm gì hơn, » ông nhớ lại, « ngoài việc chấp nhận rủi ro và lập kế hoạch khắc phục chúng. Tôi không có sự lựa chọn nào khác ».

Vào ngày 12/9, Urquhart đã hoàn tất kế hoạch của mình. Được khoanh ra trên bản đồ là năm khu đổ quân và đáp tàu lượn rải dọc tuyến đường sắt Arnhem – Amsterdam ở lân cận Wolfheze, cách Arnhem khoảng 4 dặm về phía tây bắc. Ba khu nằm về phía bắc Wolfheze và hai về phía nam, các khu phía nam tạo thành một hình tứ giác lệch rộng chừng 1 dặm vuông. Tất cả đều nằm cách cầu Arnhem ít nhất 6 dặm ; khu xa nhất, ở phía tây bắc Wolfheze, cách đến 8 dặm.

Vào ngày N 2 lữ đoàn sẽ đổ quân - lữ đoàn đổ bộ số 1 của thượng tá Philip « Pip » Hick, theo kế hoạch có nhiệm vụ bảo vệ các khu đổ quân, và lữ đoàn dù số 1 của thượng tá Gerald Lathbury, đơn vị này sẽ đột kích tới Arnhem và chiếm xa lộ, đường sắt và cầu phao. Đi đầu sẽ là một phân đội trinh sát cơ giới được trang bị xe jeep và mô tô. Urquhart trông cậy vào lực lượng tinh nhuệ của thiếu tá C.F.H. « Freddie » Gough gồm 275 người – đơn vị duy nhất kiểu này trong toàn quân đội Anh - để tiến tới cây cầu đường bộ và giữ lấy nó cho tới khi phần còn lại của lữ đoàn tới nơi.

Ngày hôm sau, N+1, lữ đoàn dù số 4 của thượng tá John « Shan » Hackett dự kiến sẽ tới nơi, cùng với phần còn lại của lữ đoàn đổ bộ ; và vào ngày thứ ba, lữ đoàn dù Ba Lan số 1 của thiếu tướng Stanislaw Sosabowski sẽ đổ quân. Urquhart đã đánh dấu một bãi đổ bộ thứ 6 cho lực lượng Ba Lan. Vì kế hoạch dự kiến rằng, vào ngày N+2, cầu đã được chiếm giữ và các khẩu đội phòng không bị vô hiệu hoá, lực lượng Ba Lan dự kiến sẽ được thả xuống bờ nam sông Rhine hạ gần làng Elden cách cây cầu Arnhem khoảng 1 dặm về phía nam.

Bất chấp những rủi ro phải chấp nhận, Urquhart cảm thấy tự tin. Ông tin rằng ông có « một chiến dịch khả thi và một kế hoạch tốt ». Tổng thất, ông nghĩ, sẽ « vào khoảng 30% » ; tính đến ý nghĩa quan trọng của cuộc tấn công, ông không cho rằng cái giá này là quá cao. Vào sớm tối ngày 12/9, ông phổ biến cho các chỉ huy dưới quyền về chiến dịch và, Urquhart nhớ lại, « mọi người đều có vẻ hài lòng với kế hoạch ».

Tuy vậy, cũng có một sĩ quan tỏ ra nghi ngờ. Thiếu tướng Stanislaw Sosabowski, viên tư lệnh 52 tuổi từng trải của lữ đoàn dù Ba Lan số 1, tin rằng « chúng ta sẽ có một trận đánh ác liệt ». Người cựu giảng viên của học viện quân sự Ba Lan trước chiến tranh đã từng bày tỏ quan điểm của mình với Urquhart và Browning khi ông lần đầu tiên nghe tới chiến dịch Comet. Vào lúc ấy ông đã yêu cầu Urquhart ra lệnh viết cho ông để « tôi không phải chịu trách nhiệm về thảm họa ». Cùng Urquhart ông đã tới gặp Browning và nói với ông này rằng « nhiệm vụ này không thể thực hiện thành công được ». Browning hỏi vì sao. Như Sosabowski nhớ lại, « tôi đã nói với ông ta rằng cố thử thực hiện điều đó với lực lượng chúng tôi có sẽ chẳng khác gì tự sát và Browning đã trả lời, « Nhưng, ngài Sosabowski thân mến, những con quỷ đỏ và các chàng trai Ba Lan kiêu hùng có thể làm bất cứ điều gì ».

Giờ đây, một tuần sau, trong khi ông nghe Urquhart nói, Sosabowski nghĩ, « người Anh không chỉ đánh giá thấp sức mạnh của bọn Đức ở vùng Arnheim một cách rất chủ quan, mà thậm chí có vẻ họ còn chẳng hiểu nổi Arnheim quan trọng đến thế nào với đế chế ». Sosabowski tin rằng với quân Đức Arnheim chính là « cửa ngõ vào nước Đức, và tôi không trông đợi bọn Đức sẽ bỏ ngõ nơi này ». Ông cũng không tin rằng « những đơn vị đóng trong khu vực là những đơn vị kém cỏi, với chỉ vài chiếc xe tăng cũ kỹ làm cảnh ». Ông thực sự phát hoảng khi Urquhart nói với các tư lệnh lữ đoàn rằng sư đoàn 1 sẽ đổ quân « xuống cách mục tiêu ít nhất 6 dặm ». Để tới được cây cầu lực lượng chủ yếu sẽ phải « mất năm giờ hành quân bộ ; nếu thế thì làm sao có

thể đảm bảo yếu tố bất ngờ ? Bất cứ gã Đức ngu ngốc nào cũng có thể đoán ra lập tức kế hoạch của chúng ta ».

Có một phần nữa trong bản kế hoạch Sosabowski cũng không đồng ý. Khí tài nặng và đạn dành cho lữ đoàn của ông theo kế hoạch sẽ được chở bằng tàu lượn trong một đợt đổ quân sớm hơn. Như vậy, dự trữ của lữ đoàn ông sẽ nằm ở khu đổ bộ phía bắc trong khi binh lính của ông lại đổ quân xuống bờ nam. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu khi lực lượng Ba Lan tới cầu vẫn chưa chiếm được ? Trong lúc Urquhart phổ biến kế hoạch, Sosabowski kinh ngạc vô lễ rằng, nếu lúc đó cầu vẫn bị quân Đức chiếm, lực lượng Ba Lan của ông sẽ có trách nhiệm phải chiếm lấy nó.

Bất chấp sự lo ngại của mình, trong buổi họp ngày 12/9 ông vẫn im lặng. « Tôi nhớ Urquhart hỏi xem có ai có câu hỏi nào không, và chẳng ai hỏi gì cả, » ông nhớ lại. « Tất cả ngồi bắt chéo chân uể oải, có vẻ chán. Tôi những muốn nói gì đó về cái kế hoạch bất khả thi này, nhưng chỉ đơn giản là tôi không thể. Tôi vốn đã sẵn không được lòng mọi người, và hơn nữa liệu có ai nghe không ? »

Sau đó, khi toàn bộ kế hoạch đổ bộ được đưa ra duyệt lại trước tất cả các tư lệnh tại sở chỉ huy của Browning, nhiều người khác đã rất lo ngại về phần kế hoạch của người Anh nhưng cả họ cũng giữ im lặng. Chuẩn tướng James M.Gavin, tư lệnh sư đoàn 82 của Mỹ, đã ngạc nhiên khi nghe sự lựa chọn bãi đổ bộ của Urquhart đến mức ông đã nói với phụ trách tác chiến của mình, trung tá John Norton, « Chúa ơi, ông ta không đùa đấy chứ ». Norton cũng kinh ngạc không kém. «

Không đâu, » ông này đáp, « nhưng tôi sẽ chẳng muốn thử nó ». Theo Gavin, thà rằng chịu chấp nhận 10% tổn thất ngay khi đổ quân để đổ bộ xuống gần hay đúng cầu còn hơn chấp nhận những nguy cơ khi đổ quân xa mục tiêu như vậy ». Ông thấy ngạc nhiên khi tướng Browning không hề hỏi gì về kế hoạch của Urquhart ». Nhưng Gavin vẫn không nói gì « vì tôi tự nhủ rằng người Anh, với kinh nghiệm tác chiến dày dạn của mình, hiểu rõ họ đang làm gì ».

Thiếu tá Sepp Kraff không có ý định di chuyển lần nữa nếu có thể tránh được. Trong vài tuần vừa qua tiểu đoàn dự bị và huấn luyện lính tòng thiết SS đã hao hụt của anh ta đã bị điều ngang điều dọc như đèn cù khắp Hà Lan. Lúc này, sau chỉ 5 ngày, đơn vị lại bị ra lệnh phải rời khỏi làng Oosterbeek- và lại không phải bởi một thượng cấp của Kraff, mà bởi một tay thiếu tá Wehrmacht.

Kraff nóng nảy phản đối. Phần lớn trong số 3 đại đội của anh ta đang đóng trong làng, phần còn lại ở Arnhem, và còn 1000 lính SS mới mộ dự kiến sẽ tới bất cứ lúc nào để huấn luyện. Tay thiếu tá Wehrmacht phớt lờ. « Tôi không quan tâm đến những điều đó, » tay này nói với Kraff, « ông phải rời khỏi đây ». Kraff phản đối. Viên sĩ quan 37 tuổi đầy tham vọng chỉ chấp hành mệnh lệnh từ cấp trên SS của mình. « Tôi từ chối », anh ta nói. Tay sĩ quan Wehrmacht không hề nao núng. « Để tôi nói cho ông rõ, » tay này đáp, « ông phải rời khỏi đây vì sở chỉ huy của Model sẽ tới đây ».

Kraff chịu nhũn liền. Anh ta chẳng có hứng chọc tức thống chế Walter Model. Tuy thế, cái lệnh thật bực mình. Kraff dọn đi, nhưng cũng

chẳng xa. Anh ta quyết định đóng quân của mình trong rừng và các trang trại ở phía tây bắc Oosterbeek, không xa làng Wolfheze là mấy. Địa điểm anh ta chọn tình cờ lại nằm dọc đường Wolfheze, gần như nằm giữa những khu đánh dấu trên bản đồ tại Anh cho lực lượng của sư đoàn đổ bộ đường không số 1, đồng thời cũng án ngữ đường tới Arnhem.

Henry Knap, chỉ huy tình báo của lực lượng kháng chiến ngầm tại Arnhem, cảm thấy an toàn trong vai mới của mình. Để tránh cho vợ và hai đứa con gái khỏi bị liên lụy vì hoạt động của mình, anh đã rời khỏi nhà 4 tháng trước và dọn tới cách nhà vài phố. Địa chỉ hoạt động của anh lúc này là phòng mạch của một bác sĩ đa khoa, ông Leo C.Breebaart. Knap giờ đây là « phụ tá » của ông bác sĩ, và một số « bệnh nhân » là các liên lạc viên và điệp viên thuộc lưới tình báo của anh : 40 người cả nam lẫn nữ cùng một số thanh niên trẻ vị thành niên.

Công việc của Knap rất tốn thời gian và tỉ mỉ. Anh phải đánh giá các thông tin nhận được, sau đó chuyển đi bằng điện thoại. Chỉ huy kháng chiến tại Arnhem, Pieter Kruyff, đã đưa cho Knap 3 số điện thoại, mỗi số có 12 đến 15 chữ số, và dặn anh học thuộc lòng. Knap không bao giờ biết anh liên lạc đi đâu và với ai. Chỉ dẫn dành cho anh là quay từng số điện thoại cho tới khi thiết lập được liên lạc.

Thu thập thông tin tình báo thậm chí còn phức tạp hơn. Yêu cầu của Knap được chuyển xuống mạng lưới, và anh không bao giờ biết điệp viên nào sẽ thu thập thông tin. Nếu một thông tin nào đó có vẻ đáng

ngờ, Knap sẽ tự kiểm tra lại. Vào lúc này anh đang cảm thấy bối rối trước một số thông báo về hoạt động của quân địch tại Oosterbeek.

Một sĩ quan Đức mang phù hiệu bộ tham mưu, thiếu tá Horst Smockel, đã tới một số cửa hàng tại Renkum, Oosterbeek, và Arnhem và yêu cầu chuyển một số nhu yếu phẩm tới khách sạn Tafelberg ở Oosterbeek. Cái mà Knap thấy tò mò là những yêu cầu này ; trong số chúng có những đồ ăn khó kiếm và những thứ hàng đặc biệt mà dân chúng Hà Lan hầu như không còn trông thấy nữa, như rượu gin Genever.

Thêm vào đó, lính thông tin Đức cũng đang gấp rút mắc điện thoại vào một số khách sạn ngoại ô, trong đó có Tafelberg. Knap linh cảm rằng câu trả lời đã hiển nhiên : một sở chỉ huy cao cấp đang chuyển tới Oosterbeek. Nhưng sở chỉ huy nào vậy ? Viên chỉ huy này là ai ? Và ông ta đã tới chưa ?

Với Knap, quan trọng hơn cần cập nhật tình hình lực lượng địch tại vùng quanh Arnhem. Anh này biết có các nhân viên tình báo khác gửi thông tin về trung tâm từ mỗi thành phố và anh chỉ “là một mắt lưới nhỏ trong một mạng lưới thu thập tin rộng lớn”. Kết quả là, rất có thể có nhiều việc sẽ trùng lặp nhau. Tuy thế, mọi thông tin đều quan trọng, vì “những gì một nhóm bỏ sót, chúng tôi có thể thu lượm được”.

Hai tuần trước đó, như anh nhớ lại sau này, “gần như không có tên Đức nào ở vùng Arnhem”. Sau đó, tình hình quân sự thay đổi

hắn. Giờ đây, Knap ngổ ngàng trước sự củng cố lực lượng của quân Đức. Từ mạng của anh, Knap đã được báo trong 7 ngày trước rằng “tàn quân của nhiều sư đoàn, bao gồm cả các đơn vị panzer, đang trong quá trình tái tổ chức tại Arnhem và vùng phụ cận hoặc đang di chuyển về Đức.” Đến lúc này, những tin cụ thể hơn lại tới. Điệp viên của anh thông báo về sự có mặt của xe tăng ở phía bắc và đông bắc Arnhem. Knap tin rằng “một số đơn vị của ít nhất một hay hai sư đoàn panzer” đang có mặt trong vùng, nhưng địa điểm và phiên hiệu cụ thể của chúng tới lúc này vẫn chưa được xác định.

Knap muốn có các chi tiết lập tức. Anh gấp rút yêu cầu mạng lưới của mình. Anh yêu cầu có thêm thông tin chính xác hơn về hoạt động của lực lượng panzer và anh cũng muốn biết lập tức tên, cấp bậc của “khách trọ mới” của khách sạn Tafelberg.

Anh thanh niên 25 tuổi Wouter van de Kraats chưa bao giờ nghe nói đến Henri Knap. Nhân mối liên lạc của anh trong lực lượng kháng chiến ngầm là một người đàn ông anh chỉ biết là “Jansen” đang sống ở Arnhem. Jansen có một nhiệm vụ mới cho anh này – khách sạn Tafelberg. Anh được biết một sĩ quan Đức cao cấp đã tới khách sạn và Van de Kraats phải xem xem có chiếc xe nào đỗ bên ngoài “có mang phù hiệu hay cờ hiệu” không. Nếu có, anh cần thông báo lại màu và biểu tượng trên phù hiệu.

Van de Kraats đã nhận thấy sự tăng cường hoạt động của bọn Đức quanh khách sạn. Quân cảnh Đức và lính gác được bố trí trong khu vực. Khó khăn của anh là làm thế nào qua được bọn lính gác trên

đường và đi ngang qua Tafelberg. Anh quyết định công khai đi bừa qua.

Khi anh tới gần khách sạn, anh lập tức bị một tên lính gác chặn lại. “Nhưng tôi phải đi qua,” Van de Kraats nói với tay Đức. “Tôi làm việc ở cây xăng đầu phố”. Tay lính Đức để anh thanh niên đi qua. Ba tên lính gác khác chỉ nhìn theo anh soi mói. Sau đó, khi Van de Kraats đi ngang qua khách sạn Tafelberg, anh liếc nhanh về phía lối vào và bãi đỗ xe. Không có chiếc xe nào đỗ ở đó có mang bất cứ phù hiệu nào, nhưng gần cổng trước khách sạn có dựng một tấm biển kim loại màu đen, đỏ, và trắng – ký hiệu của một chỉ huy cụm quân Đức.

Vào chiều ngày thứ năm 14/9, Henri Knap nhận tin từ mạng lưới của mình. Một số nguồn cho anh biết những đơn vị lớn lính panzer, xe tăng và xe bọc thép đóng theo một vòng cung ở phía bắc Arnhem. Cũng có các đơn vị tại Beekbergen, Epse, và dọc sông Ijssel. Thậm chí còn có một thông báo đáng kinh ngạc về sự có mặt của “20 đến 30 xe tăng Tiger”. Chính xác có bao nhiêu đơn vị, anh không thể đoán chắc được. Anh có thể xác định chính xác phiên hiệu một đơn vị nhờ một phù hiệu. Một trong số các điệp viên của anh đã ghi nhận “ một phù hiệu lạ - hình chữ F lộn ngược với một quả bóng ở dưới chân- trên một số xe tăng. Kiểm tra lại trong một cuốn danh sách các đơn vị Đức, Knap đã xác định được đơn vị này. Anh lập tức gọi điện thoại cho đầu mối liên lạc của mình và thông báo sự có mặt của sư đoàn Panzer SS số 9 Hohenstaufen . Theo thông tin của người điệp viên, Knap nhận định đơn vị này đóng quân về phía bắc giữa Arnhem và Apeldoorn và từ đó về phía đông tới Zutphen.

Ngay sau đó anh nhận được tin về khách sạn Tafelberg. Anh cũng kiểm tra lại tin này. Tám biển màu đen, đỏ và trắng đã nói lên tất cả. Chỉ có một tư lệnh cụm quân Đức tại khu vực này của mặt trận phía tây. Cho dù Knap chuyển tin này đi như một thông tin chưa chắc chắn, nhưng anh tin rằng viên sĩ quan này hẳn là thống chế Walter Model.

Cách Oosterbeek 25 dặm về phía đông, trong sở chỉ huy của quân đoàn panzer SS số 2 của mình tại một lâu đài nhỏ nằm ở ngoại ô Doetinchem, tướng Wilhem Bittrich chủ trì một cuộc họp với tư lệnh hai sư đoàn còn lại của mình. Bittrich đang bức bối, cố gắng lắm mới giữ được sự tự chủ. Triển vọng cho quân đoàn panzer đã toi tả của ông ta lúc này còn tệ hơn một tuần trước đó. Bittrich đã bồn chồn chờ đợi tăng viện về người, xe và phụ tùng. Không có gì tới cả. Ngược lại, lực lượng của ông còn bị rút bớt đi. Ông ta đã được lệnh gửi hai đơn vị chiến đấu ra mặt trận. Một đang cùng đạo quân số 7 cố gắng chặn người Mỹ gần Aachen; đơn vị kia được cử đi tiếp viện cho đạo quân dù số 1 của tướng Kurt Student sau khi xe tăng Anh đột kích thành công qua phòng tuyến kênh đào Albert, vượt qua kênh Meuse-Escaut và chiếm được một đầu cầu tại Neerpelt gần như ngay trên biên giới Hà Lan. Lúc này, trong khi quân Anh đang tập trung lực lượng để tiếp tục tấn công- một cuộc tấn công mà phụ trách tình báo cụm quân B coi là “cận kề”- Bittrich đã nhận được từ Berlin một “mệnh lệnh diên rồ từ những thằng khùng ở Berlin”. Một trong các sư đoàn đã toi tả của ông sẽ bị tước hết xe và chuyển về Đức.

Đã từng là đảng viên Nazi tích cực, lúc này Bittrich cay độc chỉ trích mệnh lệnh. Ông “phát ốm và phát chán lên vì những mệnh lệnh của Berlin và đám nịnh thần bầu đầy quanh Hitler chỉ biết hót ra đủ trò nhảm nhí”. Can đảm và có năng lực, Bittrich đã trải qua phần lớn cuộc đời mình trong bộ quân phục. Trong thế chiến thứ nhất, ông ta là một trung úy trong không lực Đức và đã từng bị thương hai lần. Sau đó, trong vài năm, ông làm việc trong một văn phòng chứng khoán. Sau đó, quay trở lại quân đội, Bittrich gia nhập lực lượng Luftwaffe mới được thành lập nhưng đến khi ngoài ba mươi tuổi ông ta chuyển sang lực lượng Waffen SS, nơi việc thăng tiến thuận lợi hơn.

Tại Normandy, niềm tin của Bittrich vào tài chỉ huy của Hitler bắt đầu lung lay. Ông ra mặt ủng hộ thống chế Rommel chống lại triết lý “điên khùng chống giữ đến người cuối cùng” của Hitler. Có lần ông đã tâm sự với Rommel rằng “chúng ta bị chỉ đạo tồi đến mức tôi không thể nào thi hành những mệnh lệnh vô lý đó được nữa. Tôi chưa từng là một robot và không có ý định trở thành như vậy”. Sau vụ ám mưu ngày 20/7, khi ông ta được biết chỉ huy trước đây của mình, đại tướng Eric Hoepner, bị buộc tội tham dự vào âm mưu, bị treo cổ, Bittrich đã phẫn nộ lớn tiếng nói với ban tham mưu của mình rằng “đây là ngày đen tối nhất trong lịch sử quân đội Đức”. Những chỉ trích công khai của Bittrich nhằm vào khả năng quân sự của Hitler đã đến tai Berlin. Và như Bittrich sau này nhớ lại, “những nhận xét của tôi đã được báo lại cho thủ lĩnh SS, Reichsfuhrer Heinrich Himmler, và cái tên Bittrich sau đó không còn được nhắc tới tại bản doanh của Hitler nữa”. Chỉ tình hình nguy ngập của mặt trận phía

tây, một hoàn cảnh đòi hỏi đến năng lực của những người như Bittrich, và sự thông cảm của những chỉ huy cấp trên đã giúp ông không bị triệu hồi. Mặc dầu vậy, Himmler vẫn “mong muốn tôi quay về Đức để trao đổi một chút”. Bittrich không hề có chút ảo tưởng nào về lời mời của Himmler. Cả Model cũng vậy. Ông này đã kiên quyết giữ Bittrich ở lại phía tây và thẳng thừng từ chối chấp nhận yêu cầu của Himmler đề nghị gửi Bittrich về Đức.

Lúc này Bittrich phần nộ thông báo lại chủ định cuối cùng của Berlin cho tư lệnh các sư đoàn của ông - thiếu tướng SS Heinz Harmel của sư đoàn 10 Frunsberg và trung tá SS Walter Harzer của sư đoàn 9 Hohenstaufen. Bittrich thông báo với Harzer- người đã nghe phong thanh về kế hoạch từ tham mưu trưởng của Model, trung tướng Hans Krebs-rằng sư đoàn 9 của ông ta sẽ lập tức quay về Đức, đóng quân gần Siegen ở phía đông bắc Koblenz. Sư đoàn 10 của Harmel sẽ ở lại Hà Lan. Nó sẽ được củng cố lại và tăng cường tại vị trí đóng quân hiện nay ở phía đông và đông nam Arnhem, sẵn sàng tham chiến trở lại.

Viên sư trưởng 38 tuổi Harmel, mà tính tình vui vẻ đã khiến ông ta được thuộc cấp đặt biệt danh “bố già Frunsberg”, chẳng hề hứng thú gì trước quyết định này. Theo ông, “Bittrich, như thường lệ, lại tỏ ra thiên vị sư đoàn Hohenstaufen, có lẽ vì đó đã từng là sư đoàn của ông ta trước khi ông ta lên làm tư lệnh quân đoàn và cũng có thể vì Harzer đã từng là tham mưu trưởng của ông ta”. Cho dù ông không nghĩ rằng “Bittrich cố tình thiếu công bằng, dường như luôn là phía Hohenstaufen nhận được phần hời”.

Người đồng nhiệm trẻ tuổi hơn của ông ta, viên sư trưởng 32 tuổi Walter Harzer, khoan khoái trước tin này, cho dù anh ta nghĩ “triển vọng được về Berlin nghỉ phép xem ra không hiện thực lắm”. Lý tưởng ra, sau khi chinh đốn anh ta hy vọng có trong tay “một sư đoàn Hohenstaufen mới tinh”. Viên sư trưởng cứng cỏi Harzer, khuôn mặt hằn một vết sẹo, tràn đầy hy vọng đạt được tham vọng của mình: được cất nhắc lên một cấp bậc tương xứng với tư lệnh một sư đoàn SS - cấp thiếu tướng. Tuy thế, khi Bittrich phổ biến toàn bộ kế hoạch, có một chi tiết không lọt tai Harzer chút nào.

Cho dù đã tổn thất nặng, sư đoàn của anh ta vẫn còn mạnh hơn sư đoàn của Harmel. Thay vì quân số 9000 người thông thường, sư đoàn Hohenstaufen chỉ có 6000 người, sư đoàn Frunsberg chừng 3500. Harzer có chừng 20 xe tăng kiểu V Panther, nhưng không phải tất cả đều sử dụng được. Tuy vậy, anh ta có trong tay một số lượng đáng kể xe bọc thép: pháo tự hành, xe thiết giáp và 40 xe chở quân bọc thép, tất cả đều trang bị trọng liên, một số được lắp pháo. Sư đoàn Frunsberg của Harmel hầu như không còn chiếc tăng nào và thiếu trầm trọng mọi loại phương tiện cơ giới. Cả hai sư đoàn đều còn một lực lượng mạnh đại bác, cối và súng phòng không. Để củng cố sư đoàn Frunsberg, đơn vị sẽ tiếp tục ở lại, Bittrich nói, Harzer cần chuyển giao càng nhiều càng tốt phương tiện cơ giới và phụ tùng cho Harmel. Harzer cảm thấy ngò vức. “Trong thâm tâm,” Harzer sau này nhớ lại, “tôi thừa biết rằng nếu tôi chuyển giao số xe tăng và xe bọc thép ít ỏi tôi có cho Harmel, chúng sẽ chẳng bao giờ được thay thế”. Harzer không phản đối quyết định này, nhưng anh ta không hề

có ý định chuyển giao hết xe cộ của mình.

Harzer đã từ lâu học được cách vun vén cho lực lượng của sư đoàn mình. Anh ta có nhiều xe hơn là Bittrich ngò tới – bao gồm cả những chiếc xe jeep của Mỹ chiếm được dọc đường rút lui khỏi Pháp. Anh ta quyết định tâng lò mệnh lệnh bằng “vài thao tác trên giấy tờ”. Bằng cách tháo xích, bánh xe hay súng khỏi xe của mình, anh ta có thể làm chúng trở nên không sử dụng được cho tới khi tới Đức. Trong lúc đó, chúng sẽ được đưa vào danh sách trả lời trên bảng thống kê phương tiện của sư đoàn như là các khí tài hư hỏng.

Ngay cả với binh lính và phương tiện cơ giới điều từ sư đoàn của Harzer sang tăng cường, Bittrich tiếp tục, sư đoàn Frunsberg vẫn quá yếu. Chỉ có một cách để nhấn mạnh tính khẩn cấp của tình hình cho Berlin: trình bày thực tế trực tiếp với sở chỉ huy tác chiến của lực lượng SS. May ra lúc đó binh lính và phương tiện tăng cường sẽ được điều tới. Nhưng Bittrich không hề có ý định quay về Berlin; Harmel được chỉ định làm sứ giả trong sự ngạc nhiên của ông này.

“Tôi không biết tại sao ông ấy chọn tôi thay vì chọn Harzer”, Harmel nhớ lại, “nhưng chúng tôi cần gấp người và phương tiện; và có lẽ Bittrich nghĩ rằng một sĩ quan cấp tướng sẽ có trọng lượng hơn. Tất cả chuyện này cần được giữ kín với thống chế Model. Và vì chúng tôi không nghĩ sẽ có biến động gì ở khu vực Arnhem, chúng tôi quyết định rằng tôi sẽ về Berlin vào tối ngày 16/9”.

Việc chuyển giao phương tiện giữa hai sư đoàn và việc di chuyển

sư đoàn Hohenstaufen đã bị tước bớt trang bị về Đức, Bittrich ra lệnh, cần bắt đầu lập tức. Trong khi kế hoạch được thực hiện, ông nói thêm, thống chế Model muốn một số nhóm tấn công cơ động được tổ chức sẵn sàng chờ điều động trong trường hợp khẩn cấp. Kết quả là Harzer ngầm quyết định rằng những đơn vị khá nhất của anh ta sẽ di chuyển sau cùng. Bittrich dự kiến việc chuyển giao vũ khí và chuyển quân sẽ hoàn tất vào ngày 22/9. Vì mỗi ngày có 6 chuyến tàu về Đức, Harzer nghĩ việc chuyển quân có thể hoàn tất sớm hơn. Anh này tin rằng những đơn vị cuối cùng và cũng là khá nhất của mình sẽ quay về Đức trong vòng 3 ngày tới - có thể vào chiều ngày 17/9.

Một tin đồn đáng lo ngại đang lan truyền. Cho tới ngày 14/9, một số sĩ quan cao cấp Đức tại Hà Lan đang nói tới một cuộc tập kích đường không có thể sẽ diễn ra.

Câu chuyện này bắt đầu từ một cuộc trao đổi giữa phụ trách tác chiến của Hitler, đại tướng Alfred Jodl, và tổng tư lệnh phía tây, thống chế Von Runstedt. Jodl lo ngại rằng Đồng minh có thể tấn công Hà Lan từ phía biển. Nếu Eisenhower làm theo chiến thuật thông thường của ông ta, Jodl nói, lực lượng đổ bộ đường không sẽ được đổ xuống mở đường cho cuộc đổ bộ đường biển. Von Runstedt, cho dù nghi ngờ giả thiết này (ông này, ngược lại, tin chắc rằng lực lượng dù sẽ được thả xuống phối hợp với một cuộc tấn công vào vùng Ruhr), chuyển thông tin này cho tư lệnh cụm quân B, thống chế Model. Quan điểm của Model cũng giống Von Runstedt. Tuy thế, ông ta cũng không thể bỏ qua lời cảnh báo của Jodl. Ông ta ra lệnh cho chỉ huy lực lượng Đức tại Hà lan, viên tướng không quân Friedrich Christiansen, đưa

một số đơn vị thuộc đám quân hồ lớn lẫn lộn cả bộ binh, lính thủy, lính không quân, lính Waffen SS Hà Lan của ông ta tới bờ biển.

Từ sau thông báo của Jodl vào ngày 11/9, tin này đã lan tới nhiều cấp chỉ huy khác nhau, nhất là qua Luftwaffe. Tuy rằng cuộc tấn công đã không xảy ra, sự lo ngại về một cuộc tập kích đường không vẫn tăng lên. Mỗi người đều cố đoán địa điểm có thể xảy ra đổ bộ. Trên bản đồ của họ, một số chỉ huy Luftwaffe nhận định rằng vùng mở trải dài giữa bờ biển phía bắc và Arnhem có thể là địa điểm cho các bãi đổ quân. Một số người khác, lo ngại sự tái diễn cuộc tấn công của người Anh vào Hà Lan qua đầu cầu qua kênh đào Meuse-Escaut tại Neerpelt, tự hỏi liệu lực lượng dù có thể sẽ được dùng phối hợp với cuộc tấn công đó và cho đổ xuống vùng Nijmegen không.

Vào ngày 13/9, đại tướng không quân Otto Desselloch, chỉ huy tập đoàn không quân số 3, được biết tới lo ngại của Berlin tại sở chỉ huy của Von Rundstedt tại Koblenz. Desselloch đã quan ngại tới mức ông ta lập tức gọi điện cho Model ngày hôm sau. Model, như ông nhớ lại, cho rằng sự e ngại của Berlin về một cuộc tấn công là “vô căn cứ”. Viên thống chế cũng chẳng hề lo ngại, kết quả là “ông ta mời tôi đến ăn tối tại sở chỉ huy mới của ông ở khách sạn Tafelberg tại Oosterbeek.” Desselloch từ chối. “Tôi không hề có ý để mình bị bắt làm tù binh,” ông nói với Model. Ngay trước khi gác máy, Desselloch nói thêm: “Nếu tôi là ngài, tôi sẽ rời vùng đó”. Model, Desselloch nhớ rõ, chỉ cười.

Tại sân bay Deelen ở phía bắc Arnhem, tin về khả năng của một cuộc

đồ bộ đường không đến tại chỉ huy tiêm kích của Luftwaffe, thiếu tướng Walter Grabman. Ông ta đi xe tới Oosterbeek để trao đổi với tham mưu trưởng của Model, trung tướng Hans Krebs. Khi Grabmann nói về sự e ngại của Luftwaffe, Krebs nói, “Vì Chúa, đừng nói đến những chuyện như vậy. Hơn nữa, chúng có thể đổ xuống đâu?” Grabmann đến bên một tấm bản đồ, và chỉ vào những khu vực phía tây Arnhem, nói, “bất cứ chỗ nào ở đây. Địa hình hoàn hảo cho lính dù đáp xuống”. Krebs, Grabmann nhớ lại, “bật cười và cảnh cáo tôi rằng nếu tôi cứ tiếp tục nói như vậy, tôi sẽ biến mình thành lỗ bịch”.

Chỉ huy cảnh sát nổi danh nhất tại Hà Lan, trung tướng SS Hanns Albin Rauter, cũng đã nghe tới tin đồn, rất có thể từ cấp trên của y, tướng Christiansen. Rauter tin rằng chuyện gì cũng có thể xảy ra, kể cả một cuộc đồ bộ đường không. Rauter, kiến trúc sư chính của ách khủng bố Nazi tại Hà Lan, chờ đợi việc lực lượng kháng chiến Hà Lan sẽ tấn công và dân chúng nổi dậy bất cứ lúc nào. Y quyết định sẽ dẹp tan bất cứ cuộc nổi dậy nào đơn giản bằng cách xử bắn ba người Hà Lan kháng chiến cho mỗi tên Nazi bị giết. Rauter đã tuyên bố tình trạng khẩn cấp ngay sau cuộc rút chạy của quân Đức và việc đám Nazi Hà Lan kéo nhau trốn về Đức hai tuần trước đó. Thủ hạ của y đã trả thù tàn bạo bất cứ ai dính líu dù không trực tiếp tới lực lượng kháng chiến Hà Lan. Đàn ông và phụ nữ bị bắt, hành quyết hoặc đày vào trại tập trung. Những thường dân bình thường cũng chẳng được chữa ra. Đi lại từ tỉnh này sang tỉnh khác bị cấm ngặt. Nhiều luật lệ hà khắc hơn được thiết lập. Bất cứ ai bị bắt gặp ngoài đường sau giờ giới nghiêm đều có thể bị bắn không cảnh cáo trước. Khắp miền nam

Hà Lan, để đối phó với tấn công của quân Anh, người Hà Lan bị ép buộc lao động đào công sự cho quân Đức. Tại Nijmegen, Rauter thu thập đủ nhân công bằng cách đe dọa tống cả gia đình những người bị gọi vào trại tập trung. Tụ tập dưới bất cứ hình thức nào đều bị cấm. “Bất cứ đâu có năm người trở lên bị trông thấy đi cùng nhau, ”một trong những thông cáo của Rauter cảnh cáo, “những người này sẽ bị lực lượng SS hay cảnh sát bắn hạ”.

Lúc này, khi cuộc tấn công từ phía nam lên của quân Anh có thể nổ ra bất cứ lúc nào và Berlin cảnh báo về nguy cơ tấn công từ trên không và phía biển ở miền bắc, thế giới của Rauter bắt đầu sụp đổ. Y cảm thấy sợ hãi. Biết được Model đang ở Hà Lan, Rauter quyết định tìm kiếm nơi ẩn náu an toàn và lên đường tới khách sạn Tafelberg. Vào tối ngày 14/9, Rauter gặp Model và tham mưu trưởng của ông ta, tướng Krebs. Rauter nói với hai người rằng y “tin rằng Đồng minh lần này sẽ sử dụng lực lượng đổ bộ đường không ở phía nam Hà Lan”. Model và Krebs không đồng ý. Các đơn vị đổ bộ tinh nhuệ, Model nói, “quá quan trọng, việc huấn luyện quá tốn kém” để có thể đem ra sử dụng bừa bãi. Viên thống chế quả thực chờ đợi Montgomery tấn công vào Hà Lan từ Neerpelt, nhưng tình hình chưa đủ nghiêm trọng để biện hộ cho việc sử dụng lực lượng đổ bộ đường không. Hơn nữa, vì lực lượng tấn công sẽ bị ngăn cản bởi ba con sông rộng , ông ta không tin rằng một cuộc tấn công của người Anh nhằm vào Arnhem có thể xảy ra. Cả Nijmegen và Arnhem đều nằm quá xa lực lượng Anh. Hơn nữa, Model tiếp tục, Montgomery “về mặt chiến thuật là một người cực kỳ thận trọng. Ông ta sẽ không bao giờ dùng lực lượng đổ bộ vào một cuộc phiêu lưu đầy bất trắc”.

Khi người tù được giải tới sở chỉ huy của thiếu tá Friedrich Kieswetter tại làng Driebergen, phía tây Oosterbeek, vào ngày 15/9, viên tư lệnh phó lực lượng phản gián của Wehrmacht tại Hà Lan đã biết quá rõ về y. Đã có cả một hồ sơ dày về gã ù lì 28 tuổi Christiaan Antonius Lindemans, thường được biết, vì kích thước khổng lồ của y (cao 6 bộ 3 tấc, nặng 260 cân Anh), dưới biệt danh King Kong. Lindemans đã bị một đội tuần tra bắt gần biên giới Bỉ - Hà Lan, trên vùng chiến tuyến giữa quân Anh và quân Đức. Lúc đầu, vì bộ đồ lính Anh mặc trên người, Lindemans bị coi như tù binh, nhưng tại sở chỉ huy tiểu đoàn gần Valkenswaard, trước sự ngạc nhiên của những người hỏi cung, y đề nghị gặp trung tá Hermann Giskes- trùm phản gián Đức tại Hà Lan và là cấp trên của Kieswetter. Sau một loạt cuộc điện đàm, những người bắt được Lindemans còn ngạc nhiên hơn khi được lệnh đưa ngay tên tù binh tới Driebergen. Chỉ mình Lindemans chẳng có vẻ gì ngạc nhiên. Một số đồng bào của y nghĩ y là một thành viên kháng chiến kiên cường; nhưng bọn Đức biết y dưới một tư cách khác- một gián điệp. King Kong là một điệp viên hai mang.

Lindemans đã phản bội từ năm 1943. Lúc đó y đã đề nghị làm việc cho Giskes để đổi lấy tự do cho cô nhân tình và người em trai, Henk, bị Gestapo bắt vì tham gia kháng chiến và được thông báo là sẽ bị đem xử bắn. Giskes lập tức đồng ý; và từ đó, Lindemans đã phục vụ đắc lực cho quân Đức. Sự phản bội của y đã dẫn tới sự vỡ lở của nhiều nhóm kháng chiến ngầm và những vụ hành quyết rất nhiều người yêu nước Bỉ và Hà Lan. Cho dù là một kẻ thô lỗ cộc cằn, nát rượu và mê gái, cho tới lúc đó Lindemans vẫn không bị lộ. Tuy vậy,

những chỉ huy kháng chiến coi y là một mối nguy hiểm tàng, không như một số sĩ quan Đồng minh tại Brussels đã bị King Kong thuyết phục đến mức lúc này Lindemans đang là người của một đơn vị tình báo Anh dưới sự chỉ huy của một sĩ quan Canada.

Trong khi Giskes vắng mặt, Kieswetter làm việc lần đầu tiên với Lindemans. Ông ta thấy tò mò gã cục súc to xác luôn mồm tự xưng với tất cả mọi người trong sở chỉ huy rằng y là “King Kong vĩ đại”. Lindemans báo cáo lại kết quả nhiệm vụ cuối cùng của y. Viên sĩ quan tình báo Canada đã cử y tới thông báo cho những người chỉ huy lực lượng kháng chiến ngầm tại Eindhoven rằng không cần gửi phi công đồng minh bị bắn rơi qua đường dây bí mật sang Bỉ nữa. Vì quân Anh dự định đột kích từ đầu cầu tại Neerpelt tới Eindhoven, các phi công được cứu thoát cần được giấu kín. Lindemans, sau khi mất 5 ngày để vượt qua chiến tuyến, đã có thể cho Kieswetter biết một số chi tiết về kế hoạch của quân Anh. Cuộc tấn công, y nói chắc chắn, sẽ xảy ra vào ngày 17/9.

Tin về cuộc tấn công sắp xảy ra của người Anh chẳng có gì là mới. Kieswetter, cũng như những người khác, chờ đợi nó xảy ra bất cứ lúc nào. Lindemans cũng thông báo Kieswetter một động thái khác: cùng lúc với cuộc tấn công trên bộ, y báo cáo, một kế hoạch đổ bộ quân dù cũng đã được dự kiến ở gần Eindhoven nhằm đánh chiếm thành phố. Tin này làm Kieswetter thấy khó hiểu. Tại sao phải sử dụng lính dù trong khi lực lượng mặt đất của Anh bản thân nó cũng có thể dễ dàng tiến được tới Eindhoven ? Có thể vì tin do Lindemans cung cấp có vẻ không thực tế hoặc có lẽ chủ yếu vì ác cảm của mình với King Kong,

Kieswetter đã lệnh cho Lindemans tiếp tục nhiệm vụ của y và quay trở lại chiến tuyến Anh. Kieswetter không có hành động lập tức nào. Ông ta ít quan ngại về thông tin của Lindemans đến mức chẳng buồn chuyển trực tiếp nó về tổng hành dinh của Wehrmacht. Thay vào đó, ông ta chuyển nó tới cơ quan an ninh và tình báo của SS. Đồng thời viên thiếu tá cũng viết một bản tóm tắt cuộc trao đổi giữa ông ta và Lindemans cho Giskes, lúc này đang vắng mặt do một nhiệm vụ khác. Giskes, luôn coi King Kong đáng tin cậy, chỉ nhận được bản báo cáo này vào chiều ngày 17/9.

Lúc này chiến dịch Marker Garden chỉ còn cách giờ khai hoả chưa đầy 48 tiếng đồng hồ. Trong văn phòng của mình, trung tướng Bedell Smith, tham mưu trưởng của Eisenhower, nghe chỉ huy tình báo của SHAEF, thiếu tướng Anh Kenneth W.Strong, thông báo những tin tức cuối cùng với thái độ mỗi lúc một lo ngại. Không nghi ngờ gì nữa, Strong nói, có lực lượng thiết giáp Đức tại khu vực Arnhem.

Đã nhiều ngày nay, Strong và bộ phận của mình đã nghiên cứu sàng lọc tất cả các thông tin tình báo nhằm cố gắng xác định địa điểm đóng quân của các sư đoàn Panzer SS 9 và 10. Từ tuần đầu tiên của tháng 9 người ta đã mất dấu vết các đơn vị này. Cả hai đều bị tổn thất nặng, nhưng khó có khả năng chúng đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Một giả thiết khác cho rằng các đơn vị này có thể đã được lệnh quay về Đức. Đến lúc này báo cáo của lực lượng kháng chiến Hà Lan lại cho biết một thực tế khác hẳn. Các sư đoàn mất dấu vết đã được định vị.

Sư đoàn 9, và rất có thể, cả sư đoàn 10, đang ở Hà Lan, Strong báo

cáo lại với Smith, “chắc chắn là để củng cố lại”. Không ai có thể nói chính xác những đơn vị này còn lại bao nhiêu lực lượng cũng như khả năng tác chiến của chúng, nhưng không còn nghi ngờ gì về địa điểm đóng quân của các đơn vị này, Strong báo cáo. Chắc chắn chúng đang đóng tại ngoại vi Arnhem.

Hết sức lo ngại cho chiến dịch Market Garden và, theo đúng lời ông nói, “phát hoảng trước nguy cơ thất bại”, Smith lập tức đến hội kiến tổng tư lệnh. Sư đoàn đổ bộ đường không Anh số 1, được trao nhiệm vụ đổ xuống Arnhem, “không thể chống lại được hai sư đoàn thiết giáp”, Smith nói với Eisenhower. Tất nhiên, vẫn còn một câu hỏi - một câu hỏi lớn - về sức mạnh của các đơn vị này, nhưng để đảm bảo chắc thắng Smith cho rằng Market Garden cần được tăng cường lực lượng. Ông tin rằng cần 2 sư đoàn đổ bộ cho khu vực Arnhem (một cách giả định, Smith đã chọn trong đầu làm lực lượng bổ sung sư đoàn đổ bộ số 6 kỳ cựu của Anh do thiếu tướng Richard Gale chỉ huy, đơn vị này đã được sử dụng thành công trong cuộc đổ quân lên Normandy, nhưng không được chọn tham dự Market Garden). Nếu không, Smith nói với Eisenhower, kế hoạch cần được xem xét lại. “Cảm tưởng của tôi,” sau này ông nói, “là nếu chúng ta không thể đổ bộ thêm lực lượng tương đương với một sư đoàn nữa xuống khu vực này, thì chúng ta cần di chuyển một trong các sư đoàn Mỹ tham gia tạo thành “tầm thâm” xa hơn lên phía bắc để tăng cường cho người Anh”.

Eisenhower cân nhắc khó khăn và các rủi ro. Dựa trên báo cáo tình báo này và gần như vào đêm trước của cuộc tấn công, ông đang bị

thức giục phải xem xét lại kế hoạch của Monty- kế hoạch chính Eisenhower đã phê chuẩn. Điều đó cũng có nghĩa là thách thức quyền chỉ huy của Montgomery và làm căng thẳng trở lại mối quan hệ chỉ huy vốn đã nhạy cảm. Là tổng tư lệnh, ông còn một khả năng lựa chọn nữa: cần đình chỉ Market Garden, nhưng cơ sở để ra một mệnh lệnh như vậy sẽ chỉ là mẩu tin tình báo này. Eisenhower hiển nhiên giả thiết rằng Montgomery là người biết rõ nhất sức mạnh kẻ thù trước mặt ông ta và viên thống chế sẽ hành động phù hợp với tình thế. Như Eisenhower nói với Smith, “Tôi không thể chỉ bảo Monty nên điều động lực lượng của ông ta như thế nào,” và ông cũng không thể “đình chỉ chiến dịch”, vì tôi đã bật đèn xanh cho Monty”. Nếu cần có thay đổi, Montgomery sẽ thực hiện chúng. Tuy vậy, Eisenhower dự định để Smith “bay tới sở chỉ huy cụm quân số 21 và trao đổi với Montgomery”.

Bedell Smith lập tức lên đường tới Brussels. Ông gặp một Montgomery đầy tự tin và phấn chấn. Smith trình bày sự quan ngại của ông về các đơn vị Panzer tại khu vực Arnhem và nhấn mạnh rằng kế hoạch cần được xem xét lại. Montgomery “cười mỉa vào ý kiến này. Monty cảm thấy rằng trở ngại lớn nhất sẽ do địa hình chứ không phải do quân Đức gây ra. Tất cả sẽ trôi chảy, ông ta lặp đi lặp lại, nếu chúng tôi tại SHAEF chịu giúp ông ta giải quyết khó khăn về hậu cần. Ông ta không hề e ngại lực lượng thiết giáp Đức. Ông cho rằng Market Garden sẽ thành công như đã hoạch định”. Cuộc gặp chẳng đem lại kết quả nào. “Ít nhất tôi cũng đã cố dừng ông ta lại,” Smith nói, “nhưng tôi chẳng đi đến đâu cả. Montgomery chỉ đơn giản là đã dừng dừng gạt mọi sự phản đối của tôi sang bên”.

Ngay khi Montgomery và Smith còn đang tranh luận, những bằng chứng đáng lo ngại cũng tới sở chỉ huy quân đoàn đổ bộ đường không Anh số 1. Sáng sớm hôm đó, máy bay không thám của RAF từ Hague quay về đã thực hiện một phi vụ trinh sát ở độ cao thấp trên khu vực Arnhem. Lúc này, trong phòng làm việc của mình, thiếu tá tình báo Brian Urquhart nghiên cứu 5 tấm ảnh chụp với một chiếc kính lúp - những kiểu ảnh nằm ở cuối cuộn phim không thám. Hàng trăm tấm ảnh không thám đã được chụp trên khu vực sẽ diễn ra Market Garden và rửa ra trong vòng 72 giờ trước đó, nhưng chỉ 5 tấm ảnh này cho thấy điều Urquhart đã thầm lo từ lâu - bằng chứng không thể nhầm lẫn về sự có mặt của thiết giáp Đức. “Đó là cọng rơm làm gãy lưng lạc đà”, Urquhart sau này nhớ lại. “Trong những tấm ảnh đó, tôi có thể nhìn thấy rõ ràng những chiếc xe tăng - nếu không phải ngay tại các khu đổ quân ở Arnhem, thì chắc chắn cũng không xa chúng”.

Thiếu tá Urquhart chạy tới văn phòng của tướng Browning mang theo những bằng chứng này. Browning cho anh vào gặp lập tức. Đặt những tấm ảnh lên bàn trước mặt Browning, Urquhart nói, “Xin ngài hãy nhìn xem”. Viên tướng xem xét lần lượt từng tấm ảnh. Cho dù Urquhart không còn nhớ rõ từng từ, nhưng như anh có thể nhớ lại được, Browning đã nói, “Nếu tôi là cậu tôi sẽ chẳng bận tâm đến những thứ này”. Rồi, chỉ vào những chiếc xe tăng trong ảnh, ông nói tiếp, “Chúng chắc chắn là không thể tác chiến được”. Urquhart choáng váng. Anh tuyệt vọng chỉ vào những chiếc chiến xa, “có tác chiến được hay không, chúng vẫn là xe tăng và chúng có súng”. Nhớ

lại, Urquhart có cảm tưởng rằng “có lẽ vì những thông tin mà tôi không được biết, tướng Browning đã không sẵn sàng chấp nhận cách tôi đánh giá những tấm ảnh. Cảm tưởng của tôi vẫn như vậy - rằng tất cả mọi người đều nóng lòng muốn nhập cuộc bằng mọi giá và chẳng cái gì ngăn họ lại được”.

Urquhart không biết rằng một số người trong ban tham mưu của Browning coi viên sĩ quan tình báo trẻ là quá bốc đồng. Màn trình diễn lớn chuẩn bị bắt đầu, và phần lớn các sĩ quan đều háo hức mong có được một vai trong đó. Sự e ngại của Urquhart làm họ khó chịu. Như một sĩ quan cao cấp đã nói ra lời, “Quan điểm của cậu ta rõ ràng bị ảnh hưởng bởi một đầu óc đã kiệt sức. Cậu ta có vẻ hơi quá kích động, hiển nhiên là do lao lực quá sức.”

Ít lâu sau cuộc gặp với Browning, bác sĩ của quân đoàn đã đến gặp Urquhart. “Người ta đã nói với tôi,” Urquhart nhớ lại, “rằng tôi kiệt sức –ai chẳng vậy?- và có lẽ tôi cần nghỉ ngơi và đi phép. Tôi đã bị gạt ra. Tôi đã trở thành cái gai khó chịu ở sở chỉ huy đến mức ngay trước ngày tấn công tôi đã bị loại ra ngoài. Tôi chẳng còn gì để nói. Cho dù tôi không tán thành kế hoạch và e ngại điều xấu nhất, đó vẫn là một trận đánh quan trọng, và thật khó hiểu, tôi không hề muốn bị bỏ lại đằng sau”.

Vào trưa thứ bảy 16/9, thông cáo của Đức được yết lên các bảng tin khắp Arnheim.

“Theo lệnh của lực lượng an ninh, nay thông báo:

Trong đêm vừa rồi một vụ tấn công bằng chất nổ đã xảy ra trên cầu đường sắt tại Schaapsdrift. Quần chúng được yêu cầu hãy hợp tác truy lùng thủ phạm của cuộc tấn công này. Nếu chúng không được tìm thấy trước 12 giờ trưa chủ nhật 17/9/1944, một số con tin sẽ bị xử bắn. Tôi kêu gọi sự hợp tác của mọi người để tránh gây ra nạn nhân không cần thiết.

Phụ trách an ninh, Liera”.

Trong một gian tầng hầm, các thành viên lãnh đạo lực lượng kháng chiến ngầm tại Arnhem đang họp khẩn. Việc phá hoại cây cầu đường sắt đã diễn ra không suôn sẻ. Henri Knap, phụ trách tình báo tại Arnhem, đã không thích thú gì về nhiệm vụ này ngay từ đầu. Anh nghĩ, “ngay cả đánh giá lạc quan nhất, tất cả chúng tôi đều là dân nghiệp dư khi nói đến phá hoại”. Theo quan điểm của anh, “tốt hơn nhiều nên tập trung vào thu thập tin tức tình báo cho lực lượng Đồng minh và để việc phá hoại cho những người biết họ cần làm gì”. Chỉ huy lực lượng kháng chiến ở Arnhem, Pieter Kruyff, 39 tuổi, hỏi ý kiến cả nhóm. Nicolaas Tjalling de Bode đề nghị rằng các thành viên nộp mình. Knap nhớ lại rằng lúc đó anh nghĩ “đó là một cái giá quá đắt - mạng sống của những con tin vô tội – cho một cái lỗ bé tẹo trên một cây cầu”. Gijsbert Jan Numan cũng thấy lương tâm cắn rứt. Anh này đã cùng Harry Montfroy, Albert Deuss, Toon van Daalen và những người khác thu xếp vật liệu làm bom và vạch kế hoạch phá hoại, và không ai muốn những người vô tội phải chịu tai họa. Thế nhưng cần làm gì đây? Kruyff nghe ý kiến của tất cả mọi người, sau

đó đưa ra quyết định. “Tổ chức phải được bảo toàn nguyên vẹn cho dù sẽ có người vô tội bị xử bắn”, ông quyết định. Nhìn một lượt các thành viên lãnh đạo đang tập hợp xung quanh, như Nicolaas de Bode hồi tưởng lại, Kruyff đã nói với họ, “Không ai được nộp mình cho bọn Đức. Đây là lệnh của tôi”. Henri Knap cảm thấy thật nặng nề. Anh biết nếu bọn Đức thực hiện theo cách thông thường của chúng, mười hay mười hai công dân có ảnh hưởng – bác sĩ, luật sư, hay giáo viên - sẽ bị xử bắn công khai tại một quảng trường ở Arnhem vào trưa chủ nhật.

Ở khắp các cấp chỉ huy Đồng minh, sự đánh giá của tình báo về lực lượng panzer tại khu vực Arnhem thật đáng kinh ngạc. Bản báo cáo tình báo số 26 của SHAEF đề ngày 16/9, ngay trước hôm diễn ra Market Garden – bao gồm cả lời cảnh báo đã làm tướng Bedell Smith hốt hoảng đến thế - đã không được ai để ý đến. Trong bản báo cáo này có viết, “đã có thông báo cho biết sư đoàn panzer SS số 9, và dự đoán cả sư đoàn số 10, đã rút về khu vực Arnhem tại Hà Lan; tại đó, rất có thể chúng sẽ tiếp nhận xe tăng mới từ một kho dự trữ ở khu vực Cleves”.

Thông tin này, đã bị Montgomery bác bỏ trong cuộc gặp với Smith, lúc này cũng bị gạt đi tại bộ tham mưu của đạo quân Anh số 2 của tướng Dempsey, cũng chính nơi đầu tiên đã ghi nhận sự có mặt tại Hà Lan của “các đơn vị panzer đã tổn thất” vào hôm 10/9. Và những người nghiêm túc hơn cả, ban quân báo của Dempsey, vào ngày 14/9, mô tả lực lượng Đức trong khu vực tác chiến của Market garden là “yếu ớt, rệu rã và rất có khả năng sẽ sụp đổ hoàn toàn nếu phải đối

đầu với một cuộc tập kích đổ bộ đường không quy mô lớn”. Lúc này, ngược hẳn với quan điểm ban đầu của mình, họ phủ nhận sự có mặt của lực lượng panzer, vì bộ tham mưu của Dempsey đã không phát hiện ra bất cứ dấu vết nào của thiết giáp đối phương từ các bức ảnh không thám.

Tại sở chỉ huy đạo quân đổ bộ đường không số 1, phụ trách tình báo của tướng Brereton, trung tá người Anh Anthony Tasker, cũng không được chuẩn bị để tiếp nhận bản báo cáo của SHAEF. Xem xét lại tất cả thông tin có trong tay, anh này cho rằng không có bằng chứng trực tiếp nào khẳng định tại khu vực Arnhem có gì “ngoài mật độ hỏa lực phòng không dày đặc đã biết từ trước”.

Tất cả mọi người xem ra đều chấp nhận dự báo lạc quan từ sở chỉ huy của Montgomery. Như tham mưu trưởng quân đoàn đổ bộ đường không Anh số 1, thượng tá Gordon Walch, nhớ lại, “sở chỉ huy cụm quân 21 là nguồn tin tình báo chính của chúng tôi, và chúng tôi tin rằng những gì họ cung cấp đều chính xác”. Tướng Urquhart, tư lệnh sư đoàn đổ bộ đường không số 1 của Anh, lại nhìn nhận theo cách khác. “Không gì,” ông nói, “được phép làm vẩn đục bầu không khí lạc quan tràn ngập tại Anh”.

Thế nhưng, bên cạnh báo cáo của SHAEF về các đơn vị panzer “mất tích”, còn có những bằng chứng khác về sự tập trung lực lượng Đức, và lần này cũng lại được ghi lại cẩn thận. Tại mặt trận, phía trước lực lượng quân đoàn 30 của tướng Horrock, rõ ràng là ngày càng có nhiều đơn vị Đức đang di chuyển tới mặt trận. Lúc này, sai lầm chiến

lược tại Antwerp 10 ngày trước đó đã bắt đầu gây hậu quả và đe dọa viễn tượng to lớn của chiến dịch Market Garden. Binh lính Đức đang tiếp viện cho chiến tuyến của tướng Student chẳng phải ai khác ngoài các đơn vị của những sư đoàn sút mẻ đã chạy thoát qua cửa Scheldt - những đơn vị tôi tả thuộc đạo quân số 15 của tướng Von Zangen, đạo quân mà Đồng minh đã loại khỏi bản đồ chiến sự. Và các sĩ quan tình báo đã cả quyết, cho dù quân Đức đã tăng lên về số lượng, song những đơn vị mới xuất hiện trên chiến tuyến được họ tin là “không ở trong trạng thái có thể chống trả được bất cứ cuộc tấn công quyết liệt nào”. Bất cứ người lính Anh nào ở dọc biên giới Bỉ - Hà Lan hẳn cũng có thể khẳng định điều khác hẳn.

Những con đường lát đá của thành phố mở bụi bặm Leopoldsburg ở phía bắc Bỉ, chỉ cách mặt trận chừng 10 dặm, chật ních xe jeep và xe trinh sát. Mọi con đường có vẻ đều dẫn về rạp chiếu phim trước ga xe lửa – và chưa bao giờ rạp này chứng kiến một đám đông đến như vậy. Sĩ quan thuộc quân đoàn 30 của trung tướng Horrock - lực lượng Garden sẽ đâm thẳng lên phía bắc qua Hà Lan để hội quân với lực lượng đổ bộ đường không - đứng chật phố và xúm đông xúm đỏ trước cửa vào rạp trong lúc đợi quân cảnh kiểm tra giấy tờ. Đó là một đám đông đầy màu sắc và hào hứng, và họ khiến thượng tá Hubert Essame, tư lệnh lữ đoàn 214, sư đoàn bộ binh số 43 Essex, về “một đạo quân đang tập hợp hay một cuộc diễu binh ở Salisbury Plain thời bình”. Ông này choáng ngợp trước trang phục muôn màu muôn vẻ của các sĩ quan. Có nhiều loại mũ đến ngạc nhiên. Không một ai đội mũ sắt, nhưng khắp nơi là mũ beret đủ màu gắn phù hiệu kiêu hãnh của những trung đoàn lừng danh, trong đó có các đơn vị Ireland, thủ

pháo, Coldstream, Scotland, Wales, và kỵ binh cận vệ hoàng gia, không quân hoàng gia và pháo binh hoàng gia. Tất cả đều ăn mặc rất thoải mái tự do. Essame để ý thấy phần lớn các sĩ quan đều mặc áo ngực trang của lính bắn tỉa, áo khoác của lính nhảy dù và thay vì cavát là những chiếc khăn quàng sặc sỡ đủ màu.

Viên trung tá nổi tiếng J.O.E “Joe” Vandeleur, viên tư lệnh vạm vỡ, mặt rám nắng cao 6 bộ của đơn vị thiết giáp cận vệ Ireland, hiện thân cho vẻ hào hoa ngạo nghễ của đám sĩ quan cận vệ. Viên trung tá 41 tuổi mặc bộ đồ đi trận quen thuộc của mình: mũ beret đen, áo khoác lính dù ngực trang nhiều màu, quần vải thô và đôi ủng cao su ống cao. Thêm vào đó, như mọi khi, Vandeleur đeo một khẩu Colt 45 tự động bên hông và quần trên cổ áo khoác là vật đã trở thành biểu tượng cho đám lính tăng của ông, một chiếc khăn quàng màu lục sáng chói. Viên tướng chín chu “Boy” Browning hẳn sẽ cau mày khi nhìn thấy bộ dạng của ông này. Ngay cả đến Horrock cũng đã một lần khô khan nói với Vandeleur. “Nếu bọn Đức tóm được cậu, Joe,” ông này nói, “chúng sẽ cho rằng chúng đã tóm phải một anh nông dân”. Nhưng vào ngày 16/9 này, ngay cả Horrock cũng không còn vẻ nghiêm chỉnh không chê vào đâu được của một sĩ quan Anh đúng điệu. Thay vì áo sơ mi ông mặc một chiếc áo phông của đấu thủ polo, và bên ngoài áo quân phục là một chiếc áo da không tay chẳng khác gì một bác nông dân Anh.

Trong khi Horrocks, một người rất được mến mộ, đi dọc khán phòng chật ních người xuống, tiếng hoan hô chào đón vang lên từ mọi phía. Cuộc họp đã làm mọi người phấn khích cao độ. Tất cả đều nóng lòng

được xuất trận. Từ sông Seine đến Ăntwerp, xe tăng của Horrocks đã tiến được trung bình tới 50 dặm mỗi ngày, nhưng kể từ sau 3 ngày dừng lại tai hại sau ngày 4/9 để “củng cố, tiếp liệu và nghỉ ngơi”, việc tiến lên phía trước trở nên khó khăn hơn nhiều. Khi người Anh mất đà tiến công, kẻ thù đã hồi phục nhanh chóng. Trong hai tuần sau đó, tốc độ tiến công của quân Anh chậm như rùa. Sư đoàn thiết giáp cận vệ - do đơn vị cận vệ Ireland của Vandeleur dẫn đầu – đã phải mất 4 ngày để tiến 10 dặm và chiếm cây cầu chiến lược bắc qua kênh Meuse-Escaut gần Neerpelt, từ đó ngày hôm sau cuộc tấn công vào Hà Lan sẽ bắt đầu. Horrocks không có chút ảo tưởng nào về sự kháng cự của quân Đức, nhưng ông tin rằng đơn vị của mình có thể chọc thủng phòng tuyến địch.

Đúng 11 giờ trưa, Horrocks bước lên sân khấu. Tất cả những người có mặt đều biết cuộc tấn công của quân Anh sẽ được bắt đầu trở lại, nhưng việc bảo mật quanh kế hoạch của Montgomery nghiêm ngặt đến mức chỉ vài sĩ quan cấp tướng là biết các chi tiết kế hoạch. Lúc này, khi chỉ còn 24 giờ nữa là đến ngày N của chiến dịch Market Garden, các sĩ quan của viên thống chế lần đầu tiên được biết về cuộc tấn công.

Gắn vào màn chiếu phim là một tấm bản đồ Hà Lan khổng lồ. Băng dính màu được dán lên theo hướng bắc dọc một con đường xa lộ duy nhất, băng qua nhiều sông lớn và chạy qua các thành phố Valkenswaard, Eindhoven, Veghel, Uden, Nijmegen và Arnhem, trên một khoảng cách chừng 64 dặm. Từ đây, dải băng dán màu tiếp tục chừng 30 dặm nữa theo tỷ lệ bản đồ cho tới Zuider Zee. Horrocks lấy

một cây gậy chỉ dài và bắt đầu phổ biến kế hoạch. “Đây là một câu chuyện các vị sẽ kể cho cháu các vị nghe,” ông nói với đám thánh giả của mình. Rồi ông dừng lại và, chủ yếu để pha trò cho các sĩ quan đang có mặt, nói thêm: “Và chúng sẽ chán ngấy”.

Trong đám khán giả, trung tá Curtis D.Renfro, sĩ quan liên lạc của sư đoàn 101 và cũng là một trong số ít sĩ quan Mỹ có mặt, rất ấn tượng trước sự tự tin và hăng hái của tư lệnh quân đoàn. Ông này đã nói trong một giờ liền, Curtis nhớ lại, “và chỉ có một lần phải xem lại các ghi chép chuẩn bị trước”.

Từng bước một, Horrocks trình bày sự phức tạp của Market Garden. Ông nói, lực lượng đổ bộ sẽ xuất quân trước tiên. Mục tiêu của họ: chiếm lấy các cây cầu trước mặt quân đoàn 30. Horrocks sẽ phát lệnh bắt đầu tấn công. Tùy theo thời tiết, giờ khai hỏa của lực lượng mặt đất dự kiến sẽ là 2 giờ chiều. Vào thời điểm đó, 350 khẩu pháo sẽ khai hỏa và dựng lên một bức màn lửa kéo dài 35 phút. Sau đó, vào lúc 2 giờ 35, được yểm trợ bởi các phi đội máy bay phóng pháo Typhoon, xe tăng của quân đoàn 30 sẽ đột phá qua đầu cầu của mình và “chọc thẳng xuống theo con đường chính”. Sư đoàn thiết giáp cận vệ sẽ có vinh dự dẫn đầu đội hình tấn công. Theo sau họ là các sư đoàn 43 Wessex và sư đoàn 50 Northumberland, sau đó là lữ đoàn thiết giáp số 8 và lữ đoàn Hà Lan Công chúa Irene.

Sẽ là “không ngừng, không nghỉ”, Horrocks nhấn mạnh. Sư đoàn thiết giáp cận vệ cần “liên tục tiến như ma đuổi” trên suốt con đường tới Arnhem. Việc đột phá qua đầu cầu, Horrocks tin tưởng, sẽ thành

công gần như lập tức. Ông dự kiến chiếc xe tăng đầu tiên của đơn vị cận vệ sẽ có mặt ở Eindhoven sau hai hay ba giờ. Nếu kẻ địch phản ứng đủ nhanh để phá cầu trước khi lực lượng đổ bộ kịp chiếm, thì lực lượng công binh của sư đoàn 43 Essex, đi sau lực lượng mũi nhọn, sẽ phải vượt lên với trang bị để bắc cầu phao. Hoạt động công binh quy mô lớn này, Horrocks diễn giải, sẽ cần huy động 9000 công binh và 2277 xe chuyên dụng đã được tập kết sẵn ở khu vực Leopoldsburg. Toàn bộ đội hình của quân đoàn 30 sẽ tiến theo đường xa lộ chính nối tiếp nhau, 35 xe trên một dăm thành hàng hai. Tất cả sẽ tiến theo một chiều, và Horrocks dự kiến “sẽ đưa toàn bộ 20000 xe theo con đường xa lộ tới Arnhem trong vòng 60 giờ”.

Tướng Allan Aldair, viên tư lệnh 46 tuổi của sư đoàn thiết giáp cận vệ lừng danh, trong lúc nghe Horrocks nói, nghĩ rằng Market Garden là một kế hoạch táo bạo, nhưng ông cũng tin rằng “rất có thể nó là một canh bạc liều lĩnh”. Ông cho rằng giây phút tệ hại nhất sẽ là thời điểm đột phá qua đầu cầu ở kênh Meuse Escaut. Một khi đã đột kích thành công, cho dù ông trông đợi sẽ gặp phải sự chống trả của quân Đức, nhưng ông nghĩ việc tiến công sẽ “không khó khăn”. Bên cạnh đó, ông hoàn toàn tin tưởng vào đơn vị sẽ dẫn đầu cuộc tấn công – đơn vị cận vệ Ireland của trung tá Joe Vandeleur.

Joe Vandeleur, khi nghe thấy rằng xe tăng của ông sẽ dẫn đầu cuộc đột kích, nhớ lại rằng đã thầm nghĩ, “Ôi, Christ! Đừng có lại chúng tôi nữa.” Vandeleur tự hào rằng đơn vị kỳ cựu của ông được chọn, nhưng ông cũng biết binh lính của ông đã kiệt sức và đơn vị của ông đã thiệt hại nhiều. Kể từ cuộc đột phá từ Normandy, ông chỉ nhận

được rất ít bổ sung thay thế cả về người lẫn xe; hơn nữa, “họ cũng chẳng cho nhiều thời gian để chuẩn bị kế hoạch”. Nhưng sau đó ông nghĩ, liệu sẽ cần bao nhiêu thời gian để vạch kế hoạch cho một cú đột kích thẳng qua phòng tuyến Đức?

Ngồi cạnh ông là người em họ, trung tá Giles Vandeleur 33 tuổi, chỉ huy tiểu đoàn 2 dưới quyền Joe, anh này “kinh hoàng trước kế hoạch định chọc thủng phòng tuyến Đức với đội hình xe tăng đi thành một hàng.” Với anh ta, đây không phải là một hình thức tác chiến thiết giáp phù hợp. Nhưng anh này nhớ lại “đã nuốt chửng mọi sự nghi ngờ e ngại và bị cuốn vào một cơn phấn khích lạ lùng, như thể được sắp hạt giống trước một cuộc đua ngựa vậy”.

Với 3 người có mặt trong rạp, kế hoạch được phổ biến đã gây ra những cảm xúc cá nhân sâu sắc. Các sĩ quan chỉ huy lữ đoàn Hà Lan Công chúa Irene đã dẫn đầu binh lính của mình vào trận trong suốt con đường dài từ Normandy. Lúc đầu họ đã chiến đấu bên cạnh những người Canada; rồi sau khi Brussels được giải phóng, họ được phối thuộc sang đạo quân Anh số 2. Lúc này họ sắp được trở về nhà. Cho dù rất trông chờ ngày giải phóng Hà Lan, viên tư lệnh lữ đoàn, đại tá Albert “Steve” de Ruyter van Steveninck; tư lệnh phó của ông, trung tá Charles Pahud de Mortanges; và tham mưu trưởng lữ đoàn, thiếu tá Jonkheer Jan Beelaerts van Blokland, đều cảm thấy rất bất an về cách thức cuộc giải phóng ấy được dự kiến thực hiện.

Steveninck coi toàn bộ kế hoạch quá mạo hiểm. Mortanges có cảm tưởng rằng người Anh quá xa rời thực tế so với những bằng chứng

trên chiến trường. Như ông nói, “Tất cả đều được trình bày cho có vẻ rất đơn giản. Đầu tiên, chúng ta chiếm lấy chiếc cầu này; sau đó tới chiếc cầu thứ hai và vượt qua con sông này... Địa hình phía trước mặt với những con sông, đầm lầy, kè đập và đất thấp, là rất phức tạp – như người Anh hẳn đã phải hiểu rõ từ rất nhiều báo cáo của chúng tôi”. Viên tham mưu trưởng 33 tuổi, Beelaerts van Blokland, không khỏi liên tưởng tới lịch sử quân sự trong quá khứ. “Chúng ta có vẻ đang vi phạm phương châm của Napoleon nói rằng không bao giờ được tấn công trừ khi bạn nắm chắc ít nhất 75% cơ hội chiến thắng. Khi đó, 25% còn lại có thể để mặc cho may rủi. Những người Anh xem ra đang làm ngược lại; chúng ta để lại tới 75% cho may rủi. Chúng ta chỉ có 48 giờ để tiến tới Arnhem, và nếu chỉ một chi tiết nhỏ diễn ra ngoài dự kiến - một cây cầu bị phá sập, kháng cự của quân Đức mạnh hơn dự kiến – chúng ta sẽ bị lỡ thời gian biểu”. Blokland còn một lo lắng riêng tư nữa. Cha mẹ anh đang sống tại làng Oosterbeek, chỉ cách cây cầu Arnhem có hai dặm rưỡi.

Một trong số ít sĩ quan dưới cấp thiếu tá được tham gia buổi phổ biến kế hoạch là viên trung úy 21 tuổi John Gorman thuộc lực lượng cận vệ Ireland. Anh này cảm thấy phấn khích trước toàn bộ kế hoạch và nghĩ Horrocks lúc đó “đang trong lúc phong độ nhất”. Tư lệnh quân đoàn, như Gorman hồi tưởng lại, “đã trở hết khiếu hài hước và trí óc của mình, giải thích những điểm quan trọng thiết yếu nhất với vẻ hài hước nhưng không hề lạc đề. Ông ấy quả là một nghệ sĩ trình diễn”. Gorman đặc biệt thú vị với kế hoạch Garden vì “lực lượng cận vệ sẽ dẫn đầu và hiển nhiên vai trò của họ sẽ rất quyết định”.

Khi cuộc họp kết thúc và các sĩ quan chỉ huy quay về phổ biến lại kế hoạch cho đơn vị mình, anh chàng Gorman trẻ tuổi cảm thấy” những nghi ngờ đầu tiên về cơ hội thành công”. Dừng lại trước tấm bản đồ, anh nhớ rằng đã thầm nghĩ rằng Market Garden là “ một kế hoạch khả thi- nhưng cũng chỉ khả thi thôi’. Chỉ đơn giản là “có quá nhiều cầu”. Ngay cả địa hình cũng không làm anh thích thú gì. Anh thầm nghĩ đó là một địa hình tồi tệ cho thiết giáp và tiến công “ với đội hình hàng một, chúng tôi sẽ rất yếu thế”. Nhưng lời hứa có máy bay phóng pháo Typhoon yểm trợ quả là rất an tâm. Cũng như thế là một lời hứa khác. Gorman nhớ lại một tháng trước đó, khi anh ta nhận được chữ thập quân sự vì lòng dũng cảm từ chính Montgomery. Khi trao huy chương, Monty đã nói, “Nếu tôi là một người chơi cá cược, tôi sẽ cá ăn chắc rằng chiến tranh sẽ kết thúc trước lễ Giáng sinh”. Khả năng khác ngoài việc tiến lên phía bắc với Gorman chỉ có thể là “ một mùa đông dài khắc nghiệt cắm trại bên cạnh hay gần kênh Escaut”. Kế hoạch của Monty, anh tin tưởng, “có đủ độ thần tốc và táo bạo để thành công. Nếu có cơ hội kết thúc chiến tranh trước Giáng sinh, thì tôi sẽ ủng hộ việc tiến lên.”

Giờ đây, tại vùng đồng quê bằng phẳng của nước Bỉ với những mỏ than, những người sẽ dẫn đầu đạo quân Anh số 2 của tướng Dempsey được biết tới kế hoạch và được hứa hẹn về Arnhem. Dọc hai bên đường, tại các khu tập kết và trại, binh lính được tập hợp lại quanh sĩ quan chỉ huy của mình để nghe phổ biến phần nhiệm vụ của họ trong chiến dịch Market Garden. Khi trung tá Giles Vandeleur nói với các sĩ quan thuộc quyền rằng đơn vị Ireland sẽ dẫn đầu đội hình, viên thiếu tá 29 tuổi Edward G.Tyler nhớ lại một “tràng than thở”

vang lên từ đám sĩ quan đang tập hợp. “Chúng tôi đã tính,” anh nhớ lại, “rằng chúng tôi xứng đáng được nghỉ ngơi một chút sau khi đánh chiếm cây cầu qua kênh Escaut, mà chúng tôi đặt tên là “cầu của Joe” theo tên của Joe Vandeleur. Nhưng chỉ huy đã nói rằng việc chúng tôi được chọn là một vinh dự lớn”. Bất chấp mong muốn được nghỉ ngơi, Tyler cũng nghĩ như vậy. “Chúng tôi đã quen với đội hình thiết giáp hàng một”, anh hồi tưởng, “và trong trường hợp như vậy chúng tôi đặt niềm tin vào tốc độ và sự yểm trợ. Không ai có vẻ lo lắng.”

Nhưng trung úy Barry Quinan, mới sang tuổi 21, “cảm thấy đây bất an”. Đây là lần đầu anh này xuất trận với đơn vị thiết giáp mũi nhọn của đơn vị cận vệ dưới quyền đại úy Mick O’Cock. Lính bộ binh của Quinan sẽ phải ngồi trên nóc xe tăng để hành quân theo kiểu Nga. Với anh ta, “số lượng sông phía trước có vẻ quá nhiều. Chúng tôi không phải là lính thủy. “Tuy thế Quinan cảm thấy tự hào rằng người của mình sẽ “dẫn đầu toàn đạo quân Anh số 2”.

Trung úy Rupert Mahaffey, cũng 21 tuổi, nhớ lại rõ ràng đã được bảo rằng “nếu chiến dịch thành công phụ nữ và trẻ nhỏ ở nhà sẽ được giải thoát khỏi mối đe dọa của tên lửa V2 của Đức”. Mẹ của Mahaffey đang sống ở London, lúc đó đang bị oanh tạc dữ dội. Cho dù anh cảm thấy phấn khích trước viễn cảnh của cuộc tấn công, con đường độc đạo dẫn tới Arnhem, anh nghĩ,” sẽ là một con đường rất dài và gian khổ”.

Đại úy Roland S.Langton, 23 tuổi, mới quay về đơn vị sau 5 ngày nằm ở một bệnh viện dã chiến do trúng một mảnh trái phá, được biết anh

không còn là trợ lý cho tiểu đoàn 2 cận vệ Ireland. Thay vào đó, anh được chỉ định làm chỉ huy phó cho đơn vị đột kích mũi nhọn của đại úy Mick O'Cock. Anh này rất phấn khởi về sự bổ nhiệm. Cuộc đột kích xem ra sẽ dễ dàng theo Langton. Garden chỉ có thể là một thành công. "Với mọi người hiển nhiên là bọn Đức đã tan rã và run sợ, thiếu phối hợp gắn bó và chỉ có khả năng chiến đấu thành những nhóm nhỏ." Nhưng không phải ai cũng tự tin như vậy. Khi trung úy A.G.C."Tony" Jones, 21 tuổi, thuộc công binh hoàng gia, nghe kế hoạch, anh này nghĩ chiến dịch "hiển nhiên sẽ rất khó khăn". Những cây cầu là chìa khoá cho toàn chiến dịch và, như một sĩ quan nhận xét, "việc tiến quân của quân đoàn 30 sẽ chẳng khác gì xâu một sợi bông qua 7 chiếc kim và chỉ cần xỏ trượt một lỗ kim là chúng ta sẽ gặp rắc rối to". Với người lính cận vệ kỳ cựu Tim Smith, 24 tuổi, cuộc tấn công "chỉ đơn giản là một trận đánh nữa". Vào lúc đó lo lắng lớn nhất của anh ta là cuộc đua ngựa nổi tiếng St Leger tại Newmarket. Anh này tin rằng con ngựa có tên Tehran, do jockey nổi tiếng Gordon Richards cưỡi, là "một cú chắc ăn". Anh này đặt tất cả tiền túi của mình cho Tehran với một viên hạ sĩ tại sở chỉ huy tiểu đoàn. Nếu Market Garden là chiến dịch sẽ giúp thắng cuộc chiến, thì đây đúng là ngày để thắng cuộc tại St Leger. Và thật ngạc nhiên, Tehran thắng. Lúc này thì anh đã tin chắc rằng Market Garden sẽ thành công.

Một người khác « hiển nhiên là không thoải mái ». Trung úy phi công Donald Love, 28 tuổi, một phi công trinh sát của RAF, cảm thấy hoàn toàn lạc lõng giữa đám sĩ quan thiết giáp cận vệ. Anh này là một thành viên của đội liên lạc với không quân có nhiệm vụ gọi máy bay phóng pháo Typhoon tới yểm trợ khi cuộc đột kích bắt đầu. Chiếc xe

mỏng mảnh của anh (được đặt mật danh là « Cốc rượu vang »), với mui xe bằng vải bạt và mớ phương tiện liên lạc, sẽ phải đi lên hàng đầu ngay gần xe chỉ huy của trung tá Joe Vandeleur. Love cảm thấy bị phơi trần ra và không có phương tiện tự vệ : cả đội liên lạc của RAF đều chỉ có súng ngắn. Trong lúc anh nghe Vandeleur nói về một bức tường lửa di động có thể tiến về phía trước với tốc độ 200 yard một phút" và nghe thấy viên sĩ quan to con người Ireland mô tả chiếc xe trinh sát bé nhỏ của Love như là "một tín hiệu của lực lượng thiết giáp để liên lạc trực tiếp với các phi công trên trời", Love càng lúc càng thấy lo lắng. "Tôi có linh cảm là tôi sẽ là người chịu trách nhiệm liên lạc với những chiếc Typhoon ở trên đầu chúng tôi". Ý nghĩ chẳng lấy gì làm dễ chịu. Love biết rất ít về sử dụng radio, và anh cũng chưa bao giờ làm nhiệm vụ sĩ quan phối hợp tác chiến giữa không quân và lục quân. Thế rồi, thật nhẹ nhõm, anh được biết rằng một chuyên gia trong lĩnh vực này, phi đội trưởng Max Sutherland, sẽ đi cùng anh ngày hôm sau để phụ trách việc liên lạc trong quá trình tiến hành đột kích. Sau đó, Love sẽ phải chịu trách nhiệm. Love bắt đầu tự hỏi liệu đáng ra anh có nên xung phong tình nguyện hay không. Anh đã nhận nhiệm vụ này "bởi vì tôi nghĩ đó là một cơ hội tuyệt vời".

Một thay đổi khác cũng làm viên chỉ huy đơn vị cận vệ Ireland bận tâm. Trong trận đánh chiếm đầu cầu qua kênh đào Escaut, Joe Vandeleur đã mất "một người bạn gần gũi và đáng trân trọng". Chiếc xe thông tin của ông này, với một chiếc loa phóng thanh kích xù trông giống một cây kèn trompet gắn trên nóc, đã bị đạn trái phá của Đức phá hủy. Suốt trong thời gian huấn luyện tại Anh và trong cuộc tấn công thần tốc từ Normandy, Joe đã dùng chiếc xe này để thông

báo với binh lính dưới quyền và ở cuối mỗi bản thông báo, vốn là một người say mê nhạc cổ điển, ông luôn cho phát một hai bản - một sự lựa chọn chẳng phải lúc nào cũng vừa tai đám lính cận vệ. Chiếc xe đã bị nổ tung ra từng mảnh và mảnh những đĩa nhạc cổ điển - kể cả giai điệu ưa thích của Vandeleur - đã bị văng ra tứ tung khắp vùng đồng quê xung quanh. Joe lấy làm phiền lòng về mất mát này; nhưng đám lính cận vệ Ireland của ông thì không. Họ nghĩ, ngay cả khi không phải nghe bản "Praise the Lord and Pass the Ammunition" chốc chốc lại vang âm lên từ chiếc loa phóng thanh của Joe thì con đường tới Arnhem cũng đã đủ mệt mỏi nặng nề rồi.

Trong khi đó, tại Anh lực lượng nhảy dù và đổ bộ bằng tàu lượn của đạo quân đổ bộ đường không số 1 đã tập hợp ở khu vực tập kết, sẵn sàng đợi lệnh cất cánh. Trong vòng 48 giờ trước đó, sử dụng bản đồ, ảnh không thám và mô hình thu nhỏ, các sĩ quan đã phổ biến đi phổ biến lại kế hoạch tác chiến cho binh lính dưới quyền mình. Công cuộc chuẩn bị thật to lớn và tỉ mỉ. Tại 24 sân bay (8 cho lực lượng Anh, 16 cho lực lượng Mỹ), một lực lượng khổng lồ máy bay chở quân, máy bay kéo và tàu lượn đã được kiểm tra, nạp nhiên liệu và chất đầy trang bị từ xe jeep đến pháo. Ở phía bắc London 90 dặm, sư đoàn 82 "All American" của chuẩn tướng James M.Gavin đã bị cấm trại hoàn toàn trong một cụm sân bay nằm quanh Grantham ở Lincolnshire. Ở đây cũng có một phần sư đoàn Quý Đỏ của tướng Roy Urquhart và lữ đoàn dù Ba Lan số 1 của thiếu tướng Stanislaw Sosabowski. Về phía nam gần Newbury, cách London khoảng 80 dặm về phía tây, sư đoàn 101 của thiếu tướng Maxwell D.Taylor cũng đã cấm trại. Cũng trong khu vực này, trải dài tới tận Dorsetshire, là phần còn lại của sư

đoàn của Urquhart. Phần lớn các đơn vị của ông này chỉ được đưa tới sân bay vào sáng ngày 17, nhưng tại các địa điểm trú quân nằm gần địa điểm xuất phát, họ cũng đã sẵn sàng. Khắp nơi, vào lúc này lực lượng đổ bộ đường không của chiến dịch Market-Garden đợi thời điểm xuất phát cho cuộc tấn công lịch sử giải phóng Hà Lan từ trên không.

Nhiều người cảm thấy quan tâm đến việc bị cầm trại hơn là nhiệm vụ sắp tới. Tại một sân bay nằm gần làng Ramsbury, những biện pháp an ninh đã khiến hạ sĩ Hansford Vest, thuộc trung đoàn 502 của sư đoàn 101, cảm thấy bức bối. Máy bay và tàu lượn "chen nhau nằm dài hàng dặm khắp trong vùng và ở đâu cũng có quân canh". Anh ta nhận thấy sân bay đã bị bao quanh bằng hàng rào dây thép gai với "quân canh Anh gác ở ngoài và quân canh của chúng tôi gác phía trong". Vest có "cảm giác rằng chúng tôi bị tước hết sự tự do". Binh nhì James Allardyce thuộc trung đoàn 508, ở giữa rừng lều dày đặc của đơn vị mình, cố gắng quên đi hàng rào thép gai và lính gác. Anh này kiểm tra đi kiểm tra lại vũ khí quân trang của mình "cho đến khi chúng gần như mòn đi". Allardyce không thể rũ bỏ được cảm giác rằng "chúng tôi chẳng khác gì những kẻ bị kết án đang chờ bị tổng ra pháp trường".

Một số người khác lại chỉ lo lắng về khả năng chiến dịch mới được thực hiện. Đã có quá nhiều chiến dịch trước đó bị đình chỉ khiến một tân binh, binh nhì 19 tuổi Melvin Isenekev, thuộc trung đoàn 506 (anh này từ Mỹ tới ngày 6/6, đúng hôm sư đoàn 101 nhảy dù xuống Normandy), vẫn không tin rằng họ có thể xung trận được ngay cả khi

họ đã vào khu tập hợp. Isenekev cảm thấy anh đã luyện tập "lâu dài và vất vả cho nhiệm vụ này và tôi không muốn bị bỏ lại phía sau". Thế nhưng thiếu chút nữa chuyện đó đã xảy ra. Cố tìm cách châm lửa chiếc bếp dầu tự tạo để đun nước, anh ta đã đốt một que diêm rồi ném vào một vỏ thùng dầu. Không thấy gì xảy ra, Isenekev "cúi đầu lại gần nhìn và tất cả nổ tung". Hoàn toàn bị mù tạm thời, anh ta nghĩ ngay, "Thế là hết. Họ sẽ không cho tôi đi". Tuy nhiên chỉ vài phút sau hai mắt anh ta đã hết bóng và anh này đã có thể nhìn trở lại. Nhưng anh tin chắc rằng mình là nhân vật duy nhất thuộc sư đoàn 101 nhảy dù xuống Hà Lan không có lấy một sợi lông mày nào.

Thượng sĩ nhất Daniel Zapalski, 24 tuổi, thuộc trung đoàn 502 "lo toát mồ hôi về cú nhảy sắp tới; hy vọng rằng chiếc dù được gấp đúng cách, hy vọng rằng nền đất sẽ mềm; và hy vọng rằng tôi sẽ không mắc vào một cái cây nào đó". Anh háo hức muốn lên đường. Cho dù vẫn chưa hoàn toàn bình phục vết thương chân ở Normandy, Zapalski tin rằng vết thương của anh "không nghiêm trọng đến mức khiến tôi không thể hoàn thành được trách nhiệm của mình". Tư lệnh tiểu đoàn của anh, viên trung tá rất được mến mộ Robert G.Cole, không nghĩ như vậy. Ông này đã không chấp nhận yêu cầu của Zapalski. Không nản chí, Zapalski đã qua mặt Cole và nhận được giấy chứng nhận của bác sĩ quân y trung đoàn xác nhận anh có đủ khả năng chiến đấu.

Đại úy Raymond S.Hall, linh mục tuyên úy của trung đoàn 502, cũng có một khó khăn gần tương tự. Ông này « rất nóng lòng muốn quay trở lại chiến đấu và có mặt bên cạnh người của mình ». Nhưng ông

cũng đã bị thương ở Normandy. Lần này các bác sĩ không cho ông nhảy dù nữa. Cuối cùng ông được thông báo ông sẽ đi trên tàu lượn. Vị tuyên úy phát hoảng trước tin này. Là một lính dù kỳ cựu, ông coi tàu lượn là một phương tiện rất không an toàn.

Nỗi sợ bị giết hay không hoàn thành nhiệm vụ cũng ám ảnh nhiều người khác. Đại úy LeGrand Johnson, một đại đội trưởng 22 tuổi, nhớ lại « cú hút chết kinh hoàng » trong cuộc đổ bộ đêm của sư đoàn 101 tại Normandy, đã hoàn toàn « buông xuôi ». Anh này tin chắc rằng lần tới anh ta sẽ không thể sống sót quay trở về. Tuy vậy, viên sĩ quan trẻ « quyết định sẽ đánh một trận ra trò ». Johnson cũng không chắc anh có hứng thú với ý tưởng nhảy dù ban ngày hay không. Có thể nó sẽ làm tăng tổn thất. Mặt khác, lần này « chúng tôi sẽ có thể nhìn thấy kẻ thù ». Để dấu sự bồn chồn của mình, Johnson cá cược với đồng đội xem ai sẽ là người đầu tiên được ném bia Hà Lan. Một trong những thượng sĩ dưới quyền Johnson, Charles Dohun, gần như « đờ đẫn » vì lo lắng. Anh ta « không biết so sánh vụ nhảy dù ban ngày này với chiến dịch Normandy ra sao, cũng không rõ điều gì sẽ xảy ra. » Chỉ 48 giờ sau, quên hết sự lo lắng của mình, Dohun sẽ anh dũng cứu sống viên đại úy Johnson bị quan.

Thượng sĩ kỹ thuật Marshall Copas, 22 tuổi, có lẽ còn có nhiều lý do hơn để lo lắng. Anh là một trong những « người dò đường » sẽ phải nhảy dù đầu tiên để đánh dấu các bãi đổ quân cho sư đoàn 101. Trong lần đổ bộ ở Normandy, Copas nhớ lại, « chúng tôi có 45 phút trước khi lực lượng chính bắt đầu đổ bộ - lần này chúng tôi chỉ có 20 phút ». Copas và người bạn, thượng sĩ John Rudolph Brandt, 29 tuổi,

có chung ý nghĩ : cả hai đều cảm thấy dễ chịu hơn « nếu phía dưới chúng tôi là đạo quân số 3 của tướng Patton chứ không phải là người Anh. Chúng tôi trước đây chưa bao giờ chiến đấu cùng đám Tommy ».

Tại khu vực Grantham, binh nhì John Garzia, một cựu binh với 3 lần nhảy tác chiến cùng sư đoàn 82, cảm thấy choáng váng. Với anh ta, Market Garden « hoàn toàn là trò điên rồ ». Anh này nghĩ « Ike đã chạy sang phe bọn Đức ».

Giờ đây khi chiến dịch Market Garden sắp mở màn, trung tá Louis Mendez, chỉ huy tiểu đoàn thuộc trung đoàn 508 sư đoàn 82, không ngần ngại nói đến một chủ đề đặc biệt. Vẫn còn giữ trong đầu những kỷ niệm cay đắng về kinh nghiệm đổ bộ ban đêm của trung đoàn mình tại Normandy, trung tá Mendez đưa ra một lời cảnh cáo dành cho các phi công sẽ chở tiểu đoàn của mình vào trận ngày hôm sau. « Thừa các vị, » Mendez lạnh lùng nói, « các sĩ quan của tôi đã học thuộc lòng tấm bản đồ Hà lan này cũng như vị trí các bãi đổ quân, và chúng tôi đã sẵn sàng xung trận. Khi tôi phổ biến kế hoạch cho tiểu đoàn của mình trước trận Normandy, tôi có trong tay tiểu đoàn dù tuyệt nhất đã từng được biết đến. Khi tôi tập hợp họ lại tại Normandy, một nửa đã biến mất. Tôi yêu cầu các vị : thả chúng tôi xuống Hà lan hay âm ty địa ngục nào cũng được, nhưng hãy thả chúng tôi xuống cùng một chỗ ».

Binh nhất John Allen, 24 tuổi, một cựu binh đã ba lần tham chiến và vẫn còn đang trong giai đoạn hồi phục vết thương từ Normandy, tỏ

ra triết lý về chiến dịch sắp tới : « Bọn chúng chưa bao giờ bắn trúng tôi trong một cuộc nhảy dù ban đêm, » anh này nghiêm chỉnh nói với đồng đội, « thế thì lần này chúng sẽ có cơ hội nhìn rõ tôi và ngắm bắn một phát ra trò ». Thượng sĩ Russell O'Neal, cũng đã có ba lần tác chiến ban đêm, tin chắc rằng « vận may Ireland của anh ta sắp cạn. » Khi anh ta được biết sư đoàn 82 sẽ phải nhảy dù ban ngày, anh ta đã viết một lá thư không bao giờ gửi đi « Mẹ có thể treo một ngôi sao vàng lên cửa sổ tối nay, mẹ của con. Bọn Đức có cơ hội tuyệt vời để bắn hạ bọn con trước khi bọn con kịp chạm đất ». Để làm cho không khí vui vẻ hơn – cho dù khi làm vậy rất có thể anh ta đã làm mọi sự tệ đi – binh nhì Philip H.Nadler thuộc trung đoàn 504 tung ra vài tin đồn. Tin đồn anh ta tâm đắc nhất là câu chuyện về một trại lính SS lớn của Đức đóng đúng tại một trong những khu đổ quân của sư đoàn 82.

Nadler đã không cảm thấy quá ấn tượng về buổi phổ biến kế hoạch ở trung đội. Một trong những mục tiêu của trung đoàn 504 là cây cầu tại Grave. Tập hợp binh lính quanh mình, viên trung úy phổ biến kế hoạch kéo tấm phủ bàn cát mô hình và nói, « Các vị, đây là đích đến của các vị ». Viên trung úy đưa que chỉ thẳng vào mô hình cây cầu chỉ mang một từ duy nhất « Grave » (Ngôi mộ). Nadler là người đầu tiên đưa ra bình luận. « Thừa trung úy, cái này thì chúng tôi biết, » anh ta nói, « nhưng chúng tôi sẽ nhảy xuống nước nào vậy ? »

Thiếu tá Edward Wellems, thuộc tiểu đoàn 2 trung đoàn 504, nghĩ rằng tên cây cầu này thật là dở, bất chấp việc viên sĩ quan phổ biến kế hoạch cho đơn vị của ông ta đã đột ngột thay đổi cách phát âm, và gọi

cây cầu đó là « gravey bridge ».

Buổi phổ biến kế hoạch gây ra những tâm trạng khác nhau. Viên hạ sĩ 19 tuổi Jack Bommer nghĩ "chỉ sáu hay tám tuần nữa chúng tôi sẽ có mặt ở nhà và sau đó người ta sẽ gửi chúng tôi tới Thái Bình Dương". Binh nhì Leo Hart, 21 tuổi, không tin rằng họ sẽ xung trận. Anh này đã hóng được - rất có thể từ kết quả tin đồn của binh nhì Nadler - rằng có chừng 4000 lính SS có mặt tại khu đổ quân chính.

Thiếu tá Edwin Bedell, 38 tuổi, nhớ lại rằng sự bận tâm duy nhất của một binh nhì là sự an toàn của một con thỏ mà anh ta thắng cuộc tại một hội thi ở một làng trong vùng. Anh binh nhì này rất lo cho con vật của mình, đã luôn đi theo anh ta đi mọi nơi, sẽ không thể sống sót được cuộc nhảy dù, mà nếu có thoát được cũng sẽ rất có nguy cơ kết thúc trong một cái nôi nào đó.

Gần sân bay Spanhoe ở vùng Grantham, trung úy "Pat" Glover thuộc lữ đoàn dù số 4 sư đoàn đổ bộ số 1 của Anh cũng lo lắng cho Myrtle, một cô gà lông nâu đỏ đã là con vật cưng của Glover từ đầu mùa hè. Với chiếc dù buộc vào một băng chun quanh cổ, Myrtle « cô gà từ trên trời rơi xuống » đã tập nhảy dù 6 lần. Đầu tiên cô gà này được cho vào một túi bạt buộc vào vai trái của Glover. Sau đó, anh này thả cô gà ra ở độ cao 50 bộ. Giờ thì Myrthe đã là một cựu binh, và Glover có thể thả nó ra ở độ cao 300 bộ. Vừa vỗ cánh phành phạch vừa kêu ầm ĩ, Myrthe chuệch choạng hạ cánh. Sau khi chạm đất, Glover nhớ lại, « con vật khá hiền lành này ngoan ngoãn chờ trên mặt đất cho tới khi tôi xuống tới nơi và đến lượm nó ». Myrthe cô gà bay sẽ tới

Arnhem. Đó là lần nhảy tác chiến đầu tiên của cô gà mái. Nhưng Glover không có ý định thử may rủi. Anh dự định sẽ để yên Myrthe trong túi cho tới khi anh đã đặt chân xuống đất Hà Lan.

Hạ sĩ Sydney Nunn, 23 tuổi, thuộc lữ đoàn đổ bộ số 1, đóng quân gần Keevil, cảm thấy khoan khoái được lên đường. Anh này cho rằng doanh trại quả là « con ác mộng ». Nunn sẵn sàng tới Arnhem hay bất cứ đâu cũng được, miễn là đủ xa để thoát khỏi đám rệp cứ luôn rúc sâu vào đệm của anh.

Với binh lính của sư đoàn đổ bộ Anh số 1, lúc này đang đợi lệnh trong các căn cứ nằm rải từ Midland xuống phía nam tới tận Dorsetshire, tâm trạng chung là cảm giác nhẹ nhõm vì cuối cùng họ cũng sắp được ra trận. Bên cạnh đó, các sĩ quan phổ biến kế hoạch nhấn mạnh rằng Market Garden có thể giúp rút ngắn chiến tranh. Với người Anh, chiến đấu liên tục từ năm 1939, tin này thật có ý nghĩa. Thượng sĩ Ron Kent, thuộc đại đội dù độc lập số 21, nghe nói rằng « thành công của chiến dịch có thể khiến chúng ta chiếm được Berlin » và lực lượng mặt đất của đối phương tại Arnhem « chủ yếu là đám Thanh niên Hitler trẻ ranh và những người già đi xe đạp ». Thượng sĩ Walter Inglis, thuộc lữ đoàn dù số 1, cũng đầy tin tưởng như vậy. Anh này nghĩ rằng cuộc tấn công sẽ « rất ngon lành ». Tất cả những gì đám Quỷ Đỏ phải làm là « bám lấy cây cầu Arnhem trong 48 giờ cho đến khi xe tăng của quân đoàn 30 tới ; sau đó chiến tranh coi như kết thúc ». Inglis hy vọng sẽ được về nhà ở Anh sau một tuần. Hạ sĩ Gordon Spicer, cũng thuộc lữ đoàn dù số 1, tự tin coi chiến dịch « là một cuộc chơi khá dễ dàng với một đám quân Đức rệu rã đang khiếp

sợ thụt lùi khi thấy chúng tôi xuất hiện » ; trong khi đó Percy Parkes, thuộc lữ đoàn đổ bộ số 1, sau cuộc phổ biến kế hoạch, cảm thấy « tất cả những gì chúng tôi phải đối đầu tại Arnhem là một đám đầu bếp và chân cạo giấy người Đức ». Sự có mặt của thiết giáp đối phương, Parkes thuật lại, chỉ « được nói thoáng qua, và chúng tôi được bảo rằng yểm trợ không quân sẽ mạnh đến mức làm tối đen cả bầu trời trên đầu chúng tôi ». Y tá Geoffrey Stanners cũng tự tin tới mức chỉ chờ đợi « một hai tiểu đoàn lính thu dung » và hiệu trưởng viên Victor Read thì « chờ đợi sẽ gặp đám WAAF của Đức », anh nghĩ, « sẽ là những kẻ duy nhất phòng thủ Arnhem ».

Một số người có thể danh chính ngôn thuận ở lại nhà cũng hăng hái muốn ra trận. Thượng sĩ Alfred Roullier, thuộc lữ đoàn pháo đổ bộ số 1, là một trong số đó. Người lính 31 tuổi này phát hiện ra anh không được tham gia chiến dịch Arnhem. Cho dù Roullier được huấn luyện làm pháo thủ, nhưng lúc này anh đang làm cấp dưỡng tại sở chỉ huy tiểu đoàn. Vì tài nấu nướng của mình, xem ra rất có thể anh sẽ phải làm việc đó cho đến hết chiến tranh. Đã hai lần, Alf Roullier yêu cầu thượng sĩ nhất John Siely được tham gia vào cuộc tấn công, nhưng lần nào cũng bị từ chối. Đến lần thứ 3, Alf nhấn mạnh trường hợp của mình. « Tôi biết chiến dịch này có thể rút ngắn chiến tranh, » anh nói với Siely. « Tôi có một vợ và hai con, nhưng nếu cuộc tấn công này có thể giúp tôi chóng trở về nhà hơn và đảm bảo cho họ một tương lai tốt đẹp hơn, thì tôi muốn được ra trận ». Siely sử dụng một số quan hệ của mình. Tên của Alf Roullier được thêm vào danh sách những người sẽ đổ bộ xuống Arnhem – nơi mà trong tuần tiếp theo, viên thượng sĩ cấp dưỡng sẽ trở thành một huyền thoại.

Trong bầu không khí phấn khích trước giờ khai hoả của Market Garden, cũng có những nghi ngờ trong một số sĩ quan và binh lính tham chiến. Họ băn khoăn vì nhiều lý do khác nhau, cho dù hầu hết đều thận trọng không để lộ cảm giác của mình. Hạ sĩ Daniel Morgans, thuộc lữ đoàn dù số 1, coi « Market Garden là một chiến dịch tự sát ». Việc « đổ bộ cách mục tiêu đến 6 -7 dặm rồi lại phải đánh xuyên qua cả một thành phố để tới được nó, đúng là mua dây buộc mình ». Thượng sĩ nhất J.C.Lord, người đã trải qua cả cuộc đời trong quân ngũ, cũng nghĩ như vậy. « Kế hoạch có vẻ trông chờ quá nhiều vào may rủi, » anh linh cảm. Và Lord cũng không mấy tin tưởng câu chuyện về một kẻ thù đã kiệt sức và yếu đuối. Anh biết « người Đức không phải là đồ ngốc và là những chiến binh tuyệt vời ». Tuy thế, J.C.Lord, người mà tư cách khiến cả đám cựu binh cũng phải vì nể (gần như vô thức, một số người đã gọi anh này sau lưng là « Jesus Christ »), đã không để lộ sự áy náy của mình, vì « làm thế sẽ là thật tai hại cho tinh thần mọi người ».

Đại úy Eric Mackay, chỉ huy đơn vị công binh mà một trong những nhiệm vụ được giao là tiếp cận nhanh cây cầu chính ở Arnhem và tháo gỡ thuốc nổ của quân Đức gài nếu có, nghi ngờ cả chiến dịch. Anh này nghĩ sư đoàn của mình « nếu đổ xuống cách mục tiêu 8 dặm thì cũng chẳng khác gì đổ xuống cách đó 100 dặm ». Lợi thế bất ngờ và « một cú đánh mạnh chớp nhoáng » hiển nhiên sẽ bị mất. Mackay âm thầm yêu cầu người của mình phải tăng gấp đôi cơ số đạn và lựu đạn mang theo, đồng thời đích thân hướng dẫn từng người lính dưới quyền các kỹ thuật thoát hiểm.

Thiếu tá Anthony Deane-Drummond, 27 tuổi, chỉ huy phó thông tin của sư đoàn đổ bộ số 1, đặc biệt lo lắng về phương tiện liên lạc của mình. Bên cạnh các máy chỉ huy chính, anh rất lo về những máy phát nhỏ cỡ « 22 » dự kiến sẽ được dùng giữa Urquhart và các lữ đoàn trong quá trình tấn công Arnhem. Những máy « 22 » hoạt động thu phát tốt nhất trong đường kính 3 đến 5 dặm. Với các khu đổ bộ cách mục tiêu 7 đến 8 dặm, hoạt động có thể sẽ trục trặc. Tệ hơn nữa, những máy này cũng cần liên lạc được với sở chỉ huy quân đoàn của tướng Browning, dự định đặt ở Nijmegen, cách các khu đổ quân chừng 15 dặm về phía nam. Thêm vào những trở ngại này còn có địa hình. Giữa cây cầu chính ở Arnhem và khu đổ bộ là cả thành phố, rồi những khu có rừng rậm bao phủ, và những khu ngoại ô đông dân cư.

Mặt khác, một đơn vị liên lạc độc lập, được đặt tên là « Phantom »- đơn vị này được tổ chức để thu thập và thông báo các dự đoán tình báo và các báo cáo cập nhật tình hình cho từng tư lệnh chiến trường, trong trường hợp này là tướng Browning của quân đoàn đổ bộ - lại không hề lo ngại về tầm hoạt động của các máy « 22 » họ được trang bị. Viên trung úy 25 tuổi Neville Hay, phụ trách đội ngũ được huấn luyện kỹ càng của Phantom, thậm chí còn cảm thấy « hơi coi thường lực lượng thông tin hoàng gia », những người mà đơn vị của anh này ái ngại coi là « những người anh em họ tội nghiệp ». Bằng việc sử dụng một loại ăng ten đặc biệt, Hay và các hiệu thính viên của mình có thể thực hiện việc truyền tin ở cự ly xa đến trên 100 dặm với một chiếc « 22 ».

Bất chấp thành công của Hay và mặc dù có nhiều hình thức liên lạc khác có thể được sử dụng trong trường hợp khẩn cấp, Deane – Drummon vẫn thấy bất an. Anh trao đổi lại với cấp trên của mình, trung tá Tom Stephenson, rằng « khả năng các máy này hoạt động ở mức chấp nhận được trong giai đoạn đầu của chiến dịch là rất đáng ngờ ». Stephenson cũng tán đồng. Thế nhưng, điều này cũng khó gây ra rắc rối. Trong một cuộc tấn công bất ngờ, theo dự kiến lực lượng tấn công sẽ tới cầu Arnhem rất nhanh. Vì vậy, người ta tin rằng các đơn vị sẽ không bị gián đoạn liên lạc với sở chỉ huy lâu hơn 1 hay 2 giờ, vì đến khoảng thời gian này, Deane-Drummond được nghe nói, « mọi chuyện sẽ đã đâu vào đấy và sở chỉ huy của Urquhart lúc đó đã ở ngay trên cầu cùng với lữ đoàn số 1 ». Cho dù không hoàn toàn an tâm, Deane – Drummond nhớ lại rằng « cũng như hầu hết mọi người khác, tôi cũng bị cuốn theo suy nghĩ chung : « Đừng có bi quan thế ; và vì Chúa đừng có đi ném đá xuống thuyền, hãy làm theo kế hoạch tấn công ».

Giờ thì tiếng nói quyết định cuối cùng không còn thuộc về con người nữa mà là của thời tiết. Từ tổng hành dinh trở xuống, các sĩ quan cấp cao theo dõi sát sao các bản tin thời tiết. Chỉ có chưa đến 7 ngày chuẩn bị để kịp với thời hạn của Montgomery, Market Garden đã sẵn sàng hơn bao giờ hết, thế nhưng một bản dự báo về ít nhất ba ngày trời quang mây tạnh liên tục là tối cần thiết. Vào tối ngày 16/9, các chuyên gia khí tượng đưa ra báo cáo : ngoại trừ một chút sương mù vào sáng sớm, thời tiết sẽ đẹp trong 3 ngày sau đó, ít mây và hoàn toàn không có gió. Tại sở chỉ huy đạo quân đổ bộ đường không số 1, trung tướng Brereton nhanh chóng ra quyết định. Một bức điện mật

được mã hoá gửi tới các chỉ huy dưới quyền ông vào lúc 7 giờ 45 tối viết, « Xác nhận Market Chủ nhật 17. » Trong nhật ký của mình, Brereton ghi lại, « Cuối cùng chúng tôi cũng bước vào hành động ». Ông nghĩ tối hôm đó ông có thể ngủ ngon giấc, vì như ông nói với ban tham mưu, « Giờ đây khi tôi đã ra quyết định, tôi đã thoát khỏi trạng thái lo âu thường trực ».

Tại những nhà chờ chật ních, trong những rừng lều trại và nhà tạm, những binh lính đang chờ đợi cũng được thông báo. Trên tấm gương lớn đặt trên lò sưởi ở nhà ăn hạ sĩ quan của đơn vị thông tin thuộc sư đoàn đổ bộ đường không Anh số 1 đóng gần Grantham, ai đó đã viết lên bằng phấn « lên đường sau 14 giờ nữa... không huỷ bỏ gì nữa ». Thượng sĩ Horace « Hocker » Spivey nhận xét rằng, cứ mỗi giờ qua đi, con số lại được viết lại bằng phấn. Với Spivey, đã quá mệt mỏi với việc phải dự những buổi phổ biến những kế hoạch chẳng bao giờ được thực hiện, những con số giảm dần trên tấm gương là bằng chứng rõ rệt nhất cho thấy lần này « chúng tôi chắc chắn sẽ xuất trận ».

Tại tất cả các căn cứ xuất phát, binh sĩ của đạo quân đổ bộ đường không số 1 của Đồng minh thực hiện những việc chuẩn bị cuối cùng. Họ đã được phổ biến đầy đủ về kế hoạch, vũ khí được kiểm tra, còn tiền mang theo đã được đổi sang đồng guilder của Hà Lan, và lúc này những người lính đang bị cấm trại hầu như chẳng còn gì để làm ngoài chờ đợi. Một số dùng thời gian vào việc viết thư, « kỷ niệm » cuộc lên đường sáng hôm sau, đóng gói quân trang cá nhân, ngủ hay tham gia vào đủ thứ bài bạc từ blackjack, poker cho đến bài bridge.

Thượng sĩ Francis Moncur, 22 tuổi, thuộc tiểu đoàn 2 lữ đoàn dù số 1, chơi blackjack hết giờ này đến giờ khác. Và trong sự ngạc nhiên của chính mình, anh ta thắng liên tục. Nhìn lại xấp guilders cứ cao dần lên trước mặt mình, Moncur cảm thấy như mình đã thành triệu phú. Anh này định bụng sẽ « vui chơi tung bừng một trận ở Arnhem sau trận đánh », mà theo anh ta sẽ chỉ « kéo dài 48 giờ ». Chừng đó cũng đủ để anh trả món nợ với bọn Đức. 72 giờ trước đó, em trai của Moncur, một thượng sĩ 17 tuổi của RAF, đã hy sinh khi định nhảy dù khỏi chiếc máy bay ném bom bị trúng đạn từ độ cao 200 bộ. Chiếc dù của cậu thanh niên đã không mở hoàn toàn.

Ở phía nam Grantham tại một doanh trại ở Cottesmore, thượng sĩ « Joe » Sunley thuộc lữ đoàn dù số 4 đang đi tuần, để đảm bảo « không có tay lính dù nào lĩnh khỏi căn cứ mò vào làng ». Trở về trại, Sunley bắt gặp thượng sĩ « Ginger » Green, một huấn luyện viên thể lực và là « một chàng khổng lồ hiền lành » đang tung một quả bóng đá lên không. Green bắt lấy quả bóng và ném cho Sunley. « Cậu định làm cái quái gì với của nợ này thế ? » Sunley hỏi ; Ginger giải thích rằng anh định mang quả bóng tới Arnhem, « như thế chúng mình có thể chơi một trận ở khu đổ quân sau khi đã hoàn tất nhiệm vụ ».

Tại Manson, Kent, thượng sĩ George Baylis thuộc trung đoàn phi công tàu lượn cũng trông đợi có cơ hội xả hơi. Anh này nghe nói người Hà Lan rất thích nhảy ; thế là George cẩn thận gói ghém mang theo đôi giày nhảy của mình. Hiệu thính viên Stanley G.Copley của lữ đoàn dù số 1 mang theo một cuộn phim dự trữ cho chiếc máy ảnh của mình. Vì xem ra sẽ không gặp nhiều chống cự của quân địch nên

anh này nghĩ cuộc tấn công « sẽ là một dịp tuyệt hảo để chụp lấy vài kiểu về cảnh đồng quê và thành phố Hà Lan ».

Một người mang theo món quà anh mang tới London vài ngày trước. Khi Hà Lan bị chiếm đóng, trung tá hải quân 32 tuổi Arnoldus Wolters của hải quân Hà Lan đã trốn thoát trên chiếc tàu quét mìn của mình và chạy sang Anh. Từ đó, anh đã gắn bó với chính phủ Hà Lan lưu vong, giữ nhiều công việc văn phòng liên quan đến tình báo và thông tin. Trước đó vài ngày, Wolters được yêu cầu trở lại Hà Lan với tư cách thành viên của phái đoàn đại diện cho chính quyền quân quản và phụ trách các vấn đề dân sự được phối thuộc vào sở chỉ huy của tướng Urquhart. Theo dự kiến Wolters sẽ là phái viên quân sự tại vùng lãnh thổ Hà Lan được lực lượng đổ bộ giải phóng. "Đó là một đề nghị thật bất ngờ - chuyển từ một ghế bàn giấy lên một chiếc tàu lượn", anh nhớ lại. Viên trung tá được điều về đơn vị dưới quyền chỉ huy của đại tá Hilary Barlow, tư lệnh phó lữ đoàn đổ bộ số 1, người đã được dự kiến giữ chức tư lệnh thành phố tại Arnhem sau khi giải phóng được thành phố này. Wolters sẽ là trợ lý cho ông này. Lúc này, phấn khích trước viễn cảnh được trở về Hà Lan, Wolters "bị lây tâm trạng lạc quan, và tôi tin vào tất cả những gì tôi được nghe. Tôi thực sự không nghĩ rằng chiến dịch sẽ quá khó khăn. Xem ra cuộc chiến có thể coi như đã chấm dứt và cuộc tấn công sẽ rất dễ dàng. Tôi hy vọng sẽ đổ bộ vào chủ nhật và có mặt ở nhà với vợ và con tôi tại Hilversum vào thứ ba". Dành cho Maria, vợ mình, Wolters đã mua một chiếc đồng hồ đeo tay làm quà, còn cho đứa con gái, mà lần cuối cùng anh được ngắm nhìn khi còn bé từ bốn năm về trước, anh mang theo một chú gấu bông to. Anh hy vọng sẽ không ai phản đối việc anh mang

nó lên tàu lượn.

Trung tá John Frost, 31 tuổi, người sẽ chỉ huy tiểu đoàn có nhiệm vụ đánh chiếm cầu Arnhem, mang theo cả còi kèn sẵn cáo bằng đồng của mình bên cạnh đồ quân phục. Đây là món quà từ các thành viên của Royal Exodus Hunt, mà ông đã làm hội trưởng thời kỳ 1939 - 1940. Trong thời kỳ huấn luyện, Frost đã sử dụng cây còi để tập hợp đơn vị. Ông định cũng làm vậy trong chiến dịch sắp tới. Frost không thích thú lắm với cuộc nhảy dù ban ngày, Từ những thông tin trong buổi phổ biến kế hoạch, "chúng tôi được làm cho có cảm giác rằng bọn Đức đã suy yếu và rệu rã và lực lượng Đức ở khu tác chiến hiển nhiên là loại bạc nhược và trang bị tồi". Frost băn khoăn về những khu đổ bộ. Ông đã được phổ biến rằng "những khu vực phía nam cầu không thích hợp cho lính nhảy dù và tàu lượn". Vậy thì tại sao, ông tự hỏi, lực lượng Ba Lan lại phải đổ xuống phía nam cầu "nếu vùng đó đã không thích hợp như vậy?"

Cho dù ông nóng lòng muốn xung trận, Frost "không thích phải tới Hà Lan". Ông thầm hy vọng đến phút cuối cùng sẽ lại có hoãn hay hủy bỏ kế hoạch. Viên trung tá đã trở nên ưa thích vùng Stoke Rochford ở Lincolnshire và thầm ước "có thêm một hay hai ngày để làm những điều thú vị mà tôi đã từng làm trong quá khứ". Thế nhưng bên cạnh đó cũng có những ý nghĩ khác, 'nói với tôi rằng chúng tôi đã ở đây quá lâu rồi và đã đến lúc lên đường'. Frost ngủ ngon lành đêm 16/9. Cho dù ông không lạc quan đến mức cho rằng trận đánh tại Arnhem sẽ "chỉ là một cuộc dạo chơi", ông cũng đã lệnh cho Wick, người cần vụ của mình, đóng gói súng sẵn, đạn, bộ gậy đánh golf và

đồ dạ tiệc của ông lên chiếc xe jeep của sở chỉ huy sẽ đi sau đơn vị.

Trên tấm gương treo phía trên lò sưởi tại nhà ăn hạ sĩ quan, lúc này đã trống trơn, vẫn còn một ghi chú nguệch ngoạc cuối cùng được viết lên trước khi mọi người trở nên quá bận rộn để có tâm trí làm tiếp việc này. Dòng chữ này viết " 2 giờ trước khi lên đường ... không có hủy bỏ".

PHẦN III - CUỘC TẤN CÔNG

Tiếng gầm rít của những đội hình máy bay khổng lồ vang lên tưởng rách màng nhĩ. Xung quanh các căn cứ tàu lượn của quân Anh tại Oxfordshire và Gloucestershire, ngựa và gia súc phát hoảng chạy lồng lên trên đồng. Ở vùng nam và đông Anh, hàng ngàn người ngỗ ngàng theo dõi. Tại một số làng và thành phố, đường xá đông nghịt, giao thông tắc nghẽn hoàn toàn. Những hành khách trên các chuyến tàu hỏa chen nhau ngó qua khung cửa sổ toa. Khắp nơi mọi người há hốc mồm ngỗ ngàng trước một cảnh tượng chưa ai từng được chứng kiến trước đó. Lực lượng đổ bộ đường không lớn nhất trong lịch sử đang rời mặt đất hướng tới mục tiêu.

Một cách tình cờ, vào buổi sáng chủ nhật đẹp trời 17/9/1944, khắp nơi trên nước Anh diễn ra lễ cầu nguyện đặc biệt để tưởng nhớ "những người can trường ít ỏi", những phi công RAF đã dũng cảm thách thức Luftwaffe của Hitler 4 năm trước và khiến chúng phải chùn bước. Trong khi những người tham dự đang quỳ xuống cầu nguyện, tiếng cánh quạt động cơ vang lên không dứt đã hoàn toàn che lấp đi tiếng cầu kinh ở nhiều nơi. Tại nhà thờ lớn Westminster ở London, không ai nghe thấy tiếng đàn organ trầm hùng phát lên bản Magnificat. Từng nhóm người lần lượt rời bục cầu nguyện ra nhập vào đám đông đã tụ

tập lại trên các đường phố. Tại đó, người London ngửa mặt nhìn lên trời, hoàn toàn choáng ngợp trước cảnh hết phi đội này đến phi đội khác bay qua đầu họ ở độ cao thấp. Ở phía bắc London, một ban nhạc nhà thờ đã chào thua bỏ cuộc trước tiếng động, nhưng một người đánh trống, mắt nhìn như dán lên trời, gõ những tiếng trống đầy ý nghĩa: ba ngắn một dài - theo mã Morse là chữ V tượng trưng cho Victory (chiến thắng).

Với những người đang nhìn lên trời, bản chất của cuộc tấn công được bộc lộ hoàn toàn qua những đoàn dài máy bay kéo tàu lượn. Nhưng phải đến hơn 6 giờ sau người Anh mới chính thức được biết họ đã được chứng kiến pha mở màn của cuộc tấn công đổ bộ đường không quy mô lớn nhất đã từng được thực hiện. Một nhân viên Chữ thập đỏ, Angela Hawkings, có lẽ đã thuật lại chính xác nhất phản ứng của những người đã nhìn thấy không đoàn khổng lồ đó bay qua. Từ cửa sổ một toa tàu, cô nhìn lên trời, kinh ngạc, trong lúc hết đợt này đến đợt khác máy bay bay qua "như một trận mưa sao chổi vậy". Cô cũng tin tưởng rằng "cuộc tấn công này, cho dù hướng vào đâu, hẳn sẽ chấm dứt chiến tranh".

Binh lính của đạo quân đổ bộ đường không số 1 của Đồng minh cũng bất ngờ chẳng kém gì dân chúng về cảnh tượng hùng vĩ của cuộc xuất phát của chính họ. Lính nhảy dù, lính đổ bộ bằng tàu lượn và các phi công lên đường bay tới Hà Lan choáng ngợp trước quy mô và sự vĩ đại của lực lượng máy bay. Đại úy Arie D.Bestebreurtje, một sĩ quan Hà lan phối thuộc sư đoàn 82, nghĩ rằng cảnh tượng đó là "không thể tin nổi. Có lẽ tất cả máy bay mà Đồng minh có đều tham gia vào chiến dịch này". Trên thực tế, khoảng 4700 máy bay đã được huy động - số lượng lớn nhất đã từng được dùng cho một cuộc đổ quân duy nhất.

Chiến dịch đã bắt đầu lúc rạng sáng và tiếp tục trong suốt buổi

sáng. Đầu tiên, hơn 1400 máy bay ném bom Đồng minh cất cánh từ các sân bay ở Anh oanh tạc các trận địa phòng không Đức và các khu tập trung lực lượng địch tại khu quyết chiến của Market Garden. Sau đó, vào lúc 9 giờ 45 phút và kéo dài trong suốt 2 giờ 15 phút nữa, 2023 máy bay chở lính, tàu lượn và máy bay kéo chúng phủ kín bầu trời sau khi cất cánh lên từ 24 căn cứ của Anh và Mỹ. Máy bay C47 chở lính dù bay thành đội hình 45 chiếc. Một số C47 khác cùng các máy bay ném bom của Anh - những chiếc Halifax, Stirling và Albermarle - kéo theo 478 tàu lượn. Trong đoàn lữ hành trên không tưởng chừng dài vô tận này, những chiếc tàu lượn chở lính và khí tài nặng được kéo theo sau máy bay bằng những sợi cáp dài 300 bộ. Xen giữa những chiếc Horsa và Waco nhỏ hơn là những chiếc Hamilcar to lớn, mỗi chiếc có thể chứa được 8 tấn hàng; chúng có thể mang được 1 xe tăng hạng nhẹ hay 2 xe tải 3 tấn cùng pháo binh hay đạn. Bay phía trên, phía dưới và hai bên sườn để bảo vệ đoàn lữ hành này là gần 1500 máy bay tiêm kích và máy bay khu trục đồng minh - những chiếc Spitfire, những chiếc phóng pháo Typhoon, Tempest và Mosquito của Anh; những chiếc Thunderbolt, Lightning, Mustang của Mỹ và máy bay ném bom bổ nhào ở độ cao thấp.

Có nhiều máy bay trên không đến mức đại úy Neil Sweeney thuộc sư đoàn không vận 101 nhớ lại “dường như chúng tôi có thể bước chuy^{ên} lên các cánh máy bay để tiến thẳng tới Hà Lan”.

Lực lượng đổ bộ bằng tàu lượn của Anh là những người đầu tiên cất cánh. Ở xa hơn về phía bắc trong hành lang của Market Garden so với lực lượng Mỹ và với những yêu cầu tác chiến khác biệt, tướng

Urquhart cần tối đa người, khí tài và pháo binh - nhất là súng chống tăng – trong đợt đổ bộ đầu tiên, để đánh chiếm và giữ vững các mục tiêu của mình trước khi lực lượng mặt đất kịp đến hội quân. Do đó, phần lớn sư đoàn của ông được chuyển đi bằng tàu lượn; 320 chiếc tàu lượn chở binh lính, khí tài cho lữ đoàn đổ bộ đường không số 1 của thượng tá Philip “Pips” Hicks. Chúng dự kiến sẽ đáp xuống các bãi đổ quân ở phía tây Arnhem vào lúc gần 1 giờ chiều. Nửa tiếng sau đó, lữ đoàn nhảy dù số 1 của thượng tá Gerald Lathbury, đi trên 145 máy bay chở quân, sẽ bắt đầu nhảy dù. Vì các tàu lượn và máy bay kéo phải bay chậm hơn – 120 dặm/giờ so với 140 của máy bay chở lính dù- đoàn lữ hành khổng lồ trên trời này cần phải được cất cánh trước tiên. Từ 8 căn cứ ở Gloucestershire và Oxfordshire, tàu lượn và máy bay kéo chạy theo đường băng và cất cánh với cường độ chưa từng được thử trước đó: một cuộc cất cánh trong mỗi phút. Việc tập hợp đội hình trên không đặc biệt khó khăn và nguy hiểm. Từ từ tăng độ cao, các máy bay hướng về phía tây tới eo biển Anh. Sau đó, đồng nhất tốc độ, máy bay kéo và tàu lượn rẽ phải theo từng cặp, quay trở lại, bay qua căn cứ xuất phát hướng tới các điểm tập hợp nằm trên không phận thành phố Hatfield ở phía bắc London.

Trong khi những tốp tàu lượn đầu tiên của lực lượng Anh đang tập hợp trên không phận eo biển Anh, 12 máy bay ném bom Stirling của Anh và 6 chiếc C47 của Mỹ bắt đầu cất cánh vào lúc 10 giờ 25 hướng tới Hà Lan. Trên những máy bay này là lực lượng dò đường Anh và Mỹ - những người sẽ tiếp đất đầu tiên để đánh dấu các bãi đổ quân cho lực lượng Market.

Cùng lúc, lực lượng của sư đoàn đổ bộ đường không 82 của Mỹ và các đơn vị nhảy dù của sư đoàn đổ bộ đường không số 1 của Anh cũng rời căn cứ ở Grantham, Lincolnshire trên 625 máy bay chở quân và 50 tàu lượn được những chiếc C47 kéo. Với sự chính xác đến kinh ngạc, các máy bay của không đoàn vận tải số 9 rời mặt đất chiếc nọ cách chiếc kia từ 5 đến 20 giây. Hết tốp này đến tốp khác, chúng tập hợp lại trên không phận March, Cambridgeshire, và từ nơi này chia thành ba hàng song song bay cắt qua bờ biển tại Aldeburgh.

Vào đúng lúc đó, từ các sân bay ở phía nam nằm quanh Greenham Common, sư đoàn 101 cất cánh trên 424 chiếc C47, cộng thêm 70 tàu lượn và máy bay kéo. Tập hợp lại, lực lượng này đi qua điểm kiểm soát không lưu tại Hatfield và bay về phía đông cắt qua bờ biển tại vịnh Bradwell.

Tạo thành từng cột hàng ba, bề rộng đến 10 dặm và dài xấp xỉ 100 dặm, không đoàn khổng lồ bay qua đồng quê nước Anh. Sư đoàn 82 của Mỹ và sư đoàn 1 của Anh, tiến tới Nijmegen và Arnhem, bay theo hàng lang phía bắc. Một phi đội đặc biệt gồm 38 chiếc tàu lượn chở bộ tư lệnh quân đoàn của tướng Browning đi cùng với họ. Về phía nam, bay qua vịnh Bradwell, sư đoàn 101 hướng tới các bãi đổ quân của họ ở phía bắc Eindhoven. Tới 11 giờ 55, toàn bộ lực lượng đổ bộ - gồm hơn 20000 người, 511 xe, 330 khẩu pháo và 590 tấn quân cụ - đã rời mặt đất. Trung úy James J.Coyle thuộc sư đoàn 82, nhìn xuống đồng quê nước Anh từ độ cao 1500 bộ, nhìn thấy các nữ tu đang vẫy tay dưới sân một tu viện. Anh này nghĩ “ngày hôm đó thật đẹp và các

nữ tu tạo ra một cảnh tượng đẹp như một bức tranh sơn dầu vậy”. Vừa vẫy tay lại, anh vừa tự hỏi “liệu họ có thể biết chúng tôi là ai và đang đi đâu không.”

Với phần lớn lực lượng đổ bộ, tâm trạng lúc khởi đầu cuộc hành trình, lướt trên không phận nước Anh, đều rất phấn chấn. Theo binh nhì Roy Edward thuộc lữ đoàn nhảy dù số 1, “tất cả đều yên ả như thể đi trên xe bus ra bờ biển vậy”. Binh nhì A.G.Warrender nhớ rằng “đó là một ngày Chủ nhật hoàn hảo, một buổi sáng để đi dạo dọc một con đường quê và làm một vài bia tại quán địa phương”.

Chỉ huy lữ đoàn tàu lượn, đại tá George S.Chatterton, đang cầm lái chiếc tàu lượn chở tướng Browning, mô tả ngày Chủ nhật như là “một ngày rất đẹp trời. Khó có thể tin là chúng tôi đang cất cánh hướng tới một trong những trận đánh lớn nhất trong lịch sử”.

Chatterton thực sự bị ấn tượng trước tuý tùng và trang bị của Browning. Đi cùng viên tướng là cần vụ, sĩ quan quân y của bộ tư lệnh, đầu bếp, cũng như chiếc lều và chiếc xe jeep cá nhân của ông. Browning ngồi trên một kết bia Worthington rộng kê giữa viên phi công và phụ lái, và Chatterton nhận thấy ông này “ăn mặc rất chỉnh tề trong bộ đồ trận Barathea, với một chiếc thắt lưng Sam Browne bóng nhoáng, quần là chết li, đôi giày da sáng loàng như gương, một cây cần và đôi găng tay màu xám sạch tinh tươm”. Tư lệnh, theo lời kể của Chatterton, “trông rất bảnh, vì ông ta ý thức được mình đã đạt tới một trong những đỉnh cao binh nghiệp của mình. Tâm trạng của ông rất vui vẻ hào hứng”.

Trong một chiếc tàu lượn khác, một người Scotland trầm tính với nhiệm vụ khó khăn nhất của Market Garden đặt trên hai vai, tướng Roy Urquhart của sư đoàn đổ bộ đường không số 1, nghĩ rằng “khó mà không cảm thấy phấn khích khi mà cuối cùng chúng tôi cũng đang trên đường ra trận”. Thế nhưng suy nghĩ của viên tướng rất được lòng thuộc cấp, như mọi khi, đang đổ cả vào binh lính của ông và nhiệm vụ đang chờ đợi phía trước. Giống như Browning, ông cũng có một toán tùy tùng. Lúc này, nhìn dọc theo khoang chiếc tàu lượn Horsa- trên đó có mặt trợ lý Roberts của ông cùng cần vụ Hancock, cha G.A.Pare, linh mục tuyên úy của lữ đoàn tàu lượn, một hiệu thính viên, hai quân cảnh cùng mô tô của họ, và chiếc xe jeep của sư trưởng – Urquhart chợt cảm thấy chạnh lòng. Ông nghĩ tới những người lính dù của mình, trĩu người xuống dưới sức nặng của balô, súng đạn đang phải chen chúc trong những chiếc máy bay vận tải hạng nặng. Urquhart chỉ mang theo một chiếc balô nhẹ, hai quả lựu đạn cầm tay, một túi bản đồ và một số tay. Ông thấy áy náy trước sự tiện nghi được dành cho mình.

Gần như ngay trước khi cất cánh Urquhart đã được báo cáo lại một quyết định khó khăn. Vài giờ trước khi lên đường, tham mưu trưởng của ông, đại tá Charles Mackenzie, nhận được một cú điện thoại từ một sĩ quan không quân Mỹ cao cấp. Liệu có cần ném bom nhà thương điên tại Wolfheze không? Viên sĩ quan Mỹ, Mackenzie báo cáo lại, “muốn có sự xác nhận của chính Urquhart rằng tại đó có mặt quân Đức chứ không phải bệnh nhân tâm thần; nếu không người Mỹ sẽ không chấp nhận trách nhiệm”. Nhà thương điên này nằm gần

điểm tập kết của sư đoàn đến mức nguy hiểm, và ban tham mưu của Urquhart tin rằng quân Đức đang đóng giữ ở đó. Mackenzie đã nhận trách nhiệm. “Vậy thì anh sẽ lấy đầu ra mà đảm bảo,” viên sĩ quan Mỹ trả lời. Urquhart tán đồng hành động của viên tham mưu trưởng của ông. “Tôi muốn được chuẩn bị tốt nhất có thể và làm tất cả vì điều đó”, ông nhớ lại.

Khi Mackenzie chuẩn bị rời sở chỉ huy lên tàu lượn của mình, Urquhart đã kéo ông này ra gặp riêng. “Này, Charles,” ông nói với Mackenzie, “nếu có gì xảy ra với tôi thứ tự nắm quyền thay thế chỉ huy sư đoàn sẽ như sau: đầu tiên là Lathbury, sau đó là Hicks rồi đến Hackett”. Lựa chọn của Urquhart dựa trên kinh nghiệm. “Ai cũng biết Lathbury là phó của tôi,” sau này ông nhớ lại. “Hackett cấp bậc cao hơn Hicks, nhưng lại trẻ hơn nhiều và tôi tin chắc rằng Hicks có nhiều kinh nghiệm hơn trong việc chỉ huy tác chiến trên mặt đất. Quyết định của tôi không hề do định kiến về khả năng chỉ huy của Hackett”. Có lẽ, Urquhart nhìn nhận lại, đáng ra ông phải thông báo cho từng tư lệnh lữ đoàn về quyết định của mình sớm hơn, nhưng ông “thực sự coi chuyện này hoàn toàn chỉ có tính thủ tục”. Khả năng sư đoàn mất cả Urquhart và Lathbury thật xa vời.

Giờ đây, tất cả quyết định đều đã được đưa ra, Urquhart lơ đãng nhìn “các phi đội tiêm kích lướt qua bên đoàn tàu lượn”. Đây là chuyến bay tác chiến đầu tiên của ông trên tàu lượn và trước khi cất cánh ông đã uống hai viên thuốc chống say. Cổ họng ông khô khốc và nuốt rất khó. Ông cũng ý thức được rằng “Hancock, cần vụ của tôi, đang quan sát tôi, vẻ mặt rất quan tâm. Cũng như những người khác, anh ta đã

chuẩn bị tinh thần là tôi sẽ bị say máy bay”. Urquhart không cảm thấy khó chịu. “Chúng tôi đang ở trong cả một đoàn máy bay khổng lồ và tôi bị thu hút cả vào cảnh tượng xung quanh. Chúng tôi đã trong cuộc. Chúng tôi có một kế hoạch tốt. Tôi vẫn ước gì có thể tới được gần cầu hơn, nhưng tôi không quá lo ngại về chuyện này”.

Bất chấp hiệu quả của việc điều vận cho đoàn máy bay khổng lồ, trục trặc xảy ra hầu như ngay lập tức. Ngay trước khi cất cánh, cánh của một tàu lượn đã bị cánh quạt động cơ của một chiếc Stirling chém cụt. Không ai bị thương. Khi chiếc tàu lượn chở trung úy Alan Harvey Cox thuộc lữ đoàn đổ bộ lao lên không trung, nó đã gặp rắc rối. Mây thấp đã cản trở tầm nhìn của phi công khiến anh này không thể lái thẳng hàng với đuôi của máy bay kéo. Chiếc tàu lượn đi theo một hướng, máy bay kéo theo hướng khác, dây kéo có nguy cơ cuốn lấy cánh chiếc tàu lượn và làm nó bị lật. Không thể lái trở lại hướng của máy bay kéo, phi công của chiếc tàu lượn đành vớ lấy cần nhả cần đỏ để tách khỏi máy bay. Chiếc tàu lượn của Cox hạ cánh bình yên xuống một cánh đồng ở Sanford-on-Thames. Một sự kiện lạ lùng hơn xảy ra với chiếc C47 chở binh lính của sư đoàn 82, những người này ngồi đối diện nhau dọc hai bên thành khoang máy bay. Năm phút sau khi cất cánh, hạ sĩ Jack Bommer trông thấy “cửa khoang hành lý nằm ngay phía sau những người đối diện tôi bật mở”. Luồng không khí suýt nữa đã hút tuột những người lính qua khung cửa ra ngoài không trung. Trong lúc tất cả cố tuyệt vọng cự lại, Bommer nhớ lại, “viên phi công đã làm một cú lắc đuôi ngoạn mục và cửa khoang đóng sập lại”.

Hạ sĩ Sydney Nunn, người đã mong mỏi được rời khỏi căn cứ của mình gần Keevil cũng như đám rệp trong đēm đến thế, lúc này cảm thấy thật may mắn khi vẫn còn sống sót. Sau hơn một tiếng đồng hồ bay bình yên vô sự, chiếc tàu lượn chở anh này bay vào vùng mây dày. Chui ra khỏi mây, viên phi công lái tàu lượn phát hiện ra sợi cáp kéo đã bị quấn vào cánh tàu lượn. Nunn nghe thấy viên phi công hét lớn vào bộ đàm liên lạc với máy bay kéo, “Tôi đang gặp rắc rối! Tôi đang gặp rắc rối!”. Sau đó, anh ta tách khỏi máy bay kéo. “Chúng tôi có cảm giác mình đột nhiên đứng sững lại trên không,” Nunn nhớ lại. “Sau đó chiếc tàu lượn chúi mũi xuống và chúng tôi lạng về phía đông với sợi cáp kéo vẫn quấn vào cánh như một chiếc điều đứt dây”. Nunn ngồi yên “cứng người vì kinh hãi”, nghe tiếng gió rít dọc thân tàu lượn, “hy vọng rằng những sợi xích chẳng chiếc xe jeep chở trên tàu lượn không bị tung ra”. Sau đó anh này nghe thấy viên phi công cảnh cáo họ “Co chân lên, các chàng trai. Chúng ta tới đất rồi”. Chiếc tàu lượn chạm đất, nảy lên, chạm xuống đất lần nữa, rồi từ từ dừng lại. Trong sự im lặng đột ngột bao trùm xung quanh, Nunn nghe tay phi công hỏi “Các chàng trai, ổn cả chứ?” Tất cả đều ổn, và họ phải quay về Keevil để bay vào đợt đổ quân thứ hai trong ngày 18/9.

Có những người không được may mắn như vậy. Bi kịch đã xảy ra với một chiếc tàu lượn trên không phận Wiltshire. Thượng sĩ RAF Walter Simpson, ngồi trên ụ súng bọc thủy tinh hữu cơ của một chiếc máy bay ném bom Stirling, đang quan sát chiếc tàu lượn Horsa được kéo phía sau. Bất thành hình, “chiếc tàu lượn có vẻ như bị tách đôi ra ở phần giữa; như thể phần đuôi đột nhiên gãy rời ra”. Kinh hoàng,

Simpson gọi cơ trưởng, “Chúa ơi, tàu lượn gãy làm đôi rồi!” Chiếc cáp kéo rời ra và phần đầu chiếc tàu lượn rơi “như một hòn đá xuống đất”. Chiếc Stirling tách khỏi đội hình, từ từ hạ độ cao, vòng lại để định vị nơi chiếc tàu lượn rơi xuống. Phần đầu rơi xuống một cánh đồng. Phần đuôi không thấy đâu cả. Xác định được địa điểm, phi hành đoàn chiếc máy bay ném bom quay về Keevil rồi phóng xe jeep tới hiện trường. Tại đó, Simpson nhìn thấy một cảnh tượng như thế “một hộp diêm bị dẫm bẹp”. Các thi thể kẹt lại bên trong tàu lượn. Simpson không tài nào ước tính được có bao nhiêu người hy sinh – “tất cả chỉ còn là một đồng chân, tay, và thân người”.

Vào thời điểm những phi đội cuối cùng tới bờ biển nước Anh - đội hình cánh bắc bay qua điểm kiểm soát tại Aldeburgh, cánh nam bay qua vịnh Bradwell – 30 tàu lượn chở quân và trang bị đã bị rơi hoặc phải hạ cánh. Máy bay kéo bị hỏng động cơ, cáp kéo bị đứt, và, trong vài trường hợp mây dày đã gây ra trục trặc. Cho dù trên tiêu chuẩn quân sự chiến dịch đã bắt đầu rất thành công - tổn thất rất ít, và rất nhiều người và khí tài phải hạ cánh bất buộc đã có thể tiếp tục bay vào các đợt chuyển quân sau – nhưng những tổn thất rõ ràng là gây ảnh hưởng đến chiến dịch. Trong ngày quyết định này, khi mà từng người, từng chiếc xe, từ đơn vị khí tài đều quan trọng với tướng Urquhart, 23 tàu lượn thuộc đơn vị của ông đã không tới được mục tiêu. Phải tới khi đã đến bãi đổ bộ các sĩ quan chỉ huy mới phát hiện ra những mất mát này nghiêm trọng đến mức nào.

Lúc này, khi đoàn lữ hành trên không dài dằng dặc tuần tự vượt qua eo biển Anh và đất liền đã khuất sau lưng, một tâm trạng mới

xâm nhập vào đoàn quân. Cảm giác về “cuộc dạo chơi ngày chủ nhật” nhanh chóng mất đi. Trong lúc một đội hình Mỹ đang bay qua bờ biển ở Margate, binh nhất Melvin Iseneken thuộc sư đoàn 101 nhìn thấy những vách đá trắng của vùng Dover ở phía bên phải. Trông từ xa, chúng thật giống những sườn đồi tro trụi vì gió thổi ở quê anh vùng thượng du tiểu bang New York. Hạ sĩ D.Thomas thuộc sư đoàn đổ bộ Anh số 1, nhìn chăm chú qua ô cửa sổ máy bay cho tới khi bờ biển tổ quốc mình khuất hẳn, cảm thấy hai mắt anh ướt đầm.

Từ các điểm tập kết tại March và Hatfield, các đội hình máy bay đã được dẫn đường bởi nhiều hệ thống định vị khác nhau: các trạm radar, các trạm phát sóng đặc biệt và các tín hiệu radio định vị. Từ lúc này, các thiết bị radar đặt tại các tàu trên biển Bắc sẽ bắt đầu dẫn đường cho các máy bay. Thêm nữa, những dải phân luồng – 17 theo trục phía bắc, 10 theo trục phía nam - được căng ra nổi trên mặt nước. Với thượng sĩ phi công William Tompson, đang cầm lái một máy bay kéo theo sau một chiếc tàu lượn Horsa nặng 4 tấn, “chẳng còn nhiều việc phải làm. Những vạch chỉ hướng phía dưới chúng tôi được rải ra như những hòn cuội đánh dấu đường đặt suốt dọc eo biển”. Nhưng những chiếc tàu hải quân cao tốc không chỉ đóng vai dẫn đường. Chúng còn là một phần của hoạt động cứu hộ trên biển khổng lồ, và chúng cũng đã bắt đầu có việc để làm.

Trong chuyến hành trình dài 30 phút qua biển Bắc, người ta nhìn thấy một số tàu lượn dập dềnh trên mặt nước xám xịt trong khi các thủy phi cơ bay lượn phía trên ở độ cao thấp để đánh dấu vị trí của chúng cho đến khi tàu cứu hộ kịp tới nơi. Trung úy Neville Hay, thuộc đơn

vị liên lạc Phantom, đã nhìn thấy “cùng toàn phân đội hai chiếc tàu lượn rơi xuống và một chiếc phải đáp búng.” Anh này vỗ vai người hạ sĩ cạnh mình. “Hãy nhìn xuống dưới kia kìa, Hobkirk, “Hay kêu lên. Người hạ sĩ nhìn xuống, và như Hay nhớ, “tôi gần như thấy anh ta xanh mặt lại”. Hay vội trấn an anh này. “Không có gì phải lo đâu. Hãy nhìn những chiếc tàu đã bắt đầu vớt họ lên rồi”.

Thượng sĩ Joseph Kitchener, đang cầm lái một chiếc tàu lượn, cũng rất ấn tượng trước tốc độ cứu hộ tới bên cạnh chiếc tàu lượn đang nổi trên mặt nước mà anh trông thấy. “Họ cứu mọi người nhanh đến mức tôi nghĩ thậm chí những anh chàng nọ còn không kịp bị ướt chân”, anh nhớ lại. Những người đi trên chiếc tàu lượn của thượng sĩ Cyril Line kém may mắn hơn – nhưng dù sao vẫn còn sống sót. Trong cả đoàn dài tàu lượn Horsa sơn màu đen, Line quan sát thấy một cặp máy bay kéo và tàu lượn lệch dần khỏi đội hình. Ngỡ ngàng, anh ta nhìn theo chiếc Horsa cắt dây kéo và hạ độ cao gần như thông thả xuống biển. Một vệt nước trắng lan ra khi chiếc tàu lượn chạm mặt biển. Anh này tự hỏi “không biết những tay đen đuôi đỏ là ai.” Đúng lúc ấy, động cơ ở một bên cánh chiếc Stirling đang kéo chiếc tàu lượn của anh quay chậm dần rồi dừng hẳn. Khi tốc độ chiếc máy bay giảm xuống Line nhận thấy mình đang ở vào vị trí thật trớ trêu “khi chiếc tàu lượn chuẩn bị lao vượt lên trên cả máy bay kéo nó”. Anh lập tức cắt dây kéo và người phụ lái hô lớn, “Chuẩn bị đáp khẩn cấp”. Từ khoang phía sau, họ có thể nghe thấy tiếng những khẩu súng trường va vào vách gỗ của thân tàu lượn khi đám hành khách phát hoảng cố tìm đường thoát. Nhanh chóng bị mất độ cao, Line ngoái lại nhìn và kinh hãi khi thấy đám lính đang hoảng loạn “đã đục thủng nóc chiếc

tàu lượn và vách cũng chuẩn bị bung ra”. Line hét lên, “Dừng lại ngay! Ngồi yên!” Thế rồi, với một cú va đập mạnh, chiếc tàu lượn chạm nước. Khi Line ngoi được lên mặt nước, anh thấy chiếc tàu lượn nổi bập bềnh cách đó chừng 30 bộ. Không nhìn thấy gì trong cabin, nhưng tất cả những người có mặt trên chiếc tàu lượn của anh đều đủ mặt. Chỉ sau vài phút, tất cả đã được vớt lên.

Tổng cộng, có tám tàu lượn đáp búng an toàn xuống biển trong đợt đổ quân đầu tiên; ngay khi chúng chạm mặt nước, lực lượng cứu hộ trên không và trên biển, với hoạt động ngoạn mục, đã cứu được hầu như toàn bộ các phi hành đoàn và binh lính. Thế nhưng một lần nữa, lực lượng của Urquhart lại chịu tổn thất lớn nhất. Trong 8 chiếc tàu lượn phải bỏ cuộc, có tới 5 chiếc hướng tới Arnhem.

Trừ một vài loạt đạn tầm xa làm hỏng một tàu lượn, không có chống trả nào quyết liệt của kẻ địch trong thời gian vượt qua eo biển. Sư đoàn 101, đi theo lộ trình phía nam đi qua lãnh thổ nước Bỉ hiện đã do Đồng Minh kiểm soát, đã có chuyến đi êm ả nhất. Nhưng khi bờ biển Hà Lan gần lại, sư đoàn 82 và lực lượng Anh đi theo lộ trình phía bắc bắt đầu nhìn thấy những cụm khói xám và đen của pháo phòng không Đức. Trong lúc họ tiếp tục cuộc hành trình, chỉ ở độ cao có 1500 bộ, có thể nhận ra súng của quân địch bắn lên từ các hòn đảo Hà Lan Walcheren, Bắc Beveland và Schowen, cũng như từ những chiếc tàu phòng không và phà nằm quanh cửa Schelde.

Các máy bay tiêm kích hộ tống bắt đầu tách khỏi đội hình, tấn công các vị trí phòng không. Trên máy bay binh lính có thể nghe thấy tiếng

mảnh đạn ghém chạm vào thành kim loại của những chiếc C47. Binh nhì Leo Hart thuộc sư đoàn 82, một lính dù kỳ cựu nghe một tay lính mới ngu ngơ hỏi, “những cái băng ghế này có chống đạn không?” Hart chỉ nhìn trừng trừng vào anh ta; cái băng ghế mỏng mảnh này thậm chí còn chẳng đủ để che chắn cho họ khỏi một hòn đá được ném mạnh tay. Binh nhì Harold Brockley, đi trên một chiếc C47 khác, nhớ lại rằng một lính dự bị đã bắn khoản hỏi anh, “Này, những đám xám xám đen đen nho nhỏ ở dưới kia là cái gì thế?” Trước khi có ai kịp trả lời, một mảnh đạn ghém đã xuyên qua sàn khoang và cắm vào một hộp thức ăn, không làm ai xây xát.

Những người lính cựu che dấu sự sợ hãi của mình bằng nhiều cách. Khi thượng sĩ Paul Nunan trông thấy “những vệt đạn đỏ lừ lao tới phía chúng tôi” anh ta làm ra vẻ đang ngủ. Luồng đạn chỉ chút nữa là trúng chiếc máy bay của binh nhì Kenneth Truax. “Chẳng ai nói gì cả,” anh này nhớ lại. “Chỉ có một hay hai người gượng mỉm cười”. Thượng sĩ Bill Tucker, người đã từng bay qua làn đạn phòng không ở Normandy, bị ám ảnh bởi nỗi sợ “bị bắn trúng từ phía dưới lên”. Anh ta cảm thấy “đỡ trụi hơn” nếu được ngồi lên trên ba chiếc áo chống mảnh đạn của không quân. Và binh nhì Rudolph Kos nhớ lại anh đã cảm thấy “muốn ngồi lên trên cái mũ sắt của mình, nhưng tôi biết tôi sẽ cần nó trên đầu mình”.

Một người lo ngại những mối nguy hiểm phía trong hơn phía ngoài. Phụ lái thượng sĩ Bill Oakes, vừa đánh vật để giữ cho chiếc tàu lượn Horsa của mình thăng bằng trên không vừa ngoái cổ lại xem đám hành khách của mình đang làm gì. Và anh này phát hoảng khi thấy

ba chàng lính đang thản nhiên ngồi trên sàn khoang đun một ấm trà trên một chiếc bếp nhỏ. Năm anh chàng khác đang cầm ca đứng xung quanh đợi đến lượt mình. Oakes vội vàng hành động. Anh này đưa tay lái cho phi công rồi lao xuống khoang, sợ rằng ván sàn bằng gỗ có thể bắt lửa bất cứ lúc nào. “Hoặc tệ hơn nữa, những quả đạn cối chúng tôi mang theo có thể nổ. Hơi nóng phả ra từ cái bếp dã chiến đó thật khủng khiếp”. Anh bực đến tái mặt. “Bọn này chỉ muốn đun ít nước thôi mà,” một người lính tỉnh bơ nói với anh. Oakes vội vàng quay lại khoang lái báo cáo tình hình với phi công, thượng sĩ nhất Bert Watkins. Viên phi công mỉm cười. “Bảo bọn họ lúc nào trà được thì đừng có quên cánh ta,” anh ta nói. Oakes ngồi phịch xuống ghế, đưa hai tay lên ôm lấy đầu.

Cho dù các máy bay chiến đấu hộ tống đã làm câm lặng phần lớn các vị trí phòng không ven biển, một số máy bay đã bị thương và một máy bay kéo cùng chiếc tàu lượn của nó, cũng như một chiếc C47 chở quân đã bị bắn rơi trên không phận đảo Schouwen. Chiếc máy bay kéo bị đâm xuống đất, phi hành đoàn hy sinh. Chiếc tàu lượn, một chiếc Waco của sư đoàn 82, bị vỡ tung trên không và rất có thể thiếu tá Dennis Munford, bay trong một đội hình Anh gần đó, đã trông thấy nó. Ông này lặng người khi thấy chiếc Waco vỡ tung và “người cũng như khí tài rơi tung toé ra không trung như đồ chơi rơi ra từ túi của ông già Nôen vậy”. Một số người khác trông thấy chiếc máy bay chở lính dù bị bắn hạ. Những kiện khí tài trong khoang bụng chiếc C47 đã bắt lửa do trúng đạn phòng không. “Những lưỡi lửa vàng chói loé lên từ cuộn khói đen kịt,” đại úy Arthur Ferguson, đang ở trên một máy bay bay ngay gần đó, nhớ lại. Chỉ vài phút sau chiếc

C47 đã cháy ngùn ngụt. Thượng úy Virgil Carmichael, đứng bên cửa sổ chiếc máy bay của mình, nhìn thấy những người lính dù nhảy khỏi chiếc máy bay trúng đạn. “Vì chúng tôi đều sử dụng dù nguy trang, tôi có thể đếm được từng người khi họ rời máy bay và thấy rằng tất cả đều nhảy ra an toàn”. Người phi công, cho dù chiếc máy bay đã ngập trong lửa, vẫn giữ được máy bay thăng bằng cho đến khi tất cả lính dù đã thoát ra. Sau đó Carmichael thấy có thêm một người nữa nhảy ra. “Vì bên không quân dùng dù trắng nên tôi nhận ra đó hẳn là trưởng phi hành đoàn”. Đó là người cuối cùng rời máy bay. Gần như ngay sau đó chiếc máy bay cháy bùng bùng lao cắm đầu xuống, đâm thẳng xuống một vùng ngập nước của đảo Schouwen phía dưới. Với thượng úy James Magellas cảnh tượng chiếc C47 bị rơi có hậu quả “thật kinh khủng”. Là người chỉ huy nhảy trên máy bay của mình, anh trước đó đã nói với thuộc cấp là sẽ ra lệnh “đứng dậy gắn móc dù 5 phút trước khi tới bãi đổ quân”. Giờ đây anh lập tức ra lệnh. Trên nhiều máy bay khác, những người chỉ huy nhảy cũng hành động tương tự như Magellas. Với họ, trận đánh đã bắt đầu – và quả thực khu đổ quân cũng chỉ còn cách lực lượng đổ bộ chừng 30 đến 40 phút bay nữa.

Thật khó tin, bất chấp những cuộc oanh tạc cấp tập, rồi những cuộc không kích lúc này vào Arnhem, Nijmegen và Eindhoven, quân Đức vẫn không phán đoán được chuyện gì đang xảy ra. Trong cả hệ thống chỉ huy, tất cả sự quan tâm đều dồn về một mối đe dọa duy nhất: việc đạo quân Anh số 2 nối lại cuộc tấn công từ đầu cầu của họ qua kênh Meuse-Escaut.

“ Binh lính và chỉ huy dưới quyền tôi, đặc biệt là bản thân tôi và ban tham mưu, đã bị quá tải và nằm dưới những khó khăn to lớn nên chúng tôi chỉ có thể chú ý đến những cuộc tấn công mặt đất”, đại tướng Kurt Student nhớ lại. Viên chỉ huy nhảy dù lão luyện của Đức lúc đó đang có mặt tại sở chỉ huy của mình đặt trong một ngôi nhà nhỏ gần Vught, cách Eindhoven chừng 21 dặm về phía tây bắc, đang làm việc “ với một núi giấy tờ mà ngay cả khi ra trận vẫn bám lấy tôi”. Student bước ra ban công, nhìn theo những chiếc máy bay ném bom một lát, rồi dừng dừng quay lại với đám giấy tờ của mình.

Trung tá Walter Harzer, tư lệnh sư đoàn Panzer SS số 9 Hohenstaufen, lúc này đã chuyển một lượng khí tài đúng như ông ta định cho đối thủ của mình, tướng Heinz Harmel của sư đoàn Panzer SS số 10 Frundsberg. Harmel, theo lệnh Bittrich mà Model cũng không hề biết, lúc này đang ở Berlin. Những toa tàu cuối cùng chở những chiếc xe thiết giáp “ hồng hóc” của Harzer đã sẵn sàng về Đức trên chuyến tàu lúc 2 giờ chiều. Đã liên tục bị oanh kích từ Normandy, Harzer “ chẳng để ý nhiều đến đám máy bay trên đầu”. Ông ta chẳng thấy gì bất thường từ những không đoàn máy bay ném bom khổng lồ trên bầu trời Hà Lan. Ông ta và những lính tăng kỳ cựu của mình biết “ việc thấy máy bay ném bom bay về phía đông tới Đức rồi quay trở lại vài lần trong ngày là chuyện bình thường. Tôi và người của tôi đã tro lý với những cuộc pháo kích và ném bom”. Cùng với thiếu tá Egon Skalka, phụ trách quân y sư đoàn Panzer SS số 9, Harzer rời sở chỉ huy tại Beekbergen tới trại lính Hoenderloo, cách Arnhem khoảng 8 dặm về phía bắc. Trong một buổi lễ trước tiểu đoàn trinh sát gồm 600 người của sư đoàn, ông ta sẽ trao huân chương chữ thập hiệp sĩ

cho tiểu đoàn trưởng, đại úy Paul Grabner. Sau đó sẽ là champagne và một bữa trưa đặc biệt.

Tại sở chỉ huy quân đoàn Panzer SS số 2 tại Doetinchem, trung tướng Wilhelm Bittrich cũng dửng dưng không kém với những cuộc oanh kích. Với ông ta, “đó là chuyện thường nhật”. Thống chế Walter Model, trong sở chỉ huy của mình tại khách sạn Tafelberg ở Oosterbeek, đã đứng quan sát hồi lâu các phi đội máy bay ném bom. Nhìn từ sở chỉ huy, cảnh tượng vẫn luôn vậy: những phi đội Pháo đài bay quay trở về sau phi vụ ném bom đêm ở Đức, và như thường lệ, những đoàn Pháo đài bay khác, trong những phi vụ ném bom liên tục, lại đang hướng tới mục tiêu ở Đức. Còn về những cuộc oanh tạc tại chỗ, nhiều khi những chiếc máy bay ném bom quăng nốt những quả bom chưa ném hết xuống Ruhr, và kết quả là xuống chính Hà Lan. Model cùng tham mưu trưởng của mình, trung tướng Hans Krebs, tin rằng những cuộc không kích và tấn công tầm thấp là những chiến dịch tiêu hao đối phương – màn khởi động cho cuộc tấn công mặt đất của quân Anh.

Có một sĩ quan đã chú ý tới việc ra tăng hoạt động không quân trên không phận Hà Lan. Tại sở chỉ huy của OB West ở Aremberg gần Koblenz, cách đó chừng 120 dặm, thống chế Gerd von Runstedt – cho dù ông vẫn tin rằng lực lượng đổ bộ sẽ chỉ được dùng cho cuộc tấn công vào Ruhr - vẫn muốn có nhiều thông tin hơn. Trong phụ lục 2227 của bản báo cáo sáng 17/9, phụ trách tác chiến của ông ghi nhận rằng Von Runstedt đã yêu cầu Model điều tra khả năng một cuộc tấn công hỗn hợp đường biển và đường không đang được tiến hành

nhằm vào bắc Hà Lan. Ghi chú này viết, “ Tình hình chung và nhất là sự gia tăng hoạt động trinh sát của địch ... đã buộc tổng tư lệnh phía Tây phải xem xét lại khả năng tấn công đường biển và đổ bộ đường không... Kết quả điều tra sẽ được trình lên OKW (Hitler)”.

Bức điện đến sở chỉ huy của Model vào lúc những phi đội đầu tiên của lực lượng đổ bộ đường không bay qua bờ biển.

Tại Arnhem lúc 11h30 những cột khói đen bao phủ bầu trời khi những đám cháy xảy ra khắp nơi trong thành phố sau 3 giờ bị ném bom dữ dội hầu như không dứt. Tại Wolfheze, Oosterbeek, Nijmegen và Eindhoven, nhiều toà nhà bị san phẳng, đường phố tan hoang đầy mảnh kính và các mảnh vỡ, số nạn nhân tăng lên từng giờ. Ngay khi đó, máy bay phóng pháo tầm thấp tấn công dữ dội các vị trí đặt súng máy và súng phòng không trên khắp khu vực. Tâm trạng của người dân Hà Lan, chen chúc trong các nhà thờ, hầm trú ẩn hay táo tợn chạy quanh trên các đường phố, chui qua các nóc nhà, thay đổi từ kinh hoàng đến phấn khích. Không ai biết nên tin vào cái gì hay chuyện gì sắp xảy ra. Về phía nam, cách Nijmegen 83 dặm, Maastricht, thành phố Hà Lan đầu tiên được giải phóng, đã nằm trong tay đạo quân Mỹ số 1 từ hôm 14/9. Nhiều người Hà Lan trông đợi bộ binh Mỹ tới giải phóng cho làng hay thành phố của họ bất cứ lúc nào. Radio Orange, phát đi từ London, nuôi dưỡng niềm tin này bằng một loạt bản tin: “Thời khắc đã tới. Điều chúng ta mong đợi cuối cùng đã diễn ra... Nhờ bước tiến nhanh chóng của quân đội Đồng Minh... Rất có thể nhiều người lính sẽ chưa có tiền Hà Lan. Nếu Đồng Minh của chúng ta đưa tiền Pháp hay Bỉ ... hãy hợp tác và chấp

nhận thanh toán... Nông dân nên trao thu hoạch của mình....” Hoàng thân Bernhard, trong một thông điệp trên đài phát thanh, kêu gọi người Hà Lan “không biểu lộ niềm vui bằng cách tặng hoa hay quả khi lực lượng Đồng Minh giải phóng lãnh thổ Hà Lan ... trước đây kẻ thù đã từng giấu chất nổ vào những quà tặng lực lượng giải phóng.”

Phần lớn người Hà Lan đều tin rằng những cuộc ném bom dữ dội này là màn khởi đầu cho cuộc tấn công của Đồng Minh - sự mở màn cho cuộc tấn công trên bộ. Giống như những kẻ chiếm đóng Đức, người dân Hà Lan cũng chẳng hề ngờ chút nào về một cuộc tấn công đổ bộ đường không.

Jan và Bertha Voskuil, ẩn trốn trong nhà bố vợ của Voskuil tại Oosterbeek, nghĩ rằng các máy bay ném bom xuống đó đang nhằm vào sở chỉ huy của Model tại khách sạn Tafelberg. Ngày hôm đó đẹp trời, Voskuil nhớ lại, “rất lý tưởng cho máy bay ném bom hoạt động”. Thế nhưng anh cảm thấy thật khó “chấp nhận rằng chiến tranh đang tiếp diễn trong mùi thơm và cảnh hàng trăm bông hoa hướng dương đang cúi gập xuống dưới sức nặng của chính mình. Thật khó tin rằng người đang chết, nhà cửa đang bị tàn phá”. Voskuil cảm thấy bình yên lạ lùng. Từ hiên nhà bố vợ mình, anh theo dõi những chiếc máy bay chiến đấu lao vút qua trên đầu và tin chắc chúng sẽ tấn công khách sạn. Bất thần, một lính Đức xuất hiện ngoài vườn không súng không mũ và chỉ mặc sơ mi. Gã lịch sự hỏi Voskuil, “Tôi có thể trú ẩn ở đây được không?” Voskuil nhìn gã chằm chằm. “Tại sao?” anh hỏi. “Anh đã có công sự của các anh rồi.” Gã người Đức mỉm cười. “Tôi biết,” hắn trả lời, “nhưng chúng đây cả rồi”. Gã lính đi vào hiên.

“Cuộc oanh kích rất dữ dội,” gã nói với Voskuil, “nhưng tôi không nghĩ mục tiêu là Oosterbeek. Chúng có vẻ tập trung nhiều hơn về phía đông và phía tây ngôi làng”.

Từ bên trong nhà, Voskuil nghe có tiếng người nói. Một người bạn của gia đình vừa từ Wolfheze tới. Nơi đó đã bị tàn phá nặng nề, cô này kể với họ, nhiều người đã chết. “Tôi sợ,” cô ta nói, người run rẩy, “đây là lúc tận số của chúng ta rồi”. Voskuil liếc nhìn gã người Đức. “Có thể bọn họ ném bom Tafelberg vì Model,” anh nói nhẹ nhàng. Khuôn mặt gã Đức vẫn dửng dưng. “Không,” gã trả lời, “tôi không nghĩ vậy. Chẳng có quả bom nào rơi xuống đó cả”. Sau đó, khi gã lính đã bỏ đi, Voskuil ra ngoài quan sát thiệt hại. Tin đồn khắp nơi. Anh này nghe kể Arnheim đã bị phá huỷ nặng nề và Wolfheze gần như bị san phẳng. Anh nghĩ hiển nhiên lúc này Đồng Minh đã tấn công và có thể sẽ tới chỉ sau vài giờ nữa. Anh vừa vui vừa buồn. Anh nhớ lại Caen ở Normandy đã bị biến thành đồng đống nát trong cuộc tấn công. Và anh tin chắc Oosterbeek, nơi anh và gia đình ẩn náu, rất có thể cũng sẽ trở thành bình địa.

Quanh Wolfheze, các kho đạn của quân Đức nổ tung, và nhà thương điên cũng đã bị trúng bom. Bốn khu nhà xung quanh toà nhà hành chính bị san phẳng, 45 bệnh nhân chết (con số này sau đó còn tăng lên đến 80), số người bị thương nhiều vô kể. Sáu mươi bệnh nhân nội trú bị lên cơn, phần lớn là phụ nữ, lang thang trong các khu rừng lân cận. Điện và điện thoại đã bị cắt đứt, và bác sĩ Marius van der Beek, quản lý, đã không thể gọi người tới giúp. Ông nóng lòng trông đợi các bác sĩ từ Oosterbeek và Arnheim tới, tin rằng những người này hẳn sẽ biết

tin và tới giúp. Ông cần thiết lập hai phòng mổ với hai đội phẫu thuật càng nhanh càng tốt.

Một trong những “bệnh nhân nội trú”, Hendrik Wijburg, trên thực tế là người của lực lượng kháng chiến ngầm ẩn trốn trong nhà thương điên. “Bọn Đức,” anh nhớ lại, “lúc đó không có mặt bên trong trại điên, mặc dù đúng là chúng có các vị trí đóng quân gần đó, cùng lực lượng pháo binh và đạn giấu trong rừng”.

Trong cuộc không kích khi một nhà kho bị trúng bom, Wijburg, đang đứng ngoài hiên một tòa nhà, đã bị hất xuống sàn. “Có một tiếng nổ lớn”, anh nhớ lại, “và mảnh đạn từ kho bắt đầu văng vào bệnh viện, làm chết và bị thương rất nhiều người”. Wijburg vội vã chồm dậy và giúp đỡ các y tá, giữa lúc cuộc oanh tạc đang dữ dội nhất, trải những khăn trải giường trắng ra sân làm thành một chữ thập lớn trên bãi cỏ. Khu vực này đã bị oanh kích nặng nề đến mức đối với anh có lẽ “chẳng bao lâu nữa cả khu vực sẽ chật cứng xác chết và người hấp hối”.

Tại Arnhem, lực lượng cứu hỏa tuyệt vọng chống lại ngọn lửa đang lan rộng. Dirk Hink, chỉ huy một đội cứu hỏa trang bị lỗi thời gồm 15 người (người của ông kéo theo hai chiếc xe – một chứa vò nước, một chở thang) được lệnh phải tới doanh trại Wilhems đang do quân Đức chiếm đóng, nơi vừa bị trúng bom từ những chiếc Mosquito bay thấp. Cho dù khu nhà đang cháy dữ dội, chỉ dẫn mà Hiink nhận được từ sở chỉ huy lực lượng chữa cháy thật khác thường: để mặc doanh trại cháy rụi, nhưng bảo vệ các ngôi nhà xung quanh.

Khi đơn vị của ông tới nơi, Hiink thấy rằng kiểu gì thì cũng không cứu được doanh trại nữa. Đám cháy đã diễn ra quá lâu.

Từ căn hộ của cha mình tại số 28 Willemsplein, Gerhardus Gysbers thấy mọi thứ quanh mình đều chìm trong lửa. Không chỉ doanh trại, mà cả ngôi trường cao đẳng gần đó và quán ăn Hoàng Gia, nằm đối diện, cũng bốc cháy. Sức nóng khủng khiếp đến mức Gysbers nhớ lại “các tấm kính cửa sổ của chúng tôi bất thần cong lại rồi chảy lỏng ra hoàn toàn”. Cả gia đình lập tức rời khỏi tòa nhà, đập lên gạch vụn và xà đồ chạy xuống quảng trường. Gysbers trông thấy lính Đức nhảy ra khỏi đồng đồ nát đang cháy rừng rực của doanh trại, mũi và tai ứa máu. Người lái xe điện Hendrik Karel có mặt ở quảng trường Willemsplein một cách tình cờ. Vì điện bị cắt do oanh kích, chiếc xe điện sơn màu vàng nhạt của Karel từ từ giảm tốc rồi dừng lại ở đúng quảng trường. Tại đây anh này thấy một loạt xe điện khác, cũng giống như chiếc của anh, đã trôi tới quảng trường và không đi đâu được. Qua làn khói, đám người nhốn nháo và những đồng đồ nát, Karel thấy những người phục vụ tại quán Hoàng Gia chạy tháo thân khỏi tòa nhà bốc cháy. Mặc kệ một vài thực khách lúc đó đang cố chạy qua cửa chính, các nhân viên phục vụ nhảy luôn qua cửa sổ.

Tại cơ quan quản lý gas của thành phố nằm ở ngay phía đông nam cây cầu lớn Arnhem, kỹ thuật viên Nicolaas Unck chiêm ngưỡng kỹ năng của các phi công ném bom. Nhìn qua sông Rhine, anh thấy 12 vị trí súng phòng không đã bị tiêu diệt. Chỉ còn lại một khẩu nhưng nòng đã bị cong đi. Lúc này, khi thành phố không còn điện, Unck phải đối mặt với khó khăn của chính mình. Người ta không thể cung

cấp gas được nữa. Khi lượng nhiên liệu còn lại trong 3 chiếc bồn chứa cạn hết, sẽ không còn gì thêm nữa. Ngoại trừ củi và than, lúc này Arnhem không còn điện, hệ thống sưởi hay gas cho sinh hoạt.

Hàng ngàn người xúm lại trong các nhà thờ. Chỉ riêng ở nhà thờ tân giáo Hà Lan lớn “Grote Kerk”, đã có 1200 người, thầy trợ lễ Jan Mijnhart nhớ lại. “”Cho dù chúng tôi nghe rõ tiếng bom nổ phía bên ngoài, “ ông nói, “mục sư Johan Gerritsen vẫn bình thản tiếp tục bài nguyện. Khi điện mất, chiếc organ dừng lại. Có một người bước tới tiếp tục điều khiển nó bằng tay”. Sau đó, trên nền còi báo động, tiếng nổ và tiếng máy bay gầm rít, tiếng organ lại vang lên và toàn thể những người dự lễ cùng đứng dậy hát bài “Wilhemus”, quốc ca Hà Lan.

Tại nhà thờ Calvin gần đó, ngay sát nhà ga xe lửa Arnhem, Gijsbert Numan, thành viên kháng chiến nghe bài giảng của Dominee Both. Numan cảm thấy ngay cả cuộc oanh kích dữ dội cũng không thể ngăn cản bọn Đức thực hiện lời đe dọa xử tử con tin trong ngày hôm đó để trả đũa vụ tấn công của lực lượng kháng chiến vào đường dẫn nước. Lương tâm cắn rứt anh trong lúc nghe lời giảng của Dominee Both về “ trách nhiệm về hành động của bản thân mình với Chúa và những người khác,” và anh quyết định ngay khi buổi lễ kết thúc, anh sẽ nộp mình cho bọn Đức. Rồi nhà thờ, Numan băng qua các đường phố đang hỗn loạn tới một trạm điện thoại. Tại đây, anh gọi cho Pieter Kruijff và nói cho viên chỉ huy vùng quyết định của mình. Kruijff trả lời thẳng thừng. “Không chấp nhận,” ông nói với Numan. “Tiếp tục làm nhiệm vụ của mình đi”. Nhưng Kruijff không phải là người có

quyết định cuối cùng. Market Garden sẽ cứu thoát các con tin.

Tại Nijmegen, cách đó 11 dặm về phía nam, máy bay ném bom đã oanh tạc các vị trí phòng không của Đức chính xác đến mức chỉ còn một vị trí còn hoạt động. Trạm điện lớn PGEM, cung cấp điện cho cả tỉnh Gelderland, chỉ bị hư hại nhẹ, nhưng các đường dây cao thế bị huỷ hoại nặng nề, cả vùng bị mất điện. Một nhà máy nằm gần trạm PGEM bị hư hại nặng và bốc cháy. Nhiều ngôi nhà ở các khu vực khác nhau trong thành phố cũng bị trúng bom. Bom cũng đã rơi xuống một trường nữ sinh và một trung tâm cứu tế xã hội Thiên chúa giáo lớn. Bên kia sông Waal, tại làng Lent một nhà máy bị phá hủy và các kho đạn nổ tung.

Tại cơ quan kiểm soát tình hình oanh tạc thành phố, những người có mặt phải làm việc dưới ánh sáng nến. Họ càng lúc càng bối rối trước hàng chồng báo cáo không ngừng tới. Làm việc trong cảnh tranh tối tranh sáng tại bàn của mình, Albertus Uijen nhập các báo cáo tới và cảm thấy các lúc càng lúng túng. Cuộc oanh tạc trên diện rộng không cho phép hình dung chuyện đang xảy ra, trừ việc tất cả vị trí quân Đức ở ngoại vi Nijmegen đều bị không kích.

Những ngã đường chính dẫn vào thành phố - Waalburg, St. Annastraat và Groesbeekseweg- đều bị phong tỏa. Đây có thể coi như một động thái nhằm cô lập thành phố.

Cũng như tại Arnhem, phần lớn những người ở Nijmegen đang tìm nơi trú ẩn, nhưng Elias Broekkamp, sống không xa cây cầu qua sông

Waal, đã trèo lên nóc nhà để quan sát rõ hơn. Và anh này thực sự ngạc nhiên khi thấy những người Đức ở văn phòng thị trưởng thành phố, cách nhà anh năm ngôi nhà, cũng làm vậy. Đám người Đức, Broekkamp nhớ lại, “có vẻ rất lo lắng. Tôi thì hẳn là có vẻ rất phấn khởi. Tôi thậm chí còn nhận thấy thời tiết hôm đó rất tuyệt.

Y tá Johanna Breman quan sát quân Đức hỗn loạn trong cuộc oanh kích. Từ một khuôn cửa sổ tầng 2 của một căn hộ phía nam cầu qua sông Waal, Breman nhìn xuống trong lúc “những lính Đức bị thương dìu nhau đi qua. Một số bị thương khá nặng, rất nhiều băng đầy người. Áo quân phục của chúng đều mở phanh và hầu hết chẳng buồn đội mũ sắt lên đầu. Sau đó đến đám bộ binh Đức. Trong lúc chạy tới phía cầu, chúng bắn về phía các ô cửa sổ khi thấy có người Hà Lan ló ra”. Khi đám lính Đức đã tới đầu cầu, chúng bắt đầu đào hố cá nhân. “Chúng đào khắp nơi”, cô Breman nhớ lại, “ngay bên con đường dẫn lên cầu, trên các bãi cỏ, dưới gốc cây. Tôi tin chắc rằng cuộc tấn công đang tới gần và tôi nhớ lúc đó đã nghĩ “Mình sẽ có một vị trí quan sát trận đánh tuyệt đẹp từ chỗ này”; Tôi cảm thấy náo nức trông đợi”. Trong những sự trông đợi của cô y tá hẳn không có đám cưới của cô vài tháng sau với thượng sĩ nhất Charles Mason của sư đoàn 82, người sắp đổ bộ trên chiếc tàu lượn số 13 gần cao điểm Groesbeek, cách căn hộ của cô gái hai dặm về phía tây nam.

Một số làng và thị trấn nằm gần các mục tiêu chính của Market Garden cũng bị tổn thất nặng không kém gì các mục tiêu này và hầu như không có cơ quan phụ trách cứu hộ. Gần làng Zeelst, cách Eindhoven chừng 5 dặm về phía tây, Gerardus de Wit đã ẩn nấp giữa

một cánh đồng trong cuộc ném bom. Không hề có tín hiệu báo động phòng không. Ông đã nhìn thấy máy bay bay cao trên trời, và bất thành linh bom rơi xuống như mưa. De Wit, đang trên đường đi thăm người anh ở làng Veldhoven, cách đó 4 dặm về phía nam, lao khỏi đường và nhảy xuống một con mương nằm bên rìa cánh đồng. Giờ đây, ông hối hả quay về tìm vợ và 11 đứa con của mình.

Cho dù máy bay vẫn gầm rú trên đầu, De Wit quyết định đánh liều. Nhô đầu lên nhìn dọc cánh đồng, ông thấy “ngay cả lá cây cũng đã bị phát rụng hết”. Bỏ lại chiếc xe đạp của mình, ông trèo lên bờ mương và chạy qua cánh đồng trống trải. Khi ông về tới gần làng, ông nhận thấy những quả bom hẫ hẫ là định dành cho sân bay Welschap ở ngoại vi Eindhoven đã rơi xuống làng Zeelst nhỏ bé. De Wit không thấy gì ngoài những đồng đổ nát. Một vài ngôi nhà đang cháy, số còn lại đã sập; dân làng đứng nhìn choáng váng khóc lóc. Một người quen của De Wit, bà Van Helmont, một bà góa, nhận ra ông và nhờ ông đi theo bà để che cho một đứa bé trai đã chết bằng một tấm khăn. Nước mắt giàn giụa, bà giải thích rằng bà không thể tự làm được. Đứa trẻ đã bị mất đầu, nhưng De Wit nhận ra đó là con trai một người hàng xóm. Ông vội phủ kín thi thể. “Tôi không nhìn vào bất cứ cái gì khác nữa,” ông nhớ lại. “Tôi chỉ cố về nhà thật nhanh”. Khi gần về tới nhà, một người hàng xóm sống phía đối diện cố giữ ông lại. “Tôi bị mất máu đến chết mất,” người đàn ông kêu lên. “Tôi bị trúng mảnh bom”.

Đúng lúc đó, De Wit nhìn thấy vợ mình, Adriana, đứng trên đường khóc. Bà chạy tới bên ông. “Em nghĩ anh sẽ không bao giờ về nữa,” bà nói. “Tới đây nhanh lên. Thằng Tiny nhà mình bị bom”. De Wit

bước qua bên người láng giềng bị thương. “Tôi không còn nghĩ đến gì khác ngoài con trai tôi. Khi tôi đến bên nó tôi thấy cả bên sườn phải thằng bé bị mở tung ra, chân phải gần như đứt lìa. Nó vẫn còn tỉnh táo và đòi uống nước. Tôi thấy cả cánh tay phải của nó cũng không còn. Con trai tôi hỏi tôi về cánh tay của nó và để an ủi thằng bé, tôi nói, “Con đang nằm lên tay mình”. Trong lúc De Wit đang quỳ xuống bên đứa con, một bác sĩ tới. “Ông ấy bảo tôi không còn hy vọng nữa,” De Wit nhớ lại, “vì con trai chúng tôi sắp chết”. Bế con trên tay, De Wit đi tới xưởng xì gà Duc Geogre, nơi có một trạm Chữ Thập Đỏ. Trước khi ông đến nơi, đứa con trai 14 tuổi đã chết trên tay ông.

Trong nỗi kinh hoàng, hỗn loạn và hy vọng, ít người Hà Lan nhìn thấy lực lượng tiền trạm của lực lượng đổ bộ Đồng Minh. Vào khoảng 12 giờ 40, 12 máy bay ném bom Stirling của Anh bay qua không phận Arnhem. Vào 12 giờ 47, 4 chiếc C47 của Mỹ xuất hiện trên không phận phía bắc Eindhoven, trong lúc 2 chiếc khác bay trên những cánh đồng trống trải ở phía tây nam Nijmegen, gần thị trấn Overasselt. Trên những chiếc máy bay này là lực lượng dò đường Anh và Mỹ.

Đang quay về trang trại của mình nằm cạnh Renkum, cách Wolfheze chưa đầy 1 dặm, Jan Pennings nhìn thấy máy bay bay thấp từ phía tây tới. Anh nghĩ những chiếc máy bay này quay lại để oanh tạc tuyến đường sắt. Anh chán ngán quan sát chúng, sẵn sàng nhào xuống tìm nơi ẩn nấp nếu bom rơi xuống. Khi những chiếc máy bay bay tới không phận Renkum, Pennings sững sờ nhìn thấy “những kiện hàng được ném xuống, sau đó là lính nhảy dù. Tôi biết ở

Normandy lực lượng Đồng Minh đã dùng lính dù và tôi tin chắc rằng đó là sự khởi đầu của cuộc tấn công.”

Ít phút sau, đạp xe về tới trang trại, Jan kêu lớn với vợ mình, “Ra đi! Chúng ta tự do rồi!” Rồi những người lính dù đầu tiên anh từng trông thấy đi vào sân trang trại. Ngõ ngàng và vui mừng, Pennings bắt tay họ. “Trong nửa giờ nữa,” họ nói với anh, “hàng trăm người nữa của chúng tôi sẽ tới”.

Tài xế Jan Peelen cũng đã trông thấy lực lượng dò đường đổ xuống Renkum. Anh nhớ lại rằng “họ tiếp đất hầu như hoàn toàn yên lặng. Họ rất có kỷ luật và lập tức khống chế khu tiếp đất”. Giống như những toán dò đường khác ở phía bắc tuyến đường sắt, họ tiến hành đánh dấu các bãi nhảy dù và bãi đáp tàu lượn. Cách đó 15 dặm về phía nam, gần thị trấn Overasselt, cậu thanh niên 19 tuổi Theodorus Roelofs, đang ẩn trốn bọn Đức, bất ngờ được giải thoát bởi lực lượng dò đường của sư đoàn 82, những người đã đổ xuống ngay cạnh trang trại của gia đình cậu. Những người lính Mỹ, cậu nhớ lại, “khá ít, và tôi sợ rằng nhóm nhỏ những người can đảm này sẽ bị tiêu diệt”. Những người dò đường không để phí thời gian. Phát hiện ra cậu thanh niên Hà Lan nói được tiếng Anh, họ lập tức kết nạp Roelofs vào toán và sử dụng cậu làm người dẫn đường và phiên dịch. Xác nhận các vị trí trên bản đồ của họ và chỉ họ tới các bãi đổ bộ đã được định trước, Roelofs ngạc nhiên quan sát những người lính đánh dấu địa điểm “bằng những dải vải màu và pháo hiệu khói”; Ba phút sau một chữ O khổng lồ màu vàng và những cuộn khói tím đánh dấu rõ ràng khu vực này.

Bốn chiếc C47 chở lực lượng dò đường của sư đoàn 101 tới các khu đổ bộ phía bắc Eindhoven đã gặp phải hỏa lực phòng không rất mạnh. Một chiếc bốc cháy rơi xuống đất. Chỉ 4 người sống sót. Ba chiếc còn lại tiếp tục chuyển bay, và những người dò đường đã được thả chính xác xuống hai khu đổ bộ của sư đoàn 101. Vào lúc 12 giờ 54, tất cả khu nhảy dù và hạ cánh suốt dọc khu quyết chiến của Market Garden đều đã được định vị và đánh dấu. Thật ngạc nhiên, quân Đức vẫn không báo động.

Tại trại lính Hoenderloo, trung tá Walter Harzer, tư lệnh sư đoàn Hohenstaufen, đang chúc mừng viên đại úy vừa được tặng huy chương Paul Grabner. Vài phút trước đó, Harzer đã trông thấy vài chiếc dù rơi xuống phía tây Arnhem. Ông ta không ngạc nhiên. Ông ta cho rằng đó là phi hành đoàn của một máy bay ném bom bị bắn hạ. Ở Oosterbeek, tại khách sạn Tafelberg, thống chế Model đang uống một ly khai vị trước bữa trưa – một ly Moselle lạnh – với tham mưu trưởng của mình, trung tướng Hans Krebs, sĩ quan tác chiến đại tá Hans von Tempelhof và trợ lý sở chỉ huy đại tá Leodegard Freyberg. Như viên sĩ quan văn phòng trung úy Gustav Sedelhauser nhớ lại, “Bất cứ khi nào có mặt tại sở chỉ huy, thống chế cũng luôn chính xác đến từng giây. Chúng tôi luôn luôn ăn trưa lúc 13 giờ”. Đó cũng chính là giờ G cho lực lượng Market.

Lúc này, bay thành đội hình dày đặc, đoàn C47 khổng lồ chở sư đoàn 101 bay qua lãnh thổ Bỉ do Đồng minh kiểm soát với tiếng động cơ vang rền. Qua Brussels 25 dặm, đội hình này ngoặt lên hướng bắc về

phía biên giới Hà Lan. Sau đó, những người lính trên máy bay nhìn xuống và, lần đầu tiên họ nhìn thấy đối tác mặt đất của mình, lực lượng Garden mà cuộc tấn công trên bộ đã được đồng bộ hóa với cuộc tập kích đường không. Đó là một quang cảnh hoành tráng không thể nào quên. Đội hình khổng lồ của quân đoàn 30 của tướng Horrock trải ra trên khắp các cánh đồng, các ngã đường. Những đội hình xe tăng, xe half track, xe bọc thép bánh hơi, xe chở lính dày đặc, và hết dãy này đến dãy khác đại bác dàn ra sẵn sàng cho cuộc đột kích. Trên các xe tăng các cần anten lay động trong gió, và hàng ngàn lính Anh đứng trên xe hay đang tập hợp đông nghịt trên các cánh đồng vẫy tay chào những người trên trời. Màn khói màu da cam bốc lên trên không trung đánh dấu dải mặt trận của người Anh. Phía sau là kẻ thù.

Lướt sát mặt đất, các máy bay khu trục dẫn đầu đội hình tới các khu đổ quân, sẵn sàng dọn sạch mọi thứ phía trước đội hình. Cho dù những cuộc oanh kích dữ dội trước khi đổ quân đã tiêu diệt rất nhiều vị trí phòng không của kẻ thù, lúc này những lưới nguy trang lại đột ngột được tung ra để lộ những vị trí của quân địch. Một số người nhớ lại đã thấy đỉnh nhiều ống rom tung ra để lộ những nòng súng 88 và 20 mm. Bất chấp những cuộc tấn công rất kỹ lưỡng của máy bay khu trục, không thể loại bỏ được hết các vị trí quân địch. Chỉ còn cách các khu đổ quân ở phía bắc Eindhoven có 7 phút, đội hình của sư đoàn 101 vấp phải hỏa lực phòng không dữ dội.

Binh nhì John Cipolla đang ngủ khi anh đột ngột bừng tỉnh bởi “tiếng súng phòng không nổ đánh, và mảnh đạn cắm xuyên vào máy

bay của chúng tôi”. Cũng như những người khác, Cipolla còng người xuống dưới sức nặng của trang bị phải mang theo, khiến anh hầu như không thể nhúc nhích được. Bên cạnh khẩu súng trường, chĩa, áo mưa, balô, anh này còn phải mang dây đạn vắt chéo qua vai, các túi nhét đầy lựu đạn, khẩu phần ăn và chiếc dù chính cộng thêm chiếc dù phụ. Hơn nữa, trên máy bay của anh, mỗi người phải mang thêm một quả mìn. Anh nhớ lại, “một chiếc C47 ở bên trái chúng tôi cháy bùng lên, rồi một chiếc khác nữa, và tôi nghĩ “Chúa ơi, lần tới là tới lượt cánh mình rồi! Liệu mình có thoát khỏi cái máy bay này không!!”

Chiếc C47 của anh rung lên và tất cả dường như cùng hét lên một lúc, “Nhảy thôi! Chúng ta dính đạn rồi!” Người chỉ huy nhảy ra lệnh “Đứng lên cài móc dù”. Rồi anh ta bình thản kiểm tra trang bị. Cipolla có thể nghe thấy từng người báo cáo, “Một OK. Hai OK. Ba OK.” Dường như hàng giờ trôi qua trước khi Cipolla, người đứng cuối dãy, được hô “Hai mươi một OK.” Sau đó đèn xanh bật sáng, mọi người nối nhau nhảy ra ngoài, dù mở tung ra trên đầu họ. Ngó lên trên để kiểm tra chiếc dù của mình, Cipolla nhìn thấy chiếc C47 anh vừa rời khỏi đang bốc cháy. Trong lúc anh quan sát, chiếc máy bay rơi xuống như một bó đuốc.

Bất chấp trận mưa mảnh đạn cắm vào các máy bay, các đội hình vẫn không dao động. Phi công của không đoàn vận tải số 9 vẫn giữ vững hành trình không thay đổi. Trung úy Robert O’Connell nhớ lại phi đội của anh bay sát nhau ,” đến mức tôi nghĩ phi công của chúng tôi sắp sửa đập cánh máy bay vào tai của viên phi công lái chiếc bên trái chúng tôi.” Máy bay của O’Connell bị cháy. Đèn đỏ báo chuẩn bị

nhảy bật sáng, và “có nhiều khói trong khoang đến mức tôi không nhìn được hết dây của mình”. Binh lính bật ho và lớn tiếng đòi nhảy ra. O’Connell “đứng chắn ngang cửa để ngăn họ lại”. Viên phi công vẫn tiếp tục lái thẳng không tránh né, và O’Connell nhìn thấy toàn đội hình bắt đầu hạ độ cao và giảm tốc, chuẩn bị cho việc thả quân. O’Connell hy vọng “nếu phi công nghĩ chiếc máy bay sắp rơi, anh ta sẽ bật đèn xanh đúng lúc để mọi người kịp thoát ra.” Bình thản, viên phi công lái chiếc máy bay đang bốc cháy cho đến lúc tới ngay trên khu đổ quân. Sau đó đèn xanh bật sáng và O’Connell cùng người của mình nhảy ra an toàn. Sau này O’Connell được biết chiếc máy bay phải đáp búng nhưng tổ lái thoát nạn.

Không hề nghĩ tới sự an toàn của chính mình, các phi công lái máy bay vận tải đưa máy bay của mình qua làn đạn tới khu đổ quân. “Đừng lo cho tôi,” trung úy Herbert E.Shulman, phi công của một chiếc C47 bị bắn cháy, nói qua radio với viên chỉ huy bay. “Tôi sẽ đưa những người lính này tới đúng bãi đổ quân”. Anh đã làm đúng như vậy. Những người lính dù nhảy ra an toàn. Chỉ vài giây sau, chiếc máy bay cháy bùng lên đâm xuống đất. Thượng sĩ Charles A.Mitchell kinh hoàng nhìn thấy lửa phụt ra từ động cơ chiếc máy bay anh vừa rời khỏi. Trong lúc người phi công tiếp tục giữ vững đường bay, Mitchell nhìn thấy toàn bộ toán lính dù nhảy xuống qua đám lửa.

Bi kịch chưa dừng lại ở đây. Binh nhì Paul Johnson vừa đến bên khoang lái thì chiếc máy bay của anh bị bắn trúng giữa thân và cả hai thùng nhiên liệu bốc cháy. Trong số 16 lính dù, phi công và phụ lái, chỉ Johnson và hai người khác kịp nhảy. Họ đã phải dẫm lên những

xác chết trong khoang máy bay để nhảy ra ngoài. Tất cả những người sống sót đều bỏng nặng , Johnson bị cháy hết tóc. Cả ba người rơi xuống một khu đất xe tăng của quân Đức. Trong nửa giờ họ chiến đấu với kẻ thù từ một rãnh nước. Sau đó, cả ba đều bị thương, bị áp đảo và bị bắt làm tù binh.

Đúng vào lúc đèn xanh báo nhảy bật sáng trên một máy bay khác, người lính dù đứng đầu hàng, đang ở bên cạnh cửa, bị giết. Anh ta ngã đè lên trung sĩ John Altomare. Thi thể của anh ta lập tức được chuyển sang bên và những người còn lại nhảy ra. Và, trong lúc một toán lính dù khác đang lơ lửng trên không, một chiếc C47 mất lái đã quét phải hai người trong số họ, hai người này bị cánh quạt động cơ chém rời thành từng mảnh.

Như thường lệ, những người Mỹ vẫn tìm được cách bông đùa ngay cả trong cuộc tiếp cận kinh hoàng tới các khu đổ quân. Ngay sau khi đại úy Cecil Lee đứng dậy móc dù, máy bay của anh bị trúng đạn. Mảnh đạn ghém xuyên thủng chỗ ngồi anh vừa mới rời khỏi. Gần đó, một người lính lớn tiếng mỉa mai, “Giờ thì chúng nó cho bọn mình cả bồn cầu nữa”. Trên một máy bay khác, trung úy Anthony Borrelli tin chắc mình đã bị tê liệt. Đèn đỏ bật và tất cả móc dù- trừ Borrelli, người không thể nào nhúc nhích được. Mới đeo lon sũ quan được hai tuần và lần đầu tham chiến, Borrelli, người đứng đầu dãy, ý thức được mọi người đang nhìn mình. Anh bối rối nhận ra mình đã móc dù vào chỗ ngồi. Binh nhì Robert Boyce tham gia trận đánh bất chấp thiện ý của viên nha sĩ sư đoàn, người đã ghi anh ta thuộc dạng “không được tham chiến” do vấn đề về răng. Với sự can thiệp của chỉ

huy đại đội, Boyce, một cựu binh từ Normandy, được phép tham chiến. Khi máy bay của anh ta tiếp cận mục tiêu, Boyce nhìn thấy người Hà Lan bên dưới giơ hai ngón tay lên làm hình chữ V tượng trưng cho chiến thắng để chào mừng. Boyce chỉ cần có thể. “Ê, nhìn kia,” anh gọi những người khác, “họ đang cược hai ăn một là cánh mình sẽ không tới nơi được”.

Mỗi e ngại không bao giờ tới được khu đổ bộ ít nhất cũng lớn như vậy ở nhiều người khác. Đại tá Robert F.Sink, chỉ huy trung đoàn 506, thấy “những tràng đạn cao xạ dữ dội lao tới chào đón chúng tôi.” Trong lúc ông nhìn qua cửa, chiếc máy bay lắc dữ dội và Sink trông thấy một phần cánh máy bay rách rời ra. Ông quay lại những người cùng dãy và nói, “Thế đấy, cánh máy bay toi rồi”. Và Sink nhẹ nhõm vì “không ai có vẻ quan tâm nhiều đến việc này. Họ cho thấy lần này chúng tôi thực sự đã nhập cuộc”.

Trên máy bay số 2, người phó của Sink, trung tá Charles Chase, nhìn thấy cánh bên trái máy bay của họ bốc cháy. Đại úy Thomas Mulvey nhớ lại rằng Chase nhìn chăm chăm vào đám cháy một phút rồi bình thản nhận xét, “Tôi nghĩ bọn chúng đang bắt kịp chúng ta đấy. Tốt nhất nên đi thôi.” Khi đèn xanh trên cả 2 máy bay bật sáng, tất cả lập tức nhảy ra ngoài. Chiếc máy bay chở Chase đâm xuống đất bốc cháy. Chiếc máy bay chở Sink, với bên cánh bị hư hại, dường như đã an toàn quay về Anh.

Hỏa lực phòng không cũng dữ dội không kém trùm lên đội hình trung đoàn 502, và máy bay thuộc hai toán khác nhau đã suýt đâm

vào nhau. Một dãy máy bay, hơi mất phương hướng, đã đi cắt vào hướng của một nhóm khác, khiến nhóm này phải tăng độ cao và thả quân ở độ cao lớn hơn dự tính. Trên chiếc máy bay đi đầu nhóm này có sư đoàn trưởng, tướng Maxwell D.Taylor, và tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1 trung đoàn 502, trung tá Patrick Cassidy. Đứng bên khung cửa, Cassidy thấy một máy bay trong nhóm cháy bùng. Ông chỉ nhìn thấy có 7 chiếc dù. Rồi lửa bùng lên ở chiếc C47 bay ngay bên trái. Tất cả lính dù nhảy khỏi máy bay. Ngõ ngàng trước đám cháy, Cassidy không nhận ra đèn xanh đã bật. Tướng Taylor, đứng sau lưng ông, bình thản khẽ nói. “Cassidy, đèn xanh rồi.” Cassidy máy móc đáp, “Vâng, thưa ngài, tôi biết,” và nhảy. Taylor nhảy ngay sau ông.

Với tướng Taylor, cuộc đổ quân của sư đoàn 101 là “một thành công hiếm có, gần như một buổi tập”. Trong kế hoạch ban đầu, ban tham mưu của Taylor đã ước tính thương vong ở mức 30%. Trong số 6695 lính dù lên máy bay ở Anh, 6669 người đã nhảy dù. Bất chấp hỏa lực phòng không dữ dội, sự kiên cường của các phi công lái C47 và tiêm kích hộ tống đã giúp sư đoàn 101 có một cuộc nhảy dù gần như hoàn hảo. Cho dù một số đơn vị đã bị thả cách khu đổ quân từ 1 đến 3 dặm về phía bắc, họ đã tiếp đất gần nhau đến mức có thể nhanh chóng tập hợp được. Chỉ có 2 máy bay không tới được khu đổ quân, và không đoàn vận tải số 9 đã nhận về mình phần tổn thất lớn nhất trong quyết tâm anh dũng của họ nhằm đưa bằng được lực lượng dù tới đích. Trong số 424 chiếc C47 chở sư đoàn 101, một phần tư bị trúng đạn, 16 chiếc bị rơi, tổ lái hy sinh.

Tổn thất của các tàu lượn cũng rất lớn. Sau đó, khi các biên đội này

tới nơi, chỉ 53 trong số 70 tàu lượn xuất phát ban đầu hạ cánh không bị thương tích gì tại khu hạ cánh gần Son. Tuy thế, bất chấp những trường hợp phải bỏ cuộc, bất chấp hỏa lực phòng không của đối phương và các vụ hạ cánh bắt buộc, các tàu lượn đã mang được tới nơi gần 80% số binh lính và 75% số xe jeep và xe tải chúng chuyên chở. Lúc này những con chim ưng gầm thét của Taylor bắt đầu tiến tới các mục tiêu của họ - những cây cầu và điểm vượt sông trên 15 dặm hành lang quan trọng nằm ngay phía trước lực lượng mặt đất của Anh.

Đại tướng Kurt Student và tham mưu trưởng của ông ta, đại tá Reinhard, đứng trên ban công ngôi nhà của viên tướng gần Vught và “chỉ đơn giản là tròn mắt ra nhìn, ngo ngẩn như những gã ngốc”. Student nhớ lại “ nhìn về phía nào, chúng tôi cũng thấy từng đoàn máy bay – tiêm kích, vận tải – bay trên đầu mình. Chúng tôi leo lên nóc nhà để biết chính xác hơn những đơn vị này đang đi đâu.”

Những đoàn máy bay này xem ra đang hướng về Grave và Nijmegen và, chỉ vài dặm về phía nam gần Eindhoven và Son, ông ta có thể nhìn thấy rõ các máy bay vận tải – chiếc này nối đuôi chiếc khác – bay tới và thả quân cùng trang bị. Một số máy bay bay thấp đến nỗi Student và Reinhard bất giác nằm phục xuống. “Ngoài sân sở chỉ huy, nhân viên văn phòng, lái xe và hiệu thính viên chạy ra, bắn với tất cả các loại vũ khí. Như thường lệ, chẳng thấy bóng dáng tiêm kích của bên mình đâu cả”. Student hoàn toàn choáng váng. “Tôi không thể nói chuyện gì đang xảy ra hay những đơn vị này đang tới đâu. Vào lúc đó, tôi không hề nghĩ đến sự nguy hiểm đang đe dọa chính

mình”. Nhưng Student, một chuyên gia về tác chiến nhảy dù, cảm thấy đây ngưỡng mộ và ghen tỵ. “Cảnh tượng hùng vĩ đó đã gây ấn tượng sâu sắc với tôi. Tôi vừa nhìn vừa suy nghĩ và nhớ lại những chiến dịch đổ bộ của chúng tôi, rồi tôi nói với Reinhard, “Chà, giá như có lúc tôi có được trong tay mình những phương tiện như vậy. Chỉ một lần thôi, có được từng ấy máy bay!” Suy nghĩ của Reinhard thực tế hơn nhiều. “Tướng quân,” ông ta nói với Student, “chúng ta phải làm điều gì đó!” Họ rời mái nhà xuống văn phòng của Student.

Chỉ mới tối hôm trước, Student đã cảnh báo trong báo cáo hàng ngày của ông, “Những đoàn quân xa lớn di chuyển phía nam kênh Maas-Schelde cho thấy một cuộc tấn công sắp diễn ra.” Vấn đề là ở chỗ: nó đã thực sự bắt đầu chưa? Nếu vậy, thì những đơn vị đổ bộ đường không này đang hướng tới các cây cầu xung quanh Eindhoven, Grave, và Nijmegen. Tất cả các điểm vượt sông đều đã được chuẩn bị cho việc phá hủy và được bảo vệ bởi các đơn vị công binh đặc biệt và các đội tuần tiễu. Một chỉ huy cầu đã được chỉ định cho mỗi điểm với mệnh lệnh nghiêm ngặt phải phá hủy ngay cầu khi bị tấn công. “Động thái hiển nhiên của đồng minh,” Student nhận định, “sẽ là dùng lực lượng đổ bộ trong tình huống này để chiếm các cầu trước khi chúng ta kịp phá hủy chúng”. Vào thời điểm đó, Student thậm chí không nghĩ tới tầm quan trọng của cây cầu qua sông Rhine hạ tại Arnhem. “Nối máy cho tôi với Model”, ông ta nói với Reinhard.

Reinhard nhắc máy và phát hiện ra rằng đường dây điện thoại không hoạt động. Sở chỉ huy đã bị cô lập.

Tại Oosterbeek, cách đó 37 dặm, trong khách sạn Tafelberg, trung úy Gustav Sedelhauser, sĩ quan văn phòng của Model, đang bức bối. “Các anh vẫn còn ngái ngủ từ hôm qua đấy à?” anh ta quát vào một chiếc điện thoại đã chiến. Hạ sĩ quan Youppinger, một trong số 250 người của đơn vị bảo vệ Model do Sedelhauser chỉ huy, nhắc lại những gì anh ta vừa nói. Tại Wolfheze, “tàu lượn đang hạ thẳng xuống đầu chúng ta”, anh ta khẳng định. Sedelhauser dập mạnh điện thoại xuống và chạy vào phòng hành quân, tại đây anh này báo cáo lại thông tin cho một viên trung tá đang sưng sò. Cả hai người vội chạy tới phòng ăn, nơi Model và tham mưu trưởng của ông, tướng Krebs, đang ăn trưa. Phụ trách tác chiến, đại tá Tempelhof sưng sò; chiếc kính một mắt rời khỏi mắt Krebs. “VẬY chúng ta sẽ là đích”, Tempelhof nói.

Model đứng bật dậy và ra một loạt mệnh lệnh nhằm sơ tán lập tức sở chỉ huy. Vừa lao ra khỏi phòng ăn để thu xếp đồ của mình, ông vừa nói vọng lại, “Chúng tôi tìm tôi và sở chỉ huy này!” Một lát sau, chỉ mang theo một vali nhỏ, Model lao qua cửa khách sạn Tafelberg. Trên đường ông ta đánh rơi chiếc vali làm nó bật mở hất tung ra những chiếc khăn tắm và đồ lót của ông.

Krebs theo sau Model ra ngoài vội đến mức Sedelhauser thấy “ông ta thậm chí còn quên cả mũ, súng ngắn và thắt lưng”. Tempelhof thậm chí còn chẳng có thời gian để gỡ những tấm bản đồ chiến sự treo ở phòng hành quân. Đại tá Freyberg, trợ lý sở chỉ huy, cũng vội vàng như vậy. Đi qua trước mặt Sedelhauser, ông ta quát, “Đừng có quên

xì gà của tôi đấy”. Trong xe của mình, Model ra lệnh cho lái xe của ông, Frombeck. “Nhanh lên! Doetinchem! Tới sở chỉ huy của Bittrich!”

Sedelhauser đợi cho đến khi chiếc xe đi khuất và quay vào khách sạn. Trong phòng hành quân, anh ta trông thấy những tấm bản đồ- chỉ rõ tất cả các vị trí đóng quân từ Hà Lan tới Thụy Sĩ – vẫn còn nằm trên mặt một chiếc bàn. Anh này bèn cuộn lại và mang theo mình. Sau đó viên trung úy ra lệnh sơ tán lập tức khỏi khách sạn Hartenstein và Tafelberg; tất cả phương tiện, anh ta ra lệnh, “tất cả các xe con, xe tải, motor, đều phải đi ngay lập tức”. Báo cáo cuối cùng anh ta nhận được trước khi rời tới Doetinchem là quân Anh chỉ còn cách đó chưa đầy hai dặm. Trong lúc vội vã anh ta đã quên bằng những điều xì gà của Freyberg.

Bao quanh bởi những cuộn khói từ những ngôi nhà đang cháy, đội hình tàu lượn hùng hậu của quân Anh bắt đầu hạ cánh. Những khu đổ quân được đánh dấu bằng những dải nylon màu cam và huyết dụ lúc này đã bắt đầu trông giống như một bãi đỗ máy bay khổng lồ. Khói hiệu màu xanh bốc lên từ hai khu đổ quân – “Reyers Camps Farm” ở phía bắc và “Renkum Heath” ở phía tây nam- gần Wolfheze. Từ những khu này, từng dãy máy bay kéo và tàu lượn nối nhau dài tới gần 20 dặm cho tới điểm tiếp cận nằm gần thị trấn Hertogenbosch, tây nam Nijmegen. Hàng đoàn máy bay tiêm kích bảo vệ những không đoàn khổng lồ này. Mật độ không lưu dày đặc đến mức các phi công nhớ tới những khi tắc đường vào giờ cao điểm ở vòng cung Piccardilly Circus bận rộn của London.

Những biên đội này –mỗi nhóm cách nhau 4 phút bay – bay chậm rãi trên vùng đồng quê Hà Lan bằng phẳng chẳng chịt kênh rạch. Những mốc định vị các phi công đã được phổ biến phải nhận ra lúc này bắt đầu xuất hiện phía dưới họ: những dòng sông lớn Maas và Waal và xa hơn về phía bắc, sông Rhine hạ. Sau đó, khi từng nhóm bắt đầu hạ độ cao, binh lính nhìn thấy Arnhem nằm về phía bên phải và các mục tiêu chủ yếu của họ: cầu đường sắt và cầu đường bộ. Thật ngạc nhiên, bất chấp sự cảnh báo của RAF tiên đoán hỏa lực phòng không dày đặc, đoàn tàu lượn đông đảo đã không gặp bất kỳ phản kháng nào. Những cuộc ném bom chuẩn bị tại Arnhem đã hiệu quả hơn nhiều so với tại Eindhoven. Không một tàu lượn hay máy bay kéo nào bị bắn hạ trong lúc tiếp cận.

Với sự chính xác tuyệt đối, các phi công dày dạn kinh nghiệm của RAF và trung đoàn tàu lượn đã tiếp cận các khu hạ cánh. Sau khi các tàu lượn tháo cáp nối, các máy bay kéo bay cao lên lượn trở ra để nhường chỗ cho những cặp tiếp theo. Những thao tác bay phức tạp này cũng như mật độ không lưu dày đặc đã tạo ra những vấn đề khó khăn. Thượng sĩ phi công Bryan Tomblin nhớ lại sự đông đúc hỗn độn trên không phận các khu đổ quân. “Tàu lượn, máy bay kéo, cáp, đủ thứ trên không,” anh nhớ lại. “Bạn phải luôn nhìn ngó xung quanh”.

Thượng sĩ nhất Victor Miller, lái một chiếc Horsa, còn nhớ đã bay qua sông Rhine Hạ và thấy nó “yên ả lạ thường”. Xa hơn, anh chợt nhận ra khu đổ bộ của mình, với một vạt rừng hình tam giác và một trang

trại nhỏ nép vào rìa phía xa của vạt rừng”. Vài giây sau, Miller nghe thấy tiếng nói của hoa tiêu trên chiếc Stirling đang kéo mình. “OK số 2. Khi anh đã sẵn sàng.” Miller xác nhận. “Chúc may mắn, số 2”, viên hoa tiêu nói với anh. Miller lập tức tháo cáp nối. Chiếc máy bay kéo biến mất, sợi cáp kéo bay phấp phới phía sau. Miller biết nó sẽ được thả rơi xuống kẻ thù “ như món quà chia tay trước khi chiếc Stirling quay về căn cứ”.

Chiếc tàu lượn bay chậm dần lại và lướt dần xuống mặt đất. Miller ra lệnh mở cánh hãm tốc và phụ lái của anh, thượng sĩ Tom Hollingsworth, lập tức kéo một chiếc cần. Chiếc tàu lượn chững lại trong khoảnh khắc, “trong khi những cánh hãm tốc lớn mở ra phía dưới cánh tàu lượn để làm chậm tốc độ của chúng tôi lại”. Khu đồ quân, Miller ước lượng, chỉ còn cách chưa tới 1 dặm. “Tôi nhắc Tom quan sát các tàu lượn ở phía anh ta. Một chiếc bay ngang qua trước mặt chỉ cách chúng tôi chưa đến 50 yard”, và, trước sự ngạc nhiên của Miller, “ rồi lượn theo cùng hướng. Một chiếc khác có vẻ như sắp đâm vào bên sườn chúng tôi. Tôi không nghĩ là tay phi công nhìn thấy chúng tôi, có lẽ anh ta chỉ chăm chú đến việc hạ cánh”. Để tránh va chạm, Miller đánh liều lạng xuống lướt qua bụng chiếc tàu lượn đang lao tới. “Một bóng đen lớn lao qua phía trên buồng lái của chúng tôi, gần hơn mức tôi có thể dừng dưng. Tôi chỉ lo làm sao hạ cánh mà còn nguyên vẹn nên chẳng hề quan tâm liệu quân địch có bắn vào chúng tôi không – mà việc này thì có lo cũng chẳng thay đổi được gì nhiều”.

Miller tiếp tục hạ cánh với “những ngọn cây vươn lên hướng tới bụng

chiếc tàu lượn và lướt qua hai bên cánh. Khi mặt đất xuất hiện, một chiếc tàu lượn khác lao tới sát cạnh. Tôi hạ càng, chúng tôi chạm đất, nảy nên chừng 3 bộ rồi tiếp đất hẳn. Tom kéo hết phanh và chúng tôi lê dài bụng trên cánh đồng; Sau đó các bánh xe càng tiếp đất lún vào đất mềm và chúng tôi dừng lại cách những hàng cây to lớn chừng 50 yard.” Trong sự im lặng, sau những tiếng động điếc tai không dứt trong lúc tiếp đất, Miller nghe thấy tiếng súng bộ binh cỡ nhỏ, “nhưng ý nghĩ duy nhất của tôi lúc đó là nhảy ra khỏi tàu lượn trước khi có ai đó đâm xuống hay đáp xuống đầu chúng tôi. Tôi là người cuối cùng chui ra ngoài. Tôi nhảy thẳng từ nắp cửa khoang lái và rơi xuống mặt đất Hà Lan ở phía dưới tôi 4 bộ, một cách khá nặng nề.”

Chiếc tàu lượn chở hiệu thính viên Graham Marples bay vòng rồi quay trở lại địa điểm đổ quân vì không lưu quá đông. “Nhưng đến lúc đó chúng tôi đã hết đà lượn,” Marples nhớ lại, “tôi nhìn thấy cành cây đâm xuyên qua sàn tàu lượn. Chúng phá tan sàn thành từng mảnh, và điều tiếp theo tôi biết là chúng tôi đã chúi đầu lao xuống. Tôi nghe thấy mọi thứ vỡ như củi khô bị bẻ vụn. Chúng tôi gần như cắm đầu xuống đất nhưng không ai bị thương trừ vài vết xước hay bầm tím”. Sau đó, viên phi công cho Marples biết anh ta đã lái tàu lượn vòng để tránh đâm vào một tàu lượn khác. Nhiều tàu lượn khác, sau khi đã vượt qua thành công mọi trở ngại của chuyến bay dài, lại gặp tai họa khi hạ cánh. Thượng sĩ George Davis đứng gần chiếc Horsa trống rỗng của mình quan sát các tàu lượn khác tới nơi. Là một trong những người đầu tiên hạ cánh, Davis đã mang theo 32 người của lữ đoàn đổ bộ số 1. Anh trông thấy 2 tàu lượn “gần như lao song song với nhau qua khu đổ quân và đâm vào cây. Cánh của cả hai

chiếc đều bị gãy lìa”. Vài giây sau, một chiếc Horsa nữa lao tới. Tốc độ của nó nhanh tới mức Davis biết chắc nó không thể nào dừng lại kịp. Chiếc tàu lượn lao vào cây. Không ai trèo ra ngoài. Cùng thượng sĩ William, phụ lái của mình, Davis chạy tới chiếc tàu lượn và nhìn qua cửa kính khoang lái bằng thủy tinh hữu cơ. Tất cả những người bên trong đều đã chết. Một khẩu cối 75 mm đã bật khỏi xích chằng, nghiền nát các pháo thủ và tiện cụt đầu phi công cũng như phụ lái.

Trung úy Michael Dauncey vừa hạ cánh chiếc tàu lượn của mình – chở một chiếc jeep, moóc và 6 pháo thủ của một khẩu đội pháo – thì thấy một chiếc Hamilcar 8 tấn to lớn lao xuống. “Đất của khu đổ bộ khá mềm,” anh nhớ lại, “ và tôi thấy mũi chiếc Hamilcar cắm xuống”. Trọng lượng và tốc độ tiếp đất làm chiếc tàu lượn lún sâu hơn vào đất cho đến khi chiếc đuôi kèn càng dựng lên trên không và chiếc Hamilcar bị lộn ngửa bụng lên trời. Dauncey biết “có cố đào bới cũng vô ích. Nóc của một chiếc Horsa thì phẳng, nhưng một chiếc Hamilcar có một khoang nhô lên cho phi công ngồi, và chúng tôi biết các phi công không còn hy vọng sống sót”.

Tiếp đất trên một chiếc Hamilcar khác, thượng sĩ Gordon Jenks cũng nhìn thấy tai nạn đó và lập tức hiểu ra mặt đất phía trước quá yếu. Anh quyết định ngay không hạ cánh xuống cánh đồng nữa. “Tôi nghĩ thậm chí nếu chúng tôi lượn sang phải ngay lúc đó,” anh nhớ lại, “ chúng tôi sẽ vẫn còn đủ tốc độ để giữ chiếc tàu lượn trên không, vượt qua hàng rào và hạ cánh an toàn xuống khu đổ quân kế tiếp”. Jenks kéo cần điều khiển về phía trước, lượn xuống, bay là là cách mặt đất vài bộ. Sau khi lái chiếc tàu lượn to lớn nhẹ nhàng lướt qua bên trên hàng

rào, Jenks “hạ nó xuống bãi đỗ kế tiếp nhẹ nhàng như một chiếc lông chim”.

Trên khắp bãi đỗ quân, đuôi các tàu lượn được tháo ra, và pháo, khí tài, dự trữ, xe jeep và xe tải được dỡ xuống. Những người lính trên tàu lượn của thượng sĩ Henry Brook, cũng như nhiều người khác, phát hiện ra thao tác dỡ hàng thật ngon lành trên lý thuyết nhưng khi thực hành lại khó khăn hơn nhiều. “Có 8 chốt kẹp có dây bảo vệ giữ lấy đuôi tàu lượn,” Brook giải thích. “Khi còn ở Anh lúc luyện tập, bạn luôn có thể tháo đuôi và đưa xe jeep cùng moóc kéo ra trong đúng 2 phút. Trên thực địa, mọi thứ khác hẳn. Chúng tôi cắt dây và tháo chốt, nhưng chiếc đuôi vẫn kẹt cứng.” Brook và những người khác cuối cùng phải chặt đứt đuôi ra. Pháo thủ J.W.Crook cũng bị thất vọng như vậy, nhưng một chiếc jeep ở gần đó đã tới giúp người của anh và bằng dây tời của nó lôi chiếc đuôi tàu lượn rời ra.

Trên khắp khu đỗ quân binh lính bắt đầu thu nhặt quân dụng từ các tàu lượn bị rơi. Việc hai chiếc Hamilcar khổng lồ bị tai nạn là một tổn thất nghiêm trọng. Chúng mang theo 2 khẩu pháo 17 pound cùng xe tải 3 tấn và xe moóc chở đạn. Nhưng toàn bộ 15 khẩu pháo 75 mm của trung đoàn pháo hạng nhẹ đổ bộ số 1 đều tới nơi an toàn.

Phần lớn những người đổ bộ bằng tàu lượn đều nhớ lại sự yên lặng lạ lùng, gần như ảo giác sau khi tiếp đất. Sau đó, từ các điểm tập hợp, mọi người nghe thấy tiếng kèn túi chơi bài “Blue Bonnets”. Cùng lúc, những người lính ở ven khu rừng Renkum trông thấy các thường dân Hà Lan lang thang thơ thẩn trong rừng hay cuống cuống

chạy tìm chỗ trốn. Trung úy Neville Hay thuộc đơn vị Phantom nhớ lại “đó là một cảnh tượng kỳ lạ. Một số người mặc áo bệnh nhân màu trắng và có vẻ đang được dẫn đi thành đoàn. Đàn ông và phụ nữ đi lại gần, vẫy tay, cười phá lên, hò hét. Họ trông thật điên khùng.” Phi công tàu lượn Victor Miller cũng ngỡ ngàng bởi tiếng người từ trong rừng. Sau đó, “từng nhóm đàn ông và phụ nữ kỳ quặc mặc đồ trắng đi qua trước mặt tôi”. Chỉ sau đó những người lính mới biết các thường dân cử xử lạ lùng đó là các bệnh nhân nội trú của bệnh viện tâm thần Wolfheze vừa bị ném bom.

Tướng Urquhart đổ bộ tại Renkum. Ông cũng để ý tới sự yên lặng. “Mọi thứ yên ắng đến vô lý,” ông nhớ lại, “Không thể tin là thực”. Trong lúc tham mưu trưởng của ông, đại tá Charles Mackenzie, thiết lập sở chỉ huy lâm thời của sư đoàn bên bờ rừng, Urquhart đi tới khu đổ quân của lính nhảy dù, cách đó chừng 400 yard. Cũng sắp tới giờ lữ đoàn dù số 1 của thượng tá Lathbury đến nơi. Từ xa vọng lại tiếng động cơ của các máy bay đang tới gần. Mọi hoạt động tại khu đáp tàu lượn ngưng lại khi mọi người ngẩng đầu lên nhìn những hàng dài C47. Súng bộ binh và súng phòng không bắn lên trong lúc lực lượng dù đổ bộ cũng thừa thốt và chuech choạc như lúc các tàu lượn tiếp đất. Vào 1 giờ 53 phút đúng, và trong 15 phút tiếp theo, bầu trời tràn ngập những chiếc dù đầy màu sắc khi lữ đoàn 1 đổ bộ. Khoảng 650 kiện hàng thả dù được buộc vào những chiếc dù màu vàng tươi, đỏ và nâu – gồm súng, đạn, khí tài – được thả xuống cùng những chuỗi lính dù. Nhiều dù hàng khác, được đẩy khỏi máy bay trước khi lính dù nhảy xuống, được chứa đầy đủ thứ trang bị, bao gồm cả những chiếc motor cỡ nhỏ gập lại được. Trong số những lính dù vốn đã phải

mang nặng, nhiều người còn phải mang theo túi hàng. Trên lý thuyết, những túi này sẽ được thả xuống nhờ một sợi dây trước khi người chạm đất. Những hàng chục kiện rơi khỏi người mang và đập xuống đất. Nhiều kiện là những máy bộ đàm rất quý báu.

Bình nhì người Anh Harry Wright nhảy xuống từ một chiếc C47 Mỹ. Trong lúc lơ lửng trên không, anh rơi mất cả mũ lẫn ba lô. Anh rơi xuống đất khá mạnh. Quản lý trung đoàn thượng sĩ Robertson chạy tới. Trán Wright bê bết máu. “Cậu bị đạn cao xạ văng phải à?” Robertson hỏi. Wright chậm chạp lắc đầu. “Không, trầy da thôi,” anh ta đáp. “Đó là tại tay phi công Yankee chết tiệt. Chúng ta bay quá nhanh khi nhảy dù xuống”. Robertson băng bó vết thương, và sau đó, trước sự ngạc nhiên của Wright, đưa cho người lính bị thương một chiếc bánh thịt lợn từ túi của anh ta. “Tôi sứt nửa chết sống vì sốc,” Wright nhớ lại. “Đầu tiên, Robertson là người Scotland, và làm quản lý, anh ta chẳng cho ai cái gì bao giờ”.

Những chuyện lạ lùng có vẻ diễn ra khắp nơi tại các khu đổ quân. Người đầu tiên thượng sĩ Norman Swift thấy khi chạm đất là thượng sĩ Les Ellis, lúc đó đang mang một con gà gô chết đi qua. Swift ngạc nhiên hỏi con vật từ đâu ra. “Tớ đã tiếp đất trúng vào nó,” Ellis giải thích. “Ai mà biết được? Lát nữa chuyện đó có khi lại đâm hay, lúc chúng tôi đã đói”.

Người lính công binh Ronald Emery chỉ vừa kịp tháo dù ra thì một bà lão người Hà Lan đã chạy tới vơ lấy nó và lao đi mất, để lại anh chàng Emery trố mắt ngạc nhiên nhìn theo. Ở một chỗ khác, hạ sĩ

Geoffrey Stanners, còng người vì trang bị, nhảy trúng cánh một chiếc tàu lượn. Như một chiếc cầu bật, chiếc cánh hất bổng Stanners lên không. Anh này tiếp đất an toàn bằng cả hai chân.

Choáng váng sau cú rơi quá mạnh, trung úy Robin Vlasto nằm bất động một lúc, cố gắng định hướng. Anh ta nhận thấy “ vô số người và kiện hàng rơi xuống xung quanh tôi trong lúc máy bay tiếp tục thả lính dù xuống”. Vlasto quyết định rời khỏi khu đổ quân càng nhanh càng tốt. Trong lúc anh cố tháo dù ra, viên trung úy nghe thấy một tiếng động kỳ lạ. Nhìn quanh, anh trông thấy trung tá John Frost, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2, đi ngang qua, vừa đi vừa thổi cây còi sẵn của mình.

Binh nhì James W.Sims cũng trông thấy Frost. Sims đã trải qua một ngày đầy sự kiện trước khi tiếp đất. Luôn quen bay cùng các phi công RAF, mà thái độ quen thuộc, như Sims nhớ, là: “Đừng lo, các cậu bé, bất luận chuyện gì xảy ra, cánh này sẽ đưa các cậu tới nơi” – Sims cảm thấy choáng khi trông thấy tay phi công người Mỹ. “Đó là một tay trung tá với một chiếc mũ mềm đội trên đầu. Áo bay của anh ta mở phanh, và anh ta phì phèo một điếu xì gà to. Trung úy của chúng tôi chào anh ta khá nghiêm chỉnh và hỏi liệu mọi người có cần di chuyển lên phía mũi máy bay khi cất cánh không”. Tay người Mỹ nhăn mặt. “Cái chết tiệt gì cơ, trung úy, không cần,” Sims nhớ anh ta nói, “Tôi sẽ lôi được cái của nợ chết tiệt này lên khỏi mặt đất cho dù có phải kéo lê đít nó đi nửa đường bằng”. Viên chỉ huy của Sims ngó người không nói được gì. Lúc này, cho dù có cảm tình với trung tá của mình, Sims, trong lúc nhìn Frost đi qua, đã không thể chịu đựng

hơn được nữa. Đồ lễ trang bị linh kính xung quang, anh ta ngồi phệt dưới đất lấm bầm, “Hãy nhìn bố già Johnny Frost, một khẩu 45 trong một tay, một cái kèn mắc dịch trong tay kia”.

Trên khắp các khu nhảy dù và đáp tàu lượn, nơi 5191 người của sư đoàn đã tới nơi an toàn, các đơn vị được tập hợp lại, vận động khỏi khu đổ quân. Tướng Urquhart “không thể cảm thấy hài long hơn. Mọi việc đều có vẻ xuôi chèo mát lái”. Thượng sĩ John C. Lord cũng có cùng ý nghĩ. Người lính dù kỳ cựu nhớ lại rằng “đây là lần đổ bộ tuyệt nhất tôi đã từng tham gia. Tất cả đều bình thản và nghiêm chỉnh”. Nhưng dự trữ hậu cần mà anh đã mang theo vẫn làm Lord băn khoăn. Trong lúc nhìn quanh, thấy binh lính tập hợp nhanh chóng, không bị kẻ thù nào quấy rầy, anh này nhớ lúc đó đã nghĩ, “Mọi thứ thuận lợi đến mức không thể tin được”. Nhiều người khác cũng nghĩ vậy. Trong khi một đơn vị chuẩn bị rời khỏi khu đổ quân, trung úy Peter Stainforth nghe thấy trung úy Dennis Simpson nói khẽ, “Tất cả diễn ra quá tốt, tôi không khoái vậy chút nào”.

Người có nhiệm vụ khẩn cấp nhất sau khi đổ bộ là viên thiếu tá 43 tuổi Freddie Gough chỉ huy đơn vị trinh sát của sư đoàn đổ bộ đường không số 1. Chỉ huy bốn phân đội đội trang bị xe jeep hỏa lực mạnh, Gough có nhiệm vụ đột kích ngay tới cầu trước khi tiểu đoàn của trung tá John Frost vận động theo sau tới nơi. Gough và người của mình nhảy dù xuống, sau đó tìm phương tiện di chuyển của họ, đã được chuyển tới bằng tàu lượn. Gough nhanh chóng tìm được người phó của mình, đại úy David Allsop, tại khu đổ quân và nhận được một số tin xấu. Toàn bộ phương tiện của 1 trong số 4 đơn vị - khoảng

22 xe – đã không tới nơi, Allsop báo cáo. Ba mươi sáu trong số 320 tàu lượn dự kiến đổ bộ ở Arnhem đã bị mất, cùng với chúng là toàn bộ số xe jeep của phân đội A của Gogh. Tuy vậy, cả Gough và Allsop đều tin rằng vẫn còn đủ phương tiện để đột kích tới cầu Arnhem. Gough ra lệnh lên đường. Với việc lực lượng của ông đã bị giảm xuống, tất cả lúc này phụ thuộc vào phản ứng của quân Đức.

Trong sự hỗn loạn và bối rối, sĩ quan cao cấp đầu tiên của Đức ra lệnh báo động là tướng Wilhem Bittrich, tư lệnh quân đoàn panzer SS số 2. Vào lúc 1 giờ 30, Bittrich nhận được báo cáo đầu tiên từ Luftwaffe cho biết lính đổ bộ đường không đang đổ xuống lân cận Arnhem. Một báo cáo thứ hai, tới sau đó vài phút, cho hay khu vực bị tấn công gồm Arnhem và Nijmegen. Bittrich không liên lạc được với ai tại sở chỉ huy của thống chế Model tại khách sạn Tafelberg ở Oosterbeek. Ông cũng không thể liên lạc được với tư lệnh thành phố Arnhem hay với tướng Student ở Vught. Cho dù tình hình còn chưa rõ ràng, Bittrich lập tức nghĩ tới đạo quân số 15 của tướng Von Zangen mà phần lớn đã thoát qua cửa Schelde vào Hà Lan. "Ý nghĩ đầu tiên của tôi là cuộc tấn công của lực lượng đổ bộ nhằm kìm chân lực lượng của Von Zangen, ngăn không cho các đơn vị này hợp quân được với lực lượng còn lại của chúng tôi. Sau đó, rất có thể mục tiêu sẽ là một cuộc đột kích của quân Anh qua sông Rhine vào nước Đức". Nếu suy nghĩ của ông là chính xác, Bittrich tin rằng chìa khóa cho một chiến dịch như vậy là những chiếc cầu tại Arnhem-Nijmegen. Ông lập tức báo động các sư đoàn panzer SS số 9 Hohenstaufen và số 10 Frunsberg.

Trung tá Walter Harzer, tư lệnh sư đoàn Hohenstaufen, đang dự bữa trưa tiếp theo lễ gắn huy chương cho đại úy Paul Grabner, đang "ăn dỏ súp" khi Bittrich gọi tới. Bittrich thông báo ngắn gọn tình hình và lệnh cho Harzer "tuần tiễu trên hướng Arnheim và Nijmegen". Sư đoàn Hohenstaufen cần lập tức vận động chiếm giữ khu vực Arnheim và tiêu diệt lực lượng đổ bộ đường không ở phía tây Arnheim gần Oosterbeek. Bittrich cảnh báo Harzer rằng "hành động cấp tốc là bắt buộc. Việc khống chế và làm chủ cây cầu Arnheim là có tầm quan trọng quyết định". Cùng lúc đó, Bittrich lệnh cho sư đoàn Frunsberg - mà tư lệnh, tướng Harmel, đang ở Berlin - tiến tới Nijmegen, "để chiếm giữ và bảo vệ cây cầu tại thành phố này".

Harzer lúc này phải đối mặt với khó khăn làm thế nào để đưa những đơn vị cuối cùng của sư đoàn Hohenstaufen, dự kiến sẽ lên đường về Đức bằng tàu hỏa trong chưa đầy một giờ nữa - gồm cả những chiếc tăng, half track và xe bọc thép chở quân "hư hỏng" mà ông ta đã quyết định giữ không giao lại cho Harmel. Harzer quay sang Grabner. "Giờ chúng ta làm gì đây?" ông ta hỏi. "Các xe đều đã bị tháo dỡ đưa lên tàu rồi." Trong số đó, 40 xe thuộc về tiểu đoàn trinh sát của Grabner. "Sau bao lâu anh có thể lắp súng và xích trở lại xe?" Harzer hỏi. Grabner lập tức gọi lính kỹ thuật của mình tới. "Chúng tôi sẽ sẵn sàng sau 3 đến 5 giờ nữa," viên đại úy báo cáo lại Harzer. "Hãy hoàn tất trong 3 giờ," Harzer gằn giọng trước khi lên đường quay về sở chỉ huy.

Cho dù ông ta đã đoán đúng nhờ những lý do sai lầm, Bittrich cũng đã đưa vào trận 2 sư đoàn panzer mà tình báo của Montgomery đã

hoàn toàn bỏ qua.

Viên sĩ quan được lệnh rời khỏi Oosterbeek để nhường chỗ cho sở chỉ huy của thống chế Model lúc này nhận thấy mình và binh lính dưới quyền đóng ngay sát khu đổ quân của người Anh. Thiếu tá SS Sepp Krafft, chỉ huy tiểu đoàn dự bị và huấn luyện lính tòng thiết SS, lo lắng "đến phát hoảng". Sở chỉ huy cuối cùng của ông ta, đặt tại khách sạn Wolfheze, chỉ cách cánh rừng Renkum chưa đầy 1 dặm. Đồn trú gần đó là hai đại đội của ông, đại đội thứ 3 đóng tại Arnhem làm lực lượng dự bị. Từ khách sạn, Krafft có thể thấy vạt rừng "đông nghet tàu lượn và lính, chỉ cách đó chừng vài trăm yard". Ông ta luôn tin rằng lực lượng đổ bộ sẽ phải mất hàng giờ để tập hợp, nhưng trong khi ông ta quan sát "người Anh tập hợp khắp nơi và bắt đầu hành tiến sẵn sàng chiến đấu". Viên thiếu tá không hiểu nổi tại sao một lực lượng lớn đến thế lại đổ xuống vùng này. "Mục tiêu quân sự duy nhất mà tôi nghĩ có tầm quan trọng nào đó là cây cầu tại Arnhem".

Viên chỉ huy đang hoảng hồn không biết tới đơn vị bộ binh Đức nào khác trong khu vực ngoài tiểu đoàn thiếu của ông ta. Cho đến lúc tăng viện tới, Krafft quyết định rằng "tôi có trách nhiệm ngăn không cho quân địch tiến tới cầu - nếu đúng là họ định chiếm nó". Các đại đội của ông được bố trí thành một hình tam giác lệch, đáy là đường Wolfheze, gần như sát bìa khu rừng Renkum. Phía bắc sở chỉ huy của Krafft là trục đường chính Ede-Arnhem và đường sắt Amsterdam - Utrecht - Arnhem; về phía nam, đường đi Utrecht cắt qua Renkum và Oosterbeek tới Arnhem. Vì không đủ người rải dọc tất cả các tuyến

đường, Krafft quyết định chiếm lĩnh vị trí từ đường sắt ở phía bắc tới con đường Utrecht-Arnhem ở phía nam. Viên thiếu tá vội vã lệnh cho đại đội dự bị rời Arnhem tới hội quân với phần còn lại của tiểu đoàn tại Wolfheze. Các trung đội súng máy được bố trí chốt chặn hai đầu dải phòng ngự, lực lượng còn lại phân tán ẩn trong các vạt rừng.

Cho dù thiếu người, Kraft có trong tay một vũ khí mới đang thử nghiệm: một loại ống phóng rocket nhiều nòng có thể phóng các quả đạn súng cối lớn hơn cỡ nòng. Một số đơn vị vũ khí này đã được để lại đơn vị ông ta để huấn luyện. Giờ đây viên thiếu tá định dùng chúng để làm bối rối người Anh và tạo ra ấn tượng về một lực lượng mạnh hơn.

Trong lúc Krafft đang ra lệnh, một chiếc xe lao tới trước sở chỉ huy của ông ta và thiếu tướng Kussin, tư lệnh thành phố Arnhem, vội vã bước vào. Kussin đã cho xe chạy hết tốc độ từ Arnhem tới tận nơi tự mình tìm hiểu xem chuyện gì đang diễn ra. Trên đường đi viên tư lệnh đã gặp thống chế Model đang trên đường tới Doetinchem. Dừng lại chốc lát bên đường, Model lệnh cho Kussin ra lệnh báo động và thông báo tình hình với Berlin. Lúc này, nhìn về phía vạt rừng, Kussin choáng váng trước cuộc đổ bộ quy mô lớn của người Anh. Ông này gần như tuyệt vọng nói với Krafft sẽ cố tìm cách nào đó để có được tăng viện tới nơi vào lúc 6 giờ chiều. Khi Kussin quay ra lên đường trở lại Arnhem, Krafft cảnh báo ông ta không nên đi theo con đường Utrecht-Arnhem. Viên thiếu tá đã nhận được báo cáo về các đơn vị Anh di chuyển theo tuyến đường đó. "Hãy đi theo những con đường nhỏ," Krafft nói với Kussin. "Đường chính đã bị phong tỏa

rồi." Kussin cau mặt. "Tôi sẽ đi qua được," ông ta trả lời. Krafft đứng nhìn theo chiếc xe lao nhanh về phía xa lộ.

Viên thiếu tá tin chắc rằng tăng viện của Kussin sẽ chẳng bao giờ tới nơi, và việc đơn vị nhỏ bé của ông ta bị tiêu diệt chỉ còn là vấn đề thời gian. Ngay trong lúc bố trí lực lượng dọc đường Wolfheze, Krafft lệnh cho lái xe của mình, binh nhì Wilhem Rauh, thu nhặt tư trang của ông. "Hãy để đồ của tôi lên xe và lái về Đức," Krafft nói với Rauh. "Tôi chắc khó sống sót được".

Tại Bad Saarnow gần Berlin, tư lệnh sư đoàn 10 Frunsberg, tướng Heinz Harmel, đang báo cáo với phụ trách tác chiến của lực lượng Warfen SS, thiếu tướng Hans Juttner, và trình bày về tình hình quân đoàn SS số 2 đã suy yếu của Bittrich. Nếu muốn quân đoàn tiếp tục là một đơn vị tác chiến có sức chiến đấu, Harmel nhấn mạnh, "những yêu cầu khẩn cấp của Bittrich về người, thiết giáp, xe cơ giới, pháo cần phải được đáp ứng." Juttner hứa làm những gì ông có thể làm được, nhưng cảnh báo rằng "vào lúc này sức chiến đấu của tất cả các đơn vị tác chiến đều giảm sút". Ai cũng muốn được ưu tiên, và Juttner không thể hứa trước bất cứ sự giúp đỡ tức thời nào. Trong lúc hai người trao đổi, cần vụ của Juttner bước vào cầm theo một thông báo qua radio. Juttner đọc và không nói không rằng đưa cho Harmel. Thông báo viết: "Tấn công đổ bộ đường không tại Arnhem. Về ngay. Bittrich". Harmel lao ra khỏi văn phòng chạy tới xe của mình. Harmel ra lệnh cho người lái xe, hạ sĩ Sepp Hinterholzer: "Quay về Arnhem - và nhanh hết mức có thể".

Thiếu tá Anthony Deane-Drummond, chỉ huy phó thông tin của sư đoàn đổ bộ đường không Anh số 1, không hiểu nổi có chuyện gì không ổn. Trước đó các máy radio của ông đã nhận được rất rõ tín hiệu từ lữ đoàn của thượng tá Lathbury khi đơn vị này vận động tới các mục tiêu, bao gồm cả cầu Arnhem. Nhưng lúc này, khi các tiểu đoàn của Lathbury tới gần Arnhem hơn, tín hiệu radio mỗi lúc một yếu đi. Các hiệu thính viên của Deane-Drummond liên tục có những báo cáo khiến ông bối rối lo lắng. Họ không thể nào liên lạc được với các đơn vị đi xe jeep, và tín hiệu nhận được từ các đơn vị khác thì yếu đến mức khó nghe rõ. Thế nhưng các tiểu đoàn thuộc lữ đoàn của Lathbury cũng như đơn vị trinh sát của thiếu tá Freddie Gough chỉ cách đó chừng 2 đến 3 dặm.

Deane-Drummond đặc biệt lo ngại về các thông báo từ Lathbury. Chúng có ý nghĩa sống còn với tướng Urquhart trong việc chỉ huy tác chiến. Deane-Drummond quyết định cử một chiếc jeep mang theo hiệu thính viên và máy radio đi thu tín hiệu từ Lathbury và chuyển về sư đoàn. Ông lệnh cho nhóm này thiết lập vị trí tại khoảng giữa sư đoàn và các đơn vị thông tin di động của Lathbury. Một thời gian ngắn sau đó, Deane-Drummond nhận được tín hiệu từ đơn vị này. Tầm hoạt động của họ có vẻ bị giảm đi rất nhiều - tối thiểu ra, các máy "22" có thể hoạt động hiệu quả ít nhất ở khoảng cách tới 5 dặm - và tín hiệu rất yếu. Hoặc là thiết bị hoạt động không tốt, ông nghĩ, hoặc các hiệu thính viên đã lựa chọn vị trí chuyển sóng không hợp lý. Nhưng khi ông tiếp tục nghe, tín hiệu bị mất hoàn toàn. Deane-Drummond không còn liên lạc được với ai nữa. Cả một toán hiệu thính viên Mỹ đặc biệt được trang bị hai xe jeep mang radio cũng

vậy. Được vội vã tập hợp lại và điều tới sở chỉ huy sư đoàn đổ bộ của Anh chỉ vài giờ trước khi cất cánh ngày 17, những người Mỹ này có nhiệm vụ giữ liên lạc giữa mặt đất với không trung qua các máy tần số rất cao để gọi máy bay phóng pháo tới yểm trợ gần. Trong những giờ đầu của trận đánh, những chiếc jeep liên lạc này đã có thể thay đổi tình hình hoàn toàn. Nhưng trên thực tế chúng trở thành vô dụng. Không bộ radio nào trên các xe này đã được điều chỉnh cho phù hợp để liên lạc với các máy bay. Lúc này, khi trận đánh mới chỉ mở màn, hệ thống liên lạc của người Anh đã oàn toàn vô hiệu.

Như thể tuân theo hiệu lệnh, các cỗ súng Đức đồng loạt lên tiếng khi những máy bay chở sư đoàn 82 tiếp cận các khu đổ quân. Nhìn xuống dưới, chuẩn tướng James M.Gavin thấy hỏa lực mặt đất bắn lên từ một dải công sự nằm song song với kênh đào Maas-Waal. Tại những khu vực có cây che phủ, các pháo đội của đối phương đã im lặng chờ đợi lúc này cũng bắt đầu bắn. Vừa quan sát, Gavin tự hỏi liệu kế hoạch tác chiến của ông cho sư đoàn 82, đã được dựa trên những tính toán về rủi ro, có hợp lý hay không.

Được giao nhiệm vụ chiếm giữ khoảng giữa đoạn hành lang của Market-Garden, sư đoàn có nhiều mục tiêu nằm cách xa nhau, trải dài 10 dặm từ nam lên bắc và 12 dặm từ tây sang đông. Bên cạnh việc cho thả 1 đại đội dù xuống gần đầu tây cây cầu tại Grave, mục tiêu dự định sẽ được đánh chiếm bằng yếu tố bất ngờ, Gavin đã lựa chọn 3 khu nhảy dù và 1 khu đáp tàu lượn lớn. Khu vực cuối cùng phải phù hợp với 50 chiếc tàu lượn Waco của ông cùng 38 chiếc Horsa và Waco chở sở chỉ huy quân đoàn đổ bộ đường không số 1 của Anh của

tướng Frederick Browning. Nhưng Gavin chỉ ra lệnh cho lực lượng dò đường đánh dấu một khu nhảy dù, nằm ở phía bắc Overasselt. Ba khu còn lại, nằm gần dải cao điểm Groesbeek và biên giới Đức, được cố ý không đánh dấu. Lính nhảy dù và tàu lượn của Gavin phải tiếp đất mà không có ám hiệu hay khói màu nhằm làm đối phương khó xác định được điểm đổ bộ của họ. Khoảng 30 phút sau khi sư đoàn 82 tiếp đất, sở chỉ huy quân đoàn của Browning sẽ đổ bộ.

Vì mối lo lớn nhất của Gavin là việc xe tăng địch có thể bất thần xuất hiện từ phía biên giới Đức ở phía đông khu vực nhảy dù và đáp tàu lượn lớn nhất của ông, ông đã ra hai mệnh lệnh khác thường. Để bảo vệ cả sư đoàn của mình và sở chỉ huy của Browning, ông đã lệnh cho lính dù của mình hướng dù tiếp cận tới gần bất cứ khẩu đội phòng không nào họ phát hiện được khi ở trên không và vô hiệu hóa chúng càng nhanh càng tốt. Và, lần đầu tiên trong lịch sử tác chiến đổ bộ đường không, ông cho thả dù cả một tiểu đoàn pháo dã chiến hoàn chỉnh xuống khu vực đổ quân lớn nằm trước mặt một khu rừng và cách biên giới Đức chừng 1,5 dặm. Lúc này, quan sát hỏa lực phòng không dày đặc và nghĩ tới khả năng xe tăng đối phương đang có mặt dọc Bức tường đế chế, Gavin hiểu cho dù ông đã lường hết mọi tình huống trong kế hoạch, nhiệm vụ mà binh lính sư đoàn 82 phải đối đầu vẫn sẽ rất khó khăn.

Các cựu binh của Gavin từ Normandy không bao giờ quên trận đồng đội của họ bị thảm sát tại Sainte Mere Eglise. Bị thả nhầm vào ngôi làng đó, những người lính dù đã bị quân Đức dùng súng máy bắn hạ trong lúc tiếp đất; rất nhiều người hy sinh trong lúc hoàn toàn bất lực,

bị mắc dù vào đường dây điện thoại hay cây xung quanh quảng trường chính của làng. Chỉ đến khi Sainte Mere Eglise hoàn toàn được đơn vị của trung tá Ben Vandervoort kiểm soát những người lính đã hy sinh mới được hạ xuống chôn cất. Lúc này, trong khi sư đoàn 82 chuẩn bị nhảy xuống Hà Lan, một số người hô lớn cho những người móc dù phía sau họ nghe: "Hãy nhớ lấy Sainte Mere Eglise". Cho dù làm như vậy rất mạo hiểm, nhiều người lính vừa nhảy xuống vừa lên đạn bắn.

Đại úy Briand Beaudin, nhảy xuống khu đổ quân nằm gần cao điểm Groesbeek, nhìn thấy mình đang lao thẳng xuống một ụ súng phòng không Đức quay nòng chĩa vào mình. Beaudin liền rút khẩu Colt 45 của anh ra bắn. " Chợt tôi nhận ra," Beaudin nhớ lại," việc đó thật vô ích, chĩa khẩu súng ngắn của tôi vào khẩu pháo phòng không đó trong lúc bản thân đang lắc lư chao đảo trên không". Tiếp đất gần ụ súng, Beaudin bắt cả kíp pháo thủ làm tù binh. Anh nghĩ bọn Đức "ngõ ngàng đến mức chẳng bắn phát nào cả".

Thiếu úy James J.Coyle nghĩ anh sắp đáp xuống nóc một căn lều quân y của quân Đức. Bất thần, quân địch tóa ra từ căn lều và chạy tới những khẩu súng 20 mm bố trí gần đó. Cả anh chàng thiếu úy này cũng rút cây 45 của mình ra nhưng chiếc dù của anh bị cuốn đi và Coyle rời xa căn lều. Một tên Đức bắt đầu chạy theo Coyle. "Tôi không thể ngắm đúng vào gã Đức đó," Coyle nhớ lại. "Lúc này thì súng của tôi chĩa xuống đất, chỉ 1 giây sau nó đã lại chĩa thẳng lên trời. Tôi vẫn còn đủ tỉnh táo để đút khẩu súng vào bao để không làm rơi mất nó hay tự bắn phải mình khi tiếp đất". Chạm đất, chưa kịp

tháo dù, Coyle lập tức rút súng ra. "Gã Đức chỉ còn cách tôi vài bộ, nhưng hấn hành động như thể không biết tôi đang có mặt. Rồi tôi chợt hiểu hấn không chạy tới chỗ tôi; chỉ đơn giản là hấn bỏ chạy". Khi gã người Đức chạy qua trước mặt Coyle thấy hấn vứt cả súng lẫn mũ sắt đi, và Coyle có thể thấy "hấn chỉ là một cậu trai chừng 18 tuổi. Tôi không thể bắn một người không có vũ khí. Lần cuối cùng tôi thấy cậu ta lúc cậu ta đang chạy về phía biên giới Đức".

KHi những viên đạn phòng không bắt đầu bắn thùng dù của anh, binh nhì Edwin C. Raub bực đến mức anh cố ý lái dù hạ xuống cạnh một khẩu súng phòng không. Không tháo dù, vừa lùi nó sau người, Raub lao tới tấn công bọn Đức với khẩu Tommy của mình. Anh hạ được một tên, bắt sống số còn lại, sau đó dùng thuốc nổ phá hủy khẩu súng.

Cho dù kháng cự của kẻ thù với các trung đoàn 505 và 508 tại khu vực Groesbeek được coi là không đáng kể, hỏa lực súng bộ binh và phòng không cũng bắn lên khá mạnh từ các khu rừng xung quanh khu đổ quân. Không đợi đến lúc tập hợp, binh lính của sư đoàn 82, từng người đơn lẻ hay theo từng toán nhỏ, tiếp cận các ổ đề kháng này, dập tắt chúng và bắt tù binh. Đồng thời, các máy bay chiến đấu bay sát ngọn cây, xả súng máy xuống vị trí địch. Quân Đức đã gây nhiều tổn thất cho các máy bay này. Chỉ trong vài phút, 3 chiếc trúng đạn rơi xuống gần các khu rừng. Thượng sĩ Michael Vuletich nhìn thấy một chiếc trong số này. Nó lao xuống cày đất dọc khu đổ quân rồi đột ngột dừng lại, chỉ còn thân máy bay là nguyên vẹn. Rồi viên phi công chui ra không hề hấn gì, đứng bên xác chiếc máy bay châm

một điều thuốc lá. Vuletich nhớ anh ta ở lại đại đội của anh chiến đấu như một lính bộ binh.

Từ dưới đất, thượng sĩ James Jones thấy một chiếc P47 bốc cháy ở độ cao chừng 1500 bộ. Anh nghĩ viên phi công sẽ nhảy ra nhưng chiếc máy bay hạ xuống, lao qua khu đồn quân rồi vỡ tung từng mảnh. Đuôi máy bay rời ra, động cơ văng ra xa, còn buồng lái thì dừng lại giữa cánh đồng. Jones tin chắc phi công đã chết, nhưng khi anh quan sát, nắp buồng lái bật mở và "một anh chàng nhỏ thó không mũ kẹp một khẩu 45 dưới nách chạy tới chỗ chúng tôi." Jones nhớ lúc đó đã hỏi, "Này ông bạn, thế quái nào mà ông lại không nhảy dù hả?" Tay phi công nhăn mặt. "Chết tiệt, tôi sợ nhảy dù," anh ta trả lời Jones.

Vừa tiếp đất và đang còn thu dù, thượng sĩ Russell O'ationeal trông thấy một chiếc P51 bổ nhào tấn công một vị trí phục kích của quân Đức gần khu đồn quân của anh. Sau khi lượn 2 vòng qua lưới đạn súng máy, chiếc máy bay bị trúng đạn; nhưng viên phi công vẫn kịp vòng lại đáp bụng an toàn. Theo O'ationeal, "tay này nhảy ra khỏi máy bay chạy đến chỗ tôi và gào lên, "Đưa tôi một khẩu súng, nhanh lên! Tôi biết rõ chỗ thằng con hoang Đức này đang nấp và tôi sẽ tóm hắn"." Trong lúc O'ationeal tròn mắt nhìn theo, anh chàng phi công nhặt lấy một khẩu súng và lao về phía rừng.

Trong vòng 18 phút, 4511 người thuộc các trung đoàn 505 và 508 của sư đoàn 82, cùng với công binh và 70 tấn trang bị, đã tiếp đất chính xác hoặc ngay gần các khu đồn quân của họ nằm gần thị trấn Groesbeek bên rìa phía đông của các cao điểm có rừng cây che phủ.

Trong lúc họ tập hợp, chiếm lĩnh khu vực và vận động tiếp cận các mục tiêu, những đội dò đường đặc biệt đánh dấu địa điểm đổ quân cho việc đổ bộ pháo binh, lực lượng tàu lượn của sư đoàn 82, và Sở chỉ huy của người Anh. Cho tới lúc này, tính toán của tướng Gavin đã thành công. Thế nhưng, cho dù liên lạc radio giữa các trung đoàn được thiết lập gần như lập tức, vẫn còn quá sớm để Gavin, đi cùng trung đoàn 505, biết được những gì xảy ra cách đó 8 dặm về phía tây, nơi trung đoàn 504 đổ bộ xuống phía bắc Overasselt. Và ông cũng không thể biết liệu cuộc tấn công chiếm cây cầu tại Grave có diễn ra theo kế hoạch không.

Giống như phần còn lại của sư đoàn, 137 chiếc C47 chở trung đoàn 504 của đại tá Reuben H. Tucker vấp phải hỏa lực phòng không dữ dội khi tới gần khu đổ quân ở Overasselt. Cũng như tại các khu vực khác, các phi công giữ vững đường bay, và vào lúc 1 giờ 15, 2016 lính dù bắt đầu đổ bộ. Mười một máy bay lượn xa hơn về phía tây hướng tới một điểm đổ bộ nhỏ hơn nằm gần cây cầu cốt tử dài 1500 bộ bắc qua sông Maas gần Grave. Những chiếc C47 này chở đại đội E thuộc tiểu đoàn 2 của thiếu tá Edward Welles đến mục tiêu tức thời quan trọng nhất của sư đoàn 82. Họ có nhiệm vụ đánh chiếm cầu từ phía tây; phần còn lại của tiểu đoàn của Welles sẽ tấn công từ Overasselt tới đầu cầu phía đông. Nếu cầu Grave không được kiểm soát nhanh chóng và nguyên vẹn, thời gian biểu chặt chẽ của Market Garden sẽ không thể thực hiện được. Mất cây cầu này cũng có nghĩa là thất bại của toàn chiến dịch.

Trong lúc các máy bay chở đại đội E hướng tới điểm tấn công ở phía

tây cầu, trung đội trưởng trung úy John S. Thompson có thể thấy rõ sông Maas, thành phố Grave, cuộc đổ bộ quy mô của trung đoàn 504 về phía tay phải của anh hướng Overasselt và gần hơn, những cánh đồng có ruộng bao bọc, nơi đại đội của anh dự kiến nhảy dù xuống. Trong lúc Thompson quan sát, những người khác trong đại đội cũng đã nhảy khỏi máy bay và đáp xuống vùng lân cận cầu Grave; nhưng trên máy bay của viên trung úy đèn xanh vẫn chưa bật. Khi nó bật, Thompson nhận thấy họ đang bay trên những tòa nhà. Anh đợi vài giây, thấy cánh đồng đang ở phía dưới họ và cùng với người trong trung đội của mình nhảy xuống. Nhờ một sai lầm may mắn, viên trung úy và trung đội của anh tiếp đất chỉ cách đầu cầu phía tây nam chừng năm sáu trăm yard.

Thompson có thể nghe thấy tiếng súng bắn vu vơ từ hướng Grave, nhưng quanh chính cây cầu tất cả có vẻ im ắng. Anh không biết nên đợi phần còn lại của đại đội tới nơi hay tấn công ngay với 16 người trong trung đội của mình. "Vì đây là nhiệm vụ hàng đầu của chúng tôi, tôi quyết định tấn công," Thompson kể lại. Lệnh cho hạ sĩ Hugh H.Perry đi gặp đại đội trưởng, Thompson để anh ta mang theo một báo cáo ngắn gọn: "Chúng tôi đang tiến tới cầu."

Hỏa lực bắn ra từ thành phố và những tòa nhà xung quanh mỗi lúc một dữ dội, và Thompson dẫn trung đội nấp xuống một ruộng thoát nước gần đó. Vận động về hướng cầu, tất cả đều ngập nước đến tận cổ. Họ bắt đầu hứng đạn từ một tháp phòng không gần cầu và Thompson nhận thấy quân địch cấp theo bao liên tục chạy ra chạy vào một ngôi nhà gần đầu cầu. Anh nghĩ đó hẳn là trạm phát điện. Sợ

rằng quân Đức đang mang bộc phá gài lên cầu để chuẩn bị phá cầu, Thompson khẩn trương triển khai người của mình, bao vây ngôi nhà và nổ súng. "Chúng tôi quét sạch cả khu vực bằng súng máy, chiếm trạm phát điện, tìm thấy 4 lính Đức bị giết, 1 bị thương," Thompson nhớ lại. "Có vẻ chúng đang vận chuyển trang bị cá nhân và chăn đệm".

Bất thần, hai chiếc xe tải xuất hiện trên đường xa lộ từ phía Grave hướng về cây cầu. Một người của Thompson bắt chết người lái của một chiếc, chiếc này lạng sang bên đường trong lúc đám lính Đức ngồi trên thùng vừa kêu ầm ĩ vừa nhảy xuống đất. Chiếc xe thứ hai dừng ngay lại, đám lính trên xe nhảy xuống đất. Người của Thompson nổ súng, nhưng bọn Đức không có vẻ muốn giao chiến. Không bắn trả, quân Đức bỏ chạy.

Súng vẫn bắn ra từ tháp phòng không, nhưng lúc này đường đạn đã cao quá đầu những người lính dù. "Tên xạ thủ không thể hạ khẩu súng phòng không 20 mm xuống đủ thấp để bắn trúng chúng tôi", Thompson nhớ lại. Xạ thủ bazooka của trung đội, binh nhì Robert McGraw, trườn lên và từ khoảng cách 75 yard, bắn ba phát, hai phát trúng đỉnh tòa tháp, và khẩu súng im bật.

Mặc dù một khẩu 20 mm hai nòng lắp trên một tòa tháp phía bên kia sông gần đầu cầu vẫn còn bắn, Thompson cùng đơn vị của mình vẫn phá hủy các thiết bị điện và dây cáp họ nghi ngờ được nối với các khối bộc phá. Trung đội sau đó tiến hành phong tỏa đường và rải mìn dọc con đường tiếp cận cầu từ hướng tây nam. Trên tòa tháp phòng

không họ đã tiêu diệt, họ tìm thấy tên xạ thủ đã chết nhưng khẩu súng 20 mm vẫn không hư hại. Người của Thompson liền chĩa nó bắn vào tháp phòng không bên kia sông. Thompson biết trung đội của anh sẽ sớm được tăng viện bởi phần còn lại của đại đội E đang tiến theo sau và, không lâu sau đó, bởi tiểu đoàn của thiếu tá Welles đang vận động lại từ phía Overasselt để chiếm đầu cầu phía đông bắc. Nhưng về phần của trung úy Thompson, mục tiêu chủ yếu đã hoàn thành.

Lúc này, những tiểu đoàn còn lại thuộc trung đoàn 504 của Tucker đang vận động về phía đông, hướng tới ba điểm vượt sông và cây cầu đường sắt qua kênh đào Maas-Waal. Hướng tới cây cầu còn có các đơn vị của trung đoàn 505 và 508, nhằm chiếm các đầu cầu phía đối diện. Không phải tất cả các mục tiêu này đều cần thiết cho bước tiến của Market-Garden. Tận dụng lợi thế bất ngờ và hậu quả của tình trạng hỗn loạn phía địch, Gavin hy vọng có thể chiếm được tất cả; nhưng chỉ cần một trong số này, cộng với cây cầu sống còn tại Grave, là đủ.

Để chế áp đối phương, bảo vệ các vị trí của mình và sở chỉ huy của tướng Browning và hỗ trợ cho lính dù của mình trong lúc tiếp cận mục tiêu, Gavin dựa nhiều vào pháo binh của mình; và lúc này những khẩu pháo của đơn vị pháo dã chiến dù 376 đã tới nơi. Các đơn vị pháo nhỏ cũng đã được đổ bộ trong các chiến dịch trước, nhưng đều bị phân tán và mất rất nhiều thời gian để tập hợp và khai hỏa. Đơn vị gồm 544 người đang tới nơi lúc này đã được lựa chọn từng người một, mỗi người đều là một lính dù kỳ cựu. Trong số 48

máy bay chở tiểu đoàn này còn có cả pháo - 12 khẩu 75 mm, được tháo rời. Các khẩu pháo sẽ được thả dù trước, sau đó là khoảng 700 cơ sở đạn. Xếp thành hàng, những chiếc C47 lần lượt xuất hiện, và rất nhanh chóng, các khẩu pháo được đẩy xuống. Theo sau là đạn và pháo thủ, tất cả thực hiện một cuộc đổ bộ gần như hoàn hảo.

Một tai nạn đã xảy ra nhưng hầu như không gây một chút ngừng trệ nào. Trung tá Wilbur Griffith, chỉ huy tiểu đoàn 376, bị vỡ mắt cá chân khi nhảy nhưng người của ông lập tức lấy một chiếc xe cút kít Hà Lan để chở chỉ huy của mình. "Tôi không bao giờ quên cảnh trung tá được kéo đi từ chỗ này sang chỗ kia", thiếu tá Augustin Hart nhớ lại, "và lớn tiếng ra lệnh cho một người lắp súng trong thời gian nhanh nhất". Khi công việc đã hoàn tất, Griffith được kéo tới chỗ tướng Gavin. Ông báo cáo: "Súng vào vị trí, thưa ngài, và sẵn sàng bắn khi có lệnh". Chỉ sau hơn 1 giờ, trong cuộc đổ quân thành công nhất thuộc kiểu này từng được thực hiện, toàn tiểu đoàn đã tập hợp và 10 khẩu pháo của họ đã nhả đạn.

Mười bốn phút sau khi lực lượng pháo binh của sư đoàn 82 đổ bộ, những chiếc tàu lượn Waco chở một tiểu đoàn chống tăng đổ bộ đường không, công binh, các bộ phận thuộc sở chỉ huy sư đoàn, súng, đạn, xe jeep và móc bắt đầu tới nơi. Trong số 50 tàu lượn rời nước Anh, chỉ có 4 chiếc không tới nơi. Tuy thế không phải tất cả đều đáp được xuống khu đổ quân. Một số tàu lượn tiếp đất cách đó đến 1 hay 2 dặm. Một chiếc, do đại úy Anthony Jedrziewski cầm lái, tách khỏi máy bay kéo quá chậm và Jedrziewski kinh hoàng nhận thấy "chúng tôi đang hướng thẳng tới đất Đức, khởi đầu một cuộc xâm lược chỉ

bằng 1 tàu lượn". Viên phi công quay 180 độ và bắt đầu tìm chỗ hạ cánh. Trong lúc họ hạ độ cao, Jedrziewski nhớ, "chúng tôi bị gãy một cánh do va vào một cây rom, một cánh khác nằm lại ở một hàng rào và cuối cùng dừng lại với mũi tàu lượn cắm xuống đất. Nhìn thấy đất ngập đến tận đầu gối của mình, tôi không dám chắc hai chân tôi vẫn còn dính vào phần còn lại của cơ thể. Sau đó, chúng tôi nghe tiếng chào đón chẳng mấy mền khách của một khẩu 88 mm và chúng tôi đẩy chiếc jeep ra rồi lao về phía khu vực của mình".

Họ may mắn hơn đại úy John Connelly, phi công chiếc tàu lượn của anh này bị giết trong lúc tiếp đất. Connelly, chưa bao giờ đi tàu lượn trước đó, cầm lấy tay lái và hạ chiếc Waco vào ngay bên trong biên giới Đức, cách khu đổ quân 6 đến 7 dặm, gần thành phố Wyler. Chỉ Connelly và một người khác thoát khỏi bị bắt. Họ đã ẩn trốn cho đến khi trời tối và cuối cùng tìm được đơn vị vào giữa buổi sáng ngày 18/9.

Tuy thế, nhìn chung, sư đoàn 82 đã mang tới đích thành công 7467 lính dù và đổ bộ bằng tàu lượn. Đơn vị cuối cùng hạ cánh là 35 chiếc Horsa và Waco chở sở chỉ huy quân đoàn của tướng Frederick Browning. Ba chiếc đã mất dọc đường, hai trước khi tới được lục địa, chiếc thứ ba, ở phía nam Vught, đã rơi xuống gần sở chỉ huy của tướng Student. Sở chỉ huy của Browning hạ cánh gần như xuống đúng biên giới Đức. "Cũng có ít súng phòng không bắn lên, và hầu như không có chống trả từ phía quân địch," thượng tá Gordon Walch, tham mưu trưởng của Browning nhớ lại. "Chúng tôi hạ cánh cách khu rừng đánh dấu biên giới Đức chừng 100 yard về phía tây và tàu lượn

của tôi cách chiếc của Browning chừng 50 yard".

Đại tá George S.Chatterton, chỉ huy lữ đoàn tàu lượn, cầm lái chiếc Horsa của Browning. Sau khi chạm bánh trước vào một đường dây điện, Chatterton đáp xuống một ruộng bắp cải. "Chúng tôi chui ra," Chatterton nhớ lại, " và Browning, nhìn ngó xung quanh, nói, "Chúa ơi, chúng ta ở đây rồi, George!" Gần đó, thượng tá Walch thấy Browning chạy qua khu đổ bộ về phía biên giới. Khi ông ta quay lại vài phút sau, ông giải thích với Walch, "tôi muốn trở thành sĩ quan Anh đầu tiên dãi lên đất Đức".

Trong lúc chiếc xe jeep của Browning được rẽ xuống, vài quả đạn đại bác Đức nổ tung gần đó. Đại tá Chatterton lập tức lao xuống cái rãnh gần nhất. "Tôi không bao giờ quên Browning đứng bên trên tôi với dáng vẻ của một nhà thám hiểm, rồi hỏi, "George, ngài làm cái quái gì dưới đó thế?" Chatterton thẳng thắn, "Tôi đang cố rúc cho kỹ, thưa ngài," ông ta trả lời. "Được, ngài có thể chấm dứt cố rúc cho kỹ được rồi đấy," Browning nói với viên đại tá. "Đã đến lúc chúng ta phải đi." Từ một túi áo, Browning móc ra một gói bọc giấy lụa. Đưa nó cho Chatterton, ông nói, "Cắm nó lên chiếc jeep của tôi". Chatterton mở gói ra và thấy bên trong nó là một lá cờ nhỏ thêu hình Pegasus màu xanh nhạt trên nền màu hạt dẻ, biểu tượng của lực lượng đổ bộ đường không Anh quốc. Với lá cờ phấp phới đầu mui xe, viên tư lệnh của lực lượng Market lao vụt đi.

Tại vạt rừng Renkum ở phía tây Arnhem, trung úy Neville Hay, chuyên viên được huấn luyện chu đáo phụ trách đơn vị thông tin

"Phantom", hoàn toàn không hiểu chuyện gì đang xảy ra nữa. Đơn vị của anh đã lắp ráp các máy radio được trang bị loại anten đặc biệt của họ với hy vọng thiết lập được liên lạc tức thời với sở chỉ huy của tướng Browning. Ưu tiên đầu tiên của Hay khi tiếp đất là liên lạc với quân đoàn và thông báo vị trí của mình. Trước đó, anh đã biết hệ thống liên lạc của sư đoàn hoàn toàn gián đoạn. Trong lúc viên trung úy có thể lường trước chuyện này ở các hiệu thính viên ít kinh nghiệm hơn của lực lượng thông tin hoàng gia, anh không thể ngờ khó khăn này lại xảy ra với người của chính mình. "Chúng tôi dự kiến thiết lập vị trí ở khu đổ bộ và, cho dù nó bị che khuất bởi rừng thông, chúng tôi đã từng thành công ở những điều kiện địa hình còn tồi tệ hơn thế," anh nhớ lại. "Chúng tôi cố gắng xoay xở và chẳng bắt được gì cả". Cho đến lúc anh phát hiện ra trục trặc nằm ở đâu, sẽ không có cách nào để báo cho tướng Browning biết diễn biến tác chiến của sư đoàn của tướng Urquhart hay truyền lệnh từ Browning tới sư đoàn đổ bộ đường không Anh số 1. Thật khôi hài, hệ thống điện thoại của Hà Lan trong thời gian đó vẫn hoạt động bình thường, bao gồm cả một hệ thống đặc biệt thuộc sở hữu của ban giám đốc trạm năng lượng PGEM tại Nijmegen và được nối với toàn tỉnh. Nếu viên trung úy biết điều này, tất cả những gì Hay phải làm, với sự giúp đỡ của lực lượng kháng chiến Hà lan, là nhắc một máy điện thoại lên.

Cách đó 15 dặm lo lắng cũng bắt đầu xuất hiện tại sở chỉ huy của Browning, thiết lập tại chân cao điểm Groesbeek. Tất cả hệ thống thiết bị thông tin của sư đoàn 82 đều bị hư hại khi đổ bộ. Hệ thống của Browning đã tới nơi an toàn, và một phần được chuyển tạm cho sư đoàn 82 để đảm bảo liên lạc tức thời với tướng Gavin. Bộ phận thông

tin của quân đoàn cũng bắt liên lạc qua radio với đạo quân Anh số 2 của tướng Dempsey và sở chỉ huy hậu cứ của quân đoàn tại Anh, và nhận được liên lạc radio với sư đoàn 101. Nhưng họ không thể nào tìm ra sư đoàn của Urquhart. Thượng tá Walch tin rằng lỗi thuộc về bộ phận thông tin quân đoàn. "Trước khi chiến dịch được lên kế hoạch, chúng tôi đã yêu cầu được trang bị một bộ phận thông tin nghiêm chỉnh," ông nói. "Chúng tôi phát hoảng nhận ra rằng các thiết bị của chúng tôi không đủ mạnh và lực lượng hiệu thính viên của sở chỉ huy rất yếu và thiếu kinh nghiệm". Trong lúc Browning có thể chỉ huy và điều chỉnh tác chiến của sư đoàn 82, sư đoàn 101 và quân đoàn 30 của Horrock, mặt trận tối quan trọng tại Arnhem lại hoàn toàn nằm ngoài tầm kiểm soát của ông. Như Walch nói, "Chúng tôi hoàn toàn không biết chuyện gì đang diễn ra tại Arnhem".

Một kiểu tê liệt đã bắt đầu ảnh hưởng tới kế hoạch của Montgomery. Nhưng vào thời điểm khởi đầu này chưa ai nhận ra. Trong toàn tuyến của chiến dịch Market Garden, khoảng 20000 quân đồng minh đang có mặt tại Hà Lan, hướng tới chiếm lĩnh các cầu và giữ thông suốt hành lang cho những đơn vị hùng hậu của lực lượng Garden mà lực lượng thiết giáp mũi nhọn dự kiến sẽ hội quân với sư đoàn 101 vào lúc trời tối.

Trên mái phẳng của một nhà máy lớn gần kênh đào Meuse-Escaut, tướng Brian Horrock, tư lệnh quân đoàn 30, quan sát những phi đoàn tàu lượn lớn cuối cùng bay qua trên đầu những chiếc tăng đang chờ đợi của ông. Ông đã đứng trên mái nhà máy từ lúc 11 giờ sáng, và như ông nói, "Tôi có đủ thời gian để ngẫm nghĩ". Cảnh tượng của lực

lượng không vận không lồ "đúng là rất ấn tượng, nhưng tôi không hề có ảo tưởng rằng đó sẽ là một trận đánh dễ dàng", Horrock nhớ lại. Một cách chi tiết, ông đã tính tới mọi khả năng, thậm chí ra lệnh cho người của mình mang theo tối đa lương thực, xăng và đạn có thể được, "vì rất có thể chúng tôi sẽ phải tự xoay xở lâu". Còn một lo lắng nữa mà viên tướng không thể rút bỏ được, nhưng ông đã không nói với ai - ông không thích một cuộc tấn công bắt đầu vào chủ nhật. "Chưa cuộc tấn công nào tôi tham dự trong cả cuộc chiến bắt đầu vào chủ nhật mà lại thành công hoàn toàn". Đưa ống nhòm lên, ông quan sát con đường ngoằn ngoèo như dải ruy băng màu trắng hướng lên phía bắc về phía Valkenswaard và Eindhoven. Hải lòng vì cuộc tấn công đổ bộ đường không đã bắt đầu, Horrock ra lệnh cho lực lượng Garden tấn công. Vào đúng 2 giờ 15 chiều, trong tiếng gầm sấm sét, 350 khẩu pháo bắt đầu khai hỏa.

Cuộc pháo kích thật khủng khiếp. Hàng tấn thuốc nổ nối tiếp nhau xé nát vị trí quân địch án ngữ phía trước. Con bão lửa, rải ra trên một chiều sâu 5 dặm và chính diện dài 1 dặm, khiến mặt đất rung lên dưới những chiếc xe tăng của đơn vị cận vệ Ireland trong lúc họ chiếm lĩnh tuyến xuất phát. Sau đơn vị mũi nhọn, hàng trăm xe tăng và xe bọc thép bắt đầu từ từ rời khu vực tập kết, sẵn sàng đi vào hàng khi chiếc tăng đầu tiên chuyển bánh. Phía trên đầu, hàng đoàn máy bay phóng pháo Typhoon lượn đi lượn lại, đợi lệnh của chỉ huy đơn vị cận vệ Ireland, trung tá Joe Vandeleur, thông báo cho họ mục tiêu phía trước. Vào lúc 2 giờ 35, trung úy Keith Heathcote hét vào máy bộ đàm, "Lái xe, tiến lên!"

Những chiếc tăng chậm chậm tiến khỏi khu vực đầu cầu đi ngược lên con đường với tốc độ 8 dặm một giờ. Lúc này, bức tường lửa pháo binh đã chuyển lùi lại phía trước đoàn tăng với cùng tốc độ. Những người lính tăng có thể nhìn thấy đạn đại bác nổ tung phía trước họ chỉ 100 yard. Trong lúc các phân đội tiến lên, chìm trong bụi của trận pháo kích, người ta cũng khó nói chắc lúc đó liệu những chiếc tăng có nguy cơ bị pháo nhà bắn nhằm phải không.

Sau phân đội dẫn đầu là chiếc xe trinh sát của trung tá Joe Vandeleur và em họ Giles của ông. Đứng trên xe của mình, Vandeleur có thể thấy cả trước lẫn sau mình, bộ binh ngồi trên các xe tăng, mỗi xe đều được sơn những vạch vàng để những chiếc Typhoon trên đầu phân biệt. "Cảnh tượng thật không thể tin được," Vandeleur nhớ lại, "nhưng mọi việc đều diễn ra theo đúng kế hoạch". Lúc này, những xe tăng đi đầu đã tiến ra khỏi đầu cầu và vượt qua biên giới Hà Lan. Đại úy Mick O'Cock, chỉ huy phân đội 3, gọi radio lại, "Tiến ổn thỏa. Phân đội mũi nhọn đã vượt qua". Rồi, chỉ vài giây sau, tình hình đã thay đổi. Như Vandeleur nhớ lại, "Bọn Đức đã thực sự bắt đầu nện chúng tôi".

Phục kích trong các vị trí kiên cố được nguy trang chu đáo ở cả hai bên đường, các pháo thủ Đức không những đã sống sót qua đợt pháo kích mở đường và còn đợi đến khi chúng vượt qua vị trí của họ. Không nổ súng, quân Đức cho những chiếc tăng đầu tiên đi qua. Thế rồi chỉ trong 2 phút 3 chiếc tăng của phân đội mũi nhọn và 6 chiếc của phân đội tiếp theo đã bị loại khỏi vòng chiến. Bốc cháy và nằm chết gí trên đường, chúng nằm rải ra trên nửa dặm đường. "Chúng tôi vừa

vượt qua biên giới thì bị rơi vào phục kích," trung úy Cyril Russell nhớ lại. "Bất thần những chiếc tăng phía trước quay ngang ra đường hoặc bùng cháy. Tôi có linh cảm chẳng dễ chịu gì là chiếc tiếp theo trúng đạn sẽ là chiếc xe tôi đang ngồi trên. Chúng tôi nhảy xuống những chiếc rãnh ở bên vệ đường". Trong lúc Russell tiến lên phía trước để xem phần còn lại của trung đội anh chỉ huy có làm sao không, một khẩu súng máy lên tiếng; viên trung úy bị trúng đạn vào cánh tay và ngã nhào xuống rãnh. Với Russell, cuộc chiến đã chấm dứt.

Xe tăng mà thượng sĩ James Doggart ngồi trên bị trúng đạn. "Tôi không nhớ đã nhìn thấy gì hoặc nghe thấy tiếng nổ," anh kể lại. "Tôi đột nhiên bị ngã ngựa nằm bẹp người dưới đáy một khe rãnh, chiếc tăng đổ nghiêng ngay phía trên. Một khẩu Bren nằm gác đè lên ngực tôi, bên cạnh tôi là một cậu trẻ tuổi, tay gần như nát bét. Gần đó, bốn người nữa của chúng tôi đã chết. Chiếc xe tăng bốc cháy và tôi không nhìn thấy ai trong tổ lái thoát ra ngoài".

Trung úy Barry Quinan, trên chiếc xe tăng đi sau cùng của phân đội dẫn đầu, nhớ rằng chiếc Sherman của anh quẹo sang trái tụt xuống một khe hào, và Quinan nghĩ rằng người lái xe đang cố vòng qua những chiếc tăng bị bắn cháy phía trước. Nhưng chiếc xe đã bị trúng một quả trái phá, lái chính và lái phụ hy sinh. Chiếc Sherman bắt đầu bốc cháy và pháo thủ của Quinan," cố gắng trườn qua nóc xe, đã lòi được nửa người tôi ra khỏi tháp pháo trước khi tôi nhận ra chúng tôi đã "dính đòn"". Trong lúc hai người leo ra khỏi xe, Quinan trông thấy những người khác chui ra theo. Hết chiếc này tới chiếc khác, các xe

tăng lần lượt trúng đạn. "Tôi nhìn thấy một trường xe đưa hai tay lên cố che mặt khỏi ngọn lửa đang bùng lên trùm kín xe".

Mũi đột kích đã bị chặn đứng từ khi chưa thực sự kịp bắt đầu và 9 chiếc tăng bị bắn hỏng chặn đứng đường hành quân. Các phân đội tiếp theo không thể tiến lên được. Cho dù họ có vượt qua được các chướng ngại vật đang cháy bùng bùng đó, các pháo thủ Đức sẽ lại bắn hạ họ. Để cuộc đột kích tiếp tục, Vandeleur gọi các máy bay phóng pháo Typhoon và, được trợ giúp nhờ những quả pháo hiệu đỏ từ xe tăng bắn đi đánh dấu các vị trí nghi ngờ có quân Đức, những chiếc máy bay gầm rít lao xuống. "Đó là lần đầu tiên tôi được nhìn những chiếc Typhoon xung trận," Vandeleur nhớ lại, "và tôi thật sự thán phục sự gan dạ của đám phi công. Họ lao tới thành hàng một, chiếc nọ nối đuôi chiếc kia, lao qua màn pháo kích của chính quân ta. Một chiếc nổ tung ngay trên đầu tôi. Thật không thể tin nổi... tiếng đại bác bắn, tiếng động cơ máy bay, tiếng hét và chửi rủa của binh lính. Trong lúc đó, sự đoàn kết tôi trận đánh đang diễn ra thế nào. Chỉ huy phó của tôi chỉ giờ tai nghe lên cao rồi nói, "Nghe đi"."

Trong lúc các máy bay bổ nhào xuống mục tiêu, Vandeleur cử một chiếc xe ủi bọc thép tiến lên đẩy các xe tăng cháy ra khỏi đường. Những âm thanh của trận đánh lúc này rền vang trên hàng dặm đường xa lộ, vọng tới tận xe của Vandeleur và chiếc xe của đội liên lạc RAF có nhiệm vụ gọi máy bay chi viện. Trung úy Donald Love, viên phi công trinh sát phối thuộc cho đơn vị thông tin này, lúc này hoàn toàn ân hận là đã xung phong tình nguyện. Trong lúc biên đội trưởng Max Sutherland hướng dẫn những chiếc Typhoon, Love chui

ra xem chuyện gì đang xảy ra. Những cuộn khói đen bốc lên ngùn ngụt phía trước, và một khẩu pháo chống tăng tự hành ngay phía trước chiếc xe thông tin đang bốc cháy. Trong lúc Love quan sát, một chiếc xe bọc thép gắn súng máy Bren chạy ngược trở lại mang theo thương binh. Một người bị chém đứt mất vai, toàn bộ quần áo của anh ta cháy rụi. "Tôi tin chắc chúng tôi đã bị bao vây," Love kể, "tôi kinh hoàng tự hỏi mình tại sao tôi không ở lại bên không quân, chỗ của tôi".

Những người lính tăng thuộc những phân đội đang bị kẹt lại phải chờ phía sau, như đại úy Roland Langton mô tả, có một cảm giác "bất lực lạ lùng; Chúng tôi chẳng thể tiến lên hay lùi lại được". Langton quan sát bộ binh tiến lên quét sạch quân địch khỏi khu rừng hai bên đường phía trước, đi đầu là hai xe bọc thép gắn súng máy Bren. Langton nghĩ những người lính đó có thể là một bộ phận tiền đội của sư đoàn bộ binh 43. "Bất thành lần tôi thấy cả hai chiếc xe bật tung lên không trung," Langton nhớ lại. "Chúng đã cán phải mìn của địch". Khi khói đã tan, Langton nhìn thấy "các thi thể vắt trên cây. Tôi không biết là bao nhiêu, không thể nào đếm được. Cành cây nào cũng có những mảnh thi thể vắt qua".

Với những chiếc Typhoon bay phía trước chỉ vài yard, bộ binh Anh lần lỉ đánh bật quân Đức ra khỏi vị trí phục kích. Thượng sĩ Doggart đã thoát ra khỏi cái rãnh nơi anh rơi xuống khi xe tăng trúng đạn. Anh chạy dọc bên đường và nhảy xuống một công sự đã bỏ trống của quân địch." Đúng lúc ấy, hai tên Đức - một gã thanh niên không có cả áo quân phục, gã kia là một tay khốn kiếp mặt mũi bặm

trợn chừng 30 tuổi - nhảy vào công sự ngay sau tôi từ phía đối diện", Doggart kể lại. Không chần chừ, Doggart đập thẳng vào mặt gã lớn tuổi hơn. Gã thanh niên lập tức đầu hàng. Chĩa súng vào chúng, Doggart giải chúng ngược trở lại dọc theo đường " cùng một đoàn lính Đức, tất cả cầm cổ chạy, hai tay đặt sau gáy. Tay nào lè mề là bị ngay một đập vào lưng".

Từ trong rừng, từ các chiến hào, quanh các đồng cỏ và dọc con đường lúc này đã được dọn quang, vang lên những tràng tiểu liên Sten khi bộ binh tiến lên. Những người lính cận vệ không nương tay với quân địch, đặc biệt là đám bắn tỉa. Nhiều người còn nhớ tù binh bị bắt đi thành hàng đôi dọc theo đường, khi đi chậm sẽ bị thúc bằng lưỡi lê. Một tù binh trong đoàn người mỗi lúc một đông thêm đó cố bỏ chạy, nhưng gần đó có chừng hơn một đại đội bộ binh và một số người nhớ lại - theo như lời của một người - "gã nọ đã toi mạng ngay khoảnh khắc ý nghĩ đó chui vào đầu hẳn".

Joe Vandeleur quan sát tù binh bị giải qua trước chiếc xe trinh sát của ông. Khi một tên Đức đi qua trước mặt, Vandeleur thấy hắn có một cử động bất ngờ. "Tên khốn đó đã moi một quả lựu đạn hắn dấu ra và ném vào một chiếc xe bọc thép. Quả lựu đạn nổ tung và một thượng sĩ dưới quyền tôi nằm trên đường, một chân bay mất. Tên Đức lập tức bị súng máy từ bốn phía xối tới bắn gục."

Tại vị trí chỉ huy của mình, tướng Horrock nhận được báo cáo rằng đường tiến quân đã được quét sạch và bộ binh, mặc dù bị tổn thất nặng, đã đánh bật quân Đức ở hai bên đường. Như ông thuật lại sau

đó, "Đám Ireland đã phát chán bị ngắm bắn, và như thường xảy ra với những chiến binh lão luyện, họ đã phát bắn".

Có lẽ không ai nổi điên hơn đại úy Eamon Fitzgerald, sĩ quan quân báo của tiểu đoàn 2, người lúc đó đang hỏi cung kíp pháo thủ của một khẩu pháo chống tăng. Theo trung tá Giles Vandeleur, "Fitzgerald có kiểu khai thác thông tin khá thú vị. Vốn là một người khổng lồ, anh ta nói thạo tiếng Đức, nhưng giọng thì kinh khủng. Thói quen của anh ta là rút súng ngắn ra, chĩa thẳng vào bụng tên Đức và, ngồi gần sát vào hắn, quát thẳng câu hỏi vào mặt tù binh." Kết quả, Vandeleur luôn nghĩ, "là tuyệt vời. Chỉ vài phút sau khi hỏi cung kíp pháo thủ này, xe tăng của chúng tôi đã hạ được các vị trí súng chống tăng được ngụy trang của Đức với độ chính xác khó tin và con đường đã đủ quang đãng để chúng tôi tiếp tục tiến lên".

Nhiều lính cận vệ Ireland tin rằng chính thượng sĩ Bertie Cowan đã xoay chuyển tình thế trận đánh. Chỉ huy một chiếc Sherman, Cowan đã định vị được một khẩu pháo chống tăng Đức và hạ nó bằng một phát đạn duy nhất. Trong trận đánh, thiếu tá Edward G.Tyler, chỉ huy phân đội, rất ngạc nhiên thấy một tên Đức đứng trên xe của Cowan chỉ hướng bắn. Anh ta thấy chiếc tăng vượt qua đường và nổ súng; sau đó, bị cuốn vào trận đánh, viên thiếu tá cũng quên luôn chi tiết này. Sau đó, Tyler được biết Cowan đã hạ được ba khẩu đội Đức. "Khi có được chút thời gian, tôi liền tới chúc mừng cậu ta," Tyler thuật lại. "Cowan cho tôi hay rằng gã Jerry trên xe của cậu ta là khẩu đội trưởng của khẩu đội đầu tiên bị cậu ta hạ và tên này đã đầu hàng". Hắn sau đó được đại úy Fitzgerald hỏi cung rồi quay trở lại

chỗ Cowan, nơi hắn tỏ ra "rất hợp tác".

Đơn vị cận vệ Ireland lại tiếp tục tiến lên, nhưng giao chiến tiếp tục diễn ra không ngừng. Lốp vỏ của quân Đức rõ ràng là rần hơn nhiều so với ước đoán. Trong số tù binh có cả lính thuộc các tiểu đoàn dù nổi tiếng và - trước sự ngạc nhiên hoàn toàn của người Anh - các cựu binh thuộc các sư đoàn Panzer SS số 9 và 10: đây là những đơn vị tướng Wilhem Bittrich đã gửi tới tăng cường cho đạo quân dù thứ 1 của Student. Và để làm cho sự kinh ngạc hoàn tất, một số tù binh hóa ra lại thuộc đạo quân số 15 của tướng Von Zangen. Như ghi trong nhật ký chiến đấu của đơn vị cận vệ Ireland, "quân báo của chúng ta có một ngày đầy những ngạc nhiên đáng bực mình: hết trung đoàn này đến trung đoàn khác của quân Đức xuất hiện ở nơi mà đáng lẽ ra chúng không có mặt mới phải".

Tướng Horrock đã trông đợi đơn vị thiết giáp mũi nhọn của ông có thể vượt qua quãng đường 13 dặm tới Eindhoven trong vòng "hai hay ba giờ". Thời gian quý báu đã bị mất, và lính cận vệ Ireland mới chỉ tiến được 7 dặm, tới Valkenswaard vào lúc sẩm tối. Market Garden đã trễ rất nhiều so với thời gian biểu.

Nhằm có được khả năng cơ động tối đa, các tàu lượn của tướng Maxwell D. Taylor chỉ mang theo chủ yếu xe jeep - không có một khẩu pháo nào. Việc người Anh không tới được Eindhoven đúng kế hoạch là một tai họa. Taylor đã hy vọng vào sự yểm trợ của pháo tăng dọc dải hành lang 15 dặm mà những chú Chim ưng gầm thét phải chiếm giữ. Các sĩ quan liên lạc Hà Lan của Taylor đã phát hiện ra tình hình

thực tế - sư đoàn 101 sẽ phải chiến đấu độc lập lâu hơn so với dự kiến - gần như lập tức. Được lực lượng kháng chiến trợ giúp, họ chỉ cần đơn giản dùng điện thoại để tìm hiểu xem chuyện gì đang xảy ra với người Anh.

Lính dù của Taylor đã chiếm được Veghel, mục tiêu nằm xa nhất về phía bắc trong đoạn hành lang của họ, một cách chớp nhoáng cùng với 4 điểm vượt sông - cầu đường sắt và đường bộ qua sông Aa và kênh đào Willems. Hiển nhiên là có giao chiến ác liệt; nhưng dù sao 4 mục tiêu đã được chiếm lĩnh trong vòng 2 giờ. Xa hơn về phía nam, nằm nửa đường từ Veghel tới Son, thị trấn St Oedenrode và cây cầu trên xa lộ qua sông Dommel đã được khống chế một cách khá dễ dàng. Theo nhật ký điện thoại chính thức của Hà Lan, Johanna Lathouwers, một điện thoại viên lâu năm đã quá quen với những cuộc gọi quốc tế, nghe thấy "một giọng Mỹ không lẫn vào đâu được gọi tới từ đường dây Oed 1 (St Oedenrode) lúc 14 giờ 25, yêu cầu nối máy với Valkenswaard, một cuộc gọi kéo dài 40 phút."

Người Mỹ nhanh chóng nhận ra rằng mũi nhọn của lực lượng Garden thậm chí còn chưa tới được Valkenswaard. Giờ đây thì xem ra xe tăng của Horrock, đã bị chậm trễ, khó lòng tới được Eindhoven nằm tại đầu phía nam của dải hành lang trước khi trời tối; và như thế sẽ không thể kịp giúp người Mỹ đánh chiếm và kiểm soát các mục tiêu nằm rải trên một khu vực rộng của họ. Binh lính sư đoàn 101 cho tới lúc đó đã thành công ngoạn mục. Giờ đây họ bắt đầu gặp khó khăn.

Mục tiêu khẩn yếu nhất Taylor phải chiếm là cây cầu trên xa lộ qua kênh đào Wilhelmina tại Son, cách Eindhoven 5 dặm về phía bắc. Theo kế hoạch dự phòng cho trường hợp trục giao thông chính này bị phá hủy, Taylor đã quyết định chiếm một cây cầu qua kênh tại Best, nằm cách cây cầu chính 4 dặm về phía tây. Vì cây cầu này chỉ được coi là thứ yếu, chỉ có một đại đội của trung đoàn 502 được cử tới Best, và người ta cũng ước đoán rằng tại đó chỉ có một lực lượng nhỏ quân Đức. Tình báo của Taylor đã không biết rằng sở chỉ huy của tướng Student chỉ cách các khu đổ quân của sư đoàn 101 có 10 dặm về phía tây bắc và sở chỉ huy của đạo quân số 15 của von Zangen vừa tới nơi cũng đóng gần Tilburg. Trong số những lực lượng này có sư đoàn bộ binh 59 đã tổn thất của thiếu tướng Walter Pope cùng một lực lượng pháo binh đáng kể.

Gần như vừa tiếp cận cầu, đại đội H đã gọi radio báo cáo họ đã vấp phải chốt kiểm soát của địch và gặp kháng cự mạnh. Báo cáo này khởi đầu cho một trận đánh đẫm máu sẽ còn kéo dài suốt đêm và trong cả hai ngày sau đó. Cuộc giao chiến lúc đầu chỉ có một đại đội tham gia cuối cùng đã hút vào gần như cả một trung đoàn. Nhưng ngay từ lúc đó những người lính can trường của đại đội H, cho dù chịu tổn thất nặng nề, đã giáng trả lại xứng đáng đòn phản kích mạnh bất ngờ này của quân Đức.

Trong khi đại đội H đang tiến về phía cây cầu tại Best, trung đoàn 506 của đại tá Robert F.Sink cũng tiếp cận cây cầu đường bộ chính tại Son. Họ hầu như không gặp sự chống cự nào cho tới khi tới rìa làng phía bắc. Lúc đó họ bị một khẩu 88 mm của Đức bắn vào. Trong vòng

chưa đầy 10 phút, đơn vị đi đầu diệt gọn khẩu đội này bằng bazooka. Chiến đấu dọc các con phố, người Mỹ chỉ còn cách con kênh chưa đầy 50 yard thì cây cầu nổ tung, mảnh vụn rơi xuống như mưa quanh những người lính dù. Với đại tá Sink, người đã chiếm được Eindhoven và những điểm vượt sông tại đó lúc 8 giờ tối, việc cây cầu bị phá hủy quả là một cú đau. Nhanh chóng phản ứng và ngay dưới làn đạn kẻ thù, 3 người - thiếu tá James LaPrade, thiếu úy Millford F.Weller và thượng sĩ John Dunning - nhảy xuống kênh bơi sang bờ bên kia. Những người còn lại của tiểu đoàn theo gương họ hoặc vượt kênh bằng xuồng. Tới bờ nam, họ dập tắt sự chống cự của quân Đức và thiết lập đầu cầu.

Trụ giữa chiếc cầu vẫn còn nguyên vẹn, và công binh sư đoàn 101 lập tức lắp đặt một cây cầu tạm. Sự trợ giúp lại đến từ một nguồn không ngờ tới.

Người dân Hà Lan cho biết có một lượng gỗ chợ đen lớn được chứa trong một nhà kho ngay gần đó. Trong vòng 1 giờ rưỡi lực lượng công binh đã sử dụng trụ cầu còn lại và gỗ để hoàn thành một cây cầu tạm. Như đại tá Sink nhớ lại, "Cái cầu này đúng là đáng chán về mọi mặt, trừ một điểm là nó giúp tôi đưa được phần còn lại của trung đoàn qua sông theo hàng một". Cho tới khi thiết bị bắc cầu được chuyển tới, hành lang của Market Garden tại Son chỉ còn là một cây cầu ván gỗ đủ một người đi.

Thống chế Model vẫn còn sốc khi ông ta tới sở chỉ huy của Bittrich tại Doetinchem. Bình thường đoạn đường này viên thống chế đi chỉ hết

nửa giờ, nhưng hôm nay, vì ông ta phải dừng lại dọc đường nhiều lần để báo động các chỉ huy đồn trú về cuộc đổ bộ đường không, cuộc hành trình đã kéo dài hơn một giờ. Cho dù bên ngoài thống chế có vẻ bình tĩnh, Bittrich nhớ lại "câu đầu tiên ông nói với tôi là, "Súýt nữa thì chúng bắt được tôi! Chúng tôi tập kích sở chỉ huy. Thử tưởng tượng xem! Súýt nữa thì chúng bắt được tôi!"

Bittrich lập tức báo cáo cho Model tin tức mới nhất mà sở chỉ huy quân đoàn Panzer SS số 2 có được. Vẫn chưa thể hình dung ra rõ ràng ý định của Đồng Minh, nhưng Bittrich nói với Model giả thiết của mình: cuộc tấn công nhằm tìm chân đạo quân số 15 trong khi đạo quân Anh số 2 tấn công vào Ruhr. Điều này sẽ buộc Đồng Minh phải chiếm các cầu tại Nijmegen và Arnhem. Model bác bỏ hoàn toàn ý kiến này. Cây cầu tại Arnhem không phải là mục tiêu, ông ta nói. Những đơn vị đổ bộ này sẽ tản ra và tiến theo hướng đông bắc tới Ruhr. Model tin rằng tình hình vẫn còn quá mờ mịt để có thể đưa ra kết luận cuối cùng. Ông ta thực sự bối rối về việc lực lượng đổ bộ đã xuất hiện ở khu vực Nijmegen. Tuy vậy, ông tán đồng các biện pháp Bittrich đã thực hiện.

Bittrich vẫn nhấn mạnh vấn đề những chiếc cầu. "Thưa thống chế, tôi khẩn thiết yêu cầu phá hủy lập tức các cầu tại Nijmegen và Arnhem," ông nói. Model nhìn ông ngạc nhiên. "Không được phá hủy chúng," ông ta kiên quyết lệnh cho Bittrich. "Cho dù người Anh có kế hoạch gì, những cây cầu này có thể giữ được. Không. Dứt khoát không. Không được phá những cây cầu này". Sau đó, gạt chủ đề trên sang một bên, Model nói, "Tôi đang tìm nơi thiết lập sở chỉ huy mới,

Bittrich". Trước khi Bittrich kịp trả lời, Model lại trầm ngâm nói, "Anh biết đấy, suýt nữa chúng đã bắt được tôi".

Tại sở chỉ huy của mình ở Vught, tướng Kurt Student phải đối mặt với một vấn đề đau đầu: đạo quân nhảy dù số 1 của ông đã bị cuộc tấn công đổ bộ đường không cắt làm đôi. Không còn liên lạc điện thoại và phải dựa hoàn toàn vào radio, ông ta không thể chỉ huy được đạo quân bị chia cắt của mình nữa. Lúc này các đơn vị mạnh ai nấy đánh không hề có sự hiệp đồng chỉ huy thống nhất. Thế rồi, một món quà đúng lúc và bất ngờ của vận may, một chiếc vali còn nguyên vẹn tìm thấy trong chiếc tàu lượn Waco rơi gần sở chỉ huy của ông được trình lên viên tướng.

"Thật không thể tin được," Student kể. "Trong vali là toàn bộ mệnh lệnh tác chiến cho chiến dịch của kẻ địch". Student và ban tham mưu bị hút vào những tấm bản đồ thu được. "Chúng chỉ cho chúng tôi thấy tất cả - các khu đổ quân, hành lang chiến dịch, các mục tiêu, thậm chí cả tên của các sư đoàn tham gia. Tất cả! Lập tức chúng tôi hiểu ra chiến lược của họ. Họ định chiếm các cây cầu trước khi chúng ta kịp phá hủy. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ là, "Đây là sự lặp lại! Sự lặp lại! Lịch sử đang lặp lại!" Trong chiến dịch đổ bộ của chúng tôi tại Hà Lan năm 1940, một trong các sĩ quan của tôi, bất chấp lệnh cấm nghiêm ngặt, đã mang ra mặt trận các tài liệu mô tả chi tiết toàn bộ cuộc tấn công của chúng tôi, và những tài liệu này đã rơi vào tay kẻ địch. Giờ đây bánh xe đã xoay chiều. Tôi biết chính xác mình cần phải làm gì".

Tuy nhiên, Model chưa biết điều này. Chưa bao giờ Student cảm thấy tuyệt vọng đến thế. Vì hệ thống liên lạc của ông ta đã bị gián đoạn, có lẽ phải đến gần 10 giờ viên tư lệnh mới đưa được bí mật của chiến dịch Market Garden tới tay Model. Điều bí mật đó là cây cầu tại Arnhem có vai trò quan trọng sống còn. Những tài liệu tịch thu được chỉ rõ rằng đó là đầu cầu để Montgomery tiến vào Ruhr.

Đó là kiểu giao chiến mà Model thích nhất: một trận đánh đòi hỏi sự linh hoạt, táo bạo, và trên hết, tốc độ. Từ sở chỉ huy của Bittrich, Model gọi điện cho tư lệnh mặt trận phía Tây, Von Runstedt. Với phong cách ngắn gọn đến cộc lốc của mình, viên thống chế mô tả tình hình và yêu cầu lập tức được tăng viện. "Cách duy nhất để đánh bại một cuộc tấn công đổ bộ đường không là phản kích ngay trong 24 giờ đầu tiên", ông ta nói với Von Runstedt. Model yêu cầu lực lượng phòng không, pháo tự hành, xe tăng và bộ binh; và ông ta muốn lực lượng tăng viện được chuyển tới Arnhem lúc trời tối. Von Runstedt trả lời rằng tất cả lực lượng tăng viện có thể thu xếp được sẽ lập tức lên đường. Quay sang Bittrich, Model nói chắc chắn, "Giờ thì chúng ta sẽ có tăng viện!" Model quyết định sẽ chỉ huy từ Doetinchem; nhưng, cho dù bề ngoài ông ta đã hồi phục được cú sốc sau khi phải vội vàng bỏ chạy khỏi Oosterbeek, lần này viên thống chế quyết định không mạo hiểm với nguy cơ bị đánh úp bất thành lình. Ông ta từ chối sử dụng tòa lâu đài tiện nghi; ông sẽ chỉ huy trận đánh từ ngôi nhà của người làm vườn.

Sự nhìn xa trông rộng kịp thời của Bittrich lúc này bắt đầu phát huy tác dụng. Các đơn vị thuộc sư đoàn Hohenstaufen của Harzer đang

nhANH chóng hướng tới các khu chiến sự. Sư đoàn Frunsberg của Harmel - Harmel dự kiến sẽ quay từ Đức về trong đêm - cũng đã lên đường. Bittrich đã lệnh cho Harzer thiết lập sở chỉ huy tại một trường trung học nằm ở ngoại vi phía bắc Arnheim nhìn xuống thành phố, và việc di chuyển đang được tiến hành. Nhưng Harzer đang sôi lên vì sốt ruột.

Những chiếc xe bọc thép dự kiến sẽ lên đường quay về Đức vào đầu buổi chiều hôm đó vẫn đang được lắp lại xích và súng. Harzer đã ra lệnh điều động các đơn vị gần khu đổ bộ của người Anh nhất tiến ra chốt chặn tại các vị trí ở phía tây Arnheim. Vào lúc này, ông ta cũng chỉ có rất ít xe bọc thép, một số pháo tự hành cùng vài xe tăng cùng bộ binh. Tuy thế, Harzer hy vọng bằng cách cơ động liên tục ông ta có thể chặn bước và làm quân Anh bị lúng túng cho tới khi phần còn lại của sư đoàn sẵn sàng tham chiến.

Cũng thật lạ lùng là Harzer thậm chí không hề biết tiểu đoàn huấn luyện lính từng thiết SS của thiếu tá Sepp Krafft đang có mặt trong vùng và hiện là đơn vị duy nhất có mặt trên đường tiến của lực lượng đổ bộ Anh. Harzer tập trung lực lượng của mình trên hai đường xa lộ chạy vào Arnheim: đường Ede - Arnheim và đường Utrecht - Arnheim. Doan chắc rằng lực lượng dù sẽ phải dùng những trục đường chính này, viên sư trưởng đã bố trí lực lượng của mình thành một hình bán nguyệt bao lấy hai xa lộ. Có thể do thiếu lực lượng hay không để ý đến, Harzer đã không bố trí lực lượng nào chốt chặn một con đường phụ vắng vẻ chạy song song với bờ bắc sông Rhine. Đây là con đường duy nhất không được bảo vệ mà người Anh có thể sử dụng để tiếp

cận cầu Arnhem.

Trong bộ binh phục nguy trang và những chiếc mũ sắt đặc trưng, vai trữu nặng vũ khí đạn dược, binh lính lữ đoàn nhảy dù số 1 của thượng tá Lathbury đang trên đường tới Arnhem. Xen giữa các toán lính hành quân bộ là những chiếc xe jeep kéo pháo nhẹ và những chiếc xe tải bốn bánh chở vũ khí và hậu cần. Trong lúc tướng Roy Urquhart nhìn họ đi qua trước mặt, ông chợt nhớ tới lời bình luận mà tướng Horrock nói với ông vài tháng trước. "Lính của anh đúng là sát thủ", Horrock đã bình luận đầy thán phục. Lúc đó, Urquhart đã nghĩ lời nhận xét có lẽ hơi quá. Nhưng vào ngày chủ nhật này ông không còn chắc vậy nữa. Khi lữ đoàn 1 tiến qua trước mặt, Urquhart thực sự cảm thấy tự hào.

Kế hoạch dự kiến dùng 3 tiểu đoàn của Lathbury để đánh chiếm Arnhem, mỗi tiểu đoàn vận động theo một hướng khác nhau. Tiểu đoàn 2 của trung tá John Frost được giao mục tiêu chính: tiến theo một con đường nhánh chạy gần bờ bắc sông Rhine, họ có nhiệm vụ chiếm cây cầu chính bắc trên xa lộ. Trên đường, họ còn phải khống chế cây cầu đường sắt cũng như các cầu phao nằm phía tây cây cầu chính. Tiểu đoàn 3, do trung tá J.A.C.Fitch chỉ huy, sẽ tiến theo đường Utrecht - Arnhem và tiếp cận cầu từ hướng bắc, hỗ trợ cho Frost. Một khi 2 tiểu đoàn này đã hoàn thành nhiệm vụ, tiểu đoàn 1 của trung tá D.Dobie có nhiệm vụ tiến theo xa lộ Ede - Arnhem - con đường nằm xa nhất về phía bắc - và chiếm cao điểm phía bắc thành phố. Lathbury đặt cho mỗi mũi một biệt danh. Dobie, ở xa nhất về phía bắc, được gọi là "Báo"; Fitch, ở giữa, là "Hô"; và Frost, mũi quan trọng nhất, là

"Sự tử". Tiến trước cả lữ đoàn, những chiếc jeep của đơn vị trinh sát do thiếu tá Freddie Gough chỉ huy dự định sẽ tiếp cận cầu, đánh chiếm nó một cách chớp nhoáng và giữ vững tới khi Frost đến nơi.

Cho tới lúc này, Urquhart nhận định, giai đoạn đầu đã diễn ra suôn sẻ. Ông không quá lo lắng về việc liên lạc trong sư đoàn bị gián đoạn vào thời điểm hiện tại. Ông đã có kinh nghiệm về gián đoạn liên lạc hoàn toàn nhiều lần trong các chiến dịch ở Bắc Phi. Vì ông không thể liên lạc được với lữ đoàn đổ bộ số 1 của thượng tá Hicks, đơn vị có nhiệm vụ bảo vệ các khu đổ quân và đáp tàu lượn trong hai ngày tiếp theo, Urquhart đi tới sở chỉ huy của Hicks. Tại đây ông được biết lữ đoàn đổ bộ đã vào vị trí và Hicks lúc này đang vắng mặt để chỉ huy việc triển khai các tiểu đoàn của mình. Tuy nhiên, tại sở chỉ huy của Hicks, Urquhart được biết một phần quan trọng của kế hoạch chiếm cây cầu tại Arnhem đã bị trục trặc. Ông được thông báo - một cách sai lầm - rằng phần lớn xe trinh sát của thiếu tá Gough đã bị hư hại trong các vụ rơi tàu lượn; không ai tại sở chỉ huy của Hicks biết Gough đi đâu. Không đợi Hicks quay về, Urquhart quay lại sở chỉ huy của mình. Ông cần tìm ra Gough càng nhanh càng tốt và vạch ra một kế hoạch thay thế, nhưng lúc này lo lắng lớn nhất của ông là báo tin cho Lathbury và nhất là Frost biết tiểu đoàn 2 sẽ phải trông cậy hoàn toàn vào chính mình. Frost sẽ phải chiếm cây cầu chính tại Arnhem mà không có sự trợ giúp của Gough như dự kiến.

Tại sở chỉ huy sư đoàn, lại có thêm tin xấu chờ đợi Urquhart. "Không những không có tin gì về Gough", Urquhart nhớ lại, "mà ngoại trừ một vài tín hiệu radio tầm ngắn, toàn bộ hệ thống liên lạc của sở chỉ

huy đã trở thành vô dụng. Chúng tôi không thể liên lạc với lữ đoàn nhảy dù 1, và thực tế là với toàn bộ thế giới bên ngoài".

Đại tá Charles Mckenzie, tham mưu trưởng của Urquhart, quan sát viên tướng đi đi lại lại," bồn chồn lo lắng chờ tin". Urquhart lệnh cho sĩ quan thông tin của mình, thiếu tá Anthony Deane-Drummond, tìm nguyên nhân "của gián đoạn liên lạc, xem chuyện gì đã xảy ra với các thiết bị radio và sửa lại lập tức". Các liên lạc viên cũng được cử đi tìm Gough. Và thời gian cứ qua đi trong khi chẳng có tin gì mới, Urquhart, cực kỳ lo lắng, quyết định không đợi thêm nữa. Bình thường, ông sẽ chỉ huy trận đánh từ sở chỉ huy sư đoàn; nhưng lúc này, từng giây từng phút trôi qua không có liên lạc, ông bắt đầu cảm thấy có điều gì đó không bình thường với trận đánh này. Quay sang Mckenzie, ông nói, "tôi nghĩ tôi phải đi xem xét một lượt, Charles ạ." Mackenzie không ngăn cản ông. "Lúc ấy," Mckenzie nhớ lại, "vì chúng tôi không nhận được bất cứ tin tức nào, quyết định đó có vẻ không phải là không hợp lý". Chỉ mang theo lái xe và một hiệu thính viên trên chiếc jeep của mình, Urquhart đuổi theo đơn vị của Lathbury. Lúc đó là 4 giờ 30 chiều.

Vận động theo tuyến đường phía bắc, tuyến "Báo" - xa lộ Ede-Arnhem - đơn vị trinh sát đổ bộ đường không của thiếu tá Freddie Gough đã hành động rất khẩn trương. Cho dù các xe dành cho phân đội A không tới nơi, Gough đã rời bãi đổ quân với phần còn lại của đơn vị lúc 3 giờ 30 chiều. Anh tin tưởng mình có đủ xe cho nhiệm vụ đánh chiếm chớp nhoáng cây cầu. "Trên thực tế," anh nhớ lại, "tôi đã để lại bãi đổ quân vài chiếc jeep dự bị. Chúng tôi có thừa đủ xe để

tiến tới Arnhem".

Gough thậm chí còn tách 12 người của đơn vị mình phái xuống phía nam liên lạc với tiểu đoàn 2, đang hành tiến theo tuyến "Sư tử" để tiếp cận cầu. Viên thiếu tá không hề biết rằng việc mất những chiếc xe dành cho phân đội A đã gây ra những tin thất thiệt và thông tin lầm lẫn. Nhiều báo cáo về trận Arnhem còn nói rằng đơn vị của Gough không tác chiến được do những chiếc xe chở bằng tàu lượn cho đơn vị của ông đã không tới nơi. "Thất bại, nếu muốn gọi như vậy", Gough nói, "không phải do thiếu xe jeep, mà vì không ai cảnh báo chúng tôi về sự có mặt trong vùng của các sư đoàn Panzer SS 9 và 10".

Ngay từ đầu, Gough đã có nhiều e ngại về vai trò đơn vị của anh phải đảm nhiệm trong kế hoạch tấn công Arnhem. Thay vì thử một cú may rủi, Gough đã đề nghị cử một phân đội xe jeep trinh sát đi trước đội hình của từng tiểu đoàn trong số 3 tiểu đoàn tấn công. "Như thế," anh nói, "chúng tôi có thể nhanh chóng phát hiện ra con đường tốt nhất, dễ nhất để tiếp cận cây cầu". Không được chấp nhận, anh lại yêu cầu tăng cường một đơn vị tăng hạng nhẹ vận chuyển bằng tàu lượn cho cuộc tấn công chớp nhoáng. Cả đề nghị này cũng bị bác bỏ. Thế nhưng Gough vẫn lạc quan. "Tôi không hề lo lắng. Theo dự kiến ở đó chỉ có vài tay lính lão đầu bạc của bọn Đức ở Arnhem cũng vài chiếc xe tăng kiểu cũ và dăm khẩu pháo. Tôi trông đợi một trận đánh nhanh gọn".

Lúc này, trong khi họ đang lao nhanh theo tuyến đường "Báo", những chiếc jeep dẫn đầu đội hình bị rơi vào ổ phục kích của xe bọc thép

Đức và pháo 20 mm. Chỉ huy phó của Gough, đại úy David Allsop, tình cờ đã ghi lại thời điểm. Đó là lúc đúng 4 giờ chiều. Gough lái xe lên đầu đội hình xem xét. "Đúng lúc tôi định đi lên, tôi nhận được tin nói rằng Urquhart muốn gặp tôi ngay. Tôi chẳng biết nên làm gì nữa," Gough nói. "Tôi nằm dưới quyền Lathbury, và tôi nghĩ ít ra tôi cũng phải cho ông ấy biết tôi đang đi đâu, nhưng tôi không biết ông ấy đang ở chỗ nào. Đơn vị của tôi lúc đó rơi vào lưới hỏa lực dữ dội của địch và bị chững lại, phải bố trí phòng ngự gần tuyến đường sắt ở ngoại vi Wolfheze. Tôi nghĩ họ sẽ giữ vững được một thời gian, vì thế tôi vòng lại hướng về sở chỉ huy sư đoàn tại khu đổ quân. Lúc đó là 4 giờ 30 chiều".

Vào đúng lúc tướng Urquhart lên đường đi tìm Lathbury thì Gough lại đang hồi hả quay về gặp Urquhart.

Trên cả ba tuyến hành quân, binh lính lữ đoàn nhảy dù số 1 đều được người Hà Lan nồng nhiệt đón chào. Nhiều dân thường từ các trang trại đã đi theo những người lính dù suốt từ khi họ rời khu đổ bộ, và khi đám đông lớn dần, cuộc chào đón xem ra đã làm cuộc hành quân chững lại. Đại úy Eric Mackay, đi theo tuyến "Sư tử" nằm xa nhất về phía nam cùng tiểu đoàn 2 của trung tá Frost, đã cảm thấy bất an trước không khí hội hè này. "Những người Hà Lan đã giữ chân chúng tôi lại," anh kể. "Vẫy tay, vỗ tay hoan hô, họ đưa chúng tôi táo, lê, hay một thứ đồ uống gì đó. Nhưng họ làm ảnh hưởng đến tốc độ hành quân của chúng tôi và làm tôi e rằng họ làm chúng tôi không tới được vị trí của mình". Trung úy Robin Vlasto nhớ rằng "phần đầu của cuộc hành quân chẳng khác gì một cuộc diễu binh khai hoàn, và những

người dân phát điên vì vui sướng. Tất cả thật không thể tin được, đến nỗi chúng tôi gần như tưởng rằng xe tăng của quân đoàn 30 của Horrock sẽ tiến ra khỏi Arnhem để đón chào chúng tôi. Những người dân đứng xếp hàng hai bên đường, mang theo những khay lớn bia, sữa, quả đến mời chúng tôi. Chúng tôi phải khó khăn lắm mới nhắc nhở mọi người nhớ tới khả năng quân Đức tấn công".

Cô gái trẻ Anje van Maanen, con gái một bác sĩ ở Oosterbeek, nhớ lại đã nhận được một cú điện thoại đầy phấn khích từ gia đình Tromp ở Heelsum, nằm ngay phía nam khu đổ quân của người Anh tại khu rừng Renkum. "Chúng ta tự do rồi. Tự do!" Gia đình Tromp nói với cô. "Đám Tommy đã đáp xuống sau nhà chúng tôi và họ đang tiến tới Oosterbeek. Trông họ dễ thương lắm! Chúng tôi đang hút thuốc và ăn chocolate". Anje gác máy," phát điên lên vì vui mừng. Tất cả chúng tôi đều nhảy múa vòng quanh nhà. Thế là đến rồi! Cuộc tấn công! Tuyệt quá!" Cô gái 17 tuổi Anje nóng lòng đợi bố quay về nhà. Bác sĩ Van Maanen đang đỗ ở nhà hàng xóm, và Anje nghĩ điều đó "thật phiền toái, nhất là lúc này, vì chồng của người mẹ lại là một tên Nazi Hà Lan". Bà Ida Clous, vợ một nha sĩ ở Oosterbeek và là một người bạn của gia đình Van Maanen, cũng nghe tin lực lượng đổ bộ đường không đang tiến công. Bà vội vàng lục tung tất cả đám hộp gio đồ khâu để nhặt nhanh tất cả những gì màu da cam. Khi người Anh tiến vào Oosterbeek, bà định sẽ cùng ba đứa con nhỏ chạy ra chào đón những người giải phóng với những lá cờ màu da cam tự tạo.

Jan Voskuil, đang lẩn trốn tại nhà bố mẹ vợ tại Oosterbeek, chần chừ giữa mong muốn chạy tới đường đi Utrecht để chào đón những

người lính dù và sự cần thiết phải ngăn bố vợ không đi cùng mình. Ông lão rất hăng hái. "Tôi đã 78 tuổi rồi và chưa bao giờ nhìn thấy chiến tranh cả. Giờ tôi muốn thấy nó". Cuối cùng ông cụ cũng được thuyết phục ở lại trong vườn và Voskuil, gia nhập dòng người đi đón quân Anh, đã bị một người cảnh sát ngăn lại ở ngoại ô Oosterbeek. "Như thế này quá nguy hiểm", viên cảnh sát nói với đám đông. "Quay lại đi". Voskuil chậm chạp quay về nhà. Tại đó anh bắt gặp đúng tay lính Đức đã xin trú nhờ lúc cuộc oanh tạc xảy ra hồi sáng. Lúc này anh ta đã mặc binh phục chỉnh tề, khoác áo ngực trang, đội mũ sắt, cầm súng trường. Hắn mời Voskuil chocolate và thuốc lá. "Tôi đi đây", anh ta nói. "Đám Tommy sắp đến". Voskuil mỉm cười. "Giờ anh sẽ quay trở về Đức," anh nói. Tay lính nhìn Voskuil vài giây. Rồi chậm rãi lắc đầu; "Không đâu thưa ngài," anh ta nói với Voskuil. "Chúng tôi sẽ chiến đấu". Người Hà Lan nhìn theo tay lính Đức đang quay đi. "Giờ thì nó sắp bắt đầu," Voskuil nghĩ, "nhưng mình có thể làm gì?" Anh bồn chồn đi đi lại lại trong vườn. Chẳng thể làm gì ngoài chờ đợi.

Không bị cản trở sự ngăn cản của cảnh sát và những lời cảnh báo nên ở lại trong nhà, những người nông dân Hà Lan và gia đình họ đứng suốt dọc mỗi con đường tiến quân. Thượng sĩ nhất Harry Callaghan, hành quân theo tuyến "Hô" ở giữa, nhớ lại có một người phụ nữ nông dân đã lách qua đám đông chạy tới chỗ anh với một bình sữa. Anh cảm ơn bà và người phụ nữ mỉm cười đáp lại, "Tốt, Tommy, tốt". Nhưng cũng giống như Eric Mackay, Callaghan, một cựu binh từ thời Dunkirk, không khỏi khó chịu trước số lượng dân thường vây quanh những người lính. "Họ chạy bên cạnh chúng tôi đeo băng tay, tạp dề,

những dải ruy băng nhỏ, tất cả đều màu da cam," anh nhớ lại. "Những đứa trẻ, với những mảnh vải màu cam dính vào váy hay áo, chạy theo nô đùa vui vẻ. Phần lớn đến sát bên những người lính mời họ chocolate. Thật khác xa so với tình huống trong tập luyện. Tôi bắt đầu lo lắng nghĩ tới những tay bắn tỉa".

Đúng như Callaghan e ngại, cuộc điều hành khai hoàn đột ngột kết thúc. "Mọi việc diễn ra thật nhanh," anh kể lại. "Một giây trước chúng tôi còn đều bước tiến về phía Arnhem; chỉ một giây sau, tất cả chúng tôi đều tản ra nhào xuống nấp dưới các hào rãnh. Bọn xạ thủ bắn tỉa đã nổ súng, và ba người lính dù hy sinh nằm lại trên đường". Viên thượng sĩ kỳ cựu không để mất thời gian. Anh đã nhìn thấy ánh chớp lửa từ bụi cây phía trước cách họ chừng 50 yard. Trong lúc những người dân Hà Lan tản đi, Callaghan dẫn một toán 12 người tiến lên. Anh dừng lại gần một cái cây và nhìn lên. Có cái gì đó lóe sáng. Chĩa khẩu Sten của mình lên, anh bắn thẳng lên cây. Một khẩu súng tự động Schmeisser rơi cách xuống đất, và khi Callaghan nhìn lên cây, anh thấy một tên Đức treo lủng lẳng ở đầu một sợi dây thừng.

Cũng lúc đó, những đơn vị khác thuộc tiểu đoàn 3 của trung tá Fitch cũng có một cuộc chạm trán bất ngờ. Binh nhất Frederick Benneth vừa đưa vài quả táo cho đồng đội thì một chiếc xe nhỏ của Đức lao xuống dọc theo con đường. Benneth nổ súng với khẩu Sten của mình. Chiếc xe dừng lại cố quay đầu nhưng đã quá muộn. Tất cả những người gần Benneth đều nổ súng và chiếc xe chững lại, thùng lõm chỗ vì đạn. Khi những người lính thận trọng tới gần, họ thấy tên lái xe nằm vắt nửa người ra ngoài. Xác của một sĩ quan cao cấp Đức cũng nằm

đồ vật ra qua một khung cửa khác. Với Benneth " trông tay này có vẻ là một sĩ quan Đức cao cấp", mà đúng là vậy. Thiếu tướng Kussin, tư lệnh thành phố Arnhem, đã bỏ qua lời cảnh báo của thiếu tá SS Sepp Krafft rằng cần tránh con đường xa lộ Utrecht - Arnhem.

Nhiều người nhớ họ bắt đầu vấp phải sự kháng cự quyết liệt của quân Đức sau một giờ hành quân - vào lúc 4 giờ 30. Hai trong 3 tiểu đoàn - tiểu đoàn của Dobie theo con đường phía bắc, và tiểu đoàn của Fitch theo con đường giữa - bất ngờ vấp phải những đợt phản kích bất chợt rồi tháo lui rất quyết liệt của quân địch. Đơn vị trinh sát của thiếu tá Gough, lúc này do đại úy Allsop chỉ huy, cố hết sức tìm cách đánh tạt sườn quân Đức để mở đường tới tiểu đoàn 1 của Dobie. Nhưng, theo lời kể của Allsop, "cho dù theo hướng nào chúng tôi cũng chạm phải quân địch trước mặt". Người lính trinh sát William Chandler nhớ rằng khi phân đội C của anh thăm dò thực địa, "đạn quân Đức bắn ra gần và dày đến mức có thể cảm thấy được khi chúng bay qua bên cạnh".

Khi tiến tới gần Wolfheze, cả tiểu đoàn gần như bị chặn đứng. "Chúng tôi chững lại," binh nhì Walter Boldock nhớ lại. "Sau đó chúng tôi lại tiến lên. Rồi lại bị chặn lại và phải đào công sự. Sau đó chúng tôi lại vận động theo hướng khác. Quá trình tiến lên của chúng tôi phụ thuộc vào sự thành công của đại đội dẫn đầu. SUốt dọc Đạn cối và súng bộ binh bắn vào chúng tôi liên tục". Bên một bụi cây, Boldock thấy một thượng sĩ mà anh quen bị thương nặng. Tiến thêm một chút, anh trông thấy thi thể cháy xém của một trung úy. Người này đã bị trúng một quả bom phospho. Với một người lính khác, binh

nhì Roy Edward, "như thế chúng tôi chạy vòng quanh khắp vùng đồng quê và mắc vào một trận vận động chiến suốt cả buổi chiều".

Những người lính dù chững lại trước cuộc phản kích dữ dội không hề được lường trước của quân địch. Binh nhì Andrew Milbourne, đi theo tuyến đường phía bắc, nghe thấy tiếng súng vọng lại từ phía nam và trong chốc lát đã lấy làm mừng rằng tiểu đoàn 1 đã được giao nhiệm vụ đánh chiếm cao điểm phía bắc Arnhem. Thế rồi, ở gần Wolfheze, Milbourne nhận thấy đội hình hành quân ngoặt xuống phía nam rời khỏi đường chính. Anh này trông thấy nhà ga xe lửa, và ngay cạnh đó, một chiếc xe tăng. Phản ứng đầu tiên của anh là cảm giác khoái trá. "Chúa ơi!" anh nghĩ, "Monty có lý. Đạo quân số 2 đã tới đây rồi!" Thế rồi, khi chiếc tháp pháo chậm chậm quay, Milbourne nhìn thấy hình chữ thập đen trên chiếc xe tăng. Bất thần, anh binh nhì dường như thấy quân Đức khắp nơi. Anh nhào vội xuống một khe rãnh và, vừa thận trọng nhô đầu lên, vừa tìm một vị trí thuận lợi để đặt khẩu súng máy Vicker của mình.

Thượng sĩ Reginald Isherwood cũng nhìn thấy chiếc tăng này. Một chiếc jeep kéo theo một khẩu pháo hạng nhẹ tiến lên và bắt đầu quay vòng để đón bắn chiếc tăng. "Một pháo thủ kêu lớn," Chúng ta cần bắn trước chúng. Nếu không thì chúng ta toi mất," Isherwood nhớ lại. "Khẩu súng được quay lại nhanh như chớp, nhưng khi khẩu đội trưởng của quân ta hô "Bắn!" tôi nghe thấy tên chỉ huy Đức cũng làm vậy. Bọn Jerry có vẻ đã nhanh hơn chúng tôi 1/10 giây". Chiếc tăng đã bắn trúng mục tiêu. Chiếc jeep nổ tung và toàn khẩu đội hy sinh.

Trong sự hỗn loạn mỗi lúc một tăng cùng với hỏa lực dữ dội từ mọi phía, lúc này trung tá Dobie đã hiểu sự chống cự ông gặp phải quyết liệt hơn nhiều so với mức độ dự kiến. Ông cũng không tin còn có thể đánh chiếm được cao điểm phía bắc Arnhem. Viên tiểu đoàn trưởng không thể liên lạc được với thượng tá Lathbury qua radio, và thương vong thì tăng lên từng phút. Dobie quyết định hướng tiểu đoàn xa hơn xuống phía nam, dự định hội quân với Frost đang tiến tới cây cầu chính tại Arnhem.

Việc gián đoạn thông tin và sự thiếu chỉ đạo do việc này gây ra đã khiến các tiểu đoàn trưởng không thể biết chính xác chuyện gì đang xảy ra. Trên địa hình hoàn toàn xa lạ, với những tấm bản đồ đã cho thấy thường rất thiếu chính xác, các đại đội và trung đội thường mất liên lạc với nhau. Tại một ngã tư gần đoạn đường xa lộ mà binh lính tiểu đoàn 3 của trung tá Fitch đã giết tướng Kussin, người Anh hứng trọn hỏa lực từ súng cối phản lực và súng máy thuộc tiểu đoàn SS của thiếu tá Krafft. Đội hình hành quân bị phá vỡ, mọi người vội vã tản vào các vạt rừng. Những quả đạn cối, nổ tung trên không phía trên đầu họ, làm văng ra các mảnh ghém chết người theo mọi hướng.

Hiệu thính viên Stanley Heyes vẫn còn nhớ rõ hỏa lực dữ dội của quân địch. Anh nhảy vào rừng và đánh rơi chiếc radio dự trữ; vừa cúi xuống nhặt nó lên anh đã bị thương vào mắt cá chân. Heyes cố lết vào rừng. Vừa ngã vật người vào một bụi rậm, anh nhận ra người nằm bên cạnh là một lính Đức. "Hắn ta còn trẻ và cũng kinh hoàng không kém gì tôi," Heyes kể, "nhưng hắn đã dùng cuộn băng dã chiến bằng

lại vết thương ở mắt cá cho tôi. Chỉ lát sau cả hai chúng tôi lại bị thương vì đạn cối và đánh nằm đó chờ ai đó mang đi". Heyes và người lính Đức trẻ sẽ còn phải nằm lại trong bụi cây đó cho tới tối mịt, khi lực lượng cứu thương Anh tìm thấy và sơ tán họ.

Tương tự như tiểu đoàn 1, tiểu đoàn 3 cũng bị chặn đứng. Sau 2 giờ trên đường, cả tiểu đoàn chỉ tiến được có 2 dặm rưỡi. Lúc này, trung tá Fitch cũng đi tới cùng kết luận như Dobie ở tuyến đường phía trên; ông cần tìm một con đường khác tới cầu Arnhem. Thời gian rất gấp rút, và cây cầu vẫn còn cách xa 4 dặm.

Trong khu rừng gần Wolfheze, thiếu tá SS Sepp Krafft tin chắc mình đã bị bao vây. Ông ta ước lượng người Anh áp đảo tiểu đoàn thiếu của mình tới khoảng 20 chọi 1. Nhưng, cho dù coi cuộc kháng cự của mình là "mất trí", viên thiếu tá cũng không dám tin vào thành công của quyết định liều lĩnh của mình. Những khẩu cối phản lực đã làm quân Anh rối loạn, và binh lính của ông báo cáo lại rằng quân dù vận động dọc tuyến đường Utrecht - Arnhem đã bị chặn đứng ở nhiều điểm, và tại một số nơi khác có vẻ quân địch đã bỏ đường cái. Krafft vẫn tin rằng tiểu đoàn mình là đơn vị Đức duy nhất trong khu vực, và không hề có ảo tưởng có thể kìm chân người Anh được lâu. Ông ta đã gần cạn hết đạn cối phản lực và chịu tổn thất nặng, một trung úy dưới quyền đã đào ngũ. Thế nhưng Krafft vẫn thầm hãnh diện về "sự can đảm đầy gương mẫu của các chàng trai trẻ của tôi". Viên thiếu tá đầy tham vọng Krafft, người sau đó đã viết một báo cáo dài nhằm báo công của mình lên Himmler về chiến tích của tiểu đoàn huấn

luyện lính từng thiết do ông ta chỉ huy, đã không hề biết rằng "các chàng trai trẻ" của ông ta đang được trợ sức bởi xe tăng, pháo binh và xe thiết giáp thuộc sư đoàn Hohenstaufen của trung tá Wilhelm Harzer, chỉ cách sở chỉ huy của Krafft có chừng 1 hay 2 dặm về phía đông.

Thiếu tá Freddie Gough hoàn toàn không còn hiểu chuyện gì nữa. Mệnh lệnh của Urquhart yêu cầu ông quay về sư đoàn không hề cho biết rõ ý định của viên tướng. Khi rời khỏi tuyến đường Báo của tiểu đoàn 1, Gough mang theo 4 xe jeep hộ tống thuộc đơn vị trinh sát của mình. Giờ đây, tại sở chỉ huy sư đoàn, tham mưu trưởng của Urquhart, đại tá Charles Mackenzie cũng không thể giúp gì nhiều cho viên thiếu tá. Tư lệnh, Mackenzie nói, đã đi tìm thượng tá Lathbury, người đang cùng ban chỉ huy đi theo tiểu đoàn của trung tá Frost trên tuyến đường phía nam, tuyến Sư tử. Mang theo nhóm hộ tống của mình, Gough lại một lần nữa lên đường. Hiển nhiên là đâu đó trên đường ông sẽ gặp được ít nhất một trong hai người.

Chiếc jeep của tướng Urquhart đi theo xa lộ Utrecht - Arnhem và ngoặt xuống phía nam rời đường chính rẽ vào một đường nhánh dẫn tới tuyến đường Sư tử của Frost. Chỉ sau vài phút ông đã bắt kịp đơn vị chặn hậu của tiểu đoàn 2. Họ đang tiến thành hàng một ở hai bên đường. Urquhart nghe thấy tiếng súng nổ xa xa phía trước, nhưng ông cảm thấy "thiếu sự khẩn trương. Mọi người xem ra đều hành quân khá thông thả". Lao nhanh theo con đường, Urquhart tới sở chỉ huy của Frost cũng chỉ để biết Frost đã đi lên phía các đơn vị tiên tiêu, lúc này đang vấp phải kháng cự của quân Đức. "Tôi cố nhấn mạnh tới

sự khẩn trương mà tôi muốn truyền đạt cho Frost", Urquhart viết trong hồi ký, "và cho họ biết sự không may của phi đội Recco". Được biết Lathbury đã đi sang tuyến đường giữa để nắm tình hình của tiểu đoàn 3, Urquhart đuổi theo. Một lần nữa, ông và Gough lại lỡ nhau chỉ vài phút.

Bắt kịp các đơn vị đi sau của tiểu đoàn 3 trên tuyến Hổ, viên tướng được biết Lathbury đã đi lên phía trước. Ông đi theo. Tại một ngã tư trên tuyến đường Utrecht - Arnhem, Urquhart tìm thấy viên thượng tá. Cả khu vực nằm dưới làn đạn cối dữ dội. "Một số quả đạn này rơi chính xác như đặt vào giữa ngã tư và các vạt rừng nơi rất nhiều người thuộc tiểu đoàn 3 đang ẩn nấp", Urquhart viết trong hồi ký. "Đó là bằng chứng đầu tiên cho tôi thấy tốc độ và sự kiên quyết trong phản ứng của quân Đức".

Nấp dưới một đoạn hào, Urquhart và Lathbury trao đổi về tình hình. Cả hai đều lo lắng về tốc độ tiến quân chậm chạp của lữ đoàn, và hiện giờ việc thiếu phương tiện liên lạc trầm trọng đã làm tê liệt mọi nỗ lực chỉ huy của họ. Lathbury hoàn toàn không nắm được tiểu đoàn 1 và cũng chỉ có liên lạc chập chờn với Frost. Có vẻ cả hai chỉ huy tiểu đoàn cũng chỉ có thể chỉ huy chiến đấu ở chính nơi họ tình cờ có mặt. Lúc này, mối bận tâm của Lathbury là tìm cách đưa tiểu đoàn 3 ra khỏi khu ngã tư, vòng qua khu rừng lân cận để tiếp tục tiến lên. Urquhart quyết định cố gắng liên lạc về sư đoàn bằng radio trên chiếc jeep của ông. Trong lúc ông tiến lại chiếc xe, viên sư đoàn trưởng thấy nó bị trúng đạn cối, người hiệu thính viên bị thương nặng. Cho dù chiếc radio có vẻ không bị hư hại, Urquhart cũng

không thể liên lạc được về sở chỉ huy. "Tôi rửa thầm mạng lưới liên lạc khốn kiếp," Urquhart viết trong hồi ký. "Lathbury khuyên tôi không nên cố tìm cách quay về sở chỉ huy. Lúc này quân địch đã có mặt khắp nơi giữa chúng tôi và khu đổ quân... Tôi nghĩ ông ta có lý... và tôi ở lại. Nhưng chính vào lúc này tôi ý thức được tôi đang mất sự kiểm soát tình hình".

Binh lính thuộc tiểu đoàn 1 và 3 bị cuốn vào những cuộc đấu súng dữ dội liên tục. Những đơn vị Waffen SS dày dạn kinh nghiệm và kiên cường, ít hơn về số lượng nhưng được xe half track, xe tăng và pháo binh hỗ trợ, đã khiến cuộc hành quân của người Anh tại hai tuyến đường phía bắc chững lại về mức rùa bò. Trong sự hỗn loạn, binh lính bị tách khỏi sĩ quan chỉ huy của mình, thậm chí lạc đơn vị khi các đại đội bị xé lẻ tàn nát trong các khu rừng hay chiến đấu dọc đường, trong các khu vườn hay quanh từng ngôi nhà. Những con quỷ đỏ đã phục hồi lại sau cú sốc ngạc nhiên đầu tiên trước sức mạnh của thiết giáp Đức, và cho dù tổn thất nặng nhưng từng người một hay thành từng nhóm nhỏ, họ đang giáng trả quân địch những đòn quyết liệt. Dù vậy, có rất ít khả năng tiểu đoàn 1 và 3 có thể tới được mục tiêu tại Arnhem như kế hoạch dự định. Giờ đây tất cả phụ thuộc vào tiểu đoàn 2 của trung tá John Frost, vẫn đang tiến khẩn trương theo con đường gần sông Rhine hạ, con đường nhỏ mà quân Đức đã bỏ qua không phòng ngự.

Cho dù tiểu đoàn của Frost đã vài lần bị chững lại vì đụng độ với quân địch, ông đã không cho người của mình tản ra hay triển khai đội hình chiến đấu. Đại đội A mũi nhọn của ông, do thiếu tá Digby

Tatham-Warter chỉ huy khẩn trương tiến lên, để mặc những đơn vị quấy rối của kẻ địch cho các phân đội đi sau giải quyết. Trong số tù binh bị đơn vị mũi nhọn bắt, Frost được biết một đại đội SS có lẽ đang chặn con đường tiến vào Arnhem từ phía tây. Sử dụng những phương tiện chuyên chở chiếm được cũng như những chiếc jeep của họ để trinh sát phía trước và hai bên sườn đội hình, tiểu đoàn liên tục tiến gấp. Khoảng sau 6 giờ chiều một chút, mục tiêu đầu tiên của Frost, chiếc cầu đường sắt qua sông Rhine hạ nằm chếch về phía đông nam Oosterbeek, xuất hiện trong tầm nhìn. Theo kế hoạch, đại đội C của thiếu tá Victor Dover tách khỏi đội hình hướng tới sông. Cây cầu có vẻ vắng lặng không ai bảo vệ khi họ tiếp cận. Trung úy Peter Barry, 21 tuổi, được lệnh đưa trung đội của mình vượt cầu. "Tất cả im ắng khi chúng tôi bắt đầu tiến lên," Barry nhớ lại. "Khi chúng tôi vượt qua các cánh đồng tôi nhìn thấy gia súc chết nằm khắp nơi". Trung đội của Barry còn cách cầu 300 yard thì anh nhìn thấy "một tên Đức chạy lên cầu từ phía đầu bên kia. Hấn ra giữa cầu, quỳ xuống, và bắt đầu làm gì đó. Ngay lập tức, tôi ra lệnh cho một tiểu đội nổ súng và tiểu đội thứ hai lao lên cầu. Lúc này, tên Đức đã biến mất".

Barry nhớ lại họ "tiến lên cầu và bắt đầu chạy nhanh nhất có thể qua cầu. Thế rồi đột nhiên, một tiếng nổ rung trời chuyển đất vang lên và cây cầu nổ tung trước mắt chúng tôi". Đại úy Eric Mackay thuộc công binh hoàng gia cảm thấy mặt đất chấn động do vụ nổ. "Một quầng lửa màu vàng cam bùng lên rồi khói đen trùm lên cây cầu. Tôi nghĩ nhịp cầu thứ hai kể từ bờ bắc đã bị phá hủy", Mackay kể lại. Trên cầu, chìm dưới làn khói, trung úy Barry lệnh cho người của mình rời cây cầu đổ nát quay trở lại bờ bắc. Khi trung đội bắt đầu di chuyển, quân

Đức nắp bên kia sông bắt đầu nổ súng. Barry bị trúng đạn vào chân và tay, hai người khác cũng bị thương. Quan sát những người lính đi xuyên qua lửa và khói quay trở lại, Mackay, người đã luôn lo ngại về chiến dịch từ lúc bắt đầu, nhớ lại lúc đó đã nghĩ, "Thế là mục tiêu số 1 đi tong". Trung tá Frost tỏ ra triết lý hơn. "Tôi biết một trong ba cây cầu đã bị phá hủy, nhưng đây là cây cầu ít quan trọng nhất. Lúc đó tôi đã không nhận ra đây là bất lợi lớn đến thế nào". Lúc đó là 6 giờ 30 chiều và vẫn còn hai cây cầu nữa cần phải chiếm.

Các kỹ sư của sư đoàn Hohenstaufen đã phải mất 5 giờ để lắp trở lại các xe tăng, half track và xe bọc thép chở quân mà Harzer định đưa về Đức. Viên đại úy mới được gán huy chương Paul Grabner, khi tiểu đoàn trinh sát gồm 40 xe của mình đã sẵn sàng, liền lên đường rời trại Hoenderloo ở phía bắc Arnhem và tiến gấp về phía nam. Harzer đã lệnh cho viên đại úy phải tuần tiễu toàn khu vực giữa Arnhem và Nijmegen để đánh giá quy mô lực lượng đổ bộ đường không Đồng Minh có mặt trong vùng này. Grabner tiến gấp qua Arnhem, và qua radio báo cáo sở chỉ huy sư đoàn Hohenstaufen rằng thành phố hoàn toàn vắng lặng. Không có dấu hiệu nào của quân địch. Lúc gần 7 giờ tối đơn vị của Grabner đi qua cây cầu xa lộ lớn tại Arnhem. Đi qua đầu cầu phía nam 1 dặm, Grabner dừng xe lại để báo cáo, "Không phát hiện quân địch. Không có lính dù". Hết dặm này tới dặm khác, những chiếc xe bọc thép hạng nhẹ của anh ta chậm rãi tuần tiễu cả hai bên xa lộ, và báo cáo radio của Grabner luôn thông báo như vậy. Cho tới tận Nijmegen cũng không có gì thay đổi. Theo lệnh từ sở chỉ huy sư đoàn, Grabner có nhiệm vụ tuần tiễu xa hơn ra vùng ngoại ô Nijmegen rồi quay lại sở chỉ huy.

Đơn vị của Grabner và các đơn vị tiền đội thuộc tiểu đoàn 2 của Frost đã lệch nhau chừng 1 giờ. Grabner vừa rời khỏi Arnheim thì người của Frost đã xâm nhập thành phố và bí mật tiếp cận các mục tiêu còn lại của họ. Thật khó giải thích, cho dù đã có chỉ dẫn rất cụ thể của tướng Bittrich, Harzer đã hoàn toàn bỏ qua việc bảo vệ cầu Arnheim.

Trời đã tối khi trung tá Frost lệnh cho tiểu đoàn tiến gấp hơn tới mục tiêu tiếp theo, cây cầu phao nằm cách cầu Arnheim chừng 1 dặm về phía tây. Đại đội A của thiếu tá Digby Tatham-Warter, vẫn dẫn đầu đội hình, một lần nữa bị chặn lại trên cao điểm ở ngoại ô phía tây Arnheim. Xe bọc thép và súng máy của quân địch đã khiến họ phải dạt khỏi đường cái vòng qua vườn của những ngôi nhà ven đường. Đến nơi sau đó, Frost trông thấy 10 tù binh Đức được canh gác bởi một người lính duy nhất của đại đội A và, như sau này ông có viết, "cú đánh vòng qua vườn của Digby đã hoàn toàn thành công và đại đội lại có thể tiến lên". Frost quay lại với tiểu đoàn. Trong bóng tối, những luồng đạn chốc chốc lại lao qua đường nhưng khi những người lính dù tiến lên, họ đi qua xác xe cháy cùng lính Đức chết và bị thương - bằng chứng hùng hồn, theo Frost, cho thấy "tiến triển thuận lợi của Digby".

Tiến gấp qua các con phố của Arnheim, tiểu đoàn tới được cầu phao và phải chứng kiến thất bại thứ hai của mình. Nhịp giữa của chiếc cầu phao đã bị tháo đi khiến nó trở nên vô dụng. Trong lúc đại úy Mackay đứng nhìn chiếc cầu phao vô tích sự, anh cả quyết "đây là một kế hoạch được ăn cả ngã về không điển hình. Tôi lập tức nghĩ,

"Giờ thì chúng ta cần phải chiếm được cái cầu chết tiệt còn lại". Anh lập tức lên đường. Chỉ cách đó chưa đầy một dặm, những nhịp cầu bê tông và thép hiện lên trong ánh sáng đang tắt hắt.

Trên tuyến Hồ của tiểu đoàn 3, vừa đi vừa dừng về hướng Arnhem, tướng Urquhart hiểu rõ ông đã bị mắc kẹt. Trong màn đêm đang sập xuống, với các toán quân địch không ngừng ngăn cản cuộc hành quân, ông không thể quay về sở chỉ huy sư đoàn được nữa. Ông cảm thấy lo lắng. "Vừa đi tôi vừa ước gì biết được tình hình tại những nơi khác hiện ra sao". Ngay trước khi trời tối, Urquhart được biết đại đội dẫn đầu tiểu đoàn 3 đã tiến tới ngoại ô Oosterbeek "gần một nơi gọi là khách sạn Hartenstein. ...Chúng tôi tiến rất chậm," Urquhart viết lại trong hồi ký, "và Lathbury, sau khi thảo luận với tiểu đoàn trưởng Fitch đã hạ lệnh dừng lại".

Trong một ngôi nhà lớn gần đường, Urquhart và Lathbury chuẩn bị nghỉ qua đêm. Chủ nhà, một người Hà Lan trung niên tầm thước, gạt sang bên những lời xin lỗi của viên tướng vì sự bất tiện ông gây ra cho hai vợ chồng chủ nhà, rồi thu xếp cho hai người sĩ quan một căn phòng tầng trệt nhìn ra đường lớn. Urquhart rất bồn chồn và không tài nào ngủ được. "Tôi liên tục kiểm tra xem có thiết lập được liên lạc với Gough hay Frost không, nhưng chẳng có gì, cho dù từ sở chỉ huy của tôi hay từ các nơi khác".

Cây cầu lớn hiện ra phía trước. Bộ khung cầu đã là cả một kiến trúc khổng lồ, với đường chạy qua bên trong và bên dưới dọc theo bờ sông từ tây sang đông. Ở hai đầu cầu mái nhà dân và các xưởng máy

cao gần như ngang với mặt cầu. Trong bóng tối, các đường lên cầu và những nhịp cầu uốn cong bắc qua sông Rhine trông thật đồ sộ và ấn tượng. Đây mục tiêu chính - bản lề cho kế hoạch mạo hiểm của Montgomery - và để tiếp cận nó đơn vị của Frost đã phải chiến đấu trong hành tiến gần 7 giờ liền.

Lúc này, khi bộ phận tiền đội của tiểu đoàn 2 tiếp cận cầu, trung úy Robin Vlasto, chỉ huy một trong các trung đội của đại đội A, cảm thấy choáng ngợp "trước chiều cao không thể tin nổi của nó". Vlaston nhận thấy "có lô cốt ở hai đầu cầu, và ngay cả khi trông có vẻ hoàn toàn vắng vẻ, những chiếc lô cốt trông thật đe dọa". Trong bóng tối đại đội A lặng lẽ chiếm lĩnh vị trí dưới những rầm cầu lớn ở đầu cầu phía bắc. Phía trên đầu họ là tiếng xe cộ đi lại.

Đại úy Eric Mackay thuộc công binh hoàng gia, tiếp cận cầu qua một loạt con phố đan như bàn cờ, đến một quảng trường nhỏ yên ắng dẫn thẳng tới trụ cầu. Anh nhớ rằng "sự yên lặng khi chúng tôi tiến qua các phố thật nặng nề, và khắp xung quanh chúng tôi dường như chỗ nào cũng có những chuyển động nhẹ. Mọi người bắt đầu cảm thấy căng thẳng, và tôi muốn chiếm cầu càng nhanh càng tốt". Bất ngờ màn đêm bị xé toang bởi đạn quân Đức bắn ra từ một con đường hẻm. Một chiếc xe kéo chở bộc phá của công binh nổ tung, ánh lửa khiến tất cả mọi người bị soi sáng rõ mồn một. Ngay lập tức, Mackay ra lệnh cho tất cả mọi người đem theo trang bị băng qua quảng trường. Họ chạy nhanh qua bất chấp làn đạn của quân Đức. Chỉ sau vài phút, không mất một người, họ đã tới cầu. Quan sát địa hình quanh đầu cầu phía bắc, Mackay nhìn thấy bốn ngôi nhà ở phía đông.

"Một ngôi nhà trong số đó là trường học nằm ở góc ngã tư", anh nhớ lại. "Tôi nghĩ ai giữ những ngôi nhà đó sẽ kiểm soát cầu". Mackay lập tức lệnh cho công binh của mình đi vào trong trường.

Sau 8 giờ tối một chút, trung tá Frost và sở chỉ huy tiểu đoàn tới nơi. Frost phái đại đội B của thiếu tá Douglas Crawley lên cao điểm nằm bên kia đường sắt, đem theo súng chống tăng để bảo vệ sườn trái của tiểu đoàn, giúp đại đội A được tự do tiến thẳng tới cầu. Đại đội C của thiếu tá Dover, được lệnh đi theo các đơn vị tiên tiêu vào thành phố và chiếm sở chỉ huy Đức. Lúc này, có mặt ngay gần cây cầu, Frost không thể liên lạc với bất cứ đại đội nào qua radio. Ông lập tức phái liên lạc viên đi xác định địa điểm của các đại đội.

Quyết định không chờ đợi, Frost lệnh cho đại đội A chiếm cầu. Khi những người lính dù bắt đầu băng qua, quân Đức đột ngột bùng dậy. Những người lính dù bị chụp vào lưới lửa từ lô cốt ở đầu bắc và một chiếc xe bọc thép đỗ ở đầu nam cầu. Một trung đội, được công binh của Eric Mackay mang theo súng phun lửa trợ chiến, bắt đầu tiến theo nóc những ngôi nhà nằm cao ngang mặt cầu. Đồng thời, trung đội của trung úy Vlaston cũng men theo các tầng trệt và tầng hầm để tiến lên, tiến từ nhà nọ sang nhà kia cho đến khi tới vị trí của Mackay. Họ tấn công lô cốt. Khi súng phun lửa bắt đầu hành động, Frost nhớ lại "cứ như thể lửa từ địa ngục phun lên". Bầu trời sáng rực, âm vang tiếng súng máy, tiếng nổ, tiếng vũ khí đạn dược cháy và tiếng đầu nòng của một khẩu đại bác. Một tòa nhà gỗ gần đó cháy bùng, có tiếng kêu kinh hãi vang lên". Cũng lúc đó, Frost có thể nghe thấy tiếng những quả đạn Piat của Vlaston bắn vào lô cốt. Bất thành linh,

trận đánh dữ dội chấm dứt. Súng trong lô cốt im bật và qua ánh lửa, Frost nhìn thấy lính Đức loạng choạng đi về phía người của ông. Đại đội A đã khai thông đầu cầu phía bắc và kiểm soát được nó. Nhưng lúc này, lửa và vũ khí bắt lửa đang nổ khiến việc băng qua chiếm đầu cầu phía nam chẳng khác nào tự sát. Chỉ cần sớm hơn nửa giờ, Frost đã có thể thành công. Nhưng lúc này, ở phía bờ nam, một đơn vị lính tùng thiết SS đã chiếm lĩnh vị trí.

Frost cố gắng liên lạc với thiếu tá Crawley thêm lần nữa. Ông muốn tìm vị trí có thuyền hay bè để đại đội C sử dụng vượt sông tấn công quân Đức ở đầu cầu phía nam. Một lần nữa, liên lạc radio gián đoạn. Tệ hơn nữa, các liên lạc viên phái đi không thể tìm thấy đại đội; và họ báo cáo không trông thấy một chiếc thuyền nào cả. Còn về đại đội C, toán quân cử đi bắt liên lạc với đơn vị này bị chặn đứng và đang giao chiến ác liệt gần sở chỉ huy Đức.

Những người lính của Frost bồn chồn nhìn qua cây cầu Arnhem. Lực lượng Đức trấn giữ đầu cầu phía nam mạnh đến đâu? Ngay cả lúc này, đại đội A vẫn tin rằng có thể chiếm được đầu cầu phía nam bằng tấn công bất ngờ qua sông, nếu tìm được đủ người và thuyền.

Nhưng cơ hội đó đã trôi qua. Một trong những điều trớ trêu mỉa mai nhất của trận chiến Arnhem là việc đã có thể dễ dàng vượt qua sông Rhine hạ ngay trong giờ đầu tiên sau khi đổ quân. Cách đó chính xác 7 dặm về phía tây, tại làng Hevedorp - mà tiểu đoàn của Frost đã hành quân ngang qua trên đường tới các mục tiêu của họ - có một chiếc phà lớn kéo bằng cáp có thể vận chuyển khách bộ hành và xe

cộ, chiếc phà đó đã hoạt động bình thường suốt cả ngày trên lộ trình qua sông Rhine hạ giữa Hevedorp bên bờ bắc và Driel bên bờ nam. Frost không biết gì về chiếc phà nói trên. Thậm chí nó còn không được liệt kê đến trong danh sách mục tiêu của Urquhart. Trong việc chuẩn bị gấp gáp của chiến dịch Market Garden một chìa khóa quan trọng cho việc chiếm cây cầu Arnhem - chiếc phà tại Driel - đã hoàn toàn bị bỏ qua.

Trung tá Frost cũng không làm được gì hơn tối hôm đó, ngoài việc cho canh phòng đầu cầu phía bắc đề phòng quân địch phản công từ phía nam. Ông vẫn chưa liên lạc được với các đại đội lạc đường của tiểu đoàn mình và lúc này, trong một ngôi nhà nhìn xuống cây cầu, Frost thiết lập sở chỉ huy của tiểu đoàn. Thượng sĩ Harold Back thuộc bộ phận giải mã tiểu đoàn 2 nhớ rằng từ cửa sổ phía trước của ngôi nhà, những người tại sở chỉ huy có thể quan sát được mặt cầu. "Cửa sổ của căn phòng cho chúng tôi tầm nhìn trực tiếp của chính cây cầu," Back nói. "Hiệu thính viên của chúng tôi dựng anten lên nóc nhà và di chuyển hướng thường xuyên, nhưng chẳng liên lạc được với ai cả".

Ít lâu sau, sở chỉ huy lữ đoàn cũng tới nơi và đóng tại tầng mái một ngôi nhà gần ngôi nhà của Frost. Sau khi thảo luận với các sĩ quan dưới quyền, Frost nghĩ chắc chắn các tiểu đoàn 1 và 3 đang bị kìm chân trên các tuyến Hô và Báo hoặc đang giao chiến ở phía bắc cầu đầu đó trong thành phố Arnhem. Không thiết lập được liên lạc, không thể biết rõ chuyện gì đang xảy ra. Nhưng nếu hai tiểu đoàn này không tới được Arnhem trong đêm, quân Đức sẽ có thêm thời gian quý báu để khép chặt khu vực giữa Frost với phần còn lại của sư

đoàn. Thêm vào đó, Frost còn lo rằng cây cầu vẫn có thể bị phá hủy. Theo ý kiến của công binh, sức nóng từ đám cháy đã làm hỏng hết mọi được dây điện dẫn từ cầu vào thành phố, và tất cả những đường cáp phát hiện được đều đã bị công binh xung kích phá hủy. Tuy vậy, không ai biết liệu còn đường cáp nào được giấu kín đâu đó hay không. Và, như Frost nhớ lại, "những đám cháy đã khiến chẳng ai có thể tiếp cận cầu để gỡ bọc phá cái trên đó nếu có".

Nhưng đầu cầu phía bắc đã nằm trong tay Frost và ông cũng như những người lính can đảm của mình không hề có ý buông xuôi. Cho dù lo lắng về những đại đội thất lạc và phần còn lại của sư đoàn không liên lạc được, ông không để lộ ra ngoài. Đến thăm các trung đội đang đóng rải ra trong vài ngôi nhà gần cầu, viên thiếu tá thấy binh lính của mình "đang rất phấn chấn, như họ hoàn toàn có lý do để cảm thấy". Như binh nhì James Sims nhớ lại, "Chúng tôi cảm thấy rất hài lòng về mình, trong khi trung tá pha trò và hỏi han tình hình của chúng tôi".

Tại sở chỉ huy tiểu đoàn, Frost ngồi xuống nghỉ ngơi lần đầu tiên trong ngày. Uống một cốc trà lớn, ông thầm nghĩ dù sao thì tình hình cũng không quá tệ. "Chúng tôi đã đi qua tám dặm địa hình phức tạp, để chiếm mục tiêu của mình trong vòng 7 giờ sau khi đổ bộ xuống Hà Lan... một chiến công đáng tự hào". Cho dù bồn chồn, Frost, cũng như người của mình, vẫn lạc quan. Lúc này ông có trong tay một lực lượng chừng 500 người thuộc nhiều đơn vị, và ông tin tưởng các đại đội thất lạc sẽ hội quân với ông tại cầu. Dù sao đi nữa, ông cũng sẽ chỉ phải giữ tối đa thêm 48 giờ - cho đến khi quân đoàn 30 của tướng

Horrock tới nơi.

Từ Berlin cho tới mặt trận phía tây, chỉ huy cao cấp của Đức choáng váng trước cuộc tấn công bất ngờ của Đồng minh. Chỉ có tại Arnheim, nơi sư đoàn đổ bộ số 1 của Anh đã gần như nhảy xuống đầu 2 sư đoàn panzer của tướng Bittrich, là sự phản ứng diễn ra mau lẹ và quyết liệt. Tại những nơi khác, những viên tư lệnh lúng túng và ngỡ ngàng cố tìm cách xác định xem liệu những sự kiện bất ngờ của ngày 17/9 có thực sự là màn mở đầu cho cuộc xâm lược đế quốc hay không. Người ta đã dự kiến một cuộc tấn công trên bộ của quân Anh từ Bỉ. Tất cả lực lượng dự bị thu thập được, gồm cả đạo quân 15 của tướng Von Zangen, toi tã đến mức binh lính chẳng còn gì hơn ngoài khẩu súng cầm theo bên mình, đều đã được tung ra chiếm lĩnh các vị trí để đối phó với nguy cơ này. Chiến hào được đào, các cứ điểm chiến lược được củng cố trong một nỗ lực tột cùng nhằm buộc người Anh phải trả giá đắt cho mỗi bước tiến.

Không ai lường trước việc lực lượng đổ bộ đường không sẽ được sử dụng đồng thời với cuộc tấn công mặt đất của quân Anh. Liệu cuộc tấn công đường không này có phải là màn mào đầu cho cuộc đổ bộ đường biển lên Hà Lan như Berlin e ngại không? Suốt đêm, trong lúc các sĩ quan tham mưu cố gắng phân tích tình hình, báo cáo về những cuộc tấn công đổ bộ đường không khác làm bức tranh chiến sự thêm rắc rối. Lính dù Mỹ, với số lượng chưa rõ và đơn vị chưa xác định được, đang có mặt ở khu vực Eindhoven - Nijmegen; sư đoàn đổ bộ số 1 của Anh chắc chắn đã đổ quân xuống xung quanh Arnheim. Nhưng giờ đây những báo cáo mới lại nói tới quân dù ở lân cận

Utrecht, và cả một báo cáo hoàn toàn vô căn cứ về việc lực lượng đổ bộ đường không đổ quân xuống Warsaw ở Ba Lan.

Tại sở chỉ huy của thống chế Gerd von Runstedt ở Koblenz, phản ứng chung là ngạc nhiên. Von Runstedt không ngạc nhiên về cuộc tấn công bằng về người, như ông lý luận, sẽ chỉ huy nó - Montgomery. Đầu tiên, Von Runstedt nghi ngờ rằng những chiến dịch bất ngờ và rõ ràng là có phối hợp giữa lực lượng đổ bộ đường không và lực lượng mặt đất là màn mở đầu cho chiến dịch tấn công để chế của Eisenhower. Viên thống chế đã từ lâu đoán chắc rằng Patton và đạo quân Mỹ số 3 đang hướng tới Saar là mối nguy hiểm thực sự. Để chống lại mối nguy cơ đó, Von Runstedt đã tung ra lực lượng tốt nhất của mình để đẩy bật các đơn vị thiết giáp đang hành tiến của Patton. Giờ đây người lính danh tiếng nhất nước Đức trở nên mất phương hướng trong chốc lát. Chưa bao giờ ông lường tới khả năng cuộc đột kích chính của Eisenhower lại được chỉ huy bởi Montgomery, người ông luôn nhìn nhận là "quá cẩn trọng, nguyên tắc và hành động theo thói quen".

Ông thực sự bối rối trước sự táo bạo của đòn tấn công Montgomery tung ra. Những báo cáo tới tập đến từ sở chỉ huy của Model với giọng điệu hoảng hốt đã minh chứng rõ ràng sự bất ngờ và nghiêm trọng của cuộc tấn công: "Chúng ta cần lường tới khả năng nhiều đợt đổ quân sẽ được thực hiện trong đêm... Quân địch tin tưởng rằng cuộc tấn công của chúng có tầm quan trọng chiến lược và người Anh đã đạt được thành công ban đầu đáng kể trước Student và đột kích tới Valkenswaard... vị trí của ta ở đây đặc biệt nguy kịch... việc thiếu lực

lượng dự bị mạnh, cơ động cao càng làm tăng khó khăn của chúng tôi... tình hình chung của cụm quân B, hiện đã bị căng ra đến cực độ, là rất khẩn cấp... chúng tôi yêu cầu, càng nhanh càng tốt, lực lượng panzer, pháo binh, súng chống tăng hạng nặng, các đơn vị phòng không, và nhất thiết chúng ta phải có máy bay tiêm kích trực chiến trên không cả ngày lẫn đêm..."Model kết thúc như sau: ..."lực lượng Đồng minh tập trung chủ yếu vào cánh bắc phòng tuyến của chúng ta". Đây là một trong số hiếm hoi lần Von Runstedt tôn trọng quan điểm của viên sĩ quan mà ông đã từng mỉa mai ám chỉ là có tướng của một viên thượng sĩ mẫn cán. Trong phần báo cáo đó của mình, Model đã xóa đi chút nghi ngờ cuối cùng của Von Runstedt về danh tính người chịu trách nhiệm cho động thái bất ngờ này. "Cánh bắc" của cụm quân B chính là Montgomery.

Trong đêm không thể ước lượng được sức mạnh của lực lượng đổ bộ Đồng minh tại Hà Lan, nhưng Von Runstedt tin rằng sẽ có thêm những đợt đổ quân mới. Lúc này cần phải không những trám kín những lỗ hổng trên chiến tuyến Đức mà còn cần tìm thêm viện binh cho cụm quân B của Model. Một lần nữa, Von Runstedt buộc phải đánh liều. Từ sở chỉ huy của ông, mệnh lệnh truyền đi để di chuyển một số đơn vị từ vị trí của họ án ngữ trước mặt quân Mỹ tại Aachen. Việc điều động này rất mạo hiểm nhưng cần thiết. Những đơn vị trên sẽ vận động lên phía bắc ngay lập tức, và để họ tới được chiến tuyến cần ít nhất 48 giờ nữa. Von Runstedt ra thêm các mệnh lệnh khác tới những khu vực phòng ngự dọc biên giới tây bắc Đức, huy động tất cả các đơn vị thiết giáp và phòng không sẵn có tới Hà Lan, nơi viên thống chế lúc này hoàn toàn đoán chắc là đang ẩn chứa nguy hiểm

cho để chế. Trong lúc làm việc hồi hả trong đêm để củng cố hình thái phòng ngự của mình, viên hiệp sĩ chữ thập sắt chột nghĩ ngợi tới sự lạ lùng của tình hình. Ông vẫn chưa hết bàng hoàng rằng viên sĩ quan chỉ huy cuộc tấn công quy mô lớn của Đồng minh lại là Montgomery.

Đêm đã khuya khi chiếc xe chở tướng Wilhem Bittrich từ sở chỉ huy của ông từ Doetinchem tới tiến vào những con phố tối tăm của Arnhem. Bittrich quyết định tự đi thị sát tình hình. Trong lúc ông đi luôn lách qua thành phố, lửa vẫn cháy và những mảnh vỡ văng rải rác trên đường - kết quả của cuộc không kích lúc sáng. Thi thể binh sĩ tử trận cùng xác xe cộ nằm rải ra nhiều nơi là bằng chứng cho thấy, như Bittrich sau này có nói, "những cuộc giao chiến ác liệt đã xảy ra". Thế nhưng ông ta vẫn chưa hình dung được rõ ràng những gì đang xảy ra. Quay về sở chỉ huy, Bittrich được biết từ báo cáo thu thập được từ hai nữ điện thoại viên tại bưu điện Arnhem - những người này sau đó ông ta đã tặng huân chương chữ thập sắt - rằng cây cầu lớn trên xa lộ đã bị lính dù Anh khổng chế. Bittrich nổi cơn thịnh nộ. Mệnh lệnh đặc biệt của ông ta cho Harzer bảo vệ cầu đã không được thực hiện. Giờ thì điều cần kíp là bảo vệ chặt chẽ cây cầu tại Nijmegen qua sông Waal trước khi quân Mỹ ở phía nam chiếm được nó. Cơ hội thành công duy nhất của Bittrich là cố gắng đè bẹp cuộc tập kích của quân Đồng minh trên dọc hành lang và cầm chân quân Anh tại Arnhem. Lực lượng dù đối phương lúc này đang chiếm được đầu bắc cây cầu tại Arnhem cũng những tiểu đoàn bị xé lẻ vẫn cố gắng tới hội quân với lực lượng này phải bị tiêu diệt.

Cuối cùng thì kế hoạch tuyệt mật của chiến dịch Market Garden rơi

vào tay đại tướng Kurt Student cũng tới được sở chỉ huy mới của thống chế Model. Ông ta đã rời bỏ ngôi nhà của người làm vườn tại lâu đài Doetinchem và chuyển đi cách đó 5 dặm về hướng tây nam, gần ngôi làng nhỏ Terborg. Student đã mất gần 10 tiếng đồng hồ mới tìm được viên thống chế và báo cáo tài liệu này qua radio. Được mã hóa và chuyển đến thành 3 phần, giờ đây toàn bộ Market Garden đã bị bộc lộ.

Model và ban tham mưu nghiên cứu chăm chú tài liệu này. Trước mắt họ là toàn bộ kế hoạch của Montgomery: tên của các sư đoàn đổ bộ sử dụng, thời gian biểu cho các chuyển bay đổ quân và tiếp tế trong thời gian 3 ngày, vị trí chính xác của các bãi nhảy dù và đáp tàu lượn, những cây cầu mục tiêu chính - kể cả hành lang bay của các máy bay tham chiến. Model, như sau đó Harzer được nghe từ chính ông này, gọi kế hoạch này là "hoang tưởng". Đến mức mà trong những giờ phút quan trọng đó Model đã không muốn tin vào nó.

Kế hoạch này quá chi tiết, cụ thể để có thể tin là thực. Model nói với ban tham mưu rằng chính sự chính xác của tài liệu này khiến người ta khó bị thuyết phục về tính xác thực của nó. Ông ta nhấn mạnh lại lần nữa quan điểm của mình rằng cuộc đổ quân xuống phía tây Arnhem là mũi nhọn cho một cuộc tấn công đổ bộ đường không quy mô lớn hướng tới Ruhr, qua Bocholt và Munster, nằm 40 dặm về phía đông. Cần đề phòng những cuộc đổ bộ nữa, ông cảnh báo, và lực lượng này một khi tập hợp lại hẳn sẽ tiến lên phía bắc rồi ngoặt sang phía tây. Lý luận của Model không phải là vô căn cứ. Như ông ta nói với ban tham mưu của mình, "Nếu chúng ta tin vào bản kế hoạch này và

phỏng đoán rằng cây cầu Arnhem là mục tiêu thực sự, tại sao lực lượng dù lại không đổ bộ trực tiếp xuống cầu. Tại đây, quân địch đã đổ xuống những khu vực trống trải rải trên diện tích rộng phù hợp cho việc tập hợp lực lượng, và hơn nữa, lại cách cầu 8 dặm về phía tây".

Model đã không thông báo cho tướng Bittrich về tài liệu này. "Tôi không hề biết cho tới tận sau chiến tranh," Bittrich nói, "rằng kế hoạch của Market Garden đã rơi vào tay chúng tôi. Tôi không rõ tại sao Model không cho tôi biết. Dù sao đi nữa, kế hoạch đó cũng sẽ chỉ khẳng định lại quan điểm của tôi rằng điều quan trọng cần làm là phải ngăn chặn việc hội quân giữa lực lượng đổ bộ và đạo quân Anh số 2 - mà để làm được điều đó, đối phương chắc chắn cần đến những cây cầu. Một sĩ quan dưới quyền Bittrich lại biết đến tài liệu nọ. Trung tá Harzer có vẻ là sĩ quan duy nhất ngoài ban tham mưu của viên thống chế được Model cho biết về kế hoạch bất được. Harzer nhớ lại rằng "Model luôn chuẩn bị cho trường hợp xấu nhất, vì thế ông không hoàn toàn bỏ qua bản kế hoạch. Như ông nói với tôi, ông hề có ý định để đám lính trọc đầu của đối phương tóm được". Chỉ có thời gian mới có thể nói cho người Đức liệu bản tài liệu đó có là thật hay không. Cho dù viên thống chế định kiến vẫn chưa được chuẩn bị sẵn sàng để chấp nhận bằng chứng đang bày ra trước mặt ông ta, thì phần lớn ban tham mưu của ông đều bị ấn tượng. Với kế hoạch của Market Garden nằm trong tay mình, sở chỉ huy của Model báo động tất cả các đơn vị phòng không đang triển khai về những đợt đổ quân mới mà theo kế hoạch sẽ xảy ra sau vài giờ nữa. Cả OB West cũng không được thông báo về việc thu được bản kế hoạch của Market

Garden, ngay cả báo cáo của Model cho Von Runstedt cũng chẳng đã động đến việc này. Vì một số lý do nào đó Model đã coi nhẹ bản kế hoạch và không chuyển lên cấp trên.

Ít nhất cũng có một nghi ngờ được loại trừ. Trung uý Gustav Sedelhauser, sĩ quan hành chính của sở chỉ huy, nhớ lại rằng theo nội dung của bản kế hoạch thu được, Model giờ đây tin rằng ông ta và sở chỉ huy tại Oosterbeek đã không bao giờ là mục tiêu tấn công của lực lượng đổ bộ đường không.

Đúng vào lúc trung tá John Frost đang củng cố vị trí tại đầu cầu phía bắc ở Arnhem, cuộc tiếp cận thận trọng tới một mục tiêu sống còn khác cách đó 11 dặm mới chỉ bắt đầu. Cây cầu năm nhịp bắc qua sông Waal tại Nijmegen nằm trên đoạn giữa hành lang chiến dịch do sư đoàn 82 đảm trách là điểm vượt sông cuối cùng mà xe tăng quân đoàn 30 của tướng Horrock phải vượt qua trên đường tới Arnhem.

Với thành công ngoạn mục, lính dù trung đoàn 504 của chuẩn tướng James M.Gavin đã chiếm được cây cầu quan trọng tại Grave cách Nijmegen 8 dặm về tây nam; và, vào lúc 7h30 tối, các đơn vị thuộc các trung đoàn 504 và 505 đã làm chủ một điểm vượt kênh đào Maas-Waal tại làng Heumen, cách Grave gần 5 dặm về phía đông. Hy vọng của Gavin muốn chiếm cả 3 điểm vượt sông cùng cây cầu đường sắt đã bị phá sản. Những cây cầu còn lại đã bị nổ tung hay phá hoại nghiêm trọng bởi quân Đức trước khi sư đoàn 82 kịp chiếm. Tuy vậy, 6 giờ sau khi đổ quân, lực lượng của Gavin đã mở thông được một con đường để lực lượng mặt đất của Anh có thể tiến qua. Thêm vào

đó, các đội tuần tiễu của trung đoàn 505 lùng sục khu vực giữa khu đổ quân của sư đoàn 82 gần cao điểm Groesbeek và biên giới Đức đã chỉ gặp phải kháng cự yếu ớt; và, đến khi đêm xuống, một lực lượng khác của trung đoàn 508 đã khống chế một vạt rừng dài 3 dặm dọc biên giới Hà Lan - Đức ở phía bắc khu đổ bộ tại Groesbeek rồi ngoặt xuống ngoại ô phía đông nam Nijmegen. Lúc này, với ba trong số 4 mục tiêu chính đã được kiểm soát, mọi việc phụ thuộc vào việc đánh chiếm cây cầu đường bộ dài 1960 bộ tại Nijmegen.

Mặc dù tướng Browning đã lệnh cho Gavin không được tấn công cây cầu tại Nijmegen cho đến khi cao điểm gần Groesbeek đã được khống chế, Gavin tự tin rằng tất cả mục tiêu của sư đoàn 82 có thể được chiếm hết trong ngày đầu tiên. Đánh giá tình hình 24 giờ trước khi đổ bộ, Gavin đã gọi đến gặp tư lệnh trung đoàn 508, đại tá Roy E.Lindquist, và lệnh cho ông ta điều 1 tiểu đoàn tiến thẳng tới cây cầu. Trong sự bất ngờ và hỗn loạn do cuộc tập kích đổ bộ gây ra, Gavin lý luận, cũng đáng thử canh bạc liều này. "Tôi đã nói kỹ càng với Lindquist về nguy hiểm nếu bị phục kích trong các khu phố", Gavin nhớ lại, "và chỉ ra rằng để tới cầu cần tiếp cận từ phía động thành phố, không đi qua các khu đông dân". Không rõ do hiểu lầm hay muốn làm khác chỉ thị ban đầu, Lindquist lại nhớ rằng ông ta được lệnh không cho người của mình tấn công cầu cho tới khi các mục tiêu khác của trung đoàn đã được chiếm giữ. Với tiểu đoàn 1 do trung tá Shields Warren Jr. chỉ huy, Lindquist chỉ định nhiệm vụ chiếm lĩnh các vị trí bảo vệ dọc theo xa lộ Groesbeek-Nijmegen cách thành phố khoảng 1 1/4 dặm về phía đông nam. Warren phải bảo vệ khu vực này và hội quân với hai tiểu đoàn còn lại của trung đoàn

theo hướng tây và đông. Chỉ khi các nhiệm vụ này hoàn tất, Warren nhớ lại, ông ta mới được chuẩn bị tiến vào Nijmegen. Như vậy, thay vì tiếp cận cầu từ những khu đất canh tác bằng phẳng ở hướng đông, tiểu đoàn của Warren lại đi vào đúng giữa trung tâm khu vực dày đặc nhà cửa mà Gavin đã muốn tránh.

Đêm đã buông xuống hẳn trước khi Warren tới được mục tiêu của mình. Lúc này, sau khi đã để mất nhiều thời gian quý báu, các đơn vị dẫn đầu đội hình bắt đầu vận động chậm chạp qua những con phố yên ắng, hầu như vắng tanh của Nijmegen. Mục tiêu chính là tiếp cận được bùng binh dẫn tới đầu cầu phía nam. Ngoài ra còn có một mục tiêu ngoài dự kiến. Lực lượng kháng chiến ngầm Hà Lan đã báo lại rằng thiết bị phát nổ dùng phá cầu được đặt tại trụ sở bưu điện chính. Thông tin quan trọng này tới được Warren chỉ sau khi họ đã bắt đầu vận động về phía cầu. Một trung đội lập tức được điều tới bưu điện, tại đó, sau khi đã khống chế được lính gác Đức, lính công binh cắt đứt dây điện và phá nổ tất cả những gì họ nghi là thiết bị kích nổ. Không ai biết rõ thiết bị này có thực sự nối với những khối bộc phá gài trên cầu không, nhưng lúc này ít nhất đường dây điện và các công tắc đã bị phá hủy. Khi trung đội này định quay về hội quân với lực lượng chính, họ phát hiện ra quân địch đã ở sát sau lưng. Họ bị cô lập và trong 3 ngày sau đó buộc phải cố thủ trong tòa nhà bưu điện cho tới khi tiếp viện tới.

Trong lúc đó, khi lực lượng còn lại của Warren tiếp cận một công viên dẫn tới cầu, họ bất ngờ hứng chịu đạn súng máy và xe bọc thép bắn tới dữ dội. Đại úy Arie D.Bestebreurtje, sĩ quan Hà Lan phối thuộc sư

đoàn 82, nhớ lại rằng "súng bắt thần bắn thẳng vào chúng tôi, và tôi có thể nhìn thấy chớp lửa lóe lên sau những bụi cây. Quân địch có vẻ ở khắp xung quanh chúng tôi". Trước khi anh kịp nâng khẩu carbin của mình lên bắn, Bestebreurtje bị trúng đạn vào tay trái, khuỷu tay và ngón trỏ bàn tay phải. Với hạ sĩ James R.Blue, trận đánh bất ngờ nổ ra trên đường phố tối mò chẳng khác gì một cơn ác mộng. "Ngay lập tức chúng tôi rơi vào một trận cận chiến," Blue nhớ lại. Anh đang đi trên phố cùng binh nhất Ray Johnson, cả hai đều cầm súng trường M1 lấp lóe lên, khi họ đối mặt với lính SS. Khi Johnson định dùng lê hạ một tên Đức, Blue lao tới một tên sĩ quan với một con dao găm. "Lệnh cho chúng tôi là không được nổ súng. Nếu phải cận chiến chúng tôi có lệnh chỉ dùng dao và lưỡi lê". Nhưng,"Blue nhớ lại," những con dao dã chiến có vẻ ngắn quá, vậy là tôi dùng khẩu súng của tôi. Mìn này lập tức được khép lại, nhưng gần như ngay lúc đó một khẩu pháo tự hành bắt đầu bắn về hướng chúng tôi và chúng tôi quay vào công viên rồi tập hợp lại với những người khác trong trung đội". Binh nhì James Allardyce nhớ lại nghe thấy ai đó gọi cứu thương ở phía trước, nhưng "đạn rít lên dọc theo phố và trong bóng tối mọi việc hỗn độn đến mức không ai biết những người khác đang ở đâu. Chúng tôi thiết lập một vành đai phòng ngự quanh một ngôi trường xây bằng gạch. Phía trước chúng tôi nghe thấy những giọng nói tiếng Đức và tiếng kêu gào rên rỉ của những người bị thương. Chúng tôi không thể tới được cầu. Cuối cùng bọn Jerry đã chặn đứng được chúng tôi". Đúng vậy, tiểu đoàn trinh sát của đại úy Paul Grabner, trước đó đã để xống mất tiểu đoàn của Frost tại cầu Arnhem, đã đến Nijmegen sớm hơn nhiều so với những người Mỹ quá chậm trễ.

Tới nửa đêm ngày đầu tiên của cuộc tấn công đổ bộ đường không lớn nhất trong lịch sử, lính đổ bộ Anh -Mỹ đang trên đường hành quân, hay chiến đấu, hướng tới các mục tiêu chính của họ. Trong những giờ dài hành quân và chiến đấu ác liệt với một kẻ thù mạnh và kiên cường ngoài dự kiến, họ đã chiếm được phần lớn các mục tiêu mà những người thiết kế chiến dịch đã trông đợi họ đánh chiếm một cách nhanh chóng và dễ dàng. Từ những người lính can đảm thuộc tiểu đoàn 2 của trung tá John Frost đang bám lấy đầu bắc cây cầu Arnhem, suốt dọc hành lang về phía nam cho tới nơi binh lính sư đoàn 101 của đại tá Robert Sink đang vật lộn để sửa lại cây cầu tại Son, tất cả mọi người đều chung một quyết tâm cao độ; họ cần giữ thông con đường qua đó xe tăng và bộ binh của đạo quân Anh số 2 sẽ tiến qua. Vào lúc nửa đêm này, họ tin chắc rằng viện binh đang trên đường hoặc rằng tiếp tế và tăng viện, theo kế hoạch sẽ tới nơi ngày 18, sẽ giúp họ củng cố vững vàng hơn vị trí của mình. Bất chấp tổn thất nặng nề, hỗn loạn và trục trặc về liên lạc, những người lính của đạo quân đổ bộ vẫn hoàn toàn lạc quan. Nói gì thì nói, ngày Chủ nhật ra quân đã không đến nỗi nào.

Có một quãng đò hất lên bầu trời Arnhem trong khi chiếc xe lao hết tốc độ đưa thiếu tướng Heinz Harmel từ Berlin về tới gần thành phố. Căng thẳng và mệt mỏi sau cuộc hành trình dài, Harmel tới sở chỉ huy sư đoàn Frunsberg tại Ruurlo, chỉ để biết hiện sở chỉ huy của ông đã chuyển tới Velp, cách Arnhem chừng 3 dặm về hướng đông bắc. Tại đây, ông tìm thấy tham mưu trưởng của mình, trung tá Paetsch, trông có vẻ kiệt sức. "Cảm ơn Chúa là ngài đã quay về!"

Paetsch nói. Ông ta nhanh chóng báo cáo tóm tắt tình hình trong ngày cho Harmel cùng những lệnh nhận được từ tướng Bittrich. "Tôi lặng người," Harmel nhớ lại. "Mọi việc có vẻ hỗn độn và không rõ ràng. Tôi rất mệt, nhưng tình hình nghiêm trọng đến mức tôi gọi cho Bittrich và báo với ông ta rằng tôi sẽ tới gặp ông".

Bittrich cũng không ngủ. Harmel vừa xuất hiện, Bittrich lập tức bắt đầu tóm tắt tình hình. Bực bội và thất vọng, ông cúi xuống bàn đồ. "Lính dù Anh đã đổ bộ xuống đây, phía tây Arnhem," ông nói với Harmel. "Chúng ta không rõ sức mạnh thực sự cũng như ý đồ của chúng." Chỉ xuống Nijmegen và Eindhoven, viên quân đoàn trưởng nói, "Lực lượng đổ bộ của Mỹ đã chiếm giữ nhiều vị trí tại hai khu vực này. Đồng thời, lực lượng của Montgomery đã tấn công lên phía bắc từ kênh đào Meuse-Escaut. Tôi tin rằng mục tiêu là nhằm chia cắt lực lượng của ta. Theo quan điểm của tôi, mục tiêu của chúng là các cây cầu. Khi những cây cầu đã được kiểm soát, Montgomery có thể đánh thẳng vào trung tâm Hà Lan và từ đó, vào vùng Ruhr." Bittrich phẩy tay. "Model không đồng ý. Ông ta vẫn tin rằng sẽ có thêm lực lượng đổ bộ được thả xuống phía bắc sông Rhine, phía đông và tây Arnhem và tiến về Ruhr".

Sư đoàn Hohenstaufen của Harzer, Bittrich tiếp tục giải thích, đã được lệnh tấn công quân Anh ở phía tây và bắc Arnhem. Chỉ huy lực lượng vũ trang tại Hà Lan, tướng Christiansen, đã được lệnh điều động lực lượng của mình - một hỗn hợp gồm các tiểu đoàn huấn luyện và phòng vệ - đặt dưới quyền chỉ huy của trung tướng Hans von Tettau. Nhiệm vụ của họ là giúp sư đoàn Hohenstaufen ở hai bên

sườn nhằm đánh chiếm các khu đồ quân và đáp tàu lượn của quân Anh.

Sư đoàn Frunsberg, Bittrich tiếp tục, được giao phụ trách đối phó với mọi diễn biến ở đông Arnhem và kéo xuống phía nam tới Nijmegen. Dùng ngón tay khoanh lên bản đồ, Bittrich nói với Harmel, "Cây cầu tại Nijmegen cần được giữ bằng mọi giá. Bên cạnh đó cây cầu tại Arnhem và toàn bộ khu vực về phía nam tới Nijmegen là trách nhiệm của anh." Bittrich dừng lời và đi đi lại lại trong phòng. "Nhiệm vụ của anh," ông nói với Harmel, "đã bị làm cho khó khăn hơn. Harzer đã không bố trí đơn vị thiết giáp nào ở đầu cầu phía bắc tại Arnhem. Quân Anh hiện đã ở đó".

Càng nghe, Harmel càng giật mình nhận ra rằng khi cầu Arnhem bị quân Anh khống chế, sẽ không có cách nào đưa thiết giáp của ông ta vượt sông Rhine một cách nhanh chóng và hướng xuống Nijmegen. Cả sư đoàn của ông ta sẽ phải chuyển qua sông Rhine bằng một chiếc phà tại làng Pannerden, cách Arnhem 8 dặm về hướng đông nam.

Bittrich, lường trước được khó khăn này, đã ra lệnh bắt đầu chuyển quân bằng phà. Đó sẽ là một cuộc hành quân chậm chạp, đầy bất trắc và vòng vèo tới Nijmegen, và để chuyển toàn bộ xe, binh lính sẽ đòi hỏi toàn bộ nguồn lực của Harmel.

Khi rời sở chỉ huy của Bittrich, Harmel hỏi tư lệnh của mình, "Tại sao

không phá hủy cây cầu tại Nijmegen trước khi quá muộn?" Giọng Bittrich đầy mỉa mai. "Model đã thắng thừng bác bỏ ý kiến này. Chúng ta có thể cần đến cầu để phản công." Harmel ngó người ngạc nhiên. "Bằng cái gì?" ông hỏi.

Trong màn đêm, Harmel lại lên đường, hướng tới Pannerden. Các đơn vị của ông đã trên đường hành quân về phía bến phà, đường đông chật lính và xe cộ. Tại Pannerden, Harmel phát hiện ra nguyên nhân của tình trạng hỗn loạn ông đã thấy dọc đường. Xe quân sự kẹt cứng lại trên các con phố thành một nút tắc nghẽn giao thông khổng lồ. Tại bờ sông, những chiếc phà tự chế chậm chạp chở xe cộ qua sông. Từ tham mưu trưởng của mình, Harmel được biết một tiểu đoàn đã tới được bờ bên kia và đang trên đường tới Nijmegen. Một số xe tải và xe hạng nhẹ cũng đã qua sông. Thế nhưng tới lúc này, các xe thiết giáp hạng nặng vẫn chưa được đưa xuống phà. Theo ý kiến của Paetsch, các đơn vị thuộc sư đoàn Frunsberg của Harmel rất có thể sẽ chưa sẵn sàng chiến đấu ở khu vực Arnhem-Nijmegen cho tới tận ngày 24/9 nếu quá trình vận chuyển chậm chạp bằng phà không được đẩy nhanh.

Harmel chỉ thấy có một giải pháp cho tình thế này. Ông ta cần tái chiếm cây cầu Arnhem và khai thông đường xa lộ tới Nijmegen. Khi ngày đầu tiên của Market Garden, ngày 17/9, kết thúc, mọi sự chú ý của quân Đức đều tập trung cả vào một người cứng đầu cứng cổ, trung tá John Frost tại cầu Arnhem.

PHẦN IV - CUỘC BAO VÂY

Sương mù buổi sáng từ sông Rhine bốc lên bao trùm quanh cây cầu Arnhem và những ngôi nhà tối đen im lìm nằm quanh nó. Ngay gần đầu cầu phía bắc là Eusebius Buiten Singel - một đại lộ dài rất đẹp đánh dấu giới hạn của khu nội đô cổ kính - chạy dài tới những khu ngoại vi phía bắc và đông trước khi kết thúc tại Musis Sacrum, nhà hát rất được ưa thích của người Arnhem. Vào ngày thứ 2 18/9 này, trong màn ánh sáng mờ, thủ phủ cũ của vùng Gelderland có vẻ như bị bỏ hoang. Không có bất cứ tiếng động nào trên các con phố, khu vườn, quảng trường hay công viên.

Từ vị trí của họ xung quanh đầu cầu phía bắc, binh lính của trung tá Frost bắt đầu nhìn thấy lần đầu tiên toàn cảnh thành phố với những ngôi nhà và dinh thự chính: toà án, dinh hội đồng tỉnh, kho lưu trữ quốc gia, toà thị chính, bưu điện trung tâm, và một ga xe lửa nằm cách đó chưa đến 1 dặm về phía tây bắc. Gần hơn, nhà thờ thánh Eusebius, với chóp mái cao 305 bộ vươn lên nổi bật giữa lòng thành phố. Một vài người lính của Frost, thận trọng quan sát từ sau những khung cửa sổ vỡ nát và từ những hố cá nhân mới đào trên một vành đai gồm 18 ngôi nhà, nhận ra ngôi nhà thờ giờ đây là một mối đe dọa nguy hiểm. Lính bắn tỉa Đức đã chiếm lĩnh toà tháp nhà thờ trong đêm. Thận trọng ẩn nấp kín đáo, cũng như những người lính Anh, họ

căng thẳng chờ trời sáng hẳn.

Trận đánh tranh giành cây cầu đã diễn ra ác liệt suốt đêm. Một khoảng ngừng vào lúc nửa đêm đã không kéo dài. Khi giao tranh bùng phát trở lại, gần như mỗi người đều trực tiếp cận chiến. Hai lần trong đêm, người của Frost đã cố đánh sang đầu cầu phía nam, nhưng đều bị đánh bật trở lại. Trung úy John Grayburn, dẫn đầu cả hai đợt xung phong, đã bị thương nặng vào mặt, nhưng vẫn ở lại trên cầu chỉ huy việc rút tất cả người của mình về nơi an toàn (Grayburn đã hi sinh trong trận Arnhem. Ngày 20/09, anh đứng ngay trong tầm ngắm của một xe tăng địch để chỉ huy đơn vị rút lui về vành đai phòng ngự chính. Vì sự dũng cảm, khả năng chỉ huy và tinh thần trách nhiệm trong toàn trận đánh, anh đã được truy tặng huân chương quân sự cao quý nhất của Anh, chữ thập Victoria). Sau đó, những chiếc xe chở lính Đức cố vượt qua cầu chỉ để chịu hoả lực dữ dội của quân Anh. Dùng súng phun lửa, người của Frost đã đốt cháy xe địch. Lính từng thiết Đức bị thiêu sống hoặc gào thét nhảy xuống sông Rhine nằm phía dưới đến 100 bộ. Mùi cao su cháy khét lẹt cùng những cuộn khói đen đặc bốc lên từ những xác xe gây rất nhiều khó khăn cho những đội cứu thương của cả hai tiến hành tìm kiếm những người bị thương của phía mình còn lẫn trong những thi thể nằm ngổn ngang trên cầu. Hạ sĩ Harold Back, thuộc một đội như vậy, đang giúp mang thương binh xuống tầng hầm của một trong những căn nhà đang do người của Frost chiếm giữ. Trong bóng tối của căn hầm, anh ta nhìn thấy cái gì đó mà lúc đầu anh nghĩ là vài ngọn nến đang cháy. Thương binh nằm la liệt dưới sàn và bất chợt Back hiểu ra cái anh trông thấy là những mảnh lân tinh đang sáng lên trên cơ thể một số thương binh. Bị trúng mảnh trái phá phospho, những người này phát sáng trong bóng tối.

Không hiểu vì sao, vào lúc rạng sáng, trận đánh lại ngừng. Có vẻ

cả hai bên đều nghỉ lấy hơi. Bên kia đường, đối diện với sở chỉ huy tiểu đoàn của Frost, trong một phố ngách nằm ngay dưới gầm cầu, đại úy Eric Mackay lặng lẽ tìm hiểu những ngôi nhà mà đơn vị công binh nhỏ bé của anh cùng một số người lính thuộc các đơn vị khác đang chiếm lĩnh. Trong một cuộc giao chiến giáp lá cà đêm trước, Mackay đã chiếm được 2 trong số 4 ngôi nhà trong khu vực và lập điểm chỉ huy tại một trong hai ngôi nhà đó, một trường học xây bằng gạch. Quân Đức, không ngừng phản kích, đã bò qua bãi trống ném lựu đạn vào trong nhà. Đột nhập được vào trong, quân Đức đã đánh một trận giáp lá cà ác liệt gần như hoàn toàn câm lặng với quân Anh. Từ phòng này sang phòng khác, xuống cả tầng hầm, người của Mackay đánh bật quân địch bằng lưỡi lê và dao. Sau đó, dẫn theo một toán nhỏ, Mackay xông vào các bụi cây truy kích đám quân Đức đang rút lui. Một lần nữa, lại với lưỡi lê và lựu đạn, những người lính Anh đẩy lui kẻ địch. Mackay bị mảnh đạn văng vào chân, một viên đạn khác xuyên qua mũ sắt cào sát da đầu anh.

Lúc này, kiểm tra lại người của mình, Mackay phát hiện thấy nhiều người cũng bị thương như anh. Thêm vào đó, tình hình tiếp tế không được thuận lợi. Họ có sáu khẩu Bren, đạn, lựu đạn và một ít bộc phá. Nhưng Mackay không có vũ khí chống tăng, rất ít thức ăn, không có thuốc và y cụ, trừ morphin và băng sơ cứu. Hơn nữa, quân Đức đã cắt nguồn nước. Giờ đây, tất cả nước họ có là những gì còn lại trong biđông của mọi người.

Cho dù trận đánh trong đêm đã rất ác liệt, nhưng Mackay vẫn kiên cường. "Chúng tôi đã đánh rất cừ và tổn thất tương đối nhẹ, "anh nhớ

lại. "Bên cạnh đó, ngày đã tới, chúng tôi có thể nhìn thấy những gì cần làm và chúng tôi đã sẵn sàng." Tuy vậy, Mackay, cũng như Frost, không hề ảo tưởng. Trong hình thức tác chiến ác liệt nhất này - trong từng con phố, từng ngôi nhà, từng căn phòng - anh biết việc lực lượng Anh đang chiếm lĩnh đầu cầu bị tiêu diệt sẽ chỉ là vấn đề thời gian. Quân Đức hiển nhiên hy vọng sẽ nghiền nát đội quân nhỏ bé của Frost bằng ưu thế số lượng trong vài giờ. Trước những đợt tấn công tổng lực dữ dội như thế, điều duy nhất có thể giải nguy cho những người lính can trường đang chiếm giữ đầu cầu là việc quân đoàn 30 hoặc phần còn lại của lữ đoàn dù số 1, vẫn đang giao chiến để mở đường tiến vào thành phố, kịp đến nơi.

Đêm trước đã là một đêm kinh hoàng cho những người lính SS chiến đấu xung quanh cầu. Trung tá Harzer, có vẻ thoải mái vì đã chặn được các tiểu đoàn của Urquhart, đã đánh giá thấp cả số lượng lẫn chất lượng của những người lính đã tới được đầu cầu phía bắc. Harzer thậm chí còn không buồn ra lệnh đưa số khẩu pháo tự hành ít ỏi ông ta có tới chi viện cho cuộc tấn công. Thay vào đó, hết đơn vị này đến đơn vị khác lính SS được tung lên tấn công vị trí của người Anh ở những ngôi nhà xung quanh chân cầu. Những đơn vị thiện chiến này đã chạm phải một đối phương mà phần lớn trong số họ đều nhớ tới như là những người lính cừ nhất họ đã từng đối mặt.

Tiểu đội trưởng SS Alfred Ringsdorf, 21 tuổi, một lính cựu đã từng chiến đấu ở Nga, đang ở trên một đoàn tàu hướng tới Arnhem, nơi mà theo như anh ta được phổ biến, đơn vị của anh ta sẽ được củng cố lại. Nhà ga Arnhem vô cùng hỗn loạn khi Ringsdorf và đơn vị tới nơi.

Binh lính từ nhiều đơn vị được sáp nhập nháo nhào lại với nhau, sắp thành hàng và hành quân khỏi nhà ga. Đơn vị của Ringsdorf được lệnh lập tức tới trình diện tại một sở chỉ huy trong thành phố. Tại đó, một viên thiếu tá phối thuộc họ vào một đại đội thuộc trung đoàn tùng thiết số 21. Cả tiểu đội tới nơi không vũ khí, nhưng đến cuối buổi chiều ngày chủ nhật họ được cấp phát súng máy, súng trường, lựu đạn và vài khẩu Panzerfauste. Thắc mắc vì lượng đạn quá ít, họ được giải thích là tiếp tế đang trên đường đến. "Lúc đó," Ringsdorf kể, "tôi không biết chúng tôi sẽ chiến đấu ở đâu, trận đánh đang diễn ra tại nơi nào, và trước đó tôi chưa từng tới Arnhem".

Tại khu trung tâm thành phố, rõ ràng là nhiều trận ác chiến trên đường phố đã diễn ra. Lần đầu tiên Ringsdorf được biết lính dù Anh đã đổ bộ và chiếm giữ đầu phía bắc của cây cầu Arnhem. Có vẻ không ai biết quân số của lực lượng này. Tiểu đội của anh ta được tập hợp trong một nhà thờ và được phổ biến mệnh lệnh tác chiến. Họ có nhiệm vụ luồn vào các ngôi nhà nằm ở hai bên rầm cầu và đánh bật quân Anh ra. Ringsdorf hiểu kiểu tác chiến này ác liệt đến thế nào. Kinh nghiệm tại mặt trận Nga đã dạy anh ta. Tuy vậy, binh lính trong tiểu đội của anh này đều là các lính cựu sung sức. Họ nghĩ rằng trận đánh sẽ nhanh chóng.

Khắp nơi trong khu vực dẫn tới cầu, cả tiểu đội trông thấy những ngôi nhà hư hại nặng vì bom, và họ phải lần mò đi qua những đồng đổ nát. Khi tới gần vành đai phòng ngự mà người Anh đã thiết lập quanh đầu cầu phía bắc, họ gặp phải hỏa lực súng máy dữ dội. Bị ghìm xuống, cả tiểu đội không tài nào tới cách đầu cầu 600 yard. Một

viên trung úy yêu cầu một người tình nguyện băng qua quảng trường ném bộc phá vào ngôi nhà nơi có vẻ hỏa điểm của địch được bố trí. Ringsdorf xung phong. Dưới làn đạn bắn yểm trợ, anh ta băng qua quảng trường. "Tôi dừng lại nấp sau một gốc cây gần một cửa sổ tầng hầm nơi làn đạn đang bắn ra và liệng bộc phá vào trong. Rồi tôi chạy trở lại đơn vị mình". Nằm dãn xuống giữa các đồng đồ nát chò bộc phá nổ, Ringsdorf ngoái người nhìn lại phía sau đúng lúc một ngôi nhà cao nằm ở góc đường, trong đó đang có một số lính công binh Đức nấp, bất thành linh bị trúng một quả trái phá. Toàn bộ mặt tiền ngôi nhà đổ sập, chôn vùi tất cả những người bên trong. Ringsdorf chợt nghĩ nếu tiểu đội của anh ta nấp ở đó thì hẳn là cả tiểu đội đã bị xóa sổ. Cùng lúc, khối bộc phá anh ta đã liệng vào tầng hầm nổ tung ngay trên đường không xa chỗ anh ta đang nấp. Quân Anh đã ném nó ra.

Khi đêm đến nhiều đơn vị bắt đầu thâm nhập vào các ngôi nhà để đánh bật quân Anh ra. Mục tiêu của Ringsdorf là một tòa nhà lớn màu đỏ, mà anh ta được biết là một ngôi trường. Đang vận động hướng tới đó, tiểu đội của anh ta nhanh chóng bị một xạ thủ Anh đầy cảnh giác buộc phải dạt vào nấp trong một ngôi nhà gần cạnh. Đập vỡ cửa sổ, lính SS nổ súng bắn trả. Người Anh lập tức nấp vào ngôi nhà kế bên và một cuộc đấu súng cận chiến bắt đầu. "Lính Anh bắn rất chính xác," Ringsdorf nhớ lại. "Chúng tôi không tài nào ló mặt ra được. Chúng nhắm bắn vào đầu, và nhiều người bắt đầu ngã xuống ngay cạnh tôi, mỗi người với một lỗ to giữa trán".

Tổn thất tăng dần, quân Đức liền chĩa một khẩu Panzerfaust bắn

thăng vào ngôi nhà có lính Anh. Khi trái đạn nổ tung trong nhà, tiểu đội của Ringsdorf xung phong. "Trận đánh rất ác liệt," anh ta nhớ lại. "Chúng tôi đẩy lùi họ từ phòng này sang phòng khác, dành giết từng thước, chịu tổn thất nặng nề". Giữa trận hỗn chiến, viên tiểu đội trưởng trẻ được gọi tới gặp tiểu đoàn trưởng của mình; anh ta được lệnh phải đánh bật quân Anh ra bằng mọi giá. Quay về đơn vị, Ringsdorf ra lệnh cho tiểu đội của mình tiến lên, ném lựu đạn tới tấp để quân Anh liên tục bị tấn công. "Chỉ bằng cách này, " Ringsdorf nói, " chúng tôi mới có thể tiến lên và tiếp tục tấn công được". Nhưng tất nhiên là khi từ Đức tới tôi không lường trước được việc bất ngờ phải tham gia một trận đánh dữ dội trong khu vực chật hẹp như vậy. Nó còn ác liệt hơn bất cứ trận nào tôi đã từng tham chiến tại Nga. Đó là một trận đánh liên tục không nghỉ, giáp lá cà. Người Anh ở khắp nơi. Các đường phố phần lớn đều hẹp, đôi khi không quá 15 bộ, và hai bên tham chiến bắn vào nhau từ khoảng cách chỉ vài yard. Chúng tôi phải chiến đấu để nhích lên từng phân, không chế từng căn phòng. Thật là địa ngục!"

Thận trọng tiếp cận một ngôi nhà, Ringsdorf thoáng nhìn thấy một chiếc mũ sắt Anh bọc ngụy trang chột ló ra khỏi một cửa tầng hầm. Giơ tay lên định ném lựu đạn, anh ta chợt nghe thấy tiếng thì thầm và những tiếng rên rỉ. Ringsdorf không ném quả lựu đạn đi. Anh ta lặng lẽ bước xuống cầu thang dẫn xuống hầm, rồi hô lớn, "Giơ tay lên". Mệnh lệnh này hoàn toàn không cần thiết. Theo lời Ringsdorf kể lại, "trước mắt tôi là một cảnh ghê sợ. Căn hầm không khác gì một lò sát sinh chật ních lính Anh bị thương". Ringsdorf nói chậm rãi, biết rằng những người Anh không hiểu được những lời anh nói, nhưng có thể

đoán ra ý định của anh. "OK", anh ta nói với những người bị thương. "Tất cả sẽ ổn thôi". Anh ta gọi quân y tới, tập hợp các tù binh lại, yêu cầu các tù binh Anh lùi về phía tuyến sau để được chăm sóc.

Khi các tù binh được đưa khỏi căn hầm, Ringsdorf bắt đầu khám xét một tù binh bị thương còn tự đi được. Anh kinh ngạc khi thấy người này kêu khẽ rồi gục xuống chết dưới chân mình. "Đó là một viên đạn định dành cho tôi," Ringsdorf kể lại. "Người Anh muốn bảo vệ người của họ. Họ không biết chúng tôi đang cố cứu thương binh của họ. Trong giây lát, tôi cứng đờ người ra. Rồi tôi toát mồ hôi lạnh và cầm đầu chạy."

Trong lúc người Anh kiên cường bám trụ xung quanh ngôi trường, Ringsdorf hiểu rằng cả đơn vị thiện chiến của anh cũng không đủ mạnh để khiến đối phương đầu hàng. Rạng sáng ngày thứ hai, anh cùng tiểu đội đã tổn thất nặng rút lui về Eusebius Buiten Singel. Gặp một chỉ huy pháo binh, Ringsdorf nói với ông ta "cách duy nhất để lôi đám người Anh đó ra là đánh sập những ngôi nhà đó, dỡ tung từng viên gạch ra. Tin tôi đi, đó là những tay đàn ông thực sự. Chúng sẽ không chịu từ bỏ cây cầu cho đến khi chúng ta phải lôi xác chúng ra đến tận cuối cùng".

Thượng sĩ nhất Emil Petersen cũng có đủ lý do để kết luận tương tự như vậy. Anh này được xếp vào lực lượng công binh, và khi nước Đức trở nên thiếu nhân lực trầm trọng, Petersen và trung đội 35 người của mình đã được điều động sang một đơn vị phòng không, rồi sang bộ binh. Họ đã phải tham dự vào toàn bộ cuộc tháo chạy từ

Pháp về.

Vào chiều chủ nhật, đang đợi tại nhà ga Arnhem để lên tàu về Đức, nơi họ sẽ được tổ chức lại, trung đội của Petersen được điều động và nhận lệnh từ một viên trung úy phải tham gia đánh trả lực lượng đổ bộ Anh vừa đổ xuống thành phố. "Đơn vị chúng tôi tập trung vào gồm 250 người," Petersen nhớ lại. "Không ai có bất cứ thứ vũ khí gì. Chỉ có tôi và bốn người nữa có tiểu liên".

Người của Petersen đã kiệt sức. Họ chưa có gì vào bụng suốt 24 giờ qua, và viên thượng sĩ có nhớ lúc đó đã nghĩ giá tàu đến đúng giờ thì trung đội của anh ta đã được ăn uống, tránh được trận đánh và về tới Đức.

Tại một doanh trại SS, họ được phát vũ khí. "Tình hình thật bi hài," Petersen kể. "Thứ nhất, chẳng ai trong chúng tôi thích đánh bên cạnh đám Waffen SS. Đám này có tiếng là không biết thương xót là gì. Vũ khí họ phát cho chúng tôi là những khẩu súng trường cũ kỹ. Để mở quy lát khẩu của tôi, tôi đã phải đập nó vào một cái bàn. Tinh thần những người dưới quyền tôi khó mà gọi là cao khi họ cũng nhận được những thứ cồ lỗ tương tự".

Cũng mất một thời gian để làm quen với các khẩu súng, và tới lúc đó, đơn vị của họ vẫn chưa nhận được bất cứ lệnh nào. Có vẻ chẳng ai biết chuyện gì đang xảy ra và họ sẽ bị điều đi đâu.

Cuối cùng, lúc chập tối, họ hành quân tới trụ sở bộ tư lệnh thành phố.

Tới nơi, họ thấy tòa nhà vắng tanh. Một lần nữa, tất cả lại đợi. "Tất cả những gì chúng tôi nghĩ tới là thức ăn", Petersen kể. Cuối cùng, một thiếu úy SS tới nói họ cần vượt qua trung tâm thành phố tới cây cầu trên sông Rhine.

Cả đơn vị tiến theo từng trung đội theo Markt Street hướng tới sông Rhine. Trong bóng đêm họ không nhìn thấy gì; nhưng, Petersen nhớ lại, "chúng tôi đều cảm thấy có chuyển động xung quanh mình. Thỉnh thoảng chúng tôi lại nghe tiếng súng nổ từ xa vọng lại và tiếng động cơ xe cộ. Một hay hai lần tôi nghĩ đã trông thấy thấp thoáng hình dạng của một chiếc mũ sắt".

Còn cách cầu chưa đầy 300 yard nữa, Petersen nhận ra họ đang đi qua những hàng lính khác và anh ta đoán có lẽ đơn vị mình đến thay thế những người này. Thế rồi một trong số những người lính nọ nói gì đó mà Petersen không hiểu. Bất thần Petersen nhận ra người nọ nói tiếng Anh. "Chúng tôi đang đi bên cạnh một đơn vị lính Anh cũng đang hướng tới cầu như chúng tôi". Bất thần tất cả đều nhận ra sự nhầm lẫn. Một giọng Anh hét lớn, "Chúng là Jerry!" Petersen nhớ anh ta đã hô, "Bắn!"

Chỉ trong giây lát cả con phố vang rền tiếng súng máy và súng trường khi hai bên đánh giáp lá cà. Một loạt đạn chỉ chệch Petersen có vài phân, xuyên qua ba lô. Lực của luồng đạn hất anh ta ngã xuống đất. Anh ta nhanh chóng bò lại nấp sau một đồng đội đã chết.

"Nhìn về phía nào cũng có thể thấy những người lính đang bắn loạn

xạ, thậm chí bắn nhầm cả bên mình," Petersen nhớ lại. Anh ta chậm chạp bò lên phía trước. Anh ta đến bên hàng rào sắt bao quanh một công viên nhỏ và trèo qua hàng rào. Tại đó, anh này tìm thấy phần lớn những người sống sót của các trung đội Đức đang nấp rải rác sau những lùm cây. Quân Anh đã rút về một cụm nhà nằm bao lấy hai bên công viên, và quân Đức nằm ở giữa bị kẹt giữa hai làn đạn chéo cánh sẻ. "Quân Anh bắn pháo sáng chính xác xuống vị trí của chúng tôi và chia cắt chúng tôi ra. Mười lăm người trong trung đội của tôi đã chết chỉ sau chưa tới 5 phút".

Đến tảng sáng quân Anh ngừng bắn. Quân Đức cũng vậy. Trong ánh bình minh, Petersen nhận thấy trong số 250 người lúc lên đường đi tới cầu, quá nửa đã chết hoặc bị thương. "Chúng tôi không bao giờ tới được đầu cầu. Chúng tôi chỉ đơn giản là nằm chết gí ở đó chịu trận, chẳng được sự hỗ trợ nào từ đám SS kênh kiệu, cũng chẳng được khẩu pháo tự hành nào yểm trợ". Đó," Petersen nói, "là màn chào mừng chúng tôi tới với trận Arnheim. Với chúng tôi, đó không gì khác hơn một cuộc tàn sát".

Từng giờ trôi qua, binh lính thuộc hai tiểu đoàn lạc đường của lữ đoàn đổ bộ số 1 đã tìm cách này hay cách khác tới được cầu. Họ đã thành công, theo từng toán vài ba người, vượt qua vành đai phòng ngự của trung tá Harzer theo hướng bắc và hướng tây. Rất nhiều người trong số họ bị thương, đói lả và lạnh cóng. Họ có lẽ sẽ làm tăng khó khăn về hậu cần và quân y cho nhóm của trung tá Frost. Nhưng vào lúc này, những con người tả tơi đó đều rất hăng hái và lạc quan, bất chấp sự mệt mỏi và những vết thương. Họ đã tới nơi mà những sĩ

quan vạch kế hoạch ở tí nước Anh xa xôi và chỉ huy trực tiếp của họ đã lệnh cho họ đến. Họ tới từ tất cả các đơn vị đã lên đường đầy tự tin tới cầu Arnheim vào chiều hôm trước, và cho tới rạng sáng ngày 18, Frost ước lượng trong tay mình có khoảng 600 đến 700 người tại đầu cầu phía bắc. Nhưng mỗi giờ trôi qua mang thêm người cho họ cũng làm tăng lên tiếng động cơ khi các phương tiện cơ giới thuộc các đơn vị thiết giáp của tướng Harmel tiến vào thành phố triển khai chiếm lĩnh vị trí.

Ngay cả lực lượng thiết giáp Đức cũng phát hiện ra Arnheim là một nơi đáng sợ đầy nguy hiểm. Trên nhiều tuyến đường nội đô, dân thường Hà Lan đã chặn các phố. Bất chấp đạn của quân Đức và quân Anh, những người đàn ông và cả phụ nữ sống tại các khu vực giao tranh đã bắt đầu thu dọn thi thể người chết - lính Anh, lính Đức, và cả đồng bào của họ. Thượng sĩ Reginald Isherwood, thuộc tiểu đoàn 1, cuối cùng cũng tới được trung tâm Arnheim lúc hừng sáng, sau cả đêm mò mẫm trên những con đường đầy bất trắc. Tại đó anh ta "trông thấy một cảnh sẽ còn đi theo tôi tới tận cuối đời". Những người dân Hà Lan, chui ra từ các tầng trệt, tầng hầm, từ các khu vườn và từ những ngôi nhà đổ nát, đang thu nhặt những người chết. "Họ mang những người bị thương tới những trạm cứu thương tạm thời và những nơi trú ẩn dưới tầng hầm," Isherwood nhớ lại, "nhưng thi thể của những người đã chết được xếp như những bao cát thành từng dãy dài, đầu và chân lần lượt quay về hai phía". Những công dân kiêu hãnh và đau khổ của Arnheim đã đặt những người đồng ngũ và những kẻ thù ngay cạnh nhau ngang qua phố thành những bức chướng ngại bằng xác người cao tới năm hay sáu bộ để ngăn không

cho xe tăng Đức tiếp cận người của Frost tại cầu.

Với những cư dân khu nội đô, trời sáng cũng không giúp họ thoát khỏi sự hỗn loạn và kinh hoàng. Các đám cháy không được kiểm soát và lan rộng nhanh chóng. Chen chúc dưới các hầm nhà và tầng trệt, hầu như không ai ngủ được. Buổi đêm đã bị phá vỡ liên tục bởi tiếng đạn đại bác nổ, tiếng súng cối, tiếng nổ của những khẩu súng bắn tia và tiếng súng máy nổ rền từng tràng. Thật lạ, ngoài khu phố cổ của thành phố, những người dân Arnhem vẫn chưa biết rõ chuyện gì xảy ra và hoàn toàn lúng túng. Họ gọi điện thoại cho bạn bè sống ở khu nội đô để biết thông tin, chỉ để được ông chủ nhà đang kinh hãi cho hay một trận đánh dữ dội đang diễn ra tại đầu phía bắc cây cầu, nơi người Anh đang chống lại những đợt tấn công liên tiếp của quân Đức. Theo như người trả lời điện thoại thì lính Đức và xe thiết giáp đang tiến vào thành phố từ mọi hướng. Nhưng niềm tin của người Hà Lan vẫn không lay chuyển. Họ tin rằng giờ giải phóng bởi quân Anh và quân Mỹ đã gần kề. Ở những khu bên ngoài nội thành, dân cư vẫn chuẩn bị làm việc như bình thường. Hàng bánh mì mở cửa, những người giao sữa vẫn giao hàng, nhân viên tổng đài điện thoại, nhân viên hỏa xa, công nhân - tất cả đều tới nơi làm việc của mình. Các công chức chuẩn bị tới công sở, lính cứu hỏa vẫn tiếp tục cố gắng chống chọi với số nhà cháy mỗi lúc một tăng, và vài dặm về phía bắc Arnhem, bác sĩ Reiner van Hooff, giám đốc vườn bách thú Burgens, vẫn chăm sóc những con thú nuôi đang bứt rứt hết hoảng của ông.* Có lẽ những người Hà Lan duy nhất biết được mức độ của trận đánh là các bác sĩ và y tá, những người đã không ngừng nhận được thêm yêu cầu trong suốt đêm. Xe cứu thương lao qua thành phố, thu thập

những người bị thương và chở họ tới bệnh viện St Elisabeth ở ngoại ô phía tây bắc và tới các cơ sở y tế nhỏ hơn khác trong thành phố. Chưa có ai tại Arnhem kịp nhận ra thành phố của họ đã trở thành vùng đất chết và tình hình đang ngày càng xấu đi. Arnhem, một trong những địa điểm đẹp nhất Hà Lan, chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành một Stalingrad thu nhỏ.

Tuy thế, ngay từ đầu những người Hà Lan sống ở khu phố cổ đã ý thức được sự giải phóng sẽ không tới dễ dàng. Vào giữa đêm, tại đồn cảnh sát tại Eusebiusplein, cách cây cầu gần 1/4 dặm, viên thượng sĩ 27 tuổi Joannes van Kuijk nghe tiếng gõ cửa khẽ. Mở cửa, anh ta thấy lính Anh đứng bên ngoài. Van Kuijk lập tức mời họ vào. "Họ muốn tôi trả lời đủ thứ câu hỏi về vị trí của các tòa nhà và các điểm làm mốc", anh nhớ lại. "Rồi một số người trong số họ ra ngoài và bắt đầu đào hố cá nhân dọc theo con đường theo hướng tới cầu - tất cả đều được thực hiện yên lặng nhất có thể được". Phía trước ngôi nhà của một bác sĩ cạnh đó, van Kuijk quan sát trong khi người Anh bố trí một khẩu đội cối rồi đặt một khẩu pháo chống tăng ở góc vườn nhà ông bác sĩ. Đến tảng sáng, van Kuijk thấy người Anh đã thiết lập được một vành đai chặt chẽ quanh đầu cầu phía bắc. Theo anh, những người này giống những người đang chuẩn bị cố thủ một mất một còn hơn là những người giải phóng.

Ở rìa bên kia Eusebius Buiten Singel, đường đại lộ lộng gió với những thảm cỏ xen gọn gàng viên hai bên chạy sát cây cầu, Coenraad Hullemann, một người môi giới lao động đang sống cùng vợ hôn thê, Truid van der Sande, và cha mẹ cô trong ngôi biệt thự của họ, đã thức

cả đêm nghe tiếng súng và tiếng nổ xung quanh ngôi trường bên kia đường, nơi đơn vị của đại úy Mackay đang giao chiến với quân Đức. Vì mức độ ác liệt của trận đánh, gia đình Van der Sandes và Hullemann đã chui xuống trú ẩn dưới một căn hầm nhỏ không cửa sổ nằm dưới sàn ở phần giữa ngôi nhà.

Lúc này, khi trời đã rạng, Hullemann cùng bố vợ tương lai thận trọng leo lên lầu hai nhìn ra đại lộ. Tại đó, họ kinh ngạc nhìn chăm chăm xuống phía dưới. Một lính Đức nằm chết giữa những luống hoa bên đường, và khắp nơi trên các thảm cỏ họ thấy lính Đức nấp dưới hố cá nhân vừa đào. Nhìn dọc con đường về phía phải, Hullemann thấy vài chiếc xe thiết giáp Đức đậu sau một bức tường gạch cao chờ đợi. Ngay trong lúc hai người đang quan sát, một trận đánh nữa lại bùng lên. Súng máy trên xe thiết giáp bất thần bắn vào những ngọn tháp của nhà thờ Walburg gần đó, và Hullemann trông thấy một đám bụi đỏ bốc lên. Anh chỉ có thể đoán những người lính dù đang chiếm lĩnh vị trí quan sát trong nhà thờ. Gần như ngay lập tức loạt đạn từ các xe tăng được đáp trả, và lính Đức trong các hố cá nhân nã tiểu liên và súng máy vào các ngôi nhà bên kia đường. Một trong số đó là một hiệu bán quần áo và trong cửa kính có bày các hiệp sĩ mặc áo giáp. Trong lúc Hullemann nhìn theo, những viên đạn bắn vỡ tan khung cửa bày hàng và bắn đổ những hình hiệp sĩ. Ứa nước mắt, Hullemann quay đi. Anh hy vọng cảnh tượng đó không phải là lời tiên tri cho những gì sắp tới.

Cách đó vài khối nhà về phía bắc, trong một căn nhà gần nhà hát giao hưởng, Willem Onck bị đánh thức lúc tờ mờ sáng bởi tiếng binh lính

vận động trên đường. Có ai đó đấm cửa và một giọng Đức yêu cầu Onck và gia đình ở yên trong nhà và khóa trái cửa lại. Onck không tuân theo lập tức. Chạy tới cửa sổ phía trước, anh trong thấy quân Đức mang súng máy bố trí ở khắp các góc phố. Trước mặt nhà hát là một khẩu đội 88 mm, và Onck ngỡ ngàng nhận ra lính Đức ngồi ngay cạnh khẩu pháo trên những chiếc ghế dành cho dàn nhạc mà họ đã vác ra ngoài. Theo dõi đám này thận trọng thì thầm với nhau, Onck nghĩ đám lính trông như thể những khán giả đang chờ buổi hòa nhạc bắt đầu.

Những người bức bối và thất vọng nhất trong số cư dân của khu vực chiến sự là các thành viên của lực lượng kháng chiến ngầm. Một số đã gần như lập tức liên lạc với người Anh tại cầu, nhưng sự giúp đỡ của họ đã bị lịch sự từ chối. Trước đó, chỉ huy lực lượng kháng chiến tại Arnhem, Pieter Kruyff, đã cử Toon van Daalen và Gijsbert Numan tới Oosterbeek để bắt liên lạc với quân Anh. Họ cũng bị trả lời rằng sự giúp đỡ của họ là không cần thiết. Numan nhớ anh đã cảnh báo quân Anh về những tên bắn tỉa phục kích trong khu vực và khuyên họ nên tránh các trục đường chính. "Một người trong bọn họ bảo tôi họ chỉ nhận được lệnh tiến tới cầu, và họ sẽ đi theo những tuyến đường được chỉ định," Numan kể lại. "Tôi có cảm tưởng họ e ngại những kẻ mạo danh và đơn giản là không hề tin chúng tôi".

Lúc này, khi trời đã rạng, Johannus Penseel chủ trì một cuộc họp với những công nhân tham gia lực lượng kháng chiến của mình. Penseel có kế hoạch chiếm một đài phát thanh địa phương và phát đi thông báo rằng thành phố đã được giải phóng. Một cú điện thoại do

Numan gọi tới làm ông thay đổi ý định. "Mọi việc rất tệ," Numan báo cáo. "Tình hình rất nguy kịch, và tôi nghĩ mọi việc sắp hỏng cả". Penseel giật mình. "Anh muốn nói gì?" ông hỏi. Numan lúc đó đang ở gần bệnh viện St Elisabeth. Người Anh đã nhận ra không thể nào đột phá qua phòng tuyến Đức tiến tới cầu được, anh nói. Penseel lập tức gọi cho Pieter Kruijff, ông này khuyên nhóm của họ đình chỉ mọi kế hoạch hành động. -"Một thái độ trung lập tạm thời", như Henri Knap, một người tham gia cuộc họp, nhớ lại. Nhưng bao nhiêu hy vọng bấy lâu nay của những người kháng chiến đã sụp đổ. "Chúng tôi đã chuẩn bị làm bất cứ việc gì," Penseel nhớ lại, "kể cả hy sinh tính mạng nếu cần. Thay vào đó, chúng tôi ngồi im bất lực và cũng chẳng được ai cần tới. Lúc đó đã rõ là người Anh chẳng tin mà cũng không muốn sử dụng chúng tôi".

Thật trớ trêu, vào những giờ đầu tiên của ngày thứ Hai 18/9, khi mà cả SHAEF, Monty lẫn các tư lệnh chiến trường của Market Garden đều chưa ai có được một bức tranh rõ ràng về tình hình, các thành viên lực lượng kháng chiến ngầm Hà Lan đã gửi một báo cáo qua đường dây điện thoại mật cho sĩ quan liên lạc Hà Lan của sư đoàn 82, đại úy Arie Bestebreurtje, cho biết quân Anh đang bị núng thế trước các sư đoàn panzer tại Arnhem. Tại sổ ghi điện báo của sư đoàn 82, thông báo này được ghi: "Phía Hà Lan thông báo quân Đức đang đánh bại quân Anh tại Arnhem". Trong lúc không có bất cứ liên lạc trực tiếp nào từ khu vực chiến sự tại Arnhem, bức điện này trên thực tế là dấu hiệu đầu tiên Bộ chỉ huy tối cao Đồng minh nhận được về tình hình khó khăn của sư đoàn đổ bộ Anh số 1.

Tại bến phà của ngôi làng nhỏ Driel, cách cây cầu Arnhem 7 dặm về phía tây nam, Pieter, người lái phà, chuẩn bị cho chuyến qua sông Rhine hạ đầu tiên trong ngày của mình. Những khách hàng sớm, những người làm việc tại các thành phố và làng bên bờ bắc, đứng thành nhóm nhỏ co ro trong sương mù buổi sáng. Pieter không tham gia vào câu chuyện của các hành khách về cuộc giao tranh đang diễn ra ở phía tây Arnhem và cả trong thành phố. Ông để cả tâm trí vào việc vận hành chiếc phà cũng như thời gian biểu hàng ngày mà ông phải duy trì, như ông đã làm bao năm qua.

Vài chiếc xe hơi, vài chiếc xe tải chở nông sản tới các cửa hàng và chợ phía bắc, được đưa lên phà đầu tiên. Sau đó những người đàn ông và phụ nữ dắt xe đạp lên phà. Vào đúng 7 giờ sáng Pieter cho phà rời bến, nhẹ nhàng qua sông theo những đường cáp. Chuyển qua sông chỉ mất có vài phút. Cáp bờ ngay phía dưới ngôi làng Heveadorp ở bờ bắc, hành khách và xe lên bờ. Phía trên họ, Westerbouwing, một ngọn đồi cao chừng 100 bộ, bao quát cả một vùng đồng quê. Tới bờ bắc, phần lớn khách sang sông đi theo những con đường hướng về phía đông tới Oosterbeek, nơi có ngọn tháp nhà thờ xây từ thế kỷ 10 nhô cao lên trên những dải rừng sồi và trảng cây thấp. Phía sau là Arnhem.

Những hành khách khác chờ đến lượt về Driel. Tới nơi, Pieter lại đưa một chuyến khách nữa qua bờ bắc. Một trong số đó là cô gái trẻ Cora Baltussen. Chỉ 2 tuần trước, hôm 5/9, ngày luôn được nhớ tới với cái tên Ngày thứ ba Đilen khủng, cô đã chứng kiến cuộc tháo chạy hoảng

loạn của quân Đức. Tại Driel, những kẻ xâm lược đã không quay trở lại. Lần đầu tiên sau bao nhiêu tháng, Cora cảm thấy tự do. Lúc này, một lần nữa, cô lại lo lắng. Niềm vui khi nghe tin quân dù đổ bộ xuống ngày hôm trước đã giảm đi nhiều trước những tin đồn về giao tranh ác liệt tại Arnhem. Tuy thế, Cora không thể tin rằng quân Đức có thể thắng được lực lượng Đồng Minh hùng mạnh đã tới để giải phóng quê hương cô.

Lên bến Heveadorp bên bờ bắc, Cora dắt xe đạp khỏi phà và đạp xe tới Oosterbeek và cửa hàng bánh mì của thị trấn. Cô đã đổi khẩu phần đường cho cửa hàng bánh nhân một dịp đặc biệt. Ngày thứ Hai 18/9, xưởng của nhà Baltussen kỷ niệm 75 năm hoạt động và đây cũng là sinh nhật thứ 62 của mẹ Cora. Lần đầu tiên từ nhiều tháng nay cả gia đình được đoàn tụ. Cora đi sớm đến Oosterbeek để lấy chiếc bánh có ghi cả ngày kỷ niệm thành lập xưởng và sinh nhật bà Baltussen.

Bạn bè đã khuyên Cora đừng đi. Cora từ chối nghe theo. "Cái gì có thể xảy ra chứ?" cô hỏi một người bạn. "Người Anh đã ở Oosterbeek và Arnhem. Chiến tranh gần như kết thúc rồi."

Chuyến đi của cô hoàn toàn bình yên. Vào đầu buổi sáng này Oosterbeek có vẻ yên lặng. Có lính Anh trên các đường phố, các cửa hàng mở cửa, không khí như ngày hội. Cho tới lúc này, cho dù có thể nghe thấy tiếng súng vọng lại từ cách đó chỉ vài dặm, Oosterbeek vẫn tĩnh lặng, chưa bị trận đánh chạm tới. Cho dù chiếc bánh đã xong, người làm bánh vẫn ngõ ngàng khi thấy cô khách hàng tới. "Chiến

tranh hầu như chấm dứt rồi," cô nói với ông chủ hàng. Mang theo món đồ của mình, cô gái đạp xe trở lại Heveadorp và đợi tới khi Pieter đưa phà sang. Tới bờ nam, cô quay trở lại bầu không khí yên bình của ngôi làng Driel nhỏ bé, nơi, cũng như mọi khi, không có gì bất thường xảy ra.

Tại các khu đổ quân và đáp tàu lượn của quân Anh, người sĩ quan được giao nhiệm vụ có lẽ là kém vinh quang nhất đang thực hiện nó với năng lực vốn có của mình. Suốt đêm lũ đoàn đổ bộ số 1 của thượng tá Philip "Pip" Hicks đã đẩy lui một loạt đợt tấn công của quân địch khi những đơn vị hỗ lớn của Von Tettau quấy rối họ. Binh lính của Hick đào công sự bao quanh vành đai phòng ngự để đợi đợt đổ quân dự kiến vào lúc 10 giờ sáng của lũ đoàn dù số 4 của thượng tá Shan Hackett, cùng các đợt tiếp tế sẽ tới sau đó. Khu vực do Hicks bảo vệ cũng chính là nguồn tiếp tế cho lực lượng đổ bộ Anh.

Không ai trong đơn vị của Hicks chớp mắt được hơn một hai tiếng đồng hồ. Quân Đức, tấn công từ các vạt rừng, đã đốt rừng ở nhiều nơi với hy vọng sẽ hun được lực lượng phòng thủ Anh ra. Những con quỷ đỏ đã trả lời đích đáng. Luồn ra phía sau quân địch, họ xung phong bằng lưới lê và đẩy quân Đức vào chính những đám lửa chúng đã đốt lên. Hiệu thính viên Graham Marples vẫn còn nhớ như in những cuộc giao chiến dữ dội trong đêm. Anh cùng vài người nữa gặp những thi thể của một trung đội Anh đã bị hạ đến người cuối cùng. "Không ai nói gì cả," Marples nhớ lại. "Chúng tôi chỉ giương lê và xông thẳng vào vạt rừng. Chúng tôi ra khỏi đó, nhưng bọn Jerry thì không". Binh nhì Robert Edward, đã từng tham chiến ở Bắc Phi,

Sicily và Italy, nhớ lại "tôi đã trải qua tất cả những trận đó hầu như không hề hấn gì, nhưng chỉ trong một ngày ở Hà Lan tôi đã phải chiến đấu nhiều hơn tất cả trước đó gộp lại".

Cuộc chiến không ngừng nghỉ tiếp tục. Nhiều lần trong đêm, Hicks đã gọi trung tá W.F.K. "Sheriff" Thomson yêu cầu pháo binh yểm trợ để đẩy lùi những đợt tấn công dai dẳng của quân địch. Nỗi lo lắng thật sự của ông là lực lượng thiết giáp Đức, mà ông biết đang kìm chân các tiểu đoàn tiến công chiếm cầu, có thể sẽ chọc thủng phòng tuyến mỏng manh của ông và đẩy bật ông khỏi các khu đổ quân và bãi đáp tàu lượn. "Tôi đã trải qua những giờ tệ hại nhất trong đời mình," Hicks nhớ lại. "Hai điều đã rõ: cho dù chúng tôi không biết vào lúc đó, chúng tôi đã nhảy gần như ngay xuống đầu 2 sư đoàn panzer – những đơn vị đáng ra không có mặt ở đây – và quân Đức đã đáp trả với tốc độ đáng kinh ngạc". Bị tấn công từ phía tây bởi lực lượng của Von Tettau và từ phía đông bởi thiết giáp của Harzer, những người lính dù trang bị nhẹ của Hicks không có lựa chọn nào ngoài việc chống giữ cho đến khi được giải tỏa, hoặc cho tới khi tăng viện và tiếp tế được đáp xuống an toàn.

Đại tá Charles Mackenzie, tham mưu trưởng của tướng Urquhart, đã trải qua cả đêm tại khu đáp tàu lượn tại vạt rừng Renkum, cách sở chỉ huy của Hicks chừng ba dặm. Giao chiến dữ dội đã buộc sư đoàn phải rời khỏi rừng di chuyển trở lại cánh đồng. Tại đây các thành viên sở chỉ huy trải qua phần còn lại của buổi tối trong các tàu lượn. Mackenzie lo lắng khi không có liên lạc gì từ Urquhart. "Trong hơn 9 giờ đồng hồ, chúng tôi không có tin tức gì của tư lệnh", ông nhớ lại.

“Tôi cho rằng ông đang ở cùng lữ đoàn 1 của Lathbury, nhưng liên lạc không hoạt động và chúng tôi không nhận được gì từ cả hai người. Tôi biết sẽ cần sớm quyết định về quyền chỉ huy sư đoàn. Luôn có khả năng Urquhart đã bị bắt hay hy sinh”.

Sáng sớm thứ Hai, vẫn không có tin tức gì, Mackenzie quyết định trao đổi với hai sĩ quan ham mưu cao cấp, trung tá R.G. Loder-Symonds và trung tá P.H.Preston. Mackenzie nói cho họ biết về cuộc trao đổi giữa ông và Urquhart trước khi rời Anh: thứ tự thay thế nắm quyền chỉ huy, trong trường hợp có chuyện xảy ra với Urquhart, sẽ là Lathbury, Hicks, rồi tới Hackett. Giờ đây, cả Lathbury cũng vắng mặt, Mackenzie nghĩ cần liên lạc với thượng tá Hicks. Các sĩ quan khác cũng đồng ý. Họ lập tức lái xe tới sở chỉ huy của Hicks. Tại đó, trong một ngôi nhà gần tuyến đường Heelsum-Arnhem, Mackenzie báo với Hicks những gì ông biết. “Chúng tôi có một báo cáo mơ hồ là Frost đã chiếm được cầu, nhưng tiểu đoàn 1 và 3 đang mắc kẹt trong các cuộc giao chiến trên đường phố và chưa thể tới tăng viện cho ông ta được”, Mackenzie nhớ lại.

Hướng hành động tốt nhất lúc này, Mackenzie tin tưởng, là Hicks cần tách ra 1 tiểu đoàn đổ bộ của ông và điều tới cây cầu. Đơn vị này sau đó sẽ có thể được tăng cường bằng các đơn vị thuộc lữ đoàn nhảy dù số 4 của Hackett khi chúng tới nơi vào cuối buổi sáng. Đồng thời, Hicks được yêu cầu lập tức nắm lấy quyền chỉ huy sư đoàn.

Hicks có vẻ ngạc nhiên. Lực lượng của ông lúc này cũng đã không đủ người và ông không thể có được 1 tiểu đoàn đủ để phái tới cầu. Có vẻ

kế hoạch tác chiến của người Anh đang trực trặc. Nếu Frost không được lập tức tiếp viện, cây cầu có thể bị mất; và nếu các khu đổ quân bị mất, lữ đoàn 4 của Hackett có thể bị tiêu diệt thậm chí trước khi kịp tập hợp.

Thêm nữa, có vẻ có một sự thừa nhận rằng Hicks đang được yêu cầu nắm quyền chỉ huy một sư đoàn đã trên đã tan rã vì mất hoàn toàn liên lạc và sự vắng mặt của người chỉ huy trưởng. Một cách miễn cưỡng, Hicks tách ra nửa tiểu đoàn – tất cả lực lượng ông có thể thu xếp được – để bảo vệ cầu* (CT: Ông ta lệnh cho một nửa tiểu đoàn South Stafford tiến về Arnhem. Nửa còn lại chỉ có thể tiến quân được khi đợt đổ quân thứ ba tới nơi, khi đó, được tăng cường thêm lực lượng tiền trạm của tiểu đoàn 11 của Hackett, những đơn vị này sẽ cùng lên đường). Hiển nhiên, đó là quyết định khẩn cấp nhất. Cần giữ vững cây cầu. Sau đó, như Mackenzie nhớ, “Chúng tôi cuối cùng cũng thuyết phục được Hicks rằng ông cần nắm quyền chỉ huy sư đoàn”.

Hiếm người từng được yêu cầu chấp nhận chịu trách nhiệm về cả một sư đoàn trên chiến trường dưới những hoàn cảnh phức tạp như vậy. Hicks nhanh chóng phát hiện ra trực trặc về liên lạc đã ảnh hưởng nghiêm trọng thế nào tới toàn chiến dịch. Vài thông điệp ít ỏi nhận được từ Frost tại cầu được chuyển qua trung tá Sheriff Thompson, chỉ huy trung đoàn pháo binh nhẹ đổ bộ. Từ đài quan sát trên nóc tháp nhà thờ Oosterbeek Laag, cách cầu 2 dặm rưỡi, Thompson đã thiết lập liên lạc radio với vị trí chỉ huy pháo binh của thiếu tá D.S.Munford từ sở chỉ huy lữ đoàn đặt trong một trạm bom

gần cây cầu. Đường dây liên lạc giữa Thompson và Munford là kênh liên lạc radio duy nhất mà Hicks có thể tính đến.

Nghiêm trọng không kém, sư đoàn không có bất cứ liên lạc nào với sở chỉ huy quân đoàn của tướng Browning gần Nijmegen, hay với các máy thuộc kênh đặc biệt “Phantom Net” tại sở chỉ huy của Montgomery. Trong số vài thông điệp quan trọng tới được nước Anh, phần lớn được gửi vào một máy của BBC được dành riêng cho phóng viên chiến tranh. Tín hiệu của nó cũng yếu và nhiễu. Một trạm phát sóng rất mạnh của Đức và máy của người Anh đã hoạt động trên cùng tần số. Thật mỉa mai, sư đoàn có thể bắt được tín hiệu từ sở chỉ huy hậu cứ của quân đoàn tại Anh, nhưng không thể nào gửi tín hiệu trở lại. Vài thông tin hiếm hoi tới nơi qua kênh của BBC được tập hợp tại sở chỉ huy hậu cứ của Browning tại Moon Park rồi gửi trở lại vào lục địa. Việc trung chuyển mất hàng giờ và khi các thông tin tới nơi chúng đã lạc hậu và thường hoàn toàn vô tác dụng.

Tuyệt vọng và lo lắng, Hicks có ba mối quan tâm khẩn cấp: thời tiết tại Anh; việc không thể nào xác định được thời gian tới nơi của đợt đổ quân thứ hai; và việc ông thiếu hoàn toàn phương tiện để có thể thông báo tình hình thực tế tại Arnhem tới bất cứ ai. Thêm vào đó ông cũng không thể cảnh báo trước cho Hackett biết tình thế nguy hiểm của người Anh tại các bãi đổ quân, nơi mà lữ đoàn 4 theo dự kiến sẽ đổ xuống các khu vực đã được làm chủ và bảo vệ chu đáo.

Ít nghiêm trọng hơn, nhưng cũng không kém phần rắc rối, là cuộc gặp mặt sắp tới với thượng tá Shan Hackett. Anh chàng Hackett nóng

tính, Mackenzie nói với Hicks, cần được thông báo quyết định của Urquhart về thứ tự nắm quyền chỉ huy khi ông ta tới nơi. “Tôi biết tính khí của Hackett”, Mackenzie nhớ lại, “và tôi không muốn nghĩ tới cuộc gặp đó nữa. Nhưng thông báo với ông ấy là trách nhiệm của tôi và tôi làm theo lệnh của tướng Urquhart. Tôi không thể hành động lâu hơn theo giả định rằng chẳng có gì xảy ra với cả tư lệnh lẫn Lathbury”.

Ít nhất Hicks cũng được tránh khỏi cuộc chạm trán tệ hại này. Vị tư lệnh mới đã có đủ việc để bận tâm. “Tình hình còn hơn là hỗn loạn,” ông ta nhớ lại. “Đó là một mớ bong bong chết tiệt.”

Tại ngoại ô phía tây Arnhem, nơi đã từng là những công viên ngăn nắp và những con phố sạch bong, lúc này đã bị đào ngang cày dọc lên bởi giao chiến khi các tiểu đoàn Anh số 1 và 3 cố gắng đột phá tới cây cầu. Mảnh thủy tinh, mảnh vỡ và những khúc cột đèn bằng đồng bị gãy nằm bừa bãi trên mặt phố lát đá. Những khóm cây cảnh và những luống hoa đầy màu sắc bị giẫm đạp tan nát, những khoảnh vườn rau phía sau ngôi nhà của những gia đình Hà Lan bị phá hủy hoàn toàn. Nòng súng chống tăng Anh chĩa ra từ những ô cửa sổ vỡ tan tành của các cửa hàng, trong khi xe half-track của quân Đức, lùi bừa vào những ngôi nhà và ẩn náu sau những đống đổ nát của chúng, đe dọa các đường phố. Khói đen bốc lên từ những chiếc xe của Anh và Đức đang cháy và chốc chốc những trận mưa mảnh vụn và bụi lại dội xuống khi đạn trái phá bắn trúng một tòa nhà. Những thân hình co quắp của những người bị thương hoặc đã chết nằm khắp nơi. Nhiều người lính còn nhớ đã trông thấy những thương dân Hà Lan,

có cả phụ nữ, đội mũ trắng và khoác áo có dính chữ thập đỏ, lao ra bắt chắp những làn đạn từ hai phía để đưa những người bị thương hay đang hấp hối vào nơi an toàn.

Trận đánh lạ lùng và ác liệt lúc này đang tàn phá khu ngoại ô thành phố chỉ cách cây cầu Arnhem ven vện 2 dặm có vẻ diễn ra chẳng theo kế hoạch hay chiến lược nào cả. Như tất cả những trận đánh đường phố khác, nó trở thành một cuộc giao chiến giáp lá cà quy mô lớn và dữ dội trong một ma trận của những con phố.

Những Con quỷ đỏ đều lạnh, đói và bẩn thỉu. Trận chiến diễn ra liên tục đến mức những người tham chiến không có cả lúc nghỉ uống một cốc trà. Đạn cạn dần và thương vong ngày càng cao; nhiều đại đội đã mất tới 50% sức chiến đấu. Không tài nào ngủ được, trừ những lúc chợp mắt ngắn ngủi. Nhiều người, mệt rũ rời và đã phải liên tục di chuyển hàng giờ liền, đã mất hết khái niệm về thời gian. Chỉ vài người biết rõ họ đang ở đâu và cây cầu còn cách bao xa, nhưng họ đều quyết tâm phải tới được đó. Hàng năm sau đó, nhiều người như binh nhì Henry Bennett thuộc tiểu đoàn 3 của trung tá Fitch, vận động theo tuyến đường giữa, tuyến Hồ, vẫn còn nhớ giữa những cuộc chiến giáp lá cà liên tục, giữa tiếng đạn bộ binh réo vang và đạn cối nổ rền, một mệnh lệnh duy nhất vang lên không thay đổi: “Tiến lên! Tiến lên! Tiến lên!”

Thế nhưng với tướng Urquhart, lúc này đã vắng mặt tại sở chỉ huy sư đoàn gần 16 tiếng đồng hồ và không có bất cứ liên lạc radio nào, tiến triển của cuộc tấn công chậm chạp đến mức đáng lo ngại. Từ lúc 3 giờ

sáng, khi ông dừng lại trong ngôi biệt thự nơi ông đã nghỉ vài giờ đầy bồn chồn, Urquhart, cùng thượng tá Lathbury, đã liên tục đi cùng tiểu đoàn 3. “Giao tranh dữ dội, những cuộc pháo kích ngắn bất chợt, đã khiến đội hình chững lại,” Urquhart nói. Hiệu quả tâm lý của những tay bắn tỉa Đức đã làm viên tướng bận tâm. Ông đã lường trước rằng một số tân binh chưa từng ra trận của ông có thể sẽ “hoi e ngại những viên đạn lúc ban đầu”, nhưng sẽ quen nhanh sau đó. Thay vì vậy, tại một số đường phố, chỉ đạn bắn tỉa thôi đã làm chậm hẳn tốc độ vận động của toàn tiểu đoàn. Tuy thế, thay vì can thiệp vào việc chỉ huy của Fitch, Urquhart giữ im lặng. “Làm tư lệnh sư đoàn lại kẹt vào cuộc giao chiến cục bộ của một tiểu đoàn... Tôi đã ở vào vị trí tệ nhất có thể để chỉ huy tình hình, nhưng lúc nào tôi cũng ý thức được từng giây quý báu đang mất đi”. Lính bắn tỉa Đức bị khuất phục rất hiệu quả, nhưng Urquhart không khỏi than thầm trước khoảng thời gian cần thiết để tiêu diệt bọn này.

Thượng sĩ John C. Lord cũng cảm thấy vậy. Giống viên tướng, Lord nóng ruột trước sự chậm trễ. “Chống cự của quân Đức ác liệt và liên tục, nhưng ít nhất một phần sự chậm trễ của chúng tôi cũng do cả người Hà Lan gây ra. Họ đã đứng chặn đường từ sớm, vẫy tay, cười, mời chúng tôi cà phê. Nhiều người còn quăn cả cò Anh trên mũ. Họ ở đó, ngay giữa trận chiến, và thậm chí còn có vẻ không ý thức được chuyện gì đang diễn ra. Họ, với ý tốt của mình, đã kìm chân chúng tôi không kém gì quân Đức”.

Bất thần những loạt đạn bắn tỉa được thay thế bằng một thứ khác nghiêm trọng hơn nhiều: tiếng nổ đinh tai của những quả đạn 88 mm

của địch bắn đi từ đại bác và pháo tự hành. Lúc đó những đơn vị tiền đội của tiểu đoàn của Fitch đang gần khu bệnh viện St Elisabeth rộng lớn, cách cầu Arnheim gần hai dặm về hướng tây bắc. Bệnh viện nằm gần như tại đúng điểm hợp nhất của hai tuyến xa lộ hướng về Arnheim, theo đó tiểu đoàn 1 và 3 đang cố gắng tiến tới cầu. Tại đây, lực lượng thiết giáp thuộc sư đoàn Hohenstaufen đã được triển khai trong đêm. Cả tiểu đoàn 1 của trung tá Dobie theo tuyến đường Ede-Arnheim và tiểu đoàn 3 của Fitch theo tuyến đường đi Utrecht đều phải đi qua một trong hai phía của khu vực này để tới cầu. Tiểu đoàn của Dobie là lực lượng đầu tiên cảm thấy sức mạnh của các đơn vị SS thiện chiến của trung tá Harzer.

Từ một vành đai hình móng ngựa bao bọc lấy các cửa ngõ phía bắc và phía tây vào thành phố, đã đánh bật người của Dobie khỏi tuyến đường phía trên và đẩy họ vào những khu dân cư quanh đó. Lính SS, nấp trên mái nhà, dùng các tay bắn tỉa phục kích trên các tầng áp mái, đã để yên cho các đơn vị tiền tiêu đi qua vô sự trước khi chụp một màn hỏa lực chết chóc xuống các đơn vị đi sau. Trong sự hỗn loạn trước cuộc tấn công bất ngờ, các đại đội và trung đội bị phân tán đi mọi hướng.

Lúc này, sử dụng cùng chiến thuật, quân Đức tập trung vào tiểu đoàn 3 của Fitch. Và, trong một tình huống có thể gây ra những hậu quả vô cùng tai hại, bốn sĩ quan có vai trò rất quan trọng – chỉ huy các tiểu đoàn dù số 1 và 3, tư lệnh lữ đoàn dù số 1 và cả tư lệnh sư đoàn đổ bộ Anh số 1 – cả bốn đều bị vây kín trong một khu vực nhỏ dày đặc dân cư. Cũng thật khôi hài, tương tự như trường hợp của Model và sở chỉ

huy của ông ta tại Oosterbeek, tướng Urquhart và thượng tá Lathbury bị bao vây bởi kẻ địch không hề ngờ tới sự có mặt của họ tại đó.

Bị kẹt giữa những làn đạn từ phía trước lại và từ phía sau tới, đội hình quân Anh tan vỡ. Một số người hướng tới những ngôi nhà dọc sông Rhine, một số khác chạy tới vạt rừng cạnh đó, những người còn lại – trong số này có cả Urquhart và Lathbury – chạy tháo thân vào những con phố hẹp với những ngôi nhà gạch giống hệt nhau.

Nhóm của Urquhart vừa tới một căn nhà ba tầng nằm trong một khu nhà gần trục đường chính Utrecht – Arnhem thì trái phá Đức bắn trúng nhà. Những người Anh không hề hấn gì, nhưng thiết giáp Đức, Urquhart sau này ghi lại, “di chuyển qua phố mà không ai làm gì được”. Khi một chiếc xe tăng đi xuống dọc khu phố, tay trưởng xe chui ra nóc tháp pháo quan sát tìm mục tiêu, thiếu tá Peter Waddy nhô người qua một cửa sổ tầng trên của ngôi nhà cạnh ngôi nhà Urquhart đang nấp và khéo léo ném một khối thuốc nổ dẻo vào trong tháp pháo, làm chiếc xe tăng nổ tung (CT: ngay sau đó, Waddy hy sinh vì mảnh đạn cối). Những người khác, theo gương Waddy, diệt thêm 2 chiếc tăng nữa. Nhưng cho dù người Anh chiến đấu kiên cường, những người lính dù trang bị nhẹ không thể là đối thủ của lực lượng thiết giáp Đức.

Gánh nặng của Urquhart tăng lên từng phút. Ông bồn chồn đến tuyệt vọng muốn quay trở lại sở chỉ huy sư đoàn và nắm quyền điều khiển trận đánh. Bị kẹt giữa trận đánh, ông tin rằng cách duy nhất để thoát

ra là lao ra ngoài phố và tận dụng sự hỗn loạn để vượt quá phòng tuyến Đức. Các sĩ quan khác, lo ngại cho sự an toàn của ông, không đồng ý, nhưng Urquhart vẫn kiên quyết. Cuộc giao tranh dữ dội, như ông nhận thấy, vẫn chỉ là những hành động ở cấp đại đội và, trong lúc khu nhà quân Anh chiếm lĩnh còn chưa bị bao vây, ông nghĩ cả nhóm cần nhanh chóng thoát ra trước khi quân địch mạnh lên và vòng vây siết chặt.

Giữa cuộc hội ý vội vã trong tiếng ồn của trận đánh, Urquhart và các sĩ quan của mình ngỡ ngàng khi thấy một chiếc xe gắn súng máy Bren của quân Anh lao xuống phố như thể phốt lò hỏa lực của quân Đức rồi dừng lại ngay bên ngoài ngôi nhà. Một viên trung úy người Canada, Leo Heaps, người như Urquhart nói “có vẻ có thần hộ mệnh”, chui ra khỏi ghế lái xe và chạy vào nhà. Sau lưng Heaps là Charles “Frenchie” Labouchere, người của lực lượng kháng chiến Hà Lan, đang làm người dẫn đường cho Heaps. Chiếc xe chất đầy lương thực và đạn và Heaps hy vọng mang được tới cho trung tá Frost tại cầu. Với sự có mặt khắp nơi của thiết giáp Đức, chiếc xe nhỏ và hai người ngồi trên nó có thể nói đã thoát khỏi hỏa lực của địch một cách kỳ diệu và trên đường lại tình cờ tìm được Urquhart. Lúc này, lần đầu tiên sau nhiều giờ, Urquhart được biết từ Heaps những gì đang xảy ra. “Tin tức còn xa mới có thể coi là lạc quan,” Urquhart sau này hồi tưởng lại. “Liên lạc vẫn đứt. Frost đang ở đầu cầu phía bắc và chịu tấn công dữ dội, nhưng vẫn đứng vững, còn tôi thì được cho là mất tích hoặc đã bị bắt”. Sau khi nghe Heaps báo cáo, Urquhart nói với Lathbury rằng lúc này bắt buộc “trước khi chúng ta hoàn toàn bị bao vây phải tìm lấy một cơ hội và vượt ra ngoài”.

Quay lại Heaps, Urquhart lệnh cho anh chàng người Canada là nếu anh ta tới được sở chỉ huy sư đoàn sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ tại cầu, anh cần thúc giục Mackenzie “tổ chức viện binh nhiều đến mức tối đa có thể cho tiểu đoàn của Frost”. Bằng mọi giá, kể cả nguy hiểm cho bản thân, Urquhart quyết tâm rằng Frost phải nhận được tiếp tế và viện binh cần thiết để giữ vững cho tới khi xe tăng của Horrock đến được Arnhem.

Sau khi Heaps và Labouchere đi khỏi, Urquhart và Lathbury lên đường tìm đường thoát vây. Đường phố bên ngoài lúc này không ngớt bị chìm dưới làn đạn đối phương và các ngôi nhà sụp đổ dưới sức công phá của đạn đại bác. Urquhart nhận thấy “một dãy thi thể mỗi lúc một dài quanh những ngôi nhà chúng tôi chiếm lĩnh”, và kết luận rằng không thể đột phá qua phía phố được. Các chỉ huy, cùng với những người còn lại, quyết định đi ra phía sau ngôi nhà, từ đó, được bắn yểm trợ và bom khói che khuất, họ có thể thoát đi được. Sau đó, tận dụng những khoảnh vườn phía sau các dãy nhà, Urquhart và Lathbury hy vọng cuối cùng có thể thoát khỏi khu chiến sự và quay trở lại sở chỉ huy.

Con đường thoát vây quả là ác mộng. Trong khi những người lính dù tạo ra một màn khói dày, nhóm của Urquhart lao qua cửa sau, nhảy qua một vườn rau và trèo qua hàng rào ngăn cách ngôi nhà với nhà hàng xóm. Khi họ dừng chân nghỉ bên thềm ngôi nhà bên cạnh, khẩu Sten của Lathbury cướp cò, súyt nữa bắn trúng chân phải của Urquhart. Như Urquhart sau này viết, “Tôi đùa Lathbury về những

chàng lính không kiểm soát được khẩu Sten của mình. Với một sư đoàn trưởng, bị kẹt ở bên ngoài đã là đủ tệ... và thật bi hài nếu bây giờ lại bị hạ bởi một viên đạn do chính một trong các lữ đoàn trưởng của mình bắn ra”.

Trèo qua hết hàng rào này tới hàng rào khác, một lần phải vượt qua bức tường gạch cao 3 mét, nhóm người đi dọc cả khối nhà cho tới khi, cuối cùng, họ tới một chỗ đường giao nhau lát đá. Sau đó, mệt mỏi và mất phương hướng, họ đã có một sai lầm tai hại. Thay vì rẽ trái, như thế sẽ cho họ một hành lang an toàn, họ lại rẽ phải về phía bệnh viện St Elisabeth, lao thẳng vào làn đạn của quân Đức.

Chạy phía trước Urquhart và Lathbury là hai sĩ quan khác, đại úy William Taylor thuộc ban tham mưu lữ đoàn và đại úy James Cleminson thuộc tiểu đoàn 3. Một trong hai người đột ngột hô lớn nhưng cả Urquhart lẫn Lathbury không hiểu anh ta nói gì. Trước khi Taylor và Cleminson kịp nói gì thêm, hai sĩ quan cao cấp đã lao vào chỗ giao nhau của vô số ngõ phố, nơi mà theo Urquhart “dường như từ ngõ nào cũng có một khẩu súng máy Đức bắn ra”. Trong khi bốn người cố gắng chạy qua một trong những ngõ nhỏ đó, Lathbury bị trúng đạn.

Những người kia nhanh chóng kéo ông ra khỏi đường đưa vào một ngôi nhà. Tại đó, Urquhart thấy một viên đạn đã xuyên vào phía lưng viên thượng tá và ông ta có vẻ tạm thời bị tê liệt. “Tất cả chúng tôi đều hiểu,” Urquhart nhớ lại, “là ông ấy không thể tiếp tục đi được”. Lathbury giục viên tướng lập tức đi ngay để mặc ông tại đó. “Ngài sẽ

bị vây kín nếu ở lại, thưa ngài”, ông nói với Urquhart. Trong lúc họ nói chuyện, Urquhart trông thấy một lính Đức xuất hiện ở cửa sổ. Ông rút súng bắn thẳng vào hắn. Khuôn mặt máu me của tên lính biến mất khỏi khung cửa. Lúc này, khi quân Đức đã rất gần, Urquhart bắt buộc phải rời đi thật nhanh. Trước khi đi, ông nói chuyện với đôi vợ chồng trung niên chủ nhà, những người này cũng biết chút ít tiếng Anh. Họ hứa sẽ đưa Lathbury tới bệnh viện St Elisabeth ngay khi cuộc giao tranh tạm ngừng. Để tránh cho những người chủ nhà không bị quân Đức trả thù, Urquhart và người của ông giấu Lathbury trong căn hầm dưới gầm cầu thang chờ tới khi ông này có thể được đưa tới bệnh viện. Sau đó, Urquhart nhớ, “chúng tôi rời đi theo cửa sau và lại gặp phải một ma trận những khu vườn nhỏ có tường rào nữa”. Ba người đã không đi được xa, nhưng rất có thể tính mạng của Urquhart đã được cứu nhờ hành động kịp thời của người đàn ông 55 tuổi Antoon Derksen, chủ một ngôi nhà ở số 14 Zwarteweg.

Trong lúc bom rơi đạn nổ, Antoon cùng vợ ông, Anna, và con trai Jan, con gái Hermina của họ đang ẩn nấu trong bếp ở phía sau căn nhà. Liếc nhìn qua cửa sổ, Derksen ngạc nhiên thấy 4 sĩ quan Anh trèo qua hàng rào vào khu vườn phía sau nhà ông và hướng tới cửa nhà bếp. Ông lập tức đón họ vào.

Không thể giao tiếp được – ông không nói được tiếng Anh, trong khi chẳng ai trong nhóm của Urquhart biết tiếng Hà Lan – Antoon, bằng cử chỉ, cố gắng cảnh báo các sĩ quan Anh rằng khu vực này đã bị bao vây. “Có quân Đức ngoài đường,” sau này ông nhớ lại, “và ở cả sau nhà, về hướng mà các sĩ quan vừa đi tới. Và ở cuối dãy vườn có một

chốt của quân Đức ở góc”.

Derksen vội giục các vị khách của mình leo lên một cầu thang hẹp vào một phòng ngủ. Trên trần có một cửa kéo dẫn lên tầng áp mái. Thận trọng nhìn qua cửa sổ phòng ngủ, ba người hiểu ra lý do của màn kịch cam luống cuống của Derksen. Chỉ phía dưới họ vài bộ, quân Đức rải ra chiếm lĩnh các vị trí suốt dọc phố. “Chúng tôi ở gần chúng đến mức,” Urquhart nhớ lại, “ chúng tôi có thể nghe thấy tiếng chúng nói chuyện”.

Urquhart không thể đoán được liệu quân Đức đã phát hiện ra nhóm của họ khi họ chui vào phía sau ngôi nhà hay chưa, hay chúng có thể xông vào ngôi nhà này bất cứ lúc nào hay không. Bất chấp lời cảnh báo của Derksen rằng khu vực đã bị bao vây, ông vẫn cân nhắc lợi hại giữa việc tiếp tục đi theo dãy vườn sau nhà hay đột kích dọc theo con phố trước mặt, dùng lựu đạn mở đường. Ông sẵn sàng chấp nhận mọi nguy hiểm để quay về vị trí chỉ huy của mình. Các sĩ quan đi theo, lo lắng cho an toàn của tư lệnh, không đồng ý. Tại thời điểm đó, bất lợi quá lớn. Tốt hơn, họ lý luận, nên đợi đến khi quân Anh chiếm lĩnh được khu vực này thay vì tư lệnh sư đoàn mạo hiểm với nguy cơ bị bắt hay bị chết.

Urquhart biết những lời khuyên này hợp lý, và ông cũng không muốn buộc sĩ quan của mình phải chấp nhận những nguy hiểm có thể nói là tự sát. Tuy thế “ tôi chỉ còn nghĩ tới việc mình đã vắng mặt quá lâu ở sở chỉ huy sư đoàn, và với tôi bất cứ việc gì cũng tốt hơn ngồi ngoài cuộc theo kiểu này”.

Tiếng động quen thuộc của những vòng xích sắt buộc Urquhart phải nép vào tường. Từ cửa sổ ba sĩ quan thấy một khẩu pháo tự hành Đức chậm chạp đi xuống dọc đường phố. Ngay bên ngoài ngôi nhà, nó dừng lại. Nóc của chiếc xe gần như nằm ngang với cửa sổ buồng ngủ, và tổ lái chui ra ngoài, lúc này đang đứng nói chuyện và hút thuốc ngay dưới cửa sổ. Hiển nhiên, đám này không đi tiếp và những người Anh chờ đợi chúng vào nhà bất cứ lúc nào.

Đại úy Taylor lập tức kéo chiếc thang lên tầng áp mái xuống và cả ba người hối hả leo lên. Cúi khom người xuống nhìn quanh, viên tướng cao sáu bộ Urquhart thấy tầng áp mái chẳng khác gì một ngăn chứa đồ. Ông cảm thấy mình “ngu ngốc, ngớ ngẩn, vô dụng trong cuộc chiến chẳng khác gì một khán giả”.

Ngôi nhà lúc này lặng như tờ. Antoon Derksen, một người Hà Lan ái quốc, đã che dấu những người lính Anh. Lúc này, e ngại khả năng bị trả thù nếu Urquhart bị phát hiện ra, ông thận trọng đưa cả gia đình lánh sang ngôi nhà hàng xóm. Trên căn áp mái ngọt ngào, không có thức ăn và nước uống, Urquhart và các sĩ quan của mình cũng chỉ có thể chờ đợi trong tâm trạng đầy lo âu, hy vọng hoặc bọn Đức rút đi hoặc quân Anh tới nơi. Vào ngày thứ Hai này, ngày 18/9, Market Garden mới diễn ra được 1 ngày, quân Đức đã gần như biến trận đánh tại Arnhem thành một cuộc giằng co và, để thêm vào tất cả sai lầm của kế hoạch tác chiến, Urquhart, người duy nhất có thể giúp cuộc tấn công của quân Anh trở nên thống nhất hơn, lại bị cô lập trên một căn phòng áp mái, vây bọc bốn bề bởi quân Đức.

Nhiệm vụ cho đại úy Paul Grabner và tiểu đoàn trinh sát panzer SS số 9 của anh ta đã thật dài và đơn điệu. Quân dù đồng minh đã không đổ xuống khu vực dài 11 dặm giữa Arnhem và Nijmegen. Điều này thì Paul Grabner gần như có thể đoán chắc. Nhưng các đơn vị địch đang có mặt ở Nijmegen. Ngay sau khi vài chiếc xe của Grabner vượt qua cây cầu lớn bắc ngang sông Waal, đã xảy ra một cuộc chạm súng nhỏ. Trong bóng tối, quân địch có vẻ không hăng hái muốn kéo dài cuộc giao tranh với những chiếc xe bọc thép của anh ta, và Grabner báo cáo sở chỉ huy rằng quân Đồng Minh có vẻ mới chỉ có một lực lượng nhỏ trong thành phố.

Lúc này, nhiệm vụ trinh sát đã hoàn tất, Grabner lệnh cho vài khẩu pháo tự hành trong số 40 xe của đơn vị mình canh gác đầu cầu phía nam dẫn tới cây cầu Nijmegen. Cùng với phần còn lại của đơn vị, anh ta quay về phía bắc hướng tới Arnhem. Anh ta đã không phát hiện thấy quân dù hay bất cứ hoạt động nào của quân địch khi đi qua cây cầu tại Arnhem tối hôm trước. Tuy vậy, qua những thông báo radio, viên đại úy được biết một nhóm lính Anh đang chiếm giữ một đầu cầu. Sở chỉ huy của Harzer chỉ gọi nhóm này là “lực lượng tiền trạm”. Grabner dừng lại một lần nữa, lần này tại thị trấn Elst, nằm giữa quãng đường từ Nijmegen tới Arnhem. Tại đây, một lần nữa, để có thể có mặt tại khoảng cách cho phép can thiệp tới cả hai cây cầu, viên đại úy lại tách ra một phần đơn vị của mình. Với 22 chiếc xe còn lại, anh ta tăng tốc tiến về cây cầu Arnhem để quét sạch nó khỏi bất cứ kẻ địch nào đang có mặt tại đó. Chống lại những người lính dù chỉ có súng cá nhân và súng máy, Grabner dự kiến sẽ không gặp nhiều khó

khăn. Đơn vị thiết giáp mạnh của anh ta sẽ nhanh chóng xuyên thủng phòng tuyến mỏng manh của quân Anh và quét sạch đám này.

Đúng 9 giờ 30, hạ sĩ Don Lumb, từ vị trí của mình trên mái nhà gần cây cầu, hét lên phấn khích, “Xe tăng! Đó là quân đoàn 30!” Tại sở chỉ huy tiểu đoàn gần đó, trung tá John Frost cũng nghe thấy người cảnh giới của mình hô lớn. Giống hạ sĩ Lumb, trong khoảnh khắc Frost cũng cảm thấy khoan khoái nhẹ nhõm. “Tôi nhớ đã nghĩ rằng chúng tôi sẽ có hân hạnh một mình chào đón quân đoàn 30 tiến vào Arnhem,” ông nhớ lại. Nhiều người cũng vui mừng như vậy. Ở phía đối diện của đầu cầu phía bắc, những người lính nấp dưới gầm cầu gần vị trí của đại úy Eric Mackay đã có thể nghe thấy tiếng xe cơ giới nặng vang lên từ cây cầu phía trên đầu.

Thượng sĩ Charles Storey lao lên cầu thang tới vị trí cảnh giới của hạ sĩ Lumb. Nhìn theo về hướng những cột khói vẫn còn bốc lên từ đầu cầu phía nam, Storey nhìn thấy đoàn xe Lumb đã phát hiện ra. Vội vàng lao xuống, người cựu binh đã tham chiến từ trước cuộc tháo chạy ở Dunkirk hô lớn, “Chúng là bọn Đức! Xe bọc thép địch trên cầu!”

Lao hết tốc độ, toán đi đầu thuộc lực lượng đột kích của đại úy Paul Grabner lao qua cầu. Với tay lái điêu luyện, các lái xe Đức, ngoặt trái lượn phải, đã không chỉ tránh được những mảnh vỡ rải rác khắp mặt cầu, mà còn vượt thẳng qua cả một bãi mìn – một dãy mìn Teller dẹt mà quân Anh đã rải ra trong đêm. Chỉ một chiếc xe trong số năm chiếc đi đầu của Grabner đụng phải mìn – và cũng chỉ bị hư hại nhẹ,

vẫn tiếp tục đi được. Từ vị trí của mình bên rầm cầu, đại úy Mackay nhìn chăm chăm ngõ ngàng khi thấy chiếc đầu tiên trong toán xe nguy trang lao xuyên qua vành đai phòng ngự của quân Anh, tiếp tục lao thẳng về phía trung tâm Arnhem. Gần như ngay lập tức, Mackay lại thấy một chiếc khác lao qua. “Ở phía mình chúng tôi không có vũ khí chống tăng,” Mackay nói, “và tôi chỉ có thể bất lực nhìn trong lúc thêm 3 chiếc xe bọc thép nữa lao qua ngay trước mặt chúng tôi và phóng lên đại lộ”.

Kế hoạch táo bạo của Grabner nhằm vượt cầu bằng tốc độ và hỏa lực đang được thực hiện. Ngoài tầm quan sát của quân Anh, ở đầu cầu phía nam, anh ta tập hợp đội hình của mình thành cột. Sau đó, xe half track, xe bọc thép bánh hơi, xe chở lính và cả vài xe tải chất đầy bộ binh, những người này nấp sau những bao lúa mì bắn ra không ngừng, bắt đầu tiến lên. Nấp phía sau những chiếc half track là lính Đức liên tục nã súng.

Cuộc đột kích bất ngờ của toán xe đầu tiên dưới quyền Grabner đã làm quân Anh sửng sò. Nhưng họ đã nhanh chóng lấy lại bình tĩnh. Súng chống tăng bên phía Frost bắt đầu ngắm bắn. Từ toàn bộ đầu cầu phía bắc, một lưới lửa chết chóc chụp lên cả đội hình Đức. Từ các mái nhà, gác xép, ô cửa sổ và những công sự cá nhân, những người lính dù nổ súng với tất cả vũ khí có trong tay, từ súng máy đến lựu đạn cá nhân. Người lính công binh Ronald Emery, có mặt ở phía của Mackay, bắn gục lái và phụ lái của chiếc half track đầu tiên vượt cầu.

Khi chiếc thứ hai vừa xuất hiện, Emery hạ ngay lái xe. Chiếc half

track khựng lại trên cầu, sáu người còn lại bỏ xe chạy để rồi bị hạ lần lượt từng người một.

Đội hình của Grabner vẫn lao lên bất chấp tất cả. Thêm hai chiếc half track nữa quay ngang trên cầu. Bất thần, hỗn loạn bao trùm lên đội hình tấn công của quân Đức. Lái xe của chiếc half track thứ ba bị thương. Hoảng hốt, anh ta làm lật nhào chiếc xe của mình, đâm luôn vào chiếc half track đi sau. Hai chiếc xe, lúc này kẹt cứng làm một, nằm chắn ngang đường, một chiếc bùng cháy. Lực lượng Đức phía sau vẫn kiên quyết tìm cách vượt qua cầu. Tăng tốc nhằm cố sống cố chết tiến sang đầu cầu phía bắc, họ làm xe của mình hết chiếc nọ đâm vào chiếc kia thành một đồng đồ nát bị xé tung ra bởi đạn đại bác và súng cối. Mất điều khiển, một số xe half track đâm vào thành cầu mạnh đến mức lao qua lan can và đâm thẳng xuống đường phố nằm phía dưới gầm cầu. Lính từng thiết Đức đi sau xe half track bị bắn hạ không thương tiếc. Không thể đi quá giữa cầu, những người sống sót vội vàng tháo lui về phía nam. Một lưới lửa trùm lấy cầu. Cùng lúc đó, đạn trái phá từ pháo đội của trung tá Sheriff Thompson, bố trí ở Oosterbeek, được gọi bắn bởi thiếu tá Dennis Munford từ một căn phòng áp mái tại sở chỉ huy lữ đoàn gần ngôi nhà Frost đang trú chân, gầm rít chụp xuống đầu những chiếc xe của Grabner. Giữa tiếng trái phá nổ rền vang lên tiếng hò reo của những người lính dù lúc này đang phấn khích tột độ khi hô lớn tiếng hô xung trận, “Whoa Mohammed”, mà những con Quỷ đỏ đã sử dụng lần đầu trên những cồn cát Bắc Phi năm 1942 (CT: Trong chiến dịch đó, những người lính dù nhận thấy người Arab, khi hô lớn các thông điệp cho nhau, có vẻ luôn bắt đầu bằng hai từ này. Tại Arnhem, tiếng hô xung trận này có

ý nghĩa đặc biệt. Nó cho phép những người lính dù phân biệt đồng đội với quân địch trong vô số tòa nhà và vị trí, vì có vẻ quân Đức không phát âm được hai từ này. Theo Hilary St. George Saunders trong cuốn *“By Air to Battle*, tiếng hô xung trận “có vẻ nâng những người lính tới mức nỗ lực tối đa”).

Sự dữ dội của trận đánh đang diễn ra khiến những người Hà Lan sở tại kinh hoàng. Lambert Schaap, sống cùng gia đình tại Rijnkade – con phố chạy dưới cầu từ đông sang tây – vội vã đưa vợ và chín đứa con xuống hầm. Bản thân Schaap vẫn ở lại trong nhà cho tới khi một loạt đạn xuyên qua cửa sổ, cắm vào tường và xuyên thủng đồ đạc. Schaap vội bỏ chạy dưới làn đạn dữ dội này. Với viên thượng sĩ cảnh sát Joannes van Kuijk, trận đánh như không có hồi kết. “Cuộc đấu súng thật ác liệt,” anh ta nhớ lại, “và có vẻ lần lượt hết ngôi nhà này tới ngôi nhà khác bị trúng đạn hay bốc cháy. Tôi liên tục nhận được điện thoại do đồng nghiệp và bạn bè gọi tới hỏi thông tin về những gì đang xảy ra. Chúng tôi đã trải qua một khoảng thời gian khủng khiếp trong tòa nhà của mình, và những ngôi nhà lân cận đang bắt lửa. Những ngôi nhà nằm trên Eusebius Buiten Singel cũng cháy rụi”.

Trên đại lộ lớn nằm ngay gần đầu cầu phía bắc, Coenraad Hulleman, đang ở trong nhà vợ chưa cưới, chỉ cách vị trí của đại úy Mackay vài căn nhà, lúc này đang ở dưới hầm trú ẩn cùng gia đình Van der Sande. “Có một âm thanh kỳ lạ nổi lên trên những tiếng động khác và có ai nói trời đang mưa,” Hulleman nhớ lại. “Tôi leo lên lầu một, nhìn ra, và phát hiện ra đó là tiếng lửa cháy. Những người lính chạy theo mọi hướng, và có vẻ cả khối nhà đang bốc cháy. Trận đánh đang lan

dần lên đại lộ, và bất thành lĩnh đến lượt chúng tôi. Đạn bay vào nhà, bắn vỡ cửa kính, và trên lầu chúng tôi nghe những nốt nhạc vang lên khi chiếc piano trúng đạn. Thế rồi, thật bất ngờ, có tiếng động như thể ai đó đang đánh máy trong phòng làm việc của ông Van der Sande. Chỉ đơn giản là những viên đạn đã hỏi thăm chiếc máy chữ”. Người vợ chưa cưới của Hulleman, Truid, cũng theo anh leo lên trên, nhìn thấy đạn bắn trúng tòa tháp của nhà thờ lớn St Eusibius. Trong lúc cô gái ngẩn người ra nhìn, những chiếc kim vàng của chiếc đồng hồ lớn của nhà thờ bỗng quay tít như thế, Truid nhớ lại, “thời gian bỗng trôi nhanh vùn vụt”.

Với những người lính chiến đấu trên cầu, thời gian đã mất đi ý nghĩa. Sự bất ngờ, tốc độ và sự khốc liệt của trận đánh đã khiến những người trong cuộc nghĩ cuộc giao tranh đã kéo dài nhiều giờ. Thực ra, cuộc tấn công của Grabner kéo dài chưa đầy hai giờ. Trong số những chiếc xe bọc thép mà trung tá Harzer đã cố tìm mọi cách giữ lại không giao cho Harmel, 12 chiếc nằm bẹp dúm hoặc cháy đùng đùng gần đầu cầu phía bắc. Những chiếc còn lại tháo lui khỏi cuộc tàn sát và rút lui về Eilst, nhưng không còn người chỉ huy của họ. Trong trận đánh khủng khiếp không khoan nhượng, đại úy Grabner đã tử trận.

Lúc này những người Anh, hân hoan và tự hào về chiến thắng, bắt đầu kiểm điểm thương vong. Quân y và những người khiêng cáng, bất chấp đạn bắn tia, lao qua những đám khói và đồng đồ nát, mang những người bị thương của cả hai bên vào nơi an toàn. Những con Quỷ đỏ trên cầu đã đẩy lùi và đứng vững được nỗi kinh hoàng của một đợt tấn công bằng xe bọc thép và, đúng lúc họ đang tự chúc

mừng chiến công của mình, hiệu thính viên của tiểu đoàn 2 bất ngờ bắt được một thông điệp rõ ràng từ quân đoàn 30. Những người lính nhem nhuốc mặt ngoài tưởng tượng rằng con thống khổ của họ coi như đã chấm dứt. Lúc này, không nghi ngờ gì nữa, xe tăng của Horrock chỉ còn cách họ vài tiếng đồng hồ.

Từ các sân bay phía sau biên giới Đức, từng đoàn tiêm kích cất cánh. Để tập hợp và nạp nhiên liệu cho các máy bay này, lực lượng Luftwaffe đã gần như hoàn toàn tan rã đã phải thực hiện một cố gắng tốt cùng. Lúc này, sau một đêm vội vã không ngủ, trong đó máy bay tiêm kích đã được tập hợp lại từ khắp nơi ở Đức, chừng 190 máy bay tập trung trên không phận Hà Lan giữa 9 và 10 giờ sáng. Nhiệm vụ của chúng là tiêu diệt đợt đổ quân thứ hai của lực lượng Market. Không giống như viên thống chế đa nghi Model, các tướng lĩnh của Luftwaffe tin rằng bản kế hoạch Market Garden thu được là kế hoạch thật. Họ nhận ra một cơ hội hiếm có để giành một chiến thắng quyết định. Từ bản kế hoạch, chỉ huy không quân Đức biết được tuyến đường, các khu đổ quân và thời gian đổ quân của ngày thứ Hai. Các phi đội tiêm kích Đức tuần tiểu bờ biển Hà Lan dọc theo các hành lang bay và bãi đổ quân đã biết của Đồng Minh, chờ đợi để tấn công các phi đoàn máy bay chở lực lượng đổ bộ, dự kiến sẽ bắt đầu đổ quân lúc 10 giờ sáng. Giờ G qua đi mà vẫn không thấy lực lượng Đồng Minh đâu. Các máy bay tiêm kích được lệnh hạ cánh nạp nhiên liệu và tiếp tục cất cánh. Nhưng bầu trời vẫn quang đãng. Không mục tiêu dự kiến nào xuất hiện. Ngỡ ngàng và lo ngại, bộ tư lệnh Luftwaffe chỉ còn biết tự hỏi không hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Chuyện đã xảy ra thật đơn giản. Không giống như tại Hà Lan, nơi thời tiết quang đãng, bầu trời nước Anh bị sương mù phủ kín. Tại các căn cứ, lực lượng đổ bộ Anh và Mỹ, đã sẵn sàng lên đường, bồn chồn chờ đợi cạnh các máy bay và tàu lượn của mình. Vào buổi sáng quan trọng đó, khi từng giờ từng phút đều rất có ý nghĩa, tướng Lewis H. Brereton, tư lệnh đạo quân đổ bộ đường không số 1 của Đồng Minh, cũng như những người tham gia đợt đổ quân thứ hai, đành trở thành trò chơi cho sự đồng đánh của thời tiết. Sau khi tham khảo các chuyên gia khí tượng, Brereton đành phải thay đổi giờ G. Những người lính đang có mặt ở trong và xung quanh Arnhem cũng như những người Mỹ đang có mặt xa hơn ở cuối hành lang chiến dịch – tất cả đều đang phải chống lại lực lượng Đức mạnh lên không ngừng – buộc phải đợi thêm 4 giờ nữa. Đợt đổ quân thứ hai sẽ không thể tới được các bãi đáp trước 2 giờ chiều.

Tại Valkenswaard, cách Arnhem 57 dặm về phía nam, sương mù gần mặt đất đã làm chậm trễ cuộc tấn công dự kiến bắt đầu lúc 6 giờ 30 sáng của xe tăng quân đoàn 30. Các xe trinh sát, tuy vậy, vẫn xuất phát như kế hoạch. Tuần tiễu về phía trước và rộng sang phía đông và phía tây từ lúc hừng sáng, họ đang dần cảm thấy sức mạnh của quân Đức. Về phía đông, những bãi cát lầy và những dòng suối nhỏ khiến địa hình hầu như không thể cơ động được ngay cả với xe trinh sát. Về phía tây ngôi làng, những cây cầu gỗ bắc qua sông suối tỏ ra quá yếu để có thể chịu được tải trọng của xe tăng. Khi những chiếc xe trinh sát đi theo hướng thẳng về phía trước tiến dọc con đường hẹp chỉ cho phép xe tăng đi hàng một dẫn ra khỏi Valkenswaard, họ bất ngờ chạm trán một xe tăng và hai pháo tự hành Đức, những chiếc xe

này rút lui về phía Eindhoven khi toán trinh sát tới gần. Từ tất cả báo cáo trinh sát, xem ra con đường nhanh nhất tới Eindhoven vẫn là đường xa lộ, bất chấp việc phát hiện ra sự có mặt của thiết giáp Đức và nguy cơ sẽ còn chạm trán lực lượng này nhiều hơn khi quân Anh tiến sát thành phố. Mãi ba giờ sau, xe tăng của tướng Horrock mới bắt đầu chuyển bánh. Trong lúc đơn vị của trung tá Frost giao chiến với đơn vị của đại úy Grabner tại cầu Arnhem, đơn vị cận vệ Ireland mũi nhọn cuối cùng cũng tiến lên theo con đường chính dẫn tới Eindhoven. Sự chống cự quyết liệt của quân Đức đã phá vỡ kế hoạch của Horrock dự kiến đột kích từ kênh Meuse-Escaut vào ngày chủ nhật và hội quân với sư đoàn 101 của tướng Taylor tại Eindhoven trong vòng 3 giờ. Đến tối ngày 17, lính tăng của trung tá Joe Vandeleur với chỉ tiến được 7 dặm tới Valkenswaard, còn cách mục tiêu dự kiến của ngày hôm đó đến 6 dặm. Không có nhiều lý do để tiếp tục tiến quân trong đêm. Thượng tá Norman Gwatkin, tham mưu trưởng sư đoàn thiết giáp cận vệ, đã báo với Vandeleur rằng cây cầu tại Son phía sau Eindhoven đã bị phá hủy. Thiết bị bắc cầu cần được vận chuyển tới trước khi xe tăng của Vandeleur có thể vượt sông. Theo như Vandeleur nhớ, Gwatkin nói, “Hãy tiến tới Eindhoven

Không biết tới trực trặc này, mọi người đều nóng lòng trước sự trì hoãn. Trung úy John Gorman, người đã tham dự buổi phổ biến kế hoạch của tướng Horrock tại Leopoldsburg trước chiến dịch, lúc đó từng nghĩ có quá nhiều cây cầu cần vượt qua. Lúc này Gorman, vừa được tặng Chữ thập Quân đội mất tuần trước, cảm thấy bứt rứt bức bối. Lo lắng ban đầu của anh đã thành sự thật. Bồn chồn vì phải đứng ngoài cuộc, Gorman không thể hiểu nổi tại sao lực lượng thiết giáp

cận vệ lại dừng suốt đêm tại Valkenswaard. Nhịp sống thông thường, anh nhận xét, “có vẻ quy định rằng người ta ngủ ban đêm và làm việc ban ngày,” nhưng lúc này, Gorman cảm thấy không thể áp dụng nguyên tắc này được. “Chúng ta phải tiến lên,” anh nhớ lúc đó đã nói. “Chúng ta không thể chờ đợi”. Trung úy Rupert Mahaffey cũng lo ngại vì sự chậm trễ của lực lượng cận vệ. “Tôi bắt đầu cảm thấy,” anh nói, “tiến độ của chúng tôi có vẻ chậm hơn dự kiến, và tôi biết nếu chúng tôi không tăng tốc một cách khẩn trương chúng tôi sẽ không thể tới được Arnhem đúng lịch trình”.

Cho dù những đội tuần tiễu của Kỳ binh Nội địa đã cảnh báo về lực lượng bộ binh và thiết giáp Đức đang chờ sẵn, xe tăng của lực lượng cận vệ Ireland không gặp nhiều kháng cự cho tới khi họ tiến đến làng Aalst, nằm đúng giữa quãng đường tới Eindhoven. Tại đây, từ những khu rừng thông nằm hai bên đường, một lưới lửa súng bộ binh chụp xuống đội hình hành quân, và một khẩu pháo tự hành bắn vào những chiếc tăng dẫn đầu đội hình. Nó nhanh chóng bị loại khỏi vòng chiến và lực lượng của Vandeleur tiến gấp qua làng. Sau đó 2 dặm về phía bắc, tại một cây cầu nhỏ bắc qua sông Dommel, những người Ireland một lần nữa lại bị chặn lại, lần này bởi hỏa lực pháo binh nặng. Bốn khẩu 88 mm khống chế cây cầu. Bộ binh Đức trang bị súng trọng liên nấp trong các ngôi nhà gần cầu và sau những bức tường bê tông. Ngay lập tức, những chiếc xe dẫn đầu dừng lại, và lính Anh nhảy từ trên xe tăng xuống đánh trả.

Để tiến nhanh nhất có thể được, Vandeleur quyết định gọi những chiếc phóng pháo Typhoon đã giúp họ rất nhiều ngày hôm trước.

Trung úy Donald Love, lúc này chịu hoàn toàn trách nhiệm liên lạc với không quân, lập tức gửi yêu cầu. Nhưng thật ngạc nhiên, viên trung úy bị từ chối. Tại Bỉ, các phi đoàn bị giữ chân bởi sương mù. Vandeleur, Love nhớ lại, “đã tái mặt đi”. Dứt dứt tay lên bầu trời quang đãng của Hà Lan, ông ta hỏi Love mĩa mai “liệu có phải RAF sợ nắng mặt trời hay không”.

Giờ thì toàn bộ đoàn quân xa, trải dài cho tới tận biên giới Bỉ, bị chững lại bởi những khẩu pháo bố trí rất đặc địa của đối phương. Những chiếc tăng đi đầu đã cố tiến lên, và một khẩu pháo, ngắm bắn thẳng xuống đường, đã chặn đứng chúng lại ở cự ly rất gần. Trong khi xe tăng của mình phản pháo quân Đức, Vandeleur gọi pháo binh nặng chi viện và lập tức lệnh cho các đội trinh sát tiến dọc sông về phía tây để tìm một cây cầu hay một ngầm cho phép xe của ông qua sông đánh tạt sườn các khẩu đội Đức từ phía sau.

Một trận mưa thép rít qua đầu những chiếc tăng dẫn đầu khi các khẩu đội Anh bắt đầu oanh kích địch. Được bố trí rất hợp lý và quyết tâm cao độ, quân Đức tiếp tục bắn. Trận đánh kéo dài thêm hai giờ nữa. Như muốn nổ tung trước sự chậm trễ, Vandeleur hoàn toàn bất lực. Ông chỉ biết đợi.

Nhưng, chỉ cách đó bốn dặm về phía bắc, một trong các đội trinh sát đã gặp một thành công ngoài dự kiến. Sau một cuộc hành trình vòng vèo qua vùng đồng quê chằng chịt kênh rạch và đồng lầy, vượt qua một cây cầu gỗ mỏng mảnh, một toán xe trinh sát, đi vòng qua vị trí Đức, đã bất ngờ bắt gặp lính dù Mỹ ở phía bắc Eindhoven. Ngay

trước lúc giữa trưa, trung úy John Palmer, chỉ huy toán trinh sát thuộc lực lượng Kỵ binh Nội địa, đã được nồng nhiệt chào đón bởi chuẩn tướng Gerald Higgin, phó tư lệnh sư đoàn 101 “Chim Ưng Gầm Thét”. Bằng radio, Palmer hân hoan thông báo về sở chỉ huy rằng “Các chàng chăn ngựa đã gặp được Những người bạn lông vũ của chúng ta”. Cuộc hội quân đầu tiên trong số ba cuộc hội quân dọc hành lang đã được thực hiện, 18 giờ trễ hơn thời gian biểu của Market Garden.

Khi liên lạc cuối cùng đã được thiết lập, sự quan tâm chuyển sang cây cầu tại Son. Những đơn vị công binh Anh đang chờ đợi cần tất cả các chi tiết tình hình để chuyển lên các vật liệu và thiết bị cần thiết để sửa chữa cây cầu đã hư hại. Lực lượng công binh, cùng tiến với đơn vị tiên phong của Vandeleur, chuẩn bị để tiến tới cầu ngay khi cuộc đột kích được tiếp tục. Thông tin có thể được chuyển qua radio, nhưng người Mỹ đã phát hiện ra một phương pháp đơn giản hơn. Những người Anh đang ngạc nhiên được thông báo qua radio là hãy yêu cầu kỹ sư của họ gọi điện thoại đến “Son 244”. Cuộc gọi được truyền đi lập tức qua hệ thống điện thoại tự động vẫn do Đức kiểm soát, và chỉ vài phút sau người Mỹ tại cầu Son đã cho công binh Anh biết những thông tin họ cần để mang tới những thiết bị bắc cầu phù hợp.

Tại làng Aalst, lính tăng của Vandeleur ngỡ ngàng khi những khẩu súng Đức đã bắt họ phải dừng lại lâu đến thế bất ngờ im bật. Một trong các đơn vị của họ đã khai thông con đường. Từ từ đi dọc bờ tây sông Dommel, một đơn vị trinh sát Anh đã tìm thấy một nơi vượt sông cách Aalst một dặm về phía bắc và luồn ra phía sau vị trí Đức.

Đơn vị này đã tấn công các khẩu đội Đức từ phía sau, chiếm lĩnh chúng và chấm dứt trận đánh.

Không hề biết điều này, những người lính tăng đang bắn khoản tại Aalst nghĩ sự yên lặng bất ngờ chỉ là một khoảng tạm dừng của trận chiến. Thiếu tá Edward Tyler, chỉ huy phân đội 2, đang cân nhắc xem có nên tận dụng khoảng ngừng này mà lệnh cho xe tăng của mình lao lên hay không, thì anh nhìn thấy một người đạp xe trên đường tiến tới phía đoàn quân xa. Dừng lại bên bờ đối diện, người này quăng xe đạp, và vừa vẫy tay loạn lên vừa chạy qua cầu. Viên thiếu tá ngạc nhiên nghe người này nói: “Tướng quân! Tướng quân! Bọn Boche toi rồi!”

Thở không ra hơi, người Hà Lan tự giới thiệu, Cornelis Los, 41 tuổi, là kỹ sư làm việc ở Eindhoven nhưng sống ở Aalst. “Đường đã thông,” Los nói với Tyler,” và ngài đã vô hiệu hóa chiếc xe tăng Đức duy nhất nằm ở lối vào làng”. Sau đó, Tyler nhớ lại, “ông ta lấy ra một bản vẽ chi tiết tất cả vị trí Đức giữa Aalst và Eindhoven”.

Lập tức, Tyler ra lệnh tiến. Những chiếc tăng vượt cầu tiến lên phía bắc, đi qua các trận địa pháo Đức lúc này đã bị phá hủy. Chưa tới một giờ sau, Tyler nhìn thấy thành phố Eindhoven hiện ra và phía trước là hàng ngàn người Hà Lan đứng chật đường, hò reo vẫy cờ. “Lúc này chướng ngại vật duy nhất cản trở chúng tôi là đám đông người Hà Lan,” thiếu tá E.Fisher-Rowe gọi radio báo xuống phía sau đội hình. Trong không khí hội hè này, những chiếc xe tăng kèn càng của quân đoàn 30 đã mất hơn 4 giờ đồng hồ để đi qua thành phố. Mãi tận hơn 7

giờ tối các đơn vị dẫn đầu mới tới được cầu Son, nơi những người lính công binh đã mệt nhoài của đại tá Robert F.Sink đang làm việc, như họ đã luôn chân luôn tay từ lúc cây cầu bị phá, để sửa chữa điểm vượt sông quan trọng này.

Từ lúc khởi đầu, thời gian biểu chặt chẽ của Market Garden đã dành rất ít linh động cho những trục trặc. Giờ đây, giống như cuộc tiến quân bị chặn đứng của các tiểu đoàn Anh vào Arnhem, hư hại của cây cầu tại Son là một bất lợi nghiêm trọng đe dọa toàn chiến dịch. Hai mươi tám dặm hành lang – từ biên giới Bỉ tới Veghel – đã nằm trong tay quân Anh-Mỹ. Với tốc độ đáng kinh ngạc, sư đoàn 101 đã chiếm lĩnh 15 dặm xa lộ, giải phóng các thành phố chính Eindhoven, St Oedenrode và Veghel, và chỉ không làm chủ được 2 trong 11 điểm vượt sông theo dự kiến. Tuy thế đội hình viện quân gồm 20000 chiếc xe của Horrock không thể tiến xa hơn Son cho tới khi cây cầu tại đây được sửa. Công binh Anh cùng thiết bị, hành quân cùng những đơn vị xe tăng mũi nhọn, sẽ phải chạy đua với thời gian để sửa cầu và đưa quân đoàn 30 vượt kênh Wilhemina, vì không còn con đường nào khác xe tăng của Horrock có thể sử dụng.

Trong giai đoạn vạch kế hoạch, thiếu tướng Maxwell Taylor, hiểu rõ cây cầu tại Son và sống còn cho một cuộc đột kích liên tục trên hành lang chiến dịch, đã dự kiến một mục tiêu thứ hai. Để đề phòng những diễn biến bất lợi như đã xảy ra ở Son, Taylor đã ra lệnh chiếm một cây cầu đường bộ bằng bê tông dài 100 bộ bắc qua kênh tại làng Best. Nằm cách xa lộ chính 4 dặm về phía tây, cây cầu này có thể sử dụng được trong trường hợp khẩn cấp. Vì tin tình báo cho rằng khu

vực này chỉ được kiểm soát bởi một lực lượng nhỏ lính Đức, chỉ có một đại đội được giao nhiệm vụ chiếm cầu cùng một cây cầu đường sắt khác gần đó.

Best là một thảm họa tai hại cho những người lính Mỹ được cử tới đó. Đại đội tăng cường của trung úy Edward L.Wierzbowski đã bị tổn thất nặng sau trận đánh ác liệt đêm 17. Tàn ra dọc theo các bờ đê và bờ kênh, qua các đầm lầy, những người lính dưới quyền Wierzbowski vẫn chiến đấu chống lại lực lượng Đức đông gấp bội; có lần họ đã tới cách cầu chỉ 15 bộ trước khi bị chặn đứng bởi một bức tường lửa. Nhiều lần trong đêm, có tin rằng đã chiếm được cầu. Vài báo cáo khác lại nói rằng đại đội của Wierzbowski đã bị quét sạch. Lực lượng tăng viện, cũng như đại đội tới đầu tiên, nhanh chóng bị hút vào cuộc giao tranh một mất một còn không cân sức. Tại sở chỉ huy sư đoàn 101, người ta nhanh chóng hiểu ra quân Đức tập trung rất đông tại Best. Chẳng những không chỉ được phòng ngự lỏng lẻo, trong làng có đến chừng 1000 quân Đức – thuộc các đơn vị của đạo quân 15 mà Đồng minh đã bỏ quên. Và như một miếng bọt biển, Best hút vào mỗi lúc một nhiều lực lượng Mỹ. Trong khi giao tranh diễn ra ác liệt khắp khu vực, Wierzbowski cùng vài người còn sống sót thuộc đại đội của anh gần như nằm giữa chiến trường. Bị cô lập đến mức lực lượng tiếp viện không biết họ ở đâu, những người này tiếp tục chiến đấu dành giật cây cầu.

Đến khoảng giữa trưa, khi lực lượng tiền đội của Anh và quân Mỹ hội quân tại Eindhoven, cây cầu tại Best bị quân Đức cho nổ tung. Wierzbowski và người của mình ở gần đó đến mức những mảnh vỡ

roi xuống đã thêm vào những vết thương họ phải hứng chịu từ trước. Tại những nơi khác trong khu vực, tổn thất cũng rất nặng nề. Một trong những chỉ huy đặc sắc và cá tính nhất của sư đoàn 101, trung tá Robert Cole, người đã được tặng Huân chương danh dự của quốc hội, hy sinh. Huân chương này sau đó cũng được truy tặng cho một người lính khác. Binh nhì Joe E. Mann, bị thương tại cây cầu nặng đến mức cả hai cánh tay đều phải băng bó và buộc chặt vào bên sườn, trông thấy một quả lựu đạn Đức rơi xuống giữa nhóm người xung quanh mình. Không thể dùng tay, Mann đã nằm đè lên quả lựu đạn và cứu sống những người còn lại. Khi Wierzbowski đến bên người lính, Mann chỉ nói được một câu. “Lung tôi đi mất rồi”, anh nói với viên trung úy, rồi chết.

Cây cầu tại Best không còn, thành công của Market Garden giờ đây càng gắn chặt hơn với tốc độ công binh khôi phục cầu tại Son. Trong chuỗi mắt xích của chiến dịch – mỗi mắt xích phụ thuộc vào những mắt xích kế bên – đường hành quân phía sau Son vẫn vắng bóng những chiếc tăng đáng ra phải có mặt ở đó hàng giờ trước. Cuộc tấn công táo bạo của Montgomery đang lún sâu vào khó khăn hơn bao giờ hết.

Xa hơn về phía bắc hành lang, có thêm nhiều khó khăn nữa xuất hiện. Bị cô lập ở khoảng giữa hành lang khỏi sư đoàn Chim Ưng Gầm thét của Taylor về phía nam và những Con Quỷ đỏ tại Arnhem, sư đoàn 82 của tướng Gavin đang giữ vững cây cầu dài 1500 bộ tại Grave và cây cầu nhỏ hơn tại Heumen. Về phía tây nam, sau một trận đánh chóng vánh, các trung đội thuộc trung đoàn 504 và 508, tấn

công đồng loạt từ hai bờ kênh đào Maas-Waal, đánh chiếm một cây cầu nữa trên xa lộ Grave-Nijmegen tại làng Honinghutie, mở ra thêm một tuyến đường nữa cho xe tăng của Horrock tới Nijmegen. Nhưng cũng như việc cây cầu tại Son bị hư hại đã chặn đứng bước tiến của người Anh tới đoạn giữa hành lang chiến dịch, việc sư đoàn 82 không thể nhanh chóng chiếm được cầu tại Nijmegen đã gây ra những khó khăn mới. Tại đó, lính SS lúc này đang cố thủ ở đầu cầu phía nam. Được che chắn tốt và nguy trang kín đáo, lực lượng này liên tiếp đẩy lùi những đợt tấn công của một đại đội thuộc trung đoàn 508. Mỗi giờ qua đi, lực lượng Đức lại mạnh thêm lên, và Gavin không thể điều thêm quân tới để mở cuộc tổng công kích nhằm chiếm cầu; vì trong suốt dải tác chiến rộng của sư đoàn 82 – một vùng dài 10 dặm từ bắc xuống nam và rộng 12 dặm từ đông sang tây – một loạt cuộc tấn công dữ dội của quân địch, mặc dù có vẻ không được phối hợp đồng nhất, đang đe dọa gây ra thảm họa.

Các đội tuần tiểu dọc xa lộ Grave – Nijmegen liên tục bị các toán quân xâm nhập của đối phương tấn công. Hạ sĩ Earl Oldfather, đang sẵn lòng lính bắn tỉa của địch, chợt nhìn thấy ba người trên một cánh đồng mà trung đoàn 504 đang khống chế. “Một người đang tát nước khỏi hố cá nhân của anh ta, hai người đang hỳ hục đào”, Oldfather nhớ lại. “Tôi vẫy tay và thấy một tên trong bọn vó lấy súng của hắn. Chúng là bọn Jerry đã xâm nhập vào giữa khu vực của chúng tôi và nấp trong hố cá nhân bắn thẳng vào chúng tôi”.

Xa hơn về phía đông, hai khu đồ quân quan trọng nằm giữa cao điểm Groesbeek và biên giới Đức nhanh chóng trở thành bãi chiến trường

khi từng đợt lính bộ binh ô hợp của Đức được đẩy tới tấn công lực lượng đổ bộ. Trong đám này có cả lính hải quân, lính Luftwaffe, lính thông tin, lính thu dung, nhân viên quân y, và cả thương binh đang hồi phục. Hạ sĩ Frank Ruppe nhớ rõ những tên Đức đầu tiên anh trông thấy mặc đủ thứ quân phục và phù hiệu. Cuộc tấn công bắt đầu bất ngờ đến mức, anh ta nhớ lại, “chúng tôi bị phục kích ngay bên vị trí ngoại vi của mình”. Những đơn vị địch xuất hiện cứ như thể từ hư không hiện ra. Trong những phút đầu tiên trung úy Harold Gensemer bắt sống một viên đại tá Đức đầy tự tin tuyên bố rằng “người của tôi sẽ sớm đá đít các người khỏi ngọn đồi này”. Và quân Đức đã gần làm được vậy.

Vượt qua biên giới Đức từ thành phố Wyler và từ bức tường phía tây với số lượng áp đảo, quân Đức chọc thủng tuyến phòng ngự ngoại vi của sư đoàn 82 và nhanh chóng tràn vào các khu đổ quân, chiếm giữ đồ hậu cần và đạn dự trữ. Trong một thời gian cuộc giao chiến diễn ra hỗn loạn. Lực lượng phòng ngự của sư đoàn 82 giữ vững vị trí của mình lâu nhất có thể, rồi từ từ bị đẩy lùi. Khắp khu vực lực lượng đổ bộ được lệnh vận động khẩn cấp tới khu chiến sự. Những đơn vị ở ngoại ô Nijmegen phải hành quân gấp trở lại các khu đổ quân để tiếp viện.

Sự hoảng loạn có vẻ cũng xảy ra với thường dân Hà Lan. Binh nhì Pat O'Hagan nhận thấy khi trung đội của anh rút lui khỏi ngoại ô Nijmegen, những lá cờ Hà Lan anh thấy tung bay trước đó khi họ tiến vào thành phố lập tức được vội vàng cất xuống. Binh nhì Arthur “Dutch” Schultz, một cựu binh từ Normandy và là xạ thủ giữ khẩu

súng máy Browning của trung đội, thấy “mọi người đều lo lắng, và tất cả những gì tôi nghe thấy là tiếng cầu nguyện “BAR front and center”. Anh này trông thấy quân Đức khắp nơi. “Chúng ở khắp xung quanh chúng tôi và quyết tâm đánh bật chúng tôi khỏi khu đổ bộ”. Mọi người đều hiểu rõ rằng trong lúc chờ thiết giáp và các đơn vị chính quy tới tăng viện, mọi đơn vị địch có mặt gần khu vực đổ bộ, ước chừng hai tiểu đoàn, đã được điều tới thực hiện một cuộc tấn công liều chết nhằm đẩy lùi sư đoàn 82 bằng mọi giá và chiếm giữ các khu đổ bộ - mạch máu cung cấp hậu cần và tăng viện cho tiểu đoàn. Nếu quân Đức thành công họ có thể tiêu diệt hoàn toàn đợt đổ quân thứ hai trước khi lực lượng này kịp chạm đất.

Lúc này, tướng Gavin tin rằng đợt đổ quân dự kiến đã rời nước Anh. Không có cách nào báo trước hoặc ngăn họ lại kịp thời nữa. Như vậy, Gavin chỉ còn không quá hai giờ để quét sạch quân địch khỏi khu đổ bộ và ông cần tất cả lực lượng có thể huy động được. Bên cạnh những đơn vị đã tham chiến, lực lượng dự trữ duy nhất còn lại là hai đại đội công binh. Lập tức Gavin tung các đơn vị này vào vòng chiến.

Được đại bác và súng cối yểm trợ, những người lính đổ bộ, có lúc phải một chống năm, đã chiến đấu suốt buổi sáng để kiểm soát các khu đổ bộ. (CT: Trong trận đánh ác liệt và hỗn loạn diễn ra trong khoảng 4 giờ tại các khu đổ bộ, một trong những sĩ quan được yêu mến nhất sư đoàn 82, nhà vô địch quyền anh hạng nặng của sư đoàn, đại úy Anthony Stefanich, đã hy sinh. “Chúng ta đã cùng nhau đi một chặng đường dài,” anh trăng trối lại với đồng đội. “Hãy bảo các chàng trai làm tốt việc của mình”. Rồi hy sinh). Sau đó, nhiều người

giương lê đuổi theo quân Đức xuống các sườn dốc. Chỉ đến lúc trận đánh đang diễn ra ác liệt nhất Gavin mới biết đợt đổ quân thứ hai chỉ tới nơi lúc 2 giờ chiều. Các vạt rừng vẫn còn các toán quân Đức trụ lại và hiển nhiên những đơn vị địch hồ lớn này mới chỉ là màn dạo đầu cho những cuộc tấn công dữ dội và kiên quyết hơn. Bằng cách cơ động lực lượng của mình theo các điểm nóng, Gavin tin tưởng có thể đứng vững, nhưng ông cũng ý thức rõ tình thế của sư đoàn 82 hiện rất hiểm nghèo. Giờ đây với tin cây cầu Son bị sập và mới đang được sửa lại, ông không thể trông đợi cuộc hội quân với người Anh trước ngày N+2. Bồn chồn và mỗi lúc thêm lo ngại, Gavin chờ đợi đợt đổ quân thứ hai, đợt đổ quân sẽ mang tới cho ông thêm binh lính, pháo binh và đạn mà ông đang cần đến tuyệt vọng.

Từ những đồng đồ nát đang bốc khói tại Arnhem cho tới cây cầu bị phá hỏng tại Son, trong những hố cá nhân, trong các vạt rừng, dọc các bờ kênh rạch, nấp giữa những ngôi nhà sập, trên xe tăng và gần đầu cầu của những cây cầu sinh tử, những người lính của Market Garden cùng những đối thủ Đức đang giao chiến với họ nghe thấy tiếng động trầm trầm vọng lại từ phía tây. Theo từng đội hình cột dài, làm đen đặc cả bầu trời, những chiếc máy bay và tàu lượn của đợt đổ quân thứ hai đang tới gần. Tiếng động cơ vang rền liên tục và mỗi lúc một lớn làm bùng lên hy vọng và lạc quan trong lực lượng Anh-Mỹ cũng như người dân Hà Lan. Với phần lớn lính Đức, tiếng động cơ chẳng khác gì hồi chuông của ngày tận thế. Những người lính cũng như những người dân thường cùng nhìn chăm chú lên bầu trời, chờ đợi. Lúc đó là gần 2 giờ chiều ngày 18/9.

Đoàn máy bay trên không thật khổng lồ, thậm chí còn vượt xa cảnh tượng của ngày hôm trước. Vào ngày 17, các đội hình đã chia thành hai tuyến riêng nam và bắc. Lần này, thời tiết xấu và hy vọng bảo vệ mình tốt hơn chống lại Luftwaffe đã khiến toàn bộ đợt đổ quân thứ hai đi theo tuyến phía bắc tới Hà Lan. Tập hợp lại thành từng cột dày đặc kéo dài hết dặm này tới dặm khác trên không trung, gần 4000 máy bay chia thành nhiều tầng ở độ cao từ 1000 tới 2500 bộ.

Bay sát nhau, 1336 chiếc C47 của Mỹ và 340 chiếc Stirling của Anh làm nên phần lớn nhất của không đoàn. Một số chở quân. Những chiếc còn lại kéo theo một số lượng tàu lượn khó tin – 1205 chiếc Horsa, Waco, và cả những chiếc Hamilcar khổng lồ. Phía cuối không đoàn dài đến 100 dặm này là 252 chiếc máy bay ném bom 4 động cơ Liberator chở hàng. Để bảo vệ không đoàn này, bay phía trên và hai bên sườn có 867 máy bay chiến đấu – từ các phi đội Spitfire và máy bay phóng pháo Typhoon của Anh cho tới những chiếc Thunderbolt và Lightning của Mỹ - làm thành đội hộ tống. Tổng cộng, vào lúc khởi hành, đợt đổ quân thứ hai mang theo 6674 lính đổ bộ đường không, 681 xe cùng moóc chở hàng, 60 khẩu pháo cùng đạn, và trên 600 tấn tiếp tế, bao gồm cả 2 xe ủi. (CT: Về số máy bay tham gia có nhiều ước lượng. Nguồn của Mỹ cho con số tổng cộng 3807 máy bay, thống kê của Anh cho con số 4000. Số lượng nêu ra trong cuốn sách này được lấy từ báo cáo sau trận đánh của quân đoàn của tướng Browning, chỉ ra rằng sự khác biệt về con số có thể do số lượng máy bay chiến đấu. Theo nguồn của Mỹ, 674 máy bay chiến đấu xuất phát từ Anh bay hộ tống đợt đổ quân thứ hai, nhưng không bao gồm 193 chiếc xuất phát từ Bỉ, số này nâng tổng số máy bay chiến đấu lên 867

chiếc. Cho tới khi cuốn sách này được xuất bản, nguồn tổng kết tốt nhất về lực lượng không quân tham dự Market Garden, nhất là lực lượng vận tải, là cuốn sử của John C. Warren mang tựa đề “Airborne Operations in World War II, European Theater”).

Bị quấy rầy bởi đạn cao xạ, không đoàn lớn bay vào lục địa trên không phận bờ biển Hà Lan tại đảo Schouwen, sau đó hướng về phía đông vào đất liền tới điểm kiểm soát không lưu nằm ở phía nam thị trấn Hertogenbosch. Tại đây, với máy bay chiến đấu bay mở đường, lực lượng vận tải chia thành 3 đội hình hướng tới 3 khu vực tác chiến. Với sự chính xác tuyệt đối, thực hiện những thao tác bay khó và nguy hiểm, lực lượng đổ bộ của Mỹ ngoặt xuống phía nam và đông tới khu vực của các sư đoàn 101 và 82, trong khi lực lượng Anh ngoặt lên phía bắc tới Arnhem.

Cũng như ngày hôm trước, có những trục trặc xảy ra, cho dù đã giảm đi nhiều. Nhầm lẫn, bỏ cuộc, và những sai lầm thảm họa xảy ra đặc biệt với các đoàn tàu lượn. Trước khi đợt đổ quân thứ hai tới được các bãi đáp, 54 tàu lượn đã bị mất do trục trặc kỹ thuật hay sai sót của con người. Khoảng 26 chiếc phải bỏ cuộc trên không phận Anh hoặc trên biển; hai chiếc vỡ tung trong khi bay, và 26 chiếc bị thả xuống quá sớm dọc đoạn đường dài 80 dặm qua lãnh thổ địch, đáp xuống quá xa bãi đáp tại Bỉ và Hà Lan, vào sâu trong lãnh thổ Đức. Trong một sự việc kỳ quặc một người lính quá hoảng loạn đã lao vào buồng lái và tháo dây kéo của tàu lượn. Nhưng tổn thất về nhân mạng nhìn chung là thấp. Tổn thất lớn nhất, cũng như ngày hôm trước, là về những hàng quân sự rất cần thiết. Một lần nữa người của

Urquhart có vẻ lại bị số phận chơi khăm – có đến quá nửa số tàu lượn chở hàng bị mất là dành cho Arnhem.

Số phận cũng đã dắt mũi cả Luftwaffe. Vào lúc 10 giờ sáng, không thấy bóng dáng không đoàn Đồng Minh đâu, bộ tư lệnh không quân Đức đã rút quá nửa số 190 máy bay về căn cứ, trong khi số còn lại tuần tiễu vùng trời phía bắc và nam Hà Lan. Một nửa số phi đội bị chỉ định không đúng khu vực cần thiết, hoặc đang về căn cứ tiếp nhiên liệu khi đột đổ quân xuất hiện. Kết quả là chỉ có chưa đầy 100 chiếc Messerschmitt và FW-190 tham chiến tại khu vực Arnhem và Eindhoven. Không máy bay địch nào vượt qua nổi lá chắn tiêm kích dày đặc của Đồng Minh bảo vệ các không đoàn vận tải. Sau trận đánh các phi công Đồng Minh báo cáo đã hạ được 29 Messerschmitt đổi lại chỉ 5 máy bay tiêm kích Mỹ bị hạ.

Hỏa lực mặt đất dữ dội bắt đầu trườn lên đoàn máy bay khi họ đến gần các khu đổ quân. Tiếp cận các khu đổ quân của sư đoàn 101 ở phía bắc Son, những chiếc tàu lượn chậm chạp gặp mây mù gần mặt đất và mưa, thời tiết này đã ít nhiều che chở chúng khỏi các pháo thủ Đức. Nhưng hỏa lực cao xạ dữ dội và chết chóc từ khu vực Best bao phủ lên những đội hình đang tới nơi. Một tàu lượn, có lẽ chở đạn, đã trúng cả một loạt đạn cao xạ, nổ tung và tan biến. Trong lúc thả tàu lượn, bốn máy bay kéo liên tiếp bị trúng đạn từng chiếc một. Hai chiếc lập tức bốc cháy; một chiếc đâm xuống đất, một hạ cánh an toàn. Ba tàu lượn thùng lỗ chỗ vết đạn đáp bụng xuống khu đổ quân, những người bên trong thật kỳ lạ lại không ai làm sao. Tổng cộng, trong số 450 tàu lượn dành cho tướng Taylor, 428 chiếc tới được khu

đồ quân với 2656 lính, xe cộ và moóc kéo.

Cách đó 15 dặm về phía bắc, đợt đồ quân thứ hai của tướng Gavin bị đe dọa bởi những trận đánh vẫn đang dữ dội tại các khu đồ quân khi tàu lượn bắt đầu đáp xuống. Tổn thất của sư đoàn 82 cao hơn khu vực sư đoàn 101. Máy bay và tàu lượn rơi vào giữa lưới lửa phòng không. Cho dù ít chính xác hơn hôm trước, các pháo thủ Đức cũng đã bắn rơi 6 máy bay kéo khi những chiếc này chậm chạp vòng lại sau khi thả tàu lượn. Một chiếc bị bắn gãy rời cánh, 3 chiếc cháy bùng bùng đâm xuống đất, một chiếc rơi vào lãnh thổ Đức. Cuộc đấu súng một mất một còn nhằm giành quyền kiểm soát các khu đồ quân đã buộc nhiều tàu lượn phải hạ cánh ở nơi khác. Một số tiếp đất cách đích dự kiến 3 đến 5 dặm; một số hạ cánh trong lãnh thổ Đức; tuy thế nhiều chiếc vẫn cương quyết hạ xuống khu đồ quân được chỉ định. Liên tục nằm dưới trái phá, đạn cối và những luồng đạn súng máy đan chéo nhau từ mọi hướng, các khu đồ quân đều đã trở thành vùng đất chết. Lao xuống quá nhanh nền đất cứng, nhiều chiếc tàu lượn bị vỡ hoặc lộn ngược. Thế nhưng những thao tác ngoạn mục của các phi công đã thành công. Binh lính và hàng hóa bị tổn thất ít đến ngạc nhiên. Không ghi nhận có ai bị thương trong lúc tiếp đất, và chỉ 45 người bị chết hay bị thương bởi đạn địch trong khi bay hoặc tại các khu đồ quân. Trong số 454 tàu lượn, 385 đến được các khu của sư đoàn 82, mang theo 1782 lính pháo binh, 177 xe jeep và 60 pháo. Thoạt đầu, hơn một trăm lính bị coi là mất tích, nhưng sau đó quá nửa số này tới được phòng tuyến của sư đoàn 82 sau khi đáp xuống quá xa. Các phi công lái tàu lượn quả cảm đã phải chịu tổn thất lớn nhất; 54 người hy sinh hoặc bị coi là mất tích.

Cho dù quân Đức đã không phá hoại được đợt đổ quân thứ hai, họ đã gây tổn thất nặng cho những chiếc máy bay ném bom chở đồ tiếp tế đi sau đội hình chở quân và tàu lượn. Khi những phi đội đầu tiên trong số 252 chiếc B24 Liberator to lớn 4 động cơ tiếp cận khu vực của sư đoàn 101 và 82, các pháo thủ phòng không đối phương đã kịp chỉnh súng. Bay phía trước các máy bay chở hàng, máy bay chiến đấu đã tìm cách vô hiệu hóa các khẩu đội phòng không. Thế nhưng, cũng giống như các khẩu đội Đức đã làm khi xe tăng của Horrock bắt đầu cuộc đột phá của họ hôm 17, lần này quân địch cũng im lặng đợi đến khi máy bay chiến đấu bay qua đầu. Sau đó, những khẩu đội này bắt ngờ nổ súng. Chỉ trong vài phút, 21 máy bay hộ tống bị bắn rơi.

Theo sau các máy bay chiến đấu, những phi đội máy bay ném bom xuất hiện ở độ cao từ 50 đến 800 bộ. Khói và mây mù bao phủ khu vực đã che khuất các khói hiệu và vật mốc đánh dấu trên mặt đất, vì thế những người phụ trách thả hàng đầy kinh nghiệm trên những chiếc máy bay này cũng không thể xác định chính xác khu vực. Từ trên những chiếc B24, mỗi chiếc mang khoảng 2 tấn hàng, tiếp tế bắt đầu rơi xuống hủ họa, phân tán trên một diện tích rộng. Chạy ngang chạy dọc khắp các khu vực đổ quân của mình, binh lính sư đoàn 82 đã thu được 80% hàng tiếp tế, thường là ngay trước mặt quân Đức. Sư đoàn 101 thì không được may mắn như vậy. Rất nhiều kiện hàng tiếp tế của họ rơi thẳng vào tay lực lượng Đức tại khu vực Best. Chưa đến 50% tiếp tế dành cho họ đến tay người nhận. Với lực lượng của tướng Taylor nằm ở khu vực dưới cùng của hành lang chiến dịch, mất mát này là cực kỳ nghiêm trọng, vì hơn 100 tấn hàng dành cho họ

bao gồm xăng, đạn và lương thực. Hỏa lực Đức khủng khiếp đến mức 130 máy bay ném bom bị hư hại bởi hỏa lực mặt đất, 7 chiếc bị rơi, 4 chiếc phải đáp búng. Một ngày đã bắt đầu với nhiều hy vọng đến thế cho những người lính Mỹ bị vây bọc hành lang đã nhanh chóng trở thành cuộc vật lộn sống còn.

Trung úy Pat Glover thuộc lữ đoàn dù 4 của thượng tá Shan Hackett đã nhảy khỏi máy bay và đáp xuống khu đổ quân phía nam đường Ede-Arnhem. Anh cảm thấy cú giật khi dù mở, và lập tức tìm kiếm xung quanh mình, vớ lấy chiếc túi bạt có khóa kéo buộc vào bên vai trái mình. Trong túi, Myrtle cô gà nhảy dù đang kêu ầm lên và Glover cảm thấy yên tâm. Như anh đã dự định tại Anh, Myrtle đã thực hiện cú nhảy tác chiến đầu tiên của mình.

Khi Glover nhìn xuống dưới có vẻ toàn bộ mặt đất dưới chân đều đang bốc cháy. Anh có thể thấy đại đại bác và đạn cối nổ tung khắp nơi trên khu đổ quân. Khói và lửa cuồn cuộn bốc lên, và một số lính dù, không thể chinh được cú tiếp đất của mình, đã thực sự rơi vào hỏa ngục. Ở phía xa, nơi các tàu lượn đang chờ tới phần còn lại lữ đoàn của thượng tá Pip Hicks, Glover có thể trông thấy những đồng võ nát và người chạy theo mọi hướng. Có cái gì đó đang bất ổn. Theo cuộc phổ biến kế hoạch, Glover biết Arnhem được coi là chỉ được phòng thủ sơ sài và các khu vực đổ quân, đến lúc này, hẳn đã được kiểm soát và yên tĩnh. Trước khi đợt đổ quân thứ hai rời Anh đã không có dấu hiệu nào cho thấy có gì đó không ổn. Thế nhưng với Glover có vẻ một trận đánh lớn đang xảy ra ngay dưới chân anh. Anh tự hỏi liệu có phải do sai sót mà họ đã đáp xuống nhầm địa điểm hay

không.

Trong lúc viên trung úy xuống gần mặt đất, tiếng súng máy và tiếng nổ đùng đục của đạn cối có vẻ như bao lấy khắp xung quanh anh. Glover chạm đất, thận trọng lăn một vòng về phía vai trái để bảo vệ Myrtle, rồi nhanh chóng tháo dù. Gần đó, cần vụ của Glover, binh nhì Joe Scott, cũng vừa đáp xuống. Glover đưa cho anh ta chiếc túi đựng Myrtle. "Hãy trông coi nó cẩn thận nhé," anh bảo Scott. Nhìn quanh khu đổ bộ mờ mịt khói, Glover nhìn thấy những cuộn khói vàng đánh dấu điểm tập hợp. "Đi thôi," anh nói với Scott. Vừa chạy vòng vèo vừa nằm phục xuống, hai người lên đường. Nhìn về phía nào Glover cũng thấy sự hỗn loạn hoàn toàn. Anh cảm thấy nặng nề. Hiển nhiên là tình hình đã diễn biến rất xấu.

Khi thiếu tá J.L.Waddy nhảy xuống, ông cũng nghe thấy tiếng súng máy nổ rền có vẻ như đang cày nát cả khu vực theo mọi hướng. "Tôi không hiểu chuyện gì nữa," ông nhớ lại. "Chúng tôi đã được chuẩn bị tinh thần là bọn Đức đang chạy, và đội ngũ chúng đang hỗn loạn". Lắc lư rơi xuống phía dưới chiếc dù, Waddy nhận ra khu đổ bộ gần như bị che khuất bởi khói từ những đám cháy. Ở phía nam khu vực nơi ông tiếp đất, Waddy bắt đầu tìm kiếm khu tập kết của tiểu đoàn mình. "Đạn cối nổ khắp nơi, và tôi thấy không biết bao nhiêu người bị thương vong khi tôi đi qua". Khi ông tới gần điểm tập kết, Waddy chạm trán một viên đại úy cau có thuộc sở chỉ huy tiểu đoàn đã nhảy xuống Hà Lan ngày hôm trước. "Các ngài đã trễ quá nhiều đấy," Waddy nhớ anh này hét tướng lên. "Các vị có biết bọn tôi đã phải đợi ở đây bốn tiếng rồi không?" Đầy kích động, viên đại úy bắt

đầu báo tình hình cho Waddy. “Tôi choáng váng khi nghe,” Waddy nhớ lại. “Đó là tin tức đầu tiên chúng tôi được biết nói rằng tình hình không thuận lợi như dự kiến. Chúng tôi lập tức tập hợp lại, và khi tôi nhìn quanh, tôi có cảm tưởng cả bầu trời trên đầu là một quãng lửa”.

Tại cả hai khu đổ quân phía tây ga đường sắt Wolfheze – tại Ginkel Heath và Reyers Camp – những người lính dù và bộ binh đi tàu lượn rơi vào giữa một trận đánh ác liệt. Từ những tài liệu thu được về Market Garden, quân Đức đã biết địa điểm các khu đổ quân. Và qua hệ thống radar tại các địa điểm vẫn bị chiếm đóng ở bờ biển như Dunkirk, quân Đức, không giống như những người Anh dưới mặt đất, có thể tính toán chính xác thời điểm đợt đổ quân thứ hai tới nơi. Các đơn vị SS và phòng không được vội vã rút đi từ Arnhem, được tập trung nhanh chóng tới các khu vực này. Hai mươi máy bay chiến đấu của Luftwaffe được chỉ định tới liên tục quần thảo trên các khu vực đổ quân. Giao chiến trên mặt đất cũng ác liệt không kém. Để đẩy bật một số khu vực khỏi lực lượng địch đang tiếp cận, những người lính Anh, giống như họ đã phải làm trong đêm và đầu buổi sáng, lại giương lê đánh giáp lá cà.

Đạn cối bắn trúng các tàu lượn đáp xuống hôm trước, biến chúng thành những bó đuốc đến lượt mình lại làm cháy các khoảnh rừng. Quân địch xâm nhập đã biến một số tàu lượn thành bình phong cho cuộc tấn công của mình và quân Anh đành phải tự đốt cháy chúng còn hơn để chúng rơi vào tay địch. Gần 50 chiếc tàu lượn bốc cháy trong một biển lửa khổng lồ tại một góc cánh đồng. Thế nhưng lũ đoàn đổ bộ của thượng tá Pip Hicks – trừ nửa tiểu đoàn đã được gửi

tới Arnhem – vẫn đang chiến đấu với sự quả cảm bướng bỉnh để giữ các khu đổ quân. Lực lượng nhảy dù và những chiếc tàu lượn đáp xuống, mang theo 2119 người, đã thành công hơn bất cứ ai có mặt trên trời hay dưới đất dám tin. Ngay cả với trận đánh đang diễn ra, 90% lực lượng đợt hai đã tiếp đất – và đứng chỗ.

Thượng sĩ Ronald Bedford, xạ thủ đuôi trên một chiếc Stirling 4 động cơ, đã hiểu ra nhiệm vụ ngày thứ Hai khác xa với phi vụ anh đã bay hôm Chủ nhật. Lúc đó, chàng trai 19 tuổi Bedford nói thẳng ra đã cảm thấy phát chán về sự tẻ nhạt của chuyến bay. Lần này, trong khi họ tiếp cận khu đổ quân, hỏa lực bắn lên dữ dội và liên tục. Phát hiện ra một khẩu đội phòng không đặt trên xe tải ở ven cánh đồng, Bedford cố hết sức hướng súng về phía đó. Anh có thể thấy luồng đạn của mình hướng xuống dưới, rồi đột ngột khẩu đội nọ ngừng bắn. Bedford vô cùng phấn khích. “Tôi hạ được chúng rồi!”, anh ta reo lên. “Nghe này, tôi hạ được chúng rồi!” Khi chiếc Stirling tiếp tục bay theo lộ trình, Bedford nhận thấy có vẻ tất cả tàu lượn xung quanh đều được thả dây ra quá sớm. Anh ta chỉ có thể tự kết luận là hỏa lực phòng không dày đặc đã khiến nhiều phi công lái tàu lượn tách dây kéo và cố gắng hạ xuống càng nhanh càng tốt. Rồi anh trông thấy sợi cáp nối với chiếc Horsa phía sau họ rơi xuống. Nhìn theo chiếc tàu lượn đang nhào xuống, Bedford tin chắc thế nào nó cũng đâm phải những chiếc khác trước khi chạm đất. “Toàn bộ quang cảnh thật hỗn loạn,” anh này nhớ lại. “Những chiếc tàu lượn có vẻ lao xuống rất gấp, rồi lượn ngang tiếp đất, và thường trông như có vẻ chiếc nọ sắp lao vào chiếc kia. Tôi tự hỏi làm thế nào mà mỗi người trong bọn họ có thể làm vậy được”.

Thượng sĩ Roy Hatch, phụ lái một chiếc Horsa mang theo một xe jeep, hai xe mooc chở đạn súng cối, và 3 người, bắn khoả không biết họ sẽ hạ cánh ra sao khi anh nhìn thấy đạn cao xạ bắn lên phía trước họ. Khi thượng sĩ nhất Alec Young, phi công chính, lái chiếc tàu lượn chúc đầu sâu xuống và hạ độ cao, Hatch sững sờ nhận ra dường như tất cả mọi người đều nhắm đến cùng một điểm hạ cánh – bao gồm cả một con bò đang phát cuồng chạy lồng lên ngay phía trước họ. Thế nhưng bằng cách nào đó Young vẫn đưa chiếc tàu lượn tiếp đất yên ổn. Lập tức mọi người nhảy ra ngoài và bắt đầu tháo chiếc đuôi tàu lượn ra. Bất thần, với một tiếng rít tưởng rách màng nhĩ, một chiếc Horsa khác đáp xuống ngay trên lưng tàu lượn của họ. Chiếc này tiếp tục trườn đi, đập vỡ mũi chiếc tàu lượn của Hatch, gồm cả nóc và buồng lái nơi Hatch và Young vẫn còn ngồi chỉ vài tích tắc trước đó, rồi trượt về phía trước, dừng lại ngay trước mặt họ.

Một số tàu lượn khác chệch hoàn toàn khu đổ bộ, vài chiếc đáp cách đó đến 3 dặm. Hai chiếc đáp xuống bờ nam sông Rhine, một chiếc gần làng Driel. Để những người bị thương lại cho người dân Hà Lan chăm sóc, những người lính còn lại tìm về đơn vị mình bằng chiếc phà tại Driel đã bị quên bẵng nhưng vẫn hoạt động tốt (CT: Truyện này chắc có thực nhưng nhiều người Hà Lan thích kể nó. Theo bà Ter Horst sống tại Oosterbeek, khi những người lính Anh và vũ khí của họ, gồm cả một khẩu súng chống tăng, lên chiếc phà tại Driel, người lái phà Pieter phải đối mặt với sự lựa chọn: có lấy tiền phà của họ hay không. Đến khi tới bờ bắc, Pieter đã quyết định cho họ đi phà không mất tiền.)

Vài chiếc C47 đã bị trúng đạn và bốc cháy trong lúc tiếp cận các khu đồn quân. Khoảng 10 phút trước khi nhảy dù, thượng sĩ Francis Fitzpatrick nhìn thấy đạn cao xạ đang bắn tới rất dày. Một người lính trẻ, binh nhì Ginger Mac Fadden, bật dậy hét lớn, đưa tay ra sờ chân trái. “Tôi bị trúng đạn rồi,” Mac Fadden kêu lên. Fitzpatrick nhanh chóng xem vết thương và tiêm cho người lính một mũi morphin. Sau đó viên thượng sĩ nhận thấy chiếc máy bay có vẻ chòng trành. Khi anh cúi người nhìn qua ô cửa sổ, cửa dẫn tới khoang lái mở ra và người chỉ huy nhảy bước ra, khuôn mặt nghiêm trọng. “Đứng dậy chuẩn bị móc dù và nhảy khẩn cấp”, anh ta nói. Fitzpatrick nhìn xuống hàng lính dù lúc này đã móc dù và sẵn sàng nhảy. Anh ta có thể nhìn thấy khói bốc ra từ động cơ. Dẫn đầu đội hình, Fitzpatrick nhảy đầu tiên. Khi chiếc dù của anh mở ra, chiếc máy bay đâm nhào xuống. Trước khi Fitzpatrick kịp chạm đất anh nhìn thấy chiếc C47 đâm cắm đầu xuống một cánh đồng ở phía tay phải mình. Anh chắc chắn rằng tổ lái và Ginger MacFadden đã không thể sống sót.

Trên một chiếc C47 khác viên chỉ huy phi hành đoàn người Mỹ đưa bốn đại úy Frank D.King, “Anh bạn sắp phải xuống dưới kia còn tóc sẽ chuồn về nhà chén thịt muối và trứng”. Người Mỹ ngồi đối diện với King. Mấy phút sau đèn xanh bật sáng. King liếc nhìn người này. Anh ta có vẻ như gục xuống ngủ gật, người ngả ra sau, cằm gập xuống ngực, hai tay để xuôi ra phía trước. King cảm thấy có gì đó không ổn. Anh lay vai người Mỹ và anh này đổ vật sang bên. Anh ta đã chết. Phía sau anh ta, King nhìn thấy một lỗ thủng to trên thành máy bay có vẻ như do một viên đạn súng máy loại nòng 50 caliber gây ra.

Đứng bên cửa chuẩn bị nhảy, King nhìn thấy lửa phụt ra từ phía cánh. “Chúng ta cháy rồi,” anh hét lớn với thượng sĩ George Gatland, “Báo với phi công”. Gatland làm theo. Khi anh ta mở cửa buồng lái, một lưỡi lửa bùng ra phụt dọc thân máy bay. Gatland vội đóng sập cửa lại và King ra lệnh cho người của mình nhảy. Anh tin rằng lúc này họ đang bay không phi công.

Khi những người lính dù lao qua cửa máy bay, Gatland ước tính chiếc máy bay ở cách mặt đất chừng 200 đến 300 bộ. Anh tiếp đất và bắt đầu kiểm điểm mọi người. Bốn người mất tích. Một bị giết bởi đạn phòng không ngay bên khung cửa trước khi kịp rời máy bay. Một người khác kịp nhảy nhưng dù bị bắt lửa; người thứ ba, King và Gatland tìm hiểu được, đã tiếp đất cách đó một quãng. Sau đó người thứ tư xuất hiện vẫn đeo dù sau lưng. Tổ lái, anh ta nói cho họ biết, đã xoay xở đáp bụng được và như có phép thần, họ đã kịp chuồn ra. Lúc này, cách Oosterbeek 15 dặm và ở xa chiến tuyến Anh, nhóm của King lên đường tìm về đơn vị. Trong lúc họ đi, chiếc C47, đang bốc cháy cách đó một phần tư dặm, nổ tung.

Ở một số khu vực, lính dù nhảy ra an toàn chỉ để tiếp đất giữa những quầng lửa rừng rực. Cố sống cố chết chĩnh dây dù để tránh những nơi này, nhiều người đáp xuống rìa khu đồ quân, vào những vạt rừng dày đặc. Một số, trong lúc đang cố gỡ dù ra, bị các tay bắn tỉa địch bắn hạ. Số khác đáp xuống cách xa khu đồ quân của mình. Có nơi, một phần của cả một tiểu đoàn đã nhảy xuống sau lưng quân Đức, sau đó hành quân tới điểm tập kết mang theo 80 tù binh.

Dưới làn đạn đang đan trên các khu đồ quân, những người lính dù, sau khi tháo dù, hối hả lao đi tìm chỗ ẩn nấp. Từng nhóm nhỏ những người bị thương nặng nằm rải rác khắp nơi. Binh nhì Reginald Bryant bị trúng mảnh đạn cối và bị choáng nặng đến mức tạm thời anh ta hoàn toàn tê liệt. Biết được tất cả những gì xảy ra quanh mình, nhưng anh không thể động đậy. Anh nằm bất lực nhìn trong lúc những người trên cùng máy bay, tin rằng Bryant đã chết, liền nhả đạn và khẩu súng của anh rồi vội vã chạy đi tới điểm tập kết.

Nhiều người, bất ngờ trước những làn đạn súng máy và súng bắn tia bao trùm các khu đồ quân, lao vào rừng ẩn nấp. Sau vài phút cả khu vực đã vắng tanh, trừ những người đã chết hoặc bị thương. Thượng sĩ Ginger Green, người giáo viên thể lực đã lạc quan mang theo một quả bóng đá để đấu một trận tại khu đồ quân sau trận đánh mà anh đã nghĩ sẽ dễ dàng, nhảy và tiếp đất mạnh đến mức gãy hai xương sườn. Anh đã nằm đó bao lâu, Green cũng không rõ nữa. Khi anh tỉnh lại, anh chỉ còn lại một mình giữa những thi thể xung quanh. Anh đau đớn ngồi dậy và lập tức bị một tay bắn tia ngắm bắn. Green đứng dậy và bắt đầu lao đảo chạy về phía rừng. Đạn rớt khắp xung quanh anh. Hết lần này tới lần khác, bên sườn đau khủng khiếp khiến anh ngã khụy xuống. Anh biết chắc thế nào cũng sẽ dính đạn. Trong làn khói bay ngang trắng trắng, cuộc đối đầu lạ lùng với tay bắn tia có vẻ như kéo dài hàng giờ. “Tôi chỉ có thể chạy được 5 hay 6 yard mỗi lần,” anh ta nhớ lại, “và tôi nghĩ mình đang đối đầu với một tên con hoang bị tâm thần hay một tay súng hạng bét”. Cuối cùng, ôm lấy bên sườn bị đau, Green gắng sức lao đi lần cuối cùng để tới vạt rừng. Tới nơi, anh nhào người xuống đất và lăn người đi va vào một gốc

cây đúng lúc một viên đạn cuối cùng vô hại bắn trúng vào một cành cây trên đầu anh. Anh đã thắng cuộc đấu tay đôi sống còn dưới những điều kiện tuyệt vọng để sống sót. Kiệt sức và đau đớn, Green chậm chạp moi quả bóng đã xếp lếp ra khỏi túi ngực trang và vứt nó đi.

Nhiều người sẽ còn nhớ mãi những giây phút khủng khiếp đầu tiên sau khi tiếp đất. Chạy nhanh đến mức có thể để thoát thân khỏi những viên đạn và những đám lửa đang hoành hành tại Ginkel Heath, ít nhất hơn chục người lính vẫn còn nhớ tới một trung úy trẻ 22 tuổi nằm trên mặt đất bị thương rất nặng. Anh ta bị đạn lửa bắn trúng chân và ngực khi còn đang treo người trên dù. Trung úy Pat Glover nhìn thấy người sĩ quan trẻ này khi anh rời khu đồ quân. “Anh ta đau đớn khủng khiếp”, Glover nhớ, “và không thể khiêng anh ta đi được. Tôi tiêm cho anh ta một mũi morphin và hứa sẽ bảo quân y tới cấp cứu cho anh ta sớm nhất có thể được”. Binh nhì Reginald Bryant, khi hồi lại sau cơn choáng tại khu đồ quân, cũng đi qua chỗ người sĩ quan này khi tìm tới điểm tập kết. “Khi tôi tới gần anh ta, khói đang bốc lên từ vết thương trên ngực anh ấy. Con hấp hối của anh ấy thật khủng khiếp. Vài người trong chúng tôi đã đi qua cạnh anh ấy lúc đó và anh ấy đã cầu xin chúng tôi hãy giết mình”. Một người nào đó, Bryant không nhớ là ai, từ tốn bước lại bên viên trung úy và đưa anh ta khẩu súng lục của mình đã lên đạn. Khi mọi người vội vã rời khỏi đó, đám cháy trên khu trang trống bắt đầu lan tới nơi có người sĩ quan bị thương. Sau đó, đội cứu thương tìm thấy thi thể anh ta. Người ta kết luận rằng anh ta đã tự sát (CT: Cho dù có rất nhiều nhân chứng xác nhận câu chuyện này, tôi xin phép không

công bố tên người sĩ quan. Vẫn còn là nghi vấn liệu anh có tự sát hay không. Đó là một sĩ quan can đảm và rất được yêu mến. Có thể quả thực anh đã sử dụng khẩu súng lục của mình, cũng có thể anh bị giết bởi một tay bắn tỉa).

Với sự chính xác đặc trưng, thượng tá Shan Hackett, tư lệnh lữ đoàn dù 4, tiếp đất cách vị trí ông định đặt sở chỉ huy chưa đầy 300 yard. Bất chấp hỏa lực kẻ thù, mối quan tâm đầu tiên của ông là tìm cây gậy chống mà ông đánh rơi khi tiếp đất. Trong khi đang tìm, viên thượng tá chạm trán một toán Đức. “Tôi còn hãi hơn cả chúng”, ông ta nhớ lại, “nhưng chúng có vẻ mau mắn đầu hàng hơn”. Hackett, nói tiếng Đức thành thạo, chỉ bảo đám này đợi đó; sau đó, tìm thấy cây gậy của mình, viên thượng tá chĩa chu đạo mạo binh thân dẫn đám tù binh của mình đi.

Là một người nóng nảy ngay cả những lúc mát tính nhất, Hackett không thích những gì ông nhìn thấy. Cả viên thượng tá cũng đã trông đợi các khu đồ quân được kiểm soát và tổ chức quy củ. Đúng lúc này, đại tá Charles Mackenzie, tham mưu trưởng của tướng Urquhart, lái xe tới để thực hiện trách nhiệm chẳng dễ chịu gì của mình. Kéo Hackett ra một bên, Mackenzie – theo như chính ông thuật lại – “nói với ông ta những gì đã được quyết định và kết luận về vấn đề quyền chỉ huy”. Thượng tá Pip Hicks đã được giao quyền chỉ huy sư đoàn trong lúc Urquhart và Lathbury vắng mặt. Mackenzie giải thích tiếp rằng ngay từ ở Anh Urquhart đã quyết định Hicks sẽ nắm quyền trong trường hợp cả Urquhart và Lathbury mất tích hoặc tử trận.

Hackett chẳng vui vẻ gì, Mackenzie nhớ lại. “Hãy nhìn đây, Charles, tôi cao cấp hơn Hicks”, ông ta nói với Mackenzie. “Do đó tôi phải là người chỉ huy sư đoàn này”. Mackenzie kiên quyết. “Tôi hiểu, thưa ngài, nhưng tướng quân đã nói với tôi thứ tự nắm quyền chỉ huy và chúng ta phải tuân theo nó. Hơn nữa, thượng tá Hicks đã ở đây 24 giờ và quen thuộc với tình hình hơn”. Hackett, Mackenzie kể, có thể sẽ chỉ làm mọi việc tệ hơn nếu ông ta “bực bội với những gì đã được quyết định và thử cố làm gì đó”.

Nhưng Mackenzie hiểu rõ chuyện này sẽ không dừng lại ở đây. Một khoảng cách tế nhị đã luôn tồn tại giữa Urquhart và Hackett. Cho dù viên thượng tá nóng tình theo cấp bậc thích hợp với vị trí chỉ huy, nhưng theo quan điểm của Urquhart ông này thiếu kinh nghiệm chỉ huy bộ binh của Hicks, một người lớn tuổi hơn. Thêm nữa, Hackett xuất thân kỵ binh, và ai cũng biết Urquhart không đánh giá các sĩ quan kỵ binh cao bằng các sĩ quan bộ binh mà ông quen thuộc từ lâu. Có lần viên tư lệnh sư đoàn đã gọi trêu Hackett trước đám đông là “chàng kỵ sĩ ngã ngựa” – một cách gọi mà Hackett không thấy khôi hài chút nào.

Mackenzie thông báo với Hackett rằng tiểu đoàn 11 của ông sẽ được tách khỏi lữ đoàn. Đơn vị này sẽ hành quân lập tức tới cây cầu tại Arnhem. Với Hackett, đây là sự sỉ nhục cuối cùng. Sự tự hào của ông về lữ đoàn của mình một phần xuất phát từ khả năng của nó với tư cách một đơn vị hoàn thiện được huấn luyện kỹ càng để chiến đấu như một thực thể độc lập. Viên thượng tá phẫn nộ trước việc lữ đoàn

của mình bị chia tách ra thành từng mảnh. “Tôi không thích bị ra lệnh phải bỏ đi một tiểu đoàn của mình mà không được hỏi ý kiến trước”, ông ta nóng nảy phản đối Mackenzie. Sau đó, suy nghĩ thêm, ông ta nói tiếp, “Tất nhiên, nếu có tiểu đoàn nào phải đi thì đó là tiểu đoàn 11. Nó đã được thả xuống góc đông nam của khu vực đổ quân và gần Arnhem cũng như cây cầu nhất”. Nhưng ông này yêu cầu được tăng cường một tiểu đoàn để đổi lại, và Mackenzie trả lời ông ta nghĩ Hicks có thể trao cho Hackett một tiểu đoàn. Câu chuyện tạm kết thúc tại đây. Viên thượng tá nóng như lửa, năng động và đầy năng lực Hackett đành chấp nhận việc đã rồi. Trước mắt, Hicks sẽ chỉ huy trận đánh, nhưng Hackett quyết định sẽ nắm toàn quyền chỉ huy lữ đoàn của mình.

Với người Anh đó là một buổi chiều căng thẳng và đẫm máu. Với đợt đổ quân thứ hai đầy trục trặc, số phận của tướng Urquhart và thượng tá Lathbury chưa rõ, với lực lượng nhỏ bé của trung tá Frost mong manh bám lấy đầu cầu phía bắc tại Arnhem, và với một cuộc xung đột cá nhân bùng nổ giữa hai viên tư lệnh lữ đoàn, giờ lại thêm một tai họa không lường trước nữa xảy ra.

Quân số sụt giảm, kiệt sức vì chiến đấu liên tục, binh lính lữ đoàn đổ bộ của Hicks quan sát một cách tuyệt vọng khi 35 chiếc Stirling ném số hàng tiếp viện xuống khắp nơi, trừ khu đổ quân. Trong số 87 tấn đạn, lương thực và tiếp tế dành cho lực lượng đổ bộ tại Arnhem, chỉ có 12 tấn đến tay họ. Số còn lại, bị thả xuống quá xa về phía tây nam, rơi vào tay quân Đức.

Tại nhà của Antoon Derksen cách đó chưa đến 5 dặm, tướng Urquhart vẫn bị quân Đức bao kín. Khẩu pháo tự hành và tổ lái của nó ở ngoài phố gần đến mức Urquhart và hai sĩ quan đi cùng ông không dám nói hay cử động. Ngoài một ít chocolat và kẹo cứng, họ không có lương thực gì khác. Nước đã bị cắt và không có cách nào tắm rửa được. Urquhart cảm thấy tuyệt vọng. Không thể ngủ hay thậm chí nghỉ ngơi, ông băn khoăn nghĩ tới diễn biến của trận đánh, tới đợt đổ quân thứ hai mà ông không biết sự chậm trễ. Ông tự hỏi không biết xe tăng của Horrock đã tiến tới đâu và liệu người của Frost có còn giữ được đầu cầu không. “Nếu tôi biết được tình hình thực tế lúc đó,” sau này ông hồi tưởng lại, “hẳn tôi đã bất chấp sự lo lắng của các sĩ quan đi cùng và đột kích ra ngoài, có bọn Đức hay không cũng vậy”. Im lặng và ủ rũ, Urquhart chợt nhận ra mình đang nhìn chăm chăm vào bộ ria của đại úy James Cleminson. “Bộ ria rậm quá cỡ này trước đó tôi không hề để ý tới,” ông viết, “nhưng giờ thì chẳng có gì khác mà nhìn”. Bộ ria đó làm ông khó chịu. Trông nó “thật ngu ngốc”.

Với nhiều lo lắng đến vậy để bận tâm, Urquhart chẳng lúc nào nghĩ tới quyết định của mình về thứ tự nắm quyền chỉ huy sư đoàn, một chỉ dẫn vào phút cuối lúc này đang nhanh chóng gây ra một cuộc đối đầu rắc rối giữa Hicks và Hackett. Cho tới lúc đó, 4 giờ chiều ngày thứ Hai, 18/9, Urquhart đã vắng mặt ở sở chỉ huy của mình gần trọn một ngày.

Tướng Wilhelm Bittrich, tư lệnh quân đoàn panzer SS số 2, đã bị sốc

trước quy mô của đợt đổ quân thứ hai. Bị thống chế Model thúc ép phải nhanh chóng chiếm lại cây cầu Arnhem và bị trung tá Harzer cùng tướng Harmel giục đòi tiếp viện, Bittrich thấy khó khăn của mình mỗi lúc một nặng nề. Trong khi ông ta cau có quan sát, bầu trời phía tây Arnhem như nở hoa với hàng trăm chiếc dù đủ màu sắc, sau đó đen kịt với một đoàn tàu lượn như dài vô tận, Bittrich cảm thấy tuyệt vọng. Từ hệ thống liên lạc của Luftwaffe, ông ta được biết có hai cuộc đổ bộ quy mô lớn khác cũng diễn ra đồng thời. Cố gắng ước lượng quy mô lực lượng Đồng Minh, Bittrich đã phóng đại lên rất nhiều số lượng quân Anh – Mỹ hiện có mặt tại Hà Lan. Ông ta tin rằng rất có thể cả một sư đoàn nữa đã đổ bộ, đủ để cán cân lực lượng nghiêng về những kẻ tấn công.

Với Bittrich, cuộc đua tăng cường lực lượng giữa phía Đồng Minh với viện binh Đức đã trở thành một cuộc đua vô vọng. Cho tới lúc này chỉ có rất ít lính và trang bị tới được ông ta. Ngược lại, nguồn lực của Đồng Minh có vẻ như vô tận. Ông ta sợ rằng họ sẽ còn tổ chức thêm một đợt đổ quân nữa vào ngày hôm sau. Trên dải đất Hà lan hẹp với địa hình khó khăn, nhiều cầu, lại rất gần với biên giới hầu như bỏ ngỏ của nước Đức, một lực lượng lớn như vậy đồng nghĩa với thảm họa.

Có rất ít hiệp đồng giữa lực lượng của Bittrich với đạo quân dù số 1 của tướng Student ở phía nam. Cho dù quân của Student liên tục được tăng cường bởi những gì còn lại thuộc đạo quân số 15 của Von Zangen, đạo quân toi tả này vẫn thiếu trầm trọng phương tiện vận tải, đại bác và đạn. Sẽ cần nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần, để tái trang bị cho họ. Cho tới khi đó, toàn bộ trách nhiệm ngăn chặn cuộc

tấn công của Montgomery đặt lên vai Bittrich, và vấn đề khẩn cấp nhất của ông ta là cây cầu tại Nijmegen cùng sự kháng cự không thể tin nổi của người Anh tại đầu bắc cây cầu Arnhem.

Chừng nào quân Đồng Minh còn bám trụ ở đó, Bittrich sẽ không thể đưa lực lượng của mình theo xa lộ tới Nijmegen. Sư đoàn Frunsberg của Harmel, đang cố gắng vượt qua sông Rhine, phụ thuộc hoàn toàn vào chiếc phà tại Pannerden – một phương tiện vượt sông chậm chạp và không tin cậy. Cũng thật trớ trêu, trong khi quân Anh tại Arnhem đang cảm thấy những nghi ngờ đầu tiên về khả năng có thể bám trụ được của họ, thì Bittrich lại vô cùng lo ngại về kết cục của trận đánh. Ông ta nhận thấy đế quốc đang đứng trước nguy cơ sát sườn bị tấn công. Hai mươi bốn giờ tiếp theo sẽ nói lên sự thật.

Những thượng cấp của Bittrich có những khó khăn ở tầm vĩ mô hơn. Khắp dọc chiến tuyến dài của cụm quân B, thống chế Model đang gồng mình cố ngăn chặn những cuộc tấn công không ngừng của các đạo quân Mỹ số 1 và 3. Cho dù việc tái bổ nhiệm viên thống chế danh tiếng Von Runstedt đã khôi phục lại trật tự và sự liên kết, ông ta đang cố vét đến tận đáy dự trữ nhân lực của quốc gia để tìm tăng viện. Tìm nguồn nhiên liệu để di chuyển một đơn vị từ vùng này sang vùng khác cũng trở thành một vấn đề ngày càng nan giải, và Tổng hành dinh của Hitler hầu như không giúp được gì. Berlin có vẻ quan ngại với mối đe dọa của người Nga từ phía đông hơn là bước tiến của Anh – Mỹ từ phía tây.

Bất chấp những lo lắng khác của mình, Model có vẻ tự tin sẽ đối phó

được với mối đe dọa tại Hà Lan. Ông ta vẫn chắc chắn rằng những đầm lầy, kênh rạch và kè đập của quốc gia này sẽ giúp ông ta chặn đứng và đánh bại cuộc tấn công của Montgomery. Bittrich thì không lạc quan như vậy. Ông ta thúc giục Model thực hiện một số bước quan trọng trước khi tình hình xấu thêm. Theo quan điểm của Bittrich, cần phá hủy ngay lập tức các cây cầu tại Nijmegen và Arnhem, nhưng đề nghị này làm Model bực bội mỗi khi Bittrich nhắc đến. “Thực dụng, lúc nào cũng yêu cầu điều không thể, Model đến gặp tôi hằng ngày”, Bittrich nhớ lại. “Vừa tới nơi, ông ta tuôn ra một tràng mệnh lệnh liên quan đến tình hình chiến sự hiện thời, nhưng ông ta chẳng bao giờ ở lại đủ lâu tại bất cứ cuộc họp nào để nghe hay phê chuẩn những kế hoạch dài hơi”. Model, Bittrich e ngại, đã không hình dung ra được hiểm họa khủng khiếp có thể tới với nước Đức nếu một cuộc đột kích của Đồng Minh thành công. Ngược lại, ông ta có vẻ bị ám ảnh bởi những chi tiết; viên thống chế đặc biệt quan ngại trước việc quân Đức thất bại trong cố gắng tái chiếm cây cầu Arnhem. Bực bội trước những lời chỉ trích, Bittrich nói với thống chế, “Trong suốt cuộc đời làm lính của mình, tôi chưa bao giờ thấy binh lính phải chiến đấu khốc liệt đến thế”. Model dừng dừng. “Tôi muốn cây cầu đó”, ông ta lạnh lùng đáp.

Vào chiều ngày 18 Bittrich một lần nữa cố gắng giải thích quan điểm của mình về tình hình tổng thể cho một Model đang sốt ruột. Cây cầu tại Nijmegen là chìa khóa của cả chiến dịch, ông lý luận. Chỉ cần phá hủy nó là mũi nhọn tấn công của Đồng Minh sẽ bị cắt lìa khỏi lực lượng chính. “Ngài thống chế, chúng ta cần phá hủy cầu vượt sông Waal trước khi quá muộn,” Bittrich nói. Model không đồng ý.

“Không!” ông ta nói. “Câu trả lời là không!” Không những Model yêu cầu bảo vệ cây cầu; ông ta còn lệnh cho đạo quân của Student và sư đoàn Frunsberg chặn đứng lực lượng Anh – Mỹ trước khi họ tới được đó. Bittrich bức bối nói ông còn xa mới tin rằng có thể ngăn chặn được quân Đồng Minh. Vì cho tới lúc đó hiện hầu như chưa có lực lượng thiết giáp của Đức tại khu vực này, ông ta nói với Model, có nguy cơ rất lớn lực lượng thiết giáp mạnh áp đảo của Montgomery sẽ thực hiện được cú đột phá. Sau đó Bittrich nói về lo ngại của mình rằng cần lường trước những đợt đổ quân đường không tiếp theo. “Nếu Đồng Minh thành công với cuộc đột kích từ phía nam lên của họ và nếu họ thả tiếp một sư đoàn đổ bộ nữa xuống khu vực Arnhem, chúng ta coi như đi đứt”, ông ta nói. “Đường dẫn tới Ruhr và nước Đức sẽ hoàn toàn rộng mở”. Model không hề bị tác động. “Mệnh lệnh của tôi không thay đổi,” ông ta nói. “Không được phá cây cầu tại Nijmegen, và tôi muốn tái chiếm cây cầu tại Arnhem trong vòng 24 giờ nữa”.

Những người khác biết rõ thi hành các mệnh lệnh của Model khó khăn đến thế nào. Trung tá Harzer, tư lệnh sư đoàn Hohenstaufen, đã mất rất nhiều người. Toàn bộ lực lượng ông ta có đều đã tham chiến. Chẳng có lực lượng tăng viện nào tới, và quy mô của đợt đổ quân thứ hai đặt ra những nghi ngờ nghiêm trọng về khả năng người của ông ta có thể khống chế được quân địch. Giống như Bittrich, Harzer cũng tin rằng “Đồng Minh mới chỉ thả xuống một lực lượng tiền trạm. Tôi tin chắc sẽ còn nhiều hơn nữa và sau đó họ sẽ tiến về phía Đế quốc.” Với lực lượng thiết giáp ít ỏi, Harzer không rõ mình có thể chặn đứng đối phương được không. Dù sao đi nữa, ông ta đã thành công trong

việc làm chủ tình hình tại một nơi – khu vực đặt chính sở chỉ huy của ông ta. Tại đây, bất cần đếm xỉa đến quyền lợi của tù binh, viên trung tá đã bắt vài trăm lính Anh đứng xung quanh hàng rào thép gai của khu vực dưới sự giám sát của lính canh. “Tôi tin chắc,” ông ta nhớ lại, “là RAF sẽ không ném bom vào người của họ”.

Harzer, một người sùng Anh ra miệng (“Tôi thực sự hâm mộ người Anh”), đã từng học ở Anh dưới dạng sinh viên trao đổi. Ông ta hào hứng lang thang giữa đám tù binh cố gắng bắt chuyện để thực hành tiếng Anh của mình, và cũng hy vọng mọi tin. Ông ta rất ấn tượng trước tinh thần của lính Anh. “Họ rất thản nhiên và kiêu hãnh, chỉ có lính cự mới có thể vậy”, viên trung tá nhớ lại. Tính cách của những tù binh đã khiến Harzer tin rằng trận đánh còn xa mới có thể coi là đã thắng. Để khiến lực lượng của Urquhart rối loạn và ngăn chặn khả năng của bất cứ cuộc tấn công có tổ chức nào, ông ta đã ra lệnh cho sư đoàn Hohenstaufen của mình trong đêm 18 “tấn công không ngừng nghỉ suốt đêm bằng bất cứ giá nào”.

Tư lệnh sư đoàn Frunsberg, tướng Harmel, “quá bận rộn để lo lắng tới chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo”. Được giao nhiệm vụ tái chiếm cây cầu Arnhem, phòng thủ cầu vượt sông Waal và toàn bộ khu vực nằm giữa hai điểm này, khó khăn của Harmel còn nghiêm trọng hơn của Harzer nhiều. Việc đưa sư đoàn của ông ta qua sông bằng phà diển ra với tốc độ của ốc sên bò. Lính, trang bị, và xe tăng được đưa lên những chiếc bè tự chế bằng gỗ hay cao su. Những con đường dẫn xuống mép nước đều đông nghịt. Xe tăng và các quân xa khác bị trượt khỏi bè, một số chìm ngấm dưới sông. Tệ hại hơn, vì những

cuộc tấn công không dứt của không quân Đồng Minh, hầu như toàn bộ việc vận chuyển phải tiến hành trong đêm. Sau 24 giờ công binh của Harmel chỉ đưa được 2 tiểu đoàn cùng xe cộ và trang bị của các đơn vị này qua sông tới khu vực Arnhem – Nijmegen. Để đẩy nhanh tốc độ, những đoàn xe tải chạy liên tục theo hai chiều giữa những điểm vượt sông ở bờ nam và Nijmegen để vận chuyển quân. Nhưng tiến độ vẫn quá chậm. Hiển nhiên lúc này người của Harmel đã có mặt ở trung tâm Nijmegen và đầu phía nam cây cầu trên xa lộ, nhưng ông ta ngờ rằng họ khó có thể chặn đứng một cuộc tấn công mạnh của quân Anh – Mỹ. Cho dù đã nhận được lệnh không cho phép phá cầu, Harmel vẫn chuẩn bị cho khả năng xấu nhất. Công binh của ông ta đã đặt bộc phá và lắp thiết bị kích nổ tại một lô cốt gần làng Lent ở bờ bắc. Ông ta hy vọng Bittrich sẽ phê chuẩn việc phá hủy cầu đường bộ và đường sắt nếu không thể giữ được. Nhưng nếu không, quyết định của Harmel cũng đã được xác định. Nếu xe tăng Anh chọc thủng phòng tuyến và bắt đầu tiến qua cầu, ông ta sẽ bất chấp lệnh cấp trên và phá hủy các cây cầu này.

Ngôi làng trù phú Oosterbeek có vẻ đang chìm trong một sự pha trộn kỳ lạ giữa vui mừng và bồn chồn. Giống như một ốc đảo lọt thỏm giữa trận đánh, ngôi làng bị tiếng động của các cuộc đổ súng dội tới từ 3 phía. Từ các khu đổ quân ở phía tây tiếng đại bác vọng lại hầu như không dứt. Từ phía tây bắc tiếng súng máy nổ từng tràng và tiếng nổ khô khan của những phát đạn cối có thể nghe thấy rõ trên các đường phố trồng hoa, và về phía đông, cách đó hai dặm rưỡi, tại Arnhem, khói đen bao phủ đường chân trời, một tấm phong sâm màu cho những chớp lửa không dứt của pháo binh hạng nặng.

hững cuộc oanh kích trước khi diễn ra cuộc đổ quân và tàu lượn, cũng như đạn bắn tỉa và những quả đạn cối đi không đúng hướng, đã gây ra thương vong cho dân thường và một số hư hại cho các cửa hàng và nhà ở, nhưng chiến sự cho tới lúc này vẫn chưa thực sự đặt chân vào Oosterbeek. Những khu khách sạn nghỉ ngơi sang trọng, những khu biệt thự tuyệt đẹp và những dãy phố viền cây xanh vẫn hầu như chưa bị đụng chạm đến. Thế nhưng từng giờ trôi qua cho thấy bằng chứng rõ ràng là giao tranh đang mỗi lúc một gần. Đây đó, dư chấn của những vụ nổ phía xa bắt thần làm vỡ những tấm kính. Tro từ giấy, quần áo, đồ gỗ bị cháy theo gió rơi như mưa xuống các con phố, và không khí khét lẹt mùi thuốc súng.

Hôm Chủ nhật Oosterbeek đông nghịt lính khi người Anh tới nơi gần như ngay sau gót cuộc tháo chạy của quân Đức. Không ai ngủ đêm hôm đó. Một sự kích động đầy hồi hộp, tăng dần lên theo tiếng động cơ của những chiếc jeep, những chiếc xe chở súng máy Bren, và tiếng bước chân hành quân của những người lính, khiến giấc ngủ không thể nào tới được. Trong suốt ngày 18 những hoạt động này vẫn tiếp tục. Cư dân địa phương, vui vẻ nhưng vẫn lo lắng, đã phủ đầy các ngôi nhà và đường phố với cờ Hà Lan và mang tặng cơ man nào là đồ ăn, hoa quả, đồ uống khi những chàng Tommy hành quân qua. Với hầu hết cư dân chiến tranh có vẻ đã gần chấm dứt. Lúc này, dần dà, không khí bắt đầu thay đổi. Một số đơn vị Anh giờ có vẻ đồn trú hẳn trong làng, và các trinh sát pháo của trung tá Sheriff Thomson chiếm lĩnh tòa tháp của ngôi nhà thờ Tân giáo Hà Lan xây từ thế kỷ 10 gần sông Rhine ở phía cuối Oosterbeek, nhưng hoạt động của quân đội đã

chậm lại đáng kể. Vào cuối buổi chiều, những nơi đông người đều vắng lặng, người dân Hà Lan để ý thấy súng chống tăng và súng máy Bren đã được bố trí tại những vị trí chiến lược trên xa lộ. Nhìn thấy chúng, cư dân địa phương có một dự cảm bất ổn.

Trong khi đi khắp Oosterbeek để cố tìm hiểu xem chuyện gì đang xảy ra, Jan Voskuil còn nhớ nhìn thấy một sĩ quan Anh ra lệnh cho cư dân cất những lá cờ của họ đi. “Đây là chiến tranh”, anh nghe thấy người sĩ quan nói với một dân làng, “và các vị đang ở giữa chiến trường”. Trong lúc đi nghe ngóng, Voskuil để ý thấy tâm trạng của người dân đang thay đổi. Từ Jaap Koning, người thợ làm bánh mì, Voskuil được biết nhiều người Hà Lan đang rất bi quan. Có tin đồn, Koning nói, rằng “Mọi việc diễn ra không được tốt”. Sự hồi hộp chờ đợi thay thế cảm giác nhẹ nhõm phần khởi được giải phóng. “Người Anh,” Koning nói, “đang bị đẩy lùi khắp nơi”. Voskuil rất băn khoăn. Koning luôn rất thạo tin, và cho dù đây là những tin xấu đầu tiên anh nghe được, chúng đã khẳng định sự lo ngại anh vẫn cảm thấy. Từng giờ qua đi, Voskuil cảm thấy tiếng đạn đại bác gầm rít bay qua làng về hướng Arnhem mỗi lúc một thường xuyên hơn. Nhớ lại sự tàn phá khủng khiếp xảy ra với những làng xóm Normandy, Voskuil không thể nào xua khỏi đầu mình một cảm giác tuyệt vọng mỗi lúc một mạnh thêm.

Một người buôn bán nhỏ khác, chủ hàng bánh Dirk van Beek, cũng bi quan như Koning và Voskuil. Những gì ông nghe được sau chuyến đi giao hàng đã làm sụp đổ cảm giác hào hứng ban đầu khi quân Đồng Minh đổ bộ. “Nếu chiến tranh tới đây thì sao – chúng ta biết

làm gì?” ông hỏi vợ mình, Riek. Nhưng ông cũng đã biết câu trả lời: ông sẽ ở lại Oosterbeek và tiếp tục làm bánh. “Mọi người cần phải ăn,” ông nói với Riek. “Dù sao đi nữa, chúng ta biết đi đâu nếu rời khỏi cửa hàng này?” Đắm mình vào công việc, Van Beek cố trấn an mình rằng mọi việc sẽ ổn cả. Ông đã nhận được phần bột mì và men của tháng vài ngày trước. Lúc này, quyết định sẽ ở lại và giữ cho cửa hàng của mình hoạt động, ông chợt nhớ một người thợ làm bánh mì cao tuổi đã có dạy ông một phương pháp làm bánh mì chỉ cần dùng chưa đến nửa lượng men so với bình thường. Ông quyết định sẽ dè sẻn tối đa dự trữ của mình. Ông cần tiếp tục làm bánh mì cho tới khi mọi việc kết thúc.

Tại các khách sạn Tafelberg, Schoonoord và Vreewijk, rõ ràng là chiến sự đã đem đến một thay đổi nghiêm trọng: những khu nhà nghỉ tiện nghi dễ chịu này đã biến thành trạm cứu thương. Tại Schoonoord quân y Anh và bác sĩ dân sự Hà Lan bắt đầu vệ sinh toàn khu nhà để sẵn sàng tiếp nhận những người bị thương. Jan Eijkelhoff, thuộc lực lượng kháng chiến ngầm, thấy rằng quân Đức, trong lúc vội vã rút lui, đã để lại khách sạn “trông như một cái chuồng lợn. Thức ăn tung tóe khắp nơi. Bàn ghế bị xô đẩy, bát đĩa vỡ, quần áo, chăn đệm bị vứt khắp nơi. Giấy tờ rác rưởi vun thành đống ở tất cả các phòng”. Từ các nhà xung quanh, nệm được mang thêm tới và đặt dưới sàn. Nhiều dãy giường được đặt trong phòng tiếp tân chính cả cánh được sắp sẵn ngoài hiên. Tất cả các phòng, kể cả tầng hầm, sẽ cần dùng tới trước khi trời tối, anh ta được cho biết vậy. Eijkelhoff được biết bệnh viện St Elizabeth tại Arnhem lúc này đã quá tải. Nhưng những nhân viên quân y Anh làm việc cùng anh vẫn lạc quan. “Đừng lo,” một người

trong số này bảo anh,” Monty sẽ sớm tới đây thôi”.

Tại khách sạn Tafelberg, nơi bác sĩ Gerrit van Maanen đang thiết lập một bệnh viện, cô gái trẻ 17 tuổi Anje van Maanen, tới đó để giúp bố, nhận thấy sự thay đổi rõ rệt trong những người tình nguyện. “Chúng tôi sợ”, cô viết trong nhật ký, “nhưng chúng tôi không biết tại sao. Chúng tôi có cảm giác lạ lùng dường như chỉ từ hôm qua tới hôm nay thôi đã như hàng tuần trôi qua”. Cũng như tại Schoonoord, tại Tafelberg cũng có tin đồn quân của Montgomery đang trên đường tới. Trông chờ sự xuất hiện nhanh chóng của họ, Anje ghi lại, “Chúng tôi liên tục dán mắt nhìn qua cửa sổ tầng trên. Tiếng súng mạnh hơn. Lửa cháy sáng trời, nhưng đạo quân lớn thì vẫn chưa thấy đâu”.

Cách đó vài khối nhà, khách sạn 12 phòng Hartenstein, nằm giữa một khu vườn trông giống như một công viên, có vẻ vắng lặng như bị bỏ quên. Bàn và ghế gãy nằm rải rác trên nền cỏ xen phẳng phiu, và giữa chúng, kết quả của cuộc đấu súng dữ dội ngày hôm trước, là những cái xác co quắp của vài lính Đức.

Khi anh đạp xe tới ngôi nhà, William Giebing, 27 tuổi, cảm thấy buồn rầu trước quang cảnh của nơi trước đây vốn là một khách sạn thanh lịch. Chỉ vài tháng sau khi anh dành quyền sở hữu nó vào năm 1942, quân Đức đã vào làng và trưng dụng khách sạn. Từ đó, Giebing và vợ anh, Truus, bị đẩy xuống vị trí người hầu. Quân Đức đã để họ quét dọn Hartenstein và trông coi nhà bếp, nhưng việc quản lý khách sạn nằm trong tay người Đức. Cuối cùng, hôm 6/9, Giebing nhận được lệnh phải rời đi, nhưng vợ anh và hai nữ hầu phòng được phép quay

lại hàng ngày để quét dọn.

Vào ngày 17, “phát điên vì vui sướng trước cuộc đổ bộ”, Giebing nhảy vội lên một chiếc xe đạp đi từ Westerbouwing, nơi bố vợ anh, Johan van Kalkschoten, làm chủ một hiệu ăn nằm trên đỉnh đồi nhìn xuống bến phà Heveadorp – Driel, tới Hartenstein. Anh này tới vừa đúng lúc để chứng kiến những người Đức cuối cùng tháo chạy. Chạy vào trong nhà, lần đầu tiên anh cảm thấy “khách sạn cuối cùng cũng là của tôi”. Nhưng cảm giác hoang tàn thật nặng nề. Trong phòng ăn, hai chiếc bàn dài phủ khăn trải bàn bằng lụa Damask màu trắng đã sắp sẵn cho hai mươi người. Trên bàn đã bày đủ đĩa ăn súp, đồ bạc, khăn ăn, ly thủy tinh và, ở giữa mỗi bàn, một liễn súp rau lớn. Sờ tay vào, Giebing thấy nó vẫn còn nóng. Trên những chiếc đĩa bạc bày ở bàn phục vụ là món chính: thịt ngỗng.

Giebing lang thang từ phòng này qua phòng khác, ngắm nhìn những bức tường lộng lẫy thếp vàng, những bức tượng trang trí, dãy phòng dành cho các đôi nghỉ tuần trăng mật với trần màu xanh da trời lấp lánh những vì sao vàng. Người Đức, anh ta nhẹ nhõm nhận ra, đã không phá hỏng khách sạn. Không mất lấy một cái thìa nào và tủ lạnh vẫn đầy thức ăn. Đi vòng quanh nhà, Giebing nghe thấy tiếng người vọng từ ngoài hiên. Chạy vội tới nơi, anh bắt gặp vài lính Anh đang thưởng thức món rượu sherry của mình. Tám vỏ chai rỗng nằm lay lắt dưới sàn. Thật bất ngờ, sau cả thời gian tạm chiếm dài đó, lần đầu tiên Giebing mất bình tĩnh. Đám người Đức, ít nhất, đã để lại khách sạn của anh ngăn nắp sạch sẽ. “Vậy đây là việc đầu tiên các vị làm,” anh ta to tiếng với đám lính. “Phá hầm rượu của tôi và chôm rượu

sherry". Những người lính Anh có vẻ ngượng và xin lỗi, Giebing cũng mát tính trở lại, nhưng một lần nữa anh lại được cho biết mình không thể ở lại. Tuy thế, người Anh cam đoan với anh thanh niên là tài sản của anh sẽ được tôn trọng.

Giờ đây, một ngày sau, hy vọng rằng người Anh đã rời khỏi khách sạn của mình, Giebing quay trở lại. Trái tim anh nặng trĩu khi tới gần ngôi nhà. Một dãy xe jeep đậu phía sau nhà và phía sau lưới rào sân tennis, anh nhìn thấy các tù binh Đức. Hào và ụ súng đã được đào đắp quanh sân và các sĩ quan có vẻ có mặt khắp nơi. Thất vọng, Giebing quay lại Westerbouwing. Tới chiều vợ anh tới Hartenstein và giải thích rõ cô là ai. "Tôi được đối xử rất lịch sự," cô nhớ lại," nhưng chúng tôi không được phép quay về. Người Anh, cũng như người Đức, đã trưng dụng khách sạn". Ít nhất cũng có một sự an ủi, cô nghĩ; chiến tranh sẽ sớm kết thúc và sau đó gia đình Giebing có thể thực sự bắt tay vào mở cửa khách sạn mà họ coi là tốt nhất ở Oosterbeek. Những sĩ quan Anh lịch thiệp đã tiếp chuyện người thiếu phụ không cho cô hay rằng vào lúc đó, 5 giờ chiều ngày 18/9, khách sạn Hartenstein đã trở thành sở chỉ huy của sư đoàn đổ bộ đường không số 1 Anh.

Trong bầu không khí lạ lùng pha lẫn vui mừng và lo lắng đang ngự trị tại Oosterbeek, một sự kiện đã làm kinh hoàng nhiều cư dân hơn cả ý nghĩ về cuộc giao tranh sắp xảy ra. Trong ngày hôm đó tù nhân đã được thả ra khỏi nhà tù Arnhem. Một số là chiến sĩ kháng chiến, nhưng nhiều kẻ khác là những tên tội phạm nguy hiểm. Trong bộ áo tù kẻ sọc, đám này ứa ra khỏi Arnhem, và hơn 50 tên cuối cùng tới

Oosterbeek. “Bọn chúng thêm nét điên khùng cuối cùng vào khung cảnh hỗn độn,” Jan ter Horst, cựu đại úy pháo binh của quân đội Hà Lan, một luật sư và cũng là thành viên lãnh đạo lực lượng kháng chiến tại nhớ lại. “Chúng tôi quây chúng lại và tạm nhốt chúng vào phòng hòa nhạc. Nhưng câu hỏi đặt ra là làm gì với chúng? Lúc này trông chúng có vẻ vô hại, nhưng rất nhiều trong đám thú vật này đã bị cầm tù nhiều năm. Chúng tôi sợ điều tệ hại nhất – đặc biệt cho những người phụ nữ - khi chúng cuối cùng ý thức được chúng đã tự do”.

Nói chuyện với đám tù Ter Horst nhận thấy chúng chỉ muốn thoát khỏi vùng chiến sự. Cách duy nhất để qua sông Rhine là chiếc phà Heveadorp – Driel. Pieter, người lái phà, thẳng thừng từ chối hợp tác. Ông không muốn để 50 tên tội phạm chạy rong sang bờ nam. Hơn nữa, chiếc phà hiện đang ở bờ bắc và Pieter muốn để nó tại đây. Sau vài giờ thương lượng, Ter Horst cuối cùng cũng thuyết phục được Pieter đưa đám tù qua sông. “Chúng tôi thật nhẹ nhõm khi nhìn chúng đi”, ông nhớ lại. “Những người phụ nữ còn sợ đám này hơn cả bọn Đức”. Ter Horst thận trọng căn dặn rằng chiếc phà cần quay lại bờ bắc, nơi người Anh có thể sử dụng nó.

Là một cựu sĩ quan, Ter Horst không hiểu vì sao quân Anh lại không chiếm ngay lập tức bến phà Heveadorp – Driel. Khi những người lính đổ bộ tới Oosterbeek, ông đã hỏi họ về chiếc phà. Ông ngỡ ngàng khi biết họ không biết gì về nó. Từng là sĩ quan pháo binh, ông ngạc nhiên nhận ra người Anh đã không chiếm lĩnh Westerbouwing gần đó, điểm cao duy nhất nhìn xuống sông Rhine. Bất cứ ai không chế

điểm cao này bằng pháo binh sẽ kiểm soát chiếc phà. Hơn nữa, việc người Anh chọn đóng sở chỉ huy tại Hartenstein càng làm ông quan ngại. Theo ông, rõ ràng quán ăn nằm trên đỉnh Westerbouwing là vị trí thích hợp hơn nhiều. “Hãy chiếm lấy chiếc phà và Westerbouwing”, ông thúc giục nhiều sĩ quan Anh. Họ tỏ ra lịch sự nhưng bỏ ngoài tai. Một người nói với Ter Horst, “Chúng tôi không định ở lại đây. Với cây cầu trong tay chúng tôi và việc xe tăng của Horrock sắp tới, chúng tôi không cần chiếc phà”. Ter Horst hy vọng anh ta đúng. Nếu quân Đức chiếm Westerbouwing, cách đó chưa đến hai dặm, đại bác của chúng không những có thể khống chế tuyến qua sông bằng phà và còn có thể hoàn toàn tiêu diệt sở chỉ huy Anh tại Hartenstein. Lúc này người Anh đã biết tới sự tồn tại của chiếc phà và họ cũng đã được báo trước về cao điểm Westerbouwing. Giả như tướng Urquhart có mặt tại sở chỉ huy và kiểm soát chiến sự, tình hình rất có thể đã được điều chỉnh kịp thời.(CT: ý kiến này cũng đã được dẫn ra trong nhiều bài viết của sử gia quân sự Hà Lan nổi tiếng, trung tá Theodor A.Boeree. “Nếu Urquhart có mặt tại sở chỉ huy,” ông này viết, “rất có thể ông đã đình chỉ việc cố thủ đầu cầu, gọi trở lại, nếu có thể, tiểu đoàn của Frost và tập trung 6 tiểu đoàn ông có trong đợt đổ quân đầu tiên và 3 tiểu đoàn của lữ đoàn dù 4 vừa mới đổ xuống để thiết lập một đầu cầu khác ở một địa điểm nằm tại bờ bắc sông Rhine hạ... với cao điểm tại Westerbouwing... làm trung tâm của đầu cầu. Tại đó họ có thể chờ đạo quân Anh số 2 tới).

Thượng tá Hicks, chỉ huy sư đoàn trong lúc Urquhart vắng mặt, phải đối mặt từng giờ với vấn đề khó khăn trong việc nắm bắt những di chuyển liên tục và hỗn độn của các đơn vị đổ bộ đang bị gây sức

ép dữ dội. Với việc liên lạc radio hoàn toàn bị cắt đứt giữa sở chỉ huy và các tiểu đoàn, có rất ít thông tin chính xác về những gì đang xảy ra, và Hicks cũng không thể đánh giá được quy mô và khả năng tác chiến của lực lượng địch đang đối đầu với ông. Những tin tức hiếm hoi tới được ông đều từ những liên lạc viên kiệt sức bê bối bụi, những người đã mạo hiểm tính mạng mang tới cho ông các báo cáo, mà hầu hết đều đã không còn chính xác khi tới được sở chỉ huy, hay từ những thành viên kháng chiến ngầm của Hà Lan, báo cáo của những người này thường bị bỏ qua hay coi là đáng ngờ. Hicks nhận ra mình bị phụ thuộc chủ yếu vào một kênh liên lạc mong manh – đường liên lạc radio pháo binh Thompson – Munford giữa Oosterbeek và lực lượng của Frost tại cầu.

Kiệt quệ và tổn thất nặng, tiểu đoàn 2 cùng những nhóm lẻ binh lính quả cảm đã tới được với họ vẫn đứng vững, nhưng tình hình của Frost đã trở nên vô vọng từ nhiều giờ qua và đang xấu đi nhanh chóng. “Chúng tôi liên tục nhận được báo cáo từ cây cầu xin tiếp viện và đạn,” Hicks nhớ lại. “Sức ép của quân địch và sức mạnh của lực lượng thiết giáp Đức tăng nhanh khắp nơi, và hoàn toàn không có liên lạc gì với Urquhart, Lathbury, Dobie hay Fitch. Chúng tôi không thể gọi được cho Browning ở sở chỉ huy quân đoàn để báo cáo mức độ nghiêm trọng của tình hình, và chúng tôi rất cần giúp đỡ”. Qua thăm vấn tù binh, giờ đây Hicks đã biết lực lượng của mình đang giao chiến với lính SS dày dạn kinh nghiệm của các sư đoàn 9 Hohenstaufen và sư đoàn 10 Frunsberg. Không ai có thể cho ông hay những đơn vị này mạnh đến mức nào cũng như số lượng xe tăng đang được tung ra chống lại ông. Tệ hơn, Hicks không rõ kế hoạch

ban đầu có thể đối phó được với sức ép hiện tại của quân Đức hay không. Nếu quân địch được tăng cường mạnh, toàn bộ chiến dịch sẽ thất bại.

Tiếp viện, ông biết, sẽ tới. Vào ngày 19, lữ đoàn Ba Lan của thiếu tướng Stanislaw Sosabowski sẽ tới trong đợt đổ quân thứ ba. Xe tăng của Horrock, trên thực tế đã bị muộn so với kế hoạch, đáng lẽ cũng đã phải tới nơi. Họ còn cách Arnhem bao xa và liệu có thể tới kịp để giải vây và xoay chuyển tình thế không? “Bất chấp tất cả,” Hicks nhớ lại, “tôi tin rằng Frost có thể giữ được đầu cầu phía bắc cho tới khi xe tăng của Monty tới nơi. Dù sao thì cây cầu vẫn là mục tiêu của chúng tôi và mọi quyết định cũng như hành động của tôi đều tập trung duy nhất vào việc chiếm và giữ mục tiêu này”. Cân nhắc mọi yếu tố, Hicks cảm thấy ông cần theo đúng kế hoạch ban đầu, và vào lúc đó cả thượng tá Hackett cũng có cùng quan điểm.

Nhiệm vụ ban đầu cho lữ đoàn dù 4 của Hackett là chiếm cao điểm phía bắc Arnhem để ngăn không cho viện binh Đức tiếp cận cầu. Song vào thời điểm kế hoạch được thảo ra người ta đã cho rằng lực lượng địch sẽ không đáng kể, và tệ nhất, cũng chỉ ở mức khống chế được. Trên thực tế, phản ứng của đối phương đã quá nhanh, tập trung và hiệu quả khiến Hicks không thể làm chủ được tình hình trên thực tế. Quân đoàn của Bittrich chiếm giữ khu vực bắc Arnhem; lực lượng của ông ta đã vây kín Frost tại cầu và thành công trong việc ngăn chặn các tiểu đoàn của Dobie và Fitch tới giải cứu họ. Bước tiến của hai đơn vị này đã bị phá vỡ hoàn toàn. Trong khu vực dày đặc nhà cửa quanh bệnh viện St Elisabeth chỉ cách cây cầu chừng 1 dặm,

các tiểu đoàn trên bị chặn đứng trên đường vận động. Tiểu đoàn South Stafford, được cử đi tăng viện sau đó, và tiểu đoàn 11 thuộc lữ đoàn của Hackett cũng không gặp may hơn là bao. “Chúng tôi lúc này tiến tới con đường trống trải bên bờ sông ngay phía trước bệnh viện St Elisabeth, và đột nhiên mọi thứ hỏa lực của đối phương đồng loạt lên tiếng”, binh nhì Robert C. Edward thuộc đơn vị South Stafford nhớ lại. “Chúng tôi hẳn trông như những chiếc bia trong trường bắn tập. Tất cả những gì bọn Jerry phải làm là hướng súng đại bác và súng cối vào một khoảng trống rộng chừng $\frac{1}{4}$ dặm và bắn. Chúng không thể nào trượt được”. Edward trông thấy đại úy Edward Weiss, đại đội phó của anh ta, chạy không mệt mỏi lên xuống dọc đội hình “hoàn toàn phớt lờ những mảnh kim loại đang bay xung quanh anh ta, tiếng anh ta hô mỗi lúc một to hơn khi anh ta hét lên, “Tiến lên, tiến lên, đại đội D, tiến lên”. “Weiss có vẻ có mặt khắp nơi. Người gục ngã khắp xung quanh. Nếu những người lính chững lại hay chần chừ, Weiss lập tức tới bên họ thúc giục tiến lên. Bạn chỉ đơn giản là không thể nằm dãn xuống đó mà nhìn anh ta đứng thẳng. Bạn phải theo anh ta đi qua cái hỏa ngục đó”. Edward ném vài quả bom khói, cố gắng che khuất bước tiến của họ và “ cúi thấp đầu xuống rồi chạy như một thằng rồ”. Anh ta vấp phải “ hàng đông người chết, trượt chân trong những vũng máu, cho tới khi tới tới một chỗ tương đối kín đáo được che khuất bởi nhà cửa ở bên kia đường”. Tại đó anh ta phát hiện ra đại úy Weiss đã trúng đạn khi chạy qua đường. “Thiếu tá Phillips bị thương rất nặng. Không ai có vẻ biết chuyện gì đang xảy ra hay tiếp theo chúng tôi cần làm gì”. Với đại đội D, khi kiểm điểm thương vong, “chỉ còn lại 20%, và quá hiển nhiên là chúng tôi không thể tiếp tục tiến lên chống lại sức mạnh vượt trội của quân Đức. Chúng tôi

chờ tối và hy vọng”.

Như thế một bức tường vững chắc đã được xây lên giữa phần còn lại của sư đoàn và nhóm người ít ỏi của Frost tại cầu.

Để đổi lấy tiểu đoàn 11, Hackett đã được giao tiểu đoàn 7 thuộc lực lượng tuần biên Scotland Hoàng gia (King's Own Scottish Borderers – KOSB's). Đơn vị này đã phòng thủ khu đồ quân từ hôm 17. Lúc này họ đi cùng tiểu đoàn 10 và tiểu đoàn 156 của Hackett qua Wolfheze ở tây bắc Oosterbeek. Tại khu vực trên đơn vị KOSB's sẽ chiếm lĩnh trang trại Johannahoeve, một khu vực đồ quân nơi phương tiện vận tải và pháo binh của lữ đoàn Ba Lan dự kiến sẽ tới bằng tàu lượn trong đợt đồ quân thứ ba.

Sau những cuộc giao tranh đầu tiên tại các khu đồ quân, lữ đoàn của Hackett xuất phát mà không gặp trục trặc nào. Cho tới lúc đêm xuống, KOSB's đã chiếm lĩnh vị trí xung quanh trang trại Johannahoeve. Tại đây, bất thành lĩnh, tiểu đoàn này vấp phải chống trả quyết liệt của quân Đức từ các vị trí phòng ngự mạnh có súng máy. Một trận đánh ác liệt bắt đầu. Trong màn đêm đang buông xuống, mệnh lệnh được đưa ra yêu cầu giữ vững vị trí, sau đó cố gắng đánh bật quân địch khi trời sáng. Việc khống chế khu vực này có ý nghĩa sống còn. Quân dù của Sosabowski dự kiến sẽ nhảy xuống ngày 19 ở phía nam cây cầu tại Arnhem, tại khu vực và Urquhart và RAF đánh giá là không thích hợp – vì quan ngại về hỏa lực phòng không – cho cuộc đồ quân quy mô lớn đầu tiên. Vào thời điểm những người Ba Lan tới nơi, người ta trông đợi cây cầu đã hoàn toàn nằm

trong tay người Anh. Nếu không, lực lượng Ba Lan được chỉ định chiếm cầu. Tại sở chỉ huy hậu cứ của Browning tại Anh, nơi không ai biết được những bất lợi đang diễn ra tại Arnheim, cuộc đổ bộ của lực lượng Ba Lan vẫn được dự kiến tiến hành theo đúng kế hoạch. Nếu Frost có thể giữ vững và cuộc đổ quân của lữ đoàn Ba Lan diễn ra thành công, ngay cả lúc này cũng vẫn còn cơ hội thắng lợi cho Market Garden.

Khắp nơi những người lính đổ bộ vẫn cố gắng tiến tới cầu. Trên con đường Frost đã sử dụng mới ngày hôm qua thôi mà giờ đây đã như từ rất lâu, binh nhì Andrew Milbourne và một nhóm binh lính tập hợp lại từ các tiểu đoàn khác nhau bí mật vượt qua gần cây cầu đường sắt đổ nát mà người của Frost đã tìm cách chiếm trên đường tới mục tiêu chính. Trên những cánh đồng bên trái anh ta, Milbourne nhìn thấy những bóng trắng nổi lên trong bóng đêm. “Đó là hàng tá xác chết, và người Hà Lan đang yên lặng đi khắp khu vực, lấy vải trắng phủ lên những đồng đội đã hy sinh của chúng tôi”, anh nhớ lại. Phía trước, bầu trời đỏ rực bởi những đám cháy và hình dáng chiếc cầu thỉnh thoảng lại hiện lên trong quầng sáng của đạn đại bác nổ. Suốt buổi chiều nhóm người ít ỏi này đã bị cầm chân bởi lực lượng Đức đông hơn. Lúc này, một lần nữa, họ lại bị chặn đứng. Trong lúc cả nhóm ẩn nấp trong một nhà thuyền bên bờ sông, Milbourne bắt đầu thấy thất vọng về khả năng tới được cầu. Hiệu thính viên duy nhất có mặt trong nhóm bắt đầu mở radio, và trong lúc mọi người vây xung quanh, anh ta bất ngờ bắt được BBC từ London. Milbourne lắng nghe trong lúc giọng nói dễ nghe, chính xác của tay phát thanh viên đọc báo cáo chiến sự ngày hôm đó trên mặt trận phía

tây. “ Binh lính Anh tại Hà Lan,” tay này đọc, “đang chỉ gặp phải kháng cự yếu ớt”. Trong gian nhà thuyền tối tăm có ai đó bật cười chua chat. “Đồ dối trá khốn kiếp”, Milbourne lên tiếng.

Lúc này, trong khi những người lính dũng cảm của sư đoàn đổ bộ đường không Anh số 1 đang phải chiến đấu một mất một còn vì chính sự sống chết của họ, thì hai viên thượng tá của đức hoàng thượng lại chọn thật đúng thời điểm để mở đầu một cuộc đấu khẩu nóng nảy về chuyện ai xứng đáng chỉ huy sư đoàn. Cuộc đấu khẩu được khơi mào bởi một Shan Hackett bốc đồng nóng nảy, người vào đêm 18 đã nhận định rằng tình hình không chỉ đáng lo ngại mà “rối như canh hẹ”. Đối phương có vẻ chiếm thế thượng phong ở khắp nơi. Các tiểu đoàn Anh bị chia cắt và chiến đấu không có sự hiệp đồng, không biết vị trí các đơn vị còn lại ở đâu. Thiếu liên lạc, bị kìm chân trong những khu phố dày đặc nhà cửa, nhiều đơn vị gặp nhau một cách hoàn toàn ngẫu nhiên. Hackett cảm thấy chẳng có bất cứ sự chỉ huy chung hay phối hợp hành động nào. Giữa đêm khuya, vẫn còn nghĩ tới thông báo khó tin của Mackenzie về quyền chỉ huy sư đoàn, Hackett nóng nảy lái xe tới khách sạn Hartenstein ở Oosterbeek để làm cho ra nhẽ với Hicks. “Ông ta tới lúc khoảng nửa đêm”, Hicks nhớ lại. “Tôi đang trong phòng chỉ huy tác chiến, và ngay từ lúc đầu đã rõ ràng rằng, vì ông ta có thâm niên hơn tôi, ông ta khó có thể nói là vui vẻ về chuyện tôi được giao quyền chỉ huy. Ông ta còn trẻ, với những ý tưởng cương quyết và cũng khá có lý”.

Đầu tiên, sự bất bình của Hackett tập trung vào chuyện Hicks đã điều động đi tiểu đoàn 11 của ông ta. Viên thượng tá yêu cầu được

biết tiểu đoàn này đã được giao nhiệm vụ gì và ai đang trực tiếp chỉ huy ở khu vực đó. “Ông ta nghĩ”, Hicks nhớ lại, “tình hình diễn biến quá nhanh và hiển nhiên là không đồng ý với quyết định của tôi”. Hicks, người lớn tuổi hơn, kiên nhẫn giải thích vì sự chống trả dữ dội của quân Đức, tình hình chiến sự hiện tại là hoàn toàn không được lường trước. Từng tiểu đoàn, do đó, lúc này đang chiến đấu độc lập để tìm cách tiếp cận cầu, và cho dù đã được chỉ định tiến theo những tuyến đường cụ thể, các đơn vị trên cũng đã được cảnh báo trước do những điều kiện bất thường những trường hợp nhằm lẫn rất có thể sẽ xảy ra. Hai hay nhiều đơn vị hoàn toàn có thể bị dồn vào cùng một khu vực. Hackett nóng nảy bình luận rằng “hệ thống chỉ huy rõ ràng là không đáp ứng được yêu cầu.”

Hicks đồng ý, nhưng mục đích, ông nói với Hackett, “là nhằm giúp đỡ Frost tại cầu bằng bất cứ cách nào chúng ta có và càng nhanh càng tốt”. Trong lúc đồng ý rằng Frost cần được gấp rút tăng viện, Hackett lạnh lùng phê phán là việc này có thể được thực hiện “một cách có tổ chức hơn và hiệp đồng hơn”. Lý luận của Hackett cũng đáng được nhìn nhận: một cuộc đột kích đồng loạt có sự phối hợp rất có thể sẽ thành công trong việc chọc thủng vành đai của quân Đức và tiếp cận Frost; thế nhưng, thiếu phương tiện liên lạc và bị dồn ép liên tục bởi những cuộc tấn công không ngừng của quân Đức, Hicks quả thực không có đủ thời gian để tổ chức một cuộc tấn công quy mô như vậy.

Sau đó hai người quay sang trao đổi về vai trò của lữ đoàn của Hackett trong ngày hôm sau. Theo quan điểm của Hicks, Hackett không nên tìm cách cố chiếm cao điểm phía bắc Arnhem. “Tôi nghĩ

ông ta sẽ giúp Frost tốt hơn bằng cách tiến thẳng vào Arnheim và giúp giữ đầu cầu phía bắc”. Hackett kịch liệt phản đối. Ông ta muốn có một mục tiêu cụ thể, và có vẻ biết nó nên là gì. Ông ta sẽ chiếm cao điểm phía đông Johannahoeve trước tiên, viên thượng tá nói, và sau đó “xem xét xem tôi có thể làm gì để hỗ trợ các mũi tiến công tại Arnheim”. Trong cuộc đấu khẩu hạ giọng nhưng không kém phần căng thẳng, Hackett khẳng định đòi được có một thời gian biểu để “tôi có thể phối hợp hành động của mình với những người khác”. Ông ta cần “một kế hoạch có lý”. Nếu không, Hackett nói, ông ta sẽ buộc “phải đặt câu hỏi về quyền chỉ huy sư đoàn”.

Trung tá P.H.Preston, sĩ quan văn phòng sở chỉ huy, có mặt trong cái mà Hicks sau đó đã gọi đây hàm ý là “cuộc trao đổi của chúng tôi”. Preston nhớ là Hicks, “khuôn mặt căng thẳng”, quay sang phía ông và nói, “thượng tá Hackett nghĩ ông ấy phải được chỉ huy sư đoàn”. Hackett phản đối cách lựa chọn từ ngữ này. Preston, cảm thấy cuộc tranh cãi đã đến mức căng thẳng một cách công khai, lập tức rời phòng và cử sĩ quan trực ban, Gordon Grieve, đi tìm tham mưu trưởng sư đoàn, đại tá Mackenzie.

Mackenzie, đang nghỉ trong một phòng ở tầng trên, không tài nào chớp mắt được. “Tôi đã ở đó được chừng nửa giờ khi Gordon Grieve bước vào. Anh ta nói rằng tôi cần xuống dưới nhà ngay, và rằng hai lữ đoàn trưởng, Hicks và Hackett, “đang cãi nhau nảy lửa”. Tôi vẫn mặc nguyên quần áo. Trong lúc xuống nhà tôi cố nghĩ nhanh về tình hình. Tôi biết cuộc cãi vã là do đâu, và hiểu tôi cần có một hành động quyết định. Tôi không hề có ý định vào phòng chỉ huy tác chiến để

pha trò. Tôi cảm thấy lúc này mệnh lệnh của tướng Urquhart đang bị thách thức và tôi dự định sẽ ủng hộ Hicks trong mọi chuyện”.

Khi Mackenzie bước vào, cuộc đối thoại giữa hai lữ đoàn trưởng đột ngột dừng lại. “Cả hai đều bắt đầu cố gắng lấy lại bình tĩnh,” Mackenzie nhớ lại, “và lập tức có thể thấy rõ điều tệ hại nhất đã qua”. Hicks, ngược lên nhìn Mackenzie, gần như bình thản. “A, xin chào, Charles”, Mackenzie nhớ lúc đó ông này nói, “Thượng tá Hackett và tôi đã có chút tranh luận, nhưng giờ thì ổn rồi”. Hicks đoán chắc là “mọi việc đã ổn cả. Tôi tỏ ra nghiêm khắc với Hackett và khi ông ta rời sở chỉ huy tôi biết ông ta sẽ làm theo lệnh tôi”. Tuy thế, cho dù bên ngoài có vẻ chấp nhận vai trò mới của Hicks đến đâu đi nữa, quan điểm của Hackett hầu như không hề thay đổi. “Tôi dự định sẽ tuân lệnh Pip nếu chúng có lý,” ông này nhớ lại. “Những gì tôi được lệnh làm còn xa mới có thể coi là vậy. Do đó, tôi buộc phải tận dụng tình thế mình là lữ đoàn trưởng có thâm niên hơn trong hai người và tự ra những mệnh lệnh hợp lý cho lữ đoàn của mình. (CT: Tôi (tác giả) tin rằng cuộc cãi vã còn nghiêm trọng hơn được kể lại ở trên nhiều, nhưng có thể hiểu được là Hicks và Hackett, hai người bạn thân, đều miễn cưỡng khi phải nhắc đến nó một cách chi tiết hơn. Có ít nhất 4 dị bản khác nhau thuật lại những gì đã xảy ra, và có thể không bản nào là đúng hoàn toàn. Những gì tôi thuật lại dựa trên các cuộc phỏng vấn với Hackett, Hicks, và Mackenzie, và theo hồi ký “Arnhem” của Urquhart, tr.77 – 90, và cuốn “The Battle of Arnhem” của Hibbert, tr.101 - 103).

Dưới những hoàn cảnh khác, cuộc đối đầu giữa hai viên lữ đoàn trưởng rất có thể chỉ đơn thuần trở thành một giai thoại lịch sử. Hai

con người can đảm, có tinh thần trách nhiệm, trong những hoàn cảnh cực kỳ căng thẳng và với cùng mục đích, đã mất bình tĩnh trong giây lát. Trong tổng kết của Market Garden, khi kế hoạch đang bị đe dọa nghiêm trọng và từng người lính đều rất cần thiết nếu muốn một cố gắng tổng lực nhằm chiếm lấy cây cầu Arnhem thành công, sự phối hợp giữa các chỉ huy và sự gắn kết trong toàn đơn vị là cực kỳ quan trọng. Đặc biệt là khi số phận của đạo quân đổ bộ đường không số 1 Đồng Minh đang bước sang một khúc ngoặt: trên toàn khu quyết chiến của Market Garden, lực lượng tăng viện mà thống chế Von Runstedt hứa đang liên tục kéo tới mặt trận phía tây.

Nicolaas de Bode, một kỹ thuật viên cao cấp, người đã thiết lập những đường điện thoại bí mật đầu tiên cho lực lượng kháng chiến ngầm giữa bắc và nam Hà Lan, đã ở trong phòng mình suốt ngày. Theo chỉ thị từ chỉ huy kháng chiến của khu vực, Pieter Kruyff, De Bode ngồi bên khung cửa sổ nhỏ nhìn xuống Velper Weg, một đường phố rộng đi từ phía đông Arnhem tới Zutphen ở phía bắc. Cho dù anh không rời vị trí của mình, những cuộc gọi đã tới chỗ anh từ các vùng ngoại ô phía tây và làm anh này rất lo lắng. Tại Wolfheze và Oosterbeek, các thành viên kháng chiến ngầm nói đến những trục trặc. Những thông báo đầy phấn khích về sự giải phóng đã dừng lại. Đã vài giờ nay, tất cả những gì anh nghe thấy là tình hình đang xấu đi. De Bode được yêu cầu liên tục quan sát mọi di chuyển quan trọng của quân Đức từ phía bắc và đông. Cho tới giờ anh này vẫn chưa nhìn thấy gì. Những báo cáo của anh, gọi tới chỉ huy lực lượng kháng chiến ngầm hàng giờ, luôn chỉ có một thông tin “Con đường vẫn vắng lặng”, anh thông báo hết lần này tới lần khác.

Đến khuya, chừng hai mươi phút trước khi tới lần báo cáo tiếp theo, anh này nghe thấy “tiếng xe bọc thép bánh hơi và cả tiếng xích xe tăng”. Anh mệt mỏi bước tới bên cửa sổ, nhìn xuống Velper Weg. Con đường có vẻ vẫn vắng ngắt như trước. Thế rồi ở phía xa, hiện lên dưới ánh lửa đang hắt lên bầu trời thành phố, anh thanh niên trông thấy hai chiếc xe tăng lớn. Đi song song dọc con đường rộng, chúng đi thẳng về phía khu nội đô cổ của thành phố. Trong lúc De Bode mở to mắt ra nhìn, bên cạnh những chiếc tăng anh ta nhìn thấy những chiếc xe tải “chở lính có vẻ tươm tất, ngồi ngay ngắn trên băng ghế, súng trường dựng phía trước người. Sau đó, thêm nhiều xe tăng và lính ngồi xe tải nữa”. Lập tức anh gọi cho Kruijff và nói, “Có vẻ cả một đạo quân Đức với xe tăng và các vũ khí khác đang tiến thẳng vào Arnhem”.

Người đã cảnh báo London hôm 14/9 về sự có mặt của quân đoàn panzer SS số 2 của Bittrich, Henry Knap, phụ trách quân báo của lực lượng kháng chiến tại Arnhem, lúc này đang nhận được liên tiếp các báo cáo về lực lượng tăng viện của Đức từ mạng lưới tình báo viên của mình. Knap quyết định mạo hiểm. Anh gọi thẳng điện thoại tới sở chỉ huy Anh tại Hartenstein và nói chuyện với sĩ quan trực ban. Không rào đón Knap báo cho anh ta biết “một đơn vị xe tăng, gồm cả Tiger, đang tiến vào Arnhem và một số đang hướng tới Oosterbeek”. Viên sĩ quan lịch sự bảo Knap giữ máy. Vài phút sau anh ta nhắc máy trở lại. Cảm ơn Knap, anh ta giải thích rằng “đại úy nghi ngờ thông báo đó. Dù sao đi nữa, anh ta đã nghe được không ít chuyện hoang đường”. Nhưng sự hoài nghi tại sở chỉ huy Anh nhanh chóng biến

mất khi Pieter Kruyff xác nhận tin này qua trung tá Arnoldus Wolters, sĩ quan hải quân hoàng gia Hà Lan, người đang giữ vai trò sĩ quan liên lạc tình báo cho sư đoàn đổ bộ, rằng ít nhất “năm mươi xe tăng đang tiến vào Arnhem từ phía bắc”.

Mùi chiến trận bao phủ cả khu nội đô. Trên cầu, những đồng đồ nát chất cao hơn lan can bê tông và rải khắp các đường phố dọc sông Rhine. Khói làm phủ lên các ngôi nhà và những khoảng sân một lớp màng nhòn nhòn. Suốt dọc bờ sông hàng trăm đám cháy bốc lửa không được ai dập, và người ta nhớ lại rằng mặt đất không ngừng rung lên bởi bộc phá nổ khi quân Đức, trong những giờ cuối cùng của ngày giao chiến thứ hai này, đang cho nổ tung những vị trí phòng ngự của quân Anh quanh rầm cầu phía bắc trong cuộc tranh chấp khốc liệt quyền kiểm soát mục tiêu chủ yếu của Montgomery.

Vào khoảng nửa đêm trung tá John Frost rời sở chỉ huy của mình ở phía tây rầm cầu và đi khắp vành đai phòng ngự để kiểm tra quân số. Cho dù trận đánh đã diễn ra hầu như không ngừng kể từ lúc những chiếc xe bọc thép của Grabner tấn công lúc sáng, tinh thần quân Anh vẫn rất cao. Frost thấy tự hào về những người lính mệt mỏi, nhem nhuốc của mình. Suốt cả ngày họ đã bướng bỉnh đẩy lui hết đợt tấn công này tới đợt tấn công khác. Không một lính Đức hay một chiếc xe nào của địch tới được đầu cầu phía bắc.

Vào buổi chiều quân Đức đã thay đổi chiến thuật. Dùng đạn phosphor, họ hy vọng lửa sẽ đẩy bật người Anh khỏi vị trí của mình. Một khẩu pháo nòng dài 150 mm rót những quả đạn nặng 100 cân

Anh thắng vào tòa nhà nơi Frost thiết lập sở chỉ huy, buộc mọi người phải ẩn nấp dưới hầm nhà. Sau đó súng cối Anh xác định được vị trí địch và bắn một phát trúng đích, tiêu diệt kíp pháo thủ. Trong lúc quân Anh reo hò phấn khởi, quân Đức chạy tới dưới làn đạn để kéo khẩu pháo đi. Những ngôi nhà quanh vành đai phòng ngự cháy ngùn ngụt, nhưng những người lính Anh giữ vững trong đó đến tận phút cuối cùng trước khi di chuyển sang vị trí khác. Tổn thất rất lớn. Xe half track và xe quân sự khác bị cháy, bị nổ tan tành cùng những đồng đồ nát nghi ngút khói chen cứng tất cả các đường phố. Thượng sĩ Robert H. Jones nhớ lại quang cảnh như “một biển lửa với những ngôi nhà đang vừa cháy bùng bùng vừa sụp đổ, những chiếc half track, xe tải, xe jeep ngập trong lửa”. Trận đánh đã trở thành một cuộc thi sức chịu đựng, một cuộc đối đầu mà Frost biết người của mình sẽ không thể dành phần thắng nếu không được tăng viện.

Các tầng trệt và tầng hầm lúc này đã chật ních thương binh. Một trong các cha tuyên úy của tiểu đoàn, linh mục Bernard Egan, và sĩ quan quân y tiểu đoàn, đại úy James Logan – hai người bạn từ những ngày chiến dịch ở Bắc Phi – chăm sóc thương binh với dự trữ thuốc và y cụ nhanh chóng cạn kiệt. Không còn morphin và thậm chí băng gạc cũng đã gần cạn. Những người lính dù đã tiến tới cây cầu chỉ mang theo lượng dự trữ nhẹ đủ cho 48 giờ. Lúc này, những thứ đó hầu như đã hết, và quân Đức đã cắt đứt nguồn nước. Buộc phải tìm cái ăn, những người lính đành sống với những quả táo và vài quả lê tìm thấy trong tầng hầm và tầng trệt những căn nhà họ đang cố thủ. Binh nhì G.W.Jukes nhớ thượng sĩ của anh đã bảo mọi người, “Các cậu sẽ không cần nước nếu ăn thật nhiều táo”. Jukes mừng tưng ra

cảnh “cuối cùng được giải vây, đứng tựa lưng vào nhau thách thức, người đầy băng đẫm máu, xung quanh là xác lính Đức, vỏ đạn và lõi tảo”.

Hết giờ này tới giờ khác, Frost trông chờ trong vô vọng các tiểu đoàn của Dobie hay Fitch chọc thủng vành đai Đức và tới cây cầu giải cứu cho họ. Cho dù tiếng súng nổ vang lên từ phía tây Arnhem, vẫn không có dấu hiệu gì của một lực lượng lớn xuất hiện. Suốt cả ngày hôm đó, Frost đã hy vọng có thêm tín hiệu từ quân đoàn 30 của Horrock. Họ đã không bắt được gì từ sau tín hiệu mạnh duy nhất bắt được lúc sáng. Những người lính đi lẻ thuộc tiểu đoàn 3 đã tới được chỗ Frost mang theo tin cho hay xe tăng của Horrock vẫn còn ở rất xa dưới hành lang. Một số người thậm chí còn biết qua nguồn của lực lượng ngầm Hà Lan rằng đạo quân này thậm chí còn chưa tới được Nijmegen. Lo lắng và bất an, Frost quyết định giữ thông tin này cho riêng mình. Ông bắt đầu tin rằng những người lính của tiểu đoàn 2 anh dũng, mà ông đã chỉ huy từ ngày thành lập, sẽ bị cô lập lâu hơn khoảng thời gian ông tin rằng họ có thể giữ vững.

Vào những giờ cuối cùng của ngày thứ Hai, hy vọng của Frost đặt vào đợt đổ quân thứ 3 và sự xuất hiện theo dự kiến của lữ đoàn dù Ba Lan số 1 của thiếu tướng Stanislaw Sosabowski. “Theo kế hoạch họ sẽ nhảy dù xuống phía nam cầu”, Frost sau này viết, “và tôi không dám nghĩ đến sự chào đón từ mặt đất họ sẽ phải hứng chịu... nhưng quan trọng nhất là họ tìm thấy một nhóm đồng đội đợi đón họ”. Để chuẩn bị hội quân với lực lượng Ba Lan, Frost tổ chức một “đội đợt kích cơ động”. Sử dụng hai chiếc jeep bọc thép của thiếu tá Freddie Gough và

một xe gắn súng máy Bren, Frost hy vọng có thể đột kích qua cầu, và nhờ yếu tố bất ngờ cùng sự hỗn loạn do cuộc đổ quân gây ra, sẽ mở được một đường máu liên lạc với lực lượng Ba Lan. Thiếu tá Gough, người dự kiến sẽ chỉ huy nhóm này, cảm thấy “rất bi quan và rất không hào hứng với ý kiến nọ”. Ông ta vừa kỷ niệm sinh nhật thứ 43 của mình hôm 16/9. Nếu kế hoạch của Frost được thực hiện, Gough cảm thấy chắc chắn rằng ông ta sẽ chẳng bao giờ thấy lễ sinh nhật thứ 44 của mình. (CT: Sau chiến tranh, Gough được biết tướng Horrock cũng đã nghĩ tới một kế hoạch tương tự. Nhớ lại việc một đơn vị trinh sát cơ động đã tiến trước đội hình hành quân của lực lượng Anh và hội quân với sư đoàn 101, ông này nghĩ rằng một đội xung kích cơ động như vậy cũng có thể thử vận may của mình và đột kích tới cầu Arnhem. “Đại tá Vincent Dunkerly dự kiến sẽ chỉ huy nhóm này,” Gough nói, “và, cũng như tôi, ông ta thừa nhận rằng suốt cả đêm chỉ cần nghĩ tới việc này cũng đủ để ông gần đá ra quần”.)

Quân dù Ba Lan sẽ không đổ bộ trước 10 giờ sáng ngày 19. Lúc này, đi kiểm tra một vòng lực lượng của mình tại các chiến hào, ụ súng máy, tầng trệt và tầng hầm, Frost nhắc nhở họ tiết kiệm đạn. Họ chỉ được bắn ở khoảng cách gần, và mỗi viên đạn phải trúng quân địch. Hiệu thính viên James Haysom đang chĩa khẩu súng trường của mình vào một tay Đức khi lệnh của viên trung tá được truyền ra. “Đứng im đi chứ, đồ ngốc”, anh này kêu tướng lên. “Những viên đạn này tốn tiền cả đấy”.

Trong khi Frost biết rằng mức độ hỏa lực giảm xuống có thể giúp quân địch củng cố vị trí, ông cũng tin rằng quân Đức sẽ bị nhào lộn

và nghĩ rằng người Anh không những đã bị suy giảm về số lượng mà cả về tinh thần. Thái độ đó, Frost tin chắc, sẽ khiến quân Đức phải trả giá đắt.

Ở phía đối diện so với rầm cầu, toán quân nhỏ của đại úy Eric Mackay đã chứng minh trên thực tế giả thuyết của Frost. Trong ngôi trường học đã tan nát dưới rầm cầu, Mackay đã gom lực lượng nhỏ của mình vào hai phòng và chỉ định vài người ở sảnh phía ngoài để cảnh giới không cho quân địch xâm nhập vào. Mackay chưa kịp bố trí xong người của mình thì quân Đức tung ra một đợt tấn công dữ dội bằng hỏa lực súng cối và súng máy. Hạ sĩ Arthur Hendy nhớ rõ hỏa lực đối phương dày đến mức đạn “lao như mưa qua những khung cửa sổ vỡ, chẻ tung ván lát sàn lên khiến chúng tôi phải né tránh những mảnh dăm gỗ cũng cẩn thận như những viên đạn thật”.

Trong lúc mọi người nằm bẹp xuống tránh đạn, Mackay phát hiện ra quân Đức đã mang súng phun lửa tới, và chỉ vài phút sau một chiếc half track đã bị phá hủy nằm gần trường học đã bốc cháy rừng rực. Sau đó, Mackay nhớ lại, “quân Đức đốt ngôi nhà nằm ở phía bắc chúng tôi và nó cháy phừng phừng, đưa những lưỡi lửa sang mái gỗ ngôi trường chúng tôi đang nấp khiến nó lập tức bắt lửa”. Trong thế cùng, mọi người chạy lên mái, tại đây, suốt hơn ba giờ liên tục, họ dùng những bình chữa cháy có trong trường và áo khoác ngực trang của chính mình để dập lửa. Theo hạ sĩ Hendy mùi khét “như thể phomát hay thịt cháy vậy. Cả vùng sáng rực. Hơi nóng ở tầng áp mái thật khủng khiếp và trong suốt thời gian đó lính bắn tỉa Đức nhằm bắn vào chúng tôi. Cuối cùng ngọn lửa cũng được dập tắt”.

Khi những người lính kiệt sức tập hợp trở lại hai căn phòng, Mackay lệnh cho họ lấy áo sơ mi và áo khoác quấn vào chân. “Sàn đá của những căn phòng đầy mảnh thủy tinh, mảnh nhựa và kim loại, còn các cầu thang thì trơn nhầy vì máu. Mọi thứ vỡ ra dưới chân chúng tôi và làm thành một cái bàn chông khủng khiếp”. Khi Mackay vừa định xuống tầng hầm để xem xét tình hình những người bị thương, anh nhớ “có một quầng lửa lóe lên cùng một tiếng nổ khủng khiếp. Điều tiếp theo tôi cảm thấy là ai đó đang vỗ vào mặt tôi”. Trong lúc đám cháy xảy ra quân Đức đã mang tới một khẩu Panzerfauste chống tăng nhằm cố tiêu diệt nhóm đối thủ ít ỏi bên trong một lần cho xong. Choáng váng vì kinh ngạc, Mackay nhìn thấy cả góc tây nam của ngôi trường cùng một phần mái vẫn còn đang bốc khói đã bay mất. Tệ hơn, các phòng học giờ đây trông giống như lò sát sinh với người chết và bị thương la liệt khắp nơi. “Chỉ ít phút sau,” Mackay nhớ lại, “có ai đó chạy tới nói anh ta nghĩ rằng chúng tôi đã bị bao vây. Tôi nhìn qua một ô cửa sổ. Phía dưới đây quân Đức. Cũng thật nực cười, đám này chẳng làm gì cả, chỉ đứng ngoài bãi cỏ. Chúng có mặt khắp xung quanh chúng tôi trừ phía tây. Chúng hẳn nghĩ rằng khẩu Panzerfauste đã tiêu diệt hết chúng tôi, vì chúng tôi đã ngừng bắn.”

Thận trọng bước qua những thân người nằm trên sàn, Mackay lệnh cho người của mình chuẩn bị lựu đạn. “Khi tôi hô “Bắn!” hãy tấn công với tất cả những gì các vị có”, anh nói. Quay lại ô cửa sổ ở phía đông nam, Mackay ra lệnh. “Họ liền ném lựu đạn xuống đám quân địch phía dưới và chúng tôi lập tức bắn theo với tất cả những gì chúng tôi có: sáu khẩu Bren và 14 khẩu Sten, bắn với tốc độ tối đa”.

Trong bóng tối, những người lính dù đứng thẳng giữa những ô cửa sổ, cấpsúng máy vào nách bắn và hô tiếng hô xung trận của họ, “Whoa Mohammed.” Sau vài phút cuộc phản công kết thúc. Như Mackay hồi tưởng lại, “khi tôi ngoái ra ngoài nhìn, tất cả những gì tôi thấy bên dưới là một tấm thảm màu xám. Chúng tôi đã hạ được khoảng 30 đến 50 tên Đức”.

Sau đó người của viên đại úy đi thu nhặt những người bị thương và hy sinh. Một người tử trận với 15 viên đạn găm vào ngực. Năm người khác bị thương nặng và hầu hết mọi người đều bị bỏng trong lúc cố cứu mái nhà bị cháy. Mackay cũng lại bị trúng mảnh đạn pháo và anh phát hiện ra chân mình như dính chặt vào ủng. Cả Mackay lẫn Pinky White, người giữ vai cứu thương tại đó, đều không thể rút mảnh kim loại ra và Mackay siết chặt ủng lại để giữ chân đỡ sưng phồng. Từ 50 người ban đầu, lúc này Mackay chỉ còn 21 người còn đủ sức chiến đấu; bốn người đã chết, 25 bị thương. Cho dù không có lương thực và chỉ còn một ít nước, viên đại úy có rất nhiều morphin và có thể giúp những người bị thương giảm đau. “Hầu như tất cả đều bị sốc và mệt mỏi,” anh nhớ lại, “nhưng chúng tôi đã dành được cho mình một khoảng nghỉ ngơi tạm thời. Tôi không hề nghĩ mọi chuyện có vẻ khả quan, nhưng chúng tôi nghe BBC và họ nói tất cả đều diễn ra theo đúng kế hoạch. Tôi gọi radio cho trung tá, nói rằng chúng tôi đều rất vui vẻ và đang đứng vững”.

Khi hạ sĩ Hendy cố chộp mắt lấy vài phút anh nghe thấy tiếng chuông nhà thờ từ xa vọng lại. Lúc đầu anh nghĩ tiếng chuông là để báo tin xe tăng của Horrock xuất hiện, nhưng tiếng chuông không

đều đặn và liên tục. Hendy vỡ lẽ rằng đạn hay mảnh trái phá có thể đã bắn trúng chuông. Anh nghĩ tới những người đang ở quanh sở chỉ huy của Frost ở phía bên kia rầm cầu, tự hỏi không biết họ có giữ vững được không. Viên hạ sĩ không thể nào rút bỏ được một cảm giác u ám, tuyệt vọng.

Sự giúp đỡ mà Frost cần khẩn cấp đến thế lại ở gần đến cay đắng – chỉ cách họ ven ven có một dặm. Bốn tiểu đoàn rải ra trong khoảng giữa bệnh viện St Elizabeth và sông Rhine đang vật lộn để cố tới được với ông. Tiểu đoàn 3 của trung tá Fitch đã thử tìm cách đột kích theo tuyến đường Sư tử - con đường ven sông Rhine mà Frost đã dùng để tiếp cận cầu hai hôm trước. Trong đêm, không có liên lạc, Fitch không hề biết 3 tiểu đoàn khác cũng đang vận động – tiểu đoàn 1 của trung tá David Dobie, tiểu đoàn 11 của trung tá G.H. Lea, và tiểu đoàn South Stafford của trung tá W.D.H. McCardie; trong đó đơn vị của Dobie chỉ cách tiểu đoàn 3 có vài trăm yard.

Lúc 4 giờ sáng ngày thứ Ba, 19/9, tiểu đoàn 11 và tiểu đoàn 2 South Stafford bắt đầu đi qua khu vực dân cư dày đặc giữa bệnh viện St Elizabeth và bảo tàng Arnhem. Ở phía nam họ, theo tuyến Sư tử, hơi Fitch đã gặp phải những đòn tấn công khốc liệt của đối phương, lúc này tiểu đoàn 1 lại đang tìm cách đột kích qua. Lúc đầu cả 3 tiểu đoàn, hiệp đồng hành động với nhau, dành được lợi thế. Nhưng sau đó, khi trời sáng dần, màn đêm che chở cho họ không còn nữa. Sự chống trả của quân Đức, không đáng kể trong đêm, bất ngờ trở nên dữ dội. Cuộc tiến công chững lại khi các tiểu đoàn bị kẹt giữa một mạng lưới chặt chẽ, bị phục kích từ ba phía bởi một kẻ địch có vẻ đã

chờ sẵn họ ở đó theo các vị trí được vạch kế hoạch trước. Và quân Đức đã chuẩn bị sẵn sàng cho một cuộc tàn sát.

Những đơn vị đi đầu bị đánh trúng đội hình và chặn lại bởi xe tăng và pháo tự hành Đức án ngữ các đường phố phía trước họ. Từ trên các cửa sổ của những ngôi nhà nằm trên cao sát đường ray xe lửa về phía bắc, những khẩu súng máy phục sẵn khai hỏa. Và từ những ụ súng bằng gạch dọc sông Rhine những khẩu pháo cao xạ nhiều nòng, hạ nòng xuống phương nằm ngang, chụp thẳng vào tiểu đoàn của Dobie và đánh tan nát người của Fitch khi các đơn vị này cố tiến theo con đường ven sông Rhine hạ. Tiểu đoàn của Fitch, vốn đã tổn thất nặng từ khi đổ quân hai ngày trước, lúc này bị chia cắt thành từng mảnh bởi đạn cao xạ bắn như mưa không ngừng, đã không còn tồn tại như một đơn vị thống nhất nữa. Họ không tiến lên cùng không rút lui được. Không có bất cứ nơi trú ẩn nào trên con đường trống trải, họ đã bị bắn hạ như phạt cỏ theo đúng nghĩa đen. “Một sự thật hiển nhiên thật đau đớn,” đại úy Ernest Seccombe nói, “là bọn Jerry có nhiều đạn hơn chúng tôi. Chúng tôi cố tiến lên thành từng đợt, chạy từ chỗ nấp này sang chỗ nấp khác. Tôi vừa mới bắt đầu một đoạn chạy như vậy thì bị kẹt giữa một làn đạn chéo cánh sẽ chết chóc. Tôi đổ xuống như một tải khoai tây. Tôi thậm chí không lết đi được”. Seccombe, bị trúng đạn vào cả hai chân, tuyệt vọng nhìn quân Đức áp sát mình. Viên đại úy Anh, người nói thạo tiếng Đức, bảo họ hãy nhìn giúp chân của mình. Những người lính Đức cúi xuống xem xét vết thương của anh ta. Sau đó, một người lính đứng nghiêm người nói. “Tôi xin lỗi, thưa ngài đại úy,” anh ta nói với Seccombe. “Tôi sợ là chiến tranh đã chấm dứt với ngài”. Người Đức gọi quân y của họ tới

và Seccombe được đưa tới bệnh viện St Elizabeth. (CT: Gần như trong suốt trận Arnhem, bệnh viện này được cả các bác sĩ Đức và Anh sử dụng để cứu chữa thương binh của mình. Seccombe, trở thành tù binh, bị chuyển tới thị trấn Hà Lan nhỏ Enschede, cách biên giới Đức chừng 5 dặm. Trong thời gian anh ở tại đó, cả hai chân viên đại úy bị cưa cụt. Anh được giải phóng tháng 4/1945)

Một cách tình cờ một sĩ quan của Fitch phát hiện ra sự có mặt của đơn vị của Dobie ở tuyến đường phía dưới, và người của tiểu đoàn 1, bắt chấp tổn thất nặng nề của mình, hồi hã vận động về phía trước, hướng tới những người ít ỏi còn sống sót của Fitch. Dobie lúc này quyết tâm tới bằng được cầu bằng bất cứ giá nào, nhưng bất lợi là quá lớn. Trong khi ông đi vào khu vực đấu súng ác liệt và tìm cách bắt liên lạc với người của Fitch, chính Dobie bị thương và bị bắt (sau đó ông đã trốn thoát); vào cuối ngày hôm đó tiểu đoàn của Dobie chỉ còn lại chừng 40 người. Binh nhì Walter Boldock là một trong số họ. “Chúng tôi vẫn cố làm điều đó, nhưng đó là một tai họa. Chúng tôi liên tục bị đạn cối rót trúng, và xe tăng Đức gầm rú lao thẳng vào chúng tôi. Tôi cố bắn vào một chiếc bằng khẩu Bren của mình, sau đó có vẻ như chúng tôi lùi dần trở lại. Tôi đi qua một bể nước bị vỡ. Một thường dân mặc đồ xanh nằm chết gục, nước lênh láng xung quanh. Khi chúng tôi rời khỏi ngoại ô Arnhem, tôi biết chúng tôi sẽ không thể quay trở lại”.

Người của Fitch, định theo sau tiểu đoàn của Dobie, lại bị xé lẻ ra một lần nữa. Cuộc hành quân giờ không còn ý nghĩa nào nữa; những báo cáo sau trận đánh đã chỉ ra sự hỗn loạn hoàn toàn trong tiểu đoàn vào

thời điểm này. “Tốc độ tiến quân khá khả quan cho đến khi chúng tôi tới khu vực gần chiếc cầu phao bị phá hỏng,” báo cáo của tiểu đoàn 3 viết. “Sau đó thương binh của tiểu đoàn 1 bắt đầu đi ngược trở lại qua chúng tôi. Hỏa lực súng máy rất mạnh, súng 20 mm, và súng cối bắn liên tục bắt đầu... tổn thất tăng nhanh, và mỗi phút đều có những toán thương binh chạy ngược lại phía sau”.

Trước nguy cơ đơn vị mình bị tiêu diệt hoàn toàn, Fitch ra lệnh cho người của mình rút về Rhine Pavillon, một khu quán ăn lớn bên bờ sông, nơi lực lượng còn lại của tiểu đoàn có thể tập hợp và chiếm lĩnh vị trí phòng ngự. “Tất cả sĩ quan và binh lính phải tìm mọi cách quay lại,” Fitch lệnh cho đơn vị của mình. “Cả khu vực như chìm trong lửa, và hy vọng duy nhất để rút lui an toàn là chia nhỏ ra”. Binh nhì Robert Edward nhớ rằng một thượng sĩ “mà đôi ủng đã đầy ồng máu từ vết thương của anh ta, nói với chúng tôi tìm đường thoát vây và tìm tới đơn vị có tổ chức đầu tiên chúng tôi gặp. Trung tá Fitch không tới được Rhine Pavillon, Trên con đường thoát vây đầy hiểm nghèo, ông đã trúng đạn súng cối hy sinh.

Do một loạt những hoàn cảnh trở trêu, hai người đáng lẽ không bao giờ có mặt tại đó lại phải lần mò vào Arnhem. Thiếu tá Anthony Deane-Drummond, chỉ huy phó thông tin sư đoàn, đã lo lắng về gián đoạn liên lạc đến mức, cùng cần vụ kiêm lái xe của mình, hạ sĩ Arthur Turner, anh đã tới tuyến trước để tìm hiểu tình hình. Deane-Drummond và Turner đã lên đường từ sáng sớm ngày thứ Hai. Lúc đầu họ tìm được tiểu đoàn của Dobie, tại đây họ được biết Frost đang ở cầu còn Dobie chuẩn bị đột kích đến trợ giúp. Đi tiếp theo con

đường ven bờ sông, Deane_Drummond bắt kịp một số đơn vị thuộc tiểu đoàn 3 đang vật lộn cố tiến tới Arnhem và đi cùng những đơn vị này. Hỏa lực dữ dội của quân địch trùm lên họ và trong trận đánh diễn ra sau đó Deane-Drummond phải nắm lấy quyền chỉ huy phần còn lại của một đại đội đã mất sĩ quan chỉ huy. Dưới hỏa lực súng bộ binh không dứt và bị vây chặt đến mức Deane-Drummond nhớ quân Đức ném lựu đạn như mưa vào nhóm của mình, viên thiếu tá đã dẫn cả toán băng qua đường tới một cụm nhà nằm gần một con hẻm. Ở phía trước, anh đã trông thấy cây cầu. “Trong vài trăm yard cuối cùng trước khi tới được ngôi nhà tôi chỉ định, người trong toán của tôi ngã gục xuống như ruồi theo đúng nghĩa đen của câu này”, anh nhớ lại. “Chúng tôi chỉ còn gần 20 người, và tôi nhận ra phần còn lại của tiểu đoàn vẫn còn ở xa phía sau và khó mà bắt kịp chúng tôi”. Chia đơn vị thành ba toán, Deane-Drummond quyết định đợi đến đêm, đi xuống phía sông, bơi qua sông rồi cố gắng vòng lại tìm về sư đoàn theo hướng tây. Tại một ngôi nhà nhỏ ở góc đường với quân Đức khắp xung quanh, anh cùng toán của mình ém lại chờ đợi. Cửa trước bắt đầu bị đập mạnh. Deane-Drummond và ba người đi theo chạy ra sau nhà nấp vào buồng tắm khóa cửa lại. Từ những tiếng động vọng từ ngoài vào, rõ ràng là quân Đức đang bện rộn củng cố ngôi nhà thành một cứ điểm mạnh. Deane-Drummond đã bị kẹt. Anh và những người đi cùng phải ngồi lại trong căn phòng hẹp đó trong gần 3 ngày nữa. (CT: Deane-Drummond bị bắt hôm thứ Sáu, 22/9, ngay sau khi anh rời khỏi ngôi nhà gần cầu Arnhem. Tại một biệt thự gần Velp, được dùng làm trại giam tù binh, anh phát hiện ra một chiếc tủ tường và chui vào đó nấp. Trong chiếc tủ chật chội, viên thiếu tá đã nấp trong 13 ngày, chỉ nhấp miệng bằng vài ngụm nước

và sống nhờ vài mẩu bánh mì. Vào ngày 5/10 anh trốn thoát, liên lạc với lực lượng kháng chiến ngầm Hà Lan và vào đêm 22/10 được đưa về trạm thu dung của sư đoàn đổ bộ số 1 tại Nijmegen. Một trong 3 người ở cùng anh tại Arnhem, người cần vụ hạ sĩ Arthur Turner, cũng bị giam tại ngôi nhà ở Velp. Sau đó anh này bị chuyển về trại tù binh ở Đức và được giải phóng tháng 4/1945. Câu chuyện của Deane-Drummond được kể lại sinh động nhất trong cuốn sách của anh, “Return Ticket”).

Trong khi đó, tiểu đoàn 11 và tiểu đoàn South Stafford, sau nhiều giờ giao chiến không ngừng trên đường phố, cũng đã chững lại. Cuộc phản kích của xe tăng Đức giáng một đòn mạnh vào các tiểu đoàn, buộc họ phải từ từ lui lại.

Binh nhì Maurice Faulkner nhớ lại một số đơn vị của các tiểu đoàn này tới được bảo tàng với tổn thất nặng nề, chỉ để chạm trán phải xe tăng địch. “Tôi thấy một người nhảy ra khỏi một ô cửa sổ lên nóc một chiếc tầng và cố ném một quả lựu đạn vào,” Faulkner nhớ lại. “Anh ta bị đạn bắn tía giết chết, nhưng tôi nghĩ chẳng nào anh ta cũng đã bị vây kín, và có lẽ bản thân anh ấy cũng hiểu đó là con đường duy nhất”.

William O’Brien kể lại rằng tình hình “đột nhiên trở nên hỗn loạn. Không ai biết phải làm gì nữa. Quân Đức đã mang những khẩu cối phản lực Nebelwerfer tới và chúng tôi sợ chết khiếp khi nghe tiếng rít của chúng. Tôi bắt đầu cảm thấy rằng các vị tướng đã đẩy chúng tôi vào một thứ mà họ không hề nghĩ tới. Tôi tự hỏi không biết cái đạo

quân số 2 mắc dịch đó đang ở đâu”.

Binh nhì Andrew Milbourne, ở gần nhà thờ Oosterbeek, nghe thấy yêu cầu xạ thủ súng máy. Milbourne bước ra và được lệnh mang súng của mình cùng một toán xạ thủ tới đoạn đường giao nhau gần bệnh viện St Elizabeth để bắn yểm trợ cho hai tiểu đoàn đang rút lui. Đặt khẩu Vicker lên một chiếc jeep, Melbourne lên đường cùng 3 người khác. Milbourne đặt súng trong vườn một ngôi nhà ngay ngã tư đường. Gần như lập tức anh này cảm thấy bị cuốn vào một trận chiến của riêng mình. Đạn cối và trái phá như thể nhằm hết vào anh. Trong khi những người lính khác bắt đầu rút lui qua chỗ của anh, Milbourne nhả đạn liên tục về phía trước. Anh nhớ rõ nghe thấy một tiếng rít như xé gió, rồi một chớp lửa. Vài giây sau anh hiểu có gì đó không ổn với tay và mắt mình. Anh cũng nhớ ai đó kêu lên, “Chúa ơi, cậu ta bị rồi”.

Binh nhì Thomas Pritchard nghe thấy tiếng kêu và chạy tới nơi mọi người đang đứng quanh Milbourne. “Anh ấy nằm phục lên khẩu Vicker cong queo, hai tay lưng lảng dính vào thân mình bằng một dải da, một con mắt tung ra khỏi hố mắt. Chúng tôi hét lớn gọi quân y”. Cách đó không xa người bạn thân nhất của Milbourne, hạ sĩ Terry “Taffy” Brace thuộc đơn vị quân y dã chiến 16, nghe thấy ai đó hét lớn. Để lại chỗ một người trúng mảnh trái phá anh vừa sơ cứu, Brace chạy gấp tới. “Nhanh lên,” một người gọi anh, “cậu bắn Vicker bị thương rồi”. Trong khi chạy, Brace nhớ, anh có thể nghe tiếng súng máy nổ liên tục, và đạn đại bác, đạn cối rơi khắp nơi. Tới gần một nhóm người, anh lách qua và kinh hoàng nhìn thấy Milbourne nằm

trên mặt đất. Gấp gáp, Brace bó hai tay của Milbourne lại và đặt gác dưới xương gò má người bị thương để cố định con mắt trái. Brace còn nhớ rõ vừa làm anh vừa nói không ngừng. “Chỉ là một vết xước thôi, Andy,” anh nói liên tục, “chỉ là vết xước thôi”. Bế người bạn lên, Brace mang Milbourne tới một trạm cứu thương nơi một bác sĩ Hà Lan lập tức bắt tay vào cấp cứu. Rồi anh quay lại trận địa. (CT: Milbourne sau đó bị bắt dưới tầng hầm ngôi nhà của gia đình Ter Horst tại Oosterbeek. Anh mất mắt trái và cả hai tay bị cắt bởi một bác sĩ phẫu thuật Đức tại Apeldoorn. Anh ở trong một trại tù binh tại Đức cho tới hết chiến tranh).

Brace chạy qua có đến cả trăm người nằm trên các cánh đồng và dọc con đường. “Tới cạnh ai tôi cũng dừng lại”, anh nhớ lại. “Điều duy nhất tôi làm được cho số lớn trong họ là lấy áo ngực trang che mặt họ lại”. Brace băng bó tốt nhất có thể được cho một thượng sĩ bị thương và chuẩn bị đi tiếp, thì anh này với lấy anh. “Tôi không qua khỏi được đâu,” anh ta nói với Brace. “Xin hãy nắm lấy tay tôi”. Brace ngồi xuống nắm lấy tay người thượng sĩ giữa hai bàn tay mình. Anh nghĩ tới Milbourne, người bạn thân nhất, và tới nhiều người khác đã chạy ngược trở lại qua đó trong ngày. Vài phút sau, Brace cảm thấy một cái giật nhẹ. Nhìn xuống, anh thấy người thượng sĩ đã chết.

Lúc này người Anh đã ở trong tình thế hỗn loạn, không có pháo chống tăng, những khẩu Piat đã cạn đạn, và phải chịu tổn thất rất lớn. Cuộc tấn công trở thành một cuộc cố thủ. Cả hai tiểu đoàn tiếp viện đã không thể vượt qua khu vực dày đặc nhà cửa quanh bệnh viện St Elizabeth. Nhưng trong mê cung các đường phố đó, có một hành

động đã thành công và có ý nghĩa tích cực. Cuộc tấn công đã đi qua ngôi nhà tại số 14 Zwarteweg, nơi tướng Roy Urquhart vẫn bị kẹt không ra được.

“Chúng tôi nghe thấy tiếng động cơ của khẩu pháo tự hành bên ngoài và tiếng xích sắt của nó nghiêng xuống đường,” Urquhart sau này viết. “Nó bỏ đi”. Antoon Derksen xuất hiện và “phấn khích báo rằng quân Anh đang ở cuối đường. Chúng tôi chạy xuống phố và tôi cảm ơn chúa vì chúng tôi đã bắt được liên lạc với quân mình”.

Urquhart, được báo cáo từ một sĩ quan tiểu đoàn South Stafford rằng sở chỉ huy sư đoàn hiện đóng ở một khách sạn có tên Hartenstein tại Oosterbeek, yêu cầu một chiếc jeep, lái hết tốc độ qua một làn mưa đạn bắn tia và cuối cùng cũng tới sở chỉ huy.

Lúc đó là 7 giờ 25 phút sáng. Ông đã văng mặt và mất khả năng kiểm soát trận đánh trong giai đoạn quyết định nhất của nó, suốt gần 39 giờ liền.

Tại Hartenstein, một trong những người đầu tiên thấy Urquhart là tuyên úy trưởng G.A.Pare. “Tin tức không được tốt,” ông nhớ lại. “Có tin báo tư lệnh đã bị bắt và vẫn không liên lạc được với đạo quân số 2”. Khi Pare bước xuống bậc thềm khách sạn “còn ai đang xuống xe nếu không phải là tư lệnh. Nhiều người trong chúng tôi trông thấy ông, nhưng không ai nói câu nào. Chúng tôi chỉ tròn mắt nhìn – hoàn toàn ngơ ngàng”. Bắn thủ với “bộ râu hai ngày chưa cạo trên mặt, trông tôi hẳn là đáng nhìn”, Urquhart nói. Vào lúc đó, đại tá

Mackenzie, tham mưu trưởng, chạy ra. Nhìn chăm chăm vào Urquhart, Mackenzie nói với ông, “Chúng tôi đã đoán, thưa ngài, là ngài không quay lại nữa”.

Lập tức Mackenzie nhanh chóng báo cáo tóm tắt tình hình cho Urquhart đang lo lắng nghe, về những gì đã xảy ra trong khi ông vắng mặt và tình hình chiến sự lúc đó – như sở chỉ huy nắm được. Bức tranh toàn cục thật nghiêm trọng. Chưa chat, Urquhart nhận ra sư đoàn xuất sắc của ông đã bị xé lẻ và tan tác. Ông nghĩ tới tất cả những bất lợi đã đến với lực lượng Market của mình: khoảng cách từ khu đổ quân tới cầu; mất hầu như hoàn toàn liên lạc; việc thời tiết đã trì hoãn lữ đoàn 4 của Hackett, rồi sự mất mát một lượng lớn hậu cần rất quý báu; và tiến độ chậm chạp của Horrock. Urquhart sững sờ khi được biết quân đoàn 30 thậm chí còn chưa được báo cáo là đã tới được Nijmegen. Cuộc cãi vã về quyền chỉ huy giữa Hackett và Hicks cũng thật tai hại, đặc biệt nó lại xảy ra do sự vắng mặt đồng thời không được lường trước của cả Urquhart và Lathbury trong những giờ phút quan trọng khi những quyết định chính xác cần được đưa ra. Trên hết, Urquhart nguyên rủa sự lạc quan quá đáng không thể tin nổi của kế hoạch ban đầu, bản kế hoạch đã không quan tâm đúng mức tới sự có mặt của quân đoàn panzer của Bittrich.

Tất cả các yếu tố này, cái nọ gắn liền với cái kia, đã đưa sư đoàn tới bờ vực thảm họa. Chỉ có kỷ luật nghiêm và tinh thần dũng cảm khó tin đã giúp những con quỷ đỏ đã bị đánh tan tác đứng vững thành một khối. Urquhart quyết tâm bằng cách nào đó khơi lại hy vọng, phối hợp hành động của các đơn vị thuộc quyền cho tới tận cấp đại

đội. Để làm được như vậy, ông biết mình sẽ phải đòi hỏi nhiều hơn nữa từ những người lính đã kiệt sức và thương tích đầy mình, nhiều hơn rất nhiều những gì mà bất cứ tư lệnh đổ bộ đường không đã từng đòi hỏi. Ông không còn lựa chọn nào khác. Với lực lượng tăng viện Đức đổ tới không ngừng, viên tướng người Scotland kiên định nói năng nhẹ nhàng hiều trừu khi ông hành động lập tức “sư đoàn của tôi sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn”. Ngay cả lúc này, rất có thể đã là quá muộn để cứu đơn vị mà ông yêu quý khỏi bị xóa sổ.

Chỉ cần nhìn qua bản đồ cũng thấy tình hình vô vọng tới mức nào. Đơn giản là không có chiến tuyến. Lúc này, khi tất cả lực lượng của ông, trừ lữ đoàn Ba Lan, đã tới nơi, các bãi đổ quân chính ở phía tây đã bị bỏ, trừ những khu nhận tiếp tế mà vành đai xung quanh được giữ bởi người của Hicks đang mỗi lúc một thu hẹp lại. Ông cũng thấy Hackett đang tiến tới cao điểm phía đông bắc Wolfheze và trang trại Johannahoeve. Tiểu đoàn 11 và tiểu đoàn South Stafford đang chiến đấu gần bệnh viện St Elizabeth. Không có tin gì về tình hình các tiểu đoàn 1 và 3 theo đường ven sông Rhine hạ. Nhưng Frost, Urquhart nghe báo cáo mà không khỏi cảm thấy tự hào, vẫn giữ vững đầu cầu. Khắp nơi trên bản đồ những mũi tên đỏ đánh dấu những địa điểm mới báo cáo có tập trung xe tăng và binh lính địch; một số nơi nằm cả sau lưng các đơn vị Anh. Urquhart không rõ liệu có đủ thời gian để tái tổ chức và phối hợp hành động giữa các đơn vị đang mất phương hướng của ông và lệnh cho họ thực hiện một nỗ lực cuối cùng nhằm tiến tới cầu không. Chưa hề biết những thiệt hại khủng khiếp đã rơi xuống đầu tiểu đoàn 1 và 3, Urquhart tin vẫn còn cơ hội.

“Điều đập vào mắt tôi là”, ông nhớ lại. “Ai sẽ chỉ huy trận đánh trong thành phố? Ai sẽ điều phối hành động? Lathbury đã bị thương và không còn ở đây. Chưa có ai được giao phác thảo ra một kế hoạch”. Trong khi ông bắt đầu giải quyết khó khăn này thì thượng tá Hicks tới. Ông ta rất vui khi thấy Urquhart và giao lại quyền chỉ huy sư đoàn. “Tôi nói với ông ta,” Urquhart kể lại, “rằng chúng tôi cần cử ai đó vào thành phố ngay. Một sĩ quan cao cấp, để phối hợp cuộc tấn công của Lea và McCardie. Tôi nhận thấy họ chỉ cách chỗ tôi nấp trong thành phố có vài trăm yard, và giá tôi ở lại thành phố để chỉ huy thì có lẽ hay hơn. Lúc này, tôi cử trung tá Hilary Barlow, phó của Hicks. Ông ta là người thích hợp. Tôi lệnh cho ông ta vào thành phố và kiểm soát tình hình. Tôi mô tả rõ hiện Lea và McCardie đang ở đâu và cử ông ta đi với một xe jeep và một bộ điện đài, lệnh cho ông tổ chức một cuộc tấn công đồng bộ”.

Barlow không bao giờ tới được các tiểu đoàn. Ông đã hy sinh đâu đó trên đường. “Ông ấy chỉ đơn giản là mất tích,” Urquhart nhớ lại, và xác viên trung tá không bao giờ được tìm thấy.

Việc lữ đoàn Ba Lan tới trong đợt đổ quân thứ ba cũng khẩn cấp không kém. Họ sẽ phải nhảy dù xuống một kẻ thù đã sẵn sàng đợi ở đầu cầu phía nam, như Frost biết quá rõ; và lúc này, Urquhart lý luận, quân Đức hiển nhiên đã được tăng cường thiết giáp. Cuộc nhảy dù sẽ có thể biến thành một cuộc tàn sát. Nhằm ngăn chặn điều này xảy ra và mặc dù liên lạc không đảm bảo – không ai biết tín hiệu gửi đi có tới nơi không – Urquhart gửi điện cảnh cáo và yêu cầu một khu đổ quân mới. Tại sở chỉ huy hậu cứ của quân đoàn, bức điện đã không

bao giờ được nhận. Nhưng chưa hết. Thêm một trở ngại nữa, sương mù bao phủ nhiều sân bay ở Anh nơi máy bay và tàu lượn cho đợt đổ quân thứ ba đã sẵn sàng lên đường.

Hành lang mà xe tăng của Horrock phải vượt qua lúc này đã lại được mở thông. Tại Son, cách Arnhem 46 dặm, những người lính công binh đứng nhìn những chiếc xe tăng Anh đầu tiên vượt qua chiếc cầu tạm Bailey họ vừa dựng lên. Sư đoàn thiết giáp cận vệ lại lên đường, lúc này cuộc đột kích được dẫn đầu bởi đơn vị Thủ pháo. Lúc này, 6 giờ 45 phút sáng ngày 19/9, lực lượng Garden đã chậm hơn kế hoạch đến 36 giờ.

Không ai trên đoạn hành lang này có thể đoán trước khoảng thời gian bị mất đó có ý nghĩa thế nào đến kết cục của chiến dịch – và những điều tồi tệ nhất còn ở phía trước. Cây cầu lớn bắc qua sông Waal tại Nijmegen, nằm cách đó 35 dặm về phía bắc, vẫn nằm trong tay quân Đức. Nếu nó không được chiếm sớm và nguyên vẹn, các chỉ huy đổ bộ đường không sợ rằng quân Đức sẽ phá cầu.

Sự lo ngại đó thúc giục mũi đột kích thiết giáp phải khẩn trương. Với tướng Gavin, tướng Browning, tư lệnh quân đoàn đổ bộ, và Horrock, cây cầu Nijmegen là quân cờ quyết định trên bàn cờ. Thế nhưng họ vẫn chưa biết tình thế hiểm nghèo thực sự đang đe dọa sư đoàn đổ bộ Anh. Bộ máy tuyên truyền Đức thông báo rằng tướng Urquhart đã chết và sư đoàn của ông bị xóa sổ, nhưng không có tin gì từ chính sư đoàn. (CT: Theo lời Bittrich, quân Đức biết được qua tù binh rằng Urquhart có thể đã chết hoặc mất tích và, ông ta cũng nói, “chúng tôi

kiểm soát các bức điện radio và nghe lén các cuộc gọi điện thoại). Trong lực lượng thiết giáp mọi người vẫn tin Market Garden đang diễn ra suôn sẻ. Cả những chú chim ưng gầm thét của tướng Taylor cũng vậy. “Với những người lính sư đoàn 101, tiếng động cơ xe tăng, những khẩu súng của chúng vừa là sự đảm bảo vừa đầy hứa hẹn”, tướng S.L.A. Marshall sau này viết – “một sự đảm bảo rằng có một kế hoạch và hứa hẹn là kế hoạch sẽ thành công”.

Trong lúc xe tăng tiến qua, những người lính sư đoàn 101 đứng nhìn không khỏi tự hào về chiến công của chính họ. Chống lại quân địch mạnh không ngờ tới, họ đã chiếm và giữ vững 15 dặm hành lang từ Eindhoven tới Veghel. Dọc theo con đường này những người lính dù vẫy tay hò hét khi những chiếc xe bọc thép của lực lượng Kỵ binh Nội địa, xe tăng của lực lượng Thủ pháo cùng toàn đội hình đồ sộ của quân đoàn 30 tiến qua. Chỉ trong vài phút đoàn quân xa tiến từ Son tới Veghel. Sau đó, với tốc độ đột kích mà Montgomery đã dự định cho toàn chiến dịch, lực lượng thiết giáp mũi nhọn, được những người Hà Lan reo hò đón chào hai bên đường, lao đi khẩn trương, tới điểm hẹn tiếp theo tại Grave lúc 8 giờ 30 phút sáng. Tại đây, lực lượng thiết giáp hội quân với sư đoàn 82 của Gavin. “Tôi biết chúng tôi đã tới được họ,” hạ sĩ William Chennell, có mặt trên một trong những xe bọc thép đi đầu, nhớ lại, “vì đám người Mỹ, cản tắc vô ý này, đã bắn cảnh cáo chặn chúng tôi lại”.

Tiếp tục tiến gấp, những chiếc xe tăng đầu tiên tới ngoại vi Nijmegen lúc giữa trưa. Lúc này họ đã vượt qua được hai phần ba đoạn hành lang cốt tử của Market Garden. Con đường một chiều duy nhất, đông

chặt xe cộ, đã có thể bị cắt ngang bất cứ lúc nào nếu không có những người lính dù kiên cường và cảnh giác đã chiến đấu, hy sinh để giữ nó thông suốt. Nếu muốn chiến lược mạo hiểm của Montgomery thành công, trục hành lang là con đường sống duy nhất nuôi dưỡng nó. Người ta đã cảm thấy sự phấn khích của thành công. Theo thông báo chính thức, kể cả thông báo từ tổng hành dinh của Eisenhower, mọi việc đều diễn ra theo đúng kế hoạch. Không có lấy một từ nói tới tai họa khủng khiếp đang dần dần nuốt chửng lực lượng đổ bộ tại Arnhem.

Tuy thế, tướng Browning vẫn thấy bất an. Trong buổi chiều ngày 18 ông đã gặp tướng Gavin. Tư lệnh quân đoàn đã không nhận được tin tức gì từ Arnhem. Ngoài việc sàng lọc tin tức do lực lượng kháng chiến Hà Lan cung cấp, bộ phận liên lạc của Browning đã không nhận được bất cứ báo cáo tình hình nào. Bất chấp những thông báo chính thức tuyên bố chiến dịch diễn ra thuận lợi, những báo cáo gửi tới Browning từ sở chỉ huy hậu cứ và từ đạo quân số 2 của tướng Dempsey khiến ông bồn chồn không yên. Browning không thể dứt bỏ được linh cảm Urquhart đang gặp khó khăn nghiêm trọng.

Hai báo cáo đặc biệt làm ông e ngại. Sức mạnh của quân Đức và phản ứng của địch tại Arnhem hiển nhiên là mạnh mẽ và nhanh chóng hơn những gì các nhà hoạch định kế hoạch lường trước. Và ảnh không thám của RAF cho thấy chỉ có đầu cầu phía bắc nằm trong tay quân Anh. Nhưng tới tận lúc này, Browning vẫn không biết đến 2 sư đoàn panzer đang có mặt tại khu vực của Urquhart. Bồn chồn trước sự gián đoạn liên lạc và bị dày vò bởi nghi ngờ, Browning cảnh báo Gavin

rằng “cây cầu Nijmegen phải được chiếm hôm nay. Chậm nhất là ngày mai”. Ngay từ giây phút đầu tiên được cho biết về Market Garden, cây cầu tại Arnhem đã làm Browning lo lắng. Montgomery đã tự tin trông đợi Horrock tiến tới đó trong vòng 48 giờ. Cũng vào lúc đó, tính toán của Browning là người của Urquhart có thể đứng vững được 4 ngày. Lúc này, ngày N+2, chỉ còn một ngày nữa là đến giới hạn thời gian mà Browning ước lượng sư đoàn có khả năng tồn tại đơn độc, cho dù không biết gì về tình thế hiểm nghèo của sư đoàn đổ bộ Anh số 1, Browning nói với Gavin, “Chúng ta cần tới Arnhem càng nhanh càng tốt”. (CT: Nhiều nghiên cứu của người Anh về trận Arnhem, trong đó có cuốn sách xuất sắc “Struggle for Europe” của Chester Wilmot, ngụ ý rằng Browning biết nhiều hơn tình hình của Urquhart lúc đó hơn ông ta thể hiện ra ngoài. Một kiểm tra cẩn thận các thông tin vụn vặt và không đầy đủ được đưa tới sở chỉ huy quân đoàn cho thấy bức điện đầu tiên trực tiếp từ Arnhem tới tay Browning lúc 8 giờ 25 phút sáng ngày 19. Hai bức điện khác tới sau đó trong ngày báo cáo về cây cầu, vị trí các đơn vị và yêu cầu không quân yểm trợ. Cho dù nhiều bức điện khác đã được gửi đi mô tả chính xác tình hình, chúng đã không được nhận, và ba bức điện nhận được không chứa đựng thông tin nào cho biết sư đoàn của Urquhart đang bị tiêu diệt dần dần một cách hệ thống. Như thế, có thể nói Montgomery và Browning đã bị chỉ trích một cách không công bằng vì đã không thực hiện lập tức những hành động tích cực. Lúc đó trên thực tế họ hoàn toàn không biết gì về tình hình nguy ngập của Urquhart).

Ngay sau khi hội quân với sư đoàn 82, Browning tổ chức một cuộc

hợp. Xe bọc thép của đơn vị cận vệ dẫn đầu được cử quay lại đón tư lệnh quân đoàn 30, tướng Horrock, và tư lệnh sư đoàn thiết giáp cận vệ, tướng Allan Adair. Cùng Browning, hai viên tướng đi xe tới một địa điểm ở đông bắc Nijmegen, nhìn xuống sông. Từ đây hạ sĩ William Chennell, người đã lái xe về đón hai viên tướng, đứng cùng nhóm sĩ quan quan sát cây cầu. “Tôi thực sự kinh ngạc,” Chennell nhớ lại, “chúng tôi có thể thấy lính Đức và xe cộ qua lại trên cầu, có vẻ hoàn toàn vô tư. Không phát súng nào vang lên, trong khi chúng tôi chỉ cách đó có vài trăm yard.”

Quay lại sở chỉ huy của Browning, Horrock và Adair lần đầu tiên được biết sự kháng cự dữ dội của quân Đức tại khu vực sư đoàn 82. “Khi đến nơi, tôi ngỡ ngàng khi biết chúng ta vẫn chưa chiếm được cây cầu tại Nijmegen,” Adair kể lại. “Tôi đã trông đợi nó nằm trong tay lực lượng đổ bộ khi chúng tôi tới đó và chúng tôi sẽ chỉ việc lái xe qua cầu”. Quân của Gavin, lúc này các viên tướng được báo cáo, đã phải dồn sức giữ vững các khu đổ quân, kết quả là nhiều đại đội đã bị gọi từ Nijmegen về để bảo vệ những khu đổ quân khỏi những đợt tấn công quy mô lớn của địch. Các đơn vị thuộc trung đoàn 508 đã không thể đánh bại được các đơn vị SS mạnh cố thủ xung quanh cầu. Cách duy nhất để chiếm thật nhanh cây cầu, Browning tin tưởng, là một cuộc tấn công hiệp đồng xe tăng và bộ binh. “Chúng ta sẽ phải lôi đám Đức này ra bằng nhiều hơn lính đổ bộ không”, Browning nói với Adair.

Cầu Nijmegen là chốt nổi quan trọng cuối cùng trong kế hoạch Market Garden. Với giới hạn thời gian mà Browning đã đặt ra cho

khả năng tự tồn tại của lực lượng đổ bộ Anh đã gần cạn, tiến độ chiến dịch cần được đẩy nhanh. Cây cầu Nijmegen, Browning nhấn mạnh, cần được chiếm trong thời gian kỷ lục.

Thiếu tướng Heinz Harmel, tư lệnh sư đoàn Frunsberg, đang bức bối và thất vọng. Bất chấp sức ép liên tục từ tướng Bittrich, ông ta vẫn không thể nào đánh bật được Frost và người của viên trung tá khỏi cầu Arnhem. “Tôi bắt đầu cảm thấy mình là một thằng ngốc ngớ ngẩn,” Harmel nhớ lại.

Lúc này ông ta biết những người lính dù đã gần cạn đạn và lương thực. Và tổn thất của họ, nếu cứ lấy tổn thất của chính ông ta ra làm căn cứ để ước đoán, hẳn đã rất cao. “Tôi quyết định đưa xe tăng và đại bác tới để bắn và san bằng từng ngôi nhà họ chiếm giữ,” Harmel kể, “nhưng xem xét đến cách mà họ chiến đấu, tôi nghĩ trước hết nên gọi hàng”. Harmel lệnh cho ban tham mưu dàn xếp ngừng bắn tạm thời. Họ chọn một tù binh Anh để chuyển tới hậu thư của Harmel tới Frost. Người lính họ chọn là một công binh mới bị bắt, thượng sĩ 25 tuổi Stanley Halliwell, một người thuộc đơn vị của đại úy Mackay.

Halliwell được yêu cầu đi vào vành đai của quân Anh mang theo cờ trắng. Tại đó anh phải báo lại Frost rằng một sĩ quan Đức sẽ tới trao đổi với ông về điều kiện đầu hàng. Nếu Frost đồng ý, Halliwell sẽ quay trở lại cây cầu đứng cùng Frost, không mang vũ khí, cho tới khi sĩ quan Đức tới gặp họ. “Là tù binh chiến tranh tôi được yêu cầu quay lại chỗ bọn Jerry ngay khi tôi chuyển thông điệp và có câu trả lời của trung tá, phần việc này tôi không khoái chút nào,” Halliwell kể lại.

Quân Đức đưa Halliwell tới gần chiến tuyến của quân Anh, tại đây, mang cò trắng, anh đi vào khu vực quân Anh kiểm soát và tới sở chỉ huy của Frost. Rất kích động, Halliwell báo lại tình hình cho Frost. Quân Đức, anh nói, tin rằng tiếp tục kháng cự là vô ích. Quân Anh đã bị bao vây và không có hy vọng được giải cứu. Họ chỉ còn lựa chọn hoặc đầu hàng hoặc chết. Hỏi Halliwell, Frost được biết “quân địch có vẻ rất nản lòng trước tổn thất của mình”. Viên trung tá cảm thấy phấn khởi trong giây lát trước tin này, và ông nhớ đã nghĩ “chỉ cần có thêm đạn, chúng tôi sẽ sớm tiêu diệt hết đám đối thủ SS của mình.” Còn về yêu cầu thương lượng của quân Đức, câu trả lời của Frost cho Halliwell thật rõ ràng. “Bảo chúng cút cả xuống địa ngục”, ông nói.

Halliwell hoàn toàn đồng ý. Là tù binh chiến tranh, anh được trông đợi quay trở lại, nhưng anh không hứng thú lắm với ý tưởng phải lặp lại chính xác từng lời của viên trung tá và anh chỉ ra cho Frost thấy quay trở lại qua chiến tuyến có thể sẽ khó khăn hơn. “Tùy cậu quyết định,” Frost nói. Halliwell đã quyết định. “Nếu với ngài thế nào cũng được, thưa trung tá,” anh nói với Frost, “tôi sẽ ở lại. Bọn Jerry sớm muộn gì cũng sẽ biết câu trả lời”.

Ở bên kia rào cầu đại úy Eric Mackay cũng vừa nhận được lời đề nghị tương tự, nhưng anh cố tình hiểu nhầm. “Tôi nhìn ra và thấy một tay Jerry đứng dưới đường với một chiếc khăn chằng lấy gì làm trắng buộc vào súng. Hả hô lớn “Đầu hàng!” Tôi lập tức cho rằng chúng muốn đầu hàng, nhưng có thể chúng muốn ám chỉ chúng tôi”. Trong ngôi trường gần sụp đổ hoàn toàn mà toán quân nhỏ của anh vẫn đứng vững, Mackay, vẫn nghĩ tới chuyện bọn Đức muốn xin

hàng, cho dù ý tưởng này có vẻ vô lý. “Chúng tôi chỉ có hai phòng,” anh đáp. “Chúng tôi sẽ bị quá chật nếu có thêm tù binh”.

Chĩa súng về phía tay Đức, Mackay hét lớn, “Cuốn xéo khỏi đây. Chúng ta không bắt tù binh”. Người lính quân y, Pinky White, cũng tới bên cửa sổ cạnh Mackay. “Raus!” anh này hét lớn. “Đánh đi!” Trong tiếng vỗ tay hò hét, nhiều người lính khác cũng lên tiếng. “Xéo đi! Quay về đánh tiếp đi, đồ con hoang!” Tay lính Đức có vẻ hiểu. Như Mackay nhớ lại, anh chàng quay lại và bước nhanh về phía quân mình, “vẫn vậy vẫn chiếc khăn bẩn thỉu của hấn ta”.

Ý định gọi hàng của Harmel đã bất thành trước những người lính can đảm bị bao vây ở cầu. Trận đánh lại tiếp diễn ác liệt như trước.

Tại những sân bay bị sương mù che phủ gần Gratham, Anh, lữ đoàn dù Ba Lan số 1 đang chờ cất cánh. Giờ G cho đợt đổ quân đã được ấn định lúc 10 giờ sáng, nhưng thời tiết đã buộc phải lùi lại năm giờ. Lúc này lữ đoàn dự kiến sẽ tới nơi lúc 3 giờ chiều. Thiếu tướng Stanislaw Sosabowski, viên chỉ huy Ba Lan độc lập, nóng tính đã giữ người của mình trên máy bay trong suốt thời gian đợi. Sosabowski cảm thấy buổi sáng nào ở Anh cũng có sương mù. Nếu thời tiết quang đãng sớm hơn dự kiến, mệnh lệnh có thể thay đổi và Sosabowski quyết tâm sẽ sẵn sàng để lên đường bất cứ lúc nào. Ông cảm thấy lúc này từng giờ đều rất quan trọng. Urquhart, ông tin, đang gặp khó khăn.

Ngoài linh tính, không có lý do thực sự nào cho cảm giác của

Sosabowski. Nhưng kế hoạch Market Garden đã làm ông không an tâm ngay từ đầu. Ông chắc chắn rằng các khu đổ quân đều quá xa cây cầu để có thể đảm bảo bất ngờ. Hơn nữa, không ai ở Anh có vẻ biết chuyện gì đang xảy ra ở Arnhem, và Sosabowski đã rất bất an khi phát hiện ra việc liên lạc với sư đoàn 1 đã bị gián đoạn hoàn toàn. Tất cả những gì người ta biết là đầu cầu phía bắc đã nằm trong tay người Anh. Và vì không có thay đổi nào về kế hoạch, người của Sosabowski, nhảy xuống phía nam gần làng Elden, sẽ phải chiếm đầu cầu còn lại.

Nhưng viên tướng rất lo lắng vì thiếu thông tin. Ông không chắc liệu người của Urquhart có còn trên cầu. Các sĩ quan liên lạc tại sở chỉ huy hậu cứ của Browning, những người mà Sosabowski phải hoàn toàn trông cậy về tin tức, có vẻ biết rất ít về tình hình thực tế. Ông đã nghĩ tới việc đến sở chỉ huy đạo quân đổ bộ đường không Đồng Minh số 1 tại Ascot để nói chuyện trực tiếp với tướng Lewis Brereton, tư lệnh trưởng. Nguyên tắc lại quyết định khác. Đơn vị của ông nằm dưới quyền chỉ huy của tướng Browning, và Sosabowski đành miễn cưỡng chờ đợi con đường quân sự. Mọi thay đổi về kế hoạch sẽ chỉ tới từ Browning, và vẫn chưa nhận được gì. Thế nhưng Sosabowski linh cảm có điều gì đó đang bất ổn. Nếu quân Anh giữ đầu cầu phía bắc, quân địch hẳn đang tập trung mạnh ở phía nam và những người lính Ba Lan rất có thể sẽ phải chiến đấu một mất một còn. Phương tiện di chuyển và pháo binh của Sosabowski, dự kiến được chuyển đi trên 46 tàu lượn từ các căn cứ tại phía tây Down Ampney và Tarrant Rushton, vẫn được dự kiến lên đường lúc giữa trưa. Vì phần này của kế hoạch vẫn được giữ như cũ, Sosabowski cố trấn an mình rằng mọi việc sẽ ổn cả.

Trung úy Albert Smaczny cũng bất an không kém. Anh sẽ phải dẫn đại đội của mình vượt cầu Arnhem và chiếm một số ngôi nhà ở phía đông thành phố. Nếu cầu vẫn chưa được kiểm soát, anh tự hỏi làm thế nào có thể đưa người của mình qua sông Rhine được. Smaczny đã được cam đoan rằng cầu vượt sông sẽ trong tay người Anh, nhưng từ ngày trốn thoát khỏi Đức năm 1939 (người em trai 16 tuổi của anh đã bị bọn Gestapo xử bắn để trả thù) Smaczny đã tập cho mình “sẵn sàng đón nhận điều không thể xảy ra”.

Hết giờ này đến giờ khác người Ba Lan chờ đợi, trong khi sương mù vẫn bao phủ miền trung Anh. Hạ sĩ Wladijslaw Korob “bắt đầu thấy bứt rứt. Tôi muốn lên đường,” anh nhớ lại. “Đứng quanh sân bay không phải là cách tốt nhất để giết bọn Đức theo ý tôi”. Nhìn những chiếc máy bay tập trung trên sân bay, trung úy Stefan Kaczmarek cảm thấy “một niềm vui đến nhói tim”. Cả anh cũng đã phát chán cảnh đứng chờ. Chiến dịch, anh đã nói với người của mình, “là con đường tốt thứ hai để giải phóng Warsaw. Nếu chúng ta thành công, chúng ta sẽ tiến vào nước Đức thẳng qua cửa nhà bếp”.

Nhưng những người lính Ba Lan sẽ bị thất vọng. Đến trưa Sosabowski nhận được lệnh mới. Cho dù máy bay có thể hoạt động từ các sân bay phía nam, ở miền trung các sân bay vẫn bị thời tiết làm tê liệt.

Cuộc nhảy dù ngày hôm đó bị bãi bỏ. “Không thể làm gì được, thưa tướng quân,” sĩ quan phụ trách liên lạc, trung tá George Stevens, nói

với Sosabowski đang phản đối. “Chúng tôi không thể để ngài đi được”. Cuộc đổ bộ bị hoãn tới sáng hôm sau, ngày thứ Tư 20/9. “Chúng ta sẽ thử lúc 10 giờ”, ông được thông báo. Không đủ thời gian để chuyển quân xuống các căn cứ phía nam. Càng thất vọng hơn, Sosabowski được tin các tàu lượn chở hàng đã lên đường tới Hà Lan. Viên tướng Ba Lan sôi lên sốt ruột. Từng giờ qua đi có nghĩa là sự chống trả của quân địch sẽ mạnh lên, và ngày hôm sau có thể làm trận đánh ác liệt hơn nhiều – trừ khi linh tính đang báo động của ông hoàn toàn sai.

Và chúng không hề sai. Những chiếc tàu lượn chở tiếp tế của Sosabowski với toàn bộ người, pháo binh, phương tiện liên lạc đang hướng tới sự hủy diệt hầu như hoàn toàn. Đợt đổ quân thứ ba là một tai họa.

Những cụm mây thấp che phủ tuyến đường phía nam khắp đoạn qua biển Manche. Đợt đổ quân thứ ba hướng tới khu đổ quân của các sư đoàn 82, 101 và lực lượng Anh, đã gặp trục trặc ngay từ lúc bắt đầu. Người ta đã dự đoán thời tiết quang đãng vào buổi chiều. Ngược lại, thời tiết mỗi lúc một xấu khi các phi đoàn cất cánh. Các đơn vị máy bay chiến đấu, bị kẹt trong mây và không thể nhìn thấy mục tiêu dưới đất, đành phải quay về. Với tầm nhìn bằng không, không tài nào nhìn thấy máy bay kéo của mình được, nhiều tàu lượn đã phải tháo cáp kéo hạ cánh khẩn cấp xuống đất Anh hoặc xuống biển Manche, và nhiều đội hình bị buộc phải bỏ cuộc hoàn toàn và quay về căn cứ.

Trong số 655 máy bay chở quân và 431 tàu lượn rời mặt đất, chỉ hơn nửa tới được các khu đáp và nhảy dù, cho dù hầu hết tàu lượn chở quân đều hạ cánh an toàn xuống đất Anh hoặc nơi khác. Nhưng ở trên lục địa hỏa lực phòng không dữ dội của địch và tấn công của Luftwaffe, cộng thêm thời tiết xấu, đã làm mất 112 tàu lượn và 40 máy bay vận tải. Chỉ có 1341 trong số 2310 người và 40 trong số 68 khẩu pháo dành cho sư đoàn 101 tới nơi. Lực lượng của tướng Taylor đang chịu sức ép mạnh đến mức 40 khẩu pháo trên vừa chạm đất là phải bắt đầu khai hỏa.

Sư đoàn 82 của tướng Gavin còn không may hơn. Vào thời điểm mà từng người lính đều cần cho cuộc tấn công vào cây cầu sống còn tại Nijmegen, trung đoàn đổ bộ tàu lượn 325 của Gavin đã không hề tới nơi. Giống như lữ đoàn Ba Lan, các máy bay và tàu lượn của trung đoàn 325, cũng đóng tại khu vực Grantham, đã không thể rời mặt đất. Tệ hơn, trong số 265 tấn hàng và đạn tiếp tế dành cho sư đoàn 82, chỉ 40 tấn được thu thập.

Tại khu vực người Anh, nơi Urquhart trông đợi không chỉ lữ đoàn Ba Lan mà cả một đợt tiếp tế đường không lớn, thảm kịch đã xảy ra. Những khu thả hàng đã bị quân địch khống chế, và cho dù đã cố gắng làm đổi hướng 163 chiếc máy bay vận tải tới một khu vực mới phía nam khách sạn Hartenstein, cố gắng của những người lính trên mặt đất đã không thành công. Hoàn toàn cạn kiệt mọi thứ, nhất là đạn, người của Urquhart nhìn từng phi đoàn bay tới qua lưới đạn phòng không. Rồi tiêm kích địch xuất hiện, bắn vào các máy bay vận tải và cày nát khu vực thả hàng mới.

Vào khoảng 4 giờ chiều, cha tuyên úy G.A.Pare nghe thấy tiếng hò reo. “Đợt ba đã tới!” Bất thần, người mục sư nhớ, “những tiếng động khủng khiếp vang lên và cả bầu không khí rung động vì tiếng súng. Tất cả những gì chúng tôi có thể làm là giương mắt nhìn kinh hoàng trong khi đồng đội của chúng tôi lao xuống cái chết chắc mười mươi”.

Pare quan sát “trong tuyệt vọng, vì những chiếc máy bay ném bom này, thường bay ở 15000 bộ vào ban đêm, lúc này bay ở 1500 bộ giữa ban ngày. Chúng tôi thấy nhiều chiếc bốc cháy, nhưng vẫn giữ vững đường bay cho đến khi tất cả các kiện hàng được thả xuống. Giờ đây chúng tôi nhận ra một bất lợi khủng khiếp. Chúng tôi đã ra tín hiệu yêu cầu thả hàng xuống gần sở chỉ huy, nhưng không có gì xảy ra cả.”

Không có tiêm kích hộ tống và phải giữ vững đường bay, những phi đội tiếp tế thả hàng xuống những khu vực cũ. Những người lính dưới đất cố hết sức để thu hút sự chú ý bằng cách đốt lửa, dùng bom khói, vẫy dù và thậm chí làm hiệu lửa trên mặt đất – và trong khi làm thế họ bị tấn công bởi những chiếc Messerschmidtt của đối phương.

Nhiều người lính vẫn còn nhớ một chiếc C47 Anh, một cánh cháy rục, bay tới khu vực thả hàng lúc này đã rơi vào tay quân Đức. Thượng sĩ Victor Miller, một trong các phi công tàu lượn đã hạ cánh trong đợt đổ quân đầu tiên hôm Chủ nhật, thấy “tim thắt lại khi nhìn lửa gần như trùm kín nửa sau thân chiếc máy bay”. Mong muốn tổ lái thoát ra ngoài, Miller chợt nhận ra mình đang vô thức lâm bầm: “Nhảy đi!

Nhảy đi!” Khi chiếc máy bay hạ xuống thấp, Miller có thể nhìn thấy nhân viên thả hàng đứng bên cửa, đẩy các kiện hàng ra. Đò dần, anh nhìn theo chiếc Dakota cháy rực quay vòng lại lần nữa, và qua cuộn khói anh nhìn thấy thêm những kiện hàng nữa được thả xuống. Thượng sĩ Douglas Atwell, một phi công tàu lượn khác, nhớ rằng những người lính đứng bật dậy khỏi hào im lặng ngược mắt lên trời nhìn. “Chúng tôi mệt rã rời, hầu như không có gì để ăn hay uống, nhưng vào lúc đó tôi không nghĩ đến điều gì khác ngoài chiếc máy bay đó. Như thể đó là chiếc duy nhất trên trời vậy. Mọi người đứng chết sững tại chỗ của mình – và trong suốt thời gian đó những người thả hàng không ngừng đẩy các kiện hàng ra”. Người phi công đã giữ cho chiếc máy bay cháy rực của mình bay ổn định, và vòng trở lại một lần nữa dưới thấp. Thiếu tá George Powell “ngõ ngàng không ngờ anh ta có thể làm được điều đó. Tôi không thể rời mắt khỏi chiếc máy bay. Bất thần nó không còn là một chiếc máy bay nữa, mà chỉ còn là một quả cầu lửa màu da cam khổng lồ”. Khi chiếc máy bay bốc cháy lao xuống đất, phi công của nó, viên trung úy 31 tuổi David Lord, vẫn giữ cần lái, Miller nhìn thấy sau rặng cây “một cuộn khói đen đặc quánh đánh dấu nơi một phi hành đoàn anh hùng đã hy sinh để chúng tôi có cơ hội sống”.

Nhưng thượng sĩ Miller đã nhầm. Một thành viên của phi hành đoàn trên chiếc Dakota xấu số đã thoát chết. Sĩ quan không quân Henry Arthur King, hoa tiêu của chiếc máy bay, nhớ lại chỉ vài phút trước lúc 4 giờ chiều khi máy bay đang áp sát khu thả hàng, đạn cao xạ đã bắn cháy một bên động cơ. Qua bộ đàm Lord hỏi: “Mọi người ổn cả chứ? Còn bao xa nữa, Harry?” King gọi lại, “Ba phút bay nữa”. Chiếc

máy bay nghiêng mạnh về bên phải và King nhận thấy họ đang mất độ cao nhanh chóng. Lửa bắt đầu cháy dọc cánh lan về phía thùng nhiên liệu chính. “Những người ở dưới kia cần số hàng này,” anh nghe Lord nói. “Chúng ta sẽ thả hàng và sau đó nhảy khỏi máy bay. Tất cả đeo dù”.

King nhận ra khu thả hàng và báo cho Lord. “OK, Harry, tôi thấy rồi,” người phi công đáp. “Quay lại và giúp họ một tay thả hàng đi”. King quay lại phía cánh cửa đã mở. Đạn cao xạ đã bắn hỏng đầu tòi dùng để di chuyển các kiện hàng nặng, và nhân viên thả hàng, hạ sĩ Philip Nixon, cùng ba người lính thuộc lực lượng không quân hoàng gia đã dùng sức mình đẩy được 8 kiện đạn nặng tới cửa. Họ đã tháo dù của mình ra để có thể đẩy các kiện hàng ra phía trước. Cả năm người cùng nhau đẩy được 6 kiện hàng khi đèn đỏ, báo máy bay đã ra khỏi khu thả hàng, bật sáng. King chạy tới bộ đàm. “Dave,” anh gọi Lord,” chúng ta còn hai kiện nữa”. Lord ngoặt gấp máy bay về phía trái. “Chúng ta sẽ quay lại,” anh đáp,” Giữ chắc vào”.

King thấy họ đang ở độ cao chừng 500 bộ và Lord “điều khiển chiếc vận tải đó như một chiếc tiêm kích. Đèn xanh sáng lên và chúng tôi đẩy hàng ra. Điều tiếp theo tôi còn nhớ là Lord hét lớn, “Nhảy! Nhảy! Vì Chúa nhảy mau!” Rồi có một tiếng nổ khủng khiếp và tôi thấy mình rơi xuống trong không trung. Tôi không nhớ đã kéo khóa dù nhưng hẳn tôi đã làm điều đó theo phản xạ tự nhiên. Tôi rơi đập lưng xuống đất khá nặng. Tôi còn nhớ đã nhìn đồng hồ và nhận ra mới chỉ 5 phút trôi qua kể từ lúc chúng tôi trúng đạn cao xạ. Quân phục của tôi rách nát và tôi không tìm thấy giày của mình đâu cả”.

Gần một giờ sau, King gặp một đại đội của tiểu đoàn 10. Một người đưa anh một thanh chocolat và trà. “Đó là tất cả chúng tôi có,” người lính nói với anh. King trở mắt nhìn anh ta. “Anh muốn nói gì cơ, đó là tất cả các anh có sao? Chúng tôi vừa thả tiếp tế xuống cho các anh.” Người lính lắc đầu. “Các anh có thả những hộp cá trích xuống thật, nhưng bọn Jerry đã chiếm được. Chúng tôi chẳng được gì cả”. King không biết nói sao. Anh nghĩ tới trung úy Lord, tới những người trong phi hành đoàn đã vứt bỏ dù của chính mình đi trong cố gắng tốt cùng nhằm thả những kiện đạn quý giá xuống cho những người lính đang kiệt sức ở dưới. Trong cả phi hành đoàn, chỉ mình King sống sót. Và giờ đây anh lại phải biết rằng sự hy sinh của đồng đội anh là vô ích (CT: Trung úy David Lord, đã từng được trao Chữ thập Không quân vì sự Xuất sắc, đã được truy tặng Chữ thập Victoria. Thi hài của ba sĩ quan RAF cùng 4 nhân viên thả hàng – R.E.H. Medhurst, A.Ballantyne, hạ sĩ Nixon, James Rickett, Leonard Sidney Harper, và Arthur Rowbotham – đều được nhận diện và an tang tại nghĩa trang quân đội Anh tại Arnhem).

Máy bay phải đáp bụng xuống khắp nơi trong vùng, chủ yếu quanh Wageningen và Renkum. Một số hạ xuống bờ nam sông Rhine. Thượng sĩ Walter Simpson nhớ nghe thấy phi công của mình hét lớn qua bộ đàm, “Chúa ơi, chúng ta bị trúng đạn rồi!” Nhìn ra, Simpson thấy động cơ bốc cháy. Anh nghe thấy động cơ bị nổ và sau đó máy bay cắm đầu xuống. Simpson, lúc đó rất hoảng sợ, nhớ lại chiếc máy bay “chạm đuôi xuống bờ bắc sông, nhấc mình lên một chút, sau đó lao vọt qua mặt nước rơi xuống bờ nam”.

Khi cú va đập xảy ra Simpson bị hất về phía trước và đập vào một bên thành thân máy bay. Người phụ trách điện đài, thượng sĩ Runsdale, đổ ập xuống người anh và nằm vắt lên trên người Simpson. Bên trong khoang máy bay là một đồng lộn xộn, nhiên liệu đang bốc cháy, và Simpson có thể nghe tiếng lửa nổ lách tách. Trong lúc anh cố rút hai chân ra từ dưới người phụ trách điện đài, Ransdale kêu lên và ngất xỉu. Anh ta đã bị gãy lưng. Simpson loạng choạng đứng dậy và lôi viên thượng sĩ ra qua cửa thoát hiểm. Bốn thành viên phi hành đoàn, vẫn còn choáng váng, đã lần ra ngoài tới đây. Simpson quay lại tìm những người vẫn còn kẹt ở trong. Anh tìm thấy người hoa tiêu bom đã bất tỉnh. “Giày của anh ấy vắng mất, một phần mũi cũng vậy và cả hai cánh tay bị gãy”, anh nhớ lại. Simpson cõng anh này lên, và mang ra ngoài. Cho dù máy bay lúc này đã cháy dữ dội, Simpson vẫn quay lại lần thứ ba để mang người trưởng máy bị gãy chân ra. Cả người này cũng được đưa ra an toàn.

Tại làng Driel, cô gái trẻ Cora Baltussen cùng em gái Reat và em trai Albert trông thấy chiếc máy bay của Simpson lao xuống đất. Cả ba chị em lập tức chạy tới nơi chiếc máy bay rơi. “Thật khủng khiếp,” Cora nhớ lại. “Có tất cả 8 người, một số bị thương rất nặng. Chúng tôi diu họ rời xa chiếc máy bay đang bốc cháy vừa đúng lúc nó nổ tung. Tôi biết quân Đức sẽ tìm bắt phi hành đoàn. Tôi nói với người phi công, sĩ quan không quân Jeffrey Liggins, anh này không bị thương, rằng chúng tôi sẽ phải dấu anh đi trong lúc chờ chúng tôi đưa những người bị thương tới trạm phẫu thuật nhỏ trong làng. Chúng tôi dấu anh ấy và hai người nữa trong một ngôi nhà gạch gần đó và nói

chúng tôi sẽ quay lại khi trời tối”. Tối hôm đó Cora đã phụ giúp người bác sĩ phẫu thuật duy nhất trong làng, một phụ nữ, bác sĩ Sanderbobrorg, khi bà cura chân viên hoa tiêu bom. Chiến tranh cuối cùng đã lan tới với Cora và ngôi làng Driel bé nhỏ.

Tổng cộng, trong số 100 máy bay ném bom và 63 chiếc Dakota, 97 chiếc bị hư hại và 13 bị bắn rơi – và, bất chấp sự anh dũng của các phi công và phi hành đoàn, sư đoàn đang nguy ngập của Urquhart đã không hề được tiếp tế. Trong số 390 tấn hàng tiếp viện và đạn, hầu như toàn bộ rơi vào tay quân Đức. Chỉ có chừng 21 tấn được thu hồi.

Tai họa còn lớn hơn xảy ra với đợt đổ bộ phương tiện vận tải và pháo binh của lữ đoàn Ba Lan. Trước khi rời Anh trong đợt đổ bộ của lực lượng Ba Lan, thượng sĩ phi công Kenneth Travis – Davison, phụ lái một chiếc tàu lượn Horsa, ngỡ ngàng trước sự thiếu thông tin về khu vực họ chuẩn bị tới. Đường bay được đánh dấu trên bản đồ, các bãi đáp cho pháo binh và vận tải Ba Lan được khoanh vùng; nhưng, Travis-Davison nhớ lại, “chúng tôi được phổ biến là tình hình hiện chưa được rõ”. Chỉ thị duy nhất khi hạ cánh là “các tàu lượn phải đáp xuống khu vực được đánh dấu bằng khói đỏ”. Theo quan điểm của Travis-Davison, “cuộc phổ biến trước khi lên đường hoàn toàn mơ hồ”.

Tuy thế, bất chấp sự thiếu hụt thông tin, các máy bay của RAF đã định vị chính xác các bãi đáp gần trang trại Johannahoeve và 31 trong số 46 tàu lượn tới đúng khu vực đáp. Khi họ tới nơi, cả bầu không khí như nổ tung vì tiếng súng. Một phi đội Messerschmidt bắn trúng rất

những tàu lượn, bắn nát vách thân tàu lượn bằng gỗ và vải bạt, bắn trúng thùng xăng của các xe jeep chở bên trong làm nhiều chiếc bốc cháy. Súng cao xạ bắn trúng nhiều chiếc khác. Những chiếc hạ cánh thành công rơi vào giữa bãi chiến trường. Binh lính lữ đoàn 4 của Hackett, vật lộn để cố thoát khỏi lực lượng đối phương đang có nguy cơ bao vây họ, không thể đột phá được tới khu cao điểm và các bãi đổ bộ đúng thời gian để bảo vệ các khu vực này. Trong lúc quân Anh và quân Đức giao chiến ác liệt, những người Ba Lan hạ cánh đúng vào giữa cơn mưa đạn. Trong lúc hỗn loạn và kinh hoàng, những người Ba Lan bị bắn từ cả hai phía. Những chiếc tàu lượn, nhiều chiếc đang bốc cháy, đáp búng xuống cánh đồng hoặc đâm vào các vật cây. Pháo thủ Ba Lan, bị kẹt giữa hai làn đạn và không thể phân biệt đâu là bạn đâu là thù, bắn trả lại cả quân Anh lẫn quân Đức. Sau đó, vội vã dỡ những chiếc xe jeep và những khẩu pháo còn dùng được, những người lính choáng váng vì bất ngờ chạy qua cơn bão lửa để rời khỏi các bãi đáp. Thật ngạc nhiên, tổn thất trên mặt đất là tương đối nhẹ, nhưng rất nhiều người, bất ngờ và bị sốc, đã bị bắt làm tù binh. Phần lớn xe jeep và tiếp tế bị phá hủy, và trong số 8 khẩu pháo chống tăng 6-pounder mà lực lượng tại chỗ đang rất cần, chỉ có 3 khẩu tới nơi an toàn. Điều mà tướng Stanislaw Sosabowski lo sợ đã trở thành hiện thực. Và khúc bi tráng của lữ đoàn dù Ba Lan số 1 mới chỉ bắt đầu.

Cách đó chừng 40 dặm về phía nam dọc trên đường xa lộ, binh lính sư đoàn 101 của tướng Maxwell Taylor đang chiến đấu quyết liệt để giữ hành lang chiến dịch thông suốt. Nhưng sự chống cự ác liệt của đạo quân Đức số 15 tại Best đã hút cạn người của Taylor. Càng lúc càng nhiều lực lượng bị lôi vào trận đánh dữ dội mà một sĩ quan

quân báo của sư đoàn đã mô tả thật chua chat là “một sai sót nhỏ trong ước tính”. Áp lực tăng dần lên suốt dải hành lang 15 dặm thuộc khu vực của Taylor, khu vực vừa được những chú Chim Ưng Gầm Thét đổi tên là “Xa lộ Địa ngục”. Lúc này đã có thể thấy rõ ý định của đối phương muốn sử dụng Best làm bàn đạp để cắt đứt lực lượng thiết giáp mũi nhọn của Horrock.

Đoàn quân xa chật ních trên xa lộ là đích ngắm ngon lành cho pháo binh. Xe ủi và xe tăng đi ngược đi xuôi không ngớt dọc con đường, đẩy xe cháy ra để giữ đội hình luôn hành tiến. Từ hôm Chủ nhật, Best, một mục tiêu thứ yếu trong kế hoạch ban đầu, đã trở nên nghiêm trọng đến mức đe dọa bao trùm lên mọi hành động khác trên đoạn hành lang của Taylor. Lúc này, tư lệnh sư đoàn 101 quyết định tiêu diệt dứt điểm quân địch tại Best.

Bị vây trong một vành đai rộng và bị ép phải lui về phía kênh đào Wilhelmina, quân Đức đột ngột tan vỡ. Với việc tung vào vòng chiến thêm các đơn vị sung sức, trận đánh đã giằng dai không hy vọng trong suốt gần 46 giờ đột ngột kết thúc trong 2 giờ. Người của Taylor đã dành được chiến thắng lớn đầu tiên của Market Garden. Hơn 300 quân địch bị tiêu diệt và hơn 1000 bị bắt, cùng với 15 khẩu 88 mm. “Tối cuối buổi chiều,” theo quân sử chính thức, “khi hàng trăm quân Đức hạ vũ khí, lệnh truyền lại phía sau yêu cầu tập hợp toàn bộ quân cảnh sẵn có”. Trung úy Edward Wierzbowski, người trung đội trưởng đã gần chiếm được cây cầu tại Best trước khi nó bị nổ tung, giải về phía sau các tù binh anh bắt được sau khi chính anh đã bị bắt. Hết đạn và lựu đạn, với thương binh và những người tử trận nằm

ngôn ngang xung quanh – trung đội anh hùng của anh chỉ còn 3 người không bị thương – Wierzbowski đành đầu hàng. Lúc này, kiệt sức và nhếch nhác, Wierzbowski và người của anh, gồm cả một số thương binh, tước vũ khí các nhân viên y tế tại bệnh viện dã chiến Đức nơi họ bị đưa đến và quay về sư đoàn, mang theo các tù binh của họ.

Cho dù trận đánh đã thành công, khó khăn của Taylor vẫn chưa kết thúc. Ngay khi trận đánh ở Best vừa kết thúc, thiết giáp Đức tấn công cây cầu tạm vừa được bắc tại Son trong một nỗ lực nữa nhằm cắt đứt hành lang. Đích thân Taylor, dẫn đầu lực lượng bảo vệ sở chỉ huy – lực lượng dự bị duy nhất còn lại của ông – lao tới chiến địa. Với súng bazooka và một khẩu pháo chống tăng duy nhất, một chiếc Panther của Đức bị hạ gần như đúng lúc nó tới được cầu. Cũng như vậy, một số xe tăng địch nữa bị loại khỏi vòng chiến. Cuộc đột kích của quân Đức bị thất bại, và giao thông có thể tiếp tục. Nhưng những chú Chim Ưng Gầm Thét không thể lơ là cảnh giác. “Tình hình của chúng tôi,” Taylor sau này viết, “khiến tôi nhớ lại miền Viễn Tây nước Mỹ thời kỳ đầu, nơi những đồn binh nhỏ phải cảnh giác trước những cuộc tấn công bất ngờ của người da đỏ tại bất kỳ điểm nào trong cả tuyến đường sắt huyết mạch dài”.

Chiến thuật tấn công nhanh và dữ dội rồi rút lui của quân Đức đã có hiệu quả nhất định. Khoảng 300 người của sư đoàn 101 đã bị giết hay bị thương hoặc mất tích trong các cuộc giao tranh mặt đất. Binh lính nằm trong công sự các nhân giữ các vị trí ở hai bên đường xa lộ hoặc tại các cánh đồng quanh khu vực Best luôn nằm trong nguy cơ bị

đánh tạt sườn, và mỗi đêm tối đều đem theo cảm giác lo sợ. Trong bóng tối, với quân Đức bí mật xâm nhập vành đai của sư đoàn 101, không ai biết người trong chiếc hố cá nhân cạnh mình có còn sống sót vào sáng hôm sau không.

Trong sự hỗn loạn và những cuộc tấn công bất ngờ của quân địch, nhiều người đột nhiên biến mất, và khi cuộc giao chiến kết thúc những người bạn đi tìm họ giữa những người chết và bị thương trên chiến trường và tại các trạm cứu thương, các bệnh viện dã chiến.

Tại Best trận đánh đã kết thúc và hàng đoàn tù binh đang được giải về sư đoàn, thượng sĩ 31 tuổi Charles Dohun đang tìm kiếm người sĩ quan của mình, đại úy LeGrand Johnson. Khi còn ở Anh trước khi đổ bộ, Dohun đã gần như “thần người đi vì lo lắng”. Viên đại úy 22 tuổi Johnson cũng có tâm trạng gần tương tự. Anh ta “chấp nhận sẽ không bao giờ trở về được”. Vào sáng ngày 19, Johnson đã dẫn đại đội của mình vào một đợt tấn công gần Best. “Hoặc vậy hoặc bị tàn sát hết,” anh nhớ lại. Trong trận đánh ác liệt, mà Johnson nhớ như “điều tệ hại nhất tôi từng thấy hay nghe kể lại,” viên đại úy bị trúng đạn vào vai trái. Với đại đội của mình từ 180 người chỉ còn lại 38 người và bị vây giữa một cánh đồng cỏ khô cháy rực, Johnson đã tìm chân quân Đức cho tới khi các đại đội tiếp viện đẩy lùi quân địch kịp tới nơi và giải cứu những người sống sót. Trong lúc Johnson đang được dìu về trạm cứu thương, anh bị trúng đạn lần nữa, lần này là vào đầu. Tại trạm cứu thương tiểu đoàn, viên đại úy bị để vào cùng chỗ với những người bị tử thương khác mà nhân viên quân y gọi là “đồng chết”. Tại đó, sau hồi lâu tìm kiếm, thượng sĩ Dohun tìm thấy anh. Quỳ xuống, Dohun tin chắc vẫn còn chút sự sống.

Mang viên đại úy bất động trên vai, Dohun đặt Johnson và 4 người bị thương trong đại đội mình lên một xe jeep và lái tới bệnh viện dã chiến tại Son. Bị rơi vào vòng vây quân Đức, Dohun lái xe vào rừng nấp. Khi toán tuần tiểu Đức đi khỏi, anh lại lên đường. Tới nơi, anh nhìn thấy những hàng dài thương binh chờ được cứu chữa. Dohun, chắc chắn rằng Johnson có thể chết bất cứ lúc nào, chạy dọc theo hàng thương binh cho tới khi bắt gặp một bác sĩ phẫu thuật đang kiểm tra thương binh xem những người nào cần ưu tiên ngay. “Thiếu tá,” Dohun nói với người bác sĩ, “đại úy của tôi cần được phẫu thuật ngay”. Viên thiếu tá lắc đầu. “Tôi xin lỗi, thượng sĩ,” ông ta nói với Dohun. “Chúng tôi sẽ xem xét anh ta. Anh ta phải đợi tới lượt mình thôi”. Dohun cố lần nữa. “Thiếu tá, anh ta sẽ chết nếu ông không cứu anh ta ngay”. Người bác sĩ vẫn kiên quyết. “Chúng tôi có rất nhiều thương binh tại đây,” ông ta nói. “Đại úy của anh sẽ được chăm sóc ngay khi đến lượt”. Dohun rút khẩu 45 của mình ra đưa tay lên cò súng. “Như thế không kịp,” anh ta bình thản nói. “Thiếu tá, tôi sẽ giết ông lập tức ngay tại đây nếu ông không khám ngay cho anh ấy”. Ngạc nhiên, người bác sĩ tròn mắt nhìn Dohun. “Đưa anh ta vào”, ông nói.

Trong lúc phẫu thuật Dohun đứng quan sát, khẩu 45 cầm tay trong lúc người bác sĩ và kíp mổ cứu chữa cho Johnson. Trong lúc người thượng sĩ đứng nhìn, Johnson được truyền máu, vết thương được vệ sinh sạch và một viên đạn được lấy ra khỏi sọ anh ta, một viên khác từ vai trái. Khi cuộc phẫu thuật kết thúc và Johnson đã được băng bó, Dohun quay ra. Bước tới gần người bác sĩ, anh ta chìa khẩu 45 ra.

“Ok,” anh ta nói, “cảm ơn. Bây giờ ông có thể bắt tôi”.

Dohun được gửi trả lại tiểu đoàn 2 trung đoàn 502. Tại đó, anh ta được đưa tới trước tiểu đoàn trưởng. Dohun ngạc nhiên trước sự quan tâm. Anh được hỏi liệu có ý thức chính xác mình đã làm gì và rằng hành động của anh ta đáng ra tòa án binh không. Dohun trả lời, “Có, thưa ngài, tôi biết”. Đi đi lại lại một hồi, viên sĩ quan chợt dừng lại. “Thượng sĩ,” ông ta nói, “tôi ra lệnh bắt giữ anh...” ông ta dừng lại rồi nhìn đồng hồ - “trong chính xác một phút”. Rồi ông ta nhìn Dohun. “Giải tán”, ông ta nói. “Giờ hãy quay về đơn vị”. Dohun nghiêm chỉnh chào. “Rõ, thưa ngài”, anh ta đáp rồi quay ra (CT: tôi có được câu chuyện này là nhờ bà Johnson. Bà nghe được câu chuyện đầu tiên từ một sĩ quan của trung đoàn 502, đại úy Hugh Roberts. Cho dù đại úy Roberts không nói ra tên người sĩ quan chỉ huy ở trên, tôi đành đoán rằng đó là trung tá Steve Chappuis chỉ huy tiểu đoàn 2. Đại úy Johnson chỉ nhớ lại “tỉnh dậy ở Anh 6 tuần sau – mù, điếc, câm, sụt đi 40 cân Anh và với một miếng vá trên đầu”. Anh hồi phục, nhưng mất một phần thị lực. Thượng sĩ Dohun, trong những cuộc phỏng vấn và thư trả lời cho cuốn sách này, không nói nhiều đến những gì anh làm trong việc cứu sống đại úy Johnson. Nhưng anh thừa nhận chuyện này đã xảy ra. “Cho tới giờ tôi cũng không rõ,” anh viết, “liệu tôi có định bắn người sĩ quan quân y đó thật hay không”).

Lúc này, tại đoạn hành lang do tướng Gavin phụ trách, trong lúc xe tăng của Horrock đang tiến về Nijmegen, việc chiếm điểm vượt sông trong thành phố trở nên vô cùng quan trọng. Vào hôm 17 quân Đức chỉ có vài người lính gác các đầu cầu bắc qua sông Waal. Tới

chiều ngày 19 Gavin ước tính ông phải đối đầu với hơn 500 lính thủ pháo SS, lực lượng này chiếm giữ các vị trí rất thuận lợi và được pháo binh, thiết giáp yểm trợ. Lực lượng chính của sư đoàn thiết giáp cận vệ vẫn còn chưa đến nơi. Chỉ có đơn vị mũi nhọn của quân Anh – thuộc tiểu đoàn 1 của lực lượng Thủ pháo Cận vệ do trung tá Edward H.Goulburn chỉ huy – là sẵn sàng cho một cuộc tấn công và lính dù của Gavin trong dải hành lang dài 10 dặm của mình bị phân tán rất rộng trong lúc nỗ lực đẩy lùi quân địch không ngừng tìm cách áp sát. Vì trung đoàn đổ bộ tàu lượn của Gavin, đóng tại vùng Midland đang bị sương mù phủ kín của nước Anh, đã không thể lên đường được, ông chỉ có thể dành ra được 1 tiểu đoàn cho cuộc tấn công hiệp đồng cùng lực lượng thiết giáp mũi nhọn của Anh. Gavin chọn tiểu đoàn 2 trung đoàn 505 do trung tá Ben Vandervoort chỉ huy. Vẫn có cơ hội thành công cho đợt tấn công, dựa trên tốc độ và bất ngờ. Nếu có ai có khả năng thực hiện nó, Gavin tin rằng người đó là viên trung tá trầm tĩnh nhỏ nhẹ Vandervoort (CT: Tại Normandy, Vandervoort đã chiến đấu 40 ngày với một mắt cá chân bị vỡ. Xem “The Longest Day”, tr.143, 181). Dẫu vậy, cuộc tấn công vẫn rất mạo hiểm. Gavin nghĩ người Anh có vẻ đánh giá thấp sức mạnh quân Đức, mà đúng là như vậy. Báo cáo sau trận đánh của lực lượng Thủ pháo Cận vệ viết “Người ta đã cho rằng chỉ cần xe tăng xuất hiện là có thể đủ khiến quân địch rút lui”.

Vào lúc 3 giờ 30 phút chiều, cuộc tấn công hiệp đồng bắt đầu. Mũi tấn công nhanh chóng đột kích vào trung tâm thành phố mà không gặp kháng cự quyết liệt nào. Tại đó, chừng 40 xe tăng và xe bọc thép Anh chia thành hai cột, với lính dù Mỹ ngồi trên xe hoặc theo sau. Trên

những chiếc tăng dẫn đầu và trên các xe trinh sát có 12 người dẫn đường được lựa chọn thuộc lực lượng kháng chiến Hà Lan – trong đó có anh sinh viên 22 tuổi Jan van Hoof, người mà những hành động sau đó đã trở thành chủ đề cho một cuộc tranh cãi quyết liệt. “Tôi rất miễn cưỡng khi sử dụng anh ta,” sĩ quan liên lạc Hà Lan của sư đoàn 82, đại úy Arie D.Bestebreurtje hồi tưởng lại. “Anh ta có vẻ rất kích động, nhưng một thành viên kháng chiến ngầm khác đảm bảo về anh ta. Anh ta đi trên một chiếc xe trinh sát Anh và đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh ta”. Sau khi chia đôi, một đội hình hướng tới cây cầu đường sắt và đội hình thứ hai, với Goulburn và Vandervoort, tiếp cận cây cầu trên xa lộ qua sông Waal.

Tại cả hai mục tiêu quân Đức đều đang chờ sẵn với lực lượng mạnh. Thượng sĩ nhất Paul Nunan nhớ rằng khi trung đội của anh áp sát một đường hầm gần cầu đường sắt, “chúng tôi bắt đầu bị đạn bắn tia bắn vào. Với hàng ngàn chỗ xạ thủ có thể nấp, khó mà biết đạn từ đâu bắn tới”. Binh lính tản ra tìm chỗ nấp và từ từ lui lại. Lực lượng thiết giáp Anh cũng không gặp may hơn. Khi những chiếc tăng bắt đầu từ từ tiến về phía cầu, đạn 88 mm, bắn trực xạ từ phía cuối phố, hạ gục chúng. Một đường phố rộng, Kraijenhoff Laan, dẫn tới một công viên hình tam giác ở phía tây cầu. Tại đó, trong các ngôi nhà đối diện ba mặt công viên, những người lính dù tập hợp lại để chuẩn bị cho một đợt tấn công nữa. Nhưng quân Đức lại chặn đứng họ. Xạ thủ bắn tia nấp trên mái nhà và súng máy bắn từ bên kia đường sắt làm mọi người phải nằm rạp xuống.

Nhiều người lính còn nhớ trung úy Russ Parker, ngậm một điều xì

gà giữa hai hàm răng, lao ra chỗ trống và bắn liên hồi lên các mái nhà để buộc lính bắn tỉa phải ngừng bắn ẩn nấp. Một người chạy đi gọi xe tăng, và Nunan nhớ rằng “đúng lúc đó cả công viên như ngập trong những làn đạn bắn ra từ một vũ khí tự động có tốc độ bắn rất nhanh nằm ở phía trái chúng tôi bên kia đường”. Nunan quay sang Herbert Buffalo Boy, một người Sioux và là một cựu binh của sư đoàn 82. “Tớ nghĩ họ lại gửi một chiếc tăng Đức đến”, anh ta nói. Buffalo Boy cau mặt. “Được, nếu chúng có cả bộ binh từng thiết nữa thì có lẽ hôm nay sẽ mệt đấy”, anh ta nói với Nunan. Không có chiếc tăng Đức nào xuất hiện, nhưng một khẩu cao xạ 20 mm khai hỏa. Với lựu đạn, súng máy và bazooka, những người lính dù đánh trả cho đến khi có lệnh truyền tới các trung đội tiên tiêu yêu cầu lui lại và củng cố vị trí chờ qua đêm. Khi họ lùi lại, quân Đức đốt những tòa nhà nằm dọc bờ sông, khiến người của Vandervoort không xâm nhập được để tấn công các khẩu đội pháo và xóa bỏ các cứ điểm phòng ngự. Cuộc tấn công cây cầu đường sắt đã chững lại.

Dưới sự yểm trợ của hỏa lực pháo binh hạng nặng Mỹ, đội hình thứ hai đã tiến tới Huner Park, một vườn cây cảnh hướng tới đầu cầu đường bộ. Tại đây, theo một bùng binh, tất cả các đường phố dẫn tới cầu đều giao nhau và một phế tích cổ với một nhà nguyện hình lục giác – Valkhof – nơi đã từng là một cung điện của Charlemagne và sau đó được Barbarossa xây lại, khống chế cả khu vực. Trong phế tích này quân địch đang tập trung. Trung tá Goulburn cảm thấy có vẻ “bọn Boche ý thức được chúng ta đang định làm gì”. Và đúng là vậy.

Tiểu đoàn từng thiết SS của đại úy Karl Heinz Euling là một trong

những đơn vị đầu tiên vượt sông Rhine tại Pannerden. Thực hiện lệnh của tướng Harmel phải bảo vệ cầu bằng mọi giá, Euling đã bao bọc khu vực Huner Park với pháo tự hành và bố trí quân trong nhà nguyện của di tích cổ. Khi xe tăng Anh vòng qua góc phố dẫn tới công viên, họ lao thẳng vào họng súng của Euling. Chạm phải một màn pháo kích chết chóc, những chiếc xe tăng lùi lại. Trung tá Vandervoort lập tức xuống đường, yêu cầu một khẩu đội súng cối bắn yểm trợ rồi điều một đại đội lên phía trước. Trong lúc trung đội dẫn đầu của đại đội này, do thiếu úy James J. Coyle chỉ huy, vòng qua một dãy nhà kề nhau đối diện công viên, họ bị tấn công bởi súng bộ binh và súng cối. Trung úy William J. Meddaugh, đại đội phó, nhận ra “đó là hỏa lực có điều khiển. Các khẩu súng được điều chỉnh theo radio. Xe tăng Anh che mặt trước chúng tôi trong khi thiếu úy Coyle chạy tới một khối nhà nhìn thẳng xuống toàn bộ vị trí địch. Các trung đội khác bị chặn lại, không thể tiến lên được, và tình hình có vẻ xấu đi”. Được bom khói của Anh che chở, Meddaugh đưa được phần còn lại của đại đội vượt lên, và đại đội trưởng, trung úy J.J. Smith, bố trí người của mình vào các ngôi nhà quanh nơi Coyle đã vào. Như Meddaugh nhớ lại, “trung đội của Coyle có tầm nhìn rất tốt vào vị trí địch, nhưng khi chúng tôi bắt đầu đưa xe tăng lên, vài khẩu pháo cực nhanh chưa hề lộ diện bắt đầu khai hỏa. Hai xe tăng bị bắn gục, những chiếc khác phải lui lại”. Trong khi người của Coyle đáp trả bằng súng máy, họ lập tức bị nhận đạn chống tăng bắn từ bên kia đường sang. Khi màn đêm buông xuống, lực lượng SS của Euling cố xâm nhập vị trí quân Mỹ. Một nhóm đến cách vị trí trung đội của Coyle có vài bước chân trước khi bị phát hiện và một trận chiến ác liệt bùng nổ. Trung đội của Coyle tổn thất, ba lính Đức cũng bị giết trước

khi cuộc tập kích kết thúc. Sau đó, Euling phái quân y đến thu nhặt thương binh, và những người lính thuộc đơn vị của Coyle đợi đến khi thương binh Đức đã được chuyển đi hết trước khi tiếp tục chiến đấu. Giữa trận đánh, binh nhất John Keller nghe tiếng khuân vác vật nặng. Tới bên cửa sổ, anh ngăn người thấy một người đàn ông Hà Lan đứng trên thang đang thay ngói ở ngôi nhà bên cạnh như thể không có gì xảy ra vậy.

Tới khuya, trong lúc súng bộ binh tiếp tục nổ, mọi cố gắng tiến lên đều phải dừng lại cho tới sáng. Cuộc tấn công hiệp đồng Anh – Mỹ bị chặn lại chỉ cách cây cầu bắc qua sông Waal – chướng ngại nước cuối cùng trên con đường tới Arnhem - có 400 yard.

Với các chỉ huy Đồng Minh, lúc này đã rõ rằng quân Đức vẫn kiểm soát hoàn toàn cả hai cây cầu. Browning, lo lắng chúng có thể bị phá bất cứ lúc nào, triệu tập một cuộc họp vào đêm 19. Cần tìm cách nào đó vượt qua con sông Waal rộng 400 yard. Tướng Gavin đã từng phác thảo một kế hoạch mà ông có nói với Browning lúc hội quân với lực lượng Garden. Lúc đó tư lệnh quân đoàn đã bác bỏ. Lần này Gavin lại đưa nó ra lần nữa. “Chỉ có một cách để chiếm cây cầu này,” ông nói với tất cả sĩ quan có mặt. “Chúng ta cần tấn công nó đồng thời từ cả hai đầu”. Gavin yêu cầu “tất cả xuống tìm thấy trong các đoàn xe công binh của Horrock được đưa lên lập tức, vì chúng ta sắp cần chúng”. Viên tư lệnh quân đoàn người Anh tròn mắt nhìn ông. Điều tư lệnh sư đoàn 82 nghĩ trong đầu là một cuộc tấn công vượt sông – bằng lính dù.

Gavin tiếp tục giải thích. Sau gần 3 ngày tác chiến, tổn thất của ông khá cao – chừng 200 chết và gần 700 bị thương. Hàng trăm người khác đang bị bao vây hoặc lạc đơn vị và tạm bị coi là mất tích. Tổn thất của sư đoàn ông, Gavin lý luận, sẽ còn cao hơn nữa nếu cứ tiếp tục kiểm tấn công trực diện húc đầu vào tường. Điều cần thiết là tìm ra cách chiếm cầu thật nhanh và với ít tổn thất. Kế hoạch của Gavin sẽ tung một lực lượng dùng thuyền vượt sông cách cầu 1 dặm về phía hạ lưu trong khi cuộc tiến công tiếp tục để chiếm lấy đầu cầu phía nam. Dưới làn pháo tăng yểm trợ, họ cần đánh úp lực lượng địch phòng thủ đầu cầu phía bắc trước khi quân Đức hoàn toàn ý thức được chuyện gì đang xảy ra.

Thế nhưng không thể có được bất ngờ hoàn toàn. Dòng sông quá rộng để những chiếc thuyền chở quân kịp thoát khỏi sự phát hiện, và bờ sông bên kia trống trải đến mức những người lính, một khi qua sông, sẽ phải vượt qua một khoảng trống chừng 200 yard. Sau đó là một bờ kè nơi các tay súng Đức có thể bắn xuống những người tấn công. Cả vị trí này cũng sẽ phải đánh chiếm. Cho dù tổn thất tức thời chắc sẽ lớn, nhưng theo ý Gavin vẫn còn nhẹ hơn so với tiếp tục chỉ tấn công vào đầu cầu phía nam. “Cần thử,” ông nói với Browning, “nếu muốn Market Garden thành công”.

Nhưng kế hoạch táo bạo của Gavin cho phép có được bất ngờ. “Tôi biết nghe có vẻ kỳ quặc,” Gavin nhớ lại, “nhưng tốc độ là tất cả. Thậm chí không còn thời gian để trình sát nữa. Trong khi tôi tiếp tục nói, Tucker là người duy nhất trong phòng có vẻ dửng dưng. Ông ta đã đổ bộ tại Anzio và biết rõ sẽ gặp phải cái gì. Với ông ta việc vượt sông

cũng giống như các bài tập trung đoàn 504 đã thực hành tại Fort Bragg vậy”. Tuy thế, với các sĩ quan dù, ý kiến có vẻ không chính thống và tham mưu trưởng của Browning, Gordon Walch, nhớ lại tư lệnh quân đoàn đã “đến lúc này tỏ ra rất khâm phục sự táo bạo của ý tưởng”. Lần này Browning đồng ý.

Vấn đề tiếp theo là tìm thuyền. Trao đổi với công binh của mình, Horrock được biết họ mang theo 28 chiếc thuyền nhỏ khung gỗ phủ bạt. Những chiếc thuyền này sẽ được chuyển gấp tới Nijmegen trong đêm. Nếu muốn kế hoạch hoàn tất đúng dự định, cuộc đổ bộ kiểu Normandy thu nhỏ của Gavin qua sông Waal sẽ phải diễn ra lúc 1 giờ chiều ngày hôm sau, 20/9. Trước đây chưa bao giờ lính dù thử tác chiến kiểu này. Nhưng kế hoạch của Gavin có vẻ là hy vọng tốt nhất để chiếm cầu Nijmegen nguyên vẹn; sau đó, như mọi người vẫn tin vào lúc đó, một cuộc tấn công thần tốc ngược theo hành lang sẽ giúp họ hội quân với lực lượng tại Arnhem.

Trên bãi cỏ rộng cạnh Eusebius Buiten Singel, tướng Heinz Harmel đích thân chỉ huy màn mở đầu cuộc pháo kích vào người của Frost tại cầu. Cố gắng chiêu hàng của ông ta đã thất bại. Lúc này, tập trung các chỉ huy xe tăng và pháo binh lại, mệnh lệnh của ông rõ ràng: họ phải san bằng tất cả các tòa nhà lực lượng dù đang chiếm giữ. “Vì đám người Anh không chịu chui ra khỏi lỗ của chúng, chúng ta sẽ thổi bay chúng ra”, Harmel nói. Ông ta yêu cầu các pháo thủ “ngắm ngay dưới các tầng nhà và bắn sập từng mét, từng tầng, cho đến khi từng ngôi nhà đổ sập”. Harmel đã quyết định cuộc vây hãm phải chấm dứt, và vì những cách khác đã không thành công đây là cách duy

nhất. “Khi chúng ta kết thúc,” Harmel nói thêm, “ sẽ không còn gì ngoài một đồng gạch nát”. Nằm dãn người xuống đất giữa hai khẩu pháo, Harmel chĩa ống nhòm về phía vị trí quân Anh và chỉnh tầm bắn. Khi những quả đạn đầu tiên tới đích, ông ta đứng dậy, hài long, và bàn giao lại cho thuộc cấp. “Tôi rất muốn ở lại,” ông ta nhớ lại. “Đây là một kinh nghiệm tác chiến mới cho tôi. Nhưng với việc quân Anh –Mỹ tấn công các cầu tại Nijmegen tôi phải tới đó gấp”. Sau khi Harmel đi khỏi, các pháo thủ của ông ta, với sự chính xác đến từng phân, bắt đầu công việc biến những vị trí phòng ngự của Frost thành một đồng gạch vụn.

Trong số 18 ngôi nhà tiểu đoàn 2 chiếm giữ lúc đầu, người của Frost giờ chỉ còn giữ được 10. Trong khi xe tăng bắn phá các vị trí từ phía đông và phía tây, pháo binh trút trái phá xuống những ngôi nhà quay về hướng bắc. Cuộc pháo kích thật không thương tiếc. “Đó là trận pháo kích đẹp nhất, chuẩn xác nhất tôi từng thấy,” binh nhì SS Horst Weber nhớ lại. “Bắt đầu từ mái, những tòa nhà đổ sụp như những tòa tháp xếp bằng quân bài. Tôi không hiểu làm cách nào người ta sống sót nổi trong địa ngục đó. Tôi thực sự thấy thương hại cho những người Anh nọ”.

Weber thấy ba chiếc Tiger chậm chậm tiến xuống Groote Markt, trong lúc súng máy bắn xối xả vào tất cả các khung cửa sổ của một cụm nhà đối diện với đầu cầu phía bắc, những chiếc tăng “nã hết phát đạn này đến phát khác vào từng ngôi nhà, lần lượt từng nhà một”. Anh ta nhớ có một căn nhà ở góc mà “mái nhà đổ xuống, hai tầng trên bắt đầu nghiêng ngả và rồi, như thịt rơi khỏi xương, cả mặt tiền đổ sầm xuống đường để lộ ra từng tầng nhà trong đó những người Anh đang

chối vói như những người điên”. Bụi và đổ nát, Weber nhớ, “nhanh chóng khiến cho không thể nhìn thấy gì nữa. Cảnh tượng tuy thế vẫn thật ghê rợn, trên tất cả chúng tôi có thể nghe những người bị thương đang gào thét”.

Lùi lại, những chiếc tăng phá bằng những ngôi nhà dọc bờ sông Rhine và dưới gầm cầu. Đôi chỗ, trong lúc người Anh chạy vọt ra, xe tăng nghiêng lên đồng đổ nát như xe ủi, phá bằng toàn bộ ngôi nhà. Tại vị trí của đại úy Mackay dưới gầm cầu trong ngôi trường bị phá gần như hoàn toàn, trung úy Peter Stainforth ước tính “trái phá bay tới mặt nam ngôi trường với tần suất 10 giây một quả”. Tình hình trở nên “khá nóng”, anh nhớ lại, “và tất cả mọi người đều bị một vết thương nào đó”. Thế nhưng những người lính dù vẫn bước bình bầm trụ, rút lui khỏi từng căn phòng khi “trần nhà sụp xuống, tường nứt, và những căn phòng không còn đứng vững được”. Trong đồng đổ nát, bắn trả chính xác từng viên đạn còn lại, những con Quỷ đỏ, Stainforth tự hào nhớ lại, “sống sót như những con chuột chũi. Bọn Jerry không tài nào lôi chúng tôi ra được”. Nhưng ở những nơi khác có những người cảm thấy vị trí của họ khó lòng giữ được lâu nữa. “Quân Đức đã quyết định dùng trái phá xóa bỏ sự tồn tại của chúng tôi,” binh nhì James W.Smith diễn tả lại. “Có vẻ như đạn pháo và cối không thể dồn dập hơn được nữa, nhưng thực tế chúng mỗi lúc lại dữ dội thêm. Loạt này tiếp loạt khác, quả này tiếp quả khác rơi xuống như mưa, tiếng nổ của từng quả đạn không còn tách riêng ra được nữa mà trở thành một tràng sấm sét liên tục bất tận”. Cứ mỗi loạt pháo kích tới Sims lại tuyệt vọng tự trấn an mình, “Gắng lên! Gắng lên! Nó không thể kéo dài thêm nữa.” Trong lúc nằm bẹp người dưới

đáy hào, Sims chợt nghĩ mình “đang nằm trong một cái huyết vừa đào xong để đợi bị chôn sống”. Anh còn nhớ lúc đó đã nghĩ “trừ khi quân đoàn 30 nhanh chân lên, nếu không chúng tôi coi như đi đứt”.

Trung tá Frost hiểu tai họa cuối cùng đã giáng xuống tiểu đoàn 2. Các tiểu đoàn giải cứu đã không thể đột kích tới nơi, và Frost chắc chắn các đơn vị này không còn khả năng tới trợ giúp cho ông. Cuộc đổ bộ của lữ đoàn Ba Lan đã không diễn ra. Đạn gần như đã hết nhẵn. Tổn thất cao đến mức tất cả các tầng hầm sử dụng được đều đã chật ních, và những người lính đã phải chiến đấu không ngừng hơn 50 giờ qua. Frost biết họ không thể chịu đựng cực hình này lâu hơn nữa. Khắp nơi trong giải phòng ngực của ông, nhà đang bốc cháy hay đổ sụp, và các tuyến phòng ngực bị chọc thủng. Thế nhưng Frost không hề định buông xuôi trước kẻ thù. Còn hy vọng hay không, ông đã quyết định sẽ không cho quân Đức chiếm được cầu Arnhem cho tới cùng.

Viên trung tá không phải là người duy nhất có suy nghĩ này. Tình hình hiểm nghèo đã ảnh hưởng tới họ không kém gì Frost. Những người lính dù chia nhau cơ số đạn và thu nhặt tất cả những gì, dù ít ỏi, còn lại từ những người bị thương, chuẩn bị cho giờ phút cuối cùng sắp tới. Hầu như không có dấu hiệu nào của sự sợ hãi. Trong sự kiệt sức, đói, đau đớn của mình, những người lính có vẻ đã tìm ra chủ đề để tự trào về bản thân cũng như tình thế của họ, sự hài hước có vẻ càng tăng lên khi sự hy sinh trở nên hiển nhiên không tránh khỏi.

Cha tuyên úy Egan nhớ đã bắt gặp Frost đi từ nhà vệ sinh ra. “Khuôn

mặt trung tá – mệt mỏi, căn thẳng, tua tủa râu ria – bừng sáng với một nụ cười, “Egan nhớ lại. “Cha này,” ông nói với tôi, “cửa sổ thì vỡ, có một lỗ thủng to trên tường, mái thì bị tốc rồi. Nhưng nó vẫn hoạt động tốt”.

Sau đó, Egan cố gắng vượt qua một con phố để tới thăm các thương binh trong một hầm nhà. Khu vực này bị súng cối oanh kích dữ dội và người tuyên úy phải tận dụng mọi vật che chở tìm thấy. “Ở bên ngoài, bình thân đi ngược con phố là thiếu tá Digby Tatham-Warter, người chỉ huy đại đội đã chiếm đầu cầu,” ông nhớ lại. “Viên thiếu tá thấy tôi rạp người xuống liền đi tới gần. Trên tay ông ta cầm một chiếc ô.” Như Egan nhớ, Tatham-Warter “mở ô và che trên đầu tôi. Với đạn cối rơi xuống như mưa khắp nơi, ông ta nói, “Cứ đi tiếp đi, thưa cha”. “Khi Egan có vẻ miễn cưỡng, Tatham-Warter trấn an viên linh mục. “Đừng lo,” ông ta nói, “tôi có một chiếc ô đây”. Trung úy Patrick Barnett ngay sau đó cũng gặp viên thiếu tá trú danh. Barnett đang chạy vọt qua đường tới một khu vực phòng ngự mới mà Frost đã lệnh cho anh giữ. Tatham-Warter, quay lại sau khi hộ thống cha Egan, đang đi thăm người của mình quanh vành đai phòng ngự và giương chiếc ô lên che trên đầu. Barnett ngạc nhiên đến mức anh đứng sững lại. “Cái đó không giúp được ngài nhiều đâu,” anh nói với viên thiếu tá. Tatham-Warter nhìn anh chàng trung úy vò ngạc nhiên. “Chúa ơi, Pat,” ông ta nói, “Nhỡ trời đổ mưa thì sao?”

Suốt buổi chiều, trong lúc cuộc pháo kích tiếp diễn, thiếu tá Freddie Gough nhìn thấy Tatham-Warter dẫn đầu đại đội của mình, ô cầm trong tay. Xe tăng địch gầm rú lao xuống phố bắn vào mọi thứ. “Tôi

súyt xỉu khi thấy những chiếc kiểu IV đó bắn trực xạ vào chúng tôi gần như đối mặt,” Gough nhớ lại. Thế rồi sự căng thẳng đột nhiên được giải tỏa. “Ồ dưới đường, dẫn đầu người của mình giương lê xung phong, là Tatham-Warter,” Gough nhớ lại. “Ông ấy đã tìm thấy một cái ô cũ ở đâu đó và ông ấy chạy tới, vung vẩy chiếc ô rách bươm đó, trông chẳng khác gì Charlie Chaplin với những ai nhìn thấy”.

Còn những khoảnh khắc khác cũng đáng nhớ không kém. Trong lúc buổi chiều trôi dần đi, nơi ban chỉ huy tiểu đoàn đóng bị pháo kích dữ dội và bốc cháy. Cha Egan chạy xuống hầm xem tình hình thương binh. “Thế đấy, thưa cha,” thượng sĩ Jack Spratt, người được coi là cây hài của tiểu đoàn, nói, “bọn chúng đã quẳng vào chúng ta đủ thứ trừ có bếp lò ra”. Anh ta vừa dứt lời thì tòa nhà trúng một phát đạn nữa. “Trần nhà đổ ập vào, mảnh vỡ và bụi rơi ào ào xuống chúng tôi. Khi chúng tôi đứng dậy được, ngay trước mặt chúng tôi là một chiếc bếp lò”. Spratt nhìn nó lắc đầu. “Tôi biết là bọn con hoang này cũng gần đây thôi,” anh ta nói, “nhưng không thể ngờ chúng nghe thấy được chúng ta nói chuyện”.

Mackay có thể thấy quân Đức đang dần dần dồn ép lực lượng của Frost. Anh trông thấy lính Anh chạy ra khỏi những ngôi nhà bốc cháy ở bờ sông, hướng tới mấy ngôi nhà nằm gần đối diện với anh, lúc này vẫn còn đứng vững. “Chúng bắt đầu lừa chúng tôi lại,” anh nhận xét, “và rõ ràng nếu chúng tôi không sớm được giúp đỡ, chúng sẽ nghiền nát chúng tôi. Tôi trèo lên tầng áp mái và nghe bản tin 6 giờ của BBC. Tôi sống sờ khi nghe phát thanh viên nói lực lượng thiết giáp ANh đã hội quân được với lực lượng đổ bộ đường không (CT: Mackay nghĩ

bản tin nói về Arnhem; kỳ thực, nó nói tới cuộc hội quân giữa xe tăng của Horrock và sư đoàn 82 tại Nijmegen). Gần như lập tức Mackay nghe thấy tiếng kêu từ tầng dưới, “Xe tăng Tiger đang hướng tới cầu”. (Lúc đó là 7 giờ tối theo giờ Đức; 6 giờ tối theo giờ Anh). Hai chiếc tăng 60 tấn khổng lồ đang tới từ phía bắc. Bên phía mình Frost cũng trông thấy chúng. “Trông chúng thật đáng gờm trong cảnh tranh sáng tranh tối,” ông nhận xét. “Như những con quái vật thời tiền sử, trong khi nòng pháo to lớn của chúng quay từ bên này sang bên kia, khạc lửa. Đạn trái phá của chúng phá bung qua tường. Bụi và những mảnh đồ vỡ gây ra sau những vụ nổ lấp đầy các lối đi và các phòng”.

Cả một mặt tường tòa nhà nơi Mackay có mặt bị trúng đạn. “Một số quả đạn hẳn là đạn xuyên giáp”, trung úy Peter Stainforth kể, “vì chúng xuyên qua cả ngôi trường từ đầu này tới đầu kia, để lại ở mỗi phòng một mảng thủng rộng đến 4 bộ.” Trần sụp xuống, tường nứt vỡ và “cả công trình chấn động”. Nhìn chăm chăm vào hai chiếc tăng trên cầu, Mackay nghĩ giờ cuối cùng đã tới. “Chỉ vài phát đạn như thế nữa và chúng tôi sẽ đi tong”, anh nói. Tuy thế, với sự ngoan cường bước bình và không biết sợ hãi mà những người cố thủ tại cầu đã thể hiện từ khi tới nơi, Mackay nghĩ anh “có thể dẫn một toán đột kích ra ngoài phá nổ chúng. Nhưng đúng lúc đó hai chiếc tăng lùi lại. Chúng tôi vẫn còn sống”.

Tại vị trí của Frost, cha Egan đã trúng đạn. Đang ở trên cầu thang khi những quả trái phá tới nơi, ông bị hất xuống sàn lầu một. Khi tỉnh lại, vị tuyên úy chỉ thấy có một người bên cạnh. Bò tới bên người này,

Egan thấy người lính đã gần chết. Đúng lúc đó một đợt pháo kích nữa bắn trúng tòa nhà và Egan lại bất tỉnh. Ông tỉnh lại để nhận ra cả căn phòng lẫn quần áo mình đang cháy. Ông lăn qua lăn lại trên sàn, cố dùng tay dập lửa. Người lính bị thương ông nhìn thấy lúc trước đã chết. Lúc này Egan không thể sử dụng được hai chân mình nữa. Chậm chạp, trong sự đau đớn cùng cực, ông trườn tới một cửa sổ. Có ai đó gọi tên ông, và một sĩ quan quân báo, trung úy Bucky Buchanan, giúp ông chui qua cửa sổ và đặt ông vào tay thương sĩ Jack Spratt. Trong hầm nhà, nơi bác sĩ James Logan đang làm việc, vị tuyên úy được đặt dưới sàn cùng các thương binh khác. Chân phải ông bị gãy, lưng và tay rách nát vì mảnh đạn gém. “Tôi đã thoát chết ngoạn mục,” Egan nhớ lại. “Tôi chẳng thể làm gì ngoài nằm chết gí ở đó”. Ngay gần bên, bị thương nhẹ, là viên thiếu tá đáng nhớ Tatham-Warter, vẫn đang cố động viên tinh thần mọi người, và vẫn cầm chiếc ô của mình.

Thỉnh thoảng cuộc pháo kích dữ dội tạm ngưng, và đại úy Mackay tin là quân Đức bổ sung đạn. Khi đêm xuống vào một khoảng ngừng như vậy, Mackay phát những viên Benzedrine cho những người lính mệt mỏi của mình, mỗi người hai viên. Tác dụng của chúng lên những người đã mệt mỏi, kiệt sức này thật dữ dội và bất ngờ. Vài người lính trở nên cáu gắt gây gổ. Một số bị song thị và không thể đi thẳng được. Trong số những người bị thương và bị choáng, có những người bị ảo giác. Hạ sĩ Arthur Hendy nhớ đã bị một người lính chộp áo lôi tới một cửa sổ. “Nhìn kìa,” anh ta thì thầm nói với Hendy. “Đó là đạo quân số 2. Ở bờ bên kia. Nhìn xem. Cậu có thấy họ không?” Hendy buồn bã lắc đầu. Người kia bắt đầu nổi cáu. “Họ ngay kia

kìa,” anh ta hét lên, “rõ mồn một”.

Mackay tự hỏi liệu nhóm người nhỏ của anh có qua được đêm không. Sự kiệt sức và những vết thương đã bắt đầu gây ra tác dụng. “Tôi vẫn suy nghĩ mình mãi,” Mackay nhớ lại, “nhưng chúng tôi không còn gì để ăn và không được ngủ. Chúng tôi chỉ có 1 ca nước mỗi ngày, và tất cả mọi người đều bị thương”. Đã gần hết đạn, Mackay lệnh cho người của mình làm bom tự tạo từ chỗ bộc phá ít ỏi còn lại. Anh dự định sẽ sẵn sàng khi xe tăng Đức quay lại. Kiểm điểm lực lượng, Mackay báo cho Frost anh chỉ còn 13 người có khả năng chiến đấu.

Từ vị trí của mình bên phía đối diện của cây cầu, trong lúc màn đêm ngày thứ Ba, 19/9, buông xuống, Frost nhìn thấy cả thành phố như đang cháy. Những ngọn tháp của hai nhà thờ lớn đang cháy dữ dội và trong khi Frost quan sát, “cây thánh giá đặt giữa hai tòa tháp tuyệt đẹp in hình lên những đám mây ở cao trên trời.” Ông nhận thấy “tiếng gỗ cháy nổ lách tách và những tiếng động lạ lùng vọng lại từ những tòa nhà đang sụp đổ nghe như của một thế giới khác”. Ở trên lầu, hiệu thính viên Stanley Copley, ngồi bên máy radio của mình, đã không còn dùng mã Morse nữa. Anh lặp lại không ngớt “Đây là lữ đoàn dù 1 gọi đạo quân số 2... Tới ngay, đạo quân số 2... Tới ngay, đạo quân số 2”.

Tại sở chỉ huy ở khách sạn Hartenstein tại Oosterbeek, tướng Urquhart cố gắng vô vọng để cứu những gì còn lại thuộc sư đoàn của ông. Frost đã bị cắt đứt. Mọi cố gắng giải cứu cho ông đều bị đánh bật lại không thương tiếc. Viện binh Đức đổ tới không ngừng. Từ phía

tây, bắc, và đông, lực lượng của Bittrich đang dần dần cắt nát sư đoàn đổ bộ Anh số 1 can trường thành từng mảnh. Lạnh, ướt, kiệt sức, nhưng không hề than vãn, những con Quỷ đỏ đang cố gắng bám trụ - đối đầu với xe tăng địch bằng súng trường và tiểu liên Sten. Tình hình làm Urquhart đau nhói tim. Chỉ có hành động thật nhanh mới cứu được những người lính can đảm của ông. Vào sáng thứ Tư, 20/9, Urquhart đã thiết lập một kế hoạch để củng cố những gì còn lại của đơn vị mình và có thể xoay chuyển tình thế.

Ngày 19/9 – “một ngày đen tối định mệnh”, theo lời Urquhart – là điểm quyết định. Sự gắn kết và chỉ huy thống nhất ông hy vọng tạo ra đã tới quá muộn. Tất cả đã thất bại: lực lượng Ba Lan không tới; chuyển thả hàng đã trở thành thảm họa; nhiều tiểu đoàn đã bị tiêu diệt trong khi cố tới với Frost. Sư đoàn đang bị đẩy dần tới sự diệt vong. Tình trạng những người còn lại của Urquhart đã nói lên một câu chuyện kinh hoàng. Suốt đêm 19, các tiểu đoàn còn giữ được liên lạc với sở chỉ huy sư đoàn báo cáo quân số còn lại. Cho dù những con số này không hoàn toàn chính xác và chỉ là tạm thời, chúng đã cho một bản quyết toán u ám: sư đoàn của Urquhart đang bên bờ của việc biến mất hoàn toàn.

Về lữ đoàn dù số 1 của Lathbury, chỉ còn đơn vị của Frost là chiến đấu như một đơn vị có tổ chức, nhưng Urquhart không biết tiểu đoàn 2 còn lại bao nhiêu người. Tiểu đoàn 3 của Fitch còn khoảng 50 người, tiểu đoàn trưởng đã hy sinh. Tiểu đoàn 1 của Dobie còn 116 người, Dobie đã bị thương và bị bắt. Tiểu đoàn 11 chỉ còn 150 người, tiểu đoàn 2 South Stafford 100 người. Các tiểu đoàn trưởng Lea và

McCardie đều bị thương. Tiểu đoàn 10 của Hackett còn 250 người, tiểu đoàn 156 báo cáo còn 270 người. Cho dù toàn bộ sư đoàn của Urquhart còn có các đơn vị khác – những con số trên chưa kể tới các đơn vị như một tiểu đoàn của trung đoàn tuần biên, tiểu đoàn 7 KOSB's công binh, các đơn vị trinh sát và hậu cần, phi công tàu lượn và các quân nhân khác – nhưng các tiểu đoàn tác chiến của ông hầu như không còn tồn tại nữa. Binh lính thuộc những đơn vị dũng cảm đó đã bị phân tán thành những nhóm nhỏ, bị sốc, bị mất tinh thần và hầu như không còn chỉ huy.

Trận đánh đã đẫm máu và ác liệt đến mức cả những cựu binh dày dạn lửa đạn nhất cũng quy ngã. Urquhart và tham mưu trưởng của ông cảm thấy một bầu không khí hốt hoảng lan ra trong sở chỉ huy khi những nhóm nhỏ tàn quân chạy qua bãi cỏ kêu lên, “Quân Đức tới”. Thường đó là những tân binh, “những người đã nhất thời bị mất sự tự chủ”, Urquhart sau này viết. “Mackenzie và tôi đã phải can thiệp trực tiếp”. Nhưng những người khác đứng vững trước tình thế rất bất lợi. Đại úy L.E.Queripel, bị thương vào mặt và tay, dẫn đầu một đợt tấn công vào một hỏa điểm súng máy 2 nòng của Đức và tiêu diệt kíp xạ thủ. Trong lúc quân Đức, liên tục ném lựu đạn, bắt đầu áp sát Queripel và nhóm của anh, Queripel gọi “đám xát cà chua” của anh lại. Ra lệnh cho mọi người để mình tại chỗ, viên đại úy yểm trợ cho họ rút lui, ném trả lựu đạn lại quân địch cho tới lúc hy sinh (CT: Queripel được truy tặng Chữ thập Victoria).

Lúc này, những đơn vị còn lại của Urquhart đã bị xé lẻ và sư đoàn đã tổn thất nặng nề phải co dần lại cố thủ. Mọi con đường có vẻ đều

dẫn tới khu vực Oosterbeek, với phần lớn lực lượng đổ bộ tập trung quanh Hartenstein trong vài dặm vuông nằm giữa từ Heveadorp và Wolfheze ở phía tây, tới Oosterbeek và trang trại Johannahoeve ở phía đông. Trong hành lang đó, kết thúc tại bờ sông Rhine ở Heveadorp, Urquhart quyết định thiết lập vị trí phòng ngự. Bằng việc tập trung lực lượng, ông hy vọng duy trì được sức mạnh của mình để đứng vững tới khi thiết giáp của Horrock tới kịp.

Suốt đêm 19 mệnh lệnh được phát ra yêu cầu binh lính lùi về vành đai quanh Oosterbeek, và trong những giờ đầu tiên của ngày 20, Hackett được lệnh bãi bỏ của tấn công ông đã lên kế hoạch về phía cầu Arnhem với các tiểu đoàn 10 và 156, đồng thời rút các đơn vị này khỏi vòng chiến. “Đó là một quyết định thật khủng khiếp,” sau này Urquhart nói. “Điều đó có nghĩa là bỏ rơi tiểu đoàn 2 tại cầu, nhưng tôi biết cơ hội tới được với họ của tôi cũng chẳng cao hơn cơ hội tôi được Berlin”. Theo quan điểm của ông, hy vọng duy nhất là “củng cố lực lượng, thiết lập một vành đai phòng ngự và cố gắng giữ một đầu cầu nhỏ ở phía bắc sông để quân đoàn 30 có thể vượt sông hội quân với chúng tôi”.

Việc phát hiện ra chiếc phà vẫn hoạt động giữa Heveadorp và Driel là một yếu tố quan trọng trong quyết định của Urquhart. Nó đóng vai trò cốt tử trong kế hoạch cố gắng tồn tại của ông, vì nhờ nó, về mặt lý thuyết, tiếp viện có thể tới được từ bờ nam. Thêm nữa, tại các bến phà ở cả hai bờ sông đã có sẵn rầm có thể giúp công binh bắc một chiếc cầu Bailey qua sông Rhine. Cần thừa nhận là bất lợi rất lớn. Nhưng nếu cây cầu tại Nijmegen có thể được chiếm nhanh và nếu Horrock

tiến quân khẩn trương, còn người của Urquhart có thể cầm cự đủ lâu trên vành đai của mình để công binh vượt được sông – quá nhiều chữ nếu – vẫn còn một cơ hội cho Montgomery có được đầu cầu qua sông Rhine và tiến vào Ruhr, cho dù Frost có bị tiêu diệt tại Arnhem.

Suốt ngày 19, sở chỉ huy của Urquhart đã gửi đi rất nhiều điện yêu cầu chọn một khu đổ quân mới cho những người Ba Lan. Liên lạc, cho dù vẫn chập chờn, đã được cải thiện chút ít. Trung úy Neville Hay thuộc mạng Phantom đang gửi một số bức điện cho sở chỉ huy đạo quân Anh số 2, nơi này sẽ chuyển lại chúng cho Browning. Vào lúc 3 giờ sáng ngày 20, Urquhart nhận được một bức điện từ quân đoàn hỏi ý kiến ông về khu đổ quân cho lữ đoàn Ba Lan. Theo Urquhart, chỉ còn một địa điểm khả dĩ. Theo kế hoạch mới của mình, ông yêu cầu lữ đoàn gồm 1500 người được đổ xuống gần phía nam bến phà lân cận làng Driel.

Bỏ rơi Frost và người của ông là phần cay đắng nhất của kế hoạch này. Vào 8 giờ sáng thứ Tư, Urquhart có một cơ hội để thông báo cho Frost và Gough tại cầu. Sử dụng kênh radio Munford-Thompson, Gough gọi về sở chỉ huy sư đoàn và được nối với Urquhart. Đây là lần đầu Gough liên lạc được với tư lệnh kể từ ngày 17, khi ông được lệnh quay về sư đoàn chỉ để phát hiện ra Urquhart đang ở đâu đó trên các tuyến hành quân. “Chúa ơi,” Urquhart nói, “tôi cứ nghĩ anh đã chết rồi”. Gough nói nhanh tình hình tại cầu. “Tinh thần vẫn cao,” ông còn nhớ lúc đó đã nói,” nhưng chúng tôi thiếu mọi thứ. Bất chấp điều đó, chúng tôi sẽ tiếp tục giữ vững”. Sau đó, như Urquhart nhớ, “Gough hỏi liệu họ có thể trông đợi được tiếp viện không”.

Trả lời không phải dễ. “Tôi nói với anh ta,” Urquhart nhớ lại, “là tôi không chắc chắn tình thế hiện nay sẽ là tôi tới với họ hay họ tới với tôi. Tôi sợ rằng các anh chỉ có thể hy vọng được giải vây từ phía nam”. Sau đó Frost nghe máy. “Thật mừng khi nghe tiếng tư lệnh,” Frost viết, “nhưng ông không thể nói với tôi điều gì thực sự lạc quan. .. Bản thân họ rõ ràng cũng đang gặp khó khăn lớn”. Urquhart yêu cầu rằng “lời chúc mừng của bản thân tôi về cố gắng xuất sắc được chuyển tới từng người và tôi chúc họ may mắn”. Không còn gì để nói thêm nữa.

Hai mươi phút sau, Urquhart nhận được một bức điện qua mạng Phantom của trung úy Neville Hay. Điện viết: “200820 (từ đạo quân số 2). Tấn công tại Nijmegen bị chặn đứng bởi cứ điểm ở phía nam thành phố. Lữ đoàn cận vệ số 5 còn cách thành phố nửa đường. Cầu còn nguyên nhưng bị địch chiếm. Dự định tấn công lúc 13 giờ hôm nay”.

Urquhart lập tức lệnh cho ban tham mưu thông báo cho tất cả các đơn vị. Đó là tin tốt đầu tiên ông nhận được trong ngày. Thật bi kịch, Urquhart có trong tay mình một lực lượng bổ sung mà sự đóng góp, nếu được chấp nhận, có thể đã thay đổi tình hình hiểm nghèo của sư đoàn đổ bộ Anh số 1.

Lực lượng kháng chiến ngầm tại Hà Lan được xếp vào hàng những đơn vị kháng chiến được tổ chức tốt và có khả năng chiến đấu nhất tại châu Âu bị tạm chiếm. Tại khu vực của các sư đoàn 101 và 82,

người Hà Lan đã chiến đấu bên cạnh lính dù Mỹ. Một trong những lệnh đầu tiên của các tướng Taylor và Gavin sau khi tiếp đất là phân phát vũ khí và chất nổ cho các nhóm du kích. Nhưng tại Arnhem người Anh đã hoàn toàn lơ đi những người dân thường đầy nhiệt huyết và dũng cảm đó. Cầm lấy vũ khí và lập tức lộ diện để giúp Frost tại cầu, nhóm kháng chiến Arnhem hầu như không được để ý đến, và sự trợ giúp của họ bị lịch sự từ chối. Sau một loạt sự kiện kỳ lạ, chỉ có một người có khả năng phối hợp và đưa lực lượng kháng chiến vào trợ chiến cho người Anh, nhưng người đó đã chết. Trung tá Hilary Barlow, người Urquhart đã cử đi để chỉ huy cuộc tấn công hỗn độn của các tiểu đoàn ở khu vực ngoại ô phía tây, đã hy sinh trước khi kịp thực hiện hết nhiệm vụ của mình.

Trong kế hoạch ban đầu, Barlow được dự kiến đảm nhiệm vai trò chỉ huy quân quân tại Arnhem sau khi trận đánh kết thúc. Trợ lý của ông và đại diện cho Hà Lan tại tỉnh Gelderland cũng đã được chỉ định. Đó là trung tá hải quân Hà Lan Arnoldus Wolters. Trước khi Market Garden bắt đầu, một ủy ban tình báo Anh – Hà Lan đã đưa cho Barlow một danh sách tối mật các thành viên kháng chiến ngầm được coi là hoàn toàn tin tưởng. “Từ các danh sách này, “Wolters nhớ lại, “Barlow và tôi có nhiệm vụ xem xét các nhóm và sử dụng họ theo khả năng: trinh sát, phá hoại, trợ chiến v.v. Barlow là người duy nhất ngoài tôi biết được nhiệm vụ thực sự của chúng tôi. Khi ông hy sinh, kế hoạch đã sụp đổ”. Tại sở chỉ huy sư đoàn, Wolters được coi như một đại diện dân sự hay một sĩ quan tình báo. Khi ông đưa danh sách bí mật ra và nêu ý kiến, ông bị nhìn nhận với sự nghi ngờ. “Barlow hoàn toàn tin tưởng tôi,” Wolters nói. “Tôi tiếc là những người còn lại

tại sở chỉ huy lại không như thế”.

Với cái chết của Barlow, Wolters bị trói tay hoàn toàn. “Người Anh tự hỏi một sĩ quan hải quân Hà Lan cứ ở bên họ làm gì,” ông nhớ lại. Dần dần ông cũng được chấp nhận phần nào và cho dù một số thành viên kháng chiến được giao việc, họ quá ít và sự giúp đỡ tới quá muộn. “Chúng tôi không còn thời gian để kiểm tra tất cả mọi người để những người tại sở chỉ huy hài lòng,” Wolters nói, “và thái độ tại đó chỉ đơn giản là: “Chúng ta có thể tin ai ?” “Cơ hội để tổ chức và liên kết lực lượng kháng chiến tại Arnhem đã bị mất (CT: Người Anh đã từ lâu mất lòng tin vào lực lượng kháng chiến Hà Lan. Năm 1942, thiếu tá Herman Giskes, chỉ huy tình báo Đức tại Hà Lan, đã xâm nhập thành công vào mạng lưới tình báo Hà Lan. Các điệp viên gửi từ Anh tới bị bắt và bị buộc làm việc cho ông ta. Trong 20 tháng, trong chiến dịch phản gián có lẽ là ngoạn mục nhất trong Thế chiến thứ Hai, gần như tất cả điệp viên nhảy dù xuống Hà Lan đều bị quân Đức bắt. Theo một thủ tục an ninh, các hiệu thính viên tại Anh được yêu cầu nghe để phát hiện những sai sót cố ý về lỗi Morse trong các tín hiệu radio. Thế nhưng những báo cáo từ những điệp viên hai mang vẫn được chấp nhận mà không bị nghi ngờ bởi tình báo Anh. Chỉ tới khi hai điệp viên trốn thoát thì chiến dịch Bắc Cực của Giskes mới kết thúc. Xỏ mũi được Đồng Minh lâu đến vậy, Giskes không khỏi tự mãn về thành công của mình. Trong một bức điện không mã hóa gửi tới Anh ngày 23/11/1943, ông ta viết: “Gửi các ngài Hunt, Bingham và đồng nghiệp, Successor Ltd., London. Chúng tôi hiểu các ngài đã cố gắng thực hiện các phi vụ làm ăn tại Hà Lan trong một thời gian mà không trông cậy vào chúng tôi. Chúng tôi lấy làm tiếc về

việc này... vì từ lâu chúng tôi đã đảm nhiệm vai trò đại lý độc quyền của các vị tại nước này. Tuy thế... nếu các ngài tiếp tục nghĩ tới chuyện thăm chúng tôi tại Lục địa với cường độ cao chúng tôi sẽ lại dành cho đại diện của các ngài cùng sự quan tâm như chúng tôi đã làm từ trước tới nay..." Kết quả là, cho dù các mạng tình báo được làm sạch và hoàn toàn tổ chức lại – và cho dù các nhóm kháng chiến Hà Lan được tách riêng khỏi các hoạt động này – nhưng bất chấp điều đó, nhiều sĩ quan cao cấp Anh được cảnh báo trước chiến dịch Market Garden không nên quá tin tưởng lực lượng kháng chiến).

Tại Anh, gần 7 giờ sáng ngày 20, thiếu tướng Stanislaw Sosabowski được biết các khu đổ quân của ông đã bị thay đổi. Giờ đây lữ đoàn Ba Lan sẽ đổ xuống một khu vực cách khu vực cũ vài dặm về phía tây, gần làng Driel. Sosabowski sững sờ trước tin mới được báo qua sĩ quan liên lạc, trung tá George Stevens. Lữ đoàn đã có mặt tại sân bay và dự kiến lên đường tới Hà Lan trong 3 giờ nữa. Trong khoảng thời gian đó Sosabowski sẽ phải điều chỉnh lại hoàn toàn kế hoạch tấn công của ông cho một khu vực chưa hề được chuẩn bị trước.

Đã mất nhiều ngày để chuẩn bị cho cuộc đổ bộ xuống gần Elden ở phía nam cây cầu Arnhem. Lúc này, viên tướng Ba Lan nhớ lại, "Tôi nhận được một chỉ dẫn vắn tắt, và chỉ có vài giờ để thiết lập một kế hoạch".

Vẫn chưa có nhiều tin tức về Arnhem, nhưng, như Stevens đã thông báo với ông về kế hoạch mới sử dụng phà đưa lực lượng của ông qua

sông Rhine từ Driel tới Heveadorp, Sosabowski hiểu rõ tình hình của Urquhart đang xấu đi. Ông lường trước sẽ có vô số trục trặc, nhưng ông nhận thấy “không ai tỏ ra thực sự được báo cáo đầy đủ. Tất cả những gì Steven biết được là tình hình rất hỗn loạn”. Nhanh chóng thông báo cho ban tham mưu của mình về thay đổi, Sosabowski hoãn cuộc cất cánh từ 10 giờ sáng tới 1 giờ chiều. Ông cần thời gian này để định hướng lại lực lượng của mình và thảo ra một kế hoạch tác chiến mới, và ba giờ trì hoãn cũng có thể giúp Stevens có thêm nhiều tin tức cập nhật hơn từ Arnhem. Dù sao đi nữa Sosabowski cũng không chắc liệu đơn vị của ông có thể cất cánh lúc 10 giờ sáng. Sương mù lại bao phủ vùng Midlands, và các dự báo không được khả quan. “Điều đó cùng những thông tin chúng tôi nhận được đã làm chúng tôi rất lo,” Sosabowski nhớ lại. “Tôi không nghĩ kế hoạch của Urquhart tiến triển tốt. Tôi bắt đầu tin rằng có thể chúng tôi sẽ nhảy xuống Hà Lan chỉ để tô đậm thêm cho thất bại”.

Tại cây cầu Arnhem thách thức trước số đông của một nhóm nhỏ can đảm đã gần tới hồi kết. Lúc rạng sáng quân Đức đã tiếp tục cuộc pháo kích khủng khiếp của họ. Trong ánh nắng buổi sớm những đồng đồ nát xiêu vẹo đã từng là những tòa nhà và công thự một lần nữa lại trở thành mục tiêu của hỏa lực không thương xót. Ở hai bên cây cầu và dọc những đồng đồ nát của Eusebius Buiten Singel, một số vị trí phòng ngự còn tương đối vững chắc đều lần lượt bị bắn tan tành. Dải phòng ngự hình bán nguyệt khổng lồ chế đầu cầu phía bắc đã hầu như không còn tồn tại nữa. Thế nhưng, bị lửa vây bọc và nấp sau những đồng vụn nát, những nhóm nhỏ lính dù bước binh vẫn tiếp tục chiến đấu, không cho quân Đức sử dụng cầu.

Chỉ có sự dũng cảm bản năng nhất giúp người của Frost đứng vững đến lúc này, nhưng nó cũng đã đủ mãnh liệt và bền vững để kìm chân quân Đức trong 3 đêm và 2 ngày. Tiểu đoàn 2 cùng những người lính thuộc các đơn vị khác đã tới với họ theo từng nhóm nhỏ hai ba người (một lực lượng theo ước tính cao nhất của Frost chưa bao giờ vượt quá con số 600 hay 700 người) đã sát cánh bên nhau trong thảm kịch. Niềm kiêu hãnh và mục đích chung đã gắn kết họ với nhau. Chỉ mình họ đã tới được mục tiêu của cả một sư đoàn đổ bộ đường không – và giữ vững vị trí trong thời gian lâu hơn thời gian mà cả sư đoàn dự kiến phải giữ. Trong những giờ phút tuyệt vọng đầy lo âu, chờ đợi sự giúp đỡ đã không bao giờ tới, tâm trạng của họ có lẽ được nói lên rõ nhất qua suy nghĩ của trung sĩ Gordon Spicer, người đã viết, “Ai đã không hoàn thành nhiệm vụ? Không phải chúng tôi!”

Đến lúc này thời gian cầm cự của họ đã sắp kết thúc. Nấp dưới các đồng đồ nát và những con hào chật hẹp, vật lộn cố bảo vệ bản thân và những hầm nhà chật ních thương binh, choáng váng và đồ đẫm đi dưới hỏa lực hầu như không ngừng của kẻ thù, mang trên mình những vết thương quấn băng hoen máu đã bắn cùng thái độ dũng dũng như tấm huân chương danh dự, những con Quỷ Đỏ biết, cuối cùng thì họ cũng không thể đứng vững lâu hơn nữa.

Phát hiện này tạo ra một tâm trạng bình thản kỳ lạ, hoàn toàn không có chút hoảng hốt nào. Như thế mỗi người đều thầm quyết định họ sẽ chiến đấu cho đến khi gục xuống – cho dù chỉ để chọc tức thêm quân

Đức. Bất chấp ý thức cuộc chiến coi như đã chấm dứt, những người lính vẫn tìm ra sáng kiến mới để kéo dài nó. Những khẩu đội cối bắn những quả đạn cuối cùng mà không có còng hay đế súng, bằng cách dựng nòng súng lên và giữ bằng dây thừng. Những người khác, thấy rằng không còn kíp nổ cho những quả bom phóng của súng Piat, đã tìm cách kích nổ các quả bom này bằng thuốc cháy lấy từ những hộp diêm. Khắp xung quanh họ bạn bè nằm la liệt, đã chết hay đang hấp hối, thế nhưng họ vẫn tìm ra được nghị lực để chống cự, và trong lúc chiến đấu, thường xuyên pha trò cổ vũ nhau. Nhiều người nhớ có một người lính Ireland bị một quả trái phá hất ngã xuống bất tỉnh cuối cùng cũng mở mắt ra nói, “Tôi chết rồi”. Sau đó, ngẫm nghĩ một lúc, anh ta nhận xét, “Không thể nào. Mình đang nói cơ mà”.

Với trung tá Frost, người đã thôi kèn sẵn để tập hợp họ lại quanh mình vào ngày Chủ nhật nắng đẹp để khởi đầu cho điều vào lúc đó dường như là khởi đầu cho cuộc diễn binh chiến thắng của họ, họ luôn đứng vững không bị khuất phục. Nhưng tới lúc này, vào ngày thứ Tư u ám và buồn bã, ông biết “thực tế không còn khả năng được giải vây”.

Số người còn khả năng chiến đấu, cao nhất, vào khoảng 150 đến 200, tập trung chủ yếu xung quanh những ngôi nhà của ban chỉ huy nằm ở phía tây rầm cầu. Chừng 300 thương binh Anh và Đức nằm kín các hầm nhà. “Họ chen chúc đến mức gần như nằm đè lên nhau”, Frost nhớ lại, “khiến cho các bác sĩ và cứu thương gặp rất nhiều khó khăn khi đi lại chăm sóc họ”. Ông sẽ phải sớm đưa ra quyết định về những thương binh này. Nếu tòa nhà của họ lại bị trúng đạn lần nữa,

mà điều này hầu như chắc chắn sẽ xảy ra, Frost nói với thiếu tá Freddie Gough, ông “không thể hình dung ra mình có thể chiến đấu đến phút cuối cùng, rồi rút đi, để cho thương binh của mình bị thui cháy”. Cần có cách đưa thương binh ra trước khi tòa nhà bị sập hay bị chiếm. Frost không rõ còn bao nhiêu thời gian nữa. Ông vẫn tin mình có thể khống chế đầu cầu thêm một thời gian, thậm chí thêm 24 giờ nữa, nhưng vành đai phòng ngự của ông đã yếu đến mức ông biết “một cú đột kích kiên quyết của quân địch có thể giúp chúng đâm thẳng vào giữa khu vực của chúng tôi”.

Bên phía đại úy Mackay, ngôi trường bị bắn phá không thương tiếc, anh nghĩ, trông “giống một cái rây”. Như Mackay sau này nhớ lại, “Chúng tôi chỉ còn lại một mình. Tất cả các tòa nhà phía đông đã bị đốt trụi, trừ một ngôi nhà nằm về phía nam do quân Đức chiếm”. Trong ngôi trường, cảnh tượng kinh hoàng quá mức tưởng tượng. “Mọi người kiệt sức và bồn kinh khủng”, Mackay viết, “tôi đau nhói mỗi khi nhìn họ. Phờ phạc, mắt đỏ vằn, hầu như ai cũng có trên người những dải băng cứu thương bẩn thỉu, và máu ở khắp nơi”. Khi thương binh được đưa theo cầu thang xuống tầng hầm, Mackay trông thấy “tại mỗi tầng máu đã đọng lại thành vũng và chảy thành từng dòng nhỏ xuống theo cầu thang”. Mười ba người còn lại của anh được gom thành nhóm “hai hay ba người, chốt giữ những vị trí yêu cầu số người gấp đôi như vậy. Thứ duy nhất còn sạch là vũ khí của mỗi người”. Trong đống đổ nát của ngôi trường Mackay và nhóm của anh đẩy lùi ba đợt xung phong của địch trong hai giờ, buộc quân địch để lại quanh trường số xác chết nhiều gấp 4 lần số người của họ.

Buổi sáng trôi dần đi, trận đánh vẫn tiếp tục. Sau đó, vào khoảng gần trưa, người đã thách thức quân Đức kiên cường đến thế bị thương. Trong lúc Frost gặp thiếu tá Douglas Crawley để thảo luận về một toán tuần tiểu chiến đấu nhằm quét sạch khu vực, ông nhớ “một tiếng nổ long trời” nhắc bỗng ông khỏi mặt đất và ném ông ra xa vài yard. Một quả đạn cối đã nổ gần như giữa hai người. Thật thần kỳ cả hai đều còn sống, nhưng mảnh đạn đã cắm sâu vào mắt cá chân bên trái và xương bánh chè bên phải của Frost, còn Crawley bị trúng đạn vào cả hai chân và tay phải. Frost, chỉ còn hơi tỉnh táo, cảm thấy xấu hổ vì ông đã không thể “kìm được những tiếng rên như tự mình chui ra khỏi miệng tôi, nhất là khi Doug vẫn yên lặng”. Wicks, cần vụ của Frost, kéo hai sĩ quan vào chỗ khuất, sau đó cứu thương khiêng họ trên cáng xuống hầm nhà cùng các thương binh khác.

Trong hầm nhà chật ních cha tuyên úy Egan đang cố định hướng. Trong ánh sáng lò mờ của căn hầm u ám, trung úy Bucky Buchanan, người sĩ quan tình báo trước đó đã giúp đưa Egan xuống hầm, có vẻ như đang mệt mỏi tựa người vào tường. Nhưng Buchanan đã chết. Sức ép của một quả bom đã giết chết lập tức viên trung úy mà không để lại dấu vết nào. Sau đó, ngơ ngàng và vẫn còn choáng váng, Egan thấy Frost được khiêng vào. “Tôi vẫn nhớ khuôn mặt của ông ấy,” Egan nói. “Ông ấy trông nhợt nhạt như người đã chết và rất ủ dột”. Các thương binh khác trong hầm nhà cũng nhìn thấy tiểu đoàn trưởng của họ. Với trung úy John Blunt, một người bạn của Buchanan, cảnh trung tá nằm trên một chiếc cáng là một cú rất nặng nề. “Chúng tôi vẫn luôn coi ông ấy là không gì chạm tới được,” Blunt viết. “Thật đau lòng khi phải nhìn ông bị khiêng đi như thế. Ông ấy

chưa từng bị bất cứ thứ gì đánh trúng”.

Từ đầu đó trong căn hầm, binh nhì James Sims, cũng bị thương vì mảnh trái phá, nhớ có nghe thấy ai đó gọi Frost, “Thưa ngài, chúng ta còn đứng vững được chứ?”

Tại Anh, thiếu tướng Sosabowski quan sát lũ đoàn của ông leo lên hàng dài những chiếc Dakota chở quân. Từ hôm Chủ nhật, ông đã cảm thấy sự căng thẳng tăng dần khi những người lính Ba Lan chờ xuất trận. Họ đã tới sân bay hôm thứ Ba chỉ để chứng kiến kế hoạch bị đình chỉ. Sáng thứ Tư này, biết được sự thay đổi khu đổ quân, chính Sosabowski đã hoãn chuyến bay lại 3 giờ để vạch một kế hoạch mới. Giờ đây, gần 1 giờ chiều, trong khi những người lính dù mang vác nặng bước về phía máy bay, không khí bồn chồn đã biến mất. Cuối cùng họ cũng lên đường, và Sosabowski nhận thấy “tâm trạng gần như vui vẻ trong những người lính”.

Tâm trạng của ông hoàn toàn khác. Trong vài giờ ngắn ngủi sau khi hoãn giờ khởi hành, ông đã cố tìm hiểu mọi thứ có thể về tình hình của Urquhart cũng như khu đổ bộ mới. Ông đã phổ biến lại cho cả ba tiểu đoàn của mình tới tận cấp trung đội, nhưng những thông tin ông có thể cung cấp cho họ thật ít ỏi. Sosabowski cảm thấy họ được chuẩn bị quá tồi, gần như “không biết nhảy xuống đâu”.

Lúc này, khi các động cơ khởi động, các tiểu đoàn của ông bắt đầu leo lên 114 chiếc Dakota sẽ mang họ tới Hà Lan. Hải lòng với việc đưa quân lên máy bay, Sosabowski leo lên chiếc máy bay dẫn đầu. Với

động cơ nổ rền, chiếc Dakota chuyển bánh chạy từ từ theo đường dẫn, quay đầu chuẩn bị cất cánh. Rồi bất ngờ nó dừng lại. Trước sự lo ngại của Sosabowski, động cơ tắt hẳn. Từng phút trôi qua, và sự lo lắng của ông tăng dần. Ông tự hỏi không biết nguyên nhân gì làm chuyển bay bị trì hoãn.

Bất thần cửa máy bay mở và một sĩ quan RAF leo lên. Đi dọc thân máy bay tới chỗ viên thiếu tướng, anh ta thông báo với Sosabowski rằng kiểm soát không lưu vừa được lệnh đình chỉ cuộc cất cánh. Tình hình lại diễn ra tương tự như hôm thứ Ba: các sân bay phía nam mở cửa và các máy bay ném bom chờ hàng tiếp tế đã cất cánh, nhưng ở khu vực Grantham một vùng mây mù dày đặc đang thiết lập. Sosabowski không tin nổi vào tai mình nữa. Ông có thể nghe thấy các sĩ quan và binh lính của mình bật ra những câu rủa khi nghe tin lại bị hoãn nữa. Cuộc đổ quân bị hoãn lại thêm 24 giờ nữa – tới 1 giờ chiều ngày thứ Năm 21/9.

Cả trung đoàn bộ binh đi tàu lượn của tướng Gavin cũng bị chết dí dưới đất thêm lần nữa. Vào đúng ngày dự định thực hiện cuộc tấn công quan trọng vào cầu bắc qua sông Waal ở Nijmegen, lực lượng gồm 3400 người mà Gavin đang trông đợi hơn bao giờ hết, cùng pháo binh và trang bị của họ, đã không thể lên đường. Chiếc phà Driel – Heveadorp vẫn còn hoạt động. Vào ngày thứ Tư định mệnh này, ngày N+3, khi lữ đoàn Ba Lan vẫn có thể qua sông được bằng phà để tăng cường cho lực lượng đã kiệt sức của Urquhart, thời tiết lại giáng một đòn trí mạng vào Market Garden.

Model, với viện binh không ngừng đổ tới, chắc chắn rằng lúc này lực lượng của ông đã đủ mạnh để đánh tan cuộc tấn công của Montgomery. Ông dự định bẻ gãy hành lang của Đồng Minh tại Son, Veghel và Nijmegen. Cầu Arnhem, ông biết, gần như đã trong tay ông. Và đạo quân số 15 của Von Zangen – đạo quân mà Montgomery đã bỏ quên tại Antwerp - đang từ từ lấy lại được sức mạnh. Các ban tham mưu được tổ chức lại, đạn và khí tài được bổ sung hàng ngày. Trong 48 giờ sau, trong nhật ký tác chiến của cụm quân B, phụ lục 2342, Model sẽ báo cáo cho Von Runstedt về tình hình của Von Zangen như sau: “Tổng số quân và khí tài đã được đưa qua cửa Schelde của đạo quân số 15 gồm 82000 người, 530 đại bác, 4600 xe cơ giới; trên 4000 ngựa và một lượng lớn khí tài quan trọng...”(CT: Cho dù đây là những con số chính xác lấy ra từ nhật ký của cụm quân B, có vẻ như chúng cao hơn sự thật, nhất là về số lượng đại bác, xe cơ giới và ngựa. Cuộc sơ tán đạo quân 15 qua cửa Schelde và quanh Antwerp được chỉ huy bởi tướng Eugene Felix Schwalbe. Vào năm 1946 ông ta đưa ra các con số ước tính sau: 65000 người, 225 đại bác, 750 xe cơ giới, xe kéo và 1000 ngựa (xem Milton Schulman, *Defeat in the West*, tr.180). Tôi không thể giải thích được sự khác biệt này, nhưng những con số của Schwalbe có vẻ thực hơn).

Lúc này, Model tự tin về khả năng làm chủ tình hình của Von Zangen đến mức 72 giờ sau ông ta dự định tái tổ chức hoàn toàn cơ cấu chỉ huy của mình. Von Zangen sẽ chỉ huy lực lượng của cụm quân B nằm ở phía tây hành lang của Đồng Minh; đạo quân dù số 1 của tướng Student, lúc này đang được tăng cường một cách hệ thống, sẽ đảm

nhiệm sườn phía đông. Đã tới lúc Model bắt đầu cuộc tấn công của mình với các mũi nhọn trọng điểm.

Tại cầu Son, vào sáng ngày 20, lực lượng panzer, đột kích vào khu vực của sư đoàn 101, đã gần thành công trong việc chiếm cầu. Chỉ có hành động mau lẹ của binh lính của Taylor cùng thiết giáp Anh giúp chặn đứng được cuộc tấn công. Đồng thời, trong khi đội hình của Horrock hướng tới Nijmegen, toàn bộ dải hành lang thuộc Taylor kiểm soát đều bị uy hiếp.

Vào lúc 11 giờ trưa tại khu vực của tướng Gavin, quân Đức, sau một cuộc pháo kích dữ dội, tiến qua biên giới tấn công vào sườn đông sư đoàn 82. Chỉ vài giờ sau một mũi tấn công tổng lực đã hướng tới khu vực Mook, đe dọa cây cầu tại Heumen. Với tới đây từ Nijmegen, nơi người của ông đang chuẩn bị cho cuộc tấn công qua sông Waal, Gavin thấy “cây cầu duy nhất chúng tôi kiểm soát cho phép xe tăng đi qua” đang bị đe dọa nghiêm trọng. “Cây cầu này là sống còn với sự tồn tại của lực lượng Anh và Mỹ đang tập trung tại Nijmegen”, ông nhớ lại. Khó khăn của ông rất nghiêm trọng; tất cả các đơn vị của sư đoàn 82 đều đã tham chiến. Gavin vội yêu cầu lực lượng cận vệ Coldstream hỗ trợ. Sau đó, với Gavin đích thân dẫn đầu cuộc phản kích, một trận đánh ác liệt, không ngừng nghỉ diễn ra cho tới tận cuối ngày. Di chuyển lực lượng của mình liên tục như một kỳ thủ cờ vua, Gavin giữ vững và cuối cùng buộc quân Đức phải rút lui. Ông đã luôn e ngại bị tấn công từ phía biên giới Đức. Lúc này Gavin và tư lệnh quân đoàn, tướng Browning, hiểu rằng một giai đoạn mới và khốc liệt hơn của chiến sự đã bắt đầu. Trong số tù binh có người của

quân đoàn dù số 2 kỳ cựu của tướng Mendl. Ý định của Model lúc này đã rõ: chiếm lại các cây cầu chiến lược, chặt đứt hành lang và tiêu diệt lực lượng của Horrock.

Về phần mình, Model tin rằng Đồng Minh sẽ không thể qua sông tại Nijmegen được để tiến tiếp đoạn 11 dặm cuối cùng tới Arnhem. Ông tự tin nói với tướng Bittrich dự kiến chiến sự sẽ chấm dứt nội trong tuần. Bittrich không được tự tin như vậy. Ông ta sẽ cảm thấy yên tâm hơn, ông nói với Model, nếu những cây cầu tại Nijmegen bị cho phá hủy. Model nhìn chăm chăm vào ông và bực bội lớn tiếng, “Không!”

Thiếu tướng Heinz Harmel rất bất bình với thái độ của cấp trên trực tiếp, tướng Wilhelm Bittrich. Ông ta cảm thấy tư lệnh quân đoàn Panzer SS số 2 đã có một tầm nhìn không sát với tình hình chiến sự. Bittrich “có vẻ hoàn toàn không để tâm đến những trở ngại với việc chuyển quân qua phà tại Pannerden”. Những trở ngại này đã bó tay bó chân Harmel ngay từ đầu, thế nhưng ông có cảm tưởng Bittrich chưa bao giờ có mặt đủ lâu tại thực địa “để tự nhìn thấy công việc gần như bất khả thi khi phải đưa 20 xe tăng qua sông – trong đó có 3 chiếc Royal Tiger”. Công binh của Harmel đã mất gần ba ngày để lắp một chiếc phà có khả năng đưa một tải trọng khoảng 40 tấn qua sông Rhine. Cho dù Harmel tin rằng lúc này chiến dịch có thể được đẩy nhanh, lúc này mới chỉ có 3 trung đội tăng (12 chiếc Panther) tới được lân cận Nijmegen. Phần còn lại, gồm cả những chiếc Tiger của ông, đang chiến đấu tại cầu Arnhem dưới sự chỉ huy của một cựu binh từ mặt trận phía đông, thiếu tá Hans Peter Knaust.

Knaust, 38 tuổi, đã mất một chân gần Moscow năm 1941. Như

Harmel nhớ lại, “anh ta bước đi vùn vụt với một chiếc chân gỗ, và cho dù luôn bị đau, anh ta không bao giờ phàn nàn”. Tuy thế, Knaust cũng là một mục tiêu cho sự khó chịu của Harmel.

Để tăng cường sư đoàn Frunsberg, “Knaust Kampfgruppe” đã được điều gấp tới Hà Lan với 35 xe tăng, 5 xe bọc thép chở quân và 1 pháo tự hành. Nhưng các cựu binh của Knaust chỉ là lính loại tồi. Gần như tất cả đều đã từng bị thương nặng; theo Harmel đánh giá họ “gần như là tàn phế”. Trong điều kiện thông thường những người này không bao giờ được đưa vào quân số chiến đấu. Hơn nữa, lực lượng bổ sung của Knaust còn quá trẻ, một số chỉ mới qua 8 tuần huấn luyện. Trận đánh tại cầu Arnhem đã kéo quá dài khiến Harmel lúc này cảm thấy lo ngại cho tình hình tại Nijmegen. Trong trường hợp người Anh đột phá được, ông sẽ cần tới xe tăng của Knaust để giữ cầu và các vị trí phòng ngự giữa Nijmegen và Arnhem. Lực lượng thiết giáp tăng cường vẫn đang trên đường tới, trong đó có từ 15 đến 20 xe Tiger và thêm 20 chiếc Panther nữa. Nhưng Harmel không biết khi nào chúng tới hay liệu cây cầu tại Arnhem có thể khai thông được để giúp chúng tiến nhanh xuống phía nam hay không. Ngay cả khi đã làm chủ cầu, Harmel dự kiến sẽ mất cả một ngày để dọn sạch các chướng ngại vật để xe có thể đi qua được.

Để chỉ huy toàn bộ các hoạt động này, Harmel đã thiết lập một sở chỉ huy tiền phương gần làng Doornenburg, cách Pannerden 2 dặm về phía tây và cách Nijmegen 6 dặm về phía tây bắc. Từ đây ông đi về phía tây tới điểm nằm giữa Nijmegen và Arnhem trên xa lộ nối liền hai thành phố, hình thành lập tức trong đầu các vị trí phòng ngự có

thể sử dụng trong trường hợp đối phương đột phá được. Chuyển thực địa của ông đem đến một cảm nhận chắc chắn: cả xe tăng Đức cũng như Anh đều không thể rời xa đường xa lộ. Chỉ các xe hạng nhẹ có thể sử dụng những con đường phụ lát gạch phủ một lớp nhựa mỏng. Chính xe tăng của ông ta, khi vận động tới Nijmegen sau khi đã qua phà tại Pannerden, đã bị sa lầy tại một con đường như vậy khi trọng tải của xe phá vỡ nền đường. Đường xa lộ Nijmegen – Arnhem ở nhiều đoạn trông giống như một con đường đê, rộng chừng 9 đến 12 bộ, hai bên là bờ đất yếu. Xe tăng khi hành tiến theo đoạn đường hẹp nhô cao này sẽ nổi bật hoàn toàn trên đường chân trời. Một trận địa pháo được bố trí hợp lý có thể dễ dàng bắn hạ chúng. Vào lúc đó, Harmel hầu như không có pháo binh kiểm soát khu vực này; như vậy, điều tối cần thiết là xe tăng và pháo tự hành của Knaust phải vượt qua sông Rhine và chiếm lĩnh vị trí trước khi quân Anh phá vỡ phòng tuyến tại Nijmegen.

Quay trở về sở chỉ huy tại Doornenburg, Harmel được báo cáo những tin tức mới nhất từ tham mưu trưởng của mình, đại tá Paetsch. Có tin tốt từ Arnhem: nhiều tù binh bị bắt, và cuộc giao chiến tại cây cầu bắt đầu chuyển sang đoạn kết. Knaust lúc này tin rằng ông ta có thể vượt sông vào cuối buổi chiều. Chiến sự tiếp diễn tại Nijmegen, nhưng đại úy Karl Heinz Euling, cho dù phải chịu tổn thất rất lớn, vẫn cố gắng giữ vững cây cầu đường sắt và cây cầu đường bộ tại đó. Quân Anh – Mỹ bị chặn đứng ở cả hai nơi. Tại trung tâm thành phố quân Anh cũng bị chặn lại, nhưng tình hình nguy ngập hơn nhiều.

Báo cáo của Euling phản ánh một sự lạc quan mà Harmel không

chia sẻ. Cuối cùng, cho dù chỉ bằng ưu thế số lượng, thiết giáp Anh sẽ chắc chắn phá vỡ phòng tuyến Đức. Châm một điếu cigar, Harmel nói với Paetsch rằng ông “chờ đợi toàn sức mạnh của quân Anh – Mỹ sẽ tấn công vào cây cầu đường bộ trong 48 giờ nữa”. Nếu xe tăng của Knaust và lực lượng pháo binh nhanh chóng kiểm soát được cây cầu tại Arnhem, họ sẽ có thể chặn được bước tiến của thiết giáp Anh. Nếu lực lượng panzer quá chậm trễ trong việc tiêu diệt lực lượng Anh còn lại tại cầu Arnhem và dọn dẹp chướng ngại vật trên cầu, Harmel biết, bất chấp mọi mệnh lệnh, ông cần phải cho nổ tung cây cầu xa lộ tại Nijmegen.

Bất chấp mọi cân nhắc thận trọng của mình, ông ta đã không lường tới tình huống khó ngờ nhất: rằng quân dù Mỹ sẽ cố vượt sông trong một cuộc đổ bộ đường thủy.

Những người lính dù đang chờ đợi tập trung rất đông tại khu vực không xa điểm vượt sông, cách cây cầu đường sắt 1 dặm về phía hạ lưu. Suốt đêm thứ Ba và cả buổi sáng thứ Tư, trong lúc lực lượng Anh – Mỹ dưới sự chỉ huy của trung tá Gouldburn và trung tá Vandervoort tiếp tục tấn công hướng tới cây cầu đường sắt và cầu xa lộ nằm xa hơn về phía đông, quân Mỹ và quân Anh ra sức mở rộng khu vực dẫn xuống bờ sông để xe tăng và trọng pháo của sư đoàn thiết giáp cận vệ có thể thiết lập vị trí bắn yểm trợ cho lực lượng vượt sông. Theo kế hoạch, những chiếc Typhoon sẽ bay thấp quần trên khu vực bờ bắc 30 phút trước giờ G, cày xới toàn bộ khu vực này bằng rocket và súng máy. Trên mặt đất, xe tăng và pháo sẽ oanh kích khu vực trên trong 15 phút nữa. Sau đó, dưới màn khói ngụy trang,

đợt xung phong đầu tiên do viên thiếu tá 27 tuổi Julian Cook chỉ huy sẽ xuất phát để bắt đầu một trong những cuộc vượt sông táo bạo nhất từng được thực hiện.

Kế hoạch chu đáo đến mức mà các chỉ huy đã thức suốt đêm vạch ra nó có thể làm được. Nhưng những chiếc xuồng mà người của Cook sẽ dùng để vượt con sông rộng 100 yard vẫn chưa tới. Giờ G, dự kiến vào lúc 1 giờ chiều, bị hoãn lại tới 3 giờ chiều.

Những người lính Mỹ chờ đợi thành nhóm nhỏ trong lúc Cook không ngừng đi đi lại lại. “Những cái xuồng chết tiệt ấy đang ở đâu?” Anh ta tự hỏi. Kể từ lúc viên thiếu tá được tướng Gavin và tư lệnh trung đoàn 504, đại tá Tucker, báo rằng tiểu đoàn 3 của anh sẽ thực hiện cuộc tấn công vượt sông Waal, Cook đã bị “choáng và cứng họng không nói được gì”. Với viên sĩ quan trẻ tốt nghiệp West Point dường như “chúng tôi được yêu cầu phải một mình đổ bộ lên bãi biển Omaha”. Nhiều người lính của anh ta thậm chí chưa bao giờ ngồi trong một chiếc xuồng nhỏ.

Cook không phải là người duy nhất bồn chồn chờ đợi những chiếc xuồng. Trước buổi trưa tướng Browning đã nhận được bằng chứng rõ ràng đầu tiên cho thấy tình hình nghiêm trọng của Urquhart. Qua đường liên lạc với đạo quân Anh số 2, bức điện bộ phận Phantom nhận được có đoạn:

“(201105) ...lực lượng có tổ chức vẫn bám trụ ở đầu bắc cây cầu chính, nhưng mất liên lạc và không tiếp tế được...Arnhem hoàn toàn

trong tay quân địch. Yêu cầu thực hiện mọi biện pháp giải vây. Chiến sự ác liệt và chống cự của đối phương rất mạnh. Vị trí không thuận lợi”...

Browning rất lo lắng. Lúc này mỗi giờ đều rất quan trọng và việc chiếm gấp cầu tại Nijmegen là tối cần thiết với sự sống còn của sư đoàn của Urquhart. Việc giải vây cho lực lượng dù tại Arnhem, vào lúc này, gần như phụ thuộc hoàn toàn vào Cook và tiểu đoàn 3 – một điều Cook hoàn toàn không biết.

Dù sao đi nữa, những chiếc xuồng vẫn chưa có mặt, và thậm chí không ai biết trông chúng thế nào. Suốt đêm tướng Horrock và ban tham mưu của ông đã cố gắng thúc đẩy nhanh hơn việc vận chuyển chúng. Ở xa phía sau, trong đoàn xe công binh, có ba chiếc xe tải chở xuồng đang phải nhích từng phân trên con đường tắc nghẽn. Tại Eindhoven chúng đã bị chững lại vì một cuộc oanh kích của Luftwaffe. Toàn bộ trung tâm thành phố bị phá hủy. Hàng chục xe vận tải chở tiếp tế bị phá hủy và cả một đoàn xe chở đạn nổ tung, làm cho cảnh hủy diệt thêm khủng khiếp. Lúc này, tại điểm vượt sông Waal, chưa đầy 1 giờ trước giờ G, vẫn chưa thấy bóng dáng những chiếc xe tải đó cùng những chiếc xuồng quan trọng đâu.

Điểm đột kích vượt sông nằm về phía đông nhà máy điện lớn PGEM, và lúc đầu người ta tin rằng có thể vượt sông từ chính nhà máy. Tại đó, bên rìa sông, có một cù lao che chở việc đưa quân lên xuồng không bị quân Đức phát hiện. Đại tá Tucker phản đối địa điểm này; nó quá gần cây cầu đường sắt do quân địch kiểm soát. Khi lực lượng

đột kích rồi khỏi bờ sông, quân Đức có thể quét sạch họ bằng súng máy. Hơn nữa, tại địa điểm này, ở đầu cù lao, dòng chảy với tốc độ 8 đến 10 dặm một giờ tạo ra những xoáy nước mạnh hơn.

Dịch xa hơn về phía tây, Tucker dự kiến đưa những chiếc xuồng xuống mép nước, đưa chúng xuống sông và dùng mái chèo chèo qua. Cả việc này cũng làm Cook lo ngại. Từ những thông tin ít ỏi anh ta được biết, mỗi chiếc xuồng nặng 200 cân Anh; khi chúng đã được chất đầy lính mang đủ trang bị cùng đạn dược, con số này có thể tăng gấp đôi.

Một khi đã được đưa xuống sông, mỗi chiếc xuồng sẽ chở 13 lính dù và một đội gồm 3 công binh để đưa mọi người qua sông. Cuộc đột kích sẽ được thực hiện liên tục. Hết đợt này đến đợt khác, các xuồng chở quân sẽ qua sông rồi quay trở lại cho tới khi toàn bộ tiểu đoàn của Cook và một phần một tiểu đoàn khác, do đại úy John Harrison chỉ huy, được đưa qua sông. Thiếu tá Edward G.Tyler thuộc lực lượng cận vệ Ireland, chỉ huy đơn vị có các xe tăng được sử dụng để cung cấp hỏa lực yểm trợ, phát hoảng trước toàn bộ ý tưởng này. “Nó khiến tôi cảm thấy sợ Chúa,” Tyler nhớ lại. Anh ta hỏi đại tá Tucker đang ngai điếu cigar liệu người của ông ta đã thực hiện kiểu tác chiến này bao giờ chưa. “Chưa,” Tucker đáp tưng tưng. “Họ sẽ được huấn luyện ngay trên chiến trường”.

Từ trên tầng chín của nhà máy điện, Cook và trung tá Giles Vandeleur, chỉ huy tiểu đoàn cận vệ Ireland số 2, quan sát bờ bắc qua ống nhòm. Ngay đối diện vị trí của họ, một dải đất bằng chạy sâu từ

200 đến 800 yard vào bờ bắc từ mép nước. Người của Cook sẽ phải vượt qua khoảng trống không được che chở này sau khi đổ bộ. Sau dải đất bằng, một con đê dốc thoải thoải nhô cao từ 15 đến 20 bộ, trên đỉnh là con đường rộng 20 bộ chạy theo hướng đông tây. Một pháo đài, được gọi là Fort Hof Van Holland, nằm phía sau con đường chừng 800 yard. Cook và Vandeleur có thể nhìn thấy rõ quân địch tại vị trí phòng ngự trên đỉnh con đê, và họ hầu như chắc chắn rằng vị trí quan sát và pháo binh được bố trí trong pháo đài.

“Có ai đó,” Cook nhớ lúc đó đã nghĩ thầm, “đã bắt gặp một con ác mộng trên thực tế”. Tuy vậy, yểm trợ pháo binh và không quân hữu hiệu vào giờ G có thể làm giảm sức kháng cự của quân Đức và giúp lực lượng dù nhanh chóng làm chủ bờ bắc. Cook trông đợi rất nhiều vào sự hỗ trợ này.

Vandeleur nghĩ cuộc vượt sông có thể sẽ “rất tồi tệ, với tổn thất nặng”. Nhưng ông ta quyết tâm xe tăng của mình sẽ hỗ trợ người Mỹ hết mức có thể. Viên trung tá dự kiến sử dụng khoảng 30 chiếc Sherman – hai phân đội dưới quyền chỉ huy của các thiếu tá Edward G.Tyler và Desmond Fitzgerald. Vào lúc 2 giờ 30 chiều, những chiếc tăng bắt đầu tiến về phía bờ sông và leo lên đê, đập sạt nhau, những khẩu pháo 75 mm dàn hàng chia về bờ bên kia. Cuộc pháo kích của người Anh sẽ được trợ lực bởi các khẩu đội cối của sư đoàn 82 và pháo binh. Tổng cộng, khoảng 100 khẩu súng lớn sẽ oanh kích bờ bắc.

Người của Cook, chưa hề nhìn thấy khu vực tác chiến, đã được phổ biến kế hoạch ở khu tập trung. Nhưng chiều rộng của con sông làm

tất cả choáng váng. “Lúc đầu khi chúng tôi được phổ biến kế hoạch, chúng tôi đã nghĩ chắc họ đang đùa,” trung úy John Holabird nhớ lại. “Tất cả nghe như chuyện giả tưởng”. Thượng sĩ Theodore Finkbeiner, được chỉ định tham gia đợt vượt sông đầu tiên, tin chắc “rằng cơ hội của chúng tôi sẽ khá tốt vì có màn khói che chở”. Nhưng đại úy T.Moffatt Burris, chỉ huy đại đội I, tin rằng kế hoạch này chẳng khác gì một cuộc tấn công tự sát.

Cùng quan điểm còn có đại úy Delbert Kuehl, tuyên úy Tin lành của trung đoàn 504. Bình thường Kuehl không phải đi cùng lực lượng tấn công. Lần này chính anh ta yêu cầu được đi cùng người của Cook. “Đó là quyết định khó khăn nhất tôi đã từng làm,” anh nhớ lại, ‘vì tôi tình nguyện đi. Kế hoạch có vẻ hoàn toàn bất khả thi, và tôi cảm thấy nếu có lúc nào đó những người lính thực sự cần tôi, thì chính là trong cuộc tấn công này”.

Đại úy Henry Baldwin Keep, người được mệnh danh là triệu phú của tiểu đoàn, vì anh là thành viên của gia đình Biddle tại Philadelphia, nghĩ rằng “bất lợi cho chúng tôi là rất lớn. Trong suốt 18 tháng hầu như tác chiến liên tục, chúng tôi đã làm mọi thứ từ nhảy dù cho tới thiết lập đầu cầu hay chiến đấu như lính sơn cước hoặc như bộ binh thường. Nhưng vượt sông thì lại là chuyện khác! Nghe có vẻ bất khả thi”.

Cook, như trung úy Virgil Carmichael kể, đã cố làm không khí vui vẻ bằng cách tuyên bố anh ta sẽ bắt chước George Washington “đứng thẳng người trên xuồng, với bàn tay phải nắm chặt hướng về phía

trước, hô lớn, “Tiến lên, các chàng trai! Tiến lên!” Đại úy Carl W.Kappel, chỉ huy đại đội H, người đã nghe nói cuộc tấn công tại Arnhem đang gặp bất lợi, cũng rất quan ngại. Anh muốn “ngồi ngay vào cái xuồng chết dẫm đó để tiến hành lập tức cái cuộc vượt sông trời đánh này”. Anh có một người bạn thân tại sư đoàn đổ bộ Anh số 1, và anh linh cảm rằng nếu có ai đó đang có mặt tại cầu Arnhem thì đó là “Frosty” – trung tá John Frost.

Đến 2 giờ chiều vẫn chưa thấy những chiếc xuồng đầu, và đến lúc này đã quá trễ để gọi các phi đội Typhoon đang áp sát quay trở lại. Tại điểm vượt sông, nấp sau bờ đê, người của Cook và xe tăng của Vandeleur chờ đợi. Đúng 2 giờ 30, cuộc oanh tạc của những chiếc Typhoon bắt đầu. Lao vút qua trên đầu lực lượng mặt đất, những chiếc máy bay bổ nhào xuống trong tiếng gầm rít, chiếc này nối đuôi chiếc kia, phóng rocket và nã súng máy xuống vị trí địch. Mười phút sau, trong khi xe tăng của Vandeleur bắt đầu chiếm lĩnh vị trí bắn trên đỉnh đê, ba chiếc xe tải chở những chiếc xuồng đã chiến xuất hiện. Chỉ trước giờ xuất phát 20 phút, người của Cook mới lần đầu tiên được trông thấy những chiếc xuồng gấp lại được màu xanh lục.

Mỗi chiếc xuồng dài 19 bộ, đáy phẳng bằng gỗ được gia cố. Hai bên thành xuồng bằng vải bạt, được giữ bằng khung gỗ, cao 30 inch từ đáy đến mép trên. Tám mái chèo dài 4 bộ dự kiến đi theo mỗi xuồng, nhưng trong nhiều chiếc chỉ có hai. Những người lính sẽ phải dùng bang súng để chèo.

Công binh khẩn trương lắp ráp xuồng lại. Khi từng chiếc được ráp

xong, những người lính dù được chỉ định đi trên chiếc xuồng đó đặt trang bị của họ lên xuồng và sẵn sàng vận động ra mép nước. Trong tiếng nổ đình tai của cuộc pháo kích đang nhằm vào bờ bên kia, 26 chiếc xuồng cuối cùng cũng được ráp xong. “Có ai đó hô lớn, “Đi thôi!”” trung úy Patrick Mulloy nhớ lại, “và tất cả mọi người nắm lấy mạn xuồng và khiêng chúng xuống sông. Từ phía sau, đạn trái phá rít lên trên đầu những người lính; pháo tăng gầm lên từ bờ đê phía trước họ, và khói trắng, “trông khá dày” theo Mulloy, bao phủ toàn bộ chiều rộng của dòng sông. Cuộc tấn công bắt đầu.

Khi đợt đầu gồm khoảng 260 người – hai đại đội H và I, cùng ban chỉ huy tiểu đoàn và các công binh – xuống tới mép nước, việc hạ thủy xuồng bắt đầu có dáng vẻ của một tai họa. Những chiếc xuồng bị đẩy xuống vùng nước quá nông bị kẹt trong bùn và không thể chèo đi được. Vật lộn trong vùng nước nông, những người lính đưa xuồng ra vùng sâu hơn, đẩy chúng ra sông sau đó trèo lên. Khi một số người lính cố leo lên xuồng, xuồng của họ bị lật úp. Một số xuồng khác, chở quá tải, bị cuốn theo dòng chảy và bắt đầu xoay tròn không kiểm soát được. Một số chìm dưới sức nặng phải mang. Mái chèo bị mất; người bị lộn qua mạn. Đại úy Kappel trông thấy cảnh tượng của “một khối hỗn độn”.

Chiếc xuồng của anh bắt đầu lật. “Bình nhì Legacie ngã xuống nước và bắt đầu chìm nghiêm”, Kappel nhớ lại. Nhảy theo anh ta, Kappel bị bất ngờ trước tốc độ của dòng chảy. Anh ta túm được Legacie và kéo anh này về nơi an toàn “nhưng khi tôi lôi được anh ta lên bờ tôi đã mệt rũ bở phờ như một ông lão”. Nhảy xuống một chiếc

xuồng khác, Kappel bắt đầu lại. Chiếc xuồng chở trung úy Tom MacLeod gần như mấp mé nước và anh ta nghĩ họ đang chìm dần. “Những chiếc mái chèo vung vẩy như hóa rồ,” anh nhớ lại, và tất cả những gì anh nghe thấy vọng từ phía trên xuồng là tiếng Cook vọng lại từ một chiếc xuồng gần đó. “Tiếp tục tiến lên! Tiếp tục tiến lên!”

Viên thiếu tá, một tín đồ Công giáo ngoan đạo, cũng cầu kinh lớn tiếng. Trung úy Virgil Carmichael nhận thấy thiếu tá đã tạo ra một kiểu nhịp điệu với từng dòng kinh. “Hỡi Mary, -- đầy màu nhiệm, hỡi Mary – đầy màu nhiệm,” Cook đọc thành nhịp theo mỗi nhát mái chèo. (CT: “”Chúa ở cùng con” thì quá dài”, Cook nhớ lại, “vậy là tôi lặp đi lặp lại, “Hỡi Mary (một nhát chèo), “đầy màu nhiệm” (một nhát chèo thứ hai)”). Đại úy Keep cố nhớ lại những ngày chèo thuyền ở Princeton nhưng chợt nhận ra mình đang hồi hộp đếm “7-from-go-go-go-have-I”.

Hỏa lực của địch mạnh đến nỗi khiến trung úy Mulloy nhớ tới “điều tồi tệ nhất chúng tôi từng gặp phải tại Anzio. Chúng bắn bay mọi thứ với súng máy hạng nặng và cối, phần lớn từ con đê và cây cầu đường sắt bắn tới. Tôi cảm thấy mình ngồi đơ ra như một con vịt”. Tuyên úy Kuehl cảm thấy sắp phát ốm vì kinh hoàng. Người ngồi cạnh anh bị bắn bay đầu. Hết lần này đến lần khác Kuehl lặp đi lặp lại, “Lạy Chúa, xin như ý Người”.

Từ vị trí chỉ huy tại tòa nhà PGEM, trung tá Vandeleur, cùng tướng Browning và tướng Horrock, quan sát trong sự im lặng căng thẳng. “Đó là một cảnh tượng thật khủng khiếp, khủng khiếp,” Vandeleur

nhớ lại. “Nhiều chiếc xuồng bị nhấc bổng lên khỏi mặt nước. Từng cột nước lớn vút lên khi đạn trái phá nổ và đạn bộ binh từ bờ bắc bắn tới khiến con sông trông như một chiếc chảo đang sôi sùng sục”. Một cách vô thức mọi người bắt đầu nằm bẹp xuống xuồng. Trung úy Holabird, nhìn chăm chăm vào vách xuồng mong manh bằng vải bạt, cảm thấy “hoàn toàn bị phơi trần ra và không hề có khả năng tự vệ”. Ngay cả chiếc mũ sắt của anh ta “cũng có vẻ bé như hạt đậu”.

Đạn trái phá rơi xuống đoàn xuồng nhỏ bé. Chiếc xuồng chở một nửa trung đội của trung úy James Megellas chìm nghiêng không để lại dấu vết nào. Không còn ai sống sót. Trung úy Allen McLain thấy hai chiếc xuồng nổ tung từng mảnh và những người lính bị ném xuống nước. Xung quanh chiếc xuồng chở đại úy T.Moffatt Burriss đạn bay tới “như mưa đá”, và cuối cùng người lính công binh giữ lái kêu lên, “Năm lấy bánh lái. Tôi bị đạn rồi”. Khuỷu tay anh ta bị nát bét. Trong khi Burriss nhào người tới giúp, người lính công binh lại trúng đạn lần nữa, lần này là vào đầu. Mảnh trái phá cũng găm vào sườn Burriss. Khi người lính công binh ngã lộn qua mạn, chân của anh ta mắc vào đáy xuồng, khiến cả người anh ta trở thành một chiếc bánh lái làm chiếc xuồng quay vòng. Burriss đành phải đẩy thi thể người chết xuống nước. Đến lúc đó, đã có thêm hai người lính ngồi phía trước hy sinh.

Dưới làn gió thổi mạnh màn khói ngụy trang đã bị thổi bạt đi. Lúc này các xạ thủ Đức nhằm bắn vào từng chiếc xuồng một. Thượng sĩ Clark Fuller thấy một số người, trong lúc vội vã muốn qua sông thật nhanh, và cố gắng tránh đạn địch, “đã chèo ngược nhau, khiến xuồng

của họ quay vòng tròn”. Quân Đức dễ dàng bắn hạ họ. Fuller “sợ đến nỗi cảm thấy người tê liệt”. Được nửa đường, binh nhì Leonard G.Tremble bất thần ngã lộn xuống đáy xuồng. Chiếc xuồng anh ngồi vừa bị trúng đạn. Bị thương vào mặt, vai, tay phải và chân trái, Tremble tin chắc sẽ bị chết vì mất hết máu. Bị rò nước, chiếc xuồng chao đảo dữ dội, quay tròn, rồi từ từ trôi trở lại bờ nam, tất cả mọi người trên xuồng, trừ Tremble, đều hy sinh.

Từ vị trí chỉ huy Vandeleur thấy “những khoảng trống lớn bắt đầu xuất hiện trong màn khói ngụy trang”. Các pháo thủ của ông đã bắn đạn khói trong hơn 10 phút, nhưng lúc này những người lính cận vệ đã cạn mọi loại đạn. “Quân Đức đã thay đổi vũ khí và bắt đầu dùng súng lớn, và tôi nhớ súyt nữa đã cầu mong người Mỹ đi nhanh hơn nữa. Rõ ràng là những người lính dù trẻ tuổi đó không có kinh nghiệm trong việc điều khiển xuồng đổ bộ, một thứ không phải dễ dàng làm chủ được. Họ lượn ngoằn ngoèo khắp nơi trên mặt sông”.

Rồi đợt tấn công đầu tiên cũng tới được bờ bắc. Những người lính nhảy ra khỏi xuồng, súng nhắm đạn, bắt đầu vượt qua dải đất phẳng trống trải. Thượng sĩ Clark Fuller, người vài phút trước đã tê liệt vì sợ, lúc này hạnh phúc vì vẫn còn sống sót đến mức anh ta cảm thấy “phấn khởi tột độ. Sự sợ hãi của tôi đã được thay thế bằng một cơn hưng phấn đến bất cần. Tôi cảm thấy tôi có thể nện được cả một đạo quân Đức”. Vandeleur, quan sát cuộc đổ bộ, “thấy hai hay ba chiếc xuồng tấp vào bờ, sau đó là ba hay bốn chiếc nữa. Không ai dừng lại. Mọi người nhảy ra khỏi xuồng và bắt đầu chạy về phía bờ đê. Chúa ơi, quả là một cảnh tượng hào hùng! Họ nhanh chóng vượt qua khu

vực trống trải. Tôi không thấy ai dừng lại cho tới khi bị trúng đạn. Tôi không nghĩ rằng có nhiều hơn một nửa đợt đổ bộ đã qua được sông". Sau đó, trong sự ngạc nhiên của Vandeleur, "những chiếc xuồng quay lại và bắt đầu bơi ngược trở về cho đợt tấn công thứ hai". Quay sang Horrock, tướng Browning nói, "Tôi chưa từng thấy hành động nào anh dũng hơn."

Khi chiếc xuồng của Julian Cook tới gần bờ, anh ta nhảy ra và kéo chiếc xuồng, nóng lòng muốn lên cạn. Bất thần quay về phía bên phải, anh ta trông thấy cái gì đó như một bong bóng nước lớn từ từ áp sát bờ," anh ta nhớ lại. "Tôi nghĩ đang trông thấy một thứ kỳ dị thì một chiếc mũ sắt chồi lên mặt nước và tiếp tục di chuyển. Rồi một khuôn mặt xuất hiện dưới chiếc mũ sắt. Đó là cậu xạ thủ súng máy nhỏ con, binh nhì Joseph Jedlicka. Cậu ta có những băng đạn súng máy 30 caliber vắt qua hai vai, mỗi tay lại xách thêm một thùng đạn". Jedlicka đã ngã lộn khỏi xuồng xuống nước sâu 8 bộ và cứ thế nín thở thản nhiên đi bộ dưới đáy sông cho đến khi nhô được lên khỏi mặt nước.

Các nhân viên quân y đã thực hiện công việc trên bờ khi trung úy Tom MacLeod chuẩn bị quay lại vượt sông Waal lần nữa cùng một lượt xuồng chở quân nữa, anh trông thấy những khẩu súng trường cắm ngập xuống đất cạnh những người ngã xuống.

Hơn 4 giờ chiều, tướng Heinz Harmel nhận được điện khẩn tại sở chỉ huy ở Doornenburg. Bức điện báo "một màn khói trắng đã được tạo ra trên sông đối diện với Fort Hof Van Holland". Harmel, cùng

vài sĩ quan tham mưu, vội phóng xe tới làng Lent trên bờ bắc sông Waal, cách cây cầu xa lộ tại Nijmegen 1 dặm. Màn khói chỉ có thể có nghĩa là quân Anh-Mỹ định vượt sông bằng xuồng. Tuy vậy, Harmel vẫn không thể tin vào lý giải của mình. Độ rộng của con sông, lực lượng chiếm giữ bờ bắc, báo cáo lạc quan của Euling lúc sáng, và ước lượng của bản thân ông ta về lực lượng Anh và Mỹ tại Nijmegen – tất cả đều lên tiếng chống lại một cuộc tấn công như vậy. Nhưng Harmel quyết định tự nhìn tận mắt. Ông ta nhớ “tôi không có ý định để mình bị Berlin bắt giữ và xử bắn vì để cầu rơi vào tay địch – cho dù Model có cảm thấy thế nào đi nữa”.

Thiếu tá Julian Cook biết tổn thất của mình rất nặng, nhưng anh không có thời gian để quan tâm tới điều này. Các đại đội của anh đã đổ bộ rải rác khắp nơi dọc dải bãi bồi. Các đơn vị lẫn lộn vào nhau và, vào lúc này, không có tổ chức. Quân Đức cày nát bãi bồi bằng súng máy, thế nhưng những người lính gan dạ vẫn không chịu để bị chặn lại. Từng người, từng nhóm hướng tới phía bờ đê. “Lúc này hoặc dừng lại để bị hạ hay xông lên,” Cook nhớ lại. Cố gắng tiến về phía trước, những người lính dù, với súng máy, lựu đạn và lưỡi lê, xung phong lên bờ đê và đánh bật quân Đức ra. Thượng sĩ Theodore Finkbeiner tin rằng anh là một trong những người đầu tiên tới được con đường trên mặt đê. “Tôi thò đầu lên, và nhìn thẳng vào nòng một khẩu súng máy,” anh nhớ lại. Anh ta vội thụt xuống, nhưng “loạt đạn đã bắn bay chiếc mũ của tôi”. Finkbeiner ném một quả lựu đạn về phía quân Đức, nghe thấy tiếng nổ và tiếng người kêu thét lên. Sau đó anh nhanh nhẹn vọt lên mặt đường hướng tới ụ súng máy tiếp theo.

Đại úy Moffatt Burriss không có thời gian để nghĩ tới vết thương bên sườn do mảnh đạn. Khi cập bờ anh ta “quá hạnh phúc vì vẫn còn sống đến mức nôn thốc nôn tháo”. Viên đại úy chạy một mạch tới con đê, hô người của mình bố trí để “một khẩu súng máy bên cánh trái, một khẩu khác bên cánh phải”. Họ làm như vậy. Burriss trông thấy mấy ngôi nhà dựa vào đê. Đá bung cửa một ngôi nhà, anh đã làm bất ngờ “vài tên Đức đang ngủ, có vẻ không biết chuyện gì đang xảy ra”. Rút nhanh ra một quả lựu đạn, Burriss tháo chốt an toàn, ném vào trong phòng rồi đóng sập cửa lại.

Trong làn khói, tiếng ồn và sự hỗn loạn, một số người tham gia đợt vượt sông đầu tiên không nhớ nổi họ đã rời khỏi bãi sông như thế nào. Hạ sĩ Jack Bommer, một người lính thông tin è người xuống dưới sức nặng của trang bị, chỉ đơn giản là chạy thẳng về phía trước. Anh “chỉ có một ý nghĩ trong đầu: cố sống sót nếu có thể được”. Anh biết mình phải tới con đê và đợi chỉ thị tiếp theo. Khi tới bờ đê anh nhìn thấy “xác chết nằm khắp nơi, và quân Đức – một số chỉ mười lăm tuổi là cùng, số khác đã quá sáu mươi – những người mới chỉ vài phút trước đã tàn sát chúng tôi trên xuồng lúc này đang xin khoan hồng, cố đầu hàng”. Những người lính dù đã quá sốc bởi thử thách vừa trải qua, quá giận dữ trước cái chết của đồng đội để bắt nhiều tù binh. Bommer nhớ lại một số lính Đức “bị gí súng sát vào người bắn chết tại chỗ”.

Kiệt sức và mệt phờ vì cuộc vượt sông, những đồng đội hy sinh và bị thương nằm trên bãi sông, những người tham gia đợt vượt sông thứ

nhất đã khuất phục được quân Đức phòng ngự trên con đê trong chưa tới ba mươi phút. Không phải tất cả vị trí địch đã bị tiêu diệt, nhưng lúc này những người lính dù ẩn nấp trong các ụ súng máy của quân Đức trước đây để bảo vệ cho các đợt vượt sông sau. Thêm hai chiếc xuồng nữa bị mất trong đợt hai. Và, vẫn dưới làn đạn dày đặc, những người lính công binh đã kiệt sức trên 11 chiếc xuồng còn lại còn thực hiện 5 đợt vượt sông nữa để đưa toàn bộ lực lượng Mỹ qua dòng sông Waal lúc này đã nhuộm đỏ máu. Tốc độ là tất cả lúc này. Người của Cook cần chiếm đầu cầu phía bắc trước khi quân Đức hoàn toàn ý thức được điều gì đang diễn ra – và trước khi chúng phá nổ các cây cầu.

Lúc này tuyến phòng thủ trên con đê đã bị chiếm, và quân Đức bị đẩy lùi về những vị trí tuyến hai. Lính dù của Cook không hề khoan hồng với kẻ thù. Đại úy Henry Keep bình luận rằng “những người còn lại của tiểu đoàn có vẻ đã phát sốt, trở nên phát điên vì giận dữ, họ hầu như tạm thời quên mất khái niệm sợ hãi. Tôi chưa bao giờ chứng kiến sự biến đổi nhân cách nào diễn ra dữ dội như trong ngày hôm đó. Đó là một cảnh gây nhiều cảm xúc nhưng chẳng đẹp đẽ gì”.

Từng người hay theo nhóm nhỏ, những người đã phải ngồi chờ đợi vô phương tự vệ trên những chiếc xuồng trong khi bè bạn chết gục xung quanh lúc này xông vào tấn công quân địch đông gấp 4 đến 5 lần bằng lựu đạn, tiểu liên và lựu lê. Với sự hiệu quả đến tàn bạo, họ đánh bật quân Đức khỏi vị trí, và không ngừng lại nghỉ lấy hơi hay chỉnh đốn đội hình, tiếp tục cuộc tấn công dữ dội. Họ xung phong qua các cánh đồng, khu vườn, những ngôi nhà nằm sau con đê dưới

làn đạn súng máy và súng phòng không chĩa vào mình từ Fort Hof Van Holland ở ngay phía trước. Khi một số nhóm hướng về phía đông theo con đường trên đỉnh đê về phía các cây cầu, một số khác tấn công pháo đài, hầu như phơi mình ra dưới họng súng Đức. Một số người lính, mang đầy lựu đạn, bơi qua con mương bao quanh pháo đài và bắt đầu trèo lên tường.

Thượng sĩ Leroy Richmond, lặn dưới nước, bắt nòng tấn công tên lính địch gác cổng, rồi vẫy tay giục người của mình vượt qua. Theo thiếu úy Virgil F. Carmichael, có những người “bằng cách nào đó trèo lên nóc pháo đài, sau đó những người ở dưới ném lựu đạn lên cho họ, và những quả lựu đạn lại được thả chính xác vào các lỗ châu mai, lần lượt từng lỗ một”. Quân Đức đồn trú nhanh chóng đầu hàng.

Trong lúc đó, các đơn vị thuộc hai đại đội – đại đội I của đại úy Burriss và đại đội H của đại úy Kappel – đang vận động tới các cây cầu. Tại cầu đường sắt, đại đội H phát hiện ra sự phòng thủ của quân Đức dữ dội tới mức có vẻ cuộc tấn công của quân Mỹ sẽ chững lại (CT: Theo Charles B. MacDonald, trong The Siegfried Line Campaign, tr.181, quân Đức trên cầu có hỏa lực rất mạnh, gồm 34 súng máy, 2 súng cao xạ 20 mm và 1 pháo 88 mm lưỡng dụng). Sau đó, áp lực không ngừng từ quân Anh và quân Mỹ ở đầu cầu phía nam và ở chính Nijmegen khiến quân địch bất thần suy sụp. Trước sự ngạc nhiên của Kappel, quân Đức bắt đầu rút chạy “rồng rắn” qua cầu lao thẳng vào họng súng của quân Mỹ. Từ chiếc tăng của mình ở gần nhà máy PGEM, trung úy John Gorman “có thể thấy dường như hàng trăm tên Đức, hoảng hốt và rối loạn, chạy qua cầu thẳng về phía quân

Mỹ". Ở đầu cầu phía bắc trung úy Richard La Riviere và trung úy E.J.Sims cũng thấy đám này chạy tới. Không tin nổi vào mắt mình, họ quan sát trong khi quân Đức vút bỏ súng và vội vã chạy về phía đầu cầu phía bắc. "Chúng chạy qua thành một đám đông," La Riviere nhớ lại, "và chúng tôi để chúng đi chừng hai phần ba quãng đường". Sau đó quân Mỹ nổ súng. Một làn mưa đạn chụp xuống những kẻ phòng thủ cầu. Quân Đức đổ gục xuống khắp nơi – một số rơi xuống rầm phía dưới cầu, số khác rơi xuống sông. Hơn 260 năm chết gục, rất nhiều bị thương, và hàng chục bị bắt làm tù binh trước khi súng ngừng nổ. Trong vòng 2 giờ đầu tiên của cuộc tấn công vượt sông Waal, cây cầu đầu tiên đã bị chiếm. Thiếu tá Edward G.Tyler thuộc lực lượng cận vệ Ireland trông thấy "ai đó đang vẫy tay. Tôi đã quá tập trung vào nhìn cây cầu nên đối với tôi, có vẻ đó là người duy nhất tồn tại. Tôi vớ lấy bộ đàm gọi tiểu đoàn, "Họ đã ở trên cầu rồi! Họ đã ở trên cầu rồi!" Lúc đó là 5 giờ chiều. Đại úy Tony Heywood thuộc đơn vị cận vệ thủ pháo nghe thông báo của thiếu tá Tyler và thấy nó "hoàn toàn khó hiểu". Thông báo này muốn nói tới cây cầu nào kia? Lực lượng thủ pháo dưới quyền trung tá Goulburn vẫn đang chiến đấu cùng quân của Vandervoort gần Valkhof, nơi lực lượng SS của Euling tiếp tục không cho họ tiếp cận cây cầu đường bộ. Nếu thông báo muốn nói cây cầu đường bộ đã bị chiếm, Heywood nhớ lại, "tôi không tưởng tượng nổi họ qua được bằng cách nào".

Cây cầu đường sắt còn nguyên vẹn và thực sự nằm trong sự kiểm soát của lực lượng Anh – Mỹ, nhưng quân Đức – hoặc kiên quyết chống cự đến cùng hoặc quá sợ không dám thò ra khỏi vị trí – vẫn còn trên cầu. Quân Mỹ đã khẩn trương tìm các khối bộc phá ở đầu

cầu phía bắc. Cho dù họ không tìm thấy gì, nhưng vẫn có khả năng cây cầu bị cài bom và có thể bị phá hủy bất cứ lúc nào. Đại úy Kappel gọi radio cho thiếu tá Cook, giục anh này đưa xe tăng Anh qua cầu càng nhanh càng tốt. Với lực lượng này trợ lực, Kappel và Burriss tin rằng họ có thể chiếm được mục tiêu chính, cây cầu xa lộ tại Nijmegen, chỉ nằm cách đó chưa đầy một dặm. Sau đó, Kappel nhớ, đại tá Tucker tới. Yêu cầu này, Tucker nói, “đã được truyền đạt lại, nhưng quân Đức có thể phá tung cả hai cây cầu bất cứ lúc nào”. Không chút do dự, người của Cook lao nhanh về phía cây cầu đường bộ.

Tướng Harmel không hiểu chuyện gì đang diễn ra. Đưa ống nhòm lên mắt, ông ta ngồi trên nóc của một bunker gần làng Lent. Từ vị trí này bên bờ bắc sông Waal chỉ cách cây cầu đường bộ chính tại Nijmegen 1 dặm, ông ta có thể thấy khói lửa bốc lên phía phải mình và nghe thấy âm thanh của trận đánh. Nhưng không ai có vẻ biết rõ việc gì đang xảy ra, trừ việc đối phương cố gắng vượt sông gần cây cầu đường sắt. Ông ta có thể thấy khá rõ cây cầu đường bộ; không có gì trên đó. Thế rồi, Harmel nhớ lại, “thương binh bắt đầu đổ về, và tôi bắt đầu nhận được báo cáo chiến sự”. Quân Mỹ, viên tướng được biết, đã vượt sông, “nhưng tất cả đã bị phóng đại lên. Tôi không dám nói chắc họ đã qua sông trên 10 hay 100 chiếc xuồng”. Đầu óc ông ta “làm việc căng thẳng để cố quyết định cần làm gì tiếp theo”, Harmel kiểm tra công binh của mình. “Tôi được báo cáo cả hai cây cầu đã sẵn sàng cho việc phá hủy”, ông nhớ lại. “Viên chỉ huy đồn trú đã ra lệnh phá cây cầu đường sắt. Thiết bị kích nổ cây cầu đường bộ được giấu trong một khu vườn gần bunker ở Lent, và một người được bố trí ở đó sẵn sàng dập cần”. Sau đó Harmel nhận được báo cáo rõ ràng đầu

tiên: chỉ có vài chiếc xuồng qua được sông, và trận đánh vẫn đang tiếp diễn. Nhìn qua ống nhòm lần nữa, ông ta thấy cây cầu đường bộ vẫn hiện lên rõ ràng và vắng lặng. Cho dù linh tính của ông ta mách bảo “nên phá hủy những cây cầu khó chịu đang đè nặng lên vai tôi, tôi không có ý định làm gì cho tới khi hoàn toàn chắc chắn tất cả đã mất”. Nếu ông ta buộc phải cho nổ tung cây cầu đường bộ, Harmel quyết định, ông sẽ đảm bảo để “lúc đó cây cầu chật ních xe tăng Anh để chúng cùng bắn lên không trung”.

Tại Hunter Park và Valkhof gần đầu cầu phía nam của cây cầu đường bộ, lực lượng thủ pháo SS của đại úy Karl Euling đang chiến đấu một mất một còn. Cuộc tấn công của lực lượng Anh – Mỹ thuộc đơn vị Thủ pháo cận vệ của trung tá Edward Goulburn và tiểu đoàn 2 trung đoàn 505 sư đoàn 82 của trung tá Ben Vandervoort đã diễn ra một cách bài bản và liên tục. Súng cối và pháo của Vandervoort nã liên hồi vào dải phòng ngự Đức trong khi người của ông ta luân từ ngôi nhà này sang ngôi nhà khác. Khép chặt kẽ hở giữa họ và dải phòng ngự không ngừng co lại của Euling, xe tăng của Goulburn tiến dọc theo các con phố, đẩy lùi quân Đức phía trước, những khẩu pháo 17 pounder và súng máy liên tục nhả đạn.

Quân Đức đánh trả ngoan cường. “Đây là màn hỏa lực dữ dội nhất tôi từng gặp phải”, thượng sĩ Spencer Wurst, lúc đó là một người lính cự 19 tuổi đã từng chiến đấu cùng sư đoàn 82 từ khi ở Bắc Phi. “Tôi có cảm tưởng có thể khua tay lên quơ lấy những viên đạn bay tới”. Từ vị trí tiền tiêu của anh ở trên nóc một ngôi nhà cách Valkhof chừng 25 yard, Wurst có thể nhìn xuống các vị trí quân Đức. “Hố cá

nhân được đào khắp nơi trong công viên,” anh ta nhớ lại, “và tất cả hoạt động có vẻ tập trung từ đây và từ một tòa tháp thời trung cổ. Tôi quan sát thấy người của chúng tôi bật dậy từ phía bên phải và bên trái, xung phong thẳng tới bùng binh. Chúng tôi nóng lòng muốn chiếm cây cầu đến mức tôi thấy nhiều người bỏ tới tận các hố cá nhân và thộp cổ quân Đức lôi ra theo đúng nghĩa đen”. Khẩu súng trường của Wurst đã nóng đến mức dầu bôi trơn bắt đầu chảy ra từ băng súng bằng gỗ.

Trong lúc cuộc đấu súng khủng khiếp tiếp diễn, Wurst sững sờ trông thấy trung tá Vandervoort “đi băng qua phố, vừa đi vừa hút thuốc lá. Ông ta dừng lại ngay trước cửa ngôi nhà tôi đang ẩn nấp, nhìn lên và nói, “Thượng sĩ, tôi nghĩ anh nên đi xem có thể giúp chiếc tăng kia di chuyển không”.” Vandervoort chỉ về phía cổng công viên nơi một chiếc xe tăng Anh đang đứng yên, tháp pháo đóng kín. Trèo xuống, Wurst chạy tới chỗ chiếc xe tăng và dùng chiếc mũ sắt gõ vào thành xe. Nắp tháp pháo mở. “Trung tá muốn các cậu di chuyển,” Wurst nói. “Đi nào. Tôi sẽ chỉ cho các cậu cần bắn vào đâu”. Đi bên cạnh chiếc xe tăng ngay trong tầm nhìn của quân Đức, Wurst chỉ ra các mục tiêu. Khi hỏa lực dữ dội từ người của Vandervoort và xe tăng của Goulburn tăng lên, vành đai phòng ngự của quân địch bắt đầu sụp đổ. Vành đai súng chống tăng đáng gờm đã chặn đứng các đợt tấn công trước đã bị khuất phục. Cuối cùng chỉ còn lại 4 khẩu pháo tự hành chôn chìm ở trung tâm bùng binh là còn bắn. Sau đó, lúc hơn 4 giờ chiều, trong một cuộc tấn công hiệp đồng bộ binh – xe tăng, những khẩu súng này cũng bị tiêu diệt. Trong khi lính của Vandervoort xung phong bằng lưỡi lê và lựu đạn, Goulburn dàn xe

tăng của mình thành hàng ngang 4 chiếc và tấn công vào công viên. Trong cơn hoảng loạn quân Đức tan rã. Trong khi quân Đức rút lui, một số tìm cách ẩn nấp trong các rầm cầu; một số khác, xa hơn, chạy qua làn đạn Anh – Mỹ về phía pháo đài cổ. Khi quân Đức chạy qua, hàng chục người lính Đồng Minh ném lựu đạn vào giữa đám quân địch. Cuộc tấn công đã kết thúc. “Chúng đã khiến chúng tôi phải vất vả khá lâu,” Wurst nói. “Chúng tôi thấy chúng đột phá vòng vây, chạy qua ngay trước mặt chúng tôi, về hướng con đường dẫn tới cầu, một số chạy về phía đông. Chúng tôi cảm thấy thật nhẹ nhõm”.

Tướng Allan Adair, tư lệnh sư đoàn thiết giáp cận vệ, chỉ huy cuộc tấn công từ một ngôi nhà gần đó, nhớ rằng ông “nghiến chặt hai hàm răng, lo lắng chờ đợi tiếng nổ sẽ cho tôi hay quân Đức đã phá cầu”. Ông không nghe thấy gì cả. Đường tiếp cận cây cầu lớn qua sông Waal đã mở, bản thân cây cầu vẫn nguyên vẹn.

Phân đội xe tăng bốn chiếc của thượng sĩ Peter Robinson đã đợi đúng thời điểm này. Giờ họ bắt đầu tiến lên cầu (CT: Người ta kể lại rằng một lá cờ Mỹ được treo lên ở đầu bắc cây cầu đường sắt và, trong làn khói và sự hỗn loạn, lính xe tăng Anh đã nghĩ lá cờ đang tung bay ở đầu đối diện cây cầu đường bộ - dấu hiệu cho biết quân Mỹ đã chiếm được đầu cầu đó. Câu chuyện này có thể đúng, nhưng trong hàng chục cuộc phỏng vấn tôi đã không tìm được một người trong cuộc nào khẳng định nó. Tôi đã đi bộ khắp khu vực và có vẻ khó mà tin được ai đó nhìn qua cây cầu đường bộ có thể nhầm lẫn vị trí của một lá cờ ở cách đó đến một dặm là nằm ở đầu kia của cây cầu). Người cựu binh 29 tuổi từ thời Dunkirk vài giờ trước đã nhận được thông

báo từ chỉ huy của mình, thiếu tá John Trotter, “sẵn sàng để chiếm cầu”. Quân Đức vẫn còn trên cầu, và Trotter lúc này cảnh báo Robinson, “Chúng tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra khi anh qua cầu, nhưng cần phải chiếm cây cầu. Đừng dừng lại vì bất kỳ lý do nào”. Bắt tay viên thượng sĩ, Trotter đùa thêm, “Đừng sợ. Tôi biết vợ anh sống ở đâu và nếu có chuyện gì xảy ra, tôi sẽ báo cho cô ấy”. Robinson không cảm thấy buồn cười. “Ngài có phần khởi quá không đấy?” Anh ta hỏi lại Trotter. Trèo lên xe tăng, Robinson hướng tới cây cầu.

Toán xe tăng 4 chiếc tiến vào công viên Huner theo mé phải bùng binh. Robinson quan sát thấy “cả thành phố đang bốc cháy. Những tòa nhà ở hai bên tôi đều chìm trong lửa”. Lò mìn trong làn khói, cây cầu lớn qua sông trông có vẻ “to lớn tợn”. Trong khi xe của Robinson rồ máy tiến lên, anh liên tục báo cáo lại bằng radio với sở chỉ huy sư đoàn. “Những người khác đã được yêu cầu không được chen vào kênh liên lạc”, anh nhớ lại. Tới gần đầu cầu, Robinson nhớ, “Chúng tôi gặp phải hỏa lực dữ dội. Có một tiếng nổ lớn. Một bánh đỡ xích thụ động bị bắn trúng”. Chiếc xe tăng vẫn chạy, cho dù “điện đài đã hỏng và tôi mất liên lạc với sở chỉ huy”. Hết lớn ra lệnh cho lái xe của mình cơ động, Robinson lùi chiếc xe của mình vào bên đường. Viên thượng sĩ nhanh nhẹn nhảy ra ngoài, chạy xuống chiếc xe tăng đi sau và gọi trưởng xe, thượng sĩ Billingham, ra ngoài. Billingham cự nự. Robinson quát lên rằng anh “nhận được lệnh trực tiếp. Hãy ra khỏi chiếc xe chết tiệt đó ngay lập tức và theo sau bằng xe của tôi”. Chiếc tăng thứ ba trong đội hình, do thượng sĩ Charles W.Pacey chỉ huy, đã tiến lên dẫn đầu đội hình hướng về phía cầu. Nhảy lên xe của

Billingham, Robinson ra lệnh cho những chiếc xe còn lại theo sau. Khi bốn chiếc tăng tiến lên, Robinson nhớ lại, họ rơi vào tầm bắn của một khẩu "88 hạng nặng đặt bên kia sông, gần mấy ngôi nhà đang cháy và từ một khẩu đội có vẻ là pháo tự hành ở khá xa".

Trung tá Vandervoort, quan sát những chiếc xe tăng, cũng thấy khẩu 88 bắt đầu nhả đạn. "Đó là một cảnh tượng ngoạn mục", ông ta nhớ lại. "Khẩu 88 được đặt sau những bao cát ở bên xa lộ cách đầu cầu phía bắc chừng 100 yard. Một chiếc tăng và khẩu 88 đấu pháo chừng 4 loạt từ mỗi phía, chiếc tăng không ngừng chỉnh hướng khẩu 30-caliber. Trong lúc chiều tà đó quả là một màn trình diễn". Sau đó, pháo thủ của Robinson, người lính cận vệ Leslie Johnson, hạ khẩu 88 bằng phát đạn tiếp theo. Lính Đức trang bị lựu đạn, súng trường và súng máy được buộc vào các thanh xà của cầu, Robinson nhớ lại. Những khẩu súng máy trên xe tăng bắt đầu "bắn đám này lộn xuống treo lủng lẳng như quả lắc". Và Johnson, đáp trả lại hỏa lực trọng pháo của địch, "lao đạn vào nòng ngay khi người tiếp đạn kịp chuyển tới cho anh ta". Trong cơn bão lửa toán của Robinson tiến lên, lúc này đã gần tới vạch dấu giữa cầu.

Trong ánh sáng sắp tắt, từng cuộn khói trùm lên cây cầu đường bộ trên sông Waal ở phía xa. Tại vị trí tiền tiêu gần Lent, tướng Heinz Harmel nhìn chăm chú qua ống nhòm. Súng nổ khắp nơi xung quanh ông ta, và binh lính đang rút lui qua làng để chiếm lĩnh các vị trí mới. Điều Harmel lo ngại nhất đã biến thành sự thật. Quân Mỹ, trái với mọi trông đợi, đã thành công trong việc thực hiện cuộc vượt sông Waal liêu lĩnh. Tại Nijmegen sự lạc quan của đại úy Karl Euling rõ

ràng là không có căn cứ. Báo cáo cuối cùng nhận được từ ông ta thật tuyệt vọng: Eulinh báo cáo ông ta đang bị bao vây, chỉ còn có 60 người. Giờ thì Harmel hiểu cây cầu đã mất. Ông ta không rõ cây cầu đường sắt đã bị phá chưa, nhưng nếu ông muốn phá cây cầu đường bộ, cần phải thực hiện ngay lập tức.

“Tất cả đồng thời hiện lên trong đầu tôi”, ông nhớ lại. “Cần làm gì bây giờ? Hành động khẩn cấp nhất, quan trọng nhất phải thực hiện là gì? Tất cả đều dẫn tới những chiếc cầu”. Ông ta không liên lạc với Bittrich “trước để báo rằng có thể tôi buộc phải phá cầu. Tôi thậm chí hiểu chính Bittrich đã ra lệnh tất cả các cầu phải được chuẩn bị để sẵn sàng phá hủy.” Như vậy? Harmel suy luận, bất chấp lệnh của Model, “nếu Bittrich ở địa vị của tôi, ông ấy hẳn sẽ phá hủy cây cầu chính. Theo ý tôi, mệnh lệnh của Model lúc này đã tự động mất hiệu lực”. Ông chờ đợi xe tăng đối phương xuất hiện trên cây cầu đường bộ bất cứ lúc nào.

Đứng bên người lính công binh cạnh hộp điểm hỏa, Harmel quan sát cây cầu. Lúc đầu ông ta không phát hiện thấy chuyển động nào. Thế rồi đột nhiên ông ta nhìn thấy “một chiếc xe tăng đi tới giữa cầu, theo sau là một chiếc thứ hai, hơi chếch sang bên phải nó”. Quay sang người công binh, ông ta ra lệnh, “Sẵn sàng”. Thêm hai chiếc xe tăng nữa xuất hiện trong tầm nhìn, và Harmel đợi cả toán ra tới đúng giữa cầu trước khi ra lệnh. Ông hô lớn, “Cho nổ cầu!” Người lính công binh đạp cần điểm hỏa. Không có gì xảy ra. Các xe tăng Anh tiếp tục tiến lên. Harmel hét lớn, “Lại lần nữa!” Người lính công binh lại đạp cần điểm hỏa lần nữa, nhưng một lần nữa vụ nổ lớn Harmel trông

đội đã không xảy ra. “Tôi đã trông đợi được thấy chiếc cầu đổ sụp và những chiếc xe tăng lộn xuống sông,” ông ta nhớ lại. “Thay vào đó, chúng tiến lên không ngừng, mỗi lúc một gần, mỗi lúc một lớn hơn trong tầm nhìn”. Ông ta kêu lên với ban tham mưu đang lo lắng, “Chúa ơi, chúng sẽ tới đây sau hai phút nữa!”

Vội vàng ra lệnh cho sĩ quan của mình, Harmel bảo họ “khóa chặt con đường giữa Elst và Lent bằng tất cả súng chống tăng và pháo có được bởi nếu chúng ta không làm thế, chúng sẽ lao thẳng tới Arnhem.” Sau đó, ông ta càng thêm lo ngại khi được báo cáo cây cầu đường sắt cũng vẫn còn nguyên vẹn. Đi vội tới một vị trí radio ở một trạm chỉ huy gần đó, viên tướng liên lạc với sở chỉ huy tiền phương của mình và trao đổi với các sĩ quan tác chiến thuộc quyền. “Stolley,” Harmek nói, “hãy báo với Bittrich, chúng đã vượt sông Waal rồi”. (CT: Đây là tiết lộ đầu tiên về cố gắng phá hủy cầu đường bộ tại Nijmegen của quân Đức. Vì sao các khối bộc phá không kích nổ được cho tới nay vẫn là một bí ẩn. Nhiều người Hà Lan tin rằng cây cầu chính đã được cứu nhờ một công nhân trẻ tham gia lực lượng kháng chiến ngầm, Jan van Hoof, người đã được cử vào nội thành Nijmegen hôm 19 bởi sĩ quan liên lạc Hà Lan của sư đoàn 82, đại úy Arie Bestebreurtje, để dẫn đường cho lực lượng dù. Người ta cho rằng Van Hoof đã xâm nhập thành công qua phòng tuyến Đức và tới được cầu, tại đây anh ta cắt đứt các dây cáp nối với bộc phá. Có thể anh đã làm như vậy thật. Năm 1949, một ủy ban Hà Lan điều tra câu chuyện này đã kết luận là Van Hoof đã cắt đứt một số đường dây, nhưng không thể khẳng định chỉ mình việc này giúp giữ nguyên cây cầu. Bộc phá và dây dẫn được đặt ở phía bờ gần Lent của sông Waal, và những người điều tra giữ

vững ý kiến rằng Van Hoof không thể tới được tận đó mà không bị phát hiện. Những cuộc tranh luận vẫn còn sôi nổi. Cho dù các bằng chứng chống lại người thanh niên, cá nhân tôi vẫn muốn tin rằng chàng trai Hà Lan, người đã bị quân Đức xử bắn vì vai trò của mình trong lực lượng kháng chiến trong khi trận đánh diễn ra, thực sự là người đã thực hiện điều này).

Bốn chiếc xe tăng do thượng sĩ Peter Robinson chỉ huy tiến qua cầu. Một khẩu 88 thứ hai đã ngừng bắn, và Robinson “tự nhủ chúng tôi cũng đã loại được nó khỏi vòng chiến”. Lù lù dựng lên phía trước là một chướng ngại vật bằng những tảng bê tông nặng, ở giữa chỉ có một quãng hở rộng chừng mười bộ. Robinson thấy chiếc tăng của thượng sĩ Pacey đi xuyên qua quãng hở và dừng lại ở phía bên kia chướng ngại vật. Sau đó, Robinson cũng vượt qua, và trong khi Pacey dừng lại yểm trợ ba chiếc tăng còn lại, và một lần nữa lại dẫn đầu đội hình. Robinson nhớ lại “tầm nhìn thật tệ hại. Tôi hét lên như hóa rồ, cố gắng cùng lúc hướng dẫn pháo thủ, lái xe, đồng thời báo cáo về sở chỉ huy. Tiếng ồn thật không thể tưởng tượng nổi, với đủ thứ đạn va vào các thanh xà thép của cầu”. Phía trước chừng ba hay bốn trăm yard về phía phải, ở bên vệ đường, Robinson lại phát hiện ra một khẩu 88 nữa. Anh ta hét lên với pháo thủ của mình: “Quay phải 400 yard và bắn”. Người lính cận vệ Johnson bắn khẩu pháo nổ tung từng mảnh. Khi bộ binh địch xung quanh ụ pháo bắt đầu bỏ chạy, Johnson khai hỏa súng máy của mình. “Đó là một cuộc tàn sát,” anh này nhớ lại. “Tôi chẳng buồn dùng kính ngắm nữa. Chúng đông đến nỗi tôi chỉ việc siết cò”. Anh ta có thể cảm thấy chiếc tăng “đang nghiền lên những xác người nằm trên đường”.

Từ tháp pháo Robinson thấy cả ba chiếc tăng của anh vẫn tiến lên không hề hấn gì. Anh gọi radio cho các xe còn lại lệnh cho họ “tiến gần lên và cùng đột kích!” Họ đã tới gần đầu cầu phía bắc. Vài giây sau một khẩu pháo tự hành khai hỏa. “Có hai tiếng nổ lớn phía trước chúng tôi,” Robinson nhớ lại. “Mũ của tôi bay mất, nhưng tôi không bị thương”. Johnson đáp trả 3 hay 4 phát. Khẩu pháo tự hành và một ngôi nhà gần kề “bùng cháy và cả vùng được thắp sáng như ban ngày”. Trước khi viên thượng sĩ nhận ra, toán xe tăng của Robinson đã vượt qua cầu.

Anh ra lệnh cho các pháo thủ ngừng bắn, và khi khói bụi đã tan, anh nhìn thấy vài bóng người trong đường hào. Thoạt đầu anh ta nghĩ đó là quân Đức. Thế rồi “từ hình dạng mũ sắt của họ tôi biết đó là đám Mỹ. Bất thành lính quân Mỹ xuất hiện đầy xung quanh chiếc xe tăng, ôm hôn tôi, thậm chí hôn cả chiếc tăng nữa.” Đại úy T.Moffatt Burriss, quân phục vẫn còn nhem nhuốc ướt sũng máu từ vết thương do mảnh đạn gém dính phải khi vượt sông Waal, nhe răng cười với Johnson. “Anh bạn là thứ đẹp nhất tớ từng thấy từ bao nhiêu năm nay đấy,” anh ta nói. Cây cầu lớn nhiều nhịp tại Nijmegen, cũng với các đường dẫn dài đến gần nửa dặm, đã được chiếm nguyên vẹn. Trong số những cây cầu của Market Garden, tất cả - trừ một cây cầu cuối cùng – đã nằm trong tay Đồng Minh. Lúc đó là 7 giờ 15 tối ngày 20/9. Arnhem chỉ còn cách đó 11 dặm.

Trung úy Tony Jones thuộc Công binh Hoàng gia – một người sau này tướng Horrock mô tả như là “người dũng cảm nhất trong những

người dũng cảm” – đã theo người của Robinson qua cầu. Cần thận tìm kiếm bộc phá, Jones chú tâm vào công việc đến mức không nhận ra quân Đức, vẫn còn nấp trên các nhịp cầu, đang nhắm bắn vào mình. Trên thực tế, anh nhớ lại, “Tôi không nhớ có nhìn thấy tên nào”. Gần chướng ngại vật ở giữa cầu, anh tìm thấy “sáu hay tám đường dây chạy dọc theo các rầm sắt và nằm trên đường bộ hành”. Jones lần lượt cắt đứt tất cả các đường dây. Gần đó anh tìm thấy một tá mìn Teller được sắp cẩn thận thành hàng trong một rãnh nhỏ. Viên trung úy đoán “chúng có lẽ dự kiến được dùng để bịt khoảng trống rộng mười bộ ở chướng ngại vật, nhưng quân Đức đã không có thời gian làm việc này”. Jones tháo các kíp nổ và vút xuống sông. Ở đầu cầu phía bắc anh tìm thấy các khối bộc phá chính ở một trong các trụ cầu. Anh “choáng váng trước sự chuẩn bị cho việc phá cầu của quân Đức”. Các hộp thiếc đựng thuốc nổ được sơn màu xanh lá để lẫn với màu của cây cầu, “đã được sản xuất một cách chính xác để vừa khít với các thanh rầm nơi chúng được gắn vào. Mỗi hộp có một số thứ tự, tất cả chứa khoảng 500 cân Anh TNT”. Những khối thuốc nổ này dự kiến được điểm hỏa bằng điện và kíp nổ vẫn còn nguyên chỗ, được nối với những sợi dây mà Jones đã cắt trên cầu. Anh không hiểu vì sao quân Đức lại không phá hủy cầu trừ khả năng cuộc đột kích quá nhanh của quân Anh – Mỹ đã khiến cho họ không có thời gian. Sau khi các kíp nổ được tháo, tất cả dây dẫn bị cắt đứt, cây cầu giờ đây đã an toàn cho xe tăng và các quân xa khác.

Nhưng lực lượng thiết giáp Anh mà những người lính Mỹ trông đợi sẽ lập tức lên đường tới Arnhem vẫn chưa thấy đâu.

Cuộc hội quân với sư đoàn đổ bộ Anh số 1 tại đầu xa nhất của hành lang đè nặng lên tâm trí của những người lính Mỹ. Cũng là lính dù, họ cảm thấy một mối liên hệ như họ hàng với những người vẫn còn phải chiến đấu phía trước. Tiểu đoàn của Cook đã tổn thất nặng nề khi vượt sông Waal. Anh đã mất quá nửa hai đại đội của mình – 134 người hy sinh, bị thương hay mất tích – nhưng nhiệm vụ đánh chiếm các cây cầu tại Nijmegen từ cả hai đầu đã hoàn thành. Lúc này, các sĩ quan của Cook khẩn trương triển khai đơn vị của họ thành một vành đai phòng ngự ở đầu phía bắc cây cầu đường bộ và chờ đợi, hy vọng thấy xe tăng vượt qua trước mặt họ để giải cứu lực lượng dù Anh ở phía trước. Nhưng trên cầu không có gì thêm xảy ra nữa. Cook không hiểu nổi chuyện gì đang diễn ra. Anh đã trông đợi những chiếc xe tăng “lao như ma đuổi” tới Arnhem trước khi trời tối.

Đại úy Carl Kappel, chỉ huy đại đội H, có người bạn là trung tá John Frost “đang ở đâu đó phía trước”, đang như muốn nổ tung. Người của anh cũng đã tìm ra và cắt đứt các đường dây điện ở đầu bắc. Anh tin chắc cây cầu đã an toàn. Trong khi viên đại úy và trung úy La Riviere tiếp tục quan sát cây cầu vắng tanh, Kappel sốt ruột nói, “Có lẽ chúng ta phải lập một đội tuần tra và dắt họ tận tay qua cầu”.

Trung úy Ernest Murphy thuộc tiểu đoàn của Cook chạy tới gặp thượng sĩ Robinson, vừa cùng nhóm của mình vượt qua cầu, và báo lại cho anh này rằng “chúng tôi đã làm chủ khu vực phía trước chừng một phần tư dặm. Giờ đến lượt các vị tiến hành cuộc tấn công tới Arnhem”. Robinson muốn đi, nhưng anh đã được lệnh “giữ vững đầu cầu bằng mọi giá”. Anh chưa nhận được lệnh tiến xa hơn.

Đại tá Tucker, chỉ huy trung đoàn 504, sôi lên sùng sục trước sự chậm trễ của người Anh. Tucker đã nghĩ một phân đội đặc biệt sẽ tiến thẳng lên theo con đường ngay khi cầu được chiếm và dọn sạch thuốc nổ. Thời điểm để thực hiện đột kích, ông tin tưởng “là đúng lúc đó, trước khi quân Đức kịp trấn tĩnh”. Sau này ông viết, “Chúng tôi đã bất chấp mạng sống vượt sông Waal để chiếm lấy đầu cầu phía bắc. Chúng tôi chỉ biết đứng đó, bực bội, trong khi người Anh chuẩn bị nghỉ qua đêm, bỏ qua cơ hội tận dụng tình thế thuận lợi. Chúng tôi không hiểu nổi điều đó. Chỉ đơn giản đó không phải là cách chúng tôi làm trong quân đội Mỹ - đặc biệt nếu đồng đội của chúng tôi lại đang trong cảnh ngàn cân treo sợi tóc cách đó 11 dặm. Chúng tôi sẽ tiến lên, lao lên không ngừng nghỉ. Đó là điều mà George Patton hẳn sẽ làm, cho dù là ngày hay đêm”.

Trung úy A.D. Demetras nghe thấy Tucker tranh luận với một thiếu tá thuộc sư đoàn thiết giáp cận vệ. “Tôi nghĩ một quyết định khó tin nhất đã được tạo ra ngay tại đây,” anh nhớ lại. Từ phía trong ngôi nhà nhỏ được dùng làm sở chỉ huy tiền phương, Demetras nghe Tucker giận dữ nói, “Người của các vị đang khốn khổ ở trên kia, ở Arnhem. Các vị tốt nhất nên đi ngay. Chỉ có 11 dặm thôi”. Viên thiếu tá “nói với đại tá rằng thiết giáp Anh sẽ không tiến quân cho tới khi bộ binh tới,” Demetras nhớ lại. “Họ tiến hành chiến tranh như trong sách,” đại tá Tucker nói. “Họ “dừng chân” khi trời tối. Và như thường lệ, họ dừng lại uống trà”.

Cho dù đơn vị của ông chỉ còn hơn nửa sức chiến đấu và đã gần hết

đạn, Tucker đã nghĩ đến việc cử người của mình tự tiến tới Arnhem. Nhưng ông biết tướng Gavin sẽ không phê chuẩn hành động này. Sư đoàn 82, bị căng ra trên khắp dải hành lang của mình, không thể gửi đi một đơn vị nào. Nhưng Gavin cũng đồng cảm với người của mình: người Anh cần tiến ngay lên phía trước. Như sau này ông thuật lại, “không có người lính nào tốt hơn quân đoàn trưởng, tướng Browning. Thế nhưng ông vẫn là một lý thuyết gia. Nếu Rigway nắm quyền chỉ huy lúc đó, chúng tôi hẳn đã được lệnh tiến ngược lên theo con đường ngay lập tức bất chấp mọi khó khăn, để cứu những người tại Arnhem (CT: tướng Gavin nói, “Tôi không thể tả lại được với ông sự tức giận và cay đắng của thuộc cấp tôi. Tôi gặp Tucker đang phẫn nộ đến mức ông ấy gần như không thể nói gì. Không có người lính nào trên thế giới tôi ngưỡng mộ hơn những người Anh, nhưng các chỉ huy bộ binh Anh có vẻ không hiểu tình đồng đội của những người lính đổ bộ đường không. Với người của tôi chỉ có một mục tiêu: cứu những người anh em lính dù của họ tại Arnhem. Thật bi kịch. Tôi biết Tucker muốn đi, nhưng tôi không bao giờ có thể chấp thuận. Tôi đã có quá đủ trong tay rồi. Bên cạnh đó, Tucker và các sĩ quan khác của tôi đã không hiểu một số vấn đề mà người Anh gặp phải lúc đó”).

Bất chấp vẻ bình thản bên ngoài của họ, các sĩ quan Anh – Browning, Horrock, Dempsey và Adair – ý thức rất rõ sự khẩn cấp của việc tiếp tục tấn công. Nhưng khó khăn gặp phải rất lớn. Quân đoàn của Horrock đã cạn kiệt đạn và nhiên liệu. Ông đã thấy những triệu chứng báo trước đội hình của ông có thể bị chững lại ở phía nam Nijmegen bất cứ lúc nào. Chiến sự vẫn tiếp tục ở trung tâm thành

phố, và sư đoàn 43 Wessex của thiếu tướng G.I.Thomas, tụt lại xa phía sau đội hình, thậm chí còn chưa tới được cây cầu tại Grave, cách đó 8 dặm về phía nam. Thận trọng và nguyên tắc, Thomas đã không thể giữ nhịp tiến quân được với đội hình cơ giới. Quân Đức đã cắt đứt đường hành quân ở một số điểm và người của Thomas đã phải chiến đấu ác liệt để giữ thông đường hành quân cũng như đẩy lui các đợt phản kích. Cho dù lo ngại trước cường độ tấn công của quân Đức lúc này đang ép mạnh vào cả hai phía hành lang hẹp dẫn tới Nijmegen, tướng Browning tin rằng Thomas cần tiến nhanh hơn. Horrock thì không chắc vậy. Lo lắng trước cuộc tắc nghẽn giao thông khổng lồ dọc đường, ông nói với tướng Gavin, “Jim này, đừng bao giờ cố tiếp tế cho một quân đoàn chỉ theo có một con đường thôi”.

Địa hình – khó khăn mà Montgomery đã lường trước và Model cũng đã trông đợi vào – đã ảnh hưởng lớn đến các suy tính chiến thuật liên quan đến hướng tấn công tiếp theo từ cây cầu tại Nijmegen. Với tướng Adair, tư lệnh sư đoàn thiết giáp cận vệ, thì rõ ràng là xe tăng của họ đã tới đoạn tồi tệ nhất trong hành lang của Market Garden. Con đường thẳng tắp nằm trên đỉnh đê nhô cao nối giữa Nijmegen và Arnhem trong như “một hòn đảo”. “Khi nhìn thấy hòn đảo đó tim tôi nặng trĩu”, Adair sau đó hồi tưởng. “Bạn không thể tưởng tượng ra điều gì không phù hợp hơn với xe tăng: bờ đê dốc đứng với rãnh sâu ở hai bên đường mà các khẩu đội Đức có thể dễ dàng khống chế”. Bất chấp sự e ngại của bản thân Adair biết họ sẽ “buộc phải thử một cú với nó”, nhưng ông không có bất cứ lực lượng bộ binh thực thụ nào trong tay và “tiến lên theo con đường đó rõ ràng là kiểu công việc cho bộ binh”. Horrock cũng đi đến kết luận tương tự. Những chiếc xe

tăng sẽ phải đợi đến khi bộ binh kịp tới và vận động lên trước đội hình thiết giáp cận vệ. Sẽ phải đợi gần 18 tiếng nữa trước khi một cuộc đột kích bằng xe tăng về phía Arnhem có thể bắt đầu.

Nhưng viên tư lệnh quân đoàn, cũng như những người Mỹ, vẫn nuôi hy vọng có thể tiến chớp nhoáng ngược lên hành lang. Ngay sau khi chiếm được cầu tại Nijmegen, tin rằng đầu cầu phía bắc tại Arnhem vẫn nằm trong tay quân Anh, tướng Browning đã báo với Urquhart rằng xe tăng đang vượt sông. Trước lúc nửa đêm hai phút, vẫn còn lạc quan về một cuộc tấn công sớm, Browning đã gửi đi bức điện sau:

202358 ... dự định của sư đoàn thiết giáp cận vệ ...ngay khi trời sáng sẽ tiến khẩn cấp tới các cây cầu tại Arnhem...

Khoảng 45 phút sau, biết được sự chậm trễ trong việc đưa bộ binh lên tiền tuyến, Browning gửi cho Urquhart bức điện thứ ba:

210045 ... cuộc tấn công ngày mai, sư đoàn đổ bộ số 1 sẽ là ưu tiên hàng đầu nhưng không nên trông đợi một cuộc tấn công mới trước 12h00.

Tại Arnhem ngay cả “ưu tiên hàng đầu” này cũng đã là quá muộn. Người thuộc tiểu đoàn 2 của trung tá John Frost đã rơi hoàn toàn vào số phận bi thảm của họ. Ba giờ trước khi toán của thượng sĩ Robinson vượt qua cây cầu lớn tại Nijmegen, ba chiếc xe tăng đầu tiên dưới quyền thiếu tá Hans Peter Knaust cuối cùng cũng đã đột phá được

qua cầu Arnhem.

Vào buổi chiều, khi đợt quân dù đầu tiên của thiếu tá Cook bắt đầu vượt sông Waal, đại úy Eric Mackay ra lệnh rút khỏi ngôi trường ở Arnhem nơi người của anh đã chống giữ trong hơn 60 giờ - từ tối ngày 17/9. Từ cách đó 70 yard một chiếc Tiger nã hết quả đạn này tới quả đạn khác vào mặt nam của tòa nhà. “Ngôi nhà lúc đó đang bốc cháy,” Mackay nhớ lại, “và tôi nghe thấy dự trữ thuốc nổ ít ỏi mà chúng tôi để trên gác nổ tung”. Với 13 người còn vận động được, mỗi người chỉ còn một băng đạn. Chui xuống tầng hầm, Mackay quyết định người của anh sẽ phá vây ra ngoài và tiếp tục chiến đấu đến cùng.

Anh không có ý định bỏ thương binh ở lại. Với trung úy Dennis Simpson đi mở đường, Mackay và hai người nữa làm nhiệm vụ chặn hậu trong khi những người còn lại chuyển thương binh từ hầm nhà lên. Trong khi Simpson yểm hộ cho họ, những người bị thương được chuyển vào một khu vườn bên cạnh. “Sau đó, ngay khi Simpson chạy tới ngôi nhà bên cạnh một trận oạch kích bằng súng cối bắt đầu và tôi nghe thấy anh ấy hô lớn, “Có thêm sáu người bị thương”. “Tôi biết,” Mackay kể lại, “rằng chúng tôi sẽ bị tiêu diệt hết – hoặc ít nhất là những người bị thương – nếu chúng tôi cố thoát vây cùng với họ. Tôi hét lớn lệnh cho Simpson đầu hàng”.

Tập hợp 5 người còn lại, mỗi người có một khẩu Bren, Mackay hướng về phía đông – hướng mà anh tin rằng quân Đức không ngờ anh sẽ chọn. Kế hoạch của viên đại úy là “nằm im chờ tối và cố gắng quay

trở lại về phía tây để tìm quân mình”. Mackay dẫn người của mình băng qua đường, xuyên qua những ngôi nhà đổ nát phía đối diện và luôn sang con phố tiếp theo. Tại đó, họ chạm trán hai chiếc xe tăng, đi cùng là khoảng 50 đến 60 quân địch. Nhanh chóng vận động thành hàng dọc, sáu người lính dù xả súng vào đám quân Đức đang ngổ ngàng. “Chúng tôi chỉ có thời gian đủ để bắn hết một băng mỗi khẩu,” Mackay nhớ lại. “Tất cả kết thúc sau 2 hay 3 giây. Quân Đức đổ gập xuống như những bao lúa chỉ đầy một nửa”. Trong lúc Mackay ra lệnh cho nhóm của mình hướng tới một ngôi nhà gần đó, một người bị giết, một người khác bị thương. Tới nơi trú ẩn tạm thời, Mackay nói với ba người còn lại. “Cuộc chiến đấu đã chấm dứt.” Anh đề nghị từng người sẽ tìm cách thoát ra riêng rẽ. “Nếu may mắn,” anh nói, “có thể tối nay chúng ta sẽ gặp lại nhau ở cầu”.

Từng người một rời đi. Nấp vào một khu vườn, Mackay nằm ép người xuống dưới một bụi hồng. Tại đây anh xé bỏ quần hàm vút đi. “Tôi nghĩ sẽ ngủ một lúc,” anh nhớ lại. “Tôi chỉ vừa nhắm mắt lại và hơi mơ màng thì nghe thấy những giọng nói tiếng Đức. Tôi cố thở nhẹ hơn và, với bộ quần phục cháy xém loang lỗ máu của mình, tôi nghĩ mình sẽ đóng vai xác chết khá thuyết phục”. Bất thần viên đại úy nhận được “một cú đá trời giáng vào mạng sườn”. Anh cố nhin không phản ứng, “như một cái xác mới chết”. Thế rồi anh “cảm thấy một chiếc lưỡi lê đâm vào hông và gần chạm vào xương chậu”. Thật lạ, Mackay nhớ lại, “nó không làm tôi đau, chỉ làm tôi hơi rùng mình khi chạm xương chậu. Chỉ khi chiếc lưỡi lê được rút ra tôi mới thấy đau”. Nó làm Mackay nổi cáu. Đứng bật dậy, anh rút khẩu Colt của mình ra. “Mày muốn làm trò quái gì mà dám chọc lưỡi lê vào một sĩ

quan Anh hả?” anh ta quát lên. Hoàn toàn bất ngờ trước cơn thịnh nộ của Mackay, đám lính Đức lùi lại và Mackay nhận ra anh có thể “hạ một vài tên nếu tôi còn đạn. Chúng không thể bắn trả,” anh nhớ, “vì chúng đứng khắp quanh tôi. Chúng sẽ bắn lẫn vào người mình. Tình thế của chúng lúc đó buồn cười đến mức tôi phá lên cười.” Trong lúc đám lính Đức trở mắt ra nhìn, Mackay khinh khỉnh ném khẩu Colt qua tường khu vườn “để chúng không lấy được nó làm kỷ niệm”.

Bắt Mackay úp mặt vào tường, quân Đức bắt đầu khám xét anh ta. Đồng hồ đeo tay và một chiếc cốc bạc vốn của người cha viên đại úy bị lấy đi, nhưng tấm bản đồ thoát hiểm để trong túi áo ngực của anh đã không bị phát hiện. Một viên sĩ quan trả lại anh chiếc cốc. Khi Mackay hỏi tới đồng hồ anh được trả lời, “Ông sẽ không cần tới nó ở nơi ông sắp tới, còn chúng tôi thì lại thiếu đồng hồ”. Hai tay đặt lên đầu, anh bị giải tới một ngôi nhà nơi giam giữ các tù binh Anh khác. Đi từ nhóm này sang nhóm khác, Mackay nhắc nhở mọi người rằng họ có nhiệm vụ phải tìm cách bỏ trốn. Đột nhiên Mackay, sĩ quan duy nhất ở đó, bị giải tới một căn phòng khác để hỏi cung. “Tôi quyết định chiếm thế chủ động,” anh nhớ lại. “Có một tay trung úy Đức nói tiếng Anh rất tốt, và tôi nói với anh ta, lịch sự nhưng cứng rắn, rằng mọi việc đã chấm dứt với người Đức và tôi rất sẵn sàng tiếp nhận sự đầu hàng của họ”. Viên trung úy tròn mắt nhìn anh ngỡ ngàng nhưng Mackay nhớ “đó là sự chấm hết cuộc hỏi cung”.

Ngay trước khi đêm xuống, các tù binh bị dồn lên xe tải mang họ về phía đông hướng tới Đức. “Chúng có một lính gác ở sau xe, khiến cho việc tìm cách bỏ trốn khó hơn,” Mackay nói, “nhưng tôi nói với các

cậu thanh niên xúm lại vây kín lấy hắn ta khiến hắn không dùng súng được”. Khi chiếc xe tải chở anh chạy chậm lại ở một khúc cua, Mackay nhảy xuống và cố chạy trốn. “Thật không may tôi đã chọn phải địa điểm tồi tệ nhất,” anh nhớ lại. “Tôi đã nhảy xuống cách một tên lính canh có ba bộ. Tôi nhảy bổ vào và cố bẻ cổ hắn. Lập tức những tên khác ủa tới và đánh tôi ngất xỉu”. Khi tỉnh lại, Mackay thấy mình đang chen chúc cùng các tù binh khác trong một gian phòng tại một nhà trọ Hà Lan nhỏ. Anh cố ngồi dậy tựa vào tường và lúc đó, lần đầu tiên sau 90 giờ, viên đại úy trẻ ngủ thiếp đi (CT: Ngày hôm sau Mackay và ba người khác trốn thoát khỏi thành phố Emmerich trên đất Đức. Một người trong số đó là trung úy Dennis Simpson, người đã dẫn đầu cuộc phá vây khỏi trường học của toán quân nhỏ. Bốn người tìm đường tới sông Rhine. Đánh cắp một chiếc thuyền, họ chèo xuống tận chiến tuyến Đồng Minh ở Nijmegen).

Khi màn đêm buông xuống xung quanh ngôi nhà đặt sở chỉ huy của trung tá Frost và dọc theo rầm cầu, gần một trăm người phân tán thành các nhóm nhỏ vẫn tiếp tục chiến đấu kiên cường để bám trụ lại. Nóc tòa nhà đặt sở chỉ huy đang bốc cháy và gần như tất cả mọi người đã bắn đến băng đạn cuối cùng. Nhưng những người lính dù vẫn giữ vững được tinh thần. Thiếu tá Freddie Gough tin rằng “ngay cả lúc này, nếu chúng tôi chỉ cần đứng vững thêm vài giờ nữa, chúng tôi sẽ được giải vây”.

Vào khoảng 7 giờ tối viên chỉ huy đã bị thương của tiểu đoàn 2 tỉnh dậy, áy náy vì đã ngủ thiếp đi. Frost nghe thấy “tiếng ú ớ của vài người bị choáng do sức ép” trong bóng tối của căn hầm. Quân Đức

vẫn đang bắn phá ngôi nhà và Frost nhận ra sức nóng trong căn hầm, lúc này chật cứng với hơn hai trăm thương binh, thật là ngột ngạt. Cố gắng cự mình, ông cảm thấy một cơn đau nhói chạy dọc chân. Ông yêu cầu gọi Gough tới. “Anh phải nắm lấy quyền chỉ huy”, Frost nói với viên thiếu tá, “nhưng không được ra quyết định quan trọng nào mà không tham khảo tôi trước”. Lúc này Frost đã hiểu điều ông lo ngại nhất đã bắt đầu xảy ra: ngôi nhà đang cháy dần và các thương binh đang có nguy cơ “bị thiêu sống”. Khắp nơi trong căn hầm tối mò vang lên tiếng người ho vì hít phải làn khói khét lẹt. Bác sĩ James Logan, chỉ huy quân y tiểu đoàn, quỳ xuống bên cạnh Frost. Đã đến lúc, Logan nói, cần đưa thương binh ra ngoài. “Chúng ta cần thỏa thuận ngừng bắn với quân Đức, thưa ngài,” Logan nhấn mạnh. “Chúng ta không thể đợi thêm được nữa”. Quay sang Gough, Frost lệnh cho ông thu xếp việc này, “nhưng di chuyển những người còn khả năng chiến đấu sang những tòa nhà khác và tiếp tục đánh. Tôi cho rằng mặc dù cây cầu đã mất chúng ta vẫn có thể kiểm soát đầu cầu thêm một thời gian nữa, có thể đủ lâu để xe tăng của ta kịp tới”.

Gough và Logan quay ra để thu xếp ngừng bắn. Logan đề nghị mở cánh cửa chính nặng nề ở mặt tiền tòa nhà và đi ra dưới một lá cờ chữ thập đỏ. Gough e ngại ý tưởng này. Ông không tin lính SS; đám này có thể vẫn bắn bất chấp lá cờ. Quay lại hỏi ý kiến Frost, Logan nhận được chuẩn y cho kế hoạch của ông. Trong khi người bác sĩ quay ra cửa, Frost tháo quân hàm của mình ra. Ông hy vọng “ẩn lẫn vào đám đông và sau đó có thể trốn thoát”. Wicks, cần vụ của ông, chạy đi tìm một chiếc cang.

Gần đó, binh nhì James Sims, một trong số thương binh, buồn bã nghe kế hoạch sơ tán đang được chuẩn bị. Anh ý thức rõ không còn cách nào khác. “Tình thế của chúng tôi hiển nhiên là vô vọng,” anh nhớ lại. “Đạn đã hết sạch, hầu hết sĩ quan và hạ sĩ quan đã hy sinh hay bị thương, còn ngôi nhà đang bốc cháy; khói gần như làm tắt cả ngạt thở”. Anh nghe thấy Frost ra lệnh cho những người còn lành lặn và các thương binh còn đi được “luồn ra ngoài và thoát đi thật nhanh”. Sims biết đó “ là cách duy nhất còn ý nghĩa, nhưng việc chúng tôi bị để lại đằng sau đã không được đón nhận dễ dàng”.

Trên tầng bác sĩ Logan mở cửa chính ngôi nhà. Đi cùng hai cứu thương và mang một lá cờ chữ thập đỏ, Logan đi ra gặp quân Đức. Những âm thanh của trận đánh im bặt. “Tôi thấy một số lính Đức chạy vòng ra sau tòa nhà nơi chúng tôi để những chiếc xe jeep và xe tải của mình,” Gough nhớ. “Chúng cần những chiếc xe này để di tản những người bị thương, và tôi thầm vĩnh biệt những phương tiện di chuyển còn lại của chúng tôi mãi mãi”.

Trong hầm nhà mọi người nghe thấy những giọng tiếng Đức vang lên trên cửa lên xuống và Sims nghe thấy “tiếng những chiếc ủng Đức nặng nề vang lên trên cầu thang”. Cả căn hầm đột nhiên yên lặng. Ngược mắt nhìn lên Sims thấy một sĩ quan Đức xuất hiện ở ngưỡng cửa. Anh kinh hoàng khi thấy “một người lính dù bị thương nặng vơ lấy khẩu Sten của mình, nhưng nhanh chóng bị khống chế. Viên sĩ quan,” Sims nhớ lại, “kiểm soát tình hình và ra một số mệnh lệnh. Lính Đức tiến vào và bắt đầu mang những người bị thương lên trên.” Họ chỉ chậm hơn chút nữa là quá muộn. Khi Sims đang được mang

đi, “một mảnh gỗ cháy lớn suýt nữa rơi xuống đầu chúng tôi”. Anh cay đắng nhận ra quân Đức đang rất “kích động, phấn khởi, và rất nhiều trong số này được vũ trang bằng súng trường Anh và tiểu liên Sten”.

Nhờ một người lính dù bị sức ép của đại bác giúp, Frost được mang lên đặt trên mặt kè cạnh cây cầu mà ông đã cố giữ. Khấp xung quanh ông nhìn thấy những ngôi nhà đang cháy rừng rực. Viên trung tá quan sát trong khi cả người Đức lẫn người Anh cùng xúm lại “cố đưa chúng tôi ra nhanh nhất có thể, trong khi cả khung cảnh được chiếu sáng bởi những đám cháy”. Chỉ vài phút sau khi thương binh cuối cùng được đưa ra ngoài, một tiếng rầm rầm bất thần vang lên và cả tòa nhà sụp xuống thành một đồng đống nát. Quay sang thiếu tá Douglas Crawley, đang nằm trên một chiếc cáng bên cạnh mình, Frost mệt mỏi nói, “Thế đấy, Dough, lần này chúng ta không thoát được rồi đúng không?” Crawley lắc đầu. “Không, thưa ngài,” ông ta nói, “nhưng chúng ta đã bắt chúng trả giá không đến nỗi tồi”.

Trong khi các thương binh Anh quan sát với vẻ ngạc nhiên uể oải, lính Đức đi len vào giữa họ với thái độ thân thiện bất ngờ, mời mọc thuốc lá, chocolat và rượu brandy. Những người lính dù cay đắng nhận ra phần lớn đó đều là đồ tiếp tế dành cho họ, hiển nhiên lấy từ những kiện hàng tiếp tế rơi vào tay quân Đức. Trong khi những người lính đói lả, khát cháy họng bắt đầu ăn, lính Đức ngồi xuống bên cạnh họ, khen ngợi họ về trận đánh. Binh nhì Sims nhìn chằm chằm vào một hàng xe tăng kiểu IV xếp dọc bên kia đường. Nhìn thấy bộ dạng của anh này, một lính Đức gật đầu. “Đúng đấy, anh bạn

Tommy”, tay này nói với Sims,” chúng để dành cho các anh vào sáng mai nếu các anh không đầu hàng”.

Nhưng những người còn khả năng chiến đấu của Frost vẫn bướng bỉnh không buông xuôi. Khi những thương binh cuối cùng được đưa khỏi căn hầm, trận đánh lại tái diễn, ác liệt không kém một giờ trước đó. “Đó là một cơn ác mộng”, Gough nhớ lại. “Nhìn đâu cũng thấy quân Đức – phía trước, sau lưng, hai bên sườn. Chúng đã thâm nhập một lực lượng lớn vào khu vực trong lúc ngừng bắn. Giờ đây trên thực tế chúng kiểm soát tất cả các ngôi nhà. Chúng tôi đã thực sự bị đè bẹp”.

Gough ra lệnh cho những người lính tản ra và ẩn nấp chờ tối. Ông hy vọng đến rạng sáng sẽ tập trung những người còn lại vào một cụm nhà đã đổ nát một phần ở bờ sông. Ngay cả lúc này ông vẫn hy vọng được giải vây vào sáng hôm sau, và “tôi nghĩ chúng tôi cần giữ vững đến lúc đó bằng cách nào đó”. Trong khi mọi người di chuyển trong bóng tối, Gough nằm xuống bên radio của mình. Đưa bộ đàm lên sát miệng, ông nói, “Đây là lữ đoàn dù 1. Chúng tôi không thể giữ lâu hơn nữa. Tình hình chúng tôi đã tuyệt vọng. Xin nhanh lên. Xin nhanh lên”.

Quân Đức biết trận đánh đã chấm dứt. Tất cả công việc còn lại là tuần tra thu dọn chiến trường. Thật trớ trêu, cho dù có xe tăng ở trên cầu, nhưng chúng không thể qua cầu được. Đúng như tướng Harmel lường trước, đồng đổ nát trên cầu cần đến hàng giờ để thu dọn đi. Phải đến tận sáng thứ năm 21/9, một tuyến đường một xe đi lọt mới

được dọn xong và việc vận chuyển qua cầu bắt đầu.

Khi những tia sáng đầu tiên xuất hiện sáng ngày thứ Năm, Gough và những người còn sót lại đang tản mát trong khu vực rời khỏi nơi ẩn nấp. Viện binh đã không tới. Một cách tuần tự, quân Đức khuất phục các vị trí chống cự, buộc những người lính dù lúc này không còn đạn phải đầu hàng. Từng người hay thành nhóm vài ba người, những ai còn sống sót và chưa bị phát hiện cố gắng thoát vây. Chậm chạp, thách thức, sự kháng cự của quân Anh đi tới hồi kết.

Thiếu tá Gough hướng tới khu nhà máy nước, hy vọng ẩn nấp nghỉ ngơi một thời gian, sau đó tìm cách đi về phía tây tìm lực lượng chính của sư đoàn do Urquhart chỉ huy. Ngay bên ngoài tòa nhà, ông ta nghe thấy tiếng Đức. Lao về phía một đồng gỗ, Gough cố chui xuống nấp phía dưới. Gót ủng của ông thò ra, một lính Đức chụp lấy nó lôi Gough ra ngoài. “Lúc đó tôi mệt rũ, và chỉ nhìn chúng và phá lên cười”, Gough nói. Hai tay đặt lên đầu, ông bị giải đi.

Trong một căn phòng chật ních những tù binh khác, một thiếu tá Đức gọi Gough đến gặp. Tay này chào viên sĩ quan Anh theo kiểu Hitler. “Tôi hiểu ông là người chỉ huy,” tay người Đức nói. Gough uể oải nhìn anh ta. “Phải,” ông trả lời. “Tôi muốn chúc mừng ông và người của ông,” tay người Đức nói. “Các ông là những người lính can đảm. Tôi đã chiến đấu ở Stalingrad và rõ ràng người Anh các ông có rất nhiều kinh nghiệm trong tác chiến đô thị”. Gough nhìn chăm chăm vào hân ta. “Không,” ông nói. “Đây là lần đầu chúng tôi thử. Lần sau chúng tôi sẽ khá hơn”.

Vào một thời điểm nào đó trong những giờ cuối cùng một cuộc gọi đã được gửi qua radio bởi ai đó gần cầu. Cuộc gọi đó không tới được sở chỉ huy của Urquhart hay đạo quân Anh số 2, nhưng tại sở chỉ huy sư đoàn SS số 9 Hohenstaufen, hiệu thính viên của trung tá Harzer đã bắt được nó rất rõ. Nhiều năm sau, Harzer không thể nhớ lại hết toàn bộ nội dung, nhưng ông ta ấn tượng sâu sắc về hai câu cuối cùng: “Hết đạn. Chúa phù hộ đức vua”.

Cách đó vài dặm về phía bắc gần Apeldoorn, binh nhì James Sims nằm trên bãi cỏ bên ngoài một quân y viện Đức, xung quanh là những lính dù bị thương khác đang chờ được khám và chữa thương. Tất cả đều im lặng, trầm tư. “Ý nghĩ chúng tôi đã chiến đấu chẳng vì cái gì thật tự nhiên,” Sims viết, “nhưng tôi không thể không nghĩ tới lực lượng chính, mạnh đến vậy, mà lại không thể vượt qua vài dặm cuối cùng để đến chỗ chúng tôi. Điều nặng nề nhất phải chấp nhận là cảm giác chúng tôi đã bị bỏ rơi”.

Vào đúng 10 giờ 40 phút sáng thứ năm, 21/9, đại úy Roland Langton thuộc lực lượng cận vệ Ireland được lệnh dẫn phân đội 1 của mình vượt qua cây cầu mới chiếm được tại Nijmegen và tiến về Arnhem. Giờ G, anh được trung tá Joe Vandeleur thông báo, là 11 giờ. Langton không thể tin nổi. Anh nghĩ Vandeleur hẳn đang đùa. Anh chỉ có đúng 20 phút để phổ biến kế hoạch cho phân đội và chuẩn bị họ cho một cuộc tấn công lớn. Bản thân Langton cũng được phổ biến gấp gáp trên một bản đồ chiến lợi phẩm. “Chiếc bản đồ thứ hai chúng tôi có là một bản đồ đường sá thiếu chi tiết,” anh kể. Thông tin về các

vị trí súng lớn của địch chỉ dựa vào một tấm ảnh không thám duy nhất, cho thấy một trận địa cao xạ giữa các làng Lent và Elst, và “giả thiết là nó không còn ở đó nữa”.

Theo Langton, mọi thứ trong kế hoạch đều không ổn – đặc biệt là việc “họ sẽ phải thực sự tiến hành nó trong 20 phút nữa”. Phân đội của anh có nhiệm vụ đột kích cùng một đơn vị thứ hai theo sau. Hai xe tăng sẽ chở theo bộ binh; và Langton được cho biết sẽ có thêm bộ binh theo sau. Thế nhưng anh chỉ có thể trông cậy rất ít vào yểm trợ của pháo binh, và những chiếc Typhoon yểm trợ trên không gọi đến theo radio, đã được sử dụng rất hiệu quả trong cuộc tấn công đầu tiên, sẽ không có ngay; tại Bỉ những chiếc Typhoon bị giữ chặt dưới đất do thời tiết. Tuy vậy, Langton được lệnh “tiến nhanh như ma đuổi và tiến tới tận Arnhem”.

Cho dù không để lộ suy nghĩ của mình với Langton, Joe Vandeleur rất bi quan về kết quả của cuộc tấn công. Trước đó, ông ta cùng các sĩ quan khác, gồm cả người em họ, trung tá Giles Vandeleur, đã đi qua cây cầu Nijmegen để quan sát con đường xa lộ nhô cao lên “như hòn đảo” chạy lên phía bắc tới Arnhem. Với các sĩ quan này con đường thật tệ hại. Chỉ huy phó của Joe Vandeleur, thiếu tá Desmond Fitzgerald, là người đầu tiên lên tiếng, “Thưa ngài,” ông ta nói, “chúng ta không thể nhích nổi lấy một yard trên con đường chết tiệt này đâu”. Giles Vandeleur đồng ý. “Đây là vị trí dở hơi nhất để thử tác chiến bằng xe tăng”. Cho tới lúc này, mặc dù trên hành lang tiến quân đội hình xe đã tiến thành hàng một, nhưng luôn có thể vòng ra khỏi đường chính khi cần thiết. “Ở đây,” Giles Vandeleur nhớ lại,

“không có bất cứ khả năng nào cho việc rẽ ra khỏi đường: một con đập với đường xa lộ chạy trên đỉnh thật hoàn hảo cho việc phòng thủ nhưng khó có thể coi là nơi thích hợp cho xe tăng”. Quay sang những người khác, Giles nói, “Tôi có thể tưởng tượng bọn Đức đang ngồi đằng kia xoa tay khoái trá khi nhìn thấy chúng ta tới”. Joe Vandeleur im lặng nhìn chăm chăm vào quang cảnh phía trước. Sau đó ông nói, “Dù sao đi nữa, chúng ta phải thử. Chúng ta cần thử vận may trên con đường chết tiệt đó”. Theo như Giles nhớ, “Cuộc tiến công của chúng tôi dựa trên một thời gian biểu. Chúng tôi dự kiến tiến với tốc độ 15 dặm trong 2 giờ”. Chuẩn tướng Gwatkin, tham mưu trưởng sư đoàn thiết giáp cận vệ, đã nhấn mạnh với họ, “chỉ đơn giản là hãy tìm cách vượt qua”.

Vào đúng 11 giờ, đại úy Langton nhắc bộ đàm trong chiếc xe trinh sát của mình và gọi radio: “Tiến lên! Tiến lên! Tiến lên! Không dừng lại vì bất cứ lý do nào”. Những chiếc xe tăng của đơn vị anh đi qua bưu điện tại Lent và tiến lên đường chính. Langton hồi hộp nghĩ, bây giờ hoặc không bao giờ. Sau 15 hay 20 phút, anh bắt đầu dễ thở hơn. Không có hoạt động nào của quân địch, và Langton cảm thấy “hoi ngượng vì trước đó đã bực bội đến vậy. Tôi bắt đầu tự hỏi mình sẽ làm gì khi tới cầu Arnhem. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến nó trước đây”.

Sau những chiếc tăng dẫn đầu là hai anh em Vandeleur trên chiếc xe trinh sát của họ và ngay sau là trung úy phi công Donald Love trên chiếc xe liên lạc mặt đất với RAF. Bên cạnh anh một lần nữa lại là biên đội trưởng Max Sutherland, lặng lẽ và lo âu. Khi leo lên chiếc xe trinh sát bọc thép sơn trắng, Sutherland- người đã hướng dẫn những

chiếc Typhoon tại cuộc đột kích từ kênh đào Meuse – Escaut – nói với Love rằng “đám đồ bộ tại Arnhem đang gặp rắc rối lớn và cần được giúp đỡ khẩn cấp”. Love nhìn lên trời tìm kiếm những chiếc Typhoon. Anh dám chắc họ sẽ cần chúng. Nhớ lại sự kinh hoàng của cuộc đột kích, Love “không e ngại sẽ phải ở vào đúng vị trí của mình chủ nhật trước, khi quân Đức đã chặn đứng chúng tôi”.

Những chiếc xe tăng của lực lượng cận vệ Ireland từ từ tiến lên, đi qua làng Oosterhaut về phía trái và các trang trại Ressen và Bommel bên phải. Từ xe của mình đại úy Langton nghe thấy trung úy Tony Samuelson, chỉ huy toán xe tăng dẫn đầu, thông báo tên các nơi này. Samuelson báo lại rằng chiếc xe tăng đi đầu đã áp sát ngoại vi Elst. Những người Ireland đã gần đi được nửa chặng đường tới Arnhem. Trong khi nghe Langton nhận ra “chúng tôi chỉ có một mình”. Nhưng sự căng thẳng đã dịu xuống trong đội hình. Trung úy phi công Love nghe tiếng động cơ trên không và nhìn thấy những chiếc Typhoon đầu tiên xuất hiện. Trời đã quang đãng tại Bỉ, và lúc này các phi đội xuất hiện trong tầm nhìn, lần lượt nối tiếp nhau. Trong khi họ bay vòng trên đầu, Love và Sutherland nhẹ nhõm tựa lưng vào ghế.

Trong chiếc xe của mình, đại úy Langton đang nghiên cứu bản đồ. Toàn đội hình đã vượt qua đường rẽ đi Bommel ở phía phải. Đúng lúc đó, Langton nghe thấy một tiếng nổ lớn. Nhìn lên, anh trông thấy “một bánh dẫn xích của xe Sherman treo lơ lửng trong không khí trên cụm cây phía trước”. Anh hiểu ra ngay một trong số xe tăng đi đầu đã trúng đạn. Trung úy Samuelson, ở xa hơn phía trước trong đội hình, nhanh chóng xác nhận việc này.

Từ xa đại bác bắt đầu lên tiếng và khói đen bốc lên trời thành cuộn. Ở phía dưới đội hình trung úy Rupert Mahaffey biết có gì đó không ổn. Cả đội hình đột ngột dừng lại. Mọi người bối rối không rõ chuyện gì vừa xảy ra, và những giọng nói trong radio trở nên méo mó ngắt quãng khi giao chiến bắt đầu. “Có rất nhiều tiếng hò hét”, Giles Vandeleur nhớ lại, “ và tôi bảo Joe có lẽ tốt hơn tôi nên đi lên phía trước xem cái quái gì đang diễn ra”. Viên chỉ huy lực lượng cận vệ Ireland đồng ý. “Hãy cho anh biết ngay khi có thể,” ông nói với Giles.

Đại úy Langton lúc đó đang đi lên phía trước. Thận trọng tiến từng bước bên những chiếc xe thiết giáp, Langton tới một khúc quặt trên đường. Ở phía trước, anh thấy cả 4 xe tăng đi đầu, trong đó có chiếc của Samuelson, đã bị hạ và có chiếc đang bốc cháy. Đạn bay tới từ một khẩu pháo tự hành nấp trong khu rừng bên trái, gần Elst. Langton ra lệnh cho lái xe ngoặt vào sân một ngôi nhà gần khúc quặt. Vài phút sau Giles Vandeleur cũng tới đó. Lập tức đạn súng máy của địch buộc mọi người phải tìm chỗ ẩn nấp. Vandeleur không thể quay lại xe bọc thép của mình để báo cáo người anh họ Joe. Mỗi lần ông này gọi người lái xe, hạ sĩ Goldman, lùi xe lại – đó là một chiếc Humber với một cửa nóc và một cửa bên – “Goldman lại nâng cửa nóc lên và bọn Đức lại nổ một tràng đạn sát trên đầu anh ta, buộc anh ta phải đóng sập cửa xuống”. Cuối cùng, không thể đợi hơn, Giles bò lại phía sau theo một đường rãnh tới xe chỉ huy của Joe.

Joe Vandeleur đã bắt đầu ra lệnh. Qua radio ông gọi pháo yểm trợ; sau đó, nhìn thấy những chiếc Typhoon trên đầu, ông ra lệnh cho

Love gọi cho họ. Trong chiếc xe của RAF Sutherland cầm lấy bộ đàm. “Đây là Winecup ... Winecup,” anh gọi. “Xin hãy tới ngay”. Những chiếc Typhoon vẫn bay vòng trên đầu. Tuyệt vọng, Sutherland gọi lại. “Đây là Winecup... Winecup... Tới ngay”. Không có trả lời. Sutherland và Love nhìn nhau. “Máy liên lạc đã chết,” Love kể. “Chúng tôi không có bất cứ tín hiệu nào. Những chiếc Typhoon vẫn bay vòng trên đầu chúng tôi, và dưới mặt đất, đạn pháo địch vẫn bắn tới. Đây là tình cảnh tuyệt vọng, cay đắng nhất tôi từng trải qua, nhìn thấy họ ở trên đó mà chẳng làm được gì cả”. Love biết các phi công của những chiếc Typhoon đang chầm chậm lượn vòng kia “đã được lệnh không được tấn công bất cứ thứ gì chỉ dựa trên phán đoán”. Lúc này Giles Vandeleur đã về tới chỗ người anh họ. “Joe,” ông ta nói, “nếu chúng ta đưa thêm xe tăng lên trên con đường này đó sẽ là một cuộc tàn sát”. Cả hai người cùng đi tới chỗ đại úy Langton.

Lúc này bộ binh của lực lượng cận vệ Ireland đã rời xe tăng và tiến vào những khu vườn cây ăn quả nằm hai bên đường. Langton đã nắm quyền chỉ huy một xe tăng. Không thể tìm được nơi ẩn nấp hay rời khỏi đường, anh lái xe hết tiến lại lùi, cố gắng bắn vào khẩu pháo tự hành nấp trong rừng. Mỗi lần anh bắn một phát đạn, “khẩu súng nọ trả lời lại năm phát”.

Viên đại úy bộ binh, người của anh này cũng đang sẵn lòng cùng mục tiêu nhưng lúc này đang phải nằm chết dí dưới một đường rãnh, tái mặt đi vì bức tức. “Các vị nghĩ mình đang làm cái chết tiệt gì thế?” anh ta hét lên với Langton. Viên sĩ quan trẻ vẫn bình tĩnh. “Tôi đang cố hạ khẩu pháo tự hành để chúng ta có thể tới được Arnhem,” anh

đáp.

Khi hai anh em Vandeleur xuất hiện, Langton, không thành công trong việc cố hạ khẩu pháo địch, xuống xe gặp họ. “Trên đó là cả một bãi tan hoang,” Joe Vandeleur nhớ lại. “Chúng tôi cố thử tất cả. Không có cách nào để đưa xe tăng khỏi con đường xuống hai bên bờ dốc đứng của con đê mắc địch đó. Yểm trợ pháo duy nhất tôi nhận được là từ một trận địa dã chiến, và đơn vị này quá mất thời gian trong việc định vị mục tiêu”. Đại đội bộ binh duy nhất đang bị kìm chân lại và ông không thể gọi được cho những chiếc Typhoon. “Chắc chắn chúng ta có thể tìm được hỗ trợ từ đâu đó,” Langton nói. Vandeleur chậm chạp lắc đầu. “Tôi e là không.” Langton vẫn cố nài. “Chúng ta cần phải tới đó,” anh khẩn khoản. “Chúng ta có thể đi nếu có yểm trợ”. Vandeleur một lần nữa lắc đầu. “Tôi xin lỗi,” ông nói. “Anh dừng lại đây cho tới khi nhận được lệnh mới”.

Với Vandeleur, hiển nhiên là cuộc tấn công chỉ có thể tiếp tục khi bộ binh thuộc sư đoàn 43 Wessex của thiếu tướng G.I.Thomas bắt kịp lực lượng cận vệ Ireland. Cho tới lúc đó, xe tăng của Vandeleur bị phô bày tro trọi trên con đường xa lộ. Một khẩu pháo tự hành duy nhất chĩa vào con đường xa lộ nhô cao đã chặn đứng toàn bộ đoàn quân giải vây cách Arnhem gần 6 dặm.

Ở xa phía sau trong đoàn xe tăng, đối diện với một ngôi nhà kính gần Elst mà các cửa sổ vẫn còn gần như nguyên vẹn một cách kỳ diệu, trung úy John Gorman giận dữ nhìn chăm chăm vào con đường phía trước. Kể từ khi đoàn quân xa bị chặn lại ở Valkenswaard ở đoạn

dưới cửa hành lang, Gorman đã cảm thấy muốn tiến nhanh hơn. “Chúng tôi đã đi qua từng ấy đường từ Normandy, chiếm Brussels, tiến qua nửa Hà Lan và vượt qua cây cầu tại Nijmegen,” anh hồi tưởng lại. “Arnhem và những người lính dù đó chỉ ở ngay phía trước và khi mà cái cầu khốn kiếp đó gần như đã nằm trong tầm mắt, chúng tôi lại bị chặn lại. Tôi chưa bao giờ cảm thấy tuyệt vọng cay đắng đến thế”.

PHẦN V - CHẢO LỬA

« Xe tăng của Monty đang tới ! » dọc theo vành đai phòng ngự đang co dần lại quanh Oosterbeek – từ những đường hào hẹp, những ngôi nhà bị biến thành điểm phòng ngự, các ngã tư đường, trong các vạt rừng và giữa các cánh đồng – những người lính mặt sạm đen cúi bấn phần chấn chuyển tai nhau tin tức. Với họ, có vẻ như cuộc thử thách dài dằng dặc trong đơn độc đã đi tới hồi kết. Đầu cầu bên sông Rhine của tướng Urquhart chỉ còn là một dải đất hẹp nhỏ xíu như đầu ngón tay trên bản đồ. Lúc này, trên dải đất chỉ dài chưa tới hai dặm, rộng một dặm rưỡi ở vùng trung tâm, và chỉ rộng vùn vùn một dặm theo dọc bờ sông Rhine, những con Quỷ đỏ đang bị bao vây, tấn công và bị tiêu diệt dần dần từ ba phía. Nước, thuốc men, lương thực, đạn đều thiếu hoặc đang cạn kiệt nhanh chóng. Sư đoàn không vận số 1 Anh không còn tồn tại như một sư đoàn đúng nghĩa nữa. Giờ đây, những người lính của sư đoàn một lần nữa lại cảm thấy phần chấn trước hy vọng được giải vây. Bên cạnh đó, lúc này một trận bão lửa đang gầm rít lướt qua trên đầu họ khi các pháo đội hạng trung và hạng nặng của Anh, bố trí cách đó 11 dặm về phía nam, đang từ bên kia sông Rhine nã đạn xuống đầu quân Đức chỉ cách tiền duyên của Urquhart vài trăm mét.

Bằng điện tín, tướng Browning đã cam kết với Urquhart rằng các khẩu đội của trung đoàn pháo binh tầm trung số 64, quân đoàn 30, tới ngày thứ Năm sẽ vào tầm yểm trợ, và các sĩ quan pháo binh đã đề nghị được cung cấp mục tiêu theo thứ tự ưu tiên. Không băn khoăn về sự an toàn của chính mình, các cựu binh can trường của Urquhart nhanh chóng trả lời. Lần đầu tiên có được liên lạc tốt qua radio, những con Quỷ đỏ đã gan góc gọi pháo đập gần như thẳng xuống vị trí của họ. Sự chính xác của hỏa lực pháo thực sự khiến họ rất phấn khởi, hậu quả gây ra cho quân Đức rất nặng nề. Hết lần này tới lần khác, pháo binh Anh bẻ gãy những đợt tấn công dữ dội của xe tăng địch đang đe dọa đè bẹp những người lính dù quân phục tả toi, râu mọc tua tủa đã kiệt sức.

Ngay cả khi đã có sự yểm trợ đáng mừng này, Urquhart biết rõ một cuộc tấn công tổng lực của quân Đức chắc chắn sẽ nghiền nát lực lượng ít ỏi của ông. Thế nhưng ít nhất giờ đây họ tin rằng vẫn còn hy vọng – một cơ hội để giật lại chiến thắng vào phút chót. Vào ngày thứ Năm này, triển vọng của trận đánh đã có vẻ sáng sủa hơn đôi chút. Urquhart đã có liên lạc, dù còn hạn chế, và một mối liên kết với bên ngoài qua hỏa lực pháo yểm trợ của trung đoàn 64. Cây cầu tại Nijmegen vẫn an toàn và đã thông suốt ; những chiếc xe tăng của sư đoàn thiết giáp cận vệ đang trên đường tới; và nếu thời tiết không xấu đi, 1500 lính dù sung sức thuộc lữ đoàn dù Ba Lan số 1 của tướng Sosabowski sẽ được thả xuống vào cuối buổi chiều. Nếu lực lượng Ba Lan được đưa nhanh qua sông Rhine bằng chiếc phà giữa Driel và Heveadorp, bức tranh ảm đạm hiện tại có thể sẽ được thay đổi.

Thế nhưng, nếu Urquhart muốn giữ vững, tiếp tế hậu cần cũng khẩn cấp không kém gì việc người của Sosabowski đến nơi kịp thời. Vào ngày hôm trước, trong số 300 tấn đồ tiếp tế, những chiếc máy bay ném

bom của RAF đã chỉ thả được 41 tấn xuống khu vực Hartenstein. Cho tới khi được tiếp tế pháo chống tăng và lựu pháo với số lượng lớn, yểm trợ đường không ở tầm thấp là vô cùng quan trọng. Không có phương tiện liên lạc với không quân – những thiết bị liên lạc đặc biệt siêu cao tần của Mỹ, được vội vã chuyển tới tay người Anh chỉ vài giờ trước khi xuất phát hôm 17, đã bị cài đặt sai bước sóng và trở thành vô dụng – các sĩ quan của sư đoàn không vận đành phải thừa nhận rằng đường như RAF chưa sẵn sàng từ bỏ sự thận trọng và thực hiện những phi vụ oanh tạc mà những người lính dù biết rõ là cần thiết và đã sẵn sàng chấp nhận phần rủi ro. Urquhart liên tục gửi yêu cầu tới Browning, khẩn thiết đề nghị sử dụng máy bay cường kích và máy bay ném bom để tấn công « các mục tiêu cơ hội » mà không cần lưu ý tới vị trí của những con Quỷ đỏ. Đó là cách tác chiến của lực lượng đổ bộ đường không ; nhưng không phải cách của RAF. Thậm chí ngay vào giai đoạn nguy kịch này, các phi công vẫn khẳng khái yêu cầu chỉ rõ mục tiêu địch một cách chính xác như trên bản đồ - một điều hoàn toàn bất khả thi với những người lính dù đang bị bao vây và giam chặt bên trong một đầu cầu đang mỗi lúc một thu nhỏ lại. Không có phi vụ không kích tầm thấp nào được tiến hành, bất chấp việc mọi con đường, cánh đồng, vạt rừng xung quanh dải phòng ngự, và trái dài về phía đông tới tận Arnhem, đều có phương tiện cơ giới hoặc vị trí quân đối phương.

Chẳng có không yểm dù đã khẩn thiết yêu cầu, lại bị bó hẹp trong chu vi phòng thủ luôn bị địch tập kích bằng đạn cối và có nhiều chỗ đã phải đánh giáp lá cà, những con Quỷ đỏ giờ chỉ biết đặt hy vọng vào đoàn thiết giáp Cận vệ - mà họ tin rằng đang tiến đến chỗ mình. Urquhart thì lại bi quan hơn. Quân số ít hơn địch 4 lần, lại luôn bị pháo binh và xe tăng tập kích, thương vong cứ tăng lên đều đặn, Urquhart biết chỉ có những nỗ lực cực kỳ phi thường mới có thể cứu

được cái sự đoàn tan nát của mình. Nhận thức lực lượng nhỏ bé của mình có thể bị quân Đức nghiền nát, viên tướng người Scotland gan lì, dũng cảm vẫn cố giữ vẻ lãnh đạm ngay cả lúc bảo với ban tham mưu của mình: " Chúng ta phải giữ đầu cầu bằng mọi giá."

Chu vi phòng thủ lúc này được chia làm 2 khu vực; Đại tá Pip Hicks cố thủ phần phía tây; còn phía đông là của đại tá Shan Hackett. Cánh quân phía tây của Hicks được lính của trung đoàn tàu lượn, công binh Hoàng Gia, tàn quân của trung đoàn Biên phòng; 1 số quân Ba Lan cùng 1 đám lính thuộc nhiều đơn vị khác với đủ loại quốc tịch phòng thủ. Bên phía đông là số lính sống sót thuộc các tiểu đoàn 10 và 156 của Hackett, cộng thêm 1 vài phi công tàu lượn và trung đoàn Khinh pháo đổ bộ đường không số 1 (1st Airlanding Light Regiment). Phần cong lên ở đầu bắc chu vi phòng thủ (gần tuyến đường sắt đi Wolfheze) do quân đại đội dù độc lập số 21 của thiếu tá Boy Wilson - gồm toàn lính dù tiền sát mở đường - và tiểu đoàn Biên phòng Scotland của Đức Vua dưới quyền trung tá R. Payton Reid chống giữ. Đầu bên kia, phía nam kéo dài từ cái nhà thờ trung cổ Oosterbeek lên đến các điểm cao Westerbouwing ở phía tây, Hackett còn chỉ huy thêm 1 số đơn vị của trung đoàn Biên phòng cùng 1 đám hỗn hợp gồm tàn quân của các tiểu đoàn 1,3,11 thuộc trung đoàn Nam Staffordshires và lính trợ chiến của thiếu tá Dickie Lonsdale, người đã bị thương 2 lần - gọi là "lực lượng Lonsdale". Chính giữa khu vực này là quân của trung tá Sheriff Thompson, những pháo thủ can trường của những pháo đội vẫn đang tiếp tục chiến đấu trong tuyến phòng ngự với lượng đạn bị tiêu hao nhanh chóng.

**Chú thích: Việc chu vi phòng thủ phía đông nam được củng cố là nhờ ở sự nhạy bén của trung tá Sheriff Thompson. Đó là người trong bối cảnh hỗn loạn lúc binh lính rút khỏi Arnhem ngày 19/9 đã đứng ra chỉ huy, nhanh chóng tổ chức tới phòng thủ ở khu đất cao phía trước trận địa pháo của*

mình. Số quân này, cùng với những người bị cắt rời khỏi đơn vị trước đó - khoảng 150 phi công tàu lượn cùng pháo thủ dưới quyền, cả thảy gồm 800 người - được gọi là "Lực lượng Thompson". Sau khi quân số được tăng thêm họ mới được đặt dưới quyền điều động của thiếu tá Lonsdale. Họ rút lui cuối ngày 20/9 và được Thompson đưa về trận địa pháo của mình. Do tình hình biến chuyển, vẫn còn xảy ra trục trặc nhưng ngay sau khi Thompson bị thương hôm 21/9 thì tất cả lính bộ binh trong khu vực có trận địa pháo đều chuyển về nằm dưới sự chỉ huy của cái sau này gọi là "Lực lượng Lonsdale". Riêng những phi công tàu lượn thì vẫn thuộc quyền điều động của Lữ đoàn 1 đổ bộ đường không.

Trên bản đồ trận liệt thì đơn vị nào cũng có vị trí rất rõ ràng, nhưng theo những người sống sót sau này nhớ lại thì thực ra chẳng hề có chu vi phòng thủ, chẳng có chiến tuyến cũng như ranh giới giữa các đơn vị mà tất cả mạnh ai nấy đánh. Chỉ có những người lính còn choáng váng, đẫm máu, băng bó đầy mình lao ra trám những lỗ thủng mỗi khi chúng xuất hiện. Khi đại tá Hicks đến thăm những binh sĩ kiệt sức, đang kiên quyết bảo vệ vị trí của mình nơi đầu cầu của mình thì ông thấy rằng: "Sắp đến hồi chung cuộc, và tất cả chúng tôi ai cũng biết điều đó, dù vẫn gắng giữ vẻ lạc quan."

Ko hề biết hành động can trường bám trụ chỗ cây cầu của Frost đã kết thúc - dù trung tá Sheriff Thompson cũng có nghi ngờ khi kết nối điện đài giữa pháo binh và thiếu tá Munford đột ngột bị đứt - Urquhart vẫn hy vọng là đoàn thiết giáp Cận vệ sẽ tới chỗ tàn binh của tiểu đoàn 2 kịp lúc.*

* Chú thích: Munford đã phá hủy thiết bị truyền tin của mình ngay

sáng sớm hôm thứ 5 khi quân Đức bắt đầu xiết chặt vòng vây số lính ít ỏi còn cố bám trụ. Ông nhớ lại: "Xe tăng và bộ binh địch đã tiến lên trên cầu. Tôi tham gia vào việc chuyển thương binh mới về điểm tập trung rồi đập nát cái máy. Trung tá Thompson chẳng thể làm gì cho chúng tôi được nữa và mọi người đều muốn trở về với sư đoàn ở Oosterbeek". Munford đã bị bắt ở ngoại ô Arnhem khi đang cố gắng tìm về phòng tuyến quân Anh.

Đó là cây cầu duy nhất bắc qua sông Rhine - tuyến phòng thủ thiên nhiên cuối cùng của Đế Chế thứ III - mục tiêu chính ngay từ lúc đầu của Montgomery nhằm kết thúc chóng vánh cuộc chiến. Mất nó, tình trạng nguy ngập mà sư đoàn 1 không vận và đặc biệt, sự hy sinh gian khổ mà những người lính dũng cảm dưới quyền Frost phải chịu, sẽ trở thành vô nghĩa. Như Urquhart đã từng nói với Frost và Cough, ông chẳng có gì để giúp họ cả. Chỉ có sự thần tốc của thiết giáp quân đoàn 30 mới có thể cứu bọn họ mà thôi.

Ưu tiên trước nhất lúc này của Urquhart là đưa được quân Ba Lan của Sosabowski sang sông và tới chu vi phòng thủ nhanh như lúc họ đáp xuống. Bến phà kéo bằng dây cáp đặc biệt phù hợp với hoạt động này. Công binh của Urquhart đã đánh điện báo cho bộ tư lệnh Quân đoàn biết "phà chạy cáp lớp 24 có khả năng chở đến 3 chiếc xe tăng." Dù Urquhart vẫn còn lo về địa thế cao của đồi Westerbouwing và khả năng pháo binh Đức có thể khống chế bến vượt từ đó, nhưng tới lúc này vẫn chưa có đơn vị địch nào tới được đây. Vì quân cố thủ trong chu vi ít quá nên chỉ rút ra được 1 trung đội thuộc trung đoàn 1 Biên Phòng đến bảo vệ vị trí này. Trong thực tế thì vùng đất cao 2 bên bờ

sông hoàn toàn bỏ ngỏ. Đại đội D của thiếu tá Charles Osborne thuộc trung đoàn 1 Biên phòng được giao làm nhiệm vụ này ngay khi mới đổ bộ hôm Chủ Nhật nhưng anh ta lại nói: "Chúng tôi chưa bao giờ chiếm Westerbouwing cả. Bọn tôi được lệnh đi trinh sát tìm vị trí đóng quân cho tiểu đoàn. Tuy nhiên đến khi xong việc và quay về sở chỉ huy thì kế hoạch thay đổi." Đến thứ 5 thì lính của Osborne "đã di chuyển dần vào 1 vị trí gần khách sạn Hartenstein" chứ ko ai lên chiếm những điểm cao quan trọng kia cả.

Vào hôm thứ 4, công binh đã cho 1 toán thám sát xuống sông Rhine để báo cáo tình hình bến phà, độ sâu, địa thế 2 bên bờ sông và tốc độ dòng chảy hiện tại. Anh lính công binh Torn Hicks cứ nghĩ chuyển điều nghiên này là để "giúp tập đoàn quân số 2 khi nó định vượt sông." Hicks cùng với 3 lính công binh nữa và 1 hướng đạo người Hà Lan, đã dùng phà vượt sông Rhine. Anh thấy ông lão Pieter, bàn tay đang bị thương giữ sợi dây cáp lợi dụng dòng chảy để đưa phà sang bên kia sông. Anh cột trái lựu đạn vào sợi dây dù, và cứ cách 1 bộ lại thắt 1 nút, rồi tiến hành đo độ sâu và tốc độ dòng chảy. Đến đêm thứ 4, khi bãi đổ bộ của quân Ba Lan đã chuyển đến Driel, thì 1 toán thám sát khác lại được điều tới bến phà. Binh nhất Robert Edwards nhớ lại: "Đó là 1 việc tình nguyện. Chúng tôi xuống đoạn sông ở Heveadorp đi tìm bến phà rồi sẽ ở lại bảo vệ nó."

1 trung sĩ, 1 hạ sĩ cùng 6 binh sĩ lên đường trong đêm tối. Edwards nói: "Đạn cối và pháo rơi xuống âm âm còn chúng tôi thì lao vào khoảng rừng rậm nằm giữ bọn tôi và Heveadorp." sau nhiều lần bị nã pháo thì có 1 phi công tàu lượng bị thương. Họ tới chỗ bờ sông được

đánh dấu trên bản đồ nhưng lại chẳng thấy bến phà đâu cả. Nó đã hoàn toàn biến mất. Dù có khả năng là phà đang được neo bên bờ nam, người ta vẫn bảo toán thám sát sẽ tìm thấy nó bên phía bờ này. Các binh sĩ lập tức tản ra, lục soát 1 khoảng dài 1/4 dặm 2 bên bến phà phía bắc. Cuộc tìm kiếm chẳng có kết quả gì. Không tìm được cái phà của ông Pieter. Theo ký ức của Edwards, thì viên trung sĩ chỉ huy đã kết luận rằng phà đã bị chìm hoặc chẳng hề tồn tại. Vừa tảng sáng thì mấy người lính thôi không đi tìm nữa và bắt đầu hành trình quay về đây nguy hiểm.

Chỉ mấy phút sau, họ vấp phải hỏa lực súng máy dữ dội khiến thêm 3 người nữa bị thương và toán thám sát lại phải lộn lại chỗ bờ sông. Viên trung sĩ quyết định mọi người phải chia nhau ra thì mới có cơ trở về được. Edwards đi với tay hạ sĩ cùng 2 phi công tàu lượn. Sau "1 cuộc chạm trán chớp nhoáng với lính Đức" nhóm của anh tới được chỗ cái nhà thờ ở Oosterbeek Hạ. Edwards nằm lăn ra đất, cả 2 chân đều găm đây: "mảnh đạn nhỏ, máu chảy sũng giày tôi." Trong ngôi nhà gần nhà thờ, 1 lính quân y đã băng vết thương rồi bảo anh nghỉ ngơi. Edwards nhớ lại: "ngôi nhà đầy nhóc thương binh nặng. Mùi hôi của những vết thương và xác chết thật là kinh khủng." Anh quyết định bỏ đi tới chỗ sở chỉ huy đại đội, đóng trong 1 tiệm giặt ủi. "để trình diện. Tôi báo cho 1 sĩ quan biết chuyện cái phà rồi chui vào hố chiến đấu cùng 1 phi công tàu lượn. Chẳng biết những người kia có về được hay không nữa và cũng không biết những gì xảy ra cho mấy người bạn đã cùng tôi tới nhà thờ."

Sau đó 1 lúc, tướng Urquhart, vẫn chưa hay biết gì về số phận của

Frost đánh điện cho Browning như sau: Địch đang tấn công cầu rất dữ. Tình hình rất nguy cấp. Địch từ Heelsum phía đông và Arnhem phía tây đánh tới. Tình thế rất nghiêm trọng và những đơn vị còn lại của sư đoàn phải lập chu vi phòng thủ vòng tròn quanh Hartenstein. Cả 2 khu vực đều rất cần chi viện. Vẫn kiểm soát được bến phà Heveadorp.

Mãi đến khi thông điệp được truyền qua mạng thông tin của trung đoàn 64 thì Bộ chỉ huy sư đoàn mới biết chuyện không tìm thấy phà. Các sĩ quan của Urquhart thì cho rằng quân Đức đã đánh chìm nó mất rồi. Thế nhưng phà của ông Pieter vẫn còn nguyên. Có lẽ pháo bắn đã làm dây neo của nó bị đứt. Rốt cục sau này dân Hà Lan lại tìm thấy nó dạt vào bờ tận cây cầu đường sắt bị phá hủy cách đó 1 dặm và vẫn nguyên vẹn. "Nếu bọn tôi tìm thêm mấy trăm mét nữa gần Oosterbeek thì đã thấy nó rồi." Edward nói.

Đến sáng thứ 5 khi Urquhart về bộ chỉ huy sau khi đi kiểm tra công tác phòng thủ Hartenstein thì ông mới biết tin dữ. Quân Ba Lan sẽ được thả dù xuống trong vài tiếng nữa, vậy mà cách nhanh nhất để đưa lính của Sosabowski tới tăng cường chu vi phòng thủ lại chẳng còn.*

** Chú thích: câu chuyện thật sự về cái phà mới xuất hiện đầu tại đây. Các sử gia đều chính thức nói rằng nó đã bị chìm. Quan điểm của họ cho rằng quân Đức đã dùng pháo hủy phà hoặc kéo nó đi chỗ khác trong vùng kiểm soát của mình. Không một nhật ký chiến trường, biên bản hay chiến lược nào của phía Đức chứng minh cho giả thiết trên. Qua phỏng vấn các sĩ quan Đức -*

chẳng hạn như Bittrich, Harzer, Harmel và Krafft - tôi ko thấy ai nhớ ra có những hoạt động kiểu như vậy. Giả sử quân Đức muốn chiếm con phà đi nữa thì chắc chắn họ cũng gặp phải những khó khăn trong việc định vị nó giống như Edwards đã báo cáo. Bất luận thế nào đi nữa, cũng chẳng sĩ quan Đức nào nhớ đã từng ra lệnh cắt cáp nhằm ngăn ko cho quân Anh sử dụng phà cả.

Từ trên cửa sổ chiếc Dakota dẫn đầu trong đoàn máy bay trở lữ đoàn dù Ba Lan số 1 tới bãi thả dù ở Driel nhìn xuống, thiếu tướng Stanislaw Sosabowski nói: "Biết được sự thật về những gì mình đã ngờ vực bấy lâu". Từ Eindhoven chỗ đoàn máy bay rẽ sang hướng bắc ông nhìn thấy "hàng trăm xe cộ đang ùn ùn hỗn loạn suốt dọc con đường". Khói bốc lên cuồn cuộn, đạn pháo địch rớt xuống nhiều điểm dọc xa lộ. Xe cộ cháy rừng rực. "Xác xe chất đống 2 bên lề đường." Tuy nhiên chẳng biết làm thế nào mà đoàn xe vẫn tiếp tục di chuyển. Sau đó khi tới Nijmegen thì đoàn xe mới dừng lại. Nhìn xuyên qua những đám mây thấp ở phía tay phải, Sosabowski thấy con đường đã tắc nghẽn, khiến xe tăng phải dừng lại. Hỏa lực địch đang rớt xuống đầu đoàn quân. 1 lát sau, khi đoàn máy bay nghiêng cánh hướng tới Driel thì cây cầu Arnhem mờ mờ đã hiện lên trong tầm mắt. Xe tăng đang từ phía bắc vượt qua cầu tiến xuống phía nam.

Sosabowski nhận ra đó là tăng của Đức. Thật sốc và choáng váng, giờ ông mới biết quân Anh đã để mất cây cầu.

Vào đêm thứ 4, bức xúc do thiếu thông tin về tình hình của Urquhart,

Sosabowski đã dẹp bỏ hết sự cần trọng của mình. Ông đòi được gặp tướng Brereton, tư lệnh Tập đoàn quân không vận số 1 của đồng minh. Theo đại tá George Stevens, sĩ quan liên lạc với lữ đoàn Ba Lan thì Sosabowski đã bức xúc tuyên bố rằng nếu như chưa được biết: "về tình hình chính xác của Urquhart quanh Arnhem thì lữ dù Ba Lan sẽ ko đi." Stevens hoảng hốt vội đem theo tối hậu thư của Sosabowski về bộ tư lệnh Tập đoàn quân không vận 1. 7g sáng thứ 5 thì ông mang tin của Brereton về. Stevens thừa nhận có những rối loạn nhưng cuộc tiến công vẫn diễn ra đúng theo kế hoạch, bãi thả dù vẫn ở Driel ko thay đổi và "bến phà Heveadorp vẫn ở trong tay quân Anh." Sosabowski đã dịu lại. Lúc này khi nhìn xuống toàn cảnh của trận đánh thì ông mới nhận ra rằng "mình còn biết nhiều hơn Brereton." Giận điên lên khi thấy ở Oosterbeek có thiết giáp Đức và cơn mưa đạn phòng không sắp đón chào binh sĩ của mình, Sosabowski tin chắc lữ đoàn mình đã bị đem "hy sinh trong 1 thảm họa hoàn toàn của người Anh". Sau đó 1 lát, ông nhảy ra khỏi cửa máy bay giữa làn đạn phòng không dày đặc. Vị tướng 50 tuổi lưu ý lúc đó chính xác là 5.08 phút chiều.

Đúng như Sosabowski lo sợ, lính Ba Lan đã nhảy xuống ngay hỏa ngục. Cũng như trước đó, quân Đức đã đợi sẵn. Họ đã theo dõi đoàn máy bay từ Dunkirk cho đến tận lúc này, và đã tăng cường tại đây vô số súng phòng không. Khi đoàn máy bay vận tải đến gần thì bỗng hiện ra 25 máy bay Messerschmitt nhào từ trên mây xuống bắn xối xả.

Trong khi lơ lửng, Sosabowski nhìn thấy 1 chiếc Dakota, 2 động cơ đầy lửa đỏ đang lao xuống mặt đất. Hạ sĩ Alexander Kochalski cũng

thấy 1 chiếc khác đang bị rơi. Chỉ có chừng chục lính dù nhảy thoát ra trước khi nó rơi xuống đất bốc cháy. Anh nhìn thấy rất nhiều luồng đạn "như thể tất cả súng ống dưới đất đều nhắm vào mình". Dù của Hạ sĩ Wladijslaw Korob bị bắn thủng lỗ chỗ. Anh đã tiếp đất cùng với 1 đồng đội bị mất đầu.

Tại Oosterbeek, chỉ cách nơi thả lính dù Ba Lan chừng 2 dặm rưỡi, trận đánh có 1 lúc tạm lắng. Mọi súng ống Đức dường như đang phải tập trung hết vào những người lính đang lơ lửng, chẳng có gì để tự vệ. "Giống như toàn bộ các súng pháo của địch đều hướng lên và nổ cùng 1 lượt" pháo thủ Robert Christie nhớ lại. Thời gian được 'tạm tha' này thật là quý giá: mọi người tận dụng ngay cơ hội để di chuyển xe jeep và trang thiết bị, đào hố cá nhân, mang đạn dự trữ đến, sửa lại lưới ngụy trang và vứt vỏ đạn trống ra khỏi chiến hào chật chội người.

Trên con đường đắp cao cách đó 6 dặm, đại úy Roland Langton người dẫn đầu đoàn xe tăng đã dừng lại trên con đường đi Arnhem 6 tiếng trước đó, chứng kiến cuộc thả dù mà lòng quặn thắt. Đó là cảnh tượng khủng khiếp nhất anh từng chứng kiến. Tiêm kích Đức lao vào những chiếc máy bay chở lính Ba Lan ko có gì tự vệ bắn "chúng tan tành ngay trên trời". Lính dù cố gắng thoát khỏi những chiếc máy bay đang cháy. " trong đó có vài chiếc đã chúi mũi lao xuống đất." Thân hình những người lính "nhào lộn trong không trung, hoặc rơi xuống từ từ, đã chết trước khi tiếp đất." Langton tí nữa phát khóc tự hỏi "Không yểm đâu cả rồi?". "Hồi trưa người ta nói là ko thể đánh tới Arnhem được vì tất cả những máy bay có sẵn đều phải giành cho

quân Ba Lan. Vậy thì chúng nó đâu? Thời tiết chẳng? Vô lý. Bọn Đức thì bay được vậy tại sao chúng ta lại ko?" Langton chưa bao giờ cảm thấy thất vọng như thế. Từ trong thâm tâm anh biết nếu có máy bay chi viện thì "Xe tăng của mình đã có thể vọt tới những đồng đội đáng thương ở Arnheim". Trong nỗi lo âu, tuyệt vọng ấy anh chợt thấy mình suy sụp.

Dù rất kinh hoàng vì bị cả máy bay kết hợp với súng phòng không đánh dữ, hầu hết lữ đoàn Ba Lan đều hoàn thành chuyển nhảy dù bộ của mình một cách phi thường. Ngay khi họ vừa xuống đất, đạn pháo phòng không cùng đạn trái phá - bắn ra từ xe tăng và pháo phòng không trên suốt đoạn đường Nijmegen đi Arnheim cùng các pháo đội đóng ở bắc Driel - lại dập xuống túi bụi. Sosabowski thấy dường như toàn khu vực chỗ nào cũng nằm dưới làn đạn súng máy cả. Bị đánh mạnh từ trên trời rồi lại bị hỏa lực bắn chéo cánh sẽ quét dưới đất, các binh sĩ giờ lại phải mở đường máu thoát ra. Sosabowski đáp xuống gần 1 con kênh.

Trong lúc tìm chỗ nấp, ông chạy ngang qua xác 1 người lính "nằm dài trên cỏ, tay chân giang ra theo hình chữ thập", Sosabowski sau này đã viết: "1 viên đạn hoặc miếng pháo đã gọt gần như bay mất đỉnh đầu cậu ấy. Tôi tự hỏi cho đến khi trận đánh chấm dứt thì liệu mình còn phải chứng kiến bao nhiêu lính dùi quyền chết như thế nữa, cho dù sự hy sinh của họ chẳng hề vô ích?". Thất kinh trước màn chào đón dữ dội của quân Đức, toàn bộ dân cư Driel giờ lại bị lính dù tràn ngập. Tất cả các thôn làng, vườn tược, kênh mương thủy lợi, đê quai lấn biển và cả thị trấn đều có lính dù nhảy xuống. 1 số binh sĩ bị rơi

xuống sông Rhine đã ko kịp gỡ dù ra nên đã bị nước cuốn trôi, chết đuối. Bất chấp đạn pháo cùng súng máy bắn về phía mình người dân Hà Lan vẫn chạy ra cứu giúp những lính Ba Lan xấu số. Trong đó có cả Cora Baltussen, thành viên hội chữ thập đỏ.

Cuộc đổ bộ, tập trung trong khu vực thả dù rộng chưa đầy 2 dặm phía nam Driel, đã khiến dân thị trấn rất đổi ngạc nhiên. Ko có lính dù tiên sát đi trước còn dân Hà Lan dưới đất thì chẳng hề biết gì về kế hoạch này. Cưỡi trên chiếc xe đạp có lốp làm bằng gỗ, Cora Baltussen chạy xe trên con đường đê nhỏ hẹp phóng về hướng nam đến 1 nơi gọi là Honingsveld, nơi có vẻ có nhiều lính dù nhảy xuống. Rất đổi kinh hãi, cô nghĩ chẳng ai có thể sống sót nổi trước lưới lửa quân Đức và chắc hẳn số thương vong sẽ là rất cao. Cora rất ngạc nhiên khi thấy những người lính tập hợp thành đội ngũ dưới làn đạn rồi theo từng nhóm chạy đến nấp dưới chân đê. Thật ko thể tin là họ còn đông đến thế. Sau đó cô nghĩ bụng "Vậy là cuối cùng mấy chàng Tommies cũng đã đến Driel."

Dù ko nói tiếng Anh nhiều năm rồi nhưng Cora vẫn là người duy nhất ở Driel biết thứ ngôn ngữ này. Ngoài việc hoạt động với chức trách y tá do hội chữ thập đỏ đào tạo, Cora còn hy vọng sẽ làm thêm cả công việc thông dịch viên nữa. Trong khi phóng về phía trước cô thấy mấy người lính cứ xua tay rồi rít chặt hằn để: "bảo tôi tránh khỏi con đường vì sợ tôi bị dính đạn." Nhưng Cora đang "Hăng hái đến góc góc" nên ko nhận thấy những viên đạn đang bay vi vu quanh mình. Gặp nhóm lính đầu tiên cô la lớn "Hello Tommies" rồi bỗng rất bối rối khi nghe tiếng họ trả lời. Họ nói thứ ngôn ngữ khác-

ko phải là tiếng Anh. Cô cố lắng nghe hồi lâu. Có 1 số người Ba Lan bị ép đi lính cho Đức đã từng đóng tại Driel mấy năm trước nên cô nhận ra ngay đó là tiếng Ba Lan. Điều này càng khiến cô cảm thấy bối rối.

Sau nhiều năm sống dưới ách kẻ thù, nên Cora rất cảnh giác. Có mấy lính Anh cùng phi hành đoàn 1 chiếc máy bay rơi đang trốn trong nhà máy Baltussen lúc này. Hình như đám Ba Lan cũng đang ngò vức, họ nhìn cô với vẻ rất dè dặt. Bọn họ ko nói được tiếng Hà Lan, nhưng cũng có mấy người lính đánh bạo hỏi mấy câu thăm dò bằng thứ tiếng Anh và tiếng Đức rất tệ. Họ hỏi cô từ đâu đến? Ở Driel có bao nhiêu người? Trong thị trấn có lính Đức ko? trang trại Baarskamp ở đâu? Việc họ hỏi đến Baarskamp khiến Cora trả lời bằng hàng tràng tiếng Anh lẫn tiếng Đức. Trang trại này nằm ngay phía đông thị trấn, cô đã nghe anh mình là Josephus, 1 thành viên kháng chiến, nói chủ của nó là 1 tên phát xít Hà Lan. Cô biết quanh Baarskamp có 1 số lính Đức trong các khẩu đội pháo phòng không có công sự xây bằng gạch đóng dọc trên đường đê sông Rhine. Cô nài nỉ "Đừng đi tới đó, bọn Đức đây ở đó đấy." Lính Ba Lan có vẻ nghi ngại. " Họ ko biết liệu tôi có đáng tin không?" Cora nhớ lại: "Tôi chẳng biết làm gì cả nhưng rất sợ những người lính cứ đi đến Baarskamp rồi bị sụp bẫy ở đó." Trong số quân nhân đứng quanh đó có cả tướng Sosabowski. Cora nhớ lại: "Ông ta chẳng có dấu hiệu gì đặc biệt và trông cũng giống y như mấy người khác. Mãi hôm sau tôi mới biết cái ông nhỏ con, răn rỏi ấy là ông tướng."

Cô còn nhớ Sosabowski lúc đó vẫn bình tĩnh gặm 1 quả táo. Ông có vẻ rất quan tâm đến thông tin về trang trại Baarskamp của cô;

hoàn toàn ngẫu nhiên nó lại được chọn là điểm tập kết chính của lữ đoàn. Cho dù Cora nghĩ ko ai trong nhóm lính kia tin lời mình, các sĩ quan của Sosabowski cũng cho lính liên lạc đi báo tin cho các toán quân khác về tình hình ở Baarskamp. Người đàn ông nhỏ con rắn chắc đang ăn táo lúc này mới hỏi: "Bến phà ở chỗ nào?"

1 sĩ quan giờ bản đồ ra, Cora chỉ vị trí của nó rồi thông báo: "Nhưng, nó ko hoạt động nữa." Dân Driel từ hôm thứ 4 đã ko thấy người lái phà đâu cả. Họ nghe Pieter bảo là dây cáp bị đứt và phà đã bị phá hủy. Sosabowski choáng người khi nghe tin này. Khi đổ bộ, ông đã điều 1 toán thám sát đi tìm vị trí cái phà. Giờ thì điều mà ông sợ đã trở thành hiện thực. Ông nhớ lại "Tuy vẫn đợi toán thám sát về báo, nhưng thông tin của cô gái trẻ này có vẻ chính xác. Tôi cảm ơn cô rất nhiều."*

**Chú thích: 1 số ghi chép khác nói Cora là thành viên của 'thế giới ngầm'(tức phe kháng chiến.ND) được gửi đến để báo cho Sosabowski biết phà đang nằm trong tay quân Đức. Cora nói "sự thật ko thể thêm bớt. Tôi chưa bao giờ là thành viên phe kháng chiến cả, mặc dù các anh của tôi đều tham gia. Người Anh ko tin tưởng phe kháng chiến nên chắc chắn chúng tôi ở Driel chẳng hề biết gì cả cho tới tận lúc quân Ba Lan nhảy xuống đâu."*

Một nhiệm vụ nặng nề đang nằm trước mặt. Muốn nhanh chóng tới cứu những người lính đang bị vây của Urquhart, Sosabowski sẽ phải đưa lực lượng mình vượt qua đoạn sông Rhine rộng 400m bằng thuyền hoặc bè trong đêm tối. Ông chẳng biết liệu công binh của Urquhart có tìm được thuyền ko hay nơi nào có thể kiếm được chúng. Ông biết việc các điện đài viên của mình ko thể bắt liên lạc được với

sở chỉ huy sư đoàn 1 Không vận của Anh. Cũng chẳng biết gì về kế hoạch mới có thể đã được đề ra. Lúc này, trong khi Cora cùng nhóm của mình đi cứu chữa thương binh thì Sosabowski quan sát lính dưới quyền vận động dưới màn khói bom đánh chiếm những vị trí trong khu vực, địch chống cự rất yếu ớt. Cho đến nay thì sự chống trả chủ yếu mà lữ đoàn phải đối mặt vẫn chỉ là đạn pháo và cối. Vẫn chưa thấy xe tăng địch xuất hiện. Mặt đê quai lấn biển có vẻ quá mềm đối với xe tăng. Vừa bối rối vừa bức bối, Sosabowski đặt sở chỉ huy trong 1 nhà trại chờ tin của Urquhart. Ông còn buồn hơn khi biết lữ đoàn 1500 quân của mình lại có 500 lính ko thể đến được. Thời tiết xấu khiến cho số máy bay chở gần như toàn bộ 1 tiểu đoàn buộc phải qua về căn cứ ở Anh quốc. Số quân còn lại của ông lại phải trả 1 cái giá quá đắt đỏ vì tổn thất: Dù chưa biết con số chính xác, nhưng đến đêm thì mới gom được 750 quân, trong đó có hàng chục người bị thương.

Đến 9 giờ tối mới có tin của Urquhart. Ko thể bắt liên lạc với Sosabowski bằng điện đài. Đại úy Zwolanski, sĩ quan liên lạc của Ba Lan trong sở chỉ huy của Urquhart đành bơi qua sông Rhine. Sosabowski nhớ lại: "Tôi đang nghiên cứu bản đồ thì bất ngờ anh chàng phi thường đó, ước nhẹ, phủ đầy bùn đất mặc quần sọc mò tới."

Zwolanski nói cho ông tướng biết Urquhart: "muốn ta vượt sông trong đêm và đã có sẵn bè để chở." Sosabowski lập tức lệnh cho 1 số lính ra bờ sông đợi sẵn. Họ chờ gần hết đêm mà bè vẫn chưa thấy tới. Sosabowski kể: "Đến 3g sáng thì tôi biết kế hoạch này, vì lý do nào đó, đã thất bại. Tôi đành kéo quân về lập chu vi phòng thủ." Ông chờ

đội sáng ra "bộ binh Đức sẽ tiến công với hỏa lực của trọng pháo ". Mọi cơ hội để vượt sông Rhine "dưới sự che chở của bóng đêm giờ đã tiêu tan."

Trước đó,tại khách sạn Hartenstein bên kia sông, Urquhart đã gửi cho Browning 1 bức điện, nội dung như sau:

(212144). Ko có tin tức gì về các đơn vị của sư đoàn ở Arnhem suốt 24 giờ qua. Số quân còn lại của sư đoàn đang trong 1 chu vi phòng thủ hẹp. Có những trận đột kích cục bộ dưới hỏa lực súng cối và súng máy. Chủ yếu bị thiệt hại là vì pháo tự hành. Chúng tôi bị thương vong nặng. Mọi thứ sắp cạn kiệt. Khẩn thiết mong được cứu viện trong 24 giờ nữa.

Trong sở chỉ huy nhỏ của mình ở Brussels, gần bộ tư lệnh Cụm tập đoàn quân 21 của Montgomery. Hoàng thânBernhard, tổng tư lệnh quân lực Hà Lan ngày càng đau khổ khi theo dõi từng bước tiến quân. Đất nước Hà Lan từng có thể dễ dàng giải phóng hồi đầu tháng 9 giờ đã trở thành bãi chiến trường vĩ đại.Bernhard chẳng đổ lỗi cho ai cả. Cả quân Anh lẫn quân Mỹ đều hy sinh tính mạng để cứu Hà Lan thoát khỏi ách áp bức tàn bạo. Tuy nhiên, Bernhard mau chóng cảm thấy thất vọng với Montgomery cùng bộ tham mưu của ông ta. Vào thứ 6, ngày 22/9, khi Bernhard biết đoàn thiết giáp Cận Vệ đã phải dừng tạiElst còn quân Ba Lan được thả xuống Driel chứ ko phải phía nam cầu Arnhem thì vị Hoàng thân 33 tuổi này đã mất hết bình tĩnh. "Sao lại vậy?" Ông giận dữ gặng hỏi vị tham mưu trưởng của mình là thiếu tướng "Pete" Doorman. "Tại sao người Anh ko chịu

nghe chúng ta? Tại sao hả?"

Những cố vấn cao cấp của Hà Lan đã bị loại khỏi kế hoạch Market-Garden cho dù ý kiến của họ rất có giá trị. Bernhard nhớ lại: "Ví dụ nếu chúng tôi kịp biết các vị trí được chọn để thả dù và khoảng cách giữa chúng với cầu Arnhem, thì người của tôi chắc chắn sẽ có ý kiến". Nhưng vì "Montgomery nhiều kinh nghiệm quá đi nên Bernhard cùng ban tham mưu "đã chẳng hỏi han gì và mặc nhiên chấp nhận mọi việc." Tuy nhiên đến khi các vị tướng Hà Lan biết Quân đoàn 30 sẽ chọn trục đường nào để tiến quân thì họ đã rất lo và cố gắng thuyết phục những ai muốn nghe để cảnh báo những hiểm họa khi phải hành tiến trên đường đê. Bernhard nói: "Trong trường Tham Mưu Hà Lan, chúng tôi đã nghiên cứu, thử nghiệm rất kỹ vấn đề này và biết xe tăng sẽ ko thể đi trên đó mà thiếu bộ binh." Các sĩ quan Hà Lan đã nói đi nói lại nhiều lần với bộ tham mưu của Montgomery rằng Market-Garden sẽ chẳng thể diễn ra êm xuôi nếu như xe tăng ko đi kèm với bộ binh. Tướng Doorman còn diễn tả "mình đã đích thân thử nghiệm đi cùng thiết giáp ngay trên đó hồi trước chiến tranh" như thế nào.

Theo Bernhard thì người Anh " tỏ ra chẳng ấn tượng gì lắm trước thái độ tiêu cực của chúng tôi" dù rằng mọi người " đều tỏ ra rất lịch sự, người Anh vẫn thích kế hoạch của họ hơn nên ko chịu nghe quan điểm của chúng tôi." Họ thường xuyên có thái độ kiêu: "Đừng lo lắng, cậu bé. Bọn tôi sẽ làm mọi việc ổn cả thôi." Ngay cả đến giờ, Bernhard lưu ý: "mọi việc đều đổ tại thời tiết cả. Ấn tượng chung trong bộ tham mưu của tôi là người Anh luôn coi chúng tôi là lũ ngốc vì dám hồ

nghi chiến thuật quân sự của họ." Trừ 1 số sĩ quan cấp cao, Bernhard biết mình : "Chẳng được bộ tham mưu của Montgomery ưa thích gì lắm vì tôi đã nói ra những điều xui xẻo và giờ thì chúng lại trở thành sự thật - và thông thường người Anh ko thích bị đám nước ngoài chết tiệt vạch ra cái sai của mình." *

* Chú thích: *Trung úy Rupert Mahaffey của trung đoàn Cận Vệ Ireland còn nhớ 1 sĩ quan thuộc lữ đoàn công chúa Irene Hà Lan đã tới ăn tối cùng các sĩ quan Cận Vệ ngay sau khi xe tăng của họ bị chặn ở Elst. Viên sĩ quan Hà Lan nhìn quanh bàn rồi nói: "các anh sẽ trượt kỳ thi này mất thôi." Anh giải thích là đây là 1 bài thi mà trường Tham Mưu Hà Lan hay ra để kiểm tra xem xem cách nào đúng nhất nhằm tiến đánh Arnhem từ Nijmegen. Có 2 sự lựa chọn: a) tấn công theo đường sắt; b) tiến chùng 1-2 dặm rồi rẽ trái, thực hành vượt sông Rhine, rồi đi vòng sang bên sườn. Tay sĩ quan kia nói "Ai chọn cách đi thẳng sẽ bị đánh trượt, còn ai rẽ trái vượt sông thì mới được qua."*

Từ sở chỉ huy của mình tại Brussels, Bernhard đã ko báo hết tường tận mọi việc về London cho vị nữ hoàng 64 tuổi Wilhelmina cùng chính phủ Hà Lan lưu vong. Bernhard nói: "Họ chẳng thể tác động gì được tới kế hoạch quân sự của người Anh. Sẽ ko hay ho gì nếu nữ hoàng hoặc chính phủ chúng tôi đưa vấn đề này ra với Churchill. Ông ta chẳng bao giờ can thiệp vào 1 chiến dịch quân sự ngoài chiến trường. Danh tiếng của Monty là quá lớn. Chúng tôi chẳng thể làm gì được."

Nữ hoàng Wilhelmina cũng lo lắng dõi theo trận đánh. Cũng giống như con rể của mình, bà mong Hà Lan được giải phóng nhanh chóng.

Giờ thì nếu Market-Garden thất bại, thì hoàng gia e rằng "Đức sẽ trả thù nhân dân rất khủng khiếp. Nữ hoàng nghĩ quân Đức, mà bà cực kỳ căm ghét, sẽ ko tha cho họ."

Thoạt đầu, khi chiến dịch đang tiến triển, khi Bernhard vừa báo với Wilhelmina rằng: "chúng con sẽ sớm chiếm lại ruộng đất và mấy lâu đài của hoàng gia" thì vị nữ hoàng đã trả lời: "Đốt hết cả đi." Khi Bernhard choáng người lấp bắp hỏi "Mẹ nói gì ạ?" thì nghe Wilhelmina bảo: "Ta sẽ ko bao giờ đặt chân vào những nơi mà bọn Đức đã làm ô uế. Không bao giờ!" Bernhard cố gắng làm bà nguôi giận "Mẹ à, đừng trầm trọng hóa vấn đề như thế. Dù gì đi nữa chúng đều rất hữu dụng. Ta có thể dùng thuốc DDT để tẩy uế mà." Nữ hoàng vẫn nhất quyết hạ lệnh: "Đốt hết mấy lâu đài đó đi. Ta sẽ ko bao giờ đặt chân vào đấy nữa." Vị Hoàng thân từ chối: "Nữ hoàng rất giận khi thấy tôi cùng bộ tham mưu vào ở trong cung điện (chứ ko phá hủy nó) mà ko hỏi ý kiến bà trước. Suốt nhiều tuần bà chẳng thèm nói chuyện với tôi trừ những việc quân chính. Giờ thì Bernhard cùng bộ tham mưu chỉ còn biết "chờ đợi và hy vọng. Diễn biến tình hình thật cay đắng và thất vọng. Chưa bao giờ tôi nghĩ sai lầm sẽ phải trả bằng giá cao đến thế." Thậm chí Bernhard còn lo sợ hơn nữa cho số phận đất nước Hà Lan: "Nếu quân Anh bị đẩy lùi khỏi Arnhem, thì người Hà lan sẽ phải đối mặt với 1 mùa đông rất khủng khiếp."

OOSTERBEEK, ốc đảo yên bình giữ cuộc chiến tranh, giờ đã thành trung tâm của trận đánh. Đã gần 72 tiếng đồng hồ kể từ thứ 4, thị trấn trở thành 1 cái lò sát sinh. Pháo và súng cối đã biến nó thành 1 đồng hồ lớn. Quang cảnh thanh bình của thị trấn đã hoàn toàn biến mất. Thay vào đó là cảnh tượng tàn phá tan hoang với hố đạn pháo khắp nơi, chiến hào ngang dọc, gỗ và sắt vụn nằm lổng chổng, tro bụi bay đầy trời. Trên những thân cây cháy đen là những mảnh vải, rèm cửa bay phấp phới 1 cách ma quái. Vò đạn rỗng bằng đồng sáng lấp lánh trong các bụi cây cao ngang đầu gối dọc đường đi. Phố xá bị chặn bởi xe cộ cháy, cây đổ, khung cửa, bao cát đồ nội thất và thậm chí bằng cả đàn piano nữa. xác lính nằm cạnh xác dân đặt phía sau mấy ngôi nhà, kho đụn sập đổ, bên lề đường và tại những khu vườn tan hoang. Khách sạn, khu nghỉ dưỡng lúc này đều đã biến thành bệnh viện, xung quanh đầy rẫy tranh ảnh, đèn võ, đồ nội thất. Những tấm rèm diêm dúa khi xưa giờ rũ xuống, rách nát bẩn thỉu. Gần như nhà nào cũng bị ảnh hưởng, 1 số đã cháy trụi. Thị trấn hầu như chẳng còn cái cửa sổ nào còn nguyên vẹn.

Trong khu vực hoang tàn mà quân Đức gọi là "chảo lửa" này, những người dân Hà Lan - gồm từ 8-10.000 người cả đàn ông, phụ nữ, trẻ nhỏ - đang phải vật lộn để tồn tại. Họ chen chúc trong hầm nhà, chẳng có nước, điện lẫn khí đốt. Và cũng như các binh sĩ trong vùng, hầu hết đều nhịn đói. Những người dân tự chôn sóc người bị thương

của mình lẫn quân Anh đang phòng ngự và đôi khi cả lính Đức đang tấn công nếu bắt gặp. Tại khách sạn Schoonoord, 1 trạm xá lớn tọa lạc ngay trên tuyến đầu, Hendrika van der Vlist, con gái ông chủ đã viết vào nhật ký như sau:

Ko còn sợ nữa, chúng tôi đã vượt qua hết. Những người bị thương đang nằm khắp xung quanh, 1 số đang hấp hối. Chúng tôi sẽ vẫn tiếp tục làm như vậy nếu cần thiết. Trong khoảng thời gian này chúng tôi đã hoàn toàn đoạn tuyệt với cuộc sống trước đây. Chẳng còn đồ đạc cá nhân nữa. Khách sạn đã hoàn toàn hư hỏng. Thậm chí tôi còn chẳng bận khoăn về nó nữa. Làm gì có thời giờ. Nếu cần thì chúng tôi cũng sẵn sàng hy sinh hết.

Bám trụ dọc đường, ngoài đồng, trên mái nhà sau những công sự bên cửa sổ những ngôi nhà đổ, gần nhà thờ ở Oosterbeek Hạ, hay trong công viên Hartenstein tan hoang là những anh lính dù mắt trũng sâu đầy căng thẳng. Âm thanh của trận bắn phá cứ âm ầm hâu như liên tục khiến cho cả lính lẫn dân hâu như điếc đặc. Mọi người ở Oosterbeek hâu như đã bị sốc đến độ tê liệt. Chẳng còn ý niệm về thời gian, mọi thứ đều mờ mờ ảo ảo. Tuy lính và dân vẫn giúp đỡ an ủi nhau với hy vọng được cứu thoát, nhưng phần lớn đều đã quá kiệt sức nên cũng chẳng thiết gì nữa đến chuyện sống còn. Trung tá R. Payton Reid, chỉ huy tiểu đoàn 7 Biên phòng Scotland nhận xét: "Khô nhất là thiếu ngủ. Các binh sĩ đã bước đến ngưỡng ko còn có gì quan trọng trên đời hơn là việc được ngủ." Đại úy Benjamin Clegg của tiểu đoàn dù 10 nói: "Tôi thèm ngủ hơn mọi nhọc nhằn khác- gần như đến độ ngủ rồi chết luôn cũng được." Còn trung sĩ Lawrence Goldthorpe,

phi công tàu lượn, thì bảo: "Đôi lúc tôi còn ước gì mình bị thương để có thể nằm xuống và nghỉ ngơi chút ít." Nhưng ko ai được phép nghỉ cả.

Trên toàn chu vi phòng thủ hình ngón tay đưa lên - từ khách sạn Dreyeroord màu trắng (được lính tráng gọi là "Nhà trắng") nằm trên cực bắc tới chỗ cái nhà thờ xây hồi thế kỷ thứ 10 ở Oosterbeek Hạ - các binh sĩ phe tiến công lẫn phòng thủ đều chiến đấu hết sức quyết liệt, khí tài, nhân lực của họ lẫn lộn với nhau. Lính Anh thường xuyên sử dụng súng đạn thu được của quân Đức. Xe tăng Đức bị diệt chính vì mìn của mình. Binh sĩ Đức lái xe jeep Anh và sử dụng hàng tiếp tế của lính dù. Đại tá Harzer, chỉ huy sư đoàn Hohenstaufen nhớ lại "Đó là trận đánh ít tổn kém nhất mà tôi từng tham gia. Mọi thức ăn, thuốc lá và đạn được đều là của 'chùa' hết." 2 bên giành đi giật lại các vị trí của nhau thường xuyên đến nỗi nhiều lính biết rõ vị trí bên cạnh giờ nào địch chiếm, giờ nào của mình. Với người dân Hà Lan đang nấp trong hầm trú ẩn dọc chu vi phòng thủ thì việc đổi chủ liên tục kiểu này thật đáng sợ.

Jan Voskuil, kỹ sư hóa chất đã đưa toàn bộ gia đình - bố mẹ nuôi, vợ là Bertha cùng con trai Henri lên 9 tuổi - sang nhà bác sĩ Onderwater vì ở đấy có vẻ an toàn hơn với hầm nhà được gia cố bằng bao cát. Trong khi 2 bên đang đánh nhau có 1 tổ diệt tăng Anh chiến đấu trên đầu họ. lát sau, 1 sĩ quan SS cùng mấy tên lính bật cửa hầm ủa vào tra hỏi xem có lính Anh trốn dưới này ko? Nhóc Henri lúc đó đang chơi 1 cái vỏ đạn của súng đại bác gắn trên cánh máy bay Anh. Tên sĩ quan Đức giờ cái vỏ đạn lên quát lớn: " Nó được bắn ra từ súng của

Anh. Tất cả lên hết!" Voskuil sợ mọi người trong hầm sẽ bị xử bắn nên lập tức can thiệp. " Anh nói với tay sĩ quan "Xem đi, đây là vỏ đạn của máy bay Anh. Con tôi nó chỉ nhặt được đem chơi thôi mà." Gã Đức đột ngột ra dấu cho lính lên khỏi hầm, và để yên cho đám người Hà Lan. Một lúc sau cửa hầm lại bật mở. Mọi người thở phào khi thấy lính dù Anh bước xuống nhìn quanh. Voskuil nghĩ: "thật kỳ diệu, với áo ngực trang, mũ sắt vẫn cắm đầy lá giống như thánh Nicholas vậy, họ chia cho mọi người sô cô la và thuốc lá lấy từ 1 xe tải chở đồ tiếp tế của Đức."

Bình nhất Alfred Jones, lính dù tiền sát của thiếu tá Boy Wilson, cũng bị cuốn vào sự rối rắm của trận đánh. Đang chốt trong 1 căn nhà chỗ giao lộ gần khách sạn Schoonoord, thì Jones cùng những người khác trong trung đội thấy 1 xe tham mưu Đức chạy tới gần. Đám lính dù ngơ ngác giương mắt nhìn chiếc xe dừng lại ngay căn nhà bên cạnh. Jones nhớ lại: "Bọn tôi cứ ngây ra nhìn. Đến khi tên lái xe ra mở cửa cho tay sĩ quan vào nhà rồi còn giơ tay chào kiểu Hitler nữa thì tất cả mới bừng tỉnh, toàn trung đội đã nổ súng và diệt được cả đôi."

Một số cuộc chạm trán còn ly kỳ hơn nữa. Trong khi dẫn 1 toán trinh sát chiến đấu từ bụi cây rậm gần ngã tư Dennenkamp trên đầu bắc chu vi phòng thủ chu ra, trung úy Michael Long, thuộc trung đoàn tàu lượn đã đụng đầu ngay với 1 lính Đức còn trẻ. Tên này đang cầm khẩu tiểu liên Schmeisser còn Long thì cầm súng lục. Viên trung úy hô lớn để mọi người tản ra và nổ súng, nhưng tên Đức đã nhanh hơn "chỉ vài phần trăm của giây". Long trúng đạn vào đùi ngã xuống còn thằng Đức "chỉ bị xước tai phải." Long thất kinh khi thấy hắn ta ném 1

quả lựu đạn "rơi xuống cách chỗ tôi chỉ chừng 45cm". Long cuống cuống đá "củ khoai tây" văng ra xa. Lựu đạn nổ nhưng ko gây thiệt hại gì. Long nhớ lại: "Hắn lục soát khắp người tôi lấy 2 quả lựu đạn rồi ném chúng vào đám cây sau lưng vào đám lính của tôi. Rồi bình tĩnh như không ngồi lên ngực tôi nổ súng." Trong khi khẩu tiểu liên Schmeisser quạt vào mấy bụi cây thì vỏ đạn nóng bỏng rơi qua cổ áo vào trong người Long. Giận quá, Long lấy cùi trỏ thúc vào người tên kia chỉ mấy cái vỏ đạn và la lên: "Sehr warm." (ấm quá! –tiếng Đức). Thằng Đức nói "oh, jar" rồi nhích người cho vỏ đạn rơi xuống đất. Hắn ngừng bắn 1 lát rồi lại lần mò khắp người Long. Thấy hắn định rút túi cứu thương của mình đi, viên trung úy liền chỉ tay vào đùi mình. Tên Đức cũng chỉ vào cái tai mà đạn của Long bắn sượt qua. Hai người lính băng bó cho nhau trong lúc tiếng súng vẫn nổ âm âm trong các bụi cây quanh đó. Sau đó Long bị giải về nơi giam tù binh.

Cừ từ từ chậm rãi, chu vi phòng thủ teo tóp dần vì các binh sĩ tử trận, bị thương hoặc bị bắt. Trung sĩ George Baylis, phi công tàu lượn, người đã mang sang Hà Lan đôi giày nhảy vì cho rằng ở đây người ta khoái khiêu vũ bị lính Đức "trục ra" khỏi 1 cái rãnh được ngụy trang trong vườn. Baylis bị bắt đứng dựa vào tường để khám xét và hỏi cung. Cứ mặc kệ, Baylis bình tĩnh lôi gương ra ngắm soi bộ mặt cáu bẩn râu ria ko cạo của mình rồi hỏi mấy lính Đức "Có ai biết buổi khiêu vũ nào ở thị trấn ko vậy?".

Những lính dù khác lại thực sự được nghe nhạc nhảy. Loa phóng thanh Đức đang phát 1 bài ca thịnh hành trong Đế Nhị Thế Chiến, là bài "Tâm trạng" của Glenn Miller. Trong các công sự, chiến hào nhiều

binh sĩ hốc hác lặng lẽ lắng nghe. Khi bản nhạc kết thúc thì có 1 giọng tiếng Anh cất lên: “Hỡi các binh sĩ thuộc sư đoàn 1 Không vận, các anh đã bị vây chặt. Đầu hàng đi hay là chết!”.

Trung sĩ Leonard Overton của trung đoàn tàu lượn giờ đã “Hoàn toàn tin chắc mình sẽ mất mạng ở Hà Lan.” Anh cùng những người xung quanh đáp trả bằng những tràng súng máy. Trung sĩ Lawrence Goldthorpe cũng nghe thấy giọng nói trên loa. Vài tiếng trước anh đã liều mình ra lấy 1 thùng hàng tiếp tế - để rồi phát hiện nó chẳng hề chứa thức ăn hay đạn dược mà chỉ toàn là mũ bê-rê đỏ. Lúc này khi nghe thấy tiếng gọi hàng “Hãy ra đầu thú khi còn chưa muộn.” thì anh hét lên “Cút đi, lũ khốn ngu xuẩn.” Vừa nâng khẩu súng trường lên thì nghe những binh sĩ khác ở trong các chiến hào, bụi cây gầy đó cũng chửi theo ào ào. Những anh lính giận dữ cứ hướng súng máy, súng trường về phía cái loa mà nhả đạn. Giọng trên loa im bặt.

Theo như điều mà thiếu tá Richard Stewart thuộc lữ đoàn đổ bộ đường không số 1 khám phá - Với quân Đức thì dường như lính Anh chỉ có lựa chọn duy nhất là ra hàng. Stewart, đã bị bắt và do nói được tiếng Đức trôi chảy nên được giải đến 1 bộ chỉ huy lớn. Ông còn nhớ viên tư lệnh nhìn rất mạnh mẽ. Stewart nhớ lại: tướng Bittrich là “1 người cao ráo, thon thả, khoảng chừng hơn 40 tuổi mặc áo dài bằng da màu đen đội mũ lưỡi trai.” Chẳng thấy Bittrich tra hỏi gì mà chỉ “muốn tôi về chỗ sư đoàn trưởng thuyết phục ông ấy đầu hàng để cứu đơn vị khỏi bị tận diệt.” Stewart lịch sự từ chối. Vị tướng “giải thích”1 hồi lâu bảo tôi phải cứu lấy những tinh hoa của đất nước.” Stewart lặp lại lần nữa: “Tôi ko thể làm vậy.” Đến khi Bittrich cố ép

lần nữa thì Stewart mới hỏi: “Thưa ngài, nếu như ta đổi chỗ cho nhau thì ông sẽ trả lời thế nào đây?” Vị tư lệnh quân Đức chậm rãi lắc đầu: “câu trả lời của tôi sẽ là: Không!” Stewart liền nói: “Tôi cũng sẽ trả lời vậy.”

Dù Bittrich “Chưa bao giờ thấy những binh sĩ nào chiến đấu ‘rắn’ như quân Anh ở Oosterbeek và Arnhem, ông vẫn tiếp tục đánh giá thấp sự quyết tâm của lính Urquhart và nhận định sai cả việc lính dù Ba Lan nhảy xuống Driel. Ông coi việc quân Ba Lan xuất hiện là để “Nâng tinh thần” cho thế trận của sư đoàn 1 Không vận. Bittrich tin nhiệm vụ của Sosabowski là đánh tập hậu quân Đức và cản không cho sư đoàn Frundsberg của Harmel, lúc này đang sử dụng cầu Arnhem, tiến tới khu vực Nijmegen. Ông coi mối đe dọa của quân Ba Lan nghiêm trọng đến mức “can thiệp cả vào chiến dịch tấn công Oosterbeek” và lệnh cho thiếu tá Hans Peter Knaust cho tiểu đoàn thiết giáp của mình tiến gấp xuống phía nam. Chiến đoàn mạnh của Knaust giờ được tăng cường thêm 25 chiếc xe tăng Tiger nặng 60 tấn cùng 20 chiếc tăng Panther sẽ bảo vệ Elst, ngăn ko cho quân Ba Lan tiến đến phía nam cầu Arnhem và cản xe tăng của Horrocks lên hội quân với họ. Sư đoàn Frundsberg của Harmel sau khi tổ chức lại được lệnh “đánh bật quân Anh – Mỹ trong khu vực Nijmegen sang sông Waal.”

Với Bittrich, thì việc quan trọng nhất là đẩy quân Anh ra khỏi Nijmegen. Ông ta tin rằng sư đoàn của Urquhart đã bị kìm chặt và chẳng thể làm gì được. Chưa bao giờ ông nghĩ mục đích quân Ba Lan lại là đến củng cố đầu cầu của Urquhart. Tuy nhiên kế hoạch của

Bittrich - phát triển dựa trên những nhận định sai – đã khiến số phận của sư đoàn 1 Không vận an bài.

Sáng sớm thứ 6 ngày 22/9, khi những xe tăng cuối cùng của Knaust đến được Elst thì Urquhart nhận được tin của tướng Horrocks, tư lệnh Quân đoàn 30. Bằng 2 bức điện do đơn vị Phantom gửi đi trong đêm, Urquhart đã báo cho bộ tư lệnh Tập đoàn quân 2 biết việc không còn giữ được bến phà nữa. Có vẻ Horrocks chưa biết việc này. Điện tín của vị tư lệnh Quân đoàn có nội dung: “Sư đoàn 43 sẽ chấp nhận mọi rủi ro để đến cứu trong hôm nay và sẽ tiến thẳng đến bến phà. Để đảm bảo thì hãy thu phà lại.” Urquhart đã trả lời rằng : “Rất mừng nếu gặp được các anh.”

Trong hầm rượu của khách sạn Hartenstein đổ nát – “là nơi duy nhất còn tương đối an toàn” Urquhart nhớ lại khi mình hội ý cùng tham mưu trưởng là thượng tá Charles Mackenzie. Ông nhớ lại “Tôi chẳng hề muốn gieo rắc nỗi hoang mang. Điều cần nhất là làm gì đó để tác động tới quân cứu viện và phải nó phải có hiệu quả ngay lập tức.”

“Buổi sáng đáng ghét”, binh lính bên ngoài gọi những buổi sáng thường xuyên bị nã cối như thế - đã bắt đầu. Khách sạn Hartenstein đổ nát lắc lư rung chuyển mỗi khi có đạn nổ gần đó khiến Urquhart cứ phải tự hỏi liệu họ còn trụ được bao lâu nữa đây? Trong số 10.000 lính dù – 8905 của sư đoàn cùng 1100 phi công tàu lượn – đã đổ bộ xuống Arnhem, giờ Urquhart ước tính họ chỉ còn chưa đầy 3000 người. Dù đã liên lạc được với Horrocks và Browning, Urquhart vẫn không tin là họ hiểu hết những gì đang xảy ra. Ông nói: “tôi đã bị thuyết

phục rằng Horrocks chưa nhận thức đầy đủ tình thế gay go chúng tôi đang gặp phải. Phải làm gì đó để báo cho họ biết sự nghiêm trọng và cấp thiết của tình hình lúc này.” Ông quyết định cử thượng tá Mackenzie cùng trung tá Eddie Myers, chỉ huy trưởng công binh “người được giao nhiệm vụ chuyển quân và tiếp liệu qua phà” đến Nijmegen gặp Browning và Horrocks. Mackenzie kể : “Tôi hẳn sẽ phải nói 1 cách rất trầm trọng để cho Horrocks và Browning biết sự đoàn thực sự ko còn tồn tại đúng nghĩa nữa – tất cả chỉ còn là những nhóm quân độc lập đang cố thủ.” Giới hạn của sự chịu đựng đã hết.

Urquhart tin rằng, Mackenzie sẽ làm họ phải thấy rằng: “nếu đêm nay ko có người và tiếp tế tới thì sẽ ko còn kịp nữa.” Urquhart đứng dậy khi Mackenzie và Myers chuẩn bị đi khỏi. Ông biết chuyến này sẽ rất nguy hiểm có khi còn ko về được nữa kia nhưng vẫn có cơ may lọt qua được– vì nếu đúng như bức điện của Horrocks, và sư đoàn 43 Wessex phát động tấn công theo đúng kế hoạch thì đường từ Nijmegen đi sẽ thông đúng lúc Mackenzie và Myers vượt sông. Khi 2 người rời Urquhart còn “Dặn Charles lần cuối. Tôi nhắc anh phải cố để cho họ hiểu rằng chúng ta đang khó khăn đến mức nào. Charles đã nói anh sẽ làm hết sức mình và tôi nghĩ anh ta có thể làm được.” Lấy 1 xuong cao su, Myers và Mackenzie lái xe jeep chạy đến Oosterbeek Hạ rồi ra sông Rhine.

Cách đó 10 dặm tại khu vực của Nijmegen phía bắc sông Waal, Huân tước Richard Wrotesley, 1 đại úy 26 tuổi, chỉ huy 1 trung đội thuộc trung đoàn Kỵ binh Household số 2 đang ngồi trong xe bọc thép bánh hơi và sẵn sàng truyền lệnh xuất phát. Đêm nay, đơn vị

trình sát của anh được lệnh dẫn đầu tiểu đoàn mũi nhọn của sư đoàn 43 Wessex tới bắt liên lạc với quân dù. Từ hôm trước, khi quân Cận Vệ Ireland phải dừng lại thì Wrottesley đã “biết rõ quân Đức phía bắc Nijmegen rất mạnh.” Chẳng thấy tin tức gì của sư đoàn 1 Không vận lẫn lính Ba Lan ở Driel cả, do đó “phải có người đi tìm hiểu chuyện gì đang xảy ra”. Wrottesley nhớ lại: “Vai trò của tiểu đoàn là tìm cách đánh vượt qua tuyến phòng thủ địch. Bằng cách tránh tuyến xa lộ nối Nijmegen-Arnhem và đi sang con đường thứ 2 phía bên tây, Wrottesley tin mình có cơ hội lợi dụng sương mù buổi sáng “có thể góp vào phần may mắn” mà vượt được qua tuyến phòng ngự đối phương. Wrottesley hạ lệnh xuất phát ngay khi trời vừa hừng sáng. 2 xe bọc thép cùng 2 xe trinh sát của anh biến mất trong làn sương mù. Theo sau anh là trung đội thứ 2 dưới quyền trung úy Arthur họ sẽ vượt ngôi làng Oosterhout và men theo bờ sông Waal chừng 6 dặm rồi lộn lại hướng về phía bắc đến Driel. Wrottesley nhớ lại : “có lúc đã gặp mấy lính Đức nhưng có vẻ bọn chúng còn bất ngờ hơn cả bọn tôi nữa. 2 tiếng rưỡi sau đó, vào 8g sáng thứ 6 ngày 22/9, lần đầu tiên lực lượng mặt đất của chiến dịch Market-Garden và sư đoàn 1 Không Vận Anh đã liên kết được với nhau. Việc hội quân sau 48 giờ như Montgomery từng trù tính giờ đã kéo dài thành 4 ngày và 18 giờ. Wrottesley và trung úy Young đã làm tốt hơn nỗ lực của sư đoàn thiết giáp Cận vệ hôm thứ 5. Họ tới được Driel và sông Rhine mà ko phải nổ 1 phát súng nào.

Trung đội thứ 3 của trung úy H. S. Hopkinson, tiến phía sau họ thì đã gặp rắc rối. Sương mù bất ngờ tan đi khiến đơn vị bị phát hiện. Thiết giáp địch khai hỏa. Hopkinson kể: “Lái xe Read trên xe đi đầu bị giết

ngay tức thì, tôi tiến lên cứu họ nhưng chiếc xe trinh sát đã cháy rực, tăng địch vẫn tiếp tục bắn tới. Chúng tôi buộc phải rút lui.” Đến lúc này thì quân Đức lại cắt đứt 1 tuyến đường tiếp tế nữa cho sư đoàn 1 Không vận của Urquhart.

Những sự việc kỳ quái ngăn trở chiến dịch Market-Garden từ khi nó bắt đầu ngày càng xuất hiện nhiều hơn. Rạng sáng ngày thứ 6 22/9; sau thời gian chờ đợi dài đằng đẳng, sư đoàn 43 Wessex của tướng Thomas đã từ Nijmegen tiến hành đột phá đến chi viện cho sư đoàn Thiết giáp Cận vệ vẫn đang bị chặn ở Elst. Kế hoạch là dùng lữ đoàn 129 tiến quân theo xa lộ vượt qua Elstrời đến Arnhem. Đồng thời lữ đoàn thứ nhì là lữ 214 sẽ tấn công xa hơn về phía tây đến thị trấn Oosterhout nhằm đánh chiếm Driel cùng bến phà. Thật khó tin vì phải mất đến 3 ngày lính của sư đoàn Wessex mới từ kênh đào Escaut tới được đây - với khoảng cách còn gần hơn đoạn này 60 dặm. Phần nào là vì bị địch tập kích không ngớt dọc đường nhưng cũng có phần bởi phương pháp thận trọng quá mức của Thomas. Vậy mà sư đoàn của ông giờ lại có thể vượt qua quãng đường trên nhanh hơn tốc độ đi bộ?*

* Chú thích: Chester Wilmot, chiến tranh châu Âu trang 516. Tên của các trung đoàn nổi tiếng của Anh luôn khiến cho người Mỹ bị nhầm lẫn nhất là khi nó được viết tắt. 1 bức điện tín gửi của trung đoàn khinh binh Quận công Cornwall (Duke of Cornwall) gửi tới tập đoàn quân Không Vận 1 của đồng minh có nội dung sau: "5DCLI đã bắt liên lạc được với sư đoàn 1 Không Vận..." Viên sĩ quân trực sau hồi bối rối rất cực cũng giải mã được tin nhắn. Anh ta báo cáo như sau: " 5 chiếc xe lội nước chở quân 'con vịt'

(Duck Craft Landing Infantry) đang trên đường tới chỗ Urquhart."

Giờ thì sư đoàn 43 Wessex lại tiếp tục gặp phải vận rủi. Tướng Essame, chỉ huy lữ đoàn 214 hết sức thất vọng khi tiểu đoàn mũi nhọn của mình là tiểu đoàn 7 Somersets đã đi lạc và ko vượt được sông Waal trong đêm 21. "Cậu ở chỗ quái nào vậy?" Essame cáu tiết cật vấn viên tiểu đoàn trưởng khi lực lượng của anh này cuối cùng cũng tới nơi. Tiểu đoàn Somersets đã bị các chốt chặn ở Nijmegen cản lại. Trong lúc hỗn loạn, có 1 số đại đội đã bị chia cắt và đi lạc qua cây cầu khác. Kế hoạch lợi dụng sương mù buổi sáng để vọt tới Driel của Essame đã thất bại. Hai mũi tiến công đến tận 8g30 mới xuất phát được. Trời đã sáng rõ, cuộc đột kích của đơn vị trinh sát trung đoàn Ky binh Household đã khiến cho quân thù đề phòng và chuẩn bị sẵn sàng. Đến 9g30 thì 1 chỉ huy giỏi bên phía Đức đã khéo léo dùng xe tăng và pháo kìm đầu thành công lữ đoàn 214. Lữ đoàn 129 đang tiến đến Elst để hỗ trợ lực lượng Thiết giáp Cận Vệ Ireland của trung tá Vandeleur cũng lọt vào lưới lửa của rất nhiều xe tăng dưới quyền thiếu tá Knaust, vừa được Bittrich điều về phía nam để nghiền nát quân Anh - Mỹ. Vào ngày thứ 6 cực kỳ quan trọng này, khi mà theo quan điểm của Urquhart, số phận của sư đoàn 1 Không Vận sẽ tùy thuộc vào việc cứu viện có tới kịp hay không? trời đã xé chiều trước khi sư đoàn 43 Wessex chiếm được Oosterhout. Quá trễ để có thể đưa đội hình lớn đến cứu những người đang bị vây ở Oosterbeek.

Cũng như Essame, nhiều người khác cũng rất tức giận khi thấy tốc độ cuộc tiến công lại chậm chạp như vậy. Trung tá George Taylor, chỉ huy tiểu đoàn Khinh binh Quận công Cornwall số 5 chẳng sao hiểu

nổi cái gì “đã cản trở mọi việc”. Ông biết lực lượng Garden đã trễ hẹn với sư đoàn 1 Không Vận 3 ngày rồi. Ông cũng bồn chồn lo lắng như các chỉ huy cấp trên. Ông đã gặp tướng Horrocks, tư lệnh Quân đoàn hôm thứ 5 và được ông này hỏi: “George, anh định làm gì nào?”. Chẳng hề do dự, Taylor đề xuất tung gấp 1 lực lượng đặc nhiệm tới sông Rhine trong đêm mang theo các xe lội nước loại 1 tấn DUKW trở đầy hàng tiếp tế. Taylor nhớ lại “Tôi chỉ đưa đại ý kiến vậy thôi. Horrocks có vẻ hơi giật mình như lúc có người đưa ra 1 đề nghị ko thực tế, rồi lãng sang chuyện khác.”

Lúc này Taylor đang kiên nhẫn đợi lệnh cho tiểu đoàn vượt sông Waal. Mãi đến trưa thứ 6 thì 1 thiếu tá, sĩ quan tham mưu của Quân đoàn 30 mới đến và nói sẽ cấp cho tiểu đoàn 2 xe DUKW chở đồ tiếp tế, đạn dược để đưa tới Driel. Ngoài ra Taylor còn có thêm 1 tiểu đoàn xe tăng thuộc trung đoàn Long Kỳ binh Cận Vệ nữa. Viên thiếu tá nói: “Tình hình ở Arnhem khó khăn lắm. Máy chiếc DUKW phải sang được sông đêm nay.” Nhìn mấy chiếc DUKW lặc lè tới vị trí tập kết lúc 3g chiều thứ 6, Taylor tự hỏi liệu số hàng tiếp tế như vậy có đủ hay ko? Ông nhận xét với sĩ quan tình báo của mình là trung úy David Wilcox “Chắc chắn số hàng ta được nhận bên này nhiều hơn số được chở qua sông cho bọn họ.”

Khi bộ binh vừa từ Nijmegen tiến đến đầu cầu, thì thượng tá Mackenzie cùng trung tá Myers cũng trên đường đến chỗ quân Ba Lan và Sosabowski tại Driel. Thật bất ngờ khi họ đã vượt sông Rhine 1 cách yên ổn. Mackenzie kể: “Chúng tôi chỉ bị bắn mấy phát mà đạn toàn bay trên đầu thôi.” Trên mặt nam 1 trận đánh lớn đang diễn ra,

quân Ba Lan bị ép mạnh nhưng vẫn chặn được các mũi đột kích của bộ binh địch trên hướng Elst và Arnhem. Mackenzie cùng Myers phải đợi bên bờ nam sông Rhine chờ lính Ba Lan đến đón mất 1 lúc. Mackenzie kể: “Họ gọi điện đài báo sẽ ra ngoài tìm chúng tôi, nhưng đang có đánh nhau và Sosabowski rất bận rộn.” Cuối cùng thì họ cũng được hộ tống tới sở chỉ huy của bằng xe đạp. Mackenzie rất phấn khởi khi gặp đơn vị kỵ binh Household. Nhưng rồi hy vọng tới gặp Browning tại Nijmegen của ông đã tan biến nhanh chóng. Theo Huân tước Wrottesley và trung úy Arthur Young, việc trung đội xe trinh sát thứ 3 của Hopkinson không thể tới Driel được có nghĩa đường lui đã bị quân Đức cắt mất rồi còn sư đoàn 43 Wessex thì vẫn chưa đột phá được. Mackenzie và Myers đành phải đợi cho đến khi đường được thông.

Wrottesley nhớ là: “Mackenzie lập tức hỏi mượn tôi điện đài để liên lạc với bộ chỉ huy Quân đoàn.” Ông bắt đầu gửi tin tới tiểu đoàn trưởng của Wrottesley rồi nhờ chuyển tiếp đến cho Horrocks và Browning. Đứng cạnh, Wrottesley nghe Mackenzie nói bằng bạch văn: “Chúng tôi thiếu đồ ăn, đạn dược, thuốc men. Không thể cầm cự thêm 24 giờ nữa. Tất cả chỉ biết chờ đợi và cầu nguyện.” Đây là lần đầu tiên Wrottesley biết: “tình cảnh sư đoàn Urquhart tệ đến mức ấy.”

Sau đó Mackenzie và Myers trao đổi cùng Sosabowski về việc phải đưa quân Ba Lan sang sông ngay. Mackenzie nói “Cho dù được 1 vài người thì cũng rất đáng quý” và Sosabowski cũng cho là như vậy nhưng ông hỏi thuyền bè đâu ra? Hy vọng rằng mấy chiếc DUKW

được yêu cầu sẽ đến trong đêm nay. Trong khi đó Myers cho rằng có thể dùng tạm những xuồng cao su chở 2 người của lính dù. Lấy dây thừng nối chúng với nhau rồi kéo tới lui trên sông. Sosabowski rất “vui với sáng kiến này”. Ông nói, nó chậm đến phát sốt nhưng “nếu ko bị cản trở vẫn có thể đưa được 200 quân sang sông trong đêm.” Myers gọi điện đài ngay về cho Hartenstein báo chuẩn bị sẵn xuồng. Hành động liều lĩnh và tuyệt vọng này được quyết định sẽ bắt đầu ngay khi đêm xuống.

Nơi đầu cầu bên kia sông, các binh sĩ của Urquhart vẫn tiếp tục chiến đấu với lòng dũng cảm và quyết tâm phi thường. Tuy nhiên trong chu vi phong thủ mọi người cũng ngày càng lo lắng về vấn đề quân cứu viện. Cảm giác lơ mơ về việc bị cô lập ở đây dần trở nên rõ hơn;những người Hà lan cũng thấy như thế.

Douw van der Krap, cựu sĩ quan hải quân Hà Lan, chỉ huy 1 đơn vị có 25 kháng chiến quân đang chiến đấu bên cạnh quân Anh. Nhóm quân này được tổ chức dưới sự đề xuất của thiếu tá hải quân Arnoldus Wolters, sĩ quan liên lạc Hà Lan trong sở chỉ huy của Urquhart.Jan Eijkelhoff, người tham gia vào việc chuẩn bị để khách sạn Schoonoord đón thương binh hôm thứ 2 đã được giao nhiệm vụ tìm vũ khí Đức cho nhóm. Quân Anh chỉ có thể cấp cho mỗi người 5 viên đạn - nếu như họ tìm được súng. Đi tới tận Wolfheze mà Eijkelhoff chỉ kiếm được 3-4 khẩu súng trường. Thoạt đầu thì Van der Krap, người chỉ huy mới của đơn vị rất phấn khởi trước ý tưởng này nhưng hy vọng ngày càng xa vời. Người của anh sẽ bị bắn bỏ ngay tức khắc nếu bị bắt khi đang chiến đấu với lính dù. "Rõ ràng người

Anh chẳng thể cầm cự lâu nếu ko có tiếp tế, cứu viện." Van der Krap nhớ lại: "Họ ko thể vũ trang và cho chúng tôi ăn nên tôi đành phải cho giải tán nhóm." Tuy nhiên Van der Krap vẫn muốn ở lại chiến đấu với lính dù. Anh kể: "Tôi muốn chiến đấu dù biết chẳng hy vọng gì nữa."

Cô gái trẻ Anje van Maanen từng rất vui khi thấy lính dù đến và ngày nào cũng mong đợi "xe tăng của Monty" thì giờ đây rất khiếp hãi khi thấy chiến tuyến cứ bị pháo kích liên miên. Cô viết trong nhật ký: "Ko thể chịu đựng được nữa rồi. Tôi rất sợ và chẳng nghĩ được gì hơn ngoài đạn pháo và cái chết. Cha của Anje, bác sĩ Gerritt van Maanen đang làm việc với các bác sĩ Anh ở khách sạn Tafelberg vẫn mang tin tức về nhà mỗi khi có thể nhưng Anje lại chẳng còn tin vào đó nữa. Cô viết: "Tôi ko hiểu nổi. Bên này phố thì là quân Anh, bên kia lại là lính Đức đang cố bắn giết lẫn nhau. Trong nhà, trên sàn, ở các phòng chỗ nào cũng đánh nhau cả." Đến thứ 6 thì Anje viết: "Người Anh nói Monty sẽ đến vào bất cứ lúc nào nhưng tôi chẳng tin nữa. Monty xuống địa ngục mất rồi! Ông ta sẽ chẳng bao giờ tới đây đâu."

Trong khách sạn Schoonoord, thương binh của cả Anh lẫn Đức nằm chen chúc ở ngoài hiên, trong sảnh lễ tân, hành lang và các phòng ngủ. Hendrika van der Vlist chẳng thể tin hôm nay đã là thứ 6 rồi. Bệnh viện liên tục bị đổi chủ. Quân Đức chiếm nó hôm thứ 4, đến thứ 5 thì quân Anh tới chiếm rồi đến sáng thứ 6 lính Đức lại giành lại. Chiếm Schoonoord có vẻ còn dễ hơn tránh cho nó khỏi bị nhắm bắn. 1 lá cờ chữ thập đỏ lớn đã được treo trên mái nhà cùng nhiều lá cờ nhỏ hơn cắm xung quanh khuôn viên nhưng khói bụi, mảnh vỡ

thường xuyên che khuất chúng. Các hộ lý, y tá và bác sĩ cứ cầm đầu làm việc mà chẳng biết gì hết ngoài việc thương binh cứ ùn ùn đổ đến.

Hendrika cứ mặc nguyên quần áo và ngủ mỗi đêm được chừng vài tiếng rồi lại phải dậy phụ giúp các bác sĩ, hộ lý khi có thương binh mới được đưa đến. Nhờ nói thạo cả tiếng Anh lẫn tiếng Đức nên thoát đầu cô để ý lính Đức có vẻ bi quan trái ngược với vẻ vui tươi bên lính Anh. Giờ thì nhiều Quý đỏ bị thương nặng có vẻ đã sẵn sàng chấp nhận số phận của mình. Khi cô phần súp và bánh qui nhỏ bé trong bữa ăn duy nhất trong ngày do bệnh viện cung cấp tới tới chỗ 1 binh sĩ thì anh này chỉ sang ca thương binh vừa mới đến nói: "Đưa cho anh ấy đi." Đến khi kéo tấm chăn ra thì lại thấy người này mặc quân phục Đức. Anh lính hỏi: "Đức à?" Hendrika gật đầu. Người lính Anh nói: "Thôi cứ cho hắn đi. Hôm qua tôi ăn rồi." Hendrika nhìn anh chằm chằm và hỏi: "Vậy mà sao chiến tranh vẫn diễn ra?" Anh mệt mỏi lắc đầu. Cô viết về nỗi sợ của mình trong nhật ký. "Có phải thị trấn mình đang trở thành 1 trong những bãi chiến trường đẫm máu nhất ko? Đạo quân chủ lực đang bị cái gì cản lại vậy? Ko thể cứ tiếp tục như thế này nữa."

Trong hầm nhà bác sĩ Onderwater, nơi gia đình Voskuil đang trú ẩn cùng với 20 người khác, cả Hà Lan lẫn Anh. Chị Voskuil thấy sàn nhà nhầy nhựa máu. Lính Anh đã đưa 2 sĩ quan bị thương của mình là thiếu tá Peter Warr và trung tá Ken Smyth đến trong đêm. Cả 2 đều bị thương nặng, Warr bị vào đùi còn Smyth thì ở bụng. Mấy thương binh vừa được đặt nằm xuống thì lính Đức xộc đến. Chúng ném

xuống 1 trái lựu đạn. Hạ sĩ George Wyllie thuộc tiểu đoàn 10 của trung tá Smyth còn nhớ: " 1 ánh chớp chói lòa và tiếng nổ lộng óc." Chị Voskuil đang ngồi phía sau thiếu tá Warr thấy 2 chân mình "đau kinh khủng". Trong bóng tối căn hầm nghe có tiếng người hét "Giết chúng nó! Giết chúng nó!". Cô thấy có người lao đánh huých ngay chỗ mình. Đó là khi binh nhất Albert Willingham nhảy ra phía trước để che cho cô. Hạ sĩ nhất Wyllie thấy lưng Willingham bị thủng 1 lỗ lớn. Anh còn nhớ người phụ nữ đang ngồi trên ghế với đứa con bên cạnh, xác người lính dù nằm vắt ngang đùi chị. Người đứa bé đầy máu. Wyllie còn kịp nghĩ trước khi bất tỉnh. "Chúa ơi! Chúng tôi đã giết đứa bé rồi!". Bỗng nhiên trận đánh ác liệt kết thúc. Có người thấp đuốc lên. Chị Voskuil gào lên gọi chồng: "anh còn sống ko?" rồi với sang đứa con trai là Henri. Chẳng thấy nó trả lời. Chị kể lại mình đã nghĩ chắc con chết mất rồi: "Đột nhiên tôi thấy trống rỗng, chẳng muốn quan tâm đến những gì đang xảy ra nữa."

Cả lính lẫn dân đều bị thương nặng và đang kêu gào la hét. Trước mặt chị, chiếc áo dài của thiếu tá Warr đầm máu mở tung. Tiếng khóc la inh ỏi. "Im lặng". Chị Voskuil thét lên bằng tiếng Anh. Người đang đè trên người chị được kéo ra và chị thấy Wyllie ở bên cạnh mình. "Cậu lính Anh đứng dậy, run lẩy bẩy. Cậu ta chống báng súng xuống sàn, cái lưỡi lê ở ngay tầm mắt tôi, Nó cứ động đậy tới lui trong khi cậu ta cố giữ thăng bằng. Miệng cậu phát ra tiếng tru như của chó sói."

Hạ sĩ nhất Wyllie giờ mới định thần trở lại. Có người thấp 1 ngọn nến trong hầm. 1 sĩ quan Đức đưa cho anh ngụm rượu. Wyllie còn thấy

chai có nhãn chữ thập đỏ với hàng chữ "Lực lượng của Hoàng Thượng". Khi được dẫn ra, Wyllie còn ngoái lại xem người phụ nữ "có con bị chết" nhưng muốn nói với chị vài lời nhưng "chẳng tìm ra câu gì cả." *

** Chú thích: Wyllie chẳng bao giờ gặp lại gia đình Voskuils và cũng ko hề biết tên của họ. Suốt nhiều năm trời ông bị ám ảnh vì hình ảnh người phụ nữ trong hầm rượu cùng đứa bé mà mình coi là đã chết. Henri Voskuil hiện nay đã là 1 bác sĩ.*

Tay sĩ quan Đức bảo chị Voskuil nói với lính Anh: "Họ đã chiến đấu dũng cảm và cư xử như những quý ông, nhưng bây giờ thì họ phải đầu hàng. Hãy bảo họ là mọi thứ đã kết thúc." Khi lính dù Anh đã ra ngoài thì 1 lính quân y Đức vào xem xét bé Henri. Anh ta nói với chị Voskuil "Nó đang hôn mê. Bụng có vết rách còn mắt thì sưng húp, nhưng chú bé sẽ ổn." Chị gật đầu ko nói nên lời.

Thiếu tá Warr nằm trên sàn, vụ nổ khiến xương vai ông lòi ra. Ông la hét, chửi bới rồi lại lăn ra bất tỉnh. Chị Voskuil cúi xuống lấy nước đắp vô khăn rồi lau máu trên môi cho ông. Cách đó 1 quãng là trung tá Smyth, miệng đang lẩm bẩm điều gì đó. 1 lính gác Đức quay qua hỏi chị Voskuil. Chị nhẹ nhàng trả lời: "Ông ấy cần bác sĩ." Người lính ra khỏi hầm 1 lúc rồi quay lại cùng với 1 bác sĩ Đức. Trong khi kiểm tra, người bác sĩ nói: "Nói tay sĩ quan là xin lỗi phải làm anh ta đau, nhưng tôi chỉ muốn xem vết thương mà thôi." Khi anh ta cởi quần áo cho Smyth thì ông ngất đi.

Trời vừa sáng thì dân thường được lệnh lên khỏi hầm. 2 lính SS khiêng chị Voskuil và Henri ra ngoài phố, 1 nhân viên chữ thập đỏ Hà Lan hướng dẫn họ tới hầm nhà bác sĩ nha khoa Phillip Clous. Bố mẹ vợ của Voskuil thì ko chịu tới đó. Họ thích về nhà mình hơn. Bác sĩ Clous nồng nhiệt chào đón gia đình. Ông nói với Voskuil: "Đừng có lo. Rồi sẽ ổn thôi. Người Anh sẽ chiến thắng." Voskuil tâm trí vẫn chưa hết kinh hoàng đứng cạnh vợ con đang bị thương cứ nhìn ông ta chăm chăm rồi lặng lẽ nói: "Không. Họ không thắng nổi đâu."

Dù chẳng muốn thừa nhận đã hết khả năng chịu đựng nhiều lính dù cũng phải nhận ra là mình chẳng thể trụ lâu hơn nữa. Trung sĩ nhất Dudley Pearson đã quá mệt mỏi: "vì bị quân Đức đuổi chạy khắp nơi". Ở đầu bắc chu vi phòng thủ, anh cùng lính dưới quyền bị xe tăng truy sát, bị ghìm chặt trong rừng và buộc phải cận chiến bằng lưỡi lê với lính Đức. Cuối cùng đến thứ 5, khi chu vi phòng thủ thu hẹp lại thì nhóm của Pearson mới được lệnh rút. Anh kể mình đang dùng 1 quả lựu đạn khói để nguy trang cho việc rút quân thì nghe thấy tiếng 1 khẩu Bren vẫn bắn cạnh đó. Anh chui vào bụi rậm và phát hiện 1 hạ sĩ nhất vẫn còn nấp dưới hố sâu trong rừng. Pearson bảo: "Ra khỏi hố đi! Tôi mới là người cuối cùng ở đây." Tay hạ sĩ nhất kia lắc đầu nói "Tôi ko đi đâu, trung sĩ. Tôi sẽ ko cho lũ khốn kia bén mảng tới đây". Trên đường rút Pearson vẫn còn nghe tiếng tay xạ thủ Bren bắn và bắt đầu tự hỏi liệu ra hàng có tốt hơn chẳng?

Trong 1 cái hào sâu ở Hartenstein gần sân tennis - nơi mặt đất chẳng chịt toàn những hố cá nhân do các tù binh Đức được cho đào để ẩn nấp - phi công tàu lượn Victor Miller đang nhìn đắm đắm vào xác

1 phi công khác đang nằm sóng xoài cách đó mấy thước. Bắn nhau dữ quá nên chẳng thể chuyển được người chết đi. Miller thấy cành lá do đạn cối hất tung đã lấp gần 1 nửa cái xác. Anh tiếp tục nhìn nó chằm chằm tự hỏi liệu có ai tới mang nó đi ko? Anh lo sợ xác bạn sẽ bị biến dạng và phải ngửi "cái mùi nồng nặc của tử khí". Miller thấy phát bệnh. Anh nhớ có lúc mình đã nghĩ bừa rằng "nếu ko làm ngay điều gì đó thì tất cả chúng tôi rồi cũng sẽ trở thành xác chết hết. Đạn pháo sẽ diệt chúng tôi từng người một cho đến khi chỉ còn là những mảnh xác vụn."

Những người khác lại được cổ vũ lòng can đảm đến nỗi tảng lờ trước những việc đang diễn ra. Binh nhất William O'Brien ở gần nhà thờ Oosterbeek còn nhớ: "1 sĩ quan đêm nào cũng đến đi vòng vòng bảo bọn tôi hãy cố chịu đựng, ngày mai là Tập đoàn quân 2 đến rồi. Điều này chỉ đem lại sự thờ ơ khủng khiếp. Ai cũng hỏi họ ở chốn địa ngục này vì cái gì và cái tập đoàn quân chết tiệt kia hiện đang ở đâu? Chúng tôi xin đủ." Trung sĩ Edward Mitchell, phi công tàu lượn, trong 1 vị trí đối diện nhà thờ còn nhớ 1 người lính tự nhốt mình trong cái kho gần đó. "Anh ta ko cho ai lại gần cả. Thỉnh thoảng lại thấy anh hét lên: 'Lại đây lũ khốn kiếp' rồi vãi cả băng đạn ra xung quanh." Anh lính lẻ loi kia cứ hét hét lại bắn suốt mấy giờ đồng hồ rồi bỗng ko nghe thấy tiếng gì nữa. Trong khi Mitchell cùng mấy người khác đang bàn cách làm thế nào đưa anh ta ra thì 1 loạt súng vang lên rồi im bặt. Khi họ vào đến nhà kho thì phát hiện anh lính dù kia đã chết.

Đó đây là những binh sĩ bị chấn thương tâm lý, choáng váng, mất sức

chiến đấu. Họ cứ lang thang khắp khu vực Hartenstein mà quên cả trận đánh đang diễn ra. Anh lính cứu thương Taffy Brace, người hôm thứ 3 đã băng bó cho cơ thể nát bấy của bạn mình là Andy Milbourne đã phải chứng kiến nhiều trường hợp thương tâm, bi hài trong quá trình làm việc của mình. Lúc này Brace đã hết sạch morphine và phải dùng giấy để băng bó. Anh không muốn lộ ra là mình đã hết thuốc. "Cậu không dùng morphine được chứ?" Brace hỏi 1 thương binh nặng "Chúng tôi chỉ dành cho những người rất đau thôi còn cậu thì chịu đựng giỏi lắm."

Khi Brace đang băng cho người lính kia thì bỗng nghe sau lưng có tiếng kêu tu tu quái lạ. Ngoảnh đầu lại thì thấy 1 lính dù trần truồng như nhộng, tay cứ đưa lên đưa xuống miệng thì kêu "như thế đầu máy xe lửa". Nhìn thấy Brace, tay lính dù liền chửi bới "Cho nổ tung thằng lính cứu hỏa kia đi, nó chẳng có gì tốt cả". Khi Brace đến ngôi nhà gần chu vi phòng thủ của mình để chữa cho thương binh thì nghe có tiếng người khẽ hát bài: "The White Cliffs of Dover - Những vách đá trắng của vùng Dover." Nghĩ người này đang an ủi những thương binh khác, Brace mỉm cười và gật đầu khuyến khích anh. Người lính bỗng lao đến bóp cổ Brace. Anh ta gào lên: "Tao sẽ giết mày. Mày biết gì về Dover nào?" Vừa gỡ tay người kia khỏi cổ mình, Brace nhẹ nhàng nói: "Rồi rồi. Tôi đã đến đó mà." Người kia bỏ đi và nói "Ồ. Vậy thì được." rồi lát sau lại hát tiếp. Nhiều người khác còn nhớ 1 binh sĩ bị chấn thương tâm lý cứ đi vòng vòng suốt đêm. Cúi xuống những người lính đang cố dỗ giấc ngủ anh ta lay bọn họ dậy, nhìn thẳng vào mắt họ rồi hỏi độc 1 câu: "Cậu có trung thành ko?"

Dù cho có những người bị thương, bị sốc và tuyệt vọng mà đánh mất lòng tin thì vẫn còn hàng trăm người khác lại được cổ vũ tinh thần bằng những hành động phi thường. Nhiều người lính can trường hầu như không biết sợ luôn nhận lãnh những nhiệm vụ nguy hiểm, khó khăn. Hình như chỗ nào cũng thấy có mặt Thiếu tá Dickie Lonsdale, chỉ huy "Lực lượng Lonsdale", cố thủ khu vực nhà thờ ở Oosterbeek hạ. Trung sĩ Dudley Pearson nhớ lại: "Cánh tay ông ta bị băng treo lủng lẳng, đầu cũng cuốn đầy băng và cả 1 chân cũng thấy băng bó nữa. Cứ vừa tập tễnh vừa cổ vũ lính tráng, Lonsdale chỉ huy đánh phản kích liên tục.

Thượng sĩ Harry Callaghan, người gắn đủ thứ lên bộ quân phục - tìm được 1 chiếc mũ cao màu đen nhạt được trong chiếc xe tang cứu đội nó đi khắp nơi giải thích cho các binh sĩ rằng mình là người "Đại diện cho quân dù đến dự tang lễ của Hitler"—vẫn còn nhớ hình ảnh tuyệt vời của Lonsdale với giọng sang sảng diễn thuyết trước lính tráng trong nhà thờ. Các sĩ quan và hạ sĩ quan gom lính lại đưa họ đến chỗ cái nhà thờ trung cổ bị tàn phá. Callaghan nhớ lại: "Mái nhà thờ đã bay mất. Mỗi tiếng nổ lại khiến thạch cao rơi xuống như mưa. Những người lính phò phạc dựa lưng vào tường hay ngồi trên các băng ghế hư hỏng hút thuốc, uể oải ngủ gà ngủ gật. Lonsdale trèo lên bục giảng kinh. Mọi người nhìn chăm chăm vào cái người trông dữ tợn, máu me bê bết ấy. Callaghan còn nhớ Lonsdale nói: "Chúng ta đã đánh nhau với bọn Đức ở Bắc Phi, đảo Sicily và Ý. Bọn chúng không giỏi bằng chúng ta và nhất định không đủ sức đánh bại chúng ta lúc này." Đại úy Michael Corrie thuộc trung đoàn phi công tàu lượn cảm thấy rất ấn tượng khi bước vào trong nhà thờ. "Tôi đang rất mệt mỏi thì được

bài diễn văn của Lonsdale vực dậy. Lời nói của ông ấy làm tôi ấn tượng mạnh và trở nên tự hào. Những người lính trông như tử khi bước vào giờ bước ra với tinh thần khác hẳn. Có thể nhận rõ trên vẻ mặt của bọn họ."

1 số người lính hầu như đã vượt qua nỗi khiếp sợ đến tê liệt trước sức mạnh của thiết giáp địch. Chỉ có rất ít pháo chống tăng, nên lính tráng hầu như bất lực trong việc chống lại xe tăng và pháo tự hành địch đang rong ruổi khắp chu vi phòng thủ. Tuy nhiên chẳng biết làm thế nào mà những binh sĩ trang bị thiếu thốn vẫn đánh trả được. Nhiều chiếc Tiger nặng 60 tấn đã bị tiêu diệt bởi những anh lính chưa bao giờ bắn pháo chống tăng. Hạ sĩ Sydney Nunn, người từng háo hức đến Arnhem để thoát khỏi "con ác mộng" vì lũ rệp đang xâm chiếm cái nệm ở doanh trại bên Anh quốc giờ đang phải đối mặt với con ác mộng khủng khiếp hơn rất nhiều tuy vẫn cố giữ vẻ bình tĩnh. Anh cùng 1 lính dù khác là binh nhất Nobby Clarke đã chơi thân với tay phi công tàu lượn trong cái hào kế bên. Trong khi súng cối địch tạm lắng, tay phi công gọi với qua: "Chẳng hiểu cậu có biết ko, bồ tèo, nhưng chếch bên phải ngay trước mặt chúng ta có 1 con tăng to chà bá loại Tiger đó." Clarke nhìn Nunn rồi hỏi: "Ta làm gì bây giờ? Ra 'đục' cho nó 1 lỗ nhé?"

Nunn cẩn thận nhìn qua thành hào. Cái xe tăng nhìn "khủng" thật. Trong bụi cây gần đó có giấu 1 khẩu pháo chống tăng, nhưng các pháo thủ đã chết hết; chẳng ai trong nhóm của Nunn biết thao tác nạp đạn và khai hỏa thứ vũ khí ấy cả. Nunn cùng tay phi công tàu lượn quyết định bò tới khẩu pháo. Vừa mới trèo ra thì chiếc tăng địch khai

hỏa. Nunn còn nhớ: "Bọn tôi nằm bẹp dí sát đất, sao cho thật thấp. Cây cối trong đám rừng xung quanh bọn tôi đổ xuống ào ào như thể đây là khu đồn gỗ vậy." 2 người bò tới chỗ khẩu pháo thì cũng là lúc chiếc Tiger "bắt đầu chiếu cố riêng với bọn tôi bằng súng đại liên." Tay phi công ngấm qua nòng pháo và reo lên vui sướng "Pháo ta đang chĩa thẳng vào nó. Nếu ta biết sử dụng khẩu pháo thì cũng chẳng thể nhắm tốt hơn được đâu." Người phi công quay sang nói với Nunn: "Hy vọng nó còn hoạt động được." Anh giật cò. Liền đó là 1 tiếng nổ lớn. cả 2 đều ngã ngửa ra sau. Nunn kể: "Khi tai hết kêu ong ong thì tôi nghe tiếng lính tráng xung quang reo hò inh ỏi." Anh tròn mắt nhìn và ko thể tin nổi khi thấy chiếc xe tăng chìm trong lửa đỏ, đạn được trên xe nổ tung. Tay phi công tàu lượng quay sang long trọng bắt tay Nunn nói "Vây là xong phim."

Nhiều thành viên trong tiểu đoàn 2 trung đoàn Nam Staffordshires của thiếu tá Robert Cain chở thành chuyên nghiệp trong việc chống lại xe tăng và pháo tự hành. Đường như ngay từ lúc mới đến, Cain cùng lính dưới quyền toàn bị xe tăng Tiger truy đuổi, uy hiếp. Lúc này lực lượng nhỏ bé của anh đang bố trí trong nhà thờ Oosterbeek, trong vườn tược, nhà cửa bên kia đường cùng tại hiệu giặt của nhà Van Dolderen. Cain ra quyết tâm hạ gục bất cứ thiết giáp nào mình nhìn thấy. Anh đã chọn căn nhà của Dolderen vì đó là vị trí tốt nhất. Nhưng ông chủ lại chẳng muốn dời đi. Khảo sát vườn sau nhà, Cain nói: "ừm, vậy thì tôi sẽ đào công sự ngoài này và dùng nhà của anh để chứa đạn."

Cain dùng loại súng kiểu bazooka tên là Piat để sẵn thiết giáp địch.

Trong những trận đánh ác liệt hôm thứ 6, do bắn nhiều quá nên giò tai của Cain đã ù đặc. Anh lấy mấy mẫu áo quân phục rách nhét vào lỗ tai rồi lại tiếp tục chiến đấu.

Bỗng có người gọi Cain báo có 2 xe tăng đang theo con đường tiến đến. Cain nấp trong góc nhà, nạp đạn khẩu Piat rồi lấy đường ngắm. Trung sĩ nhất Richard Long, phi công tàu lượn kinh ngạc chứng kiến. Long kể: "Đấy là người chiến sĩ dũng cảm nhất mà tôi từng thấy. Anh ấy bắn từ khoảng cách chưa đầy 100m. Cain chưa kịp nạp đạn lại thì cái xe tăng đã bắn trả. Quả đạn đại bác đã bắn trúng ngôi nhà sau lưng anh. Trong làn khói bụi dày đặc, Cain bắn tiếp rồi lại bồi thêm phát nữa. Tổ lái trong chiếc xe tăng đi đầu nhảy ra, dùng súng tiểu liên quét đạn khắp con phố. Lập tức lính dù quanh Cain cũng nổ súng trung liên Bren. Cain nhớ lại: " Bọn Đức bị bắn què giò cả." Anh lại nạp đạn và khai hỏa, trung sĩ Long thấy " 1 ánh chớp sáng lòe, quả đạn từ nòng khẩu Piat phụt ra. Thiếu tá Cain giơ tay lên trời ngả bật ra sau. Khi đến cạnh bên chúng tôi thấy mặt anh ta đen thui. câu đầu tiên anh thốt ra là: "Tôi nghĩ mình mù rồi." Trung sĩ nhất Walton Ashworth, 1 xạ thủ trung liên Bren đã bắn hạ đám lính tăng Đức, đứng dưng nhìn khi thấy Cain được đưa đi. "Tôi chỉ nghĩ đó là 1 tên khốn máu me, đáng thương nào đó mà thôi."

Chỉ nửa tiếng sau Cain đã nhìn được trở lại nhưng mắt thì găm đầy mảnh sắt. Anh ko chịu dùng morphin mà cho rằng "mình chưa bị thương đến mức phải nằm lại trạm" rồi quay lại với trận đánh như đại úy W. A. Taylor đã mô tả là "để kiếm thêm mấy cái xe tăng nữa." Đến chiều thứ 6, thì Cain đã 'kiếm được đầy túi'. kể từ lúc đổ bộ

xuống hôm 18, anh thiếu tá 35 tuổi này đã diệt và loại khỏi vòng chiến tổng cộng 6 chiếc xe tăng cùng mấy khẩu pháo tự hành.

Những chiến sĩ dù đã chiến đấu anh dũng đến quên mình. Vào chiều tối thứ 6, hạ sĩ nhất Leonard Formoy, 1 trong số những người sống sót thuộc tiểu đoàn dù 3 của trung tá Fitch từng tham gia vào cuộc hành quân tuyệt vọng đến với quân của Frost ở cầu Arnhem, đang chốt giữ ở 1 vị trí cách ko xa với sở chỉ huy sư đoàn tại Hartenstein lắm.

“Sự thực là bọn tôi bị tiến công từ mọi hướng” Formoy nhớ lại. Bất ngờ có 1 chiếc tăng Tiger từ phía Arnhem âm âm xộc thẳng đến đám lính quanh Formoy. Trong ánh chiều tà Formoy còn thấy cả tháp pháo nó đang quay. Trung sĩ “Cab” Calloway lấy 1 khẩu Piat và xông thẳng về phía nó. Formoy nghe anh hét “Mày đi đâu tao theo đó!”. Calloway khai hỏa cách chiếc xe tăng chừng 50 thước. Quả đạn bắn trúng xích khiến nó đứng khựng lại nhưng pháo xe tăng cũng giết Calloway ngay lúc đó. Formoy nhớ lại: “Đó là 1 hành động cực kỳ liều lĩnh. Anh ấy bị cắt làm đôi nhưng đã cứu được mạng chúng tôi.”

Binh nhất James Jones còn nhớ 1 thiếu tá đã kêu anh cùng 3 người khác theo ông ra ngoài chu vi phòng thủ tìm súng và đạn dược. Toán lính nhỏ bất ngờ vấp phải 1 ổ súng máy Đức. Viên thiếu tá xông lên vừa bắn vừa hét: “Lại có thêm mấy thằng khốn nữa phải chết này!”. Khi quân Đức nổ súng thì nhóm lính bị lạc nhau, John bị kẹt lại phía sau 1 xe jeep hỏng. Anh nhớ lại: “Tôi cầu nguyện, đợi khẩu súng máy bắn xong 1 loạt rồi chạy về phòng tuyến mình.” Anh ko bao giờ gặp

lại người thiếu tá kia nữa.

Những sĩ quan cấp cao, thường ít để ý đến hành động mình làm, lại khiến lính của mình nhớ mãi. Đại tá Pip Hicks ko chịu đội mũ sắt trong suốt trận đánh. Anh lính William Chandler, thuộc 1 nhóm trong đơn vị trinh sát của thiếu tá Freddie Gough đã bị cắt rời trên phần bắc của tuyến Báo hôm chủ nhật và phải rút về 1 giao lộ ở Oosterbeek, vẫn nhớ cái mũ bê rê đỏ của Hicks trông lạc lõng ra sao giữa đám lính đội mũ sắt. Có người còn gọi: “Này, đại tá. Bỏ cái mũ đầy máu kia ra đi.” Hicks chỉ cười và vẫy tay chào lại. Ông giải thích “Chẳng phải tôi cố tỏ ra yêu đời đâu mà là vì ko chịu nổi cái mũ sắt chết tiệt cứ lúc lắc trên đầu thôi.” Nhiều binh sĩ còn nhớ những chuyến đi hàng ngày của Hicks về sở chỉ huy của Urquhart. Lúc đầu thì đi từ từ và sau cùng là chạy hộc tốc dưới những đợt pháo kích của Đức. Hicks thú nhận: “Tôi cảm thấy rõ áp lực tuổi tác sau những màn chạy như điên ấy.”

Đại tá Shan Hackett, người đã đem tiểu đoàn 10 và 156 tá tơi dưới quyền về Oosterbeek sau những nỗ lực dũng cảm nhưng vô ích nhằm chọc thủng tuyến phòng ngự của quân Đức ở phía bắc và phía đông để tiến đến Arnhem, thì liên tục đến thăm và ôn tồn khen ngợi lính dưới quyền. Thiếu tá Geoffrey Powell, chỉ huy 2 trung đội lính của tiểu đoàn 156 ở phía bắc chu vi phòng thủ nhớ lại: “Chúng tôi rất thiếu thức ăn, nước uống, thuốc men và đạn dược.” Hackett bỗng xuất hiện tại vị trí chỉ huy của Powell hôm thứ 6. Hackett phân trần là lúc trước mình ko có thời gian để tới thăm Powell. “Nhưng anh bám trụ cừ lắm đấy Geoffrey ạ, tôi rất yên tâm về anh.” Powell rất vui.

Anh nói “Sếp ạ, sai lầm thực sự của tôi tới giờ là đặt vị trí chỉ huy trong sân nuôi gà nên tất cả đành phải sống chung với bọ chét đấy ạ.” Trung sĩ nhất Dudley Pearson, tổ trưởng văn thư của lữ đoàn 4, rất đỗi tôn trọng Hackett vì: “Ông ấy chia sẻ mọi thứ ko đếm xỉa gì đến cấp bậc. Ăn cùng ăn, nhịn cùng nhịn. Đến cái cặp lồng ông cũng chẳng có. Hôm thứ 6, ông phải ngồi ăn bốc số thức ăn ít ỏi với chúng tôi.” Pearson đi tìm dao, đĩa cho ông. Trên đường về anh bị thương vào gót chân nhưng vẫn nói: “Tôi nghĩ đại tá xứng đáng được hưởng những thứ tốt hơn là cái cách ông phải cùng sống với bọn tôi.”

Còn binh nhất Kenneth Pearce ,được phối thuộc cho bộ phận chỉ huy thông tin pháo binh trong sở chỉ huy sư đoàn, thì luôn nhớ cái người đã giúp đỡ mình. Pearce là phụ trách kho bin đại gọi là “Dags”- Mỗi cục tới 25 kg được đựng trong hộp gỗ có tay cầm làm bằng gang – để cung cấp điện cho thiết bị liên lạc. Gần đêm, khi Pearce đang vất vả lôi 1 cục Dag mới ra khỏi nơi cất trữ trong chiến hào sâu thì nghe có giọng nói trên đầu: “Này, để tôi giúp cậu.” Pearce đưa cho người đó nắm 1 tay cầm để lôi nó lên. Rồi 2 người cùng khiêng cái hộp nặng trĩu ấy tới hào chỉ huy. Pearce nói: “Còn 1 cục nữa, ta đi lấy nhé.” Người kia cũng làm tiếp chuyển thứ 2. Khi về lại hào chỉ huy, Pearce nhảy xuống hào còn người kia thì chèo xuồng cho anh mấy cái hộp. Đến khi bỏ đi thì Pearce bỗng nhận ra người đó đeo phù hiệu màu đỏ của sĩ quan tham mưu trên ve áo. Anh đứng ngậy người lắp bắp nói: “Cảm ơn sếp ạ.” Tướng Urquhart gật đầu nói: “Ko có chi, con trai à.”

Tình hình mỗi lúc càng thêm tệ hại. Cả ngày chẳng có gì diễn ra như

ý muốn cả, đến nỗi tướng Horrocks phải gọi nó là “ngày thứ 6 đen”, Thời tiết ở cả Anh lẫn Hà Lan lại 1 lần nữa chống lại máy bay Đồng minh, làm cản trở những phi vụ tiếp tế. Trước lời cầu xin máy bay không kích của Urquhart, không quân Hoàng Gia Anh đã trả lời như sau: “Sau khi đã xem xét kỹ lưỡng, chúng tôi rất lấy làm tiếc là ko thể chấp thuận...” Và đúng trong lúc mà Horrocks đang cần mọi người lính, mọi xe tăng, từng tấn tiếp liệu để giữ lấy đầu cầu của Montgomery bên kia sông Rhine và đột phá đến chỗ những con Quỷ đỏ, thì đòn phản công của thống chế Model rốt cục cũng đã cắt đứt được hành lang. 30 phút sau khi nhận được điện của Mackenzie báo Urquhart có thể bị tràn ngập trong vòng 24 giờ tới thì tướng Horrocks lại nhận 1 bức điện nữa: từ khu vực sư đoàn Không vận 101 nói 1 lực lượng thiết giáp mạnh của Đức đã cắt đứt hành lang ở bắc Veghel.

Model khó có thể tìm ra vị trí then chốt và thời điểm tốt hơn thế này để tấn công. Bộ binh Anh thuộc các Quân đoàn XII và VIII tiến 2 bên xa lộ mới chỉ đến được tới Son, sâu vào khu vực của sư đoàn 101 chừng 5 dặm. Tốc độ tiến quân rất chậm do gặp phải sự kháng cự quyết liệt. Tướng Taylor, sư đoàn trưởng sư 101 đã mong chờ quân Anh tới khu vực của mình ở “Xa lộ Địa Ngục” lâu lắm rồi. Sau 5 ngày chiến đấu liên tục chẳng hề được chi viện, quân của Taylor đang bị căng mỏng và rơi vào thế rất nguy ngập. Nhiều đoạn dài trên xa lộ chẳng có quân canh giữ từ khi thiết giáp và bộ binh Anh đi qua để tiến lên phía Bắc. Thống chế Model đã chọn Veghel để phản công vì 1 lý do đặc biệt: Trong suốt chiều dài của hành lang Market-Garden thì khu vực Veghel tập trung nhiều cầu nhất - ko ít hơn 4 cái trong đó có 1 cầu lớn qua bắc sông đào. Chỉ cần 1 đòn đánh là Model có thể hy

vọng tuyệt được đường sống của quân Đồng Minh và ông ta gần như đã làm được như thế. Nếu ko nhờ lực lượng kháng chiến Hà Lan thì ông ta đã có thể thành công.

Người Hà Lan đã phát hiện thấy quân Đức tập kết lúc nửa đêm về sáng trong những thôn làng, thị trấn ở Veghel. Họ liền gọi điện thoại báo ngay cho sĩ quan liên lạc sư đoàn dù 101. Tin báo đến thì đã hơi trễ. Số lượng đông đảo thiết giáp Đức đã áp đảo gần như hoàn toàn quân của Taylor. 2 lần trong vòng 4 giờ, xe tăng Đức nỗ lực đột phá qua các cây cầu trong 1 trận đánh tàn khốc trên suốt 5 dặm dọc hành lang. Lính của Taylor được sự chi viện của xe tăng và pháo binh Anh phải đánh chí chết mới đẩy lùi được các đợt tấn công đó. Nhưng quân Đức vẫn cắt được hành lang tại Uden, cách đó 4 dặm về phía bắc. Lúc này, khi mà trận chiến vẫn diễn ra ác liệt, lại bị cắt đứt và cô lập với các lực lượng phía sau, tướng Horrocks buộc phải đưa ra 1 quyết định mang tính định mệnh: là điều các đơn vị thiết giáp - vốn rất cần trong nỗ lực đánh tới chỗ Urquhart - quay về phía nam để cứu tướng Taylor với tình cảnh thậm chí còn cấp bách hơn nữa. Lữ đoàn 32 Cận vệ được vội vã gửi xuống phía nam hỗ trợ sư đoàn 101 giải tỏa hành lang. Những binh sĩ can trường của sư 101 vẫn sẽ giữ được những cây cầu nhưng dù có sự chi viện của quân Cận Vệ thì sẽ chẳng có binh sĩ, xe tăng hay đồ tiếp liệu nào có thể tiến lên phía bắc trong vòng 24 giờ nữa. Đòn phản công của Model, dù lúc này chưa thành công, vẫn khiến đối phương phải trả giá đắt. Rốt cục, trận đánh trên hành lang vẫn sẽ quyết định đến số phận của Arnhem.

Vào 4 giờ chiều thứ 6 ngày 22/9, tại khu vực Nijmegen-Arnhem -

sau 6 tiếng rưỡi bị xe tăng và pháo binh Đức kìm chặt - bộ binh Anh cuối cùng cũng thọc được vào Oosterhout. Thị trấn chìm trong lửa đỏ, tù binh SS được gom lại. Tuyến đường dự phòng nằm phía tây xa lộ - với những con đường dưới thấp từng được Kỵ binh Household gan dạ sử dụng để vọt đến Driel lúc bình minh lúc này vẫn còn hy vọng bị địch bỏ ngỏ hoặc nếu xấu hơn thì chỉ có kháng cự chút ít. Tiểu đoàn Khinh binh quân công Cornwall số 5 được sự yểm trợ của 1 đại đội xe tăng Long Kỵ binh cận vệ kèm theo 2 xe lội nước chở đầy hàng tiếp tế đã sẵn sàng đột phá mọi sự đề kháng còn lại để tiến tới sông Rhine. Trung tá George Taylor, chỉ huy lực lượng trên mong đến được chỗ Urquhart đến độ: "Chỉ muốn lấy tay lừa hết bộ binh lên xe tăng và xuất phát." Những phương tiện chất đầy nhóc của ông đang chờ lệnh khởi hành trong đám rừng phía bắc Oosterhout. Bỗng từ đằng xa, Taylor phát hiện 2 xe tăng Tiger. Ông lặng lẽ báo cho trung úy David Wilcox, sĩ quan tình báo của mình: "Đừng có nói gì hết. Tôi chẳng muốn ai biết về mấy cái xe tăng đó đâu. Giờ ta ko thể dừng lại nữa." Taylor khoát tay cho đoàn xe cứu trợ tiến ra đường. Ông nói: "Tôi biết nếu ta đợi thêm 5 phút nữa thì đường sẽ bị khóa chặt."

Chạy hết tốc lực - bộ binh ngồi trên xe tăng, xe bọc thép và xe tải - đoàn xe của Taylor lăn bánh qua các thôn làng, thị trấn Hà Lan. Chỗ nào cũng gặp những người dân sừng sốt hò reo chào đón nhưng họ vẫn hề ko giảm tốc độ. Mỗi quan tâm duy nhất của Taylor là đến được sông Rhine. Ông kể: "Tôi có 1 cảm giác rất gấp gáp, mỗi phút giây phí phạm đều sẽ tạo cho kẻ thù thời cơ chặn đoàn quân lại." Đoàn xe ko gặp phải sự chống cự nào, và với Taylor thì: "Cảm giác thật phấn khởi khi những xe đi đầu đến được Driel vào lúc ánh sáng

đang tắt dần." Họ đã nuốt 10 dặm đường mà chỉ mất có 30 phút. Đến 5g30 chiều thì chiếc xe tăng Cận Vệ đi đầu đã tới sông Rhine và chạy men theo bờ sông lên phía đông bắc tiến vào ngoại ô thị trấn. Taylor nghe thấy 1 tiếng nổ và đoán được ngay đó là vì: 1 chiếc tăng đã cán phải mìn của quân Ba Lan khi nó chạy vào chu vi phòng thủ của Sosabowski.

Taylor đến được sở chỉ huy của Sosabowski thì trời đã tối. Thông tin ông được biết về sự đoàn của Urquhart đến nay khá là mơ hồ:

"Tôi chẳng biết họ ở chỗ nào tại Arnhem và họ còn bám được đầu kia cây cầu hay ko?". Nhưng Taylor vẫn lên kế hoạch đưa bộ binh và xe tăng sang đầu nam của cây cầu. Ông biết mấy xe DUKW phải "qua sông càng nhanh càng tốt và nếu vẫn giữ được cầu thì sẽ cho chúng chạy thẳng qua cho nhanh." Tại sở chỉ huy của Sosabowski, Taylor rất ngạc nhiên khi thấy thượng tá Charles Mackenzie và trung tá Myers. Họ nhanh chóng khuyên ông đừng tới cầu Arnhem nữa. Mackenzie giải thích, chẳng còn tin gì của Frost nữa, kể từ tối hôm thứ 4 thì sở chỉ huy đã coi như "chuyện cây cầu đã kết thúc."

Taylor đành miễn cưỡng từ bỏ kế hoạch của mình và lệnh cho 1 toán trinh sát đi sục xạo trên bờ sông tìm chỗ để cho xe DUKW bơi qua. Có vẻ như công binh của Sosabowski lại chẳng lạc quan lắm; mấy chiếc xe lưỡng cư vụng về tỏ ra quá cồng kềnh khi di chuyển qua các rãnh đất mấp mô dọc bờ sông, nhất là trong bóng tối. Lát sau thì toán trinh sát của Taylor cũng phải đồng ý với quan điểm của lính Ba Lan. Chỉ có thể tiếp cận bờ sông theo con đường trũng rất hẹp. Dù có những trở ngại như thế, quân của Taylor vẫn tin tưởng có thể đưa được mấy

xe DUKW xuống sông. Do vẫn chưa đi Nijmegen được nên thượng tá Mackenzie sẽ chỉ đạo chuyển vượt sông này. Máy xe DUKW sẽ qua sông lúc 2 giờ sáng thứ 7 ngày 23. Tuy nhiên ưu tiên hàng đầu vẫn là chuyển người sang cho đầu cầu: Lính Ba Lan của Sosabowski vẫn sẽ phải vượt sông bằng mấy cái xuồng cao su nối tiếp nhau.

Cuộc vượt sông bắt đầu lúc 9g tối thứ 6. Những người lính Ba Lan khom người chờ đợi dọc bờ sông. Trên cả 2 bờ là lính công binh do trung tá Myers chỉ huy, trong tư thế sẵn sàng để kéo dây thừng cho thuyền cao su chạy tới lui trên sông. Chỉ có 4 chiếc xuồng - 2 chiếc chở được 2 người và 2 chiếc chở 1 người - nên mỗi lượt chỉ đưa được 6 lính qua quãng sông Rhine rộng 400m. Cùng mấy cái xuồng còn thêm ít bè gỗ do công binh Ba Lan làm để chuyển 1 lượng nhỏ đồ tiếp tế, dự trữ nữa. Theo lệnh của Sosabowski, 6 người lính đầu tiên nhảy lên xuồng bơi đi. Mất vài phút là họ sẽ sang đến bờ bên kia. Đi sau họ là mấy cái bè. Ngay khi lính sang tới bờ bắc thì xuồng và bè liền được kéo trở lại bên này sông. Sosabowski nhớ lại: "Đó là 1 quá trình rất chậm chạp, nhưng cho đến lúc ấy thì có vẻ quân Đức chưa nghi ngờ gì hết."

Rồi từ 1 điểm phía tây bến vượt bên kia sông, có 1 tia sáng vọt lên bầu trời. Gần như ngay lập tức toàn bộ khu vực sáng bừng lên bởi 1 quả pháo sáng. Súng máy Spandau cày nát mặt sông "làm cho mặt sông dậy sóng và sôi lên ùng ục"; Sosabowski nhớ lại. Đồng thời đạn cối cũng rót xuống nơi lính Ba Lan đang chờ. Trong chốc lát đã có 2 xuồng cao su bị bắn thủng, người trên xuồng rơi cả xuống sông. Lính tráng bên bờ nam bị bắn, chạy tán loạn dưới ánh pháo sáng. Trong

con hỗn loạn, Sosabowski cho lệnh dừng lại. Các binh sĩ lùi lại tới vị trí khác, cố tránh đạn cối đang nổ tung. Đến lúc pháo sáng tắt đi thì họ lại chạy đến chỗ xuống và tiếp tục vượt qua sông. 1 quả pháo sáng nữa nổ tung trên trời. Trong trò chơi trốn tìm tàn bạo này, quân Ba Lan dù bị tổn thất nặng nề vẫn tiếp tục qua sông trên những chiếc xuống còn lại. Ngôi trường tại Driel giờ được chuyển thành trạm sơ cứu tạm thời và Cora Baltussen bắt đầu chăm sóc cho những thương binh được chuyển đến. 1 lính Ba Lan nói với cô: "Chẳng thể qua sông nổi. Chỗ đó đúng là lò sát sinh. Thậm chí bọn tôi còn ko thể bắn trả lại được."

Các xe DUKW của Taylor bắt đầu tiến xuống sông lúc 2g sáng. Do mưa lớn suốt ngày con đường trứng hẹp dẫn xuống sông ngập toàn bùn nhão. Những chiếc DUKW với 60 người vây quanh chậm chạp tiến xuống bờ sông trong màn sương mù nặng trĩu. Các binh sĩ chẳng nhìn thấy gì cả. Họ liên tục vật lộn giữ cho những chiếc xe khỏi trượt ra khỏi con đường. Đồ tiếp tế đã được dỡ ra cho nhẹ xe nhưng vẫn chẳng ăn thua. Rốt cục bất chấp những nỗ lực nhằm giữ chúng lại, mấy xe DUKW cồng kềnh vẫn bị lọt xuống rãnh khi chỉ cách sông Rhine có vài mét. Mackenzie tuyệt vọng nói với Taylor: "Hỏng rồi! Vô vọng thôi." Đến 3g sáng thì toàn bộ hoạt động này phải dừng lại. Chỉ có 50 lính vượt được sang bên kia sông đến đầu cầu của Urquhart. Đồ tiếp tế thì gần như ko sang được gì.

Vào sáng thứ 7, ngày 23/9, vào lúc thượng tá Mackenzie đến được bộ chỉ huy của tướng Browning tại Nijmegen thì ông đã: "Một chết đi được, người lạnh cóng, răng đánh lập cập."; đại tá Gordon Walch, tham mưu trưởng còn nhớ như thế. Dù đã quyết tâm phải gặp Browning ngay, Mackenzie vẫn kịp tầm 1 phút. Tuy quân Anh đã sử dụng tuyến đường dự phòng bên hướng tây chạy song song với đường đê, để kéo đến Driel, nhưng trên đường đê vẫn còn quân địch. Dù thế, hân tước Wrottesley vẫn quyết định đưa Mackenzie cùng trung tá Myers về Nijmegen. Chuyển đi ngắn ngủi của đoàn xe trinh sát nhỏ bé đúng là rợn tóc gáy. Tới một giao lộ, họ bắt gặp 1 xe halftrack Đức cháy dở nằm chắn ngang đường. Wrottesley vừa nhảy ra để hướng dẫn xe qua thì từ cuối đường hiện ra 1 chiếc tăng Tiger. Để tránh đụng độ, xe chở Mackenzie liền quay lui nhưng nền đường bỗng bị lở làm nó bị lật. Mackenzie cùng tổ lái buộc phải chui vào ruộng để trốn bộ binh Đức trong lúc Wrottesley hét lên với tài xế chiếc xe trinh sát của mình "phóng hết ga" về phía Nijmegen để tìm lính Anh. Khi tìm được quân cứu viện, Wrottesley mới đưa trở lại tìm Mackenzie. Khi số quân ít ỏi này tới nơi thì chiếc xe tăng Đức đã đi mất. Mackenzie cùng tổ lái chiếc xe bọc thép bánh lốp bò từ chỗ nấp ra gặp mọi người. Trong lúc rối loạn, chiếc xe thứ nhì chở Myers, đã bị lạc.

Tướng Browning lo lắng ra đón Mackenzie. Theo ban tham mưu thì: "Tuần qua là 1 chuỗi thất bại đau đớn và bi thảm." Việc quá khó khăn khi liên lạc với Urquhart làm Browning lo hơn bất cứ điều gì khác. Dù lúc này sư đoàn 1 Không vận với Quân đoàn đã trao đổi điện tín

được với nhau nhưng với Browning thì tình thế của Urquhart vẫn còn rất mơ hồ. Theo kế hoạch Market-Garden lúc đầu thì sư đoàn 52 Lowland sẽ bay vào Arnhem ngay khi lính của Urquhart tìm được bãi đáp - tốt nhất là vào thứ 5, 21/9. Đến khi biết được tình thế tuyệt vọng của Urquhart thì thiếu tướng Edmund Hakewill Smith, sư đoàn trưởng sư 52, đã lập tức đưa ra đề nghị có phần mạo hiểm là cho đơn vị mình sử dụng tàu lượn đổ bộ sát xuống chỗ sư đoàn 1 Không Vận. Browning đã từ chối đề nghị này vào sáng thứ 6: Ông gửi qua điện đài " Cảm ơn vì bức điện của anh nhưng cũng phải lặp lại là tình thế vẫn sáng sủa hơn là anh nghĩ...tập đoàn quân 2 chắc chắn...sẽ cho các anh bay từ sân bay Deelen ngay khi tình hình cho phép." Sau này tướng Brereton, tư lệnh Tập đoàn quân Không Vận Đồng minh số 1, người đã lưu lại bức điện ấy trong nhật ký của mình, nhận xét: "Tướng Browning đã quá lạc quan nên có vẻ ko đánh giá đúng tình thế của Quý đỏ lúc ấy." Nhưng vào lúc ấy thì Brereton cũng chẳng có thông tin gì hơn là Browning. Trong báo cáo gửi Eisenhower, cũng được gửi cho cả tướng Marshall ở Washington đêm thứ 6, Brereton còn nói về khu vực Nijmegen-Arnhem như sau: "tình hình ở đây đang được cải thiện trông thấy."

Chỉ mấy giờ sau niềm lạc quan của Brereton và Browning đã lụi tắt. Những nỗ lực ko thành công nhằm tiến đến chỗ Urquhart dường như đã làm cho vị tư lệnh quân đoàn thay đổi thái độ. Theo các nhân viên ở bộ tham mưu thì: "Ông ta rất chán ghét tướng Thomas cùng sư đoàn 43 Wessex". Ông đã nói với bọn họ rằng mình: "quá lo lắng nên chẳng thể tiếp tục được." Thêm nữa thẩm quyền của Browning giờ đã bị thu hẹp lại: Khi các đơn vị dưới đất của Anh tiến đến khu vực

Nijmegen, thì quyền chỉ huy ở đây sẽ được chuyển sang cho tướng Horrocks, tư lệnh Quân đoàn 30. Mọi việc sẽ do Horrocks và thượng cấp của ông này là tướng Miles C. Dempsey của Tập đoàn quân 2, quyết định. Hầu như Browning chẳng còn việc gì để làm nữa.

Đến lúc này khi ngồi với Mackenzie, sau khi ông này đã tạm hồi lại, Browning mới lần đầu biết đến tình thế cực kỳ khó khăn của Urquhart. Mackenzie kể tuốt tuột những gì đã xảy ra. Đại tá Walch còn nhớ Mackenzie đã kể với Browning rằng: “ sư đoàn hiện đang trong 1 chu vi phòng thủ rất chật chội và thức ăn, đạn dược, thuốc men đều đã cạn.” Về gay gắt, Mackenzie nói: “nếu như Tập đoàn quân 2 có cơ đến được, thì chúng tôi cũng có thể giữ thêm – nhưng ko lâu đâu.” Walch vẫn nhớ câu kết đầy cay nghiệt của Mackenzie; ông ta nói: “Chẳng còn lâu lắm đâu.” Browning im lặng lắng nghe rồi nói với Mackenzie rằng đừng đánh mất hy vọng.” Kế hoạch đưa người và đồ tiếp tế sang đầu cầu trong đêm thứ 7 đang được tiến hành. Nhưng, đại tá Walch lại nói: “tôi nhớ Browning bảo Charles là đường như khó có hy vọng qua được sông trót lọt.”

Khi Mackenzie lên đường về lại Driel ông chú ý đến những mâu thuẫn trong suy nghĩ tại Bộ tư lệnh Quân đoàn – đang làm ông thấy khó xử. Số phận của sư đoàn 1 Không Vận Anh hiện vẫn như trứng để đầu đẳng. Cho đến nay vẫn chưa ai ra được những quyết định rõ ràng. Ông biết nói với Urquhart thế nào đây? Mackenzie nói: “Sau khi chứng kiến tình hình ở 2 bên bờ sông tôi thấy rằng việc vượt sông từ bờ nam qua sẽ thất bại. Tôi sẽ nói với ông ta y như thế hoặc cứ báo cáo rằng mọi người đang làm hết sức và sẽ sang sông được nên cần

phải cố mà giữ. Nói theo cách nào thì tốt hơn đây? Nói cho ông ấy là đã vô phương theo quan điểm của tôi được ko? Hay là bảo cứu trợ đang trên đường đến?”. Mackenzie quyết định chọn cách sau vì ông cảm thấy nó có thể giúp Urquhart “giữ cho mọi người ko bị ngã lòng.”

Cũng như Browning, các chỉ huy cao cấp phe Đồng minh đến giờ mới biết sự thật và tình cảnh của sư đoàn 1 Không Vận. Trong những cuộc họp báo ko chính thức ở các bộ tư lệnh của Eisenhower, Brereton và Montgomery thì các phóng viên chiến trường được cho hay: “Tình hình khá nghiêm trọng nhưng mọi biện pháp vẫn đang được thực hiện để giúp đỡ Urquhart.”

Đây là dấu hiệu nhỏ cho thấy thái độ đã có sự thay đổi căn bản. Ngay từ lúc đầu, kế hoạch Market-Garden đã được tô vẽ trên các bản thông cáo như 1 siêu thành công. Hôm thứ 5, 21/9, dưới tiêu đề như sau “Xe tăng! Thiên đường đang ở phía trước”, 1 tờ báo của Anh đã viết thế này: “Sườn phía bắc của Hitler đã sụp đổ.

Thống chế Montgomery, với sự hỗ trợ xuất sắc của Tập đoàn quân Không Vận 1 đã mở được đường tiến vào Ruhr – và chiến tranh sẽ kết thúc.” Ngay cả tờ Thời báo London vốn trầm tĩnh hôm thứ 6 cũng giật tít: “Trên đường tới Arnheim: Xe tăng vượt qua sông Rhine.” Chỉ đến tiểu mục mới thấy ám chỉ tới những trục trặc “Xông lên chiến đấu vì Arnheim, thời khắc gian lao của quân dù.” Cũng khó có thể trách cứ các phóng viên được. Thông tin liên lạc thiếu lại thêm tinh thần quá lạc quan của 1 bộ phận sĩ quan Đồng Minh cùng sự kiêu

duyet chặt chẽ đã khiến các báo cáo ko còn chính xác nữa. Rồi thì qua 1 đêm, mọi chuyện đã thay đổi. Sang thứ 7, 23/9, tờ Times chạy tít: “Tập đoàn quân 2 gặp phải sức kháng cự mạnh; Quân dù phải chiến đấu rất ác liệt.” còn tờ London Daily Express thì gọi Arnhem là “1 góc địa ngục.”*

* Chú thích: 1 số báo cáo chính xác đến từ Arnhem. 1 nhóm ký giả gồm 10 người đi cùng với sư đoàn 1 Không Vận gồm có thiếu tá Roy Oliver, sĩ quan thông tin đại chúng; trung úy Billy Williams và đại úy Peter Brett, kiểm duyệt viên; các trung sĩ Lewis và Walker, nhiếp ảnh gia quân đội; cùng các phóng viên Alan Wood, của tờ London Daily Express; Stanley Maxted và Guy Byam, BBC; Jack Smythe của Reuter, cùng Marek Swiecicki, nhà báo người Ba Lan đi cùng lữ đoàn Sosabowski. Dù bị hạn chế về thông tin liên lạc nên chỉ chuyển được mỗi ngày những bản tin ngắn vài trăm từ, nhưng họ vẫn miêu tả rất sinh động sự ngặt nghèo của quân Urquhart. Tôi chẳng thể tìm được phóng viên nào trong toán này. Có thể họ đều đã chết.

Tuy nhiên hy vọng vẫn còn lớn. Vào hôm thứ 7, cũng là ngày thứ 7 của kế hoạch Market-Garden. Thời tiết nước Anh khá quang đãng và máy bay đồng minh lại hoạt động được. (Tôi ko thể giải thích được lý do trong báo cáo của 1 số viên chức của Anh cho rằng thời tiết xấu đã làm cản trở hoạt động đường không hôm thứ 7. Trong ngày 23 thì cả bên Khí tượng, Quân đoàn và Không lực Đồng Minh đều báo cáo là thời tiết khá là tốt, và họ đã thực hiện được nhiều nhiệm vụ, phi vụ hơn hẳn những ngày trước kể từ hôm thứ 3, 19/9. Trong sách ‘Chiến đấu vì châu Âu - Struggle for Europe’, Chester Wilmot đã sai khi viết là vào thứ 7: “tiếp tế đường không gặp trở ngại vì thời tiết xấu.” Các

báo cáo khác, dẫn theo Wilmot, nên cũng trở nên ko chính xác.) Số tàu lượn còn lại đổ ở Grantham từ hôm thứ 3 cuối cùng cũng lên đường chuyển cho sư đoàn 82 của Gavin 3385 quân – thuộc trung đoàn bộ binh đổ bộ bằng tàu lượn số 335 mà ông hằng mong bấy lâu – cùng 3000 quân để lấy lại sức mạnh cho sư đoàn 101 đang khốn đốn của Taylor. Thế nhưng Sosabowski, đang bị đánh mạnh ở Driel, lại chẳng hề được tăng cường bằng số quân còn lại của chính lữ đoàn mình. Browning buộc phải chỉ đạo cho thả số quân này xuống ngay khu vực của sư đoàn 82. Vì lý do thời tiết nên kế hoạch đổ bộ đường không vĩ đại của Brereton đổ 35.000 quân xuống trong vòng 3 ngày đã kéo dài gấp đôi thời gian dự kiến.

Tuy những đợt tiếp tế đã thành công ở nhiều nơi, thì quân của Urquhart, đang hao hụt với tốc độ nhanh chóng trong cái túi Oosterbeek, lại 1 lần nữa phải chứng kiến hàng hóa rơi vào tay kẻ thù. Do ko xác định được vị trí bãi thả ở Hartenstein và phải bay qua lưới lửa phòng không dữ dội, các máy bay chở hàng tiếp tế liên tục gặp trục trặc. Trong số 123 máy bay có 6 chiếc bị bắn rơi, 63 chiếc bị hư hại. Urquhart báo cáo trong điện tín gửi cho Browning:

23165...Nhật được rất ít hàng tiếp tế bằng đường không. Lý do là địch bắn tỉa nên việc vận động rất hạn chế. Thêm nữa cũng ko thể đi bằng xe jeep được do đường đã bị cây ngã và nhà đổ làm tắc.

Máy bay yểm trợ tầm gần cũng thiếu. Suốt cả buổi sáng thời tiết ở Arnhem khá xấu, và chỉ đến trưa trời mới quang. Kết quả là chu vi phòng thủ chỉ nhận được sự chi viện của vài phi tuần máy bay

Spitfire và Typhoon. Urquhart rất lúng túng và sau này nhớ lại: "Quan niệm của chúng tôi là phải giành được ưu thế hoàn toàn trên không nên tôi cực kỳ thất vọng khi thấy sự chi viện của máy bay chiến đấu ít như thế." Nhưng với đám lính của ông, những người chưa hề thấy máy bay chiến đấu kể từ ngày D (chủ nhật tuần trước) tới giờ thì những trận không kích này khiến họ thấy khá phấn khởi. Đến giờ thì hầu hết binh sĩ đều đã biết rõ cục quân bạn cũng tới được Driel, trên bờ nam sông Rhine. Họ tin rằng cứu binh đã ở trong tầm tay rồi.

Sau những thất bại, giờ thì quân của Thomas đang di chuyển trên các con đường nhánh đến Driel. Tướng Horrocks tin tưởng tình hình đang xấu đi của Urquhart sẽ được giảm bớt.

Là người thông minh, giàu trí tưởng tượng và kiên định, Horrocks chẳng hề muốn những gì đã giành được thành ra công cốc. Muốn thế ông phải tìm ra cách đưa quân và tiếp liệu tới được đầu cầu. Ông nói sau này: " Chắc chắn đó là quãng thời gian đen tối nhất đời tôi." Quá đau xót trước: " hình ảnh những lính dù phải chiến đấu tuyệt vọng trong trận đánh bên kia sông" và việc hành lang bị cắt ở phía bắc Veghel, chiều hôm thứ 6, đã khiến ông chẳng thể ngủ được.

Lúc này thì thời gian là vàng bạc. Cũng như Horrocks, tướng Thomas cũng quyết đưa quân của mình sang sông. Sư đoàn 43 Wessex đã dốc hết sức vào cuộc hành binh gồm 2 giai đoạn này: Đánh chiếm Elst rồi tiến đến Driel. Mặc dù lúc này ko còn ai ảo tưởng việc còn giữ được cầu Arnhem - qua không ảnh đã thấy rõ đối phương đã cho lực lượng mạnh bảo vệ cầu - thì sườn phải Thomas, kết thúc tại Elst vẫn phải

được giữ vững nếu muốn từ Driel vượt sông Rhine. Horrocks còn hy vọng ngoài quân Ba Lan ra, 1 số bộ binh Anh cũng có thể sang tới đầu cầu trong đêm thứ 7.

Ông ta đã hy vọng quá sớm. Những tuyến đường phụ nằm phía tây xa lộ chính đi Nijmegen-Arnhem đã trở thành những nút cổ chai khi 2 lữ đoàn của Thomas, có tổng cộng 3000 quân - 1 tiến công sang phía đông bắc chiếm Elst còn 1 thì lên phía bắc tới Driel - cùng cố di chuyển qua 1 ngã tư. Đám đông lộn xộn, bát nháo lại còn bị quân địch pháo kích nữa. Do vậy mà đến tối thì đại bộ phận lữ đoàn 130 mới có thể tiến đến Driel - quá trễ để gia nhập với lính Ba Lan thực hiện việc vượt sông có tổ chức.

Quá nửa đêm, thì quân Ba Lan - dưới hỏa lực chi viện mạnh mẽ của pháo binh - bắt đầu sang sông. Lần này thì dùng 16 chiếc thuyền mà sư đoàn 82 đã dùng để vượt sông Waal. Họ bị quân địch bắn dữ dội và chịu thiệt hại nặng nề. Chỉ có 250 lính Ba Lan là sang tới bờ bắc và chỉ 200 người trong số ấy vào tới được chu vi phòng thủ ở Hartenstein.

Trong cái ngày buồn thảm ấy, Horrocks và Thomas nhận được 1 tin tốt lành: Hành lang phía bắc Veghel đã lại được khai thông lúc 4g chiều, xe cộ đã có thể đi lại. Trong đội hình của công binh có mang theo thêm nhiều thuyền xung kích và ông tướng Horrocks càng đầu hy vọng họ có thể tiến gấp để kịp đưa bộ binh qua sông vào đêm Chủ nhật.

Thế nhưng liệu sư đoàn không vận còn có thể trụ nổi thêm 24 tiếng nữa ko? Tình cảnh của Urquhart đang xấu đi 1 cách nhanh chóng. Trong báo cáo gửi cho Browning tối hôm thứ 7, Urquhart viết:

232015: Địch tấn công nhiều trong ngày bằng cách sử dụng những toán bộ binh nhỏ, xe tăng có cả loại phun lửa và pháo tự hành. Mỗi đợt tấn công đều đi kèm pháo kích rất dữ dội bằng pháo binh và súng cối vào chu vi phòng thủ của sư đoàn. Sau nhiều đợt công kích chúng tôi vẫn giữ vững, tuy chỉ còn rất mỏng. Vẫn chưa tiếp xúc được với quân bên phía bờ nam. Việc tiếp tế đã thất bại, chỉ thu gom được rất ít đạn dược. Tinh thần chung vẫn tốt nhưng việc bị súng cối và pháo binh oanh kích liên tục cũng có ảnh hưởng nhiều. Trúng tôi sẽ cố giữ hy vọng tình hình sáng sủa hơn trong 24 tiếng tiếp theo.

Lượng tàu lượn khổng lồ của Đồng Minh hồi chiều đã làm cho thống chế Walter Model bị bất ngờ. Ông ko nghĩ quân đồng Minh lại tiếp tục cho quân đổ bộ đường không vào những ngày cuối cùng này của trận đánh. Lực lượng tăng viện mới này đến đúng ngay lúc ông sắp sửa phản công, có thể sẽ đảo ngược tình thế trận chiến. Đây là lần đầu tiên kể từ khi quân Đồng Minh tiến công, ông bắt đầu thấy hoài nghi về thắng lợi.

Ông đi xe đến Doetinchem gặp tướng Bittrich, đòi vị tư lệnh Quân đoàn II xe tăng SS, theo như ông này nhớ lại: "Khẩn trương kết liễu quân Anh ở Oosterbeek." Model cần huy động tất cả xe tăng và lính. 1 lực lượng quá lớn đã bị trói chặt trong cái trận đánh "mà lẽ ra đã phải kết thúc từ mấy ngày trước." Bittrich nhớ rằng: Model "đang rất kích

động" và cứ hỏi đi hỏi lại "Liệu đến bao giờ thì mới dứt điểm chỗ ấy được?"

Bittrich nhấn mạnh là: "Chưa bao giờ chúng tôi đánh mạnh đến như thế." Ở Elst, thiếu tá Hans Peter Knaust đã chặn đứng được đoàn xe tăng và bộ binh Anh đang cố tiến trên hành lang tới Arnhem. Nhưng Knaust ko thể vừa giữ Elst vừa tấn công quân Anh và Ba Lan tại Driel được. Bittrich phân trần là lúc xe tăng hạng nặng Tiger của ông ta tiến vào vùng đất lấn biển thì chúng lại bị mắc lầy. Thế nên nhiệm vụ tấn công về hướng Driel đành do bộ binh và xe hạng nhẹ đảm trách. Bittrich nói: "Chẳng bao giờ Model quan tâm đến những lời thanh minh nhưng ông ấy cũng đã hiểu cho tôi. Dù thế, ông cũng chỉ cho tôi 24 tiếng đồng hồ để kết liễu quân Anh."

Bittrich lên xe đến Elst gặp Knaust. Viên thiếu tá đang rất lo lắng. Lực lượng đối địch ngày càng trở nên mạnh hơn. Vẫn biết xe tăng Anh ko thể rời trục đường chính nhưng ông lại rất lo khả năng bị địch tiến đánh từ hướng tây. Bittrich cảnh báo: "Phải chặn đứng mũi đột phá của bọn Anh bằng mọi giá." "Liệu anh có thể trụ thêm 24 giờ nữa để bọn tôi quét sạch Oosterbeek được ko?" Knaust cam đoan với Bittrich là mình làm được. Rồi chỗ Knaust, vị Quân đoàn trưởng quân đoàn xe tăng lập tức lệnh cho trung tá Harzer và sư đoàn Hohenstaufen "ngày mai tăng cường tấn công bọn quân dù. Tôi muốn toàn bộ phải chấm dứt."

Harzer cũng đang gặp nhiều vấn đề nan giải. Dù đã bao vây hoàn toàn Oosterbeek, nhưng phố xá nhỏ hẹp của nó khiến xe tăng rất khó

cơ động, đặc biệt là mấy chiếc Tiger nặng 60 tấn. "Chúng phá nát mặt đường khiến cho phố xá giống như ruộng cày vậy. Cứ mỗi khi chuyển hướng là lại lật tung vĩa hè lên." Ngoài ra Harzer còn nói với Bittrich "khi chúng tôi ép mạnh 'cái túi' lính dù, càng thu hẹp nó lại thì có vẻ như nó càng được tổ chức chặt chẽ hơn và lính Anh chống lại cũng dữ hơn." Bittrich đã khuyên Harzer: "nên đánh mạnh từ cả phía đông và phía tây vào đáy chu vi phòng thủ để cắt rời quân Anh ra khỏi sông Rhine."

Tướng Harmel, tư lệnh sư đoàn Frundsberg, người đã đánh bật quân Đồng Minh ra khỏi khu vực Nijmegen-Arnhem cũng nghe Bittrich khuyên như thế. Quá trình tập trung toàn bộ sư đoàn của ông ta đã bị chậm trễ vì những đống đổ nát trên cầu Arnhem. Harmel ko thể tạo ra 1 chính diện khóa chặt cả 2 bên đường xa lộ. Đòn tấn công của quân Anh vào Oosterbeek đã làm lực lượng của ông bị chia cắt. Khi quân Anh tấn công thì chỉ có 1 phần sư đoàn đang ở bên phía tây. Số quân và trang thiết bị còn lại lúc này vẫn còn ở xa về phía đông xa lộ. Harmel đã cam đoan với Bittrich sẽ giữ được Elst. Quân Anh sẽ ko thể tiến lên theo trục đường chính. Tuy nhiên ông đã bắt lực trong việc chặn địch cơ động tới Driel. Ông nói với Bittrich: " Tôi ko thể ngăn chúng tới lui chỗ đó." Vị tư lệnh Quân đoàn II xe tăng SS vẫn kiên quyết. 24 giờ nữa sẽ rất quan trọng. Ông dặn Harmel: "Bọn Anh đang tìm đủ mọi cách để tăng viện cho đầu cầu và xông tới Arnhem." Đòn tấn công của Harzer vào Oosterbeek sẽ thành công nếu Harmel trụ được. Bittrich đã nói thế này: "Chúng tôi sẽ chiếm cái móng tay còn anh thì phải cắt ngón tay ấy."

Pháo của sư đoàn 43 bắn ầm ầm như sấm dậy tạo ra 1 thứ quầng sáng kỳ quái, lung linh, vàng vọt ở góc tây nam chu vi Oosterbeek trên sông Rhine. Khi leo khỏi thuyền lên bờ bắc, thượng tá Charles Mackenzie mới hiểu tại sao mình được cảnh báo qua điện đài là phải chờ người dẫn đường. Chẳng còn nhận ra đâu là bờ sông nữa. Thuyền vỡ, cây đổ, hố đạn pháo đã làm con đường về lại đầu cầu mất tích. Nếu ông cố đi một mình thì chắc chắn sẽ bị lạc. Lúc này có 1 công binh tới dẫn ông về Hartenstein.

Mackenzie giữ nguyên những ý mình định báo cáo với Urquhart. Trong khi đợi thuyền chèo sang chu vi phòng thủ sư đoàn, ông lại nghĩ đến lựa chọn kia. Tuy đã chứng kiến công tác chuẩn bị ở Driel và bên bờ nam, ông vẫn ko tin những sự trợ giúp ấy tới kịp với sư đoàn mình và cảm thấy cần rút vì mình đã quyết định báo cáo như thế này. Dù vậy vẫn ông vẫn hy vọng quan điểm riêng của mình là quá bi quan.

Urquhart vẫn đang chờ trong hầm rượu khách sạn Hartenstein đồ nát. Mackenzie đã báo cho viên chỉ huy quân dù quan điểm chính thức: "Cứu viện đang trên đường đến. Chúng ta cần phải giữ vững." Mackenzie còn nhớ Urquhart: "lắng nghe tin báo với vẻ bình thản, ko hề tỏ vẻ chán nản hay vui mừng." Dù chẳng nói ra nhưng 2 người đều có chung 1 câu hỏi: Họ cần phải trụ bao lâu nữa? Vào lúc này, trong những giờ đầu tiên của ngày Chủ nhật, 24/9, sau 8 ngày chiến đấu, quân số của Urquhart ước tính đã rút xuống còn chưa tới 2500 người. và tất cả bọn họ đều có chung 1 câu hỏi: Khi nào thì quân của

Monty mới tới? Họ đều nghĩ về điều ấy khi ngồi lẻ loi trong chiến hào, hố cá nhân và chốt cảnh giới, trong những căn nhà đổ, bệnh viện và trạm sơ cứu nơi có những thương binh khắc khoải nằm khắp nơi mà chẳng hề kêu ca lấy nửa lời.

Với việc bộ binh đã tiến tới bờ nam thì lính dù giờ cứ chắc mẫm rằng cuộc tập đoàn quân 2 sẽ vượt được qua sông. Họ chỉ tự hỏi liệu mình có còn sống để được nhìn thấy viện binh ko?, những người mà họ đã phải chờ đợi quá lâu rồi. Giờ khắc càng trôi qua thì nỗi sợ ấy càng tăng lên. Để bớt sợ các binh sĩ cố làm mọi cách để vực lại tinh thần cho đồng đội. Việc thương binh ko chịu rời vị trí, mặc kệ thương tích của mình, lại trở thành hành động rất phổ biến. Dưới hòn tên mũi đạn họ vẫn đùa vui. Vượt lên tất cả là lòng tự hào của những binh sĩ dưới quyền Urquhart. Họ kể chưa bao giờ trong đời mình có được tinh thần mạnh mẽ như trong những ngày ấy.

Trong số đồ đạc mà hạ sĩ pháo binh James Jones mang theo chỉ có 1 thứ đồ duy nhất ko liên quan gì đến quân sự - đó là cây sáo của anh hồi còn bé. Anh nhớ lại "tôi chỉ muốn được thổi nó lần nữa. Đạn pháo và cối cứ rơi xuống như mưa liên miên suốt 3-4 ngày nay đã làm tôi sợ chết khiếp. Tôi lôi cây sáo ra rồi bắt đầu thổi." Trung úy James Woods, chỉ huy khẩu đội, ở cạnh anh lại có ý khác. Cho Jones đi đâu, trung úy Woods cùng 2 pháo thủ theo sau leo ra khỏi hào rồi bắt đầu diễu hành vòng vòng quanh khẩu đội. Họ vừa sắp thành hàng 1 thì trung úy Woods bắt đầu hát. 2 người lính đi sau gõ mũ sắt ra rồi lấy mấy cái que gõ vào mũ. Những binh sĩ tả tơi nghe được những điệu nhạc "British Grenadiers" và "Người Scotland can trường" lan dần trên

khắp khu vực. Dần già các binh sĩ khác cũng hát theo trong khi Woodslúc đó "đang gân cổ hát to nhất có thể". Rồi các khẩu đội pháo khác cũng hát âm ỉ.

Tại khách sạn Schoonoord nằm trên con đường Utrecht-Arnhem, khoảng giữa mặt đông chu vi phòng thủ, những tình nguyện viên người Hà Lan cùng lính cứu thương Anh đang chăm sóc cho hàng trăm người bị thương dưới con mắt đầy cảnh giác của lính canh Đức. Hendrika van der Vlist đã viết thể này trong nhật ký:

Chủ nhật ngày 24/9. Hôm nay là ngày của Chúa. Chiến tranh vẫn đang diễn ra khốc liệt bên ngoài. Tòa nhà chao đảo dữ dội khiến cho các bác sĩ chẳng thể nào mà mổ được. Cũng ko thể nào rửa các vết thương vì chẳng ai dám ra ngoài kiếm nước trong điều kiện nguy hiểm như thế. Vị tuyên úy đang viết nguệch ngoạc gì đó lên cuốn sổ. Tôi hỏi ông khi nào mới hành lễ được đây?

Cha tuyên úy G. A. Pare đã ghi chép xong. Ông cùng Hendrika đi thăm khắp khách sạn. Ông còn nhớ: pháo kích "âm ỉ ghê lắm. Tiếng pháo nổ bên ngoài át cả giọng của ông." Tuy nhiên đến khi "nhìn mặt những người lính đang nằm dài trên sàn nhà" cha Pare lại "thấy sự yên bình của Chúa trong này đã chiến thắng tiếng ồn của trận đánh ngoài kia." Cha Pare dẫn lời thánh Matthew: "Đừng nghĩ đến ngày mai. Các con sẽ ăn gì, uống gì hoặc mặc những gì." Rồi giống như những người lính pháo binh ông cũng bắt đầu hát. Khi ông mới hát bài "Abide With Me - cùng cam chịu", thì các binh sĩ chỉ im lặng lắng nghe. Thế rồi bọn họ cũng bắt đầu ngâm nga khẽ hát. Đối nghịch với

tiếng âm âm như sấm ngoài kia, hàng trăm người lính đang bị thương hoặc hấp hối đã hát thể này: "Khi mọi sự cứu giúp đều thất bại, mọi niềm an ủi đã vô cánh bay xa, Chúa đã bất lực, xin hãy cam chịu cùng tôi."

Đối diện nhà thờ Oosterbeek, Kate ter Horst đã cho 5 đứa con cùng 11 thường dân khác xuống trú trong hầm rượu nhà mình và còn tìm cách đưa thương binh đến nằm bên trên. Giờ chẳng ai còn nhận ra ngôi nhà cổ có 14 phòng, 200 năm tuổi của cha xứ khi xưa nữa. Các cửa sổ đã biến mất và bà ter Horst nhớ lại: "tất cả sảnh lớn, phòng ăn, phòng đọc, phòng ngủ, bếp, hành lang và gác mái đều chật ních thương binh." Họ nằm cả ở trong nhà để xe và dưới gầm cầu thang. Cả thầy đã có hơn 300 thương binh chen chúc nhau trong nhà nhưng cứ vài phút thì lại có thêm người được đưa đến. Sáng chủ nhật khi nhìn ra ngoài, chị Kate ter Horst chỉ thấy 1 màn khói mù mịt treo lơ lửng trên chiến trường. Chị viết: "Bầu trời màu vàng với những đám mây đen kịt ướt át.." chị thấy những xác chết nằm dưới đất ướt nhẹp vì nước mưa. Họ vẫn nằm chồng lên nhau như hồi hôm kia, hôm kia - xác người lính có râu tóc rối bù, người có khuôn mặt đen thui và nhiều người nữa. Cuối cùng thì 57 người lính cũng đã được đem chôn trong vườn. Chị Kate ter Horst viết: "1 trong số họ chỉ là 1 cậu bé, cậu đã chết trong nhà vì ko đủ dưỡng khí." Vị bác sĩ duy nhất trong toán quân y trong nhà là đại úy Randall Martin đã bảo chị Kate ter Horst là cậu ta "cứ đập đầu vào lò sưởi cho đến khi tắt thở."

Vừa cẩn thận rón rén đi về phòng, Kate ter Horst vừa nghĩ tới chồng mình là Jan, người mà đêm thứ 3 đã lấy xe đạp đi thám sát khu

vực để cung cấp thông tin về các vị trí quân Đức cho 1 sĩ quan pháo binh. Chu vi phòng thủ được thiết lập sau khi Jan ra đi và giờ thì anh chẳng thể về nhà vì giao tranh quá ác liệt. Họ sẽ còn xa nhau thêm 2 tuần nữa. Từ lúc làm việc với bác sĩ Martin cùng các hộ lý hôm thứ 4 đến giờ, chị Kate ter Horst hầu như ko ngủ. Đi hết phòng này sang phòng khác, chị cùng cầu nguyện với các thương binh và đọc Thánh thi cho họ nghe.

Đến lúc này, sau tất cả những chuyện hồi sáng, 1 tên bắn tia đã xâm nhập vào trong chu vi phòng thủ đêm trước bắt đầu khai hỏa. Chị viết "Thằng vô liêm sỉ nấp trong 1 ngôi nhà bắn ra. Đạn bay vi vu vào các căn phòng và hành lang đông lúc nhúc những con người ko thể tự vệ. 2 hộ lý đã bị bắn khi đang khiêng cáng đi ngang qua cửa sổ. Thế rồi cái việc mà mọi người e sợ nhất đã xảy ra: bác sĩ Martin bị thương. Ông nói với bà ter Horst "Chỉ vào mắt cá chân thôi mà. Tối chiều tôi sẽ lại nhảy nhót cho coi."

Ngoài nhà thì đạn bắn tia nhường chỗ cho đạn pháo. Kate ter Horst ghi lại: Tiếng nổ rền vang của những loạt đạn cối "chẳng thể nào tả được". Binh nhất Michael Growe còn nhớ; "người phụ nữ có vẻ rất bình tĩnh chứ chẳng hề bối rối." Growe đã bị thương vào đùi do mảnh pháo giở lại bị thương thêm ở bàn chân trái. Lính cứu thương vội chuyển Growe cùng mấy người mới bị thương tránh xa khỏi dãy cửa sổ xây kiểu Pháp.

Hạ sĩ nhất Daniel Morgans bị thương vào đầu và đầu gối bên phải trong khi phòng thủ ở gần nhà thờ Oosterbeek đã được đưa tới nhà

bà Ter Horst ngay khi 1 xe tăng Đức tiến đến. 1 lính quân y phân trần với Morgans rằng: "họ đã hết sạch bông, băng thuốc mê lẫn thực phẩm. Nước thì chỉ còn lại 1 ít." Cỗ xe tăng nã 1 phát đại bác vào ngôi nhà. Từ trên lầu, binh nhất Walter Boldock, bị thương do đạn bắn vào lưng, hãi hùng nhìn chiếc xe tăng "đang lăn bánh dưới đất. Tôi nghe thấy tiếng súng máy nổ lác rác rồi 1 quả đạn pháo lao đánh sầm vào bức tường đằng sau. Gạch vỡ, mảnh đạn văng tung tóe khắp nơi đã giết chết nhiều thương binh." Hạ sĩ nhất E. C. Bolden, 1 lính cứu thương ở tầng dưới, đã giận điên lên. Vớ lấy lá cờ chữ thập đỏ, anh phóng ra khỏi nhà chạy thẳng về phía chiếc xe tăng. Hạ sĩ nhất Morgans nghe rõ tiếng Bolden quát tay trưởng xe Đức: "Chúng mày làm cái quái gì vậy? Nhà này rõ ràng đã treo cờ chữ thập đỏ rồi mà. Cút đi!" Những thương binh đang lo lắng nghe thấy tiếng xe tăng lùi lại. Morgans còn nhớ Bolden quay về nhà "trông vẫn tức giận như lúc xông ra. Bọn tôi hỏi anh xem chuyện gì xảy ra." Bolden trả lời cộc lốc. "Thằng Đức đã xin lỗi và sẽ ko bắn nữa."

Dù ngôi nhà ko bị pháo nã nhưng tiếng súng vẫn nổ rền. Kate ter Horst viết: "Người hấp hối ở khắp nơi. Họ phải thở những hơi cuối cùng trong cơn cuồng phong thế này sao? Chúa ơi! Xin người ban cho chúng con 1 chốc im lặng. Xin cho im lặng dù chỉ trong chốc lát để họ được chết bình an. Hãy ban cho họ giây phút im ắng thiêng liêng ấy để họ thanh thản đi sang cõi vĩnh hằng."

Trên khắp chu vi phòng thủ, xe tăng đã chọc thủng phòng tuyến của những người lính mệt mỏi, đứng ko vững sắp kiệt sức tới nơi. Nổi kinh hoàng hiện diện khắp nơi - đặc biệt từ những súng phun lửa. Có 1 sự

việc đã chứng tỏ sự tàn ác của quân SS. 1 xe jeep chở thương binh có mang cờ chữ thập đỏ đã bị 4 lính Đức chặn lại. Trong khi 1 lính cứu thương cố giải thích mình đang chở thương binh về trạm sơ cứu thì lính Đức đã phụt súng phun lửa vào người anh rồi bỏ đi. Tuy vậy, trong suốt cả trận đánh, ở cả cầu Arnhem lẫn chu vi phòng thủ vẫn còn 1 số ví dụ về tinh thần mã thượng.

Trên khu vực cố thủ của đại tá Hackett ở phía đông chu vi, 1 sĩ quan Đức đã đi trên 1 xe ô tô mang cờ trắng tới yêu cầu được gặp người chỉ huy. Hackett ra gặp và biết quân Đức "đang sắp sửa tấn công và sẽ cho pháo, cối dập xuống những vị trí tiền tiêu của bọn tôi trước tiên." Đến khi tay Đức biết có 1 trạm sơ cứu nằm ngay trên tuyến tấn công. Ông ta yêu cầu Hackett lùi những vị trí tiền tiêu lại 600m. Tay Đức giải thích "Bọn tôi ko muốn pháo chuẩn bị bắn phải thương binh". Hackett biết mình chẳng thể làm theo lời yêu cầu ấy. Sau này tướng Urquhart đã viết: "Nếu phòng tuyến lùi lại 1 khoảng như quân Đức yêu cầu. Thì bộ chỉ huy sư đoàn sẽ nằm lọt sau chiến tuyến Đức 200m". Cho dù mình ko thể di chuyển vị trí, Hackett cũng nhắc người Đức phải bắn pháo chuẩn bị cẩn thận xuống phía nam trạm cứu thương kia.

Ở Tafelberg, 1 bác sĩ khác là thiếu tá Guy Rigby-Jones, người từng tiến hành phẫu thuật ngay trên bàn bi a trong phòng giải trí của khách sạn, và đã bị mất hết đồ nghề vì 1 quả đạn pháo 88 ly trở nóc nhà rớt xuống. Kể từ thứ 5 ông ko còn mỗ được nữa dù 1 đội cứu thương dã chiến đã tới lập phòng mỗ trong khách sạn Petersburg. Ông nhớ lại: "Chúng tôi có 1200 -1300 thương binh và ko đủ người và phương tiện

để cứu chữa cho họ. Chúng tôi chỉ có morphin để làm họ bớt đau. Đồ ăn, thức uống là vấn đề chính yếu. Chúng tôi đã phải rút lấy nước từ hệ thống tưới. Đến khi hết mỡ được nữa thì tôi trở thành 1 sĩ quan hậu cần ko hơn ko kém, luôn cố tìm cách nuôi thương binh." 1 trong số đó là thiếu tá John Waddy thuộc tiểu đoàn 156, đã bị trúng đạn bắn tiavào háng từ hôm thứ 3, nay lại bị thương tiếp. 1 quả đã cối rơi xuống bệ cửa sổ lớn rồi nổ tung. Mảnh đạn cối đã cắm vào bàn chân trái của Waddy. Thế rồi căn phòng lại bị trúng 1 phát trực xạ nữa. Vai phải, mặt và cằm của Waddy bị mảnh gạch vỡ và dầm gỗ găm phải. Bác sĩ Graeme Warrack, chủ nhiệm quân y sư đoàn, chỉ huy sở đóng ở Tafelberg vội lao ra ngoài. Waddy nhồm người lên thấy Warrack đang đứng trên phố hét về phía quân Đức "Lũ khốn khát máu! chúng mày ko nhận ra dấu hiệu chữ thập đỏ sao?"

Gia đình nhà Van Maanen - gồm Anje cùng anh trai là Paul và người dì - đang làm việc quần quật cả ngày lẫn đêm ở Tafelberg dưới sự hướng dẫn của bác sĩ van Maanen. Paul, trước là sinh viên y khoa nhớ lại: "Ngày chủ nhật thật khủng khiếp. Hình như lúc nào chúng tôi cũng bị bắn. Phải ko được tỏ ra sợ hãi trước mặt thương binh còn tôi thì chỉ muốn chạy ra khỏi phòng để mà la hét. Nhưng thương binh thì rất bình tĩnh nên tôi đã ko làm thế." Paul nhớ khi thương binh được chuyển từ phòng bị hư hại sang phòng khác: "chúng tôi bắt đầu hát. hát cho người Anh, người Đức và cho chính mình. Rồi thì hình như mọi người đều hát theo. Phải mất 1 lúc khóc vì cảm động rồi mọi người mới làm việc tiếp được.

Với cô gái trẻ Anje van Maanen, giấc mơ lãng mạn được những anh

lính trẻ trung, dũng cảm, rạng rỡ tới giải phóng đã tan thành mây khói. Nhiều người dân Hà Lan sống ở Tafelberg đã bị tử thương: Anje ghi trong nhật ký "2 cô gái dễ thương, trượt băng rất giỏi mới 17 tuổi, trạc tuổi mình. Vậy mà giờ đây tôi sẽ chẳng bao giờ gặp lại họ nữa." Theo Anje thì hình như khách sạn bị trúng pháo liên tục. Cô bắt đầu ngồi khóc trong hầm rượu. Anje viết: "Tôi sợ chết lắm. Tiếng nổ lớn quá, đạn pháo đã giết rất nhiều người rồi. Sao mà Chúa lại để cái địa ngục này hiện diện vậy?"

Đến 9g30 sáng Chủ nhật, bác sĩ Warrack quyết định phải làm gì đó để chấm dứt cái địa ngục này. Cả 9 trạm cứu thương và bệnh viện trong khu vực đều đã chật ních thương binh của cả 2 bên và ông cảm thấy "trận đánh ko thể cứ tiếp tục theo kiểu này nữa". Các đơn vị quân y "đã làm việc trong những điều kiện quá khó khăn, thậm chí 1 số đội còn ko có cả dụng cụ phẫu thuật." Quân Đức càng đánh mạnh thì thương vong càng tăng cao - trong số đó có cả vị đại tá can đảm Shan Hackett. Ông này bị nhiều vết thương ở bụng và chân vì 1 quả đạn cối vào lúc gần 8g sáng.

Kế hoạch mà Warrack dự định cần được tướng Urquhart chuẩn y, do đó ông mới tới Hartenstein. Warrack kể: "Tôi nói với ông tướng các bệnh viện vẫn bị pháo kích dù đã treo cờ chữ thập đỏ. Có cái bị pháo tới 6 lần và đã bị cháy khiến chúng tôi buộc phải sơ tán khẩn trương 150 người bị thương. Thương binh chẳng thể chịu nổi nữa nên đã đến lúc ta phải thỏa thuận với quân Đức." Vì chẳng thể sơ tán thương binh qua sông Rhine được nên Warrack tin mình sẽ cứu được nhiều người " nếu ta chuyển giao thương binh cho phía Đức để họ được

điều trị tại các bệnh viện ở Arnhem".

Warrack nhớ Urquhart lúc đó "có vẻ cam chịu". Ông đã chấp nhận kế hoạch trên. Nhưng ông vẫn dặn Warrack "ko được để kẻ thù nghĩ rằng thế trận quân ta đã bắt đầu rạn vỡ." Warrack phải nói rõ cho phía Đức biết việc làm trên chỉ hoàn toàn vì lý do nhân đạo. Urquhart nói có thể tiến hành đàm phán: "với điều kiện phía Đức coi anh là 1 bác sĩ đại diện cho thương binh của mình chứ ko phải là sứ giả chính thức của sư đoàn." Warrack được phép yêu cầu 1 khoảng ngừng bắn vào buổi chiều để gom hết thương binh trên chiến trường trước khi "2 bên tiếp tục giao chiến."

Warrack vội vã đi tìm thiếu tá hải quân Arnholdus Wolters, sĩ quan liên lạc Hà lan cùng bác sĩ Gerritt van Maanen để nhờ họ giúp trong việc đàm phán. Wolters sẽ phiên dịch và do anh là sĩ quan Hà Lan nên: "nên có thể sẽ rất mạo hiểm khi tới bộ chỉ huy quân Đức." Do đó Warrack gán cho anh biệt danh là "Johnson". 3 người nhanh chóng đến khách sạn Schoonoord để tiếp xúc với chủ nhiệm quân y của sư đoàn Đức.

Đúng là trùng hợp ngẫu nhiên khi mà viên sĩ quan này, thiếu tá Egon Skalka, 29 tuổi, cũng đi đến 1 quyết định tương tự như Warrack. Theo Skalka nhớ thì vào sáng Chủ Nhật đó anh cũng cảm thấy "phải làm điều gì đó ko chỉ với thương binh mình mà còn với người Anh trong "chảo lửa" kia." "Thương binh nằm khắp nơi, ngay cả dưới đất " trong khách sạn Schoonoord. Skalka kể mình đang định "tới gặp sĩ quan quân y trưởng của Anh để đề nghị tiến hành dọn dẹp chiến trường"

thì Warrack đến. Dù là ai nghĩ ra sáng kiến trước thì lúc này họ cũng đã gặp nhau. Ấn tượng của Warrack trước viên bác sĩ Đức trẻ tuổi "lúc mới gặp thì trông anh ta có vẻ éo lá nhưng tỏ vẻ rất cảm thông và hình như đang cố lấy lòng người Anh - để phòng xa." Đối diện với viên sĩ quan mảnh dẻ, bảnh bao nhìn rất đẹp trai trong bộ quân phục may rất khéo, Warrack, được "Johnson" phiên dịch, bắt đầu đưa ra đề nghị của mình. Vừa nói chuyện Skalka vừa quan sát Warrack: "đó là 1 đồng nghiệp tóc đen, cao lêu đêu, có vẻ phớt tỉnh như mọi người Anh khác. Hình như ông ta có vẻ mệt mỏi nhưng ko hề ủ rũ". Skalka sẵn sàng đồng ý với kế hoạch sơ tán của Warrack nhưng vẫn nói: "ta phải đến bộ chỉ huy trước để xin phép chỉ huy trưởng bên tôi." Skalka từ chối chobác sĩ van Maanen đi cùng. Skalka lái chiếc xe jeep lấy được của quân Anh chở Warrack và "Johnson" đến Arnhem. Skalka nhớ mình đã: "lái xe rất nhanh, lạng tới lạng lui vì ko muốn Warrack định hướng được đường đi. Bọn tôi phóng rất nhanh, có lúc chạy dưới làn đạn rồi mới bất ngờ chuyển hướng chạy vào thành phố."

Với Wolters thì quãng đường ngắn tới Arnhem "thật buồn và thê lương". Khắp nơi toàn là cảnh đổ nát. Nhà cửa thì tan tành hoặc nghi ngút khói. Đường xá bị xe tăng phá nát, chẳng chịt hố đạn pháo "giống như ruộng mới cày vậy." Pháo hồng, xe jeep lật, thiết giáp cháy cùng "những cái xác nhăn nhúm" rải đầy trên đường đến Arnhem. Vì Skalka ko bị mất 2 người nên Wolters chẳng hề cảm thấy mình đang bị anh ta cố tình làm cho ko nhận ra đường. Anh cứ nghĩ là tay sĩ quan quân y SS đang "muốn chúng tôi thấy sức mạnh của quân Đức." Chạy ngang qua những con phố đổ nát còn đang cháy dở của Arnhem, Skalka lái lên phía đông bắc tới chỗ ngôi trường học ở

Hezelbergherweg là nơi đóng bộ chỉ huy của trung tá Harzer.

Harzer, được điện thoại báo cho biết trước đã chờ sẵn dù các sĩ quan của bộ tham mưu rất bất ngờ khi thấy Warrack và Wolters đến. Skalka để 2 người sĩ quan ở phòng ngoài rồi vào trình diện chỉ huy trưởng của mình. Harzer rất bức mình, ông kể: “Tôi rất sùng sốt khi thấy Skalka ko bịt mắt bọn họ. Giờ thì họ đã biết đích xác vị trí bộ chỉ huy của tôi.” Skalka cười lớn rồi nói để Harzer yên tâm: “ Với kiểu lái của tôi thì bọn họ chẳng cách nào lần ra đường tới đây đâu.”

2 sĩ quan Đức ngồi xuống tiếp mấy đặc sứ Anh. Harzer kể: “Viên sĩ quan quân y đề nghị cho di tản thương binh Anh khỏi chu vi phòng thủ vì chẳng còn đủ chỗ cũng như đồ tiếp tế để chăm sóc họ nữa. Tức là kêu gọi 1 lệnh ngừng bắn trong vài tiếng đồng hồ. Tôi nói mình rất lấy làm tiếc vì 2 nước đã giao chiến với nhau. Vậy thì tại sao ko ngừng lại? và chấp thuận đề xuất của anh ta. Wolters – “1 lính Canada có tên là Johnson” do Warrack giới thiệu – lại nhớ về cuộc hội đàm ấy theo cách hoàn toàn khác. Anh kể “Lúc đầu viên trung tá Đức từ chối ko chịu thỏa thuận ngừng bắn.” Có nhiều sĩ quan khác cũng ở trong phòng, trong đó có đại úy Schwarz, tham mưu trưởng. Anh này quay sang nhắc Harzer phải báo toàn bộ vấn đề này cho tướng quân. Sau đó người Đức rời căn phòng.

Wolters kể: “Trong khi chờ đợi, chúng tôi được phát bánh mì sandwiche và rượu mạnh. Warrack cảnh báo tôi ko được uống khi bụng đang đói kể cả ăn chung với bánh sandwiche có kẹp 1 lớp hành tây. Khi người Đức quay lại “tất cả mọi người đều dập gót đứng

nghiêm miệng hô "Hailo Hitler", Tướng Bittrich, ko đội mũ mặc áo khoác da dài màu đen bước vào. Wolters nhớ : "Ông ta chỉ lưu lại có 1 lát". Sau khi quan sát 2 người xong, Bittrich nói: "Ich bedauere sehr diesen Krieg zwischen unseren Vatern –Tôi lấy làm tiếc khi 2 nước chúng ta lại đánh nhau". Vị tướng lặng lẽ lắng nghe kế hoạch sơ tán của Warrack rồi chấp thuận. Bittrich nói: "Tôi đồng ý, vì con người ko thể đánh mất hết nhân tính ngay cả trong 1 trận chiến tàn khốc nhất." Sau đó Bittrich đưa cho Warrack 1 chai rượu mạnh bảo : "Hãy đưa nó cho tướng quân của anh" rồi quay gót.

Đến 10g30 sáng Chủ Nhật thì thỏa thuận ngưng bắn đã thành công dù Wolters nhớ là: "Vẫn thấy phía Đức có vẻ lo lắng. Cả 2 khác sạn Tafelberg và Schoonoord đều nằm trên tuyến đầu và phía Đức ko thể dám chắc có thể ngăn pháo và cối rớt trúng được." Mỗi quan tâm chủ yếu của Harzer liệu có thể kiểm soát được pháo kích tầm xa của quân Anh phía nam sông Rhine trong quá trình sơ tán thương binh hay ko? Skalka nói sau khi thỏa thuận xong anh đã nhận được điện tín của Bộ tư lệnh Tập đoàn quân 2: Nó ghi đơn giản là gửi cho sĩ quan quân y sư đoàn 9 xe tăng SS và hỏi liệu thời gian ngưng bắn có đủ lâu để cho quân Anh đưa thuốc men, dụng cụ y tế sang sông Rhine hay ko?" Skalka điện trả lời: "Chúng tôi ko cần trợ giúp mà chỉ yêu cầu không quân các anh ngừng việc ném bom liên tục vào xe tải mang phù hiệu chữ thập đỏ của chúng tôi." Anh được trả lời ngay là: "Thật ko may những cuộc tấn công kiểu vậy là do lỗi của cả 2 bên". Skalka nghĩ bức điện này thật là lỗ bịch và giận dữ trả lời: "Xin lỗi. Nhưng suốt 2 năm nay tôi chưa từng được thấy không lực của quân mình." Điện đáp lại của quân Anh. "Chỉ tôn trọng theo thỏa thuận kia thôi." Skalka lúc ấy

giận điên đến nỗi đã gửi điện trả lời thế này: “Mút c tao này”*

**Chú thích: Những ghi chép của Skalka về việc trao đổi điện tín có lẽ là có thật. Nhưng những câu chữ trong các điện văn ấy ắt hẳn là có vấn đề. Đặc biệt là khi anh ta trả lời về Không quân Đức, trong khi chúng ở trên trời quấy phá cuộc thả dù suốt cả tuần. Hơn nữa nó còn có vẻ như xem thường lực lượng của đất nước mình. Đánh giá thấp bên mình so với kẻ thù kiểu như thế là rất hiếm gặp trong lực lượng SS.”*

Cuối cùng thì mọi việc cũng dần xếp xong. Lệnh ngừng bắn sẽ được bắt đầu lúc 3g chiều và kéo dài trong 2 tiếng đồng hồ. Thương binh sẽ ra khỏi chu vi phòng thủ theo 1 con đường được qui định gần khách sạn Tafelberg. Mọi nỗ lực đã được thực hiện để: “hỏa lực giảm bớt hoặc ngưng hoàn toàn”. Binh sĩ 2 phe giữ nguyên vị trí và được cảnh báo là ko được phép bắn. Skalka đã ra lệnh “mọi xe cứu thương và xe jeep có sẵn phải tập trung phía sau phòng tuyến.” Warrack và Wolters khi sắp quay về chiến tuyến quân nhà đã được phép lấy đầy túi morphine cùng dụng cụ y tế. Wolters rất vui khi được rời khỏi đó nhất là từ lúc nghe Schwarz nói: “Anh nói tiếng Đức chẳng giống như người Anh”

Warrack và Wolters được 1 sĩ quan quân y Đức khác hộ tống đi xe jeep cắm cờ chữ thập đỏ quay về chu vi phòng thủ. 2 người được phép dừng lại bệnh viện St. Elisabeth để kiểm tra tình trạng và thăm thương binh Anh ở đây. Trong số đó có cả đại tá Lathbury, ông này đã lột bỏ cấp hàm, cấp hiệu và trở thành 1 hạ sĩ. Họ được đại úy Lipmann Kessel, bác sĩ trưởng; thiếu tá Cedric Longland, chỉ huy đội

phẫu; cùng vị bác sĩ phẫu thuật cao cấp của Hà Lan là bác sĩ van Hengel ra đón; Warrack nhớ: "Tất cả đều cực kỳ lo lắng về những tin tức". Giao tranh ác liệt đã từng lan đến bệnh viện. Kessel báo đã có lúc nổ ra 1 trận đánh dữ dội ngay trong tòa nhà, đạn quân Đức bay vù vù qua đầu thương binh. Nhưng kể từ thứ 5 thì khu vực này khá là yên tĩnh. Warrack nhận ra là trái ngược với những khổ cực mà những người bị thương đang phải chịu trong chu vi phòng thủ thì ở St. Elisabeth "thương binh Anh được nằm giường, trải ga, có mền đắp và được các bác sĩ cùng nữ tu người Hà Lan chăm sóc chu đáo". Sau khi báo trước cho Kessel biết là sắp có rất đông thương binh đổ đến, 2 người quay về Oosterbeek, Warrack còn nhớ vừa kịp lúc "chui đầu vào 1 trận pháo kích bằng súng cối gần Tafelberg."

Đến 3 giờ chiều thì thỏa ước ngừng bắn cục bộ bắt đầu. Tiếng súng bỗng giảm dần rồi hoàn toàn im hẳn. Hạ sĩ Percy Parkes vốn đã quen với "những âm thanh chát chúa thì nay lại thấy sự yên lặng này rất chi là kỳ cục đến nỗi anh đã thoáng nghĩ là mình đã chết." Các sĩ quan quân y của Đức và Anh tổ chức các xe cứu thương và xe jeep của mình đi chở thương binh. Trung sĩ Dudley R. Pearson, đội trưởng đội văn thư tiểu đoàn dù 4 được đưa lên 1 xe jeep cạnh cánh thủ trưởng của mình. Đại tá Hackett nói: "Vậy là cả cậu cũng bị, Pearson ạ". Pearson đang cười trần, vai phải bị mảnh bom xuyên thủng quần đầy băng. Mặt Hackett xám ngắt cho thấy hẳn là vết thương ở bụng đã làm ông rất đau. Trên đường đến Arnhem, Hackett nói: "Pearson, tôi ko muốn lấy cấp bậc ra để được ưu tiên, nhưng chắc là hiện tôi đang đau hơn cậu. Nếu bệnh viện làm cho tôi trước thì liệu cậu có phiền ko?"*

*Chú thích: Cả Lathbury và Hackett đều trở thành 'hạ sĩ' tại bệnh viện. Trung sĩ Dave Morris, người đã cho Hackett máu trước khi mổ đã được dặn là ko được tiết lộ danh tính ông đại tá. Lathbury, đã vào viện hôm 19, và lần đầu tiên biết được tin về sư đoàn khi thương binh ở Oosterbeek đến nơi. Trong đó có cả tin Urquhart đã về lại được sư đoàn và quân của Frost đã giữ cầu Arnhem trong gần 4 ngày. cả 2 vị đại tá sau đó đều được người Hà Lan giúp thoát khỏi bệnh viện và đi trốn. Cuối cùng Lathbury nhập bọn cùng thiếu tá Digby Tatham-Warter trong vỏ bọc dân sự đang hoạt động cùng phe kháng chiến Hà Lan, ông này "đi lại khá thoải mái và có lần còn phụ đẩy 1 xe tham mưu Đức ra khỏi rãnh." Lathbury cùng 1 toán gồm khoảng 120 binh sĩ, phi công được những người Hà Lan che dấu và dẫn đường đã vượt qua được sông Rhine và sang tới chỗ quân Mỹ ở bờ nam. Tatham-Warter đã giúp khoảng 150 quân nhân Anh trốn thoát. Phải mất đến 7 năm và do sự tình cò thì tác giả mới tìm được nơi ông ở. 1 người bạn trong nhà xuất bản đã gặp được ông ở Kenya, nơi ông tới sống sau khi chiến tranh kết thúc. Tatham-Warter nói " "tôi đem ô ra traten vì mục đích nhận dạng chứ ko phải bất cứ thứ gì khác, đó là vì tôi luôn quên mất mặt khẩu"

Trung úy Pat Glover, người đã nhảy dù cùng cô gà Myrtle cũng "chuyển tới St. Elisabeth trong cơn đau đớn. 1 viên đạn đã cắt đứt 2 tĩnh mạch trên bàn tay phải của anh. Trên đường về trạm cứu thương Schoonoord anh lại bị mảnh bom găm trúng bắp chân phải. Do có ít morphin quá nên anh nói sẽ ko cần tiêm chừ khi thấy thật cần thiết. Và Gloverkồe đòi tiêm lần nào hết. Lúc này trong trạng thái lơ mơ,

anh nghĩ tới Myrtle. Anh chẳng thể nhớ cô gà đã bị giết ngày nào nữa. Trong lúc chiến đấu, anh cùng với cậu 'lính hầu' là binh nhất Joe Scott thường thay nhau đeo cái túi chứa Myrtle. Thế rồi, trong 1 cái hào dưới làn đạn địch, Glover bỗng chẳng thấy cái túi đựng Myrtle đâu nữa. Anh hét lên hỏi Scott: "Myrtle đâu rồi?" "Nó trên kia, thưa sếp." Scott chỉ lên đỉnh chiến hào. Myrtle đang nằm chổng gọng trong chiếc túi của mình. Đêm ấy, Glover cùng Scott đem chôn con gà trong 1 cái hố nông cạnh hàng rào. Trong lúc phủ đất lên, Scott nhìn Glover rồi nói: "Vâng, Myrtle đã gan dạ đến phút cuối cùng, thưa sếp." Glover vẫn nhớ mình đã ko gỡ huy hiệu dù của Myrtle ra. Lúc này, trong cơn đau, anh rất hài lòng vì đã chôn nó 1 cách danh dự theo đúng nghi thức - với đủ quân hàm quân hiệu - y như 1 liệt sĩ.

Ở Schoonoord, Hendrika van der Vlist đang đứng xem lính quân y Đức chuyển thương binh ra thì bỗng có tiếng súng. 1 lính Đức hét lớn: "Nếu ko ngừng bắn thì bọn tôi sẽ khai hỏa và đến lúc đó thì cả thương binh, bác sĩ, y tá đừng ai hòng sống sót." Hendrika chẳng thèm để ý. Cô nói: "Kẻ hét to nhất luôn là mấy tay lính trẻ. Chúng tôi đã quá quen với việc bị quân Đức dọa rồi." Súng thôi ko bắn nữa và việc tải thương lại tiếp tục.

Trong khi đoàn thương binh cuốc bộ hay đi trên xe ô tô đang trên đường đến Arnhem, đã có mấy lần súng nổ. Tướng Urquhart nhớ lại: "đã có những hiểu lầm. Thật rất khó để làm 1 trận đánh đang diễn ra dịu lại." Các bác sĩ ở Tafelberg đã có "những lúc bức mình vì phải đuổi đám lính Đức hiếu chiến ra khỏi chỗ của mình." Gần như tất cả đều nhớ rằng lính Ba Lan mới đến ko biết sự cần thiết của lệnh ngừng

bắn này. Urquhart nói: “Bọn họ có nhiều ân oán cần giải quyết nên thấy chả có lý do nào chính đáng để phải ngừng bắn cả. Nhưng rốt cục họ cũng được thuyết phục và phải kìm bót sự hăng máu cho đến khi việc sơ tán xong xuôi.”

Thiếu tá Skalka, cùng đi với bác sĩ Warrack coi sóc việc di chuyển của đoàn xe suốt buổi chiều. Có khoảng 200 thương binh phải đi bộ, hơn 250 người nữa thì được đi xe. Skalka kể lại: “tôi chưa từng thấy thảm cảnh ở đâu như Oosterbeek. Chẳng có gì ngoài xác chết và những đồng đồ nát.”

Tại St. Elisabeth, trung úy Peter Stainforth đang dần khỏi vết thương vào ngực lãnh ở Arnhem, thì thấy những thương binh đầu tiên đi bộ tới. Anh kể: “bỗng thấy phấn khởi trong người và chưa bao giờ cảm thấy tự hào đến thế. Người nào cũng râu ria cả tuần chưa cạo, quần phục rách rưới dơ dáy; trên mình thì quần đủ loại bông băng dầm máu, bắn thiu. Điều thuyết phục nhất là đôi mắt của họ - đỏ quạch, trũng sâu, u buồn trên khuôn mặt hốc hác vì thiếu ngủ; thế nhưng họ bước đi trong tư thế của kẻ bất khả chiến bại. Nhìn họ dữ tợn như là có thể chiếm lấy chỗ này ngay tắp lự vậy.”

Khi đoàn xe cuối cùng đã rời khỏi Oosterbeek, Warrack nói lời cảm ơn sự giúp đỡ của viên sĩ quan quân y SS: “Skalka nhìn vào mắt tôi rồi hỏi: Có thể viết nó ra giấy cho tôi được ko?” Warrack lờ đi như ko nghe thấy. Đến 5g chiều thì trận đánh lại tiếp tục như chưa bao giờ dừng lại. Tại vị trí đặt pháo của hạ sĩ Percy Parkes gần hiệu giặt Dolderen “hỏa ngục lại bùng lên, bọn Jerry trút lên đầu chúng tôi mọi

thứ.” Sau khoảng thời gian sơ tán thương binh tương đối yên tĩnh giờ thì Parkes cảm thấy nhẹ cả người. “Mọi thứ lại trở về như bình thường và tôi lại tiếp tục công việc ‘kinh doanh’ của mình như trước đây.” Lợi dụng lúc ngừng bắn quân Đức đã xâm nhập vào nhiều nơi. Chỗ nào cũng nghe thấy tiếng súng bắn và tiếng la hét khi lính Anh, lính Đức săn lùng nhau ngoài phố hay trong vườn. Từ trong hào, Parkes thấy 1 cái xe tăng phóng qua đám bắp cải xông tới sở chỉ huy pháo đội. 2 pháo thủ vội vàng kéo 1 khẩu pháo chống tăng 6-pounder ra đường.(loại pháo chống tăng 57mm của Anh .ND) Khi mấy người lính khai hỏa, Parkes sững sốt nhìn mấy cái bắp cải đang rớt xuống hào mình. “Lực của khẩu pháo đã nhổ bắp cải bật ra khỏi đất, ném chúng lên trời. Rồi có 1 tiếng nổ rất lớn và chúng tôi thấy quả đạn bắn trúng chiếc xe tăng.”

Thiếu tá Robert Cain vừa nghe tiếng người thét “Bọn Tiger!” liền lao ngay tới khẩu pháo chống tăng đặt bên hông 1 ngôi nhà. 1 pháo thủ cũng chạy ra đường để giúp anh. 2 người lặn khẩu pháo vào vị trí. Cain hét: “Bắn!” và thấy quả đạn bắn trúng chiếc xe tăng, vô hiệu hóa nó. Anh hô: “Bồi thêm phát nữa cho chắc.” Cậu pháo thủ nhìn Cain lắc đầu nói: “Ko được đâu sếp. Pháo tiêu rồi. Cơ chế giật bị hỏng.”

Tiếng ầm ầm kinh khủng đã khiến cho mọi người trong nhà Ter Horst mù mẫn và điếc đặc. Kate ter Horst đột ngột thấy “ 1 chấn động khủng khiếp. Gạch, gỗ đổ ầm ầm cùng những tiếng kêu la”. Vụ nổ đã làm cửa hầm bị kẹt. Trong màn mây bụi bốc lên mù mịt trong căn phòng nhỏ, chị nghe tiếng người dùng thương và các công cụ

khác để cửa, phá gỗ...tiếng chân bước lạo xạo trên gạch vỡ và tiếng đạn cối...tiếng những đồ đạc nặng nề được đẩy tới đẩy lui." Cửa hầm bị phá bung, không khí mát mẻ tràn vào. Khi lên trên Kate thấy 1 phần hành lang và phòng nhìn ra sân đã bay mất. Vụ nổ ném mọi người nằm chổng chéo khắp nơi. Bác sĩ Martin lại bị thương và chẳng thể đi được nữa. 1 anh lính được mang đến đây mấy ngày trước giờ đang bị sốc cứ đi lang thang qua những cảnh tàn sát trong nhà. Anh ta nhìn Kate ter Horst chăm chăm rồi nói: "tôi nghĩ đã gặp chị ở đâu đó rồi." Chị nhẹ nhàng đưa anh ta vào hầm rồi tìm 1 chỗ cho anh trên sàn đá. Gần như anh thiếp đi ngay lập tức. Khi thức dậy sau đó, anh đến chỗ chị ter Horst và khê khàng nói. "Chúng ta có thể làm được bất cứ lúc nào" rồi lại ngủ tiếp. Một mối dựa người vào tường, cùng 5 đứa con bên cạnh, Kate chờ đợi trong khi "những giờ kinh khủng cứ kéo dài ra mãi".

Trong 1 chiến hào cách vị trí của thiếu tá Cain ko xa, trung sĩ Alf Roullier nhìn thấy 1 xe tăng khác hiện ra trên phố. Anh cùng với 1 pháo thủ vọt tới khẩu pháo chống tăng duy nhất. 2 người vừa đến được khẩu pháo thì chiếc xe tăng xoay về phía họ. Họ bắn và thấy chớp sáng khi cỗ xe tăng bị bắn trúng. Đúng lúc ấy thì 1 khẩu súng máy nhả đạn. Người pháo thủ đi cùng Roullier thờ dốc rồi ngã đè lên người anh. Khi Roullier quay qua để anh ta gục xuống thì bị 1 viên đạn đã xé toạc bàn tay trái. Nó bắt đầu run lên và ko thể điều khiển được nữa, Roullier nghĩ viên đạn cắt đứt mất dây thần kinh rồi. Xốc nhẹ người pháo thủ lên lưng, Roullier bò về chiến hào mình. Anh nói với người lính máu me bê bết. "Tôi sẽ tìm người đến giúp." Đến nhà Ter Horst thì Roullier dừng lại mà chẳng muốn vào. Anh nghe thấy

tiếng người la hét, nói lắp bắp xin nước uống và gọi tên thân nhân. Roullier thốt lên: “Chúa ơi! Mình vào đây làm gì?”. Đúng lúc đó hạ sĩ nhất pháo binh E. C. Bolden xuất hiện và nói khi nhìn thấy ban tay run lẩy bẩy của Roullier. “Ôi, anh bạn. Cậu đang đánh máy đấy hả?”. Roullier giải thích là mình đang tìm người tới cứu cậu pháo thủ bị thương. Bolden vừa nói vừa băng tay cho Roullier: “Được thôi. Tớ sẽ đi”. Trên đường về, khi đi ngang vườn nhà Ter Horst, Roullier bỗng dừng lại nhìn vẻ kinh hoàng. Anh chưa từng nhìn thấy chỗ nào có nhiều người chết đến thế. Mặt của 1 số người được phủ vải nhưng những người khác thì chẳng có gì đậy diệm cả và “mắt họ cứ nhìn chăm chăm về nhiều hướng”. Xác người chất thành đống và anh lính ko thể nào bước qua được.

Roullier đợi trong chiến hào cho đến khi Bolden cùng 2 lính mang cáng đến. Bolden nói với anh “Đừng lo” rồi giơ ngón tay cái lên “Mọi thứ sẽ ổn thôi.” Nhưng Roullier chẳng nghĩ như vậy. Hồi còn ở Anh, anh lính 31 tuổi này từng phải năn nỉ đi chiến đấu. Tuổi tác chống lại anh, tuy là lính pháo binh nhưng việc của anh trung sĩ nuôi quân. Nhưng rồi Roullier cũng thắng và được cho đi. Giờ đây khi nhìn đám lính vừa đói khát, vừa mệt mỏi, anh thấy " có cái gì loé lên trong óc. Tôi quên băng trận đánh đi và chỉ chăm chăm nghĩ tới việc kiếm gì đó bỏ vào miệng." Anh chẳng biết mình lợ mọ hết bao lâu trong mấy khu vườn tan nát, những nhà cửa bị phá huỷ, lục lọi trên kệ, trong hầm nhà tìm kiếm những mẫu thức ăn. Chẳng biết tìm đâu ra 1 cái chậu nhôm còn tốt, anh ném tất cả mọi thứ mình tìm được vào trong - mấy củ cà rốt héo, ít hành, 1 túi khoai tây, muối cùng 1 ít bột canh. Anh thấy cạnh ngôi nhà có 1 cái chuồng gà . Trong đó chỉ có 1 con còn

sống. Roullier lượm nó luôn.

Trên nền đá trong 1 căn nhà đổ, anh lấy mấy hòn gạch kê cái chậu lên. Anh xé giấy dán tường cùng vài thanh gỗ rồi nhóm lửa. Chẳng còn nhớ đến trận đánh vẫn còn đang hoành hành trên đường phố, anh mò ra ngoài 1 bận nữa để tìm nước rồi loạng choạng khiêng về được chùng lưng chậu. Nhổ lông làm thịt con gà rồi bỏ nó vào cái chậu. Đến chiều tối thì coi như món hầm đã chín, anh xé vài trái giường lót tay cầm cái 'nồi' nóng rồi cùng 1 binh sĩ khác đưa nó về chiến hào. Sau suốt mấy giờ, đến lúc này anh mới lần đầu để ý tới đạn cối đang rót xuống. 2 người lính đi được 1 quãng rồi lại phải dừng lại mỗi khi có đạn nổ gần, sau đó lại đi tiếp. Về tới chỗ đặt pháo, Roullier gọi: "Lại đây ăn này!". Rất sững sốt, các chú lính dần dần hiện ra mang theo cà mèn, ống bơ vè dè chùng. Rồi cứ vừa lấp bắp cảm ơn đây kinh ngạc, họ vừa múc thức ăn trong chậu rồi lại biến mất vào trong bóng tối nhập nhoạng. Chỉ 10 phút là món hầm đã biến mất. Nhìn vào đáy chậu, Alf Roullier chỉ thấy còn vài miếng khoai tây nhỏ. Anh vớt chúng ra. Đây là lần đầu tiên trong ngày anh được ăn. Roullier chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc hơn lúc ấy.

Trong 1 chiến hào có 5 người tại khách sạn Hartenstein, trung sĩ Leonard Overton - phi công tàu lượn, dăm dăm nhìn trời bắt đầu tối dần. 4 người lính cùng chung chiến hào với anh đã biến mất. Đột nhiên, trong bóng tối nhập nhoạng, Overton nghe tiếng người nói khê: "Bọn mình đây." Khi 4 người kia nhảy xuống hào, Overton thấy họ cầm theo 1 bọc vải nhựa. Mấy người lính cẩn thận mở bọc vải ra, đặt cái lon chặn lên, rồi trút gần nửa lít nước vào cái hộp. 1 cậu móc

ra 1 bánh trà vuông rồi cho vào nước khuấy lên. Overton nhìn sững sờ. Anh kể "Hôm đó bọn tôi chẳng được ăn uống gì cả, 2 cái bánh qui cứng ngắt thì đã chia nhau từ hôm thứ 7 rồi." Sau đó trong khi Overton chưa hết ngạc nhiên, mấy cậu lính kia đưa cái lon cho anh. Anh nhấp 1 ngụm rồi truyền cho người khác. 1 người khẽ nói: "Chúc mừng sinh nhật!". Overton đã quên bẵng Chủ nhật đó, ngày 24/9 là sinh nhật thứ 23 của mình.

Những ca bị thương nặng cùng những thương binh có thể đi bộ được ở Schoonoord đều đã đi hết. Nhưng anh lính bị chấn thương tâm lý vẫn còn ở lại khách sạn. Khi tuyên úy Pare đi ngang qua 1 căn phòng vắng tanh thì nghe thấy vọng ra giọng run rẩy của ai đó trong toà nhà đang hát bài: "Just a song at twilight - bài hát lúc chạng vạng tối". Trèo lên gác, cha Pare tới quì bên cậu lính trẻ bị chấn thương tâm lý nặng. Cậu ta hỏi "Cha ơi! Cha đắp chăn cho con nhé? Con sợ tiếng ồn lắm." Pare ko có chăn nhưng ông vẫn giả bộ phủ nó lên người cậu lính. "Tốt rồi thưa cha. Giờ con đã cảm thấy ổn hơn nhiều. Cha có thể làm giúp con 1 việc chứ?". Pare gật đầu. "Hãy đọc kinh lạy cha cho con." Pare làm theo. Ông xoa nhẹ tóc chàng trai trẻ rồi bảo: "Nào, nhắm mắt lại. Ngủ ngon nhé. Chúa phù hộ cho con." Người lính mỉm cười: "Chúc cha ngủ ngon. Chúa phù hộ cho cha". 2 tiếng sau đó 1 lính cứu thương tới gặp Pare. "Cha biết chàng trai đã cầu nguyện cùng chứ?". Pare hỏi lại: "Có chuyện à?". Người lính cứu thương gật đầu. "Cậu ấy vừa mới chết. Cậu bảo tôi nói với ông là cậu ấy ko chịu nổi tiếng ồn ngoài kia".

Khi trời sập tối, thượng tá R. Payton-Reid tại khu vực của lính biên

phòng Scotland trong chu vi phòng thủ rất chán trường khi thấy: "24 tiếng qua trôi qua ngày càng buồn nản. Hy vọng về quân cứu viện mặt đất tới nhanh giờ đã tan biến.."

Vào đêm chủ nhật, trung úy Neville Hay, thuộc đơn vị thông tin Phantom được gọi tới phòng của tướng Urquhart trong tầng hầm khách sạn Hartenstein. Anh kể: "ông ấy đưa tôi 1 bức điện dài và bảo tôi khi nào mã hóa xong thì đem trả lại. Tôi còn nhớ lúc ấy ông còn nói rằng chẳng hề muốn gửi nó đi." Hay choáng người khi đọc điện văn: "Nội dung của nó là họ phải đến cứu hoặc là chúng tôi sẽ bị tiêu diệt." Hay mã hóa bức điện rồi trả lại nó cho Urquhart. Hay nói: "Tôi cũng chẳng muốn sắp phải gửi nó đi đâu." Nội dung bức điện khi được gửi đi như sau:

Urquhart gửi Browning: Cần phải báo cho ông biết là trừ phi viện binh tới nơi sáng ngày 25/9, chứ chúng tôi ko chắc còn có thể cầm cự lâu hơn được nữa. Tất cả chúng tôi đều đã kiệt lực. Thức ăn, đạn dược, nước uống đều thiếu. Số sĩ quan bị thương vong cao. Kẻ thù chỉ cần đánh nhẹ nữa là cũng có thể tan rã hoàn toàn. Nếu việc đó xảy ra xin được lệnh dùng mọi cách để phá vây về đâu cầu chứ ko đâu hàng. Hiện ko thể vận động trước mặt quân thù. Điều tốt nhất chúng tôi có thể làm lúc này là cố kéo dài càng lâu càng tốt.*

*Chú thích: 1 số dị bản của bức điện này đã xuất hiện trong nhiều ghi chép khác về trận đánh. Bản nêu trên là bản gốc. Trung úy Neville Hay trong nhật ký của đội Phantom và cung cấp chúng cho tôi. Tôi vô cùng biết ơn về sự hợp tác này.

Trong 2 đêm liên tiếp, những nỗ lực để chuyển người và tiếp liệu sang cho Urquhart đều thất bại. Tuy nhiên, tướng Horrocks, vị tư lệnh buống binh của quân đoàn 30 vẫn chưa chịu buông xuôi. Phải cứu được đầu cầu và giải vây cho Urquhart trong đêm Chủ Nhật. 1 lần nữa thời tiết lại không thuận lợi. Chẳng thể mong chờ vào các phi vụ chi viện hoặc tiếp tế của máy bay từ Anh sang. Nhưng lúc này ở khu vực Driel-Nijmegen đã có lực lượng mạnh và Horrocks – đã hoàn thành công việc hầu như không thể là đưa toàn bộ quân đoàn lên tuyến hành lang hẹp chỉ rộng vừa 1 chiếc xe tăng tiến tới đầu mút sông Rhine – giờ đang bị ám ảnh trước khoảng cách 400m ngăn ông với quân dù. Khoảng cách ấy dường như đang trôi tuột ông. Ông lệnh sư đoàn 43 Wessex của tướng Thomas thực hiện nỗ lực cuối cùng: số quân Ba Lan còn lại và lính tiểu đoàn 4 Dorsets của trung tá Gerald Tilly sẽ đánh qua sông tiến đến đầu cầu lúc 10g tối.

Việc điều quân của Tilly đi sẽ là bước đầu tiên của 1 kế hoạch to lớn hơn. Sau này Horrocks viết: “Nếu mọi thứ ổn thỏa, tôi hy vọng đưa được sư 43 sang sông Rhine ở xa hơn nữa về phía tây và thực hiện 1 cú móc trái đánh vào lực lượng quân Đức đang tiến công lính dù.” Đây là giải pháp để thay thế cho việc triệt thoái. Đến ngày thứ 8 của Market-Garden rồi mà Horrocks vẫn ngoan cố không chịu đổi diện với lựa chọn ấy. Tuy nhiên, nhiều người khác vẫn đang nghiêm túc lập kế hoạch này.

Theo tham mưu trưởng của Quân đoàn Không vận I là đại tá Gordon Walch thì tướng Browning giờ đã “khá cởi mở khi bàn tới việc triệt

thoái.” Trong khi sư đoàn 43 Wessex vẫn đang tiến đến Driel thì ngay vào lúc họ gặp khó khăn, Browning đã bảo bọn tôi “phải tìm cách rút quân của Urquhart ra.” Tư lệnh tập đoàn quân 2 Anh, tướng Miles C. Dempsey, cũng có nhận định tương tự. Ông ko gặp Horrocks từ lúc bắt đầu khởi sự tiến công. Đến giờ, khi mà thời gian đã hết, Dempsey gọi Horrocks theo hành lang về hộp ở St. Oedenrode. Theo hệ thống chỉ huy thì Dempsey phải chịu sự chỉ đạo của Montgomery, người sẽ có tiếng nói quyết định. Và cái quyết định đau đớn phải chịu này của họ lại phụ thuộc vào 1 người khác nữa – đó là thống chế Model.

Trong khi Horrocks lên xe xuôi nam về St. Oedenrode thì tiểu đoàn 4 Dorsets của trung tá Tilly chuẩn bị vượt sông đê. Tiểu đoàn của ông gấp rút đến khu vực tập kết ở Driel, 1 số tàu tấn công đang trên đường tới – sau khi hành lang được khai thông trở lại. Chỉ thị cho Tilly rất rõ ràng. Đại tá Ben Walton, lữ đoàn trưởng đã phổ biến riêng cho Tilly phải: “Mở rộng đáy chu vi phòng thủ.” Điểm vượt sông được chọn ở chỗ bến phà cũ, cách Oosterbeek khoảng chừng 8 dặm. Khi sang được rồi thì lính Dorsets sẽ “ bám trụ cho đến khi quân tăng viện tới nơi.” Họ chỉ được trang bị nhẹ với thức ăn và đạn được cho 3-4 ngày. Tilly , viên trung tá 35 tuổi coi binh sĩ dưới quyền “như 1 lực lượng đặc nhiệm đi tiên phong cho toàn bộ Tập đoàn quân 2 của Dempsey.” Ông nhận thức sâu sắc là phải làm sao nhanh chóng tới được với quân của Urquhart. Theo những gì ông biết thì sư đoàn này đang hấp hối từng giờ.

Vào sáng chủ nhật, Tilly đã 3 lần trèo lên gác chuông nhà thờ bị tàn phá tại Driel để quan sát khu vực đơn vị mình sẽ đổ bộ lên trên

bờ bắc sông Rhine. Tối chiều thì ông đứng ngồi ko yên trong sở chỉ huy trong khu vườn nằm ở phía nam Driel đợi tiểu đoàn mình từ làng Homoet, cách đó vài dặm về phía tây nam cùng các tàu tấn công đang theo hành lang tới đây đủ.

Vừa qua 6g chiều thì đại tá Ben Walton gọi Tilly đến. Trong căn nhà đóng bộ chỉ huy ở phía nam Driel, Tilly cứ nghĩ lũ đoàn trưởng chỉ muốn duyệt lại lần nữa kế hoạch chi tiết của cuộc hành quân đêm này thế nhưng thay vào đó, Walton lại bảo kế hoạch đã bị thay đổi. Walton nói, theo tin nhận được thì: “toàn bộ cuộc hành quân – cuộc vượt sông qui mô lớn – đã bị bãi bỏ.” Tiểu đoàn của Tilly thì vẫn sang sông, nhưng nhằm mục đích khác. Càng nghe Tilly càng chán nản. Quân của ông sẽ giữ đáy chu vi phòng thủ để cho sư đoàn của Urquhart triệt thoái! Ông sẽ chọn ra 1 số quân - “chỉ vừa đủ làm nhiệm vụ này”, gồm khoảng 400 binh sĩ và 20 sĩ quan. Tilly cũng chẳng cần phải đi. Ông có thể chỉ định cấp phó là thiếu tá James Grafton thực hiện nhiệm vụ này. Dù Tilly đã trả lời rằng mình: “sẽ suy nghĩ”, ông vẫn quyết định dẫn lính vượt sông. Khi rời bộ chỉ huy của Walton, Tilly cảm thấy quân của mình đang bị đem ra làm vật hy sinh. Chẳng hề thấy Walton đưa động gì đến việc đưa họ về cả. Tuy nhiên Tilly cũng hiểu Walton cũng đâu thể làm gì để thay đổi. Nhưng ông vẫn thắc mắc: tại sao lại thay đổi kế hoạch?

Quyết định rút lực lượng Urquhart về - cho tới mãi 9g30 sáng thứ 2 ngày 25/9 mới được Montgomery chuẩn y- nó đạt được sau buổi họp giữa tướng Dempsey với các tướng Horrocks và Browning tại St. Oedenrode chiều Chủ nhật. Sau khi nghe vị tư lệnh quân đoàn của

mình trình bày kế hoạch vượt sông Rhine bằng toàn bộ lực lượng, Dempsey đã bác bỏ. Ko giống như Horrocks, Dempsey chẳng hề tin cuộc đột kích ấy sẽ thành công. Ông nói với Horrocks: “Không! Đưa họ ra đi.” Dempsey quay sang hỏi Browning: “Anh thấy vậy được ko?” sau 1 thoáng im lặng, Browning gật đầu. Dempsey lập tức cho tướng Thomas ở Driel biết tin.

Ngay vào lúc cuộc họp ở St. Oedenrode đang diễn ra thì quân Đức lại 1 lần nữa cắt đứt hành lang ở bắc Veghel. Horrocks đã phải dùng 1 xe bọc thép chọc thủng phòng tuyến địch chạy về bộ chỉ huy của mình ở Nijmegen. Cuộc tấn công sau cùng này của thống chế Model sẽ khiến hành lang bị tắc nghẽn hơn 40 giờ nữa.

Lúc này tại Driel, hầu hết tiểu đoàn của trung tá Tilly đã tới nơi. Ông bước giữa đám binh sĩ để chọn ra người thực hiện nhiệm vụ. Vừa vỗ vai người chiến sĩ, Tilly vừa nói “cậu đi”... “cậu ko đi”. Mục đích thực sự của trận đột kích vẫn phải bảo mật do vậy ông chẳng biết nói gì khi những người lính phản đối vì bị bỏ lại phía sau. Tilly chỉ “chọn những cựu binh mà mình thấy thật cần thiết – và để những người khác ở lại.”

Đó là 1 quyết định thật cay đắng. Đứng nhìn những sĩ quan, binh lính mà mình tin: “sẽ đi vào cõi chết”, Tilly nói với thiếu tá Grafton: “Jimmy à, tôi nói cho anh biết chuyện này vì ngoài tôi ra phải có người nữa biết được mục đích thực sự của chuyến vượt sông”. Sau khi kể sơ qua sự thay đổi trong kế hoạch, Tilly bình thản nói thêm: “Tôi e rằng ta đang bị đem đi phung phí.”

Grafton choáng người nhìn Tilly chăm chăm. Ông này nói tiếp. “Việc này rất hệ trọng và ko được nói cho ai biết” rồi giải thích thêm “sẽ cực kỳ liều lĩnh đấy.”

Grafton hiểu Tilly muốn nói gì. Nếu các binh sĩ biết được sự thật thì đó sẽ là 1 đòn khủng khiếp giáng xuống tinh thần họ. Khi Grafton chuẩn bị rời bước, Tilly còn nói: “Jimmy, tôi hy vọng anh biết bơi.” Grafton cười đáp “Tôi cũng hy vọng thế”.

Khi lính của Tilly xuống sông lúc 9g30 tối thì xuống tấn công vẫn chẳng thấy tăm hơi đâu cả. Tilly hỏi sĩ quan phụ trách công binh là trung tá Charles Henniker. “Thế quái nào mà họ lại mong tôi vượt được qua sông mà chẳng có thuyền thế này?”. Đồ ăn cho binh sĩ cũng chưa thấy tới. Gánh nặng cùng với sự bức bối vì biết được lý do thực sự của chuyến vượt sông khiến Tilly bộc bạch với trung tá Aubrey Coad, chỉ huy tiểu đoàn 5 Dorsets: “ Cái gì cũng ko xong. Tàu thì chẳng đến, đồ ăn cũng ko. Nếu cứ như thế này thì tôi sẽ đếch đi nữa.” Coad lệnh cho tiểu đoàn mình đưa thức ăn sang cho lính của Tilly.

Lực lượng của Tilly đợi xuống tấn công dưới trời mưa phùn lạnh lẽo suốt 3 tiếng đồng hồ. Đến nửa đêm thì mấy cái xuồng đó mới tới Driel. Tuy nhiên chỉ có 9 chiếc là vượt đến được. Trong đêm tối, 1 số xe tải đã rẽ nhầm và chạy về phía chiến tuyến địch; 2 chiếc khác thì bị trượt khỏi con đường đê lầy lội và coi như là mất. Tại chỗ hẹn, xuồng sẽ được lính bộ binh khiêng vượt qua 1 bãi lầy rộng 600m ra tới điểm xuất phát. Những người lính vừa loạng choạng trượt ngã vừa đánh vật trong bùn lầy hơn 1 tiếng đồng hồ mới mang được xuồng xuống

sông. Phải đến hơn 2 g sáng thứ 2, ngày 25/9 thì việc chuyển thuyền mới xong xuôi.

Khi các binh sĩ chuẩn bị xuất phát, Tilly giao cho thiếu tá Grafton 2 thông điệp gửi đến tướng Urquhart: 1 là thư của tướng Browning; cái kia là bức điện được mã hóa mô tả kế hoạch triệt thoái của tướng Thomas. Các thông điệp này có 2 bản. Trung tá Eddie Myers, sĩ quan phụ trách công binh của Urquhart, vừa từ Nijmegen về sau khi gặp tướng Browning, giờ cũng mang theo những lá thư tương tự đơi sang bên kia sông. Tilly bảo Grafton: “Việc của cậu là mang thư đến chỗ Urquhart nếu cái bộ trong cặp ông sĩ quan công binh kia ko tới được.” Tilly còn dặn thêm là tờ giấy chứa đựng kế hoạch triệt thoái “cực kỳ quan trọng”.

Bên kia sông rõ ràng quân Đức đã sẵn sàng chờ đợi 1 cuộc vượt sông nữa. Tất cả phía Anh chỉ có 15 xuồng tấn công – kể cả 3 chiếc DUKW cùng mấy xuồng sử dụng đêm trước còn lại. Vào phút cuối cùng do thiếu xuồng nên mũi vượt sông vu hồi của quân Ba Lan ở phía đông chỗ vượt sông của lính Dorsets đã phải cho ngưng lại. Quân của Tilly sẽ qua sông trong 5 đợt. Trong khi sửa soạn, đạn cối địch cứ rót sang bờ nam còn súng máy thì hình như căn sẵn nhằm vào 2 cạnh đáy chu vi phòng thủ và sát mép nước. Trung tá Tilly bước lên thuyền. Đợt vượt sông đầu tiên bắt đầu. Dù tất cả pháo binh Anh hiện có ở phía nam đều khai hỏa lập 1 bức màn đạn pháo che chở cho các binh sĩ Dorsets, đợt vượt sông vẫn bị đánh toi bời. Những con thuyền làm bằng vải bạt, khung gỗ bị bắn nát, thủng lỗ chỗ và quét sạch. 1 số chiếc, như thuyền của thiếu tá Grafton đã bị cháy khi

chưa kịp rời khỏi bờ nam. Grafton nhanh chóng chuyển sang thuyền khác. Được nửa đường thì ông nhận ra thuyền mình là chiếc duy nhất còn lại trong đợt đầu. Grafton đã sang được sông sau 15 phút, và cảm thấy “rất hạnh phúc vì mình còn sống.”

Trong đêm mưa, dưới hỏa lực ác liệt của súng máy địch, đợt vượt sông nào cũng bị tổn thất nặng. Nhưng kẻ thù tồi tệ nhất lại chính là dòng chảy. Ko quen đi thuyền cộng với dòng chảy bất ngờ, sau nửa đêm thì càng chảy xiết, lính Dorsets bất lực nhìn thuyền bị đẩy dạt vào tay quân thù. Rải rác cuốt nhiều dậm, những toán lính nhỏ nhanh chóng bị chia cắt và bao vây. Trong số 420 sĩ quan binh lính tiến hành vượt sông thì chỉ có 239 người sang được đến bờ bắc. Khi cặp bờ, trung tá Tilly nhận được cả 1 cơn mưa lựu đạn từ trên đồi quảng xuống, ông hô lớn “Dừng lê xử chúng nó!” rồi dẫn quân của mình xông lên cố thoát khỏi cảnh rùng rợn trên.*

*Chú thích: 1 trái lựu đạn quả thực đã rơi trúng đầu Tilly và phát nổ. Thật khó tin khi ông chỉ bị thương nhẹ, vẫn sống và phải làm tù binh cho đến khi chiến tranh kết thúc.

Lính Dorsets ko thể bắt tay với quân Urquhart như 1 đơn vị còn khả năng chiến đấu nữa. Chỉ có 1 số là đến được Hartenstein, trong đó có thiếu tá Grafton với bản kế hoạch triệt thoái còn nguyên vẹn. Ông tới được vị trí của thiếu tá Dickie Lonsdale gần nhà thờ Oosterbeek. Trung tá Myers cùng số tài liệu mang theo cũng tới được sở chỉ huy của Urquhart. Chẳng ai trong số họ biết được nội dung bức điện mã hóa của Thomas hay cái tên đầy mỉa mai của nó. Nỗ lực lúc đầu của Montgomery ép Eisenhower tiến hành “1 đòn đột kích mạnh mẽ,

tổng lực tiến tới Berlin...kết thúc chiến tranh” đã từng bị từ chối và phải thay thế bằng chiến dịch Market-Garden. Vậy mà giờ đây kế hoạch triệt thoái cho số quân tội tã của Urquhart lại được chính thức đặt cho cái tên ấy. Những gì còn lại của sư đoàn 1 Không Vận Anh sẽ được sơ tán dưới mật danh “chiến dịch Berlin.”

4

Đến giờ thì MARKET-GARDEN, chiến dịch mà Montgomery đã kỳ vọng có thể kết thúc nhanh chóng chiến tranh, đang trôi theo đà diệt vong mà ko cách nào hãm lại nổi, Các binh sĩ vẫn đang cố bám trụ ở những cây cầu và chiến đấu trên trục đường duy nhất, là hành lang hẹp, trên suốt 60 dặm đường kinh hoàng. Trong khu vực của tướng Maxwell Taylor ở phía bắc Eindhoven, các binh sĩ được xe tăng và bộ binh Anh hỗ trợ đã bị đẩy lùi vì 1 trận công kích mãnh liệt sau khi cố gắng khai thông đoạn xa lộ kéo dài tại Uden. Trong khu vực sư đoàn 82 của tướng Gavin, cây cầu lớn Waal liên tục bị bắn phá. Dịch quân từ Reichswald đang tiếp tục gia tăng sức ép ngày càng mạnh mẽ. Thái độ coi như chiến tranh gần sắp kết thúc 1 tuần trước đó, đã tan biến. Những đơn vị địch đã bị xóa sổ giờ lại thấy tham chiến. Bộ máy chiến tranh của Đức Quốc xã, được cho đang trên bờ vực sụp đổ hồi những tuần đầu tháng 9, bỗng sản xuất 1 cách thần kỳ thêm 60 chiếc xe tăng Tiger, và chuyển giao chúng cho Model sáng ngày 24/9.*

*Chú thích: Tướng Hamel đã ghi chú trong phụ lục 6 cuốn nhật ký chiến trường của mình là: “Xe tăng tới vào đầu buổi sáng”. Ông còn viết thêm “ Bộ tư lệnh Quân đoàn II xe tăng đã phân phối phần lớn chi đội này, 45 xe Tiger, cho sư đoàn 10 SS Frundsberg.”

Market-Garden vốn đã bị bóp nghẹt thì nay đến mục tiêu chính của kế hoạch, chỗ đứng chân bên kia sông Rhine, bàn đạp để tiến vào Ruhr, cũng đành phải rút bỏ. Đúng 6g05 ngày thứ 2, 25/9, tướng Urquhart nhận được lệnh rút lui.

Theo kế hoạch, người ta hứa hẹn với Urquhart khi hành quân vào Arnhem là sẽ được tăng viện trong vòng 48 tiếng đồng hồ. Tướng Browning đã dự kiến sư đoàn 1 Không Vận có thể trụ 1 mình tối đa ko quá 4 ngày. Các binh sĩ của Urquhart đã làm được điều mà chưa sư đoàn không vận nào làm được.

Họ đã trụ được gấp đôi thời gian trước 1 kẻ thù vượt trội về binh lực và hỏa lực. Với vị tư lệnh can đảm người Scotland, người mới lần đầu được chỉ huy 1 sư đoàn không vận, thì việc rút lui thật là cay đắng vì khi ấy Urquhart chưa biết đó là phương án duy nhất. Lúc này lực lượng của ông chỉ còn chưa đến 2500 người và ông chẳng thể đòi hỏi các binh sĩ dưới quyền gắng gượng hơn được nữa. Ông rất bức bối khi biết quân cứu viện nằm cách đấy có 1 dặm đường và bị ngăn cách với sư đoàn mình chỉ bởi bề rộng sông Rhine. Urquhart đành miễn cưỡng tuân theo quyết định của thượng cấp. Đã đến lúc phải cho những người lính dũng cảm của Arnhem thoát ra.

Tại Hartenstein, trung tá Eddie Myers mệt mỏi trao 2 lá thư – thư của Browning và trình tự triệt thoái của tướng Thomas - cho Urquhart. Lá thư của Browning chứa những lời khen ngợi, động viên viết trước đó 24 tiếng, giờ đã lỗi thời. Trong thư có đoạn viết: “...Tập đoàn quân đang ào ào xông lên để hỗ trợ cậu, nhưng...chắc phải đến cuối ngày” và “tôi vẫn cảm thấy bình thường chứ ko quá mệt mỏi và thất vọng như cậu...nhưng có lẽ ko thể nào bì được với việc cậu đang làm...”

Trình tự rút quân – nhất là lại đến từ Thomas, người mà Urquhart, cũng như Browning ko thể nào tha thứ vì sự chậm trễ - khiến việc này càng buồn hơn. Trong thư Thomas nói lúc này sư đoàn 43 Wessex đã bắt đầu cảm thấy sức ép đang gia tăng mạnh mẽ của quân Đức. Mọi kỳ vọng vào việc phát triển đầu cầu bên kia sông Rhine đều phải bỏ hết; thay vào đó là việc rút sư đoàn 1 Không vận ra. Urquhart và Thomas sẽ cùng thỏa thuận về ngày giờ rút quân.

Urquhart đang cân nhắc để quyết định. Ông chẳng còn do dự về ngày giờ nữa khi nghe tiếng pháo binh và súng cối địch bắn phá liên hồi bên ngoài. Để cứu mạng binh sĩ dưới quyền, việc triệt thoái phải được tiến hành sớm dưới sự che chở của bóng đêm. Đúng 8g sáng, Urquhart liên lạc với Thomas qua điện đài. Ông báo: “chiến dịch Berlin phải tiến hành tối nay.”

20 phút sau đó, Urquhart cho phát đi bức điện gửi Browning mà ông đã bảo trung úy Neville Hay mã hóa đêm hôm trước. Nó vẫn còn phù hợp, nhất là ở câu cảnh báo: “Kẻ thù chỉ cần đánh nhẹ nữa là cũng có

thể tan rã hoàn toàn.” Vào thời điểm này, tình cảnh của Urquhart bị đát đến nỗi ông cũng chẳng biết liệu lính của mình có thể trụ được đến tối ko nữa. Thế rồi vị tướng đau khổ bắt đầu soạn thảo hoạt động khó khăn nhất trong tất cả các thể loại tác chiến: đó là Rút lui. Chỉ có 1 cách duy nhất, vượt qua 400m kinh hoàng của sông Rhine về Driel.

Kế hoạch của Urquhart được lập dựa trên cách thức của 1 cuộc triệt thoái kinh điển khác của quân Anh – Gallipoli năm 1916. Tại đó, sau nhiều tháng ác chiến, lính Anh cũng đã phải rút lui dưới hỏa mù. Những toán quân nhỏ vẫn tiếp tục nổ súng che mắt địch để cho thành phần chủ lực triệt thoái an toàn. Urquhart cũng tiến hành thủ đoạn tương tự. Trên khắp chu vi phòng thủ, những toán lính nhỏ sẽ tiến hành bắn mạnh để đánh lừa quân địch trong lúc phần lớn lực lượng rút đi. Dần dần các đơn vị trên mặt bắc chu vi phòng thủ sẽ rút dần xuống tới bờ sông để di tản. Sau đó, các lực lượng cuối cùng, ở gần sông Rhine nhất sẽ theo chân họ. Sau này Urquhart kể lại: “Thực ra tôi lên kế hoạch rút quân giống như ta làm xẹp 1 cái túi giấy vậy. Tôi muốn những toán quân nhỏ vẫn bám giữ trong những vị trí then chốt tạo nên ấn tượng chúng tôi vẫn ở nguyên đó, trong khi tất cả thì rút lui dọc theo 2 bên sườn.”

Urquhart còn ngụy tạo thêm 1 số biểu hiện “bình thường” khác nữa. Các đài vô tuyến vẫn hoạt động như lúc bình thường. Những khẩu pháo của Sheriff Thompson vẫn nhả đạn đến phút cuối. Lính quân cảnh gác khu tù binh Đức chỗ sân tennis ở Hartenstein vẫn tiếp tục đi tuần. Họ sẽ là những người ra đi cuối cùng. Dĩ nhiên, bên cạnh những toán chặn hậu, còn có những người khác nữa. Đó là những

người phải ở lại gồm bác sĩ, lính quân y và thương binh nặng. Những thương binh ko thể đi bộ nhưng vẫn còn khả năng chiến đấu cũng sẽ ở lại vị trí phòng thủ và tiếp tục bắn.

Để tới được bờ sông, các binh sĩ của Urquhart sẽ đi theo 2 tuyến đường ở 2 bên hông chu vi phòng thủ. Các phi công tàu lượn sẽ đóng vai trò dẫn đường, họ tiến hành đánh dấu đường thoát bằng những dải băng trắng. Các binh sĩ, lấy vải quần vào giày, sẽ theo đó tìm đường ra tới mép nước. Tại đây lính công binh điều phối (beachmasters) sẽ cho họ lên đội thuyền di tản: gồm 14 ca nô công suất lớn (storm boats), chở được 14 người mỗi chiếc – do 2 đại đội công binh Canada vận hành, cùng 1 số thuyền nhỏ nữa. Ko thể xác định được số lượng thuyền nhỏ này. Chẳng có ai, kể cả các sĩ quan điều phối còn nhớ chúng gồm bao nhiêu chiếc; nhưng trong số đó có cả mấy chiếc DUKW cùng số xuồng vải bạt khung gỗ còn sót lại của cuộc vượt sông hôm trước. Urquhart đã rất liều lĩnh khi cho rằng quân Đức khi nhìn thấy thuyền chạy trên sông sẽ tưởng các binh sĩ đang nỗ lực vượt sang chu vi phòng thủ chứ ko phải rút ra khỏi đó. Ngoài việc bị phát hiện, hơn 2000 con người đang cố thoát ra còn phải đối mặt với nhiều nguy nan nữa. Urquhart có thể hình dung ra được rằng; nếu như thời gian biểu ko được tuân thủ nghiêm ngặt thì 1 nút cổ chai tệ hại sẽ hình thành nơi đáy chu vi phòng thủ nhỏ hẹp – khi đó đang có bề rộng là 650m. Và nếu để xảy ra ách tắc ở chỗ xuống sông thì lính của ông sẽ bị tận diệt ko thương tiếc. Sau những kinh nghiệm cay đắng của quân Ba Lan và tiểu đoàn Dorsets khi cố gắng vượt sang chu vi phòng thủ, Urquhart biết chắc cuộc di tản sẽ bị đối phương ngăn trở. Dù cho tất cả pháo của Quân đoàn 30 đều đã được

huy động để bảo vệ, Urquhart vẫn dự đoán quân Đức sẽ gây thương vong nặng cho các binh sĩ dưới quyền. Thời gian cũng là kẻ thù của ông. Phải mất nhiều tiếng đồng hồ mới hoàn tất được việc di tản. Ngoài ra còn có vấn đề trong công tác bảo mật của kế hoạch nữa. Do các binh sĩ có thể bị bắt và hỏi cung trong ngày, nên không có ai, trừ các sĩ quan cấp cao và những người được giao nhiệm vụ cụ thể, được báo trước về kế hoạch trên cả. Sau khi trao đổi qua điện đài với tướng Thomas và đạt được sự đồng thuận cơ bản về kế hoạch triệt thoái, Urquhart tổ chức họp cùng số sĩ quan cao cấp còn lại: Đại tá Pip Hicks; trung tá Iain Murray của trung đoàn phi công tàu lượn, lên thay cho Hackett bị thương; trung tá R. G. Loder-Symonds chủ nhiệm pháo binh sư đoàn; thượng tá Mackenzie, tham mưu trưởng; trung tá Eddie Myers, chỉ huy công binh, người điều hành cuộc di tản này. Trước khi buổi họp bắt đầu, thượng tá Graeme Warrack, chủ nhiệm quân y sư đoàn đã tới gặp Urquhart và trở thành người đầu tiên biết đến kế hoạch di tản. Warrack “rất chán nản, buồn rầu. Chẳng phải vì tôi phải ở lại – đó là nghĩa vụ đối với thương binh – mà là vì lúc đó tôi thấy sư đoàn rút đột ngột quá.”

Trong hầm rượu khác sạn Hartenstein, Urquhart báo tin “Đêm nay chúng ta sẽ rút ra” cho các sĩ quan đang vây quanh. Sau đó ông phổ biến từng bước kế hoạch. Thành công của kế hoạch phụ thuộc rất nhiều vào sự tỉ mỉ về thời gian. Bất kỳ việc ùn ứ nào cũng sẽ trở thành thảm họa. Các binh sĩ chỉ việc đi, chứ không được dừng lại chiến đấu. “Họ phải lẫn tránh nếu bị bắn và chỉ được phép bắn trả trong tình huống nguy hiểm tới tính mạng.” Khi các sĩ quan chuẩn bị giải tán, Urquhart dặn họ giữ bí mật càng lâu càng tốt và chỉ được nói cho

những người thật cần thiết.

Tin vừa rồi chỉ làm cho các sĩ quan cao cấp trên của Urquhart hơi bất ngờ. Giống như Warrack, họ rất thất vọng vì quân cứu viện đã không đến. Trong đầu, họ sợ các binh sĩ sẽ gặp phải thử thách còn khốc liệt hơn nữa khi rút lui. Anh lính thông tin James Cockrill, tăng phái cho bộ chỉ huy sư đoàn, ngẫu nhiên nghe được thông điệp ngắn gọn “Đêm nay là chiến dịch Berlin”. Anh cố gắng nghiền ngẫm xem nó có ý nghĩa gì? Anh thậm chí còn chưa bao giờ nghĩ tới việc triệt thoái. Cockrill cứ tưởng sư đoàn sẽ “chiến đấu đến người lính cuối cùng, viên đạn cuối cùng”. Anh nghĩ “chiến dịch Berlin” là 1 cố gắng to lớn nhằm đột phá đến cầu Arnheim “theo kiểu của trận đột kích hào hùng của Lữ đoàn Khinh Kỵ binh (trận đánh của kỵ binh Anh vào pháo binh Nga trong trận Balaclava năm 1855 hồi chiến tranh Crim. Kỵ binh Anh thắng nhưng bị thiệt hại nặng nề. ND) hay đại loại như vậy.” 1 người khác thì lại biết rõ nó có nghĩa là gì. Tại sở chỉ huy Lữ đoàn đổ bộ đường không 1, thượng tá Payton-Reid của trung đoàn biên phòng Scotland (KOSB) đang tham gia sắp xếp việc di tản quân bên mặt tây chu vi phòng thủ thì nghe thấy đại tá Pip Hicks lẩm bẩm điều gì đó về “1 Dunkirk nữa”.

Trong suốt ngày hôm ấy, quân Đức điên cuồng tấn công cố tràn ngập các vị trí của những con Quỷ đỏ, thế nhưng họ vẫn trụ được. Thế rồi, các binh sĩ còn nhớ là vào hơn 8g tối 1 chút, tin rút quân được truyền xuống. Với thiếu tá Geoffrey Powell, thuộc tiểu đoàn 156 của Hackett, trên đầu chu vi phòng thủ, thì cái tin trên là “1 đòn khủng khiếp. Tôi nhớ đến những người đã bỏ mình rồi nghĩ đến chuyện mọi nỗ lực

vừa qua đều đổ sông đổ bể hết cả." Vì lính của ông đang nằm ở xa nhất nên vào lúc 8g15, Powell cho quân tập hợp theo hàng 1.

Binh nhất Robert Downing, tiểu đoàn dù 10 được lệnh rời chiến hào về khách sạn Hartenstein. Tại đó, anh gặp 1 trung sĩ. Người này bảo "Chỗ kia có cái dao cạo cũ, ra làm lông tí đi." Thấy Downing giương mắt nhìn, viên trung sĩ nói tiếp: "Khẩn trương! Chúng ta sẽ về bên kia sông; và vì Chúa, phải làm sao trở lại như lính Anh mới coi được."

Thiếu tá Robert Cain lại đi mượn dao cạo trong 1 căn hầm khác gần vị trí mình. Có người tìm ra nước; Cain đặt dao lên đám râu 1 tuần chưa cạo của mình rồi cẩn thận chùi khuôn mặt dính máu và ám đen khói súng. Khi bước ra anh đứng dưới mưa 1 lúc để ngắm nhìn ngôi nhà thờ Oosterbeek. Nhà thờ có con gà trống chỉ hướng gió bằng vàng. Anh vẫn để ý đến nó trong suốt thời gian của trận đánh. Đối với anh, nó là 1 vật mang lại may mắn. Gà còn thì sư đoàn còn. Rồi anh bỗng cảm thấy buồn vô hạn và tự hỏi liệu ngày mai nó còn còn ở đấy nữa ko?

Cũng như những người lính khác, thiếu tá Thomas Toler của trung đoàn phi công tàu lượn được trung tá Iain Murray bảo đi rửa ráy chút đỉnh. Toler chẳng muốn làm chút nào. Ông đã quá mệt và "nghĩ rửa ráy là cả 1 sự cố gắng". Murray đưa ông cái dao cạo của mình. "Bọn ta sẽ rút ra. Ko thể để lục quân nghĩ chúng mình là đám bụi đời được." Với chút bọn mà Murray để lại, Toler bắt đầu cạo râu. "Thật là tuyệt. Khi cạo xong tôi bỗng thấy tinh thần thể chất mình sáng khoái hơn hẳn." Trong sở chỉ huy của Murray có lá cờ thêu hình Ngựa có cánh

Pegasus (cờ hiệu của sư đoàn. ND) mà Hackett dự định sẽ giương lên khi Tập đoàn quân 2 đến. Toler ngắm nó hồi lâu rồi cẩn thận cuộn nó lại mang đi.

Trong các vị trí pháo binh sẽ khai hỏa đánh lạc hướng địch để hỗ trợ cho cuộc di tản, pháo thủ Robert Christie đang nghe Willie Speedie, hiệu thính viên gọi về pháo đội. Speedie báo tần số chỉ huy mới rồi nói ngắn gọn: “Chúng tôi tắt máy đây. Hết.”

Trung sĩ Stanley Sullivan, lính dù tiền sát, người đi mở đường 9 ngày trước rất giận dữ khi biết tin phải triệt thoái. “Tôi cứ tưởng chúng tôi sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng”. Chốt tiền tiêu của Sullivan đóng trong 1 ngôi trường “noi những đứa trẻ đến để học. Tôi sợ cho lũ trẻ ấy khi phải rút đi. Cần phải cho chúng nó và cả quân Đức biết, chúng tôi đã nghĩ gì.” Trong căn phòng anh cố thủ có tấm bảng đen, Sullivan viết lên nó hàng chữ đậm, gạch chân nhiều lần. Nội dung là: “Bọn ta sẽ trở lại !!!”*

*Chú thích: Đám trẻ chẳng bao giờ thấy nó. Ngày 27 tháng 9 trong hành động trả thù tàn bạo nhằm vào người Hà Lan, quân Đức đã ra lệnh tất cả các khu vực ở Arnhem phải tản cư. Arnhem cùng các làng mạc quanh đó ko hề có người ở cho đến tận những ngày cuối cuộc chiến, ngày 14/4/1945 khi lính Canada kéo đến.

Đúng vào 9g tối, bầu trời đêm nhoáng nhoàng khi rất nhiều pháo của quân đoàn 30 gầm lên. Những tiếng nổ dậy lên suốt viền chu vi phòng thủ, 1 cơn mưa đạn pháo trút xuống các vị trí quân Đức. Lính

của Urquhart bắt đầu rút ra sau đó 45 phút. Thời tiết xấu từng làm ngăn cản quân cứu viện và đồ tiếp tế suốt tuần qua giờ lại giúp đỡ cho các con Quỷ đỏ; cuộc triệt thoái bắt đầu trong điều kiện mưa to gió lớn – cộng với tiếng ầm ầm của trận pháo kích –che chở cho cuộc đào thoát của quân Anh.

Trong mưa, gió tàn quân của sư đoàn 1 Không Vận, mặt bôi đen, trang bị buộc gọn, giày bọc lại cho khỏi ồn, vất vả trèo ra khỏi công sự xếp hàng thực hiện chuyển đi nguy hiểm xuống sông. Trời tối đen khiến cho các binh sĩ chẳng thể nhìn xa hơn vài gang tay. Họ lập thành 1 dây xích người, nắm tay hoặc bám vào áo ngực trang của người đi trước.

Trung sĩ William Tompson, phi công tàu lượn, gặp người chống lại cơn mưa lớn. Nhận nhiệm vụ hướng dẫn các binh sĩ khác ra bờ sông, anh đã chuẩn bị tinh thần cho 1 đêm dài ướt nhẹp. Khi nhìn những người lính đi ngang anh chợt nhận thấy: "Tuy ít người nhưng chúng tôi đều đã trải qua hỏa ngục 1 cách anh dũng."

Với anh lính thông tin James Cockrill "chiến dịch Berlin" giờ thì đã quá rõ ràng. Anh được chỉ thị ở lại tiếp tục nhiệm vụ trong khi đồng đội rút lui. Anh sẽ phải "duy trì liên lạc điện đài và làm mọi thứ để quân Đức ko nhận ra điều gì khác thường". Cockrill 1 mình ngồi trong bóng tối dưới hàng hiên khách sạn Hartenstein "cặm cụi truyền đi những thông điệp mã hóa. Tôi nghe thấy nhiều chuyển động khắp xung quanh nhưng người ta chỉ thị tôi vẫn phải duy trì sóng liên lạc." Cockrill biết chắc khi trời sáng mình sẽ bị bắt làm tù binh. Anh vẫn

dụng khẩu súng trường bên cạnh nhưng đó chỉ là thứ vô dụng. Súng chỉ có 1 viên đạn giả chứa bản mật mã liên lạc với tập đoàn quân 2 và đó là viên duy nhất còn lại của anh.

Trên bờ nam sông Rhine các bác sĩ, lính cứu thương, y tá chữ thập đỏ Hà Lan đang sẵn sàng trong những khu tiếp nhận và trạm xá dã chiến. Tại Driel, đoàn xe cơ giới và xe cứu thương cũng chờ sẵn để đưa những người sống sót trong sư đoàn Urquhart về Nijmegen. Dù việc chuẩn bị đón những người mới đến đang choán hết thời gian, Cora Baltussen sau 2 ngày đêm kiệt sức chăm sóc cho thương binh vẫn nghĩ rằng trận pháo kích và các hoạt động bên bờ nam này là khởi đầu cho đợt vượt sông kế tiếp. Khi đạn pháo địch cấp tập xuống Driel, Cora đã bị mảnh vỡ ghim vào đầu, vai trái và hông. Dù rất đau nhưng Cora vẫn coi như không có chuyện gì cả. Thứ cô lo nhất là bộ quần áo vấy máu của chính mình. Cô vội đạp xe về nhà để thay đồ rồi sẽ quay lại đón những thương binh chắc chắn sẽ được đưa về sớm. Trên đường đi Cora lọt vào vùng pháo địch bắn. Bị hất văng ra khỏi xe đạp nhưng không bị thương, cô nằm 1 lúc trong cái mương đầy bùn rồi lại đi tiếp. Cora về đến nhà thì kiệt sức. Vào hầm nhà, cô nằm xuống định chợp mắt 1 lát nhưng đã ngủ hết đêm mà chẳng hề biết “chiến dịch Berlin” đã diễn ra.

Dọc bờ sông chỗ đáy chu vi phòng thủ, đội thuyền sơ tán do lính công binh Canada và Anh điều khiển đã đợi sẵn. Cho đến lúc này kẻ thù vẫn chưa nghi ngờ gì. Thực tế, quân Đức rõ ràng chưa biết chuyện gì đang diễn ra cả. Pháo của họ vẫn nhắm vào số quân còn lại của Dorsets, khi tiểu đoàn này bắt đầu tổ chức đánh nghi binh ở phía

tây chu vi phòng thủ. Xa hơn nữa, pháo binh Anh cũng khạc lửa làm ra vẻ tổ chức bắn yểm hộ cho 1 đợt vượt sông khác.

Trong mưa lớn, những hàng quân ngoằn ngoèo di chuyển từ 2 bên cánh chu vi phòng thủ xuống bờ sông với tốc độ chậm. 1 số lính quá kiệt sức nên đã đi lạc và rơi vào tay quân thù; những người ko thể tự đi được đã được giúp đỡ. Trong bóng đêm ko có ai dừng lại cả. Đứng lại làm ồn, hay hoảng loạn là chết ngay.

Trong ánh lửa bập bùng của những căn nhà cháy, trung sĩ Ron Kent, thuộc đại đội dù tiền sát của thiếu tá Boy Wilson, dẫn trung đội vào 1 vườn bắp cải được chọn làm điểm hẹn của đơn vị. Họ đợi ở đó cho đến khi toàn đại đội tập trung xong mới đi xuống bờ sông. Kent kể: “Dù bọn tôi biết sông Rhine ở hướng nam nhưng ko biết điểm sơ tán nằm đâu cả?” Bỗng nhiên lính thấy 1 luồng đạn vạch đường màu đỏ từ hướng nam bắn đến nên nhắm luôn chỗ đó để đi. Chẳng mấy chốc họ đã tới được chỗ có những dải băng trắng đánh dấu và các phi công tàu lượn mờ mờ hiện ra bắt đầu chỉ lối cho họ. Toán của Kent nghe thấy bên trái có tiếng súng bắn và tiếng lựu đạn nổ. Thiếu tá Wilson cùng 1 toán khác đã chạy lạc sang vị trí Đức. 2 binh sĩ bị giết chết trong trận đụng độ ác liệt sau đó, khi chỉ còn cách vùng an toàn có 1 dặm đường.

Những người lính vẫn còn nhớ tới từng chi tiết nhỏ nhất về chuyến di tản – những câu chuyện thương tâm, ghê sợ và đôi khi rất buồn cười. Binh nhất Henry Blyton thuộc tiểu đoàn 1 đang trên đường ra sông thì nghe thấy tiếng ai khóc. Hàng lính phía trước đứng lại. Các binh sĩ

bu lại bên đường. Tại đó, 1 thương binh đang nằm trên mặt đất ướn sững khóc gọi mẹ. Mọi người được lệnh đi tiếp. Chẳng ai được phép dừng lại để giúp người thương binh cả. Trước khi lực lượng của thiếu tá Dickie Lonsdale rời vị trí, họ đã ghé qua nhà Ter Horst để mang theo càng nhiều thương binh còn đi được càng tốt. Hạ sĩ Sydney Nunn, người đã cùng 1 phi công tàu lượn hạ gục chiếc xe tăng Tiger lúc trước đã nghĩ mình ko thể nào ra sông nổi. Những vị trí pháo binh gần nhà thờ hôm ấy đã bị quân Đức tràn ngập. Nunn cùng 1 toán lính biên phòng Scotland đã có 1 trận giao tranh ngắn ngủi nhưng ác liệt với quân Đức. Trong đêm mưa, hầu hết mọi người đã rút hết. Nunn nằm trên đất sau khi nhận vết thương đầu tiên sau 9 ngày chiến đấu. Đạn pháo nổ trong đồng đá khiến 1 viên sỏi văng ra làm mẻ cái răng cửa của Nunn.

Trung sĩ Thomas Bentley, tiểu đoàn 10 đi theo trung úy Neville Hay, phụ trách đơn vị Phantom. Anh nhớ lại “Chúng tôi liên tục bị bắn tỉa. Tôi thấy 2 phi công tàu lượn tiến ra ngoài chỗ sáng để thu hút hỏa lực lính Đức, như là để cho chúng tôi biết chúng bắn từ đâu đến.” Cả 2 người đều bị giết chết.

Tại Hartenstein, tướng Urquhart cùng bộ tham mưu đã chuẩn bị lên đường. Sau khi gói ghém nhật ký chiến trường, đốt giấy tờ thì Hancock, lính cần vụ của Urquhart lấy vải rèm ra quấn giày cho ông tướng. Mọi người quì xuống nghe vị tuyên úy cầu Chúa. Urquhart nhớ ra chai whiskey mà cậu cần vụ đã bỏ ba lô cho ông hôm đổ bộ. Urquhart nói: “Ta truyền tay nhau nào. Mỗi người làm 1 ly”. Sau cùng, Urquhart xuống hầm rượu thăm các thương binh “quần đầy

bằng, nẹp” và nói lời tạm biệt với những người còn tỉnh táo. Những người khác, đang ngủ do tác động của morphin, thì chẳng hay biết gì về chuyện triệt thoái. 1 người lính tiền tụy, cố ngồi dậy dựa lưng vào tường nói với Urquhart: “Tôi mong ông thành công, sếp ạ.”

Thiếu tá hải quân Arnoldus Wolters, sĩ quan liên lạc Hà Lan tại bộ chỉ huy đi sau nhóm của ông tướng, tuyệt đối giữ im lặng. “Giọng của tôi mà mở miệng ra, chắc sẽ bị cho là lính Đức ngay.” Đôi lúc, Wolters bị lạc dấu người đi phía trước,. “Chả biết phải làm gì nữa. Tôi chỉ biết vừa đi tiếp vừa cầu nguyện cho mình đi đúng hướng”. Wolters thấy cực kỳ chán nản chỉ toàn nghĩ về vợ cùng đứa con gái chưa thấy mặt. Anh chẳng thể gọi điện về nhà dù họ chỉ ở cách Hartenstein có vài dặm đường. Chiếc đồng hồ mua tặng vợ từ bên Anh vẫn còn nằm trong túi; con gấu Teddy, quà cho cô con gái thì nằm đâu đó trong cái tàu lượn võ. Nếu may mắn ra được đến bờ sông, thì Wolterscũng cũng sẽ lại đi tiếp, và có thể là sang Anh.

Cuộc vượt sông đã bắt đầu, trung tá Myers cùng với lính công binh đảm nhiệm chuyển vận binh sĩ tiến hành khẩn trương đưa người lên thuyền. Quân Đức lúc này dù chưa nhận ra cuộc triệt thoái nhưng nhờ pháo sáng cũng phát hiện được các hoạt động diễn ra trên sông. Đạn pháo và cối bắt đầu rót xuống. Nhiều thuyền bị thủng và lật úp. Người rơi xuống nước kêu cứu. Còn số khác, đã chết thì trôi đi. Những binh sĩ bị thương bám chặt vào các mảnh vỡ cố bơi sang bờ nam. Nửa số thuyền đã bị phá hủy trong vòng 1 tiếng đồng hồ, tuy nhiên việc qua sông vẫn được tiếp tục.

Khi thiếu tá Geoffrey Powell ra được tới bờ sông sau 1 đoạn đường dài, anh cứ ngỡ đợt di tản đã kết thúc. Có 1 chiếc thuyền đang nhấp nhô nửa nổi nửa chìm trên mặt nước. Powell lội ra xem. Thuyền thủng lỗ chỗ, mấy lính công binh trên đó đều chết. Khi 1 số lính của ông vừa tách ra để bơi thì bỗng từ trong bóng đêm hiện ra 1 chiếc thuyền. Powell nhanh chóng gom quân lại rồi cho 1 số lên thuyền còn mình cùng những người còn lại đợi cho đến khi chiếc thuyền quay lại. Đứng trên bờ nam sông, Powell quay lại nhìn về bờ bắc hồi lâu. "Cuối cùng rồi cũng đã qua được sông. Tôi chẳng thể tin là mình còn sống." Quay sang 15 người lính bắn thủ của mình, Powell lệnh: "Xếp làm 3 hàng" rồi dẫn họ bước đều về khu vực đón quân. Khi tới gần ngôi nhà, Powell hô lớn: "Tiểu đoàn 156. Đứng lại! Bên phải quay! Giải tán!". Anh đứng trong mưa nhìn họ đi về chỗ ở. "Mọi chuyện đã kết thúc. Vì Chúa mà chúng tôi đã xông vào rồi rút ra. Thật đáng tự hào."

Khi chiếc thuyền chạt ních chở tướng Urquhart chuẩn bị sang sông thì nó lại mắc lầy. Lính cần vự của ông là Hancock liền nhảy xuống đẩy. Urquhart kể: "Cậu ấy đẩy thuyền vượt qua khỏi vũng lầy, nhưng đến khi vất vả leo lên lại thì có ai đó lại hô lớn: "Đi thôi! Thuyền quá tải rồi". Đúng là đồ vơ ơn. Hancock cứ mặc kệ, lấy hết sức bình sinh và đu lên thuyền."

Dưới làn đạn súng máy, Urquhart mới qua được nửa sông thì máy thuyền bỗng giật cục rồi tắt ngóm. Chiếc thuyền trôi theo con nước; với Urquhart thì " dường như có 1 khoảng thời gian dài bất tận trước khi máy nổ lại." Họ tới được bờ nam ít phút sau đó. Ngoài lại,

Urquhart thấy những luồng đạn của quân Đức đang quất xuống mặt sông. Ông nói: "Tôi ko nghĩ chúng biết mình đang bắn vào những cái gì."

Trong những trảng cỏ, rừng cây trên bờ sông, có hàng trăm người đang chờ đợi. Hiện giờ chỉ còn nửa số thuyền vẫn còn hoạt động dưới hỏa lực súng máy bắn rát. Cái nút cổ chai mà Urquhart từng lo sợ đã xảy ra. Đám đông ngày càng tăng thêm, dù ko có hoảng loạn nhưng nhiều người vẫn cố dẫn lên trước. Các sĩ quan, hạ sĩ quan phải hết sức cố gắng để ngăn họ lại. Hạ sĩ nhất Thomas Harris, tiểu đoàn 1 nhớ lại: "Có hàng trăm người đang chờ để qua sông. Nhiều thuyền có đông người đến mức ko thể chạy nổi." Lúc này đạn cối Đức đã vào gần khu vực xuống thuyền hơn. Harris cùng nhiều người khác đã quyết định bơi qua bên kia. Anh cởi áo cùng giày trần ra, ngụp xuống dòng nước và rất ngạc nhiên khi thấy mình đã bơi qua được.

Nhiều người khác lại chẳng may mắn như thế. Khi pháo thủ Charles Pavey ra tới bến sông thì chỗ này đang bị súng máy quất tới tấp. Trong số đông đang đứng trên bờ có 1 người tiến ra bơi về phía Pavey. Mặc kệ đạn réo xung quanh, anh này nhô đầu lên thở hỗn hển nói "Ơn chúa! Con sang được rồi." Pavey nghe có người nói: "Đồ ngốc. Cậu vẫn ở bờ bên này đó."

Trung sĩ Alf Roullier, người đã xoay xở nấu món hầm cho mọi người hôm chủ nhật, lúc này cũng đang cố gắng bơi trên sông. Đang chơi vơi trong làn nước thì có 1 chiếc thuyền chạy đến cạnh rồi có người nắm cổ áo mình. Anh nghe người này nói: "Tốt rồi, anh bạn. Tiếp tục

đi. Tiếp tục."Roullier đã hoàn toàn mất phương hướng. Anh nghĩ chắc mình chết đuối mất thôi thì cái giọng ấy lại cất lên "Giỏi đấy, anh bạn già." và tay công binh Canada kéo anh lên thuyền. Roullier bàng hoàng lắm lắm: "Tôi đang ở chỗ quái nào thế?" trong khi tay Canada cứ nhe răng ra cười. Anh ta bảo: "Về nhà tới nơi rồi."

Trời sắp rạng, anh lính thông tin James Cockrill vẫn cùng điện đài ngồi dưới hiên khách sạn Hartenstein thì bỗng nghe có tiếng nói thầm giục giã: "Nào, gà con. Đi thôi". Khi những người lính đang đi ra sông thì bất ngờ nghe có tiếng nổ lớn. Cockrill thấy nách và cổ bị cái gì giạt mạnh. Khẩu súng Sten anh đeo sau lưng đã bị mảnh đạn làm toác 1 đường rộng. Tới gần bờ sông, nhóm của Cockrill đi ngang qua mấy phi công tàu lượn đang đứng trong bụi rậm. 1 người nói: "Khi nào bọn tôi bảo mới được đi. Bọn Đức có 1 khẩu Spandau (đại liên MG42. ND) khống chế chỗ này, đạn của nó đi ở tầm ngang hông ta." Dưới sự chỉ dẫn của mấy phi công, từng người 1 chạy hết tốc lực về phía trước. Khi đến lượt mình, Cockrill khom người xuống rồi bắt đầu chạy rồi ngã đè lên 1 đồng người. Anh nhớ lại: "Có từ 20-30 người. Tôi nghe thấy có nhiều tiếng gọi mẹ, những người khác thì van xin chúng tôi đừng bỏ bọn họ lại. Nhưng chúng tôi chẳng thể nào dừng lại." 1 trái pháo sáng bùng lên chỗ bờ sông, súng máy bắt đầu quạt lia lia. Cockrill nghe có tiếng gọi mọi người ai biết bơi thì ra bơi. Anh lao xuống dòng nước lạnh buốt, cố bơi vượt qua đám người đang hốt hoảng lặn hụp chung quanh.

Đột nhiên Cockrill nghe thấy có tiếng nói: "Tốt rồi anh bạn, đừng sợ. Tôi tóm được cậu rồi." 1 lính Canada kéo anh lên thuyền. Ít giây sau

Cockrill nghe tiếng đáy thuyền chạm vào bờ. Anh kể "tôi tí nữa thì khóc khi nhận ra mình bị đưa trở lại nơi xuất phát." Chiếc thuyền vào trong bờ để thu thập thương binh. Các binh sĩ quanh đó cũng tham gia đưa người lên thuyền, Cockrill còn nhớ khi chiếc thuyền khởi hành, thì tứ phía đều có người vội vã trèo lên. Dù thuyền bị quá tải và phải chạy dưới làn đạn địch. Những lính Canada vẫn lái nó sang được đến bờ bên kia. Sau những giờ kinh hoàng dưới hiên nhà và chuyển đi đầy ác mộng trên mặt nước, Cockrill cảm thấy rất ngạc nhiên: "khi thấy mình đang ở trong 1 nhà kho và được ai đó đưa cho điều thuốc." Thế rồi Cockrill nhớ 1 điều. Anh cố gắng lục túi áo và lấy ra viên đạn duy nhất mình có: viên đạn giả cỡ 0.303 có chứa bản mật mã liên lạc.

Ngay trước 2g sáng số đạn được còn lại của sư đoàn 1 Không vận đã được cho nổ tung. Các pháo thủ của Sheriff Thompson bắn hết những viên đạn pháo cuối cùng rồi phá hủy bộ khóa nòng. Hạ sĩ Percy Parkes cùng số lính còn lại trong khẩu đội được lệnh rút. Parkes hết sức ngạc nhiên vì chưa từng nghĩ đến chuyện phải triệt thoái. Anh cứ ngỡ mình sẽ ở lại cho đến khi quân Đức tràn ngập vị trí. Đến khi ra tới sông anh còn thấy ngạc nhiên hơn nữa. Khu vực đang kẹt cứng với hàng trăm con người, có người nói thuyền đã bị chìm hết cả. Người lính đứng cạnh Parkes hít 1 hơi thật sâu rồi nói: "Có vẻ bọn mình sẽ phải bơi." Parkes dăm dăm nhìn ra sông "Nó rộng quá. Nước đang dâng cao và chảy rất xiết. Tôi chẳng nghĩ mình bơi qua nổi. Tôi thấy nhiều binh sĩ mặc nguyên quần áo nhảy xuống rồi bị nước cuốn đi. Những người khác thì đơn giản là bị bắn gục khi đang bơi. Tôi thấy 1 gã vượt sông bằng 1 tấm ván, lưng vẫn đeo ba lô. Nếu anh ta

làm được thì tôi cũng có thể làm thế."

Parkes lột hết chỉ mặc độc cái quần cụt và bỏ hết đồ lại kể cái đồng hồ quả quýt bằng vàng của mình. Giòng nước khiến chiếc quần bị tụt, anh liền đập phăng nó luôn. Anh bơi qua được bờ bên kia. Ẩn trong các bụi cây và khe rãnh, rốt cục anh cũng tới 1 cái trang trại nhỏ bỏ hoang. Parkes mò vào tìm quần áo. Sau đó vài phút, anh gặp 1 binh nhất thuộc tiểu đoàn Dorsets, người này chỉ đường cho anh về nơi tập kết. Tới đây anh được phát cho 1 cốc trà nóng cùng mấy điều thuốc lá. Phải mất 1 lúc lâu thì anh chàng Parkes đang mệt đứt hơi mới hiểu được lý do vì sao mọi người cứ nhìn mình chằm chằm. Anh đang mặc cái áo thun thể thao màu sắc lòe loẹt và chiếc quần thùng của phụ nữ.

Binh nhất Alfred Dullforce của tiểu đoàn 10 trần truồng bơi sang tới bờ nam nhưng vẫn đem theo khẩu súng lục cỡ nòng 0.38. Anh rất bối rối khi thấy trong đám lính trên bờ có 2 phụ nữ. Dullforce chỉ muốn "lùi lại, trốn trong làn nước". 1 phụ nữ gọi rồi đưa cho anh cái váy. Anh nhớ lại "Cô ấy chẳng thèm chớp mắt khi thấy tôi đang ở truồng. Cô bảo tôi ko phải lo vì họ ra đây là để giúp đỡ những người vượt sông." Mặc cái váy hoa hòe hoa sói dài tới gối, Dullforce lên 1 xe tải Anh chở những người lính sống sót về Nijmegen.

Lúc này thì quân Đức bắt đầu nã đạn cấp tập xuống bến vượt, đạn cối rơi xuống ầm ầm. Khi thiếu tá hải quân Arnoldus Wolters chạy đến sau 1 hàng người đang đợi thuyền, thì có quả đạn nổ tung ngay giữa họ. Wolters nhớ lại "Tôi thì hoàn toàn chẳng bị gì nhưng xung quanh

có 8 người chết và 1 bị thương nặng". Anh tiêm cho người này 1 liều morphin rồi khiêng cậu ta ra thuyền. Chiếc thuyền đã quá tải chẳng còn chỗ nào cho Wolters nữa. Anh đành lội xuống bước bám vào mạn thuyền và nương theo nó qua sông. Lão đảo lên tới được bờ nam thì anh ngã quỵ.

Đến bình minh thì đoàn thuyền sơ tán gần như đã bị phá hủy hết. tuy nhiên lính công binh Canada và Anh vẫn mặc kệ pháo, cối và đạn súng máy địch, tiếp tục dùng những thuyền còn lại đưa người qua sông. Binh nhất Arthur Shearwood, tiểu đoàn 11, thấy lính Canada đưa mấy thương binh lên 1 chiếc thuyền nhỏ. 1 lính Canada ra dấu cho Shearwood leo lên thuyền. Động cơ không nổ. Lính Canada yêu cầu tất cả những người còn đem theo súng trường lấy ra chèo thuyền đi. Shearwood vỗ vai người ngồi phía trước nói. "Nào ta bắt đầu chèo thôi." Anh kia nhìn Shearwood vẻ vô hồn rồi chỉ vào cái vai quấn đầy băng của mình nói "Ko được đâu. Tôi đã mất 1 tay rồi."

Đến rạng sáng thì thiếu tá Robert Cain đã đưa tất cả người của mình qua sông hết. Nhưng đến khi anh cùng thượng sĩ "Robbo" Robinson đứng trên bờ sông chờ đợi thì lại chẳng thấy chiếc thuyền nào xuất hiện. Có người trong nhóm lính khác chỉ 1 chiếc thuyền bị thủng nhẹ đang nhấp nhô trên mặt nước. 1 binh sĩ bơi ra kéo nó vào. Cain và Robinson bắt đầu dùng báng súng chèo thuyền trong khi mấy người còn mũ sắt lo tát nước. Sang đến bờ nam, 1 quân cảnh chỉ cho họ đường đến cái nhà kho. Người đầu tiên anh nhận ra trong đó chính là đại tá Hicks. Ông đại tá nhanh chóng bước đến nói: "Coi này, ít ra ở đây cũng có 1 sĩ quan đã cạo râu." Cain nở nụ cười mệt mỏi đáp: "Tôi

được giáo dục tốt mà, sếp."

Bên chu vi phòng thủ vẫn còn nhiều binh sĩ túm tụm đội mưa dưới hỏa lực quân Đức. Dù có vài thuyền đã cố sang sông dưới màn khói ngụy trang thì tới giờ, trong ánh sáng ban ngày, việc sơ tán ko thể tiếp tục được nữa. Trong số lính cố bơi sang có nhiều người đã bị dòng nước chảy xiết cuốn đi hoặc bị đánh đạn súng máy. Những người khác thì vẫn vượt qua được. Những người còn ở lại, do bị thương nặng ko thể làm gì được, đành ngồi bất lực dưới mưa to hay quay về các bệnh xá trong chu vi phòng thủ. Nhiều binh sĩ lại quyết định lần trốn chờ đến tối vượt sang bờ đối diện. Cuối cùng thì số này cũng đã thoát được.

Tại Driel và trên bờ nam, những người lính bắn thủ, kiệt sức đi tìm lại đơn vị - hay những gì còn lại của đơn vị mình. Trung sĩ Stanley Sullivan, đơn vị dù tiền sát, người đã viết giòng chữ thách thức trên tấm bảng đen của trường học, còn nhớ có người hỏi: "Tiểu đoàn 1 đâu?". Có anh hạ sĩ lập tức đứng nghiêm đáp: "Đây ạ, thưa sếp." Cạnh anh là 1 nhóm người bắn thủ đang đau đớn cố đứng lên. Pháo thủ Robert Christie cứ lang thang khắp nhiều nhóm binh sĩ để tìm số lính cùng pháo đội. Không thấy ai quen mặt cả. Christie bỗng cảm thấy chảy nước mắt. Anh chẳng gặp ai thuộc pháo đội 2 ngoài mình cả.

Trên đường đến Driel, tướng Urquhart đi ngang qua bộ chỉ huy của tướng Thomas. Ông ko chịu vào mà cứ đứng ngoài mưa đợi các phụ tá thu xếp phương tiện vận tải. Khi Urquhart đang đứng chờ bên

ngoài có chiếc xe jeep từ bộ tư lệnh của tướng Browning trở tới. 1 sĩ quan hộ tống Urquhart về Quân đoàn bộ. Ông cùng nhóm tùy tùng được đưa đến 1 tòa nhà nằm ở ngoại ô phía nam Nijmegen. Urquhart kể: "Thiếu tá Harry Cator, trợ lý của Browning, chỉ 1 căn phòng và đề nghị bọn tôi thay quần áo ướt ra." Vị tướng kiêu hãnh người Scotland đã từ chối "Tôi thật vô lý khi muốn Browning nhìn thấy mình trong tình trạng vốn dĩ thế này." Sau 1 hồi chờ đợi thì Browning xuất hiện. "trong bộ dạng ko chê vào đâu được". Urquhart nghĩ, ông ta trông như "vừa mới đi duyệt binh về chứ ko phải đang ở trong 1 trận đánh nữa". Urquhart nói với vị chỉ huy Quân đoàn đơn giản thế này: "Xin lỗi vì mọi việc đã ko diễn ra như tôi đã kỳ vọng." Browning rót cho ông 1 ly rượu và đáp: "Anh đã làm hết sức của mình rồi." Sau đó, trong phòng ngủ dành cho mình, Urquhart mới nhận thấy mình chẳng tài nào chợp mắt được dù đã khao khát bấy lâu nay. Ông nói: "Còn quá nhiều mối trăn trở trong trí óc và lương tâm. "

Thực sự có rất nhiều điều cần phải suy nghĩ. Sư đoàn 1 Không Vận đã chở thành vật hy sinh và bị tận diệt. Lực lượng 10.005 quân lúc đầu của Urquhart giờ chỉ còn lại 2.163; cùng với 160 lính Ba Lan và 75 lính Dorsets vượt được sông Rhine trở về. Sau 9 ngày sư đoàn có khoảng 1.200 tử trận; 6.642 bị thương, bị bắt hoặc mất tích. Sau này được biết là quân Đức cũng phải chịu thiệt hại nặng nề: số thương vong là 3.300 người, trong đó có 1.100 chết.

Chuyến phiêu lưu ở Arnhem đã chấm dứt cùng chiến dịch Market-Garden. Chẳng còn làm được gì hơn ngoài việc rút về để củng cố. Cuộc chiến sẽ vẫn tiếp tục cho đến tận tháng 5 năm 1945. 1 sử gia Hoa Kỳ đã viết sau này rằng: "Chiến dịch đổ bộ đường không lớn nhất

chiến tranh Thế giới thứ 2 đã kết thúc trong thất bại. Dù cho Montgomery khẳng định nó đã thành công đến 90%, thì tuyên bố ấy cũng chỉ là cách nói an ủi mà thôi. Phải chiếm được Arnheim thì mới giành được thắng lợi, còn ko thì những mục tiêu khác cũng chẳng để làm gì cả. Đối lại sự hy sinh, anh dũng vô bờ ấy, quân Đồng minh chỉ lần thêm được có 50 dặm - chẳng đi được tới đâu cả."*

*Tiến sĩ. John C. Warren, Các chiến dịch đổ bộ đường không tại châu Âu trong chiến tranh TG 2, trang 146.

Có lẽ do ko dự đoán được số người đi thoát nên xe cộ để chuyên chở những binh sĩ sống sót, kiệt sức đã bị thiếu hụt. Nhiều người sau khi đã phải chịu đựng đủ điều cơ cực nay lại phải cuốc bộ về Nijmegen. Đại úy Roland Langton, tiểu đoàn Cận vệ Ireland, đứng trên đường trong mưa lạnh nhìn sư đoàn 1 Không Vận trở về. Khi thấy hàng người mệt nhoài, cẩu bần bước chệnh choác ấy, Langton bỗng lùi lại. Dù biết tiểu đoàn mình đã cố hết sức trong việc tiến quân trên xa lộ từ Nijmegen đến Arnheim, nhưng anh vẫn cảm thấy bứt rứt và "rất ngượng ngịu khi phải nói chuyện với họ".

Khi đoàn quân đi ngang qua 1 lính Cận Vệ Ireland khác đang lặng lẽ đứng bên vệ đường, có anh lính đã hét lên: "Mày đã ở chỗ quái nào vậy hử?". Anh lính Cận vệ nhỏ nhẹ trả lời: "Bọn tôi đã chiến đấu suốt 5 tháng rồi đó." Hạ sĩ nhất William Chennell, lính Cận vệ nghe tay lính dù kia nói: "Vậy à? Thế sao ko tiến nữa đi?" Trong lúc đoàn người lũ lượt đi qua, có 1 sĩ quan đã đứng ngoài mưa suốt nhiều giờ để tìm người quen. Đó là đại úy Eric Mackay, người đã cùng số lính

tụt lại chiến đấu anh dũng trong ngôi trường gần cầu Arnhem, rồi vượt thoát về đến Nijmegen. Giờ đây anh muốn tìm lại những thành viên trong đại đội. Hầu hết số binh sĩ trên đều chưa đến được cầu Arnhem, nhưng Mackay vẫn buống binh cố tìm ra người của mình trong dòng lính dù từ Oosterbeek đến. Anh nói về những người lính "Sợ nhất là nhìn vào mặt họ. Tất cả đều có vẻ cực kỳ rầu rĩ và mệt mỏi. Tuy nhiên đó đây vẫn có thể thấy mặt những cựu binh, với vẻ mặt ko lẫn vào đâu được. Nếu ko nhìn vẻ bề ngoài thì chẳng thể nghĩ rằng họ vừa bị đánh toi tả cả." Mackay đã ở trên đường từ suốt đêm cho tới tận sáng. "Chẳng thấy khuôn mặt thân quen nào hết. Càng nhìn tôi càng cảm thấy chán ghét tất cả. Ghét những người chịu trách nhiệm vì việc này, ghét lục quân vì sự lừng khừng của họ. Tôi nghĩ đã có rất nhiều sinh mạng và cả 1 sư đoàn giỏi đã bị mang ra phung phí. Làm vậy để làm gì?" Trời sáng bạch, Mackay mới quay về Nijmegen. Tại đây anh bắt đầu tìm kiếm từng điểm thu dung, từng nơi lưu trú, quyết tìm cho ra quân của mình. Với 200 lính công binh thuộc đại đội mình, chỉ còn 5 người, trong đó có cả Mackay, trở về được.

Phía bên kia sông vẫn còn những binh sĩ và thường dân do nhiệm vụ hoặc thương tích mà phải ở lại. Những toán lính ko kịp đi theo cũng thế, họ chui xuống chiến hào, công sự giờ đây ko người bảo vệ. Số người còn lại này chẳng còn tia hy vọng nào nữa. Họ ngồi trong chu vi phòng thủ phó mặc mọi việc cho số mệnh.

Anh lính quân y Taffy Brace dẫn số thương binh cuối cùng còn đi được ra đến bờ sông thì đã thấy nơi đây đã vắng ngắt thuyền bè.

Đang đứng túm tụm với nhau chợt Brace thấy có viên đại úy bước tới. Người sĩ quan hỏi Brace: “Làm sao bây giờ? Sẽ chẳng có chiếc thuyền nào nữa đâu.”. Brace nhìn các thương binh rồi nói: “Chắc phải ở lại thôi. Tôi ko thể bỏ họ mà đi được.” Viên đại úy đưa ta ra bắt rồi bảo cả bọn “Chúc các cậu may mắn. Tôi sẽ thử bơi sang bên kia”. Khi nhìn người sĩ quan lợi ra dòng nước, Brace gọi: “Chúc anh may mắn. Tạm biệt.”

Đối với thiếu tá Guy Rigby-Jones, bác sĩ ở Tafelberg thì “việc sư đoàn ra đi thật là 1 quả đắng khó mà nuốt nổi”, tuy nhiên ông vẫn thực hiện chức trách của mình. Rigby-Jones cùng đội quân y rà soát nhà cửa trong khu vực khách sạn để đem thương binh về. Họ không thương binh đến điểm tập kết, đưa họ lên các phương tiện chuyên chở của Đức rồi trèo lên theo, cùng đi về nơi giam giữ.

Cha tuyên úy Pare ngủ ở Schoonoord suốt cả đêm. Khi tỉnh giấc ông liền cảm thấy có điều gì rất kỳ quái đã xảy ra. Rồi ông nhận ra 1 sự tĩnh lặng lạ thường. Vội vã chạy vào 1 căn phòng, ông nhìn thấy 1 lính cứu thương đang đứng bên cửa sổ, ko thém ẩn nấp gì hết. Khi Pare tới gần thì anh lính quân y quay lại nói: “sư đoàn đi hết rồi.” Pare, chẳng được ai báo cho biết chuyện di tản, nhìn anh này chòng chọc. “Cậu điên à, bây?”. Anh kia lắc đầu: “Nhìn ông coi kìa sếp. Chúng ta sắp thành tù binh bây giờ. Ông tướng cũng đã phải rút lui.” Cha Pare vẫn ko thể tin nổi. Tay lính cứu thương nói: “Thưa sếp, ông phải báo tin này cho thương binh. Tôi chẳng đủ can đảm ra nói với họ đâu.” Pare đi 1 vòng khách sạn. Ông nhớ lại: “mọi người vẫn cố giữ bình tĩnh nhưng tinh thần thì đều đã suy sụp.” Sau đó trong còn

phòng lớn, nơi che chở cho hầu hết thương binh, 1 người lính tới ngồi chỗ chiếc đàn piano và bắt đầu chơi 1 liên khúc các bản nhạc đang thịnh hành. Mọi người bắt đầu hát và cha Pare cũng nằm trong số ấy.

Cha Pare nói: “Chuyện này thật khó hiểu sau những ngày cuối cùng đầy cay đắng ấy. Quân Đức cũng ko sao hiểu được. Nhưng thật ra cũng dễ dàng lý giải thôi. Trạng thái hồi hộp, cảm giác bị bỏ rơi đã tạo thành 1 phản ứng bùng nổ và chẳng còn biết làm gì hơn ngoài ca hát.”

Sau đó, Hendrika van der Vlist cùng những người dân Hà Lan bắt đầu chuyển đi tới giúp thương binh trọng các bệnh viện của quân Đức. Cha Pare lưu luyến vẫy tay từ biệt họ. “Họ đã đồng cam cộng khổ với chúng tôi, chịu đựng đói khát đến quên cả bản thân mình,” Khi chiếc xe cứu thương cuối cùng đi khỏi, cha Pare cùng các nhân viên y tế cũng đưa số đồ đạc ít ỏi của mình lên 1 chiếc xe tải Đức. Ông nhớ lại: “Bọn Đức cũng tới giúp, trông có vẻ tò mò hơn là thù địch. Chẳng ai nói gì hết.” Khi chiếc xe lăn bánh, cha Pare đắm chiêu nhìn đồng đồ nát của Schoonoord “nơi đã xảy ra nhiều phép lạ.” Ông “vẫn tin chắc chỉ cần 1,2 ngày nữa, hay có thể là đêm mai. Tập đoàn quân 2 sẽ vượt sông Rhine và tái chiếm khu vực này.”

Ở bên kia đường, Kate ter Horst cũng đã nói xong lời từ biệt với những người bị thương, và giờ đã trở thành tù binh. Cùng với 5 đứa con và chiếc xe kéo tay, chị bước ra rồi đi bộ đến Apeldoorn. Đi được 1 đoạn, chị đứng lại ngoái nhìn ngôi nhà cổ đã từng là nhà mình. Chị viết: “1 tia nắng đang chiếu vào chiếc dù màu vàng nhạt đang treo

trên mái ngôi nhà. Màu vàng nhạt...1 lời chào từ lính nhảy dù...Tạm biệt, các bạn....cầu Chúa phù hộ các anh.”

Cô gái trẻ Anje van Maanen cũng đang trên đường tới Apeldoorn để tìm cha. Những xe chữ thập đỏ, xe cứu thương chở thương binh từ Tafelberg cũng đang chạy vượt qua cô. Anje cùng bà dì và người anh đứng nhìn những khuôn mặt thân quen mà cô đã chăm sóc suốt 1 tuần. Và rồi trong 1 chiếc xe tải chạy ngang cô nhận ra có cha mình trên đó. Cô hét lên gọi cha rồi bắt đầu chạy theo. Chiếc xe dừng lại và bác sĩ van Maanen leo xuống đón gia đình mình. Ôm chặt mọi người ông nói: “Chúng ta chưa bao giờ nghèo quá và cũng chẳng thể nào giàu. Ta đã mất hết nhà cửa, tài sản và cả ngôi làng. Nhưng ta vẫn còn nhau và đều còn sống cả.” Khi bác sĩ van Maanen quay lại xe tải để chăm lo thương binh, ông hẹn sẽ gặp lại gia đình ở Apeldoorn. Đi cùng hàng trăm người tị nạn khác, Anje ngoái đầu nhìn lại. Cô viết “Bầu trời đỏ sẫm, giống như máu của những người lính dù đã hy sinh vì chúng tôi. Cả 4 chúng tôi đều còn sống, nhưng trận đánh tuyệt vọng này đã để lại trong tôi 1 ấn tượng khó phai nhòa. Vinh quang cho tất cả những gì thân yêu, cho những chàng Tommy dũng cảm và cho tất cả những người hy sinh thân mình để giúp đỡ, cứu sống kẻ khác.”

Tại Driel, Cora Baltussen thức giấc trong sự yên tĩnh lạ kỳ. Lúc đó đã là giữa buổi sáng ngày thứ 3, 26/9. Vừa đau vì những vết thương, vừa bối rối trước khung cảnh tĩnh mịch, Cora khập khiễng bước ra ngoài. Khói vẫn đang bốc lên giữa thị trấn và ở Oosterbeek, bên kia sông, nhưng tiếng ồn của trận chiến thì chẳng còn nữa. Cora lấy xe đạp rồi

từ từ đạp về phía thị trấn. Phố xá vắng tanh, lính tráng đã đi đâu cả. Cô nhìn thấy xa xa những chiếc xe cuối cùng đang phóng về phía nam tới Nijmegen. Chỉ còn thấy mấy người lính trên vài chiếc xe jeep là còn nán lại gần 1 ngôi nhà thờ đổ nát ở Driel. Cora bỗng nhận ra rằng, quân Anh và quân Ba Lan đang triệt thoái. Trận đánh đã kết thúc. Lính Đức sẽ quay lại. Khi cô bước tới gần toán lính nhỏ thì chuông của nhà thờ bị tàn phá bắt đầu rung lên. Cora ngược lên nhìn. Có 1 lính dù đầu quấn băng, đang ngồi trên tháp chuông. Cora gọi hỏi “Có chuyện gì vậy?”. Anh lính hét lớn “Kết thúc cả rồi. Chấm dứt. Bọn tôi phải rút ra. Đây là những người cuối cùng.” Cora nhìn anh chăm chăm: “Thế sao anh lại rung chuông?”. Người lính lại lấy chân đạp cái chuông lần nữa. Tiếng chuông vang vọng khắp cái thị trấn Hà Lan cả ngàn năm tuổi rồi mới tắt. Anh lính cúi xuống nhìn Cora rồi nói: “Có lẽ đó là điều đúng đắn nên làm.”

Theo quan điểm chủ quan của tôi, nếu như chiến dịch được ủng hộ hết sức ngay từ đầu, được cung cấp đầy đủ máy bay, binh sĩ và các nguồn lực cần thiết – thì nó đã thành công bất chấp những sai lầm của tôi, hay thời tiết xấu, hay việc quân đoàn II xe tăng SS có mặt trong khu vực Arnhem. Tôi vẫn ủng hộ MARKET-GARDEN mà ko hề thấy hối tiếc.

Thông chế, hiệp sĩ BERNARD MONTGOMERY

Hồi ký: Montgomery của Alamein, trang 267

“Đất nước tôi chẳng bao giờ đủ khả năng phục vụ lần nữa cho những chiến thắng xa xỉ của Montgomery.”

BERNHARD, hoàng thân Hà Lan viết cho tác giả.

CHÚ GIẢI VỀ CON SỐ THƯƠNG VONG

Số lượng thương vong của lực lượng Đồng Minh trong chiến dịch Market-Garden còn lớn hơn cả cuộc đổ bộ vĩ đại ở Normandy. Hầu hết các sử gia đều đồng ý tổng số tổn thất của quân Đồng Minh trong khoảng thời gian 24 tiếng của ngày D, mùng 6 tháng 6 năm 1944, là vào khoảng 10.000 đến 12.000 người. Trong 9 ngày của chiến dịch Market-Garden, tổng thiệt hại – của cả quân dù và lực lượng mặt đất – lên tới hơn 17.000 người bị giết, bị thương và mất tích.

Quân Anh bị thương vong nặng nhất: 13.226 binh sĩ. Sư đoàn của Urquhart gần như hoàn toàn bị tiêu diệt. Trong số 10.005 người tại Arnhem, bao gồm cả lính Ba Lan và phi công tàu lượn, tổng số thương vong là 7.578. Ngoài số này ra còn có thêm 294 phi công cùng phi hành đoàn của Không quân Hoàng gia nữa; nâng tổng số bị thương, bị chết và mất tích lên 7.872 người. Quân đoàn 30 của Horrocks mất 1.480 binh sĩ. Các quân đoàn 8 và 12 thiệt hại 3.874.

Con số thương vong của quân Mỹ, gồm cả phi công tàu lượn và của sư đoàn Không quân vận tải IX (IX Troop Carrier Command) được đưa ra là 3.974. Sư đoàn Không vận 82 của tướng Gavin mất 1.432 lính. Sư đoàn Không vận 101 của tướng Taylor mất 2.118. Tổn thất của các phi hành đoàn là 424 người.

Vẫn chưa biết được con số đầy đủ bên phía Đức nhưng họ thừa nhận số tổn thất ở Arnhem và Oosterbeek là 3.300 quân, trong đó có 1.300 chết. Tuy nhiên thiệt hại của Model trên toàn bộ chiến trường Market-Garden còn cao hơn nhiều. Không có con số cụ thể về số quân đối phương tử trận, bị thương và mất tích trong cuộc đột phá ở Neerpelt và trong các trận đánh dọc theo hành lang ở Nijmegen, Grave, Veghel, Best và Eindhoven. Qua phỏng vấn các chỉ huy quân Đức, tôi dè dặt ước tính tổn thất của Cụm tập đoàn quân B ít nhất là từ 7.500 cho đến 10.000 quân và có lẽ trong đó có ¼ là chết.

Số thường dân Hà Lan bị thương vong là bao nhiêu? Chẳng ai có thể nói được. Những trường hợp tử vong ở Arnhem và Oosterbeek được cho là khá thấp, chưa đến 500, nhưng ko ai có thể khẳng định chắc chắn. Tôi đã nghe về con số thương vong được đưa ra trong toàn chiến dịch Market-Garden – gồm chết, bị thương và mất tích – và hậu quả của việc cưỡng bách di tản khỏi khu vực Arnhem cùng sự thiếu thốn, đói khổ trong mùa đông khủng khiếp sau trận chiến là 10.000 người.

HẾT